

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

QUỐC SƯ

tập lục



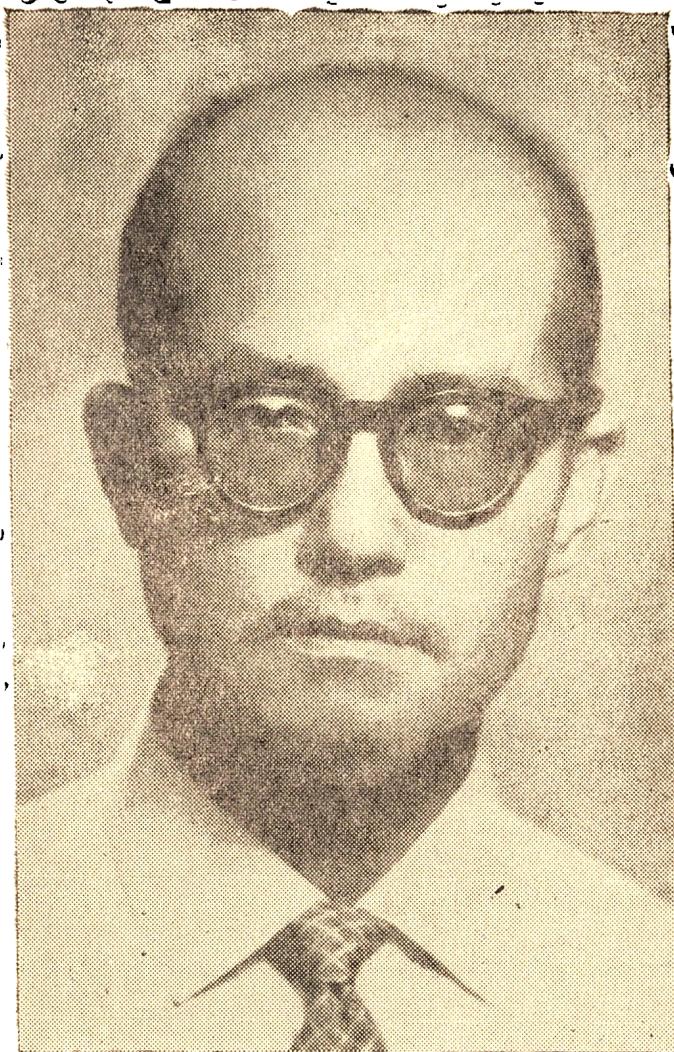
Nhà sách KHAI-TRÍ
62, Đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON

QUỐC-SƯ TẬP LỰC

NGUYỄN - THIỆU - LÂU

QUỐC-SƯ
TẠP LỤC

Nhà sách KHAI-TRÍ
62, Đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON



NGUYỄN THỊ LÂU

Sinh ngày 4-1-1916

Tử ngày 19-8-1967

Tiểu Sử

Sinh ngày 04 tháng 01 năm 1916 tại làng Mộc Hạ-đình, tổng Khương-đình, huyện Thanh-Tri, tỉnh Hà-đông. Ông thân sinh tên Nguyễn-thiệu-Khuê (Khê), Tham-sự Lục-lộ, ông nội là cụ Nguyễn-khắc-Chuẩn, Đốc-học phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương.

Là con trai thứ hai trong gia đình năm anh em. Người anh cả là Nguyễn-thiệu-Giốc, hiện sống ở Vientiane, Ai-Lao ; còn một người em trai và hai em gái thì thất lạc từ ngày kháng chiến (1945).

Ra đời và lớn lên đi học, cảnh nhà thanh bần, được gửi ra trợ học tại Hà-Nội, nhà cụ Cả Mộc, phố hàng Gai tức là cụ Thượng bà Lê-trung-Ngọc.

Ông học trường Bưởi nhưng thi đậu Tú tài toàn phần Pháp năm 1935.

Thành lập gia đình năm 20 tuổi. Vợ là con gái một thương gia ở phố hàng Đường. Ông được gia đình nhà vợ cấp dưỡng cho sang Pháp ăn học.

Học tại Đại-học-đường Sorbonne, Paris từ 1936 tới 1939, thi đậu năm chứng chỉ cử-nhan về :

— Histoire Moderne et contemporaine	22	Nov.	1937
— Géographie économique	22	Juin	1938
— Géographie	24	Juin	1938
— Géographie coloniale	18	Nov.	1938
— Littérature française	27	Juin	1939

Đáng lẽ còn ở lại tiếp tục học. Nhưng vì bên âu châu có chiến tranh, gia đình sợ bị kẹt nên thúc giục về.

Ông về nước, được bổ giáo-sư trường Khải-Định, Huế năm 1939, thường giao du thân mật với học giả Đào-duy-Anh và thường tiếp xúc với Cha Cadière để tham khảo ý kiến về sú-địa vùng cố đô Huế (xem phần III). Trong dịp này ông có được đến yết kiến các chí sĩ tiền bối Phan-bội-Châu và Huỳnh-thúc-Khang (xem phần I).

Cũng thời khoảng ấy, ông Cœdès, Giám-đốc trường Viễn-đông Bác-cổ Pháp mời ông làm phụ tá, khảo về sú-địa. Ông cộng tác với báo Thanh-Nghị, viết những bài khảo cứu cùng đi dạy học tại các tư thục Gia-Long, Thăng-Lóng và Louis Pasteur. (Cụ Nguyễn-văn-Tố thiếu điều kiện bằng cấp nên không được chức Phụ-tá như ông mà chỉ là Chủ-sự văn-phòng thôi).

Khi Nhật đảo chính Pháp ngày 9-3-1945 ông bị quân đội Nhật bắt cùng với rất đông các nhà tri thức khác và bị giam tại hầm sở dầu Shell tại Hà-nội, đến ngày cách-mạng 19-8-1945 mới được giải phóng. Sự ăn uống thiếu thốn và sự bị ngược đãi, hành hạ có lẽ đã hại đến thần kinh của ông, nên từ sau đó tuy thể xác hồi phục nhưng tinh thần đã dần dần bị ảnh hưởng để đến những năm về sau, từ 1954 trở đi, nhất là sau 1962 thì càng ngày càng trầm trọng.

Sau cách-mạng 1945, chính quyền có việc gay go, giao thiệp với người Pháp muốn đặt chân đứng ở Việt-Nam. Ông được bổ chức Giám-đốc Ngoại-kiều-vụ, giúp việc thông dịch trong những cuộc tiếp xúc Việt-Pháp giữa cụ Huỳnh-thúc-Khang và Tướng Morlière (xem phần I).

Khi toàn quốc kháng chiến xảy ra ngày 19-12-1946 ông đem gia đình theo chính phủ ra khu giữ chức Giám-đốc Nha Thống-kê sưu tầm các tài liệu liên quan đến tài nguyên, nhân và vật-lực quốc gia, cần yếu cho mọi cuộc đàm phán, nếu có.

Ông được dịp đi các tỉnh miền Trung và thượng-du Bắc-Việt để quan-sát tại chỗ về địa-lý. Hồi này ông bị sốt rét ngã nước và té thấp vì ăn uống thiếu thốn và vì khí hậu độc. Nhưng đây lại là dịp may giúp ông viết được những bài khảo cứu về địa-lý thiên nhiên và địa-lý nhân-văn miền Việt-Bắc rất giá trị.

Ngày 30-8-1950 ông đem gia đình về tới Hà-nội, để thoát ly chế độ bạo tàn của Cộng-sản. Chính quyền Pháp sau khi cho ông dưỡng bệnh một tháng tại nhà thương Cống-Vọng, Hà-nội và ba tháng tại nhà thương Cống-vọng, Hà-nội và ba tháng tại nhà thương Đồn-Đất (Grall), Sài-gòn, đã mời ông làm Tổng-thư-ký trường Đại-học Luật-khoa Sài-gòn. Trong thời khoảng này, Cao-Úy Pháp là Champy có đề nghị giúp ông sang Pháp để tiếp tục việc học, nhưng ông từ chối.

Năm 1952 ông ra Hà-nội, trông coi thư viện trường Đại-học. Ông cũng dạy Sử-Địa tại các tư thực Khai-Thành, Hàn-Thuyên và Louis Pasteur.

Năm 1954, cùng những người di-cư khác, ông vào Saigon, tiếp tục trông coi thư-viện và dạy sử-địa ở trường Đại-Học Văn-Khoa, Saigon nhưng vì bất đồng ý kiến với Viện-

Trưởng Viện Đại-Học Saigon, Ông Lassus về việc sử dụng tiếng Việt để dạy học, Ông xin thôi. Không làm việc cho chính quyền nữa. Ông cộng tác với báo Công-Lý (1955), Bông Lúa (1955) Văn-Nghệ tập san (1956) và Chỉ-Đạo (1956).

Từ 1958-1960, Ông được mời làm chuyên-viên Bộ Thông-Tin, đồng thời phụ trách việc dạy sử-ký và địa-lý hàng tuần trên đài phát-thanh Quốc-Gia và cộng tác với báo Bách-Khoa.

Dưới thời Chính-Phủ Ngò-Đinh-Diệm, Ông đã nghênh ngang thoá mạ những người cầm quyền — mà Ông gọi là les Maïs.

Sau khi chế độ này sụp đổ, Ông làm việc tại Viện Khảo-Cổ. Nhưng tới lúc này, sức khoẻ Ông đã suy yếu nhiều rồi.

Năm 1965 Ông sang Lào, sống với người anh ruột ở Vientiane. Tới đầu năm 1967 Ông trở về Saigon.

Từ lúc này trở sau, Ông trở nên yên lặng, ít nói, chỉ suy tư. Và cuối cùng, sau những năm dài chán chường và bất mãn, Ông dứt khoát từ bỏ cuộc sống, Ông nhịn ăn, nhịn uống và chờ chết. Gia đình, vợ con không sao ngăn cản được.

Ông mất ngày 19-8-1967 tại đường đường Saint-Paul, Saigon, sau hơn 50 ngày nhịn đói, để lại vợ và bốn con, một trai ba gái.

Ông đã chết trong cảnh nghèo nàn. Ông Chu-Tử và nhật báo Sống đã quyên tiền để lo việc ma chay, chôn cất Ông.

Công trình khảo cứu sử địa của ông chỉ mới là những tạp ký, tạp lục đăng tải rải rác trên các báo từ 1942 tới 1964. Ông có ý định thu tập cả lại in thành sách Quốc-Sử Tạp Lục nhưng không làm được. Cả một số rất lớn bài viết về Non-nước Việt-Nam (Địa Lý) cùng những bài giảng về sử địa (Những câu chuyện về sử ký và địa lý giữa cô MINH và chú HAI) phát thanh hàng tuần trên đài phát thanh Quốc-Gia (1956, 1958, 1960) cũng hết sức cần cho việc khảo cứu Sử-địa nước nhà.

Trong lúc buồn bực và cô đơn, ông có làm một bài thơ duy nhất bằng Hán-văn nhan đề là « Bi ký » để tự điếu nhại sau :

Bắc-Hà nhân-sĩ thị tinh hoa
Âu Á kiêm thông hảo hợp hoà
Bình nhạt tâm tư hưng quốc-vận
Tâm thời, trí khởi, phục phong ba
Thiên-văn địa-lý suy nhân sự
Đạo-đức cương thường, thiệu thế gia
Khảo cổ, suy tân, tâm bất toại
Ni tai, thiên đoạt Việt kỳ hoa.

(Bài thơ này đã được khắc trên mộ chí của tác giả tại Nghĩa-Trang Bắc-Việt — Gò-Vấp — GIA-ĐỊNH).

GIÒNG GIỐI NGUYỄN-THIỆU-LÂU DƯỚI NGÒI BÚT CỦA CHÍNH ÔNG

Tôi có quen một đại gia-dinh, người Bắc. Thuộc xã nào, huyện nào, tỉnh nào? Độc giả không cần biết, mà chính tôi, tuy quen, cũng không hỏi cẩn kẽ. Tôi chỉ biết rằng đây là con cháu một đại gia đình người Bắc, thuộc tỉnh Hà-Đông.

Tôi thường lại chơi.

Ông chủ nhà là một giáo-viên Tiểu-học...

Trên tường, tôi thấy một đôi liễn treo. Chữ Hán, giấy trắng, mực đen, một đôi liễn, mười chữ sau này :

Nhất định, duy hiếu hữu,
Thiệu thế, tất vinh xuong.

Tôi đọc đôi liễn này.

Sững sốt!

Tôi nói là tôi đi bộ xa lại chơi, xin cho ăn cơm trưa.
Ông ấy đồng ý.

Nguyễn là tôi muốn ở lại hỏi Ông chủ ý nghĩa mười chữ này.



Nhất định, duy hiếu hữu.

Thiệu thế, tất vinh xương.

Tôi tóm tắt câu chuyện của tôi với ông chủ nhà.

Hai câu này, ý nghĩa thế nào, bác ?

— Hai câu này thuộc về gia-phả họ nội tôi là họ Nguyễn, làng Mộc Hạ-Định, Tỉnh Khoong-Định, huyện Thanh-Trì, tỉnh Hà-Đông.

Làng này ở cách Hà-Nội độ 6 cây số, ở về phía tây trái con đường đi từ Hà-Nội vào Hà-Đông, thuộc xã Mộc-Cự.

Nguyễn hồi trước thế kỷ thứ mươi, tất cả các làng Mộc đều là rừng cả. Tên nôm Mộc là do lên chữ Mộc Cụ mà ra. Xã Mộc-Cụ sau chia ra làm nhiều thôn, nào là Chính-kinh, Giáp nhất, nào là Thượng-định, Hạ-định.

Chữ Mộc Cụ xã khiến tôi nghi rằng đây, hồi trước là một cái rừng. Rồi người ta khai phá từng đám một; mỗi một đám riêng khai phá đã biến thành ruộng, dân ở thành một thôn. Tất cả các thôn Mộc đều ở ven theo sông Tô-Lịch. Sông này bây giờ nhỏ lắm vì một mặt không ăn thông với sông Nhĩ-Hà ở miền Đan-phượng nữa vì đê sông Nhĩ-Hà ở miền Sơn-Tây đã được đắp kỹ vào thế kỷ thứ mươi một; một mặt nữa là dân làm ruộng hay trồng rau muống, rau cần, lan xuồng lòng sông, khiến sông bây giờ chỉ là một cái rãnh to mà thôi, mùa mưa tới đầy nước, nhưng nước không chảy, vậy chỉ là một cái hồ dài ăn thông mãi qua làng Bưởi lên tới Hồ-Tây.

Người bạn tôi lục trong đống giấy gác trên xích-đông ra một bản đồ, do sở Địa-Dư vẽ ra, tỷ-lệ 1/100.000.

— « *Đây, bác xem. Làng Mộc Hạ-Đình là một trong năm sáu làng Mộc.*

Ở Hạ-Đình, có năm sáu họ mà họ Nguyễn ở xóm trên là đông hơn cả.

Bác nhớ ở làng Láng gần đây có đèn thờ Đức-Thánh Linh-Lang, đèn thờ các vua nhà Lý. Và tôi nghĩ rằng, sau khi nhà Trần cướp ngôi nhà Lý, con cháu nhà Lý đổi họ Lý ra họ Nguyễn để cầu an.

Nếu họ Nguyễn ở làng Mộc Hạ-Đình là giòng giỗi họ Lý thời làng này thành lập từ lâu lắm. Nhưng thần tích và gia-phả các họ đều mất cả.

— *Thế họ Nguyễn nhà bác có bao nhiêu chi ?*

Trước năm di cư vào Nam này, tôi thường có dịp về làng. Nói ra, đau đớn lắm, bác ạ. Nhà thờ họ, nhà thờ các chi đều bị phá hủy, cả các hàng rào tre cũng bị chặt, trong làng không còn một cái cây cao độ dăm thước, các cây dại mọc lên như rừng, trong đồng gạch vụn.

— *Tại sao lại có sự tang thương như thế ?*

— *Pháp !*

* * *

— *Các chữ « Nhất-Đình, duy hiếu-hữu ; Thiệu-thế, tất vinh-xương », là các đệm cho tên người. Nguyễn là có một gia-dình có mười con trai và mỗi một chữ trong câu đối là một con số chỉ người con trai số thứ mấy.*

Thí dụ người con cả là Nguyễn-Nhất... (giáy), người thứ hai là Nguyễn-đình... (giáy) người thứ ba là

Nguyễn-duy . . . (già đãy) Tên mỗi người con trai có một chữ đệm chỉ số thứ tự. Người thứ mười là Nguyễn-xương . . . (già đãy). Lẽ tất nhiên là chi nào cũng phải giữ chữ đệm mãi mãi, chỉ chữ cuối cùng là thay đổi theo ngũ hành tương sinh.

Và quyền gia phả không phải chỉ ghi tên những người đã chết mà còn ghi trước tên những cháu chắt sau này cho hết sáu đời thời mới quay lại, theo đạo luật ngũ hành.

Sở dĩ có sự đặt tên khắt khe như thế này vì các cụ sợ rằng con cháu sau này đông, làm ăn ở xa, không nhận được nhau. Và có thể trai gái lây lẩn lộn nhau và như thế, phạm vào tội « Loạn luân ». Đáng kỵ nhất.

* * *

Nhất định, duy hiếu hữu,
Thiệu thế, tất vinh xương.

Đây là mười chữ đệm cho mười chi những người trai họ Nguyễn để họ nhớ tới lẽ nghĩa gia-phong :

- Còn con gái ?
- Nữ nhân ngoại tộc.
- Còn con nuôi trai ? Con nuôi gái ?
- Tôi không biết đặt tên như thế nào. Vả lại, gia phả nhà tôi mất rồi . . .
- Còn gia phả nước nǚa...

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

VÀI LỜI VỀ TÁC GIẢ

Nguyễn-Thiệu-Lâu tiên sinh là một người tiêu biểu cho một thế hệ thanh-niên ưu tú sinh chẳng gấp thời, nên phải chịu đựng trong nội tâm tất cả những giầy vò của mâu thuẫn văn hóa Đông Tây.

Ông ý niệm về sự sống theo mắt nhìn và cách nhận định lịch sử của phương pháp mà ông say mê. Có thể nói phần *trí* của ông thoát thai ở cái lò khoa học hợp lý, dứt khoát, sáng sủa, gọn gàng với tất cả những đòi hỏi của nó về điều kiện và hoàn cảnh làm việc. Nhưng phần *tâm* của con người có huyết thống nho sĩ trong giòng họ Nguyễn Thiệu làng Mộc ấy thì luôn luôn giành giựt ông lại bằng tình cảm, bằng những gì bất hợp lý, bằng những gì là nghĩa, là lẽ, là đạo của Á-Đông.

Ông thú thì thú thật. Nhưng tin thì phương pháp khoa học bảo ông không được phép tin. Còn tìm cách phá vỡ cái vỏ trứng cho con gà con nhảy ra, thì ông không phá được, nên bị nghẹt thở.

Cùng thế hệ với ông và cả thế hệ trước nữa, đã nhiều người khắc khoải sống cái bi kịch ấy mà chịu không có một tác phẩm nào cả.

Nguyễn do cũng còn ở ý muốn làm việc cho thật đúng đắn nữa. Chẳng hạn như Cụ Nguyễn-Văn-Tố một

đời người ở giữa rừng tài-liệu, nhưng vì thận trọng, đã chỉ có những tạp ký, tạp lục về sử, đăng rải rác trên báo mà không có xây dựng một tác phẩm dài nào về sử cả. Nguyễn-Thiệu-Lâu tiên sinh hảy giờ cũng vậy.

Tuy nhiên, những công phu tạp ký, tạp lục ấy của hai vị theo nhau về thiên cổ, đã là những tài-liệu quý giá và hết sức cần cho người học sử, viết sử, cả tư tưởng lại lịch sử nữa.

Việc thu tập những tài liệu của ông để in thành sách QUỐC-SỬ TẠP LỤC, theo mong ước thời sinh tiền của ông, đã chẳng phải vì mục đích từ thiện, cầu xin sự thương cảm của đồng bào đọc giả mua sách giúp đỡ dần cho gia-dinh ông. Mà chính thực là để giữ lại một di sản văn hoá, hiếm có cho ai còn chịu khó tiếp tục công việc cho thế hệ sau được nhờ.

* *

Chúng tôi giúp cháu Nguyễn-Thiệu-Quang xếp đặt thành sách này có lẽ cũng do một duyên may: Hồi sinh tiền, ông tìm thấy tài-liệu gì mới, hay có ý kiến và bài viết gì, thì ông thường đem đến chúng tôi để đọc cho nghe, và có nhiều bài còn bắt chúng tôi phải giữ giùm, có khi viết cả lời dặn nữa, sợ chúng tôi để thất lạc.

Rồi đầu năm nay, chúng tôi có đón ông về vườn chờ một tháng để cung cấp tài liệu và phương tiện cho ông viết sách Địa- lý theo ước vọng của ông, nhưng người ông đã yếu lắm, trí nhớ không còn nữa và câu chuyện nói khi tỉnh, khi mê đã như người am phủ nói vậy. Nên không còn vót vát để viết gì được nữa.

Tất cả tinh hoa đền đáp công ơn xã hội của ông chỉ còn kẽ được là những bài viết từ 1962 trở về trước, bắt đầu khoảng năm 1942.

* *

Năm 1942 ấy, chúng tôi gặp ông lần thứ nhứt trong trường hợp đặc biệt là cả hai cùng đau mắt và cùng vào năm ở nhà thương chữa mắt Hà-Nội. Hồi ấy ông là nhân-viên Hội Đô-thành Hiếu-cồ (Association des amis du Vieux Hué) vừa du học ở Pháp về lại dạy học, và viết cho tạp chí Thanh-Nghi. Chúng tôi làm công-chức và viết cho tạp chí Văn-Mới, (Tân Văn Hoá) của nhóm Hàn-Thuyên.

Hai người chúng tôi bị băng mắt, không dùng thị giác, suốt ngày nằm bên nhau rỉ rả nói chuyện, đề cập đến gần hết các vấn đề của sự sống để tìm hiểu nhau. Ông đã tỏ ra là một người thông-minh, tri nhớ mãn tiệp, lại rất ít vọng tâm về chính-trị, và rất ý thức về việc dùng tài học của mình vào việc khảo riêng về Sử Địa thôi.

Một con người lành mạnh và đầy hứa hẹn tương lai như thế không ngờ đâu chỉ một lần bị Quận-đội Nhật bắt giam đầu năm 1945 mà thay đổi dần, cho đến trạng thái dở khôn dở dai, dở tinh dở mè suốt 20 năm.

Nhiều người cho rằng ông già vờ điên để mượn đà thoá mạ kẻ cầm quyền bằng những cử chỉ bừa bãi hay những lời chửi bới sỗ sàng.

Phần chúng tôi thì nhận thấy ông quả không còn tự chủ trong những lúc có những hành-vi ngôn ngữ ấy. Đó là tất cả dấu hiệu phát hiện của những bất mãn bị dồn nén.

- 1.— Bất mãn về tinh-thần, trong thế kẹt và nghẹt thở của con gà không phá được vỏ trứng mà ra, như đã nói ở trên.
- 2.— Bất mãn về phương tiện, thiếu hụt hầu hết cho công việc khảo Sứ Địa chuyên môn của mình.
- 3.— Bất mãn về chức nghiệp, không một chính quyền nào đặt ông vào đúng chỗ ngồi hợp với sở thích của ông.
- 4.— Bất mãn về chính-trị trong nước đáng lẽ sáng sửa mà cứ mỗi ngày mỗi tối tăm thêm.
- 5.— Cả bất mãn về cuộc sống của chính mình và gia đình nữa.

Ngàn ấy điều giày vò đồi với đầu óc một con người chỉ có huyết thống nho sĩ Á-Đông, mà không quen phong thói xuất sứ hành tàng của nho sĩ Á-Đông thì bất cứ người nào cũng phải dở điên, dở khùng như Nguyễn-Thiệu-Lâu vậy.

* * *

Chúng tôi sở dĩ phải dài dòng về trường hợp của ông là vì nó đã diễn hình cho căn bệnh trầm kha của nhiều nhà tri thức trong giai đoạn lịch sử, không tránh được, của sự va chạm giữa hai luồng tư tưởng Đông Tây.

Đó là những nạn nhân của thời cuộc ? Những vật tế cờ của cuộc tranh chấp tư tưởng ? Hay đó chỉ là những cây trồng không đúng thô nghèo khi hậu ?

Dù cho là gì đi nữa thì đời nay cũng ngâm ngùi, đời sau cũng tiếc hận rằng xã-hội đã không có một ý thức và biện pháp gì bảo vệ nổi những đứa con ưu tú của mình trước cơn bão táp, để chúng còn có ích cho đời sống của mình. Ấy là xã-hội thiếu sự lãnh-đạo của văn-hoa vậy.

Chúng tôi tin chắc rằng với vài lời này khi đọc sách và tưởng niệm đến tác giả, các bạn đọc sẽ hiểu rõ ông để thương mến ông.

LÊ - VĂN - SIÊU
Saigon — 1967

MẤY LỜI VỀ SỰ TRÌNH BÀY SÁCH

Khi tiên nghiêm qua đời, ngoài những di cảo còn giữ được, chúng tôi có di tìm trong các thư-viện để chép lại những bài đãng rải rác trên báo chí. Chúng tôi mới thấy những bài để tập trung in trong sách Quốc-sử tạp lục này.

Ngoài ra còn rất nhiều bài nữa, khi viết xong, tiên nghiêm thường bắt chúng tôi ngồi bên đọc lại, mà bây giờ chúng tôi chỉ nhớ mang máng, không biết đích là đã đăng trên báo nào.

Chúng tôi ước mong quý vị đọc giả nào săn có những bài ấy thì vui lòng cho chúng tôi chép lại để bồi lục cho lần in sau.

Sách này chúng tôi xếp đặt và chia làm ba phần như đã ghi trong bản Mục lục, không theo trật tự ngày viết hay ngày đăng báo mà theo những sự việc lịch sử để cập tới để tiện việc tra cứu của đọc giả.

Khi trong nom ăn hành sách này, vì chúng tôi còn nhỏ tuổi, không đủ kinh nghiệm, lại thiếu học chuyên môn về sử địa, chắc chúng tôi còn để sót nhiều lỗi ẩn loát và có thể còn nhiều sai lầm trong việc sửa ẩn cảo. Chúng tôi xin quý vị đọc giả thề tình lượng thứ cho và chỉ bảo thêm cho những lỗi lầm thiểu sót ấy. Chúng tôi xin chân thành đa tạ quý vị.

NGUYỄN-THIỆU-QUANG

Phần mở đầu

**Quan niệm viết sử
của tác giả**

MUỐN ĐƯỢC MỘT BỘ SỨ ĐÚNG MÀ ĐỌC

Cũng như nhiều người, tôi đã ao ước được một bộ sử nước nhà, viết bằng tiếng mẹ đẻ, kè eiru theo phương pháp khoa học.

Có một lần, tôi thấy trên một tờ báo, một người ao ước được đọc một bộ sử ta đầy đủ giống như bộ sử cả Malet và Isaac, bộ sử để cho học trò ban Cao-đẳng tiểu-học hay ban trung-học.

Mới đây, ông Đinh-gia-Trinh, (xem Thanh-Nghị số Tết năm Giáp-thân), xét về lịch trình tiến hoá văn học của ta, có phần nàn về sử học : « Văn không có một bộ sử học đầy đủ, nói về trạng thái kinh tế, giảng giải những trận mạc kèm thêm bản đồ, vân vân... », có lẽ ông Đinh-gia-Trinh mong một bộ sử tương tự như bộ Malet và Isaac hay trình độ cao hơn.

Tôi nhớ lại khi còn đi học thi Thành-chung hay Tú-tài, mấy quyển Malet và Isaac tôi cho là đầy đủ lăm, có lẽ quá đầy đủ vì phần nhiều — cũng như lăm thí sinh bấy giờ hay ngày nay — tôi chỉ học vài quyển nhỏ, tóm tắt đại cương, cho dễ nhớ (Résumé aide-mémoire).

Lớn lên, thấy không có sách nói về sử nước nhà

giống các sách giáo khoa Pháp, tôi đã có lần phàn nàn như nhiều người.

Nhưng ta nên xét kỹ thêm :

Tại sao người Pháp lại có những sách giáo khoa dạy cho trẻ con, mà đầy đủ, khoa học ?

Tại sao ta không có những sách giáo khoa như thế, nói về nước nhà ? Hiện giờ, ta mong mỗi được một bộ quốc sử đầy đủ, khoa học, ai là người làm cho ta thỏa mãn được ?

Người Pháp — cũng như dân tộc nhiều nước khác — khảo cứu về sử nước họ (và nước ngoài) đã dám thế kỷ nay tuy từ thế kỷ thứ 18, họ mới theo phương pháp khoa học.

Người học sử nước họ rất nhiều và người đọc sử nước họ lại nhiều gấp bội.

Tôi không muốn kê ra đầy lịch trình sử học nước Pháp. Chắc các bạn, nhiều người đã biết như thế nào, dù biết đại cương. Tôi chỉ nhận là sử học nước họ, rất thịnh vượng. Các sách khảo cứu (không kê tài liệu tìm kiếm ra được và để vào mục khác) làm thành thư viện. Học sinh ban cao đẳng thường thường không dùng đến các sách đó vì tỷ mỉ, kỹ càng, họ đã có bài giảng của giáo sư và các sách giáo khoa. Ấy thế mà, sau 3, 4 năm học, sau ba lần thi ba bằng cử nhân (về tối cổ thời đại, trung cổ và cận kim thời đại), sự biết của họ rất sơ sài, lỗm bỗm. Nhưng họ cũng học được phương pháp khảo cứu sử học. Sau này, nếu họ có chí, họ có thể tự khảo

cứu được vì sự biết của họ về sử culture général en histoire) cho là tạm được và phương pháp khảo cứu về sử (méthode de recherches historiques) họ cũng tạm thâu thái được.

Những sách giáo khoa dạy cho bọn học trò ban Cao đẳng tiều học hay ban Trung học như sách của Malet và Isaac tóm tắt những ý chính đã được giảng giải trong các sách khảo cứu. Các ý đó đã được mọi người công nhận cho là đúng. Dạy cho học trò nhỏ, chỉ là cho họ biết những điều cốt yếu của sử, nhưng cũng là cho họ hướng những kết quả của hàng trăm nhà khảo cứu kế tiếp nhau từ thế kỷ này sang thế kỷ khác.

Đó là tình trạng sử học ở nước Pháp.

Ở nước ta, chắc ai ai cũng biết là sử học rất thấp kém, dù đứng về phương diện khảo cứu hay về phương diện dạy học.

Tài liệu về sử của ta, chắc chắn là ít ỏi nhưng ta chưa thu thập được hết. Các sách cổ tản nát mọi nơi, hoặc ở Trung-hoa hoặc ở các thư viện tư gia nước ta, hoặc ở các nước Âu châu có giao thiệp với ta như nước Hòa-lan, Bồ-đào-nha, I-phá-nho, nước Pháp, (nói về cận kím thời đại). Nếu ta chưa biết được các tài liệu ấy hay không có sách khảo cứu của các người nói về xứ ta — thì dù như sách của ông W. J. M. BUCH, người Hòa-lan, nói về sự giao thông (và chiến tranh) giữa Hòa-lan và nước ta từ 1600 đến 1759 (in trong tập kỷ yếu của trường Viễn Đông Bác Cổ số XXXVL và XXXVLL) thì lẽ tất nhiên là sự khảo cứu của ta thiếu nhiều và chắc chắn là sai.

Tôi đã có dịp học qua về sự Nam tiến của ta, về sự ta đánh nhau với Xiêm và Bảo hộ Chân Lạp, từ đầu thế kỷ 17 đến khi người Pháp sang Đông-dương, tôi chắc chắn là sử liệu của ta thiếu và sai nhiều lắm. Sao này, nếu ai muốn khảo cứu về vấn đề ấy ngoài điều kiện biết chữ Nho, lại phải biết chữ Chân-Lạp, chữ Xiêm nữa để so sánh sử liệu của hai nước ấy với sử liệu của ta.

Sự khảo cứu sử học của ta, hiện giờ, còn đang ở thời kỳ tìm kiếm sử liệu ; chỉ có thể kiến thiết khi đã có đủ vật hạng.

Mà chỉ nên khảo cứu từng vấn đề một, từng thời đại một. Tôi thiết tưởng nếu ta có một sử học gia, người ấy sẽ không tản mát thời giờ và công của họ để bạ gì học này. Hắn sẽ tỉ mỉ kiểm sử liệu cho một đầu đề, trong năm năm, mười năm — có khi hơn nữa — rồi sau hắn mới có thể viết một quyển sách nhỏ để giải quyết một vấn đề nhỏ về sử học.

Nếu gương của nhà sử học đó được nhiều người theo, sau đây năm bảy chục năm — nếu không lâu hơn nữa — ta mới có thể biết sự ta một cách đầy đủ, khoa học.

Lúc bấy giờ, sự dạy sỉ cho học trò các ban Cao đẳng tiểu học hay Trung học... hay sự truyền bá quốc sử cho dân chúng mới vững chãi, chắc chắn. Lúc bấy giờ mới có được một bộ sỉ tương tự như của Malel và Isaac.

Đường đi của sử học nước ta lẽ phải như thế.

Đường đi rất xa, phải nhiều người hăng hái, chịu khó mà theo. Không phải một đời người hay một nhóm người mà lời đicti được, phải từng thế hệ nối nhau mà theo,

Không biết con đường đó, hay cho nó là giải, khó đi mà muốn tới đích là sự ao ước không thể được.

Nếu theo đường ngang, lối tắt mà cớp nhặt quyền sách này dồn trang, quyền sách kia vài đoạn — như từ trước đến nay thiên hạ vẫn làm, thi nhau mà làm — thì kết quả thực đáng thảm thương. Ngày giờ, đồng bào ta đã đề ý đến quốc học, không phải là nên chiều xu hướng ấy mà viết sử theo như nhiều người.

Trái lại phải công bố là sử học rất khó và người viết phải có sức học và biết thận trọng. Nếu ai không đủ điều kiện thì đừng nên viết.

Tôi có quen nhiều người hiện giờ rất hăm hở muốn khảo cứu về sử ký địa dư. Họ đáng khen nhưng không đáng khuyến khích vì họ không đủ điều kiện để làm việc. Đáng lẽ phải tự cho mình một học vấn — mà họ không có — họ lại còn muốn dạy người khác.

Hiện giờ, theo ý tôi, quyền Việt-Nam Sử Lược của ông Trần-trọng-Kim tạm dùng để biết qua loa về sử ta được rồi.

Một quyền sử cũng về nước ta từ thượng cổ đến ngày nay mà giá trị vượt hẳn quyền cả ông Trần theo ý tôi tưởng khó làm lắm. Tôi muốn nói là không thể làm được. Phải chờ năm ba chục quyền sách khảo cứu đầy đủ từng thời đại hay vấn đề đã.

VUA GIA-LONG VÀ VUA MINH-MẠNG

theo lời sử-thần phê bình

Quyển Quốc-Triều Chánh-Biên có chép lời sử-thần bàn về Vua Gia-Long và Minh-Mạng, không có lời bàn về Vua Thiệu-Trị và Tự-Đức.

Tôi không biết sử-thần đây là ai.

Lời bàn về Vua Gia-Long như sau này:

« Ngài vừa trung-hưng, vừa sáng-nghiệp, công cao, đức dày. Từ đời Hồng-Bàng đến nay, chưa có vị đế-vương nào sánh kịp.

Lúc mới khai quốc, Ngài truyền xây thành, quách, sửa lăng-tẩm, lập nền Nam-Giao, dựng nhà Tôn-Miếu, đắp nền xã-tắc, định phầm tước và chế bồng-lộc, mở khoa thi để lựa người tài, dạy lê nhạc, lập trường học, sửa pháp độ, ban luật điều, phong con cháu Lê, Trịnh, thường giòng giỏi công-thần, khước lê công-hiến bên Thái-Tây, nghiêm việc phòng bị nước Xiêm-La, bảo hộ Chân-Lạp, thương yêu Vạn-Tượng.

Thiệt là oai vang phương xa, nhàn khắp nước nhỏ, quy mô rộng rãi sâu xa biết chừng nào ».

Lời bàn về Vua Minh-Mạng như sau này :

Đức Thánh-Tồ ta thiên-tự là bậc Thượng-Thánh, nổi nghiệp lúc thiên-hạ đại-dịnh rồi, chăm lòng chánh-trị, sửa

sung thái-bình, xét điền-xưa, sửa lẽ nhạc, cẩn thận đồ cẩn-lượng, xét kỹ các pháp-độ, đặt khoa thi để lựa kẻ sĩ, cày tịch đến để khuyễn việc nông, thường tuần hành để xem địa-phương, năng khảo sát để xét quan-lại, chăm việc võ, thời, mùa xuân duyệt-binh, còn việc hình-thời, mùa thu thảm án, quy mô kỹ-càng, phầm-tiết đều đủ.

Đến như úc quyền những người cầm cự, nghiêm rắn các bọn hoạn quan, không có Hoàng-Thân Quốc-Thích dù việc chánh-sự, ý Ngài phòng vi dở tiêm lại càng xấu xa hơn lắm.

Ngài ở ngôi hai mươi mốt năm, chăm lo mọi việc, thường như mỗi ngày. Những giấy tờ phê, phồ, dụ, chỉ, ché, cáo ban ra, đều là ngự-chế thật mới. Văn-giáo khắp cả dân Mường, dân Thồ, võ oai vang đến nước Xiêm, nước Lào; Thánh-đức, thần-công không thể hình-trạng hết được.

Vã lại, lúc văn-cơ thong thả, lưu ý về việc văn-chương; ngự chế năm tập thơ, hai tập văn và các bài Thiên-cơ dù triều, Cơ-khi minh-văn, đều là phát-minh đạo mầu, mở rộng phép học.

Ngài thiệt là bậc Đại-thánh chế tại, khác xa tầm thường, đổi hết những thói quen từ Lê, Lý trở về trước, mở lối tri văn-minh ngàn muôn đời cho nước Đại-Nam ta.

Tốt thay! Thịnh thay!

Theo chõ tôi biết thời hiện bây giờ, ta chưa có một nhà sử học nào chuyên khảo-cứu lịch-sử nước ta về thời đại nhà Nguyễn độc-lập, nghĩa là từ khi Vua Gia-Long thống-nhất được cả đất Việt, cho đến khi nước Pháp sang lập cuộc đô hộ.

Tôi không biết là nhà sử-học sau này sẽ bàn về Vua Gia-Long và Minh-Mạng ra làm sao. Nhưng tôi chắc là sẽ có nhiều chõ không đồng ý với sử-thần mà tôi đã đăng lời bàn ở trên.

Vì mấy lẽ sau đây :

1.— Sứ-thần chép sử theo lối biên-niên, có sự gì xảy ra thời chép. Sứ-thần lại là người đồng thời với vua. Vẫn biết rằng sứ-thần là người học rộng, lại công-bằng chính-trực, nhưng vì bị nhiều sự nhỏ nhặt, chép hằng ngày làm cho khó hiểu được những sự to tát, vì sống cùng thời với vua, có thể bị ảnh hưởng của Vua lay chuyển hoặc có thiện cảm, hoặc có ác cảm với vua, nên lời bàn có thể không đúng với ý-kiến của nhà sử-học sau này.

2.— Nhà sử-học sau này sẽ là một nhà khảo-cứu. Sự hiểu biết về lịch sử nước nhà, và nước ngoài, phải rõ cả. Vì sau các việc đã xảy ra, vì đối với các người xưa không có thiện cảm mà cũng không có ác cảm gì, nhà sử học đó đã rất trung-lập mà xếp đặt sự việc cho những vấn-dề đề khảo-cứu và sẽ có thể phân-biệt những vấn-dề quan-trọng khác những vấn đề tầm-thường. Vẫn lại trong khi khảo cứu sự đã xảy ra ở nước ta về đời Vua Gia-

T^ung hay Minh-Mạng, nhà sử học bây giờ có thể phê bình một cách chắc chắn hơn sứ-thần ngày xưa vì là đã biết thêm được lịch-sử đời Vua Thiệu-Trị và Tự-Đức, nghĩa là một thời gian đã chịu những kết-quả, hoặc tốt đẹp, hoặc tai hại của hai đời trước. Sứ-thần đời xưa chỉ biết rõ sứ Tàu và trong khi phê bình một ông vua nào thời cũng nghĩ tới một ông vua Tàu, hoặc đời Hán, hoặc Đời Đường. So sánh ta với Tàu chưa đủ, có lẽ thừa vì Tàu và ta cũng thuộc về một văn-minh tinh-thần và vật chất. Nên so sánh ta với Tây thời hơn vì Tây-phương thuộc về một nền văn-minh tinh-thần và vật-chất rất khác ta, có thể giúp ta hiểu biết ta, một cách rõ ràng.

Trên đây là tôi bàn theo những nguyên tắc lý-thuyết.

Dù sao, lời bàn đó chắc cũng không sai mĩ. Nhưng tôi rất mong là sẽ được biết ý kiến một nhà sử-học về Vua Gia-Long và Minh-Mạng, để so sánh với lời bàn của sứ-thần mà tôi đã sao chép ở trên.

Về lịch-sử Triều Nguyễn cũng như về cả lịch sử nước ta, tôi không biết hơn ai được một điều gì cả. Tôi không dám bàn. Tôi chỉ muốn cùng bạn đọc đem lời bàn của sứ-thần ra giảng giải và đặt câu hỏi cho nhà sử-học sau này.

Tôi chỉ cùng độc giả đọc lại và giảng nghĩa bài sứ-thần bàn về Vua Gia-Long, còn bài về Vua Minh-Mạng thời độc giả sẽ tự suy nghĩ.

Lời bàn của sứ-thần về Vua Gia-Long ở đoạn mở : « Ngài vừa trung-hưng, vừa sáng-nghiệp, công cao, đức

dày. Từ đời Hồng-Bàng đến nay chưa có vị đế-vương nào sánh kịp ».

Và đoạn kết : « Thiệt là oai vang phuơng xa, nhân khắp nước nhỏ, quy mô rộng rãi, sâu xa biết chừng nào ».

Ta không nên đề ý nhiều về hai đoạn khen này. Chỉ hãy biết là, theo sử-thần, Vua Gia-Long là Ông Vua to hơn hết các Vua trong lịch sử ta, vì « Ngài vừa trung-hưng vừa sáng-nghiệp, công cao, đức dày ». Và là một ông Vua để lại kết quả tốt đẹp cho các vua sau Ngài : « Quy mô rộng rãi, sâu xa biết chừng nào ». Nước ta về đời Ngài không những có một địa-vị cao mà còn giáo-hoa nhiều nước : « Oai vang phuơng xa, nhân khắp nước nhỏ ».

Ta nên xem cách sử-thần chừng dãy những lời khen ấy như thế nào. Sử-thần viện ra những công cao, đức dày của Vua Gia-Long trong giai-đoạn chính như sau này :

1.— Ngài truyền xây thành, quách. Ngài đã đứng về phuơng-diện binh-bị mà lo giữ nước ta. Ngài đã cho xây những thành nào ? Giữ nước bằng những thành đó có đủ không ? Giữ nước cho khỏi bị ngoại xâm hay là chỉ để phòng nội loạn ?

2.— Sửa lăng tẩm, lập nền Nam-giao, dựng nhà Tôn-Miếu, dắp nền xã tắc « Công-đức này thuộc về lý-thuyết huyền-bí của đạo làm Vua ở Á-Đông : Vua là thay trời trị dân, phải lập nền Nam-Giao, dắp nền xã-tắc để Ngài thờ Trời. Còn thuộc về lòng hiếu của Ngài nữa, như sửa lăng tẩm, dựng nhà Tôn-Miếu. Có kết quả tốt đẹp gì cho nước, cho dân không ?

3.— *Định phâm tước và ché bồng lộc, mở khoa thi để lựa người tài, dạy lẽ nhạc, lập trường học, sửa pháp-độ, ban luật điều.*

Sử-thần kê ra đây việc trị dân của Vua Gia-Long. Theo sử-thần thì Ngài đã làm được những công việc đó một cách hoàn-toàn, nếu không thời sử-thần đã không nói tới.

Những nhà sử học sẽ phải khảo cứu kỹ lại để xem kết quả đã như thế nào ? Và chương-trình như thế, thiếu hay đủ ?

4.— *Phong con cháu Lê, Trịnh, thương giòng giỏi công thần.* Hai cử chỉ này tỏ ra Vua Gia-Long có độ lượng, nhưng ta cũng phải xét lại. Còn phải nghĩ tới cách Ngài đối đãi với Triều Nguyễn-Tây-Sơn.

5.— *Khuróc lẽ công-hiển bên Thái-Tây :* Điều này rất quan hệ. Theo sử-thần thời là một cử chỉ rất khéo. Nhưng giả sử Vua Gia-Long có một chính sách ngoại-giao khác, trông rộng, nghĩ xa, biết lợi dụng người Thái-Tây để cầu hoà xú ta, trong nguyên-tắc độc-lập, thời chắc chắn là lịch sử của ta đã đi một con đường khác từ thế-kỷ rưỡi nay vậy.

6.— *Nghiêm việc phòng bị nước Xiêm-La, bảo hộ Chân-Lạp, thương Vạn-Tượng.*

Ta cần phải chứng dẫn rõ ràng nghĩa những chữ đó. Ngài đã bảo hộ Chân-lạp, thương yêu Vạn-Tượng như thế nào ? Chính-sách của Ngài lợi hay hại cho địa vị dân-tộc ta ở bán đảo Đông-Dương này ?

Theo ý sử-thần thời Vua Gia-Long, trước hết là một ông vua « *vìra trung-hưng và vìra sáng-nghiệp* ». Chính sách vua Minh-Mạng là một ông vua « Đại-Thánh » mở lối trí văn-minh ngàn muôn đời cho nước Đại-Nam ta.

Các bạn đọc hãy xem kỹ lại lời bàn của sử-thần.

Ngoài những lời khen : « Đức Thánh-Tồ ta thiên-tư là bậc Thượng-Thánh, Ngài thiệt là bậc Đại-Thánh... Tốt thay ! Thinh thay ! Sử-thần đã ám-chỉ những công việc mà Vua Minh-Mạng đã làm trong đời Ngài ».

Tôi kề những lời ám chỉ công việc ấy ra đây, vô ích. Các bạn đọc lại bài bàn trên sẽ biết.

Chắc sau này nhà sử học phải chứng dẫn những lời của sử-thần bằng sự thực xảy ra trong lịch sử, nếu nhà sử-học đồng ý với sử-thần.

Các bạn nhận thấy rằng sự « bàn » lịch sử không phải là việc dẽ.

Phần thứ nhất

Ký ức của tác giả

KÝ ÚC VỀ CỤ PHAN-BỘI-CHÂU

Cách đây, thấm thoát đã hai mươi năm rồi, tôi có ở Huế, nhà ở trên dốc Bến-ngự, gần nhà cụ Phan.

Tôi đã được cụ cho hầu chuyện nhiều lần.

Trước đây, mươi mấy năm, tôi có dịp vào Huế, có lèn viếng mộ cụ đặt ngay trong vườn nhà cụ ở trước.

Bây giờ, nhớ tới cụ, tôi chép ra đây một vài ký ức.

* * *

Hồi đó, tôi giảng học ở trường Khải-Định, giảng về môn Sử ký và Địa-lý. Vốn ngưỡng mộ cụ đã lâu, nhưng không biết làm thế nào được Cụ cho tiếp kiến, tôi bèn nhờ một vị phụ huynh học sinh nói trước, xem Cụ có cho tôi được gặp Cụ không. Cụ đã trả lời tương tự như sau này :

« Các ông tây học bây giờ, khó nói chuyện với các ông ấy lắm. Vả lại, tôi già rồi, lâm câm, lõi có câu giờ lầm, không những người ta sẽ cười mà lại còn có thể mang vạ đến mình ».

Vì đó khẩn khoản mãi Cụ mới ưng thuận cho tôi đến hầu một buổi sáng hôm Chúa-nhật.

Lên khỏi dốc Bến-ngự, đến chỗ đắt bắng, qua

Ngã ba chùa Từ-Đàm, ở bên tay trái, ngay cạnh đường, là nhà Cụ.

Một cái cổng tre con, ở giữa một hàng rào cây xanh, một cái sân đất, ở giữa có trồng mấy cây cảnh lơ thơ, rồi đến một cái nhà tranh ba gian, hai chái.

Trước khi tôi lên trên hè thì thấy một thanh niên độ hai mươi lăm tuổi, chân đi đất, quần nâu, áo cánh trắng, ở cửa bên, trong nhà đi ra.

— Thưa, ông lại gặp Cụ tôi ?

— Thưa vâng.

— Mời ông vào chơi, Cụ tôi có nhà.

Qua cửa, tôi thấy ở gian giữa, trên một bộ ván thấp, có trải một cái chiếu đã cũ, ngồi tựa lưng vào bàn thờ gỗ mộc, trên có bộ đồ thờ gỗ mộc, giữa chiếu đặt tích nước, đĩa chén, ngọn đèn hoa kỳ và cái điếu cày : Đó là Cụ Phan.

Cụ mặc cái quần nâu đã cũ, cái áo cánh kiều Huế, có nút cài dưới nách. Cụ ngồi, nhưng tôi nhận thấy Cụ, thân hình vạm vỡ, trán hói thật cao, bộ râu dài, đôi mắt sáng quắc...

Tôi vái chào Cụ, Cụ vẫn ngồi, nhưng ngẩng đầu về đằng trước, miệng nói « Chào ông », và tay chỉ chỗ cho tôi ngồi trên chiếu.

— Thưa Cụ, con không dám thắt lê.

Rồi tôi tìm một cái ghế đầu, đem lại ngồi né một góc bộ ván.

Người thanh niên lúc nãy rót nước mời tôi.

Cụ rit một điếu thuốc lào rồi thở khói lên nhà : Tôi không quên được bức tranh tuyệt đẹp là cái mặt phương phi, cái trán cao, bộ râu dài và bạc phơ của Cụ, lộ dần ra...

Trong đám khói trắng...

Rồi Cụ hỏi tôi về việc dạy học ra làm sao, học trò có đòng không, có chịu học không, vân vân...

Xong tôi vẫn an Cụ. Trong mấy câu Cụ trả lời, tôi còn nhớ câu : « Ông trông, tôi chưa chết. »

Câu chuyện chẳng có gì đặc biệt, nhưng cũng kéo dài đến nửa giờ.

Tôi thấy các trẻ em, độ mười đến mươi lăm tuổi, chàn đi đất, đầu húi trọc, áo cánh, cắp mấy quyển vở giấy bản, tốn hai, tốn ba qua cồng đi vào.

— Ấy, mấy cậu học trò tôi.

— Thưa, Cụ dạy học ?

— Có chứ ! Dạy cho vui. Vả lại, tôi biết dăm ba chữ, bảo lại cho lũ trẻ...

Tôi muốn ở lại xem Cụ dạy học, nhưng lại sợ đột ngột quá, nên tôi xin Cụ cho phép được về.

Cụ dặn rằng : « Đã biết tôi, thỉnh thoảng ông sang chơi bên tôi cho vui. »

Tôi chắp tay vái Cụ xin về, Cụ vẫn ngồi yên, tựa vào b่าน thờ, rít một hơi thuốc lào thật dài ; rồi vừa thở khói, vừa gật đầu.

Sau cuộc gặp Cụ đầu tiên, tôi thường cứ dăm ngày lại hầu chuyện Cụ. Cụ coi tôi như con cháu trong nhà.

Buổi chiều thường về mùa hạ, từ bốn năm giờ cho đến tối, Cụ ngồi uống rượu một mình.

Mâm rượu thường chỉ có một vài bìa đậu phu, quả khế, quả ót, thỉnh thoảng vài ba miếng thịt.

Nhiều khi tôi sang, thường gặp Cụ đương uống rượu, Cụ cho ngồi vào hầu và thật là những dịp rất may mắn cho tôi, để Cụ kề những mảnh đời bôn ba chìm nổi của một nhà cách mạng, trong khoảng ba mươi năm hoạt động, lúc thăng, lúc trầm...

Tôi nghe Cụ chỉ thấy tâm hồn tôi dần dần thu thập được ý nghĩa quốc-gia, và dân-tộc ; phải gian lao mới có thể dành độc lập cho quốc gia và giải phóng được dân tộc.

Nhưng tôi rất tiếc, là đã không ghi được những tài liệu lịch sử Cụ cho về Hoàng-hoa-Thám, về đời cách mạng của Cụ ở Tàu, ở Nhật, về phong trào Đông-kinh Nghĩa-thục, về các vụ bạo động ở Hà-nội.



Một hôm Cụ đang nhắm rượu với mấy quả mơ xanh chấm với muối, Cụ hỏi tôi tựa như sau này :

« Trong Tam-Quốc có đoạn nói về Tào-Tháo uống rượu nóng với mơ xanh mà bàn luận anh hùng với Lưu-Bị. Ý ông về quan niệm của Tào-Tháo như thế nào ? »

Tôi không biết trả lời ra sao.

Cụ tiếp: « Tào-Tháo hẹp hòi lắm. Người anh hùng là người có chí lớn và có lòng kiên nhẫn và có tài để thực hiện chí đó. Nhưng thành hay bại, không do mình định trước được. Nếu thành thời lịch sử ghi tên. Nếu bại thời là vô danh anh hùng. Biết bao nhiêu vô danh anh hùng... »

Thưa, chắc Cụ đã biết nhiều vị cách mạng của ta bị thất bại.

— Tất cả các nhà cách mạng là anh hùng...

Hai con mắt mờ màng, Cụ đã không trả lời câu hỏi của tôi, chắc Cụ đã nghĩ tới các vị đồng chí của Cụ.

Rồi, chậm rãi Cụ tiếp: « Thất bại là lỗi tại mình. Nhưng cũng vì thời cơ chưa đến... Vả lại, người ta quá khôn, dân ta quá dại. »

Tôi hiểu Cụ ám chỉ « người ta » là ai.

Cụ không nói thêm nữa.

Bây giờ, sau hai mươi lăm năm Cụ dạy, tôi nhận thấy là người ta, vì « quá khôn » đã thất bại nhục nhã, còn dân ta, sau khi dại, đã trở nên khôn.

Nhưng sự khôn này đã phải trả bằng biết bao nhiêu khổ hê và thử nhứt, mới đây, biết bao hy sinh sương máu trong hơn mươi năm trời mà dân chúng điêu linh, mà số các vị anh hùng nam, nữ đã có hàng triệu là vô danh anh hùng. Người ta « quá khôn », nhưng cái khôn này là cái tham vô độ, thời tham mãi sao được?...

Một chiều mùa hạ, tôi sang hầu Cụ, thấy Cụ ngồi ở ngoài sân, trên một cái chõng.

Cụ đang đọc sách.

Tôi may hỏi sách gì.

Cụ bảo là bộ Xuân-Thu.

Rồi Cụ giảng cho tôi rất nhiều về Hán-học.

Cụ ngồi tựa vào cái gối gỗ, dưới đất là ấm nước với một cái tò. Cụ uống một tô đầy, rit một điếu thuốc lào, trong cái điếu cày tre, rồi Cụ bảo :

« Tôi không mời ông uống nước vì là nước vối. Nhà hết trà. Có người bà con ở Hà-nội vào cho ít lá vối khô và vài bánh thuốc lào Vinh-Bão ».

Cụ nói câu đó rất tự nhiên vì tính Cụ tự nhiên lắm.

Bây giờ tôi mới thảm thía.

Được Cụ giảng cho ý nghĩa kinh Xuân-Thu, nhưng Cụ không cho uống nước vối vì Cụ nghĩ rằng nước vối là thứ nước của người nghèo.

Nghèo như Cụ mới thật là sang.

Tôi nhận dịp hỏi Cụ về các sách Cụ trước tác, về bộ Ngục trung thư và bộ An-nam vong quốc sử.

Cụ trả lời và hai con mắt sáng quắc trở nên mơ màng.

« Tôi trót đã viết hai bộ sách đó vì nó ghi tên tôi để lại... Nhưng ông kiểm mà xem, kẽ cũng không vô ích...

Cũng khó kiếm lăm vì mất hết rồi... Vả lại các ông thì
hiểu thế nào được ? ».

Một lúc sau, Cụ nhìn tôi nói tiếp :

« Không phải tôi bảo các ông là dốt đâu. Nhưng các
ông, dù muốn học chữ Nho cũng không có thầy dạy ».

— Thưa, Cụ vẫn dạy học.

— Có chứ, nhưng tôi chỉ dạy dăm ba chữ cho lũ trẻ,
đề sau này biết khấn ông bà, ông vải. Còn Hán học đã
tàn từ lâu rồi... Sau này, các ông Tây học mà có làm
nên trò, nên trống gì là tài của các ông.

Hồi nghe Cụ nói, tôi chưa hiểu. Bây giờ tôi mới hiểu,
tôi thấy buồn tủi vô cùng...

Chúng ta đã làm « nên trò, nên trống » gì chưa ?

* * *

Ngày cụ mất, tôi ở Quảng-Nam, cùng đi học địa-ly
với anh em học sinh. Chúng tôi đi ba bốn hôm mới về,
tôi không nhớ vào dịp nào. Ngày Cụ mất là ngày hai
mươi chín tháng mười năm 1940 (29 tháng 10, 1940).

Khi chúng tôi về Huế, Cụ đã an táng ở ngay trong
vườn nhà Cụ.

Tôi có lại lẽ Cụ và hai con Cụ, Phan-nghi-Huynh và
Phan-nghi-Đệ có kè lại cho tôi là Cụ chỉ đau có một vài
ngày, rồi mất một cách rất thản nhiên, như một người
nằm ngủ.

Các con Cụ có cho tôi biết là Cụ để lại một chúc thư mà Cụ Huỳnh-thúc-Khang giữ.

Chúc thư này đã được đăng ngay trên báo Tiếng-Dân ở Huế.

Tôi có lại tòa báo, xin yết kiến Cụ Huỳnh và xin Cụ cho biết một vài đoạn bị kiềm duyệt. Cụ Huỳnh bảo tôi :

« Đây là chúc thư của Cụ cho dân tộc. Người ta kiềm duyệt vài đoạn, ông chưa nên biết vội. »

Năm 1946, khi Cụ Huỳnh từ Quảng-Nam ra Hà-Nội, tôi có được Cụ cho tiếp kiến và tôi cũng đã có dịp được gần Cụ.

Có một lần, tôi nhắc lại chuyện xưa và xin Cụ cho biết sơ qua mấy đoạn bị kiềm duyệt. Cụ trả lời :

« Biết làm gì ? Hành động là đủ, theo gương Cụ. »

Cụ Huỳnh mất vào năm 1947 nghĩa là bảy năm sau Cụ Phan. Chắc ở dưới suối vàng, Cụ đã kể cho Cụ Phan tất cả những sự gì xảy ra trên đất Việt-Nam, từ ngày kể khuất người còn... từ năm 1940 đến năm 1947.

Mộ Cụ Huỳnh đặt ở trên núi Thiên-Ấn (Quảng Ngãi).

* * *

Tang thương biển cải, con người trôi nổi như cái bèo, cái bọt trên dòng nước lũ, lầm khi nghĩ tới người xưa, tôi nghe vắng vắng bên tai câu của Cụ Phan : « Người ta quá khôn, dân ta quá dại » và câu của Cụ Huỳnh : « Hành động là đủ, theo gương của Cụ ».

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

1964

KÝ ỨC VỀ CỤ MINH-VIÊN, HUỲNH-THÚC-KHÁNG

Cụ Huỳnh-Thúc-Khang mới xa anh em chúng ta.

Ở Quảng-Ngãi, gần tinh ly, trên núi Thiên-Ấn, có mộ cụ và nhà bia.

Mới đây, tôi có dịp ra Quảng-Ngãi, lại lê cụ. Tôi có bài nhở này kê với độc giả mấy dịp mà tôi đã được hẫu chuyện cụ. Nhà lịch sử sau này sẽ phải viết cả một cuốn sách khảo cứu về thân thế và sự nghiệp cụ.

Tôi vẫn vẹn chỉ được hẫu chuyện cụ có bốn lần. Hai lần đầu ở Huế vào năm 1940, hồi cụ làm chủ nhiệm báo Tiếng-Dân và tôi giảng học ở trường trung-học Khải-Định. Lần thứ ba ở Hà-nội, tại Bắc-Bộ-Phủ, khi cụ quyền Chủ-Tịch Chính Phủ vì cụ Hồ-chí-Minh sang Pháp điều đình ký hòa ước với Pháp, vào năm 1945. Hồi đó tôi làm việc trong ban Ngoại-Kiều-Vụ, giàn tiếp thuộc Chủ-tịch-Phủ. Lần thứ tư ở Hà-nội, sau một bữa tiệc thân hữu giữa phái đoàn Pháp và nhân viên chính phủ ta; tôi vì là Trưởng ban Ngoại-Kiều-Vụ nên được phép dự tiệc với các vị Bộ-Trưởng để làm thông ngôn hầu cụ.

Hồi tôi giảng học ở Huế, tuổi mới chưa đến hai mươi lăm; mới ở Pháp về nên tư tưởng hẫy còn lộn xộn. Một cuộc hẫu chuyện cụ Huỳnh sẽ rất ích lợi cho tôi. Tôi viết thiếp xin được tiếp cụ, nhờ một học sinh đưa

đến tòa báo. Mấy hôm sau, cụ trả lời bằng thiếp là sáng nào cụ cũng có mặt ở tòa báo.

Một buổi sáng tôi lại, tôi đưa thiếp xong, được gọi vào ngay.

Phòng giấy của cụ sơ sài, bài, sách bừa bộn.

Cụ mặc cái áo cánh Huế. Cụ đứng dậy sau bàn, chia tay bắt tay tôi rồi chỉ ghế để trước bàn.

— Mời quan ngồi.

— Thưa cụ, chúng con tuổi thời trẻ, học thời kém, xin cụ miễn cho chữ quan.

— « Đó là thói quen ở đất Thành kinh này. Ai cũng là quan cả. Ông là người Bắc thời phải. Tôi quen nhiều người Bắc thành nghe giọng là biết. Ông gấp tôi có việc gì? »

Bộ mặt xương xương, nước da mai mai, trông cụ không được khỏe mạnh. Mái tóc đã gần bạc hết. Tôi đoán cụ vào trạc trên dưới bảy mươi. Mắt đã kém tinh thần nhưng tiếng nói sang sảng.

— « Thưa cụ, con người Hà-Đông. Chỉ học chữ Pháp, không biết chữ Hán. Con là giáo sư dạy về Pháp-văn và Sử-Địa ở trường Quốc-Học. Con mới ở Pháp về, được bồ ngay vào đây.

« Con được nghe tiếng cụ từ lâu. Con mong được cụ coi như con cháu trong nhà và thỉnh thoảng chỉ giáo cho con những điều hay lẽ phải.

Con thấy rằng một thanh niên như con, trong tình
trạng chính trị và xã hội hiện thời của nước nhà, không
đo hướng mà theo sẽ lầm đường.

Và như thế, không những đã không làm bỗn phận
quân minh đối với quốc gia, đối với dân tộc mà lại còn có
lợi nra. »

Cu nhìn tôi hồi lâu, rồi chậm rãi trả lời, giọng có
võ buồn :

— « Tôi hiểu cái bẩn khoán của ông và tôi khen cái
tâm của ông, ông hãy còn trẻ, vội vã gì ?

Tam thập nhị lập,

Tứ thập nhị bất hoặc,

Ngũ thập tri thiên mệnh.

Ông nên giao thiệp rộng để quan sát xã hội, để biết
người, biết mình. Hãy còn là bạch diện thư sinh, tài
chứa có mà tâm bồng bột, tình trạng ấy rất nguy hiểm.
Cứ tuần tự vi tiến. Mình biết tư tưởng hướng về quốc
gia, về dân tộc là được rồi. Đấy là về phương diện tinh
thần. Còn về phương diện vật chất thời các thầy tân
học bây giờ khác chúng tôi cựu học lắm. Ăn, mặc bắt
chước Pháp, xa hoa túc là tự mình truy lạc mình đấy.
Cái vật chất làm hại cái tinh thần nhiều lắm. Nhiều
thanh niên du học ở Tây phương về đã hư hỏng; kể
nhéng tội nghiệp cho họ.

Sống trong tình trạng nước ta bây giờ, mà kè ra
đã có từ lâu, gương xấu thời nhiều, gương tốt thời ít.

Ông đã được xuất dương, đã được học cao, đã có địa vị trong xã hội, lại còn đương lúc sung sức, ông thật là người được nhờ ơn tổ ấm lắm. Sau này, nên người hay không nên người là tự ông, là tại cái tâm hồn ông nó cao thượng hay nó ti tiện. Ông là một kẻ Sĩ, ông nên nhớ câu :

Quốc gia hưng vong,

Thất phu hữu trách.

Ông khá về Pháp văn, tôi thời chẳng biết một chữ Pháp nào cả. Ông giỏi Pháp văn, tôi khuyên ông nên học Hán văn để thâu nhận tư tưởng của Thánh hiền, không phải là vô ích.

Ở toà báo, tôi bận nhiều việc vặt, không có thời giờ nói chuyện lâu với ông. Xin chờ một dịp khác. Nếu tôi có duyên với ông, thế nào cũng còn nhiều lần nói chuyện. »

Tôi đứng dậy, vái cụ, đi ra.

Hình ảnh cụ Huỳnh lu mờ trong trí nhớ của tôi cho mãi đến khi báo Tiếng Dân cho biết rằng trước khi mất, cụ Phan-bội-Châu có đưa cho báo ấy tờ chúc thư của cụ, nhờ đăng. Nhưng báo ấy không đăng được vì tờ chúc thư bị kiêm duyệt.

Tôi lại toà báo, xin yết kiến cụ Huỳnh. Cụ tiếp. Tôi trình cụ là tôi xin cụ cho xem tờ chúc thư của cụ Phan.

— Ông có biết cụ Phan không ?

— Thưa cụ, nhà con ở gần nhà cụ Phan, con đã có nhiều dịp được sang hầu chuyện cụ. Tờ chúc thư của cụ là một tài liệu lịch sử.

— Đúng. Nhưng cũng có nhiều ý nghĩa chính trị. Quân Pháp đã giam lỏng cụ ở trên dốc Bến-Ngự, bây giờ cụ chết, có mấy dòng chữ để lại, ấy thế mà họ cũng không cho đăng. Vậy ông chưa nên biết.

— Thưa cụ, Pháp hèn quá.

— Đã đành là hèn. Nhưng tôi còn nhận thấy là Pháp cảm thấy yếu nên hèn. Số cả người chết!

À Pháp khủng bố lắm đấy, ông ạ. Ông biết đấy chứ gì? ..

Chỉ có ông là sướng thôi ! Học sử nghĩa là sống với người chết, học địa là sống với non sông. Tôi nói trước để ông ngẫm, việc Trung-Nhật chiến tranh sẽ lôi thôi lắm. Và cái thế giới đại chiến này sẽ có ảnh hưởng lớn tới nước ta. Trong nước sẽ xảy ra nhiều chuyện.

Ông đừng có tham dự một việc gì cả, kẻ nọ đảng này, người kia đảng khác, ông mặc kệ họ. Ông nên trau giồi cái học chuyên môn của ông, ấy là một công tác đấy.

Vả lại ông hãy còn trẻ, còn biết bao nhiêu người hơn ông về tuổi, về học vấn, về kinh nghiệm. Chớ nên dại dột mà hỏng.

Tôi gần kề miệng lỗ nhưng vẫn hy vọng sẽ được một ngày ích lợi cho quốc gia. Còn từ nhỏ đến giờ, chỉ là một người ăn hại.

— Thưa cụ, con xin tuân những lời chỉ giáo của cụ.

Tôi ở tòa báo đi ra. Từ đường Đông-Ba ra tới chợ, tôi vào một quán nước, nhìn con sông Hương mà suy nghĩ.

Cụ chào tôi là quan, rồi vì cụ thương nên dạy bảo nhiều điều. Thật là thấm thía.

Năm sau, tôi ra làm việc ở Trường Viễn-Đông Bắc-Cồ. Nhật thua, đầu hàng Đồng-Minh. Cách mệnh nổi lên. Cụ Hồ-chí-Minh về lãnh đạo chính quyền.

Tôi theo dõi cuộc cách mệnh, chẳng hiểu thời cuộc biến chuyen ra sao.

Cụ Hồ ký với Pháp, thuận cho quân đội Pháp đồ bộ ở Hải-phòng, lên đóng ở Hà-nội và mấy nơi khác. Rồi cụ sang Pháp điều đình một hòa ước có hiệu lực lâu dài.

Cụ Huỳnh, Bộ-Trưởng Bộ Nội-Vụ, lên thay cụ chức Chủ-Tịch Chính phủ.

Nguyên chẳng biết ai đề cử với cụ Hồ mà một sắc lệnh cụ Hồ ký đã cử tôi làm Trưởng ban Ngoại-Kiều-Vụ, trực thuộc Bộ Ngoại-Giao. Ông Bộ-Trưởng là ông Nguyễn-tường-Tam sung Trưởng Phái-doàn sang Pháp.

Tôi lên yết kiến cụ Huỳnh để xin cụ cho chỉ-thị. Đó là lần thứ ba tôi được hầu chuyện cụ.

Tôi gọi giây nói cho ông Chánh-văn-Phòng cụ. Một lúc được trả lời rằng cụ bận công việc lăm và tôi có rỗi thời ngay trưa lại ăn cơm riêng với cụ.

Tôi rất mừng vì lâu lắm không được gặp cụ.

Tới Bắc-Bộ-Phủ, ông Chánh-văn-Phòng dẫn tôi vào một phòng ăn riêng, nhỏ hé đã kè săn một cái bàn con, ba cái ghế.

Ông Chánh-văn-Phòng là người đã cùng ở Huế ra với cụ.

— « Anh ngồi chơi, uống nước, cụ mắc khách. Tôi có trình cụ là anh muốn gặp cụ. Cụ nhớ ra ngay vì chắc không mấy người trùng tên anh ».

Chúng tôi đương nói chuyện vơ vắn với nhau, thời cụ vào. Trông cụ vẫn như xưa và vẫn cái áo sa có hoa, cái khăn xếp, đôi giày Gia-định.

Cụ chào tôi trước :

— Chào ông Lâu.

— Lạy cụ a.

— Chắc ông bận việc lắm. Hôm nay, ông ngồi ăn cơm đây với tôi. Còn tôi thời ít việc, ấy là nhờ các anh em ai làm việc cũng tích cực cả.

Tôi mừng ông một chén rượu nào.

Tôi lúng túng không biết nói thế nào thời cụ nói tiếp :

— Công việc nhiều và có việc khó giải quyết lắm. Nội bộ của ta lúng túng củng, địch lại thường uy hiếp ta về võ lực. Chắc cụ Hồ gặp nhiều sự bực mình ở bên Pháp. Ấy, tôi chỉ nghĩ tới cụ với sự toàn dân cách mệnh mà mong rằng cái thân già này không đến nỗi vô ích. Công

việc của ông thích hợp với tính tình của ông và ông cũng có thể làm tròn được. Gặp việc khó, đừng có nản, thất bại đừng có ngả lòng. Tôi tin ở ông.

— Thưa cụ, con được cụ lãnh đạo cho thời con chẳng ngại gì cả.

— Được. Nhưng đừng có khinh địch.

Những lời cụ dạy không phải là những câu khuyến khích đại cương của một thượng cấp cho một hạ cấp mà là những lời chí tình...

Tôi phải thực thà trình cụ, trong bữa cơm, rằng tôi Việt-Minh không phải, Việt-Quốc cũng không, Việt-Gian cũng không, ấy thế mà tôi ở một địa vị do Việt-Quốc đề cử ra, Việt-Minh chấp thuận và Cao-Ủy Pháp không phản kháng. Vậy tôi biết làm việc thế nào cho ai ai cũng vừa lòng ?

Cụ nghe kỹ rồi cụ dạy :

— « Tôi hiểu lắm. Tình trạng của ông thật là đặc biệt, vì vậy ông mới được chọn. Nhiều người mất lòng vì ông lắm. Nhưng cả ba phe đều mất lòng vì ông, ấy là ông làm việc được. Ông hiểu chưa ? Ông cứ thẳng thắn mà làm. »

Cơm xong, tôi xin cáo từ. Cụ dặn :

— « Công việc càng ngày càng khó. Ông có quyền ký nhận tất cả các công văn do Liên-Lạc Pháp đưa sang và ông trực tiếp trả lời. Có việc gì khó, ông thảo luận với

bầu liên kiêm. Ông Nam (Hoàng-hữu-Nam) đứng đắn. Tôi chắc là hai ông có thể tương đắc.

Lần thứ tư mà tôi được hầu chuyện cụ là sau bữa tiệc mà chính phủ thết tướng Morlière, người sang thay tướng Valluy, Tổng Chỉ-Huy Quân-đội Viễn-chinh Pháp, kiêm chức Cao-Ủy.

Mấy cái bàn dài kè liền nhau. Ta ngồi một bên dãy ghế, Pháp ngồi một bên. Ông Bộ-Trưởng Vũ-đình-Hoè, ngồi bên cạnh cụ, đứng lên đọc bài diễn từ của cụ dịch ra tiếng Pháp. Ông Morlière đứng lên đáp từ và ông Vũ-đình-Hoè dịch ra Việt-văn. Cả hai bài diễn từ chỉ là những câu khách sáo, đại ý đều mong sẽ mau có một tờ Hòa-ước giữa hai nước.

Cơm xong, chủ khách chia ra từng tốp nói chuyện. Cụ Huỳnh ra ngồi riêng với ông Morlière ở một sa-lông. Ông Hoàng-hữu-Nam bảo tôi :

— Anh ra thông ngôn hầu cụ.

— Sau anh không ra ?

— Tôi ra không được. Anh là người không đảng phái mới đúng là người thông ngôn. Anh phải khéo trình diễn ý kiến của cụ và khéo gợi ý kiến của địch.

Tôi lại chỗ cụ Huỳnh và ông Morlière ngồi, vái Cụ Huỳnh, bắt tay ông Morlière, tự giới thiệu với y.

Tôi kéo một cái ghế con, ngồi né cạnh cụ, cụ bảo tôi :

— Chẳng biết nói gì đây !

— Thưa cụ, con xin đề nghị là sau mấy câu qua loa hỏi thăm, chúc mừng ta nên gọi xem Pháp có điều gì bất mãn thời cứ nói.

— Được !

Thế là tôi bịa ra mấy câu. Ông Morlière như được gãi vào chỗ ngứa, sau mấy câu cảm ơn xã giao về bữa cơm thân thiện, liền vào câu chuyện mà y chắc đã sắp đặt từ trước.

Đại khái y nói là nước Pháp muốn hòa bình, muốn thân thiện với nước Việt-Nam, như vậy hai nước sẽ lợi cả. Rồi y lặp lại thuyết mà giáo sư Paul Mus đã đem ra « thuyết » cụ Hồ và nhắc lại với tôi. Ấy là thuyết « Liên Hiệp Pháp » (Union Française) sẽ là một cái nhà có mặt tiền và mặt hậu (maison à double façade) ; mặt tiền (façade atlantique) ở Âu-châu, trông ra Đại-tây-Dương tức chính là nước Pháp ; mặt hậu trông ra Thái-Binh-Dương (façade pacifique) là nước Việt-Nam và hai nước phụ là Ai-lao và Cao-Mên. Sự sát nhập Nam-Bộ với Bắc-Bộ và Trung-Bộ sẽ do quốc hội Pháp quyết định, vì là thuộc địa của Pháp không phải là đất Bảo-hộ.

Cụ Hồ đã hỏi vặn ông Paul Mus (chính ông Paul Mus đã nhắc lại với tôi) là cái nhà Liên-hiệp-Pháp kiều tròn hay vuông ? (L'Union française est une maison à double façade, oui, mais elle sera ronde ou carrée). Paul Mus lúng túng không biết trả lời ra sao.

Cụ Hồ lại đã có dịp tuyên bố về Nam-Bộ : « La Cochinchine, c'est la chair de notre chair, c'est le sang de notre sang » (Nam-Bộ đối với chúng tôi, tức là thịt và máu

của một cơ thể) « Nous ne l'abandonnerons jamais » Không bao giờ chúng tôi bỏ đất Nam-Bộ).

Ông Paul Mus lường gạt sao được cụ Hồ ?

Ông Morlière lại nói rằng nếu hòa bình tái lập giữa nước Việt-Nam và nước Pháp thời nhờ sự giúp đỡ kinh tế và văn hóa của nước Pháp, nước Việt-Nam sẽ được giàu có và sẽ tiến mạnh về văn hóa, sẽ là một nước đệ nhất ở bán đảo Đông-Pháp và ở Đông-Nam-Á.

Y còn dọa là nếu xảy ra chiến tranh thời tai hại cho cả đôi bên, thứ nhất là cho nước Việt-Nam.

Tôi nghe kỹ ông Morlière. Rồi tôi dịch cụ nghe, đại khái như tôi viết ở trên.

Cụ lúc lúc gật đầu, tỏ ra là cụ hiểu và cụ suy nghĩ. Rồi cụ bảo tôi :

— Ông trả lời đi.

— Thưa cụ, con đâu dám.

Cụ cười rồi bảo tôi :

— « Vẫn giọng lười cũ rich, chỉ định lường gạt. Ông trả lời ông tướng này rằng dân tộc Việt-Nam muốn độc lập, thống nhất, sống dưới chế độ dân chủ cộng hòa. Nếu nước Pháp hiểu như thế thời là nước bạn và dân tộc Việt-Nam sẽ quên những sự không hay đã xảy ra trong dĩ vãng. ».

Thế là hết đoạn đầu câu chuyện.

Đến đoạn thứ hai, ông Morlière không nói chính trị đại cương nữa, liền nói về những sự bất hòa thường xảy ra giữa chính quyền địa phương của ta với quân đội trú phòng của Pháp. Và ông Morlière sợ rằng những sự bất hòa đó mà theo ý, phần nhiều do Ủy ban địa-phương gây ra, sẽ có thể tạo nên một không khí oán thù giữa quân đội đôi bên. Điểm đó là điểm đáng tránh.

Tôi dịch cụ Huỳnh nghe. Cụ mặt lạnh như tiền và bảo tôi :

— Ông tự trả lời vì tôi nói đủ rồi.

— Thưa cụ, con sẽ bảo là các vụ bất hòa, đưa đến súng đạn, là do Pháp gây ra trước. Chúng ta phải giữ trật tự một cách công bằng trong khi chờ một hòa ước rõ ràng, không thiên vị Pháp được, và ta cũng không lấn Pháp.

— Nói thế phải.

Tôi trả lời ông Morlière như trên tôi dẫn. Rồi tôi nói tiếp :

— « Thưa Đại-tướng, tôi làm ở Ngoại-Kiều-Vụ, tôi biết nhiều chuyện lắm. Tôi xin kể Đại-tướng nghe một chuyện mà báo chí chúng tôi tuy biết mà không được đăng.

Nguyên là ở phố Đường Thành, có một cái nhà lầu, một cửa trước trông ra đường, bên kia đường là một cái bãi đất trống, có nhiều hầm trú ẩn đào từ hồi máy bay Mỹ ném bom Hà-nội, nhà lại có một cổng sau mở ngang ra một phố con. Nhà này là một tiệm hút thuốc phiện, một nhà điếm và một sòng bạc. Các sĩ quan Pháp thường

Tôi giải tri, trong số đó có nhiều sĩ quan ở tỉnh về Hà-nội, nhân các ngày nghỉ. Chủ nhà này là một người đầm-jai. Các con em độ mươi người, Việt có, Tàu lai có mà Pháp cũng có.

Cảnh sát Việt-Nam biết rõ nơi tò quỷ này nhưng cứ lơ đi. Chẳng thà để cho người Pháp vui chơi ở những nơi của họ còn hơn là để họ chạy rong ngoài đường lùm bậy.

Một đêm, bỗng nghe có tiếng súng ở trong nhà, tiếng kèn the thé của đàn bà. Anh em tự vệ khu phố bao vây ở ngoài, chỉ có cảnh sát phá cửa vào. Họ bắt những người ở trong nhà phải đứng im, chờ xe cảnh sát tới đón lên bét. Chợt một người Âu, đàn ông, thura lúc lộn xộn, chạy ù ra đường, rồi biến mất.. Hóa ra y nhảy xuống hầm trú ẩn bên kia đường... Cảnh sát lôi y lên... Chính là một nhân viên cao cấp một tòa Lãnh-sự ngoại-quốc.

Việc báo lên Liên-Kiêm và Ngoại-Kiều-Vụ. Có nhân viên đến làm biên bản ngay. Nhưng việc này chúng tôi làm đi, Liên-Kiêm Pháp không biết và Lãnh sự ngoại quốc cũng không biết.

Tôi muốn kết luận rằng việc quân đội Pháp ở Việt-Nam là việc phiền lăm. Các sự xích mích xảy ra hàng ngày.

Nói ra, có thể Đại-tướng không tin. Nhưng đã có nhiều lần quân đội Pháp hay người Bắc Phi lấy súng của họ đem đi tống tiền hay đi cướp phá nhà cửa người Hoa

kiều hay của người Việt, hoặc họ bán súng của họ để rồi khai là bị Việt-Minh chặn đánh, tước súng của họ. Ở Hải-phòng, đàn bà con gái không dám đi khuya vì đã xảy ra bốn vụ hiếp dâm, do quân đội Liên Hiệp Pháp là thủ phạm. Chúng tôi biết nhiều lắm nhưng không muốn nêu các chuyện đó ra trên mặt báo chí. Chỉ có các cơ quan Liên-Kiềm, và Ngoại-Kiều-Vụ biết mà thôi.

Chúng tôi mong rằng chủ tịch chính phủ chúng tôi Hồ-chí-Minh, sẽ có thể về nước với một tờ Hòa ước để ràng với người Pháp, Lúc bấy giờ Liên-Kiềm và Ngoại-Kiều-Vụ sẽ giải tán. »

Ông Morlière trả lời rằng nước Pháp cũng mong thế.

Rồi ông ấy cáo từ cụ Huỳnh, ra gặp các vị Bộ Trưởng, bắt tay chào và ra về với tất cả các sĩ quan Pháp.

Người Pháp đi rồi cụ ra nói chuyện qua loa với các vị Việt-Nam, rồi quay về bàn giấy. Tôi theo cụ vào và mạn hỏi cảm tưởng của cụ.

Cụ dạy :

— « Pháp một ngày một gày chuyện. Ta phải nhẫn nhục chờ cụ Hồ về rồi hãy hay. Ông đã cố gắng rồi, nên cố gắng nữa cho bớt chuyện, dù mình tin rằng chẳng sớm thì muộn sẽ có thể xảy ra chiến tranh. »

Chiến tranh Pháp Việt đã xảy ra, kéo dài tới ngày mà hội nghị Gio-Neo chia nước Việt-Nam ra làm đôi, lấy con sông Bến-Hải làm ranh giới.

Cụ Hồ-chí-Minh đã lãnh đạo kháng chiến như thế nào ?
Tình hình ở Bắc ra sao ?
Nào ai biết rõ được ?
Biết để làm gì ?
Ở trong Nam, ta chỉ biết có chính phủ Ngô-đình-Diệm.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU
1961

NHÂN NGÀY TẾT TRUNG-NGUYỄN TƯỞNG NHỚ TỚI CỤ ỨNG-HỘE NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ngày mùng 7 tháng mười dương-lịch (1947), quân Pháp thực dân xâm lăng mở một cuộc tấn công đại quy-mô lên Việt-Bắc. Họ cho quân nhảy dù xuống Bắc-kạn, Lạng-sơn, Móng-cáy và Cao-bằng.

Cụ Nguyễn-văn-Tố hồi đó làm Bộ-Trưởng bộ Xã-hội trong chính-phủ kháng chiến của Hồ-Chí-Minh. Cơ quan của cụ đóng ở gần Bắc-kạn. Cụ bị quân Pháp bắt và đem về giam ở Bắc-kạn, cùng với một số người Việt, trong một cái trường học thi phải.

Hồi đó tôi ở Việt-Bắc, thuộc miền Tuyên-quang, Hà-giang. Tôi đã gặp cụ một lần ở Việt-Bắc và sau khi được tin cụ bị hạ sát, tôi có hỏi thăm xem sự thề ra sao ?

Hôm nay, nhân ngày rằm tháng bảy âm lịch, Tết Trung-nguyễn, ở đất Sài-gòn, tôi tưởng nhớ đến cụ và có bài nhỏ này, gọi là một nén hương thấp trên bàn thờ cụ.

* * *

Tôi không biết cụ sinh năm nào nhưng con trai lớn của cụ là Bảo trạc tuổi tôi. Cụ mất đã mười lăm năm rồi. Vậy nếu năm nay cụ có còn sống thời cụ gần bảy

mươi tuổi, cụ mất năm chưa đến năm mươi tuổi. Cái con số này là do tôi phỏng đoán mà thôi.

Mơ màng tới cụ tôi thấy hiện ra trong trí tôi mấy hình ảnh.

Hình ảnh thứ nhất là ông chủ-tịch các cuộc nói chuyện ở Tri-tri, một hội học, ở Hà-nội.

Hình ảnh thứ hai là ông chủ-sư ở Đông-Phương Bác-cô Học-Viện mà nôm na thường gọi là Trường Bác-cô (Ecole Française d'Extrême Orient).

Hình ảnh thứ ba là ông bộ-trưởng (không phụ trách bộ nào) đi thanh-tra miền Việt-Bắc sau khi chiến tranh đã xảy ra ở Hà-nội.

Tôi nhớ kỹ các hình ảnh đó và tôi sẽ cố mô tả sau đây. Tôi không biết rằng cụ sẽ cho là đúng hay sai, nhưng tôi tin là cụ sẽ biết cho tấm lòng thành kinh của kẻ hậu bối

* * *

Ở Hà-nội thuộc phố Hàng Quạt, có một cái nhà hội họp thật to, có một tầng gác, ấy là trụ sở của *Tri-Tri Học-Hội*.

Đấy là một hội tr, lập vào khoảng 1900, mục đích phổ biến sự học tiếng Pháp. Chắc là đã phải có sự đỡ đầu của chính-phủ thực dân Pháp. Nhưng sau hội tư túc vì có nhiều hội viên mà mỗi hội viên hàng tháng đóng tiền. Trụ sở này bây giờ hẵn còn.

Hội, mở các lớp học buổi tối cho người lớn, tiền học rất ít, vì các giáo viên không lấy tiền thù lao. Trong các vị giáo viên đó thì cụ Nguyễn-văn-Tổ là người xuất sắc nhất. Cụ dạy về Pháp-văn. Tôi hỏi đó còn bé không được đi học cụ. Nhưng tôi tin rằng các lớp cụ dạy phải có kết quả mỹ mãn vì cụ đã đứng tuổi, tài cao, tính tình lại vui vẻ. Cụ rất giỏi về văn-phẩm Pháp.

Có lẽ vì cụ dạy quen các lớp học phức tạp này, khi cụ chủ tịch một cuộc diễn-thuyết nào ở trụ sở hội thời cụ giới thiệu diễn giả và đề tài một cách có duyên và dễ dàng.

Nhờ có các cuộc diễn thuyết hàng tuần này mà các tầng lớp tri-thức ở Hà Nội có dịp được gặp gỡ nhau và học hỏi lẫn nhau. Có cuộc diễn thuyết bằng tiếng Pháp và tôi chắc rằng nhiều diễn-giả lấy làm vinh hạnh được nói chuyện ở hội Trí-Tri.

Tôi không biết rằng hội đó bấy giờ còn không và trụ sở đó dùng vào việc gì?

* *

Hình ảnh thứ hai là ông Chủ-sự Đông-Phương Bác-Cô Học-viên.

Cụ vào làm ở viện này sau khi đỗ bằng Thông-ngôn ở trường Bưởi ra. Trường này khi mới lập, cách đây hơn nửa thế-kỷ tên là *Collège des Interprètes*, dạy tiếng Pháp và chữ Quốc-ngữ, chữ Hán cho các học-sinh để sau khi tốt nghiệp sẽ làm nghề Thư-ký thông-ngôn. Một

vị xuất sắc — tức cụ Phạm-Quỳnh — cũng đã xuất thân ở trường này đã từng sự ở Học-Viện nói trên. *Cả hai vị đều là học-giả có công, ấy thế mà mỗi vị một số.* Cụ Phạm bị buộc vào tội thân Pháp, làm Thương thư bộ Học trước, bộ Lại sau. Sau cụ bị giết ở Ủy-ban Tỉnh Thừa-thiên, *bắt giam rồi bị giết ở trong khám.* Ở trường Bác-cô, cụ Nguyễn-văn-Tố làm công việc gì ?

• •

Ở trường Bác-cô, cụ đã làm công việc mà ít ai làm nổi. Tôi phục cụ ở điểm này : ấy là cụ đã làm thư-ký tòa-soạn bộ Ký-yếu của Đông-Phương Bác-cô Học-viện (Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient) trong khi mà chỉ là nhân viên phụ tá (Assistant) như tôi.

Cụ làm việc suốt ngày, trưa ở lại sở, tối mới về nhà ăn cơm. Phòng giấy của cụ ở ngay cầu thang đi lên, hé như cái chuồng chim. Trên một cái bàn thật to, ngón ngang những sách chữ Hán, chữ Pháp, những bản thảo của cụ, những bản đánh máy, những bản ráp nhà in đưa cụ để sửa chữa. Một ông đồ ngồi né ở phía bàn dịch sách cho cụ. Cụ có khách luôn vì ông Giám-Đốc George Cœdès thay hết các công việc tiếp khách cho cụ. Các công văn cụ cũng thảo lấy hết, được cụ coi các công việc hành-chánh, ông Giám-đốc thành thời lăm. Bác-sĩ Huard thường luôn đến hỏi tài liệu hay mượn sách, đã nói với tôi đại khái như sau này « Ông George Cœdès chẳng phải làm việc gì cả, chính ông Tố làm đủ cả các công việc. Đó là một sự thực mà ai cũng phải công nhận. » Cha Cadière có bảo tôi, ở Huế, ít lâu trước

khi cha mất : « Nguyễn-văn-Tổ đã viết nhiều lăm, trong tạp-chí Tri-Tân. Các bài đọc khô khan nhưng thật là những nguồn tài-liệu vô cùng quý giá, rất ích-lợi cho người khảo cứu. Đấy mới thật là một Học-giả. Tiếc thay đã chết oan. Sau này ông cho thu thập những bài của Nguyễn-văn-Tổ mà cho in lại, ấy là ông sẽ có công lăm đấy. »

Phòng làm việc của tôi ở gần phòng cụ. Hàng ngày tôi quấy rầy cụ. Cụ đọc rất nhiều sách và có một trí nhớ lạ lùng. Sau khi tôi khảo cứu kỹ một vấn đề, tôi trình cụ bản thảo.

— Phiền cụ xem hộ cháu bài này. Chắc còn phải sửa chữa nhiều.

Cụ cười ha hả :

— Ông còn trẻ, việc gì mà vội, mà sợ mất công sửa chữa. Chắc ông nhớ câu này của Lafontaine :

Travaillez, prenez de la peine,

C'est le fonds qui manque le moins.

và câu này của Boileau :

Vingt fois sur le metier, remettez votre ouvrage,

Polissez le sans cesse et sans cesse le repolissez.

Rồi cụ nói tiếp :

— Ông đẽ tôi xem. Độ năm hôm, ông sang lấy được không ? tôi chưa đẽ lên chữ ông được không ?

Cụ chưa xong bài của tôi, kèm theo vài trang ghi những nhận xét của cụ, rồi cụ đưa tùy-phái chuyền sang phòng tôi.

Tôi còn nhớ cảm-tưởng đầu tiên của tôi khi tôi lật từng trang một.

Tôi giận lắm và tôi nói mệt mình :

« Thật là một anh đồ già ! Thế này còn ra cái gì nhỉ ! Chưa hết ! Chẳng thà vứt đi cho xong. »

Cụ chưa bài bằng mực đồ làm đồ hoe cả bài, bên kia cụ ghi rõ lỗi thuộc loại nào.

Tôi trước giận cụ nhưng sau khi đọc kỹ tôi giận tôi và tự bảo !

« Giải nghệ đi cho xong ! Cử nhân văn-chương Pháp mà danh từ dùng không đúng, văn-phạm sai, khảo cứu Sử mà tài-liệu thiếu sót, trình bày lại vụng về, để cho một ông thư-ký già chỉ có bằng Cao-đẳng tiểu-học, phải chưa từng vu, từng chữ một, thời thực là nhục lắm. »

Tôi ngồi nghĩ vơ nghĩ vắn. Nghe tiếng gỗ cửa, tôi mở cửa, ông Giám-đốc đi vào.

— Ông đương bận việc ?

— Thưa ông Giám-đốc, tôi bức mình lắm ! Đây, ông xem.

Rồi tôi đưa ông Giám-đốc bài của tôi mà cụ Tố đã chưa. Ông ấy cầm xem qua rồi kéo ghế ngồi trước mặt tôi, mỉm cười và dạy đại khái như sau này :

— Ông bạn trẻ của tôi ơi ! Ông đừng lấy làm buồn. Văn Pháp không phải dễ viết cho hay và nghèn khảo cứu không phải dễ mà làm. Ông còn trẻ, cố gắng đi.

Ông có tất cả một đời người để học hỏi. Ông Tố chưa bài cho ông như thế này là ông Tố qui ông lăm đấy. Ông phải cảm ơn ông ấy và đừng mất lòng, cũng đừng chán nản. À, ông có biết chuyện Bezacier không ?

Bezacier, nhân viên vĩnh viễn của trường, có đưa tôi một bài để đăng. Tôi chuyển sang ông Tố. Tôi tưởng ông Tố chưa rồi trả lại tôi để tôi xem lại và cho in. Ông Tố sau mấy hôm trả lại tôi, không chữa một chữ nào cả.

— Thế nào ông Tố ?

— Ông muốn cho in thì cho in, có gì phải sửa chữa xin ông sửa chữa lấy.

— Tôi hiểu ông rồi ! Bài này không cho in được có phải không ?

— Thưa ông Giám-đốc, khảo cứu đã sơ sài lại sai lầm, lời văn không tha thứ được. Nhiều lỗi quá !

Thế là bỏ trọn bài. Ấy ông Tố tốt với tôi lăm đấy chứ ! Người thực thà lầm.

— Dạ.

Ông Cœdes cười rồi lại bảo tôi :

— Có một lần tôi đưa bài của tôi để ông ấy đăng. Mười hôm sau ông ấy bảo tôi :

« Thưa ông Giám-Đốc, ông đã xem kỹ lại bài của ông chưa ?

— Kỹ lăm, sao vậy ?

— Có lẽ phải chữa nhiều.

— À, tôi hiểu rồi, ông Tố ơi ! Xin ông cứ chữa đi cho tôi. Nếu sau này có ai chỉ trich một điểm gì là lỗi tại ông đấy nhé !

Ấy thế là ông Tố chữa. Ông Tố đã học giỏi lại tốt bụng. Nếu tôi không có ông, ấy phu tá thời tôi làm nhân viên còn hơn làm Giám-Đốc, để được nhẹ mình. Ông Lâu ơi ! ông còn trẻ, nên chịu khó học tập. Ông Tố sẽ giúp ông lăm đấy. Đừng để cho ông ấy ghét mà bỏ rơi thời sẽ khó cho ông lăm đấy ! »

Bây giờ tôi viết bài, phải tự chữa lấy, thật là buồn...

* * *

Cách mệnh nỗi lên, cụ Nguyễn-văn-Tố được mời ra làm Bộ-trưởng bộ Xã-Hội 1945. Cụ lấy ngay một phòng rộng ở trường Bác-Cồ để cụ làm việc với mấy anh em cán bộ. Cụ cứ lui hui cả ngày ở đây, chẳng tiếp ai cả.

Một hôm tôi gõ cửa rồi tự nhiên đi vào.

— À, chào ông Lâu ! Đầu ông bận nhiều việc thì phải ? Nào là Ngoại Kiều vụ, nào là Thống-Kê.

— Thưa vâng, công việc đã nhiều lại khó, nhân viên đã ít lại kém.

— Sao ông lại nói thế ! Chưa làm được gì đã chán nản rồi ? Công việc không có ta phải bời ra mà làm và dù khó đến đâu ta cũng phải có một giải quyết mà tự ta định đoạt. Chính-phủ đặt người đúng chỗ lăm đấy chứ ! Chúng ta từ trước đến nay chỉ là những anh mọt sách, bây giờ có công việc cho Quốc-Gia dù công việc

nhiều, khó như thế nào cũng phải có mà làm. Thôi chào ông! À, ta hòa với Pháp nhưng nếu một ngày kia mà chiến thời chúng ta gặp nhau ở một nơi nào đây... Chúng ta gặp nhau ở Việt-Bắc.

* * *

Đi thuyền ngược con sông Lô qua Bắc-mục, độ nửa ngày đến một cái bến, ở bên tay phải (tức tả ngạn sông, nếu là thuyền xuôi) tên Nôm là Thụt, thuộc xã Phù-Loan. Có hai dãy nhà sát vách nhau, chạy song song với sông, ở hai bên một cái sân đất rộng đến hai mươi mét. Sân này dùng làm chợ, không có quán. Mỗi ngôi nhà lá chỉ có một hay hai gian bề mặt, nhưng dài chia làm hai hay ba lớp. Có một hiệu tạp-hóa của người Tàu và một của người Kinh. Một dãy toàn người Kinh, một dãy toàn người Tàu.

Nguyên trước khi kháng chiến phố Thụt buôn bán sầm uất.

Các lái gỗ từ đường xuôi đến đây đặt hàng. Gỗ đóng bè rồi thả xuống Tuyên-Quang về Hà-nội và có khi về mãi Nam-Định.

Người Kinh ở đây phần nhiều là dân Công-giáo, Thái-Bình, Nam-Định. Họ có làm một nhà thờ bằng lá, một cái trường học. Cha xứ ở Tuyên-Quang thỉnh thoảng mới lên đê làm lễ vì xa quá.

Tôi tản cư lên Thụt. Những ngày tốt trời, tôi đi vào các làng người Thổ, người Mán chơi, nhân thề khảo cứu về nhân sinh Địa-lý.

Một hôm khoảng tháng Tư, tháng Năm, năm 1946, ông chủ nhà tôi trợ có cho tôi biết là có cụ Nguyễn-văn-Tổ qua đây và ngủ lại đêm ở nhà thôn trưởng.

Tôi vội chạy sang nhà thôn trưởng, thấy cụ nằm trên phản.

Vẫn cái áo bông the dài, cái khăn xếp đê bên cạnh cái gối gỗ. Một đĩa đèn dầu lạc đê trên giường cạnh cụ. Tôi thấy cụ như nằm ngủ, không dám đánh thức cụ dậy. Tôi vãy người liên lạc ra ngoài cửa và nói chuyện.

— Chắc cụ đi đường mệt lắm ?

— Vâng. Bi đến mười hôm nay rồi. Đến cháu trẻ mà còn mệt, huống chi là cụ.

— Bao giờ cụ dậy, chú đưa cụ giấy này nhé, rồi tôi biên một cái giấy xin được gấp cụ. Một lát, có người sang gọi tôi.

Tôi sang thấy một mâm cơm, nấm đồi đũa vì có cả ông thôn trưởng và ông chủ-tịch Liên Việt, tôi vái chào.

— Tôi nghe tin cụ Bộ-Trưởng đi qua đây, xin lại kính chào cụ.

— Cám ơn ông ! qui hoá quá. Mời ông ngồi uống rượu với chúng tôi cho vui. Hôm nay đi đường mệt và đói, được ông thôn trưởng và ông chủ-tịch cho ăn ngon và nhiều như thế này, tôi cảm ơn lắm.

Trong bữa cơm kéo dài đến vài ba giờ đồng hồ, cụ hỏi thăm đủ mọi việc. Thật là một cuộc điều tra khéo léo về dân tình và một cuộc giải thích về chính-trị, không

có vẻ tuyên truyền, những lời nói đầm ấm cũng như những chữ, dùng rất thông thường và như rót vào tai các người nghe.

Tôi tai nghe, mắt nhìn cụ, tự hỏi có tin ở lời cụ nói hay không hay là cụ đóng kịch, đóng vai một lão cán bộ tuyên truyền cho trường-kỳ kháng chiến.

Cơm nước xong, cụ bảo tôi « Tôi định sáng mai đi sớm, nhưng gặp ông ở đây, trưa tôi đi cũng được. May mắn mà được gặp nhau. »

Sáng hôm sau tôi sang chơi, thấy cụ đang ngồi uống nước với ông chủ nhà.

— Kìa ông Giáo ! mời ông sang chơi xơi nước. Hôm qua tôi đi mệt quá, được ăn no, ngủ yên. Hôm nay lại phiền ông chủ cho bữa cơm sáng và thuê hộ con thuyền về Bắc-Mục.

Lời cảm ơn công khai và gián tiếp này của cụ không phải là mấy câu khách sáo mà lời thực vì tôi biết cụ thực lǎm.

— À, ông Giáo ! Đằng sau nhà, trên bờ sông tôi thấy có một cây đa to, một cái ghềnh, chúng ta ra ngoài ngồi xem phong cảnh một lát.

Ngồi dưới gốc cây đa cổ thụ, nhìn nước sông Lô đổ ngầu những phù sa, cuồn cuộn chảy xuôi, nghe tiếng thác ầm ầm gần đây nhìn lên thượng nguồn thấy núi non trùng trùng điệp điệp, trên trời lơ lửng mây đen mây trắng, hai chúng tôi, một già một trẻ ngồi lặng yên suy nghĩ.

Hồi lâu, tôi lên tiếng :

— Ý kiến cụ về cuộc kháng chiến này của ta như thế nào ?

— Ấy tôi cũng định hỏi ý kiến của ông.

Chúng tôi lại ngồi im, mãi cụ mới nói :

— Cuộc kháng chiến này sẽ kéo dài lâu lắm vì thực dân Pháp ngu. Dân ta sẽ khổn khổ với chúng, nhưng chúng sẽ không tái lập được cuộc đô-hộ đâu. Nước họ đã kiệt quệ vì cuộc chiến tranh với Đức, họ sẽ chết vì chiến tranh ở thuộc địa. Rồi ông xem nước Pháp sẽ tụt xuống hàng nước Y-Pha-Nho. Á-Châu sẽ mạnh. Trung-hoa và Anh-dô sẽ phục hưng một cách nhanh chóng.

— Thế còn Nhật ?

— Nhật sẽ phục hưng được nhưng không một dân tộc Á-châu nào ưa họ đâu. Họ thâm độc lắm.

— Còn nước ta ?

— Ấy, *quan tha thời ma bắt*, chúng ta sẽ độc-lập bে ngoài mà thôi. Quốc tế sẽ công nhận sự độc-lập ấy. Nhưng trong nước sẽ lục đục, có thể bị chia đôi. Ông có nhớ mấy khoản của hiệp-ước Postdam không ? Gây ra Nam-Bắc phân tranh mới rầy đấy. Nước nhà sẽ kiệt quệ, người Việt sẽ giết người Việt như ngoé ấy. Chỉ khổ cho lũ trẻ mà thôi. Lắm lúc tôi nghĩ, buồn lắm. Suốt đời ăn hại. Chẳng biết chết rồi, về gặp ông bà ông vải, tôi biết ăn nói làm sao với các cụ ? Nhưng thôi, nghĩ vẫn nghĩ vo làm gì. Đời tôi thời bỏ đi rồi. Ông trẻ, cố mà sống. Ông sẽ có ngày được nhìn thấy đất nước tươi đẹp. Ông chịu khó và ngoan không như thằng Bảo nhà tôi. Nhưng tôi cũng khuyên ông mấy câu. *Đừng sợ khủng bố, chó ham danh lợi*, phụng sự nước đi. Nếu không phụng sự được

nước vì bất tài thời phụng sự văn học. Ông có một căn bản văn-hóa, bỏ đi không những là phí mà lại có tội, có tội với ông. Thôi, anh em chúng ta về.

* * *

Trong bữa cơm, tôi thấy cụ ăn rất ít và cũng chẳng nói chuyện gì cả. Tôi cảm thấy là cụ suy nghĩ. Thuyền đã chờ ở bến, cụ chào ông chủ và bà chủ :

— Chúng tôi phải xuôi. Ông bà đối với chúng tôi tốt quá. Tôi đón tay cho mấy cháu ít tiền mua giấy bút đi học chữ quốc-ngữ. Ấy, xin biểu ông bà ít thuốc sốt, thuốc cảm đề phòng khi trái nắng trở trời. Bao giờ chúng ta đánh đuổi hết giặc Tây, đồng bào ai công nào việc ấy, làm gì mà nước chẳng giàu, dân chẳng mạnh ? Nhưng bây giờ thời toàn dân phải vất vả.

Tôi tiễn cụ xuống thuyền, cụ nói rơm rớm nước mắt :

— Trong trường hợp nào ông cũng phải cố mà sống không được phí sức, không chán nản. Chẳng biết bao giờ chúng ta sẽ lại gặp nhau...

* * *

Tôi không được gặp cụ nữa.

* * *

Vào đầu tháng mười dương lịch năm 1947, tôi xuống Tuyên-Quang đi sang châu Tự-Do, vào trạm liên lạc của bộ Nội-Vụ, báo tin cho bộ Kinh-tế là tôi công tác đã xong, xin về bộ chờ lệnh.

Mấy hôm sau, quân Pháp nhảy dù ở Việt-Bắc. Tôi được lệnh đi theo ông Thủ-trưởng Kinh-Tế *Cù-Huy-Cận* và ông Đồng-lý Phạm-thanh-Vinh cùng một số anh em nhà *Khoáng-chất* và *Kỹ-nghệ*.

Chỉ thị là tạm ngưng công việc, di chuyển luôn luôn để tránh máy bay hay để khỏi lọt vào tay quân địch.

Một cuộc phiêu lưu vất vả, nhưng đã giúp tôi quan sát được nhiều Tuyên-Quang, Thái-Nguyên, Bắc-Giang... nay tạm trú ở một cái ấp, mai tản mác trong một thôn người Mán ở Tam-Đảo, địch đánh từ dưới lên, chúng tôi lụt xuống hay tạt ngang.

Sau ông Thủ-trưởng thấy anh em đông quá, sợ sẽ bị lật, bị bắt tất cả thì nguy, bèn bàn với anh em là nên phản tán trong lúc địch đã đang đánh ở át, sau này sẽ lập trung lại.

Tôi không biết đi đâu, đành ngược từ Nhã-Nam lên Bắc-Mục. Phải đi tránh các con đường mà địch hành quân. Làng nào cũng có anh em liên lạc ở trạm. Nhiều lần phải đi đêm mệt hay ốm thì cứ phải nằm ở trạm, cơm nước có người ở trong lán (một cái lều ở trong rừng để chứa gạo, muối) đem ra cho. Tôi đi quanh quẩn đến nửa tháng mới từ Nhã-Nam lên đến châu Tự-Do. Phố xá ở ly sờ châu đã bị (tiêu thô) nhưng dân chúng đã quay về làm mấy cái quán mới.

Một đêm trời rét như cắt ruột, tôi cuốn chiếu nằm trên sàn nhà nghe tiếng mấy ông khách vào xin ông chủ cho ngủ tro. Tôi nhận ra tiếng ông *Đặng-phúc-Thông*, Thủ-

Trưởng Giao-Thông Công-Chinh. Tôi lồm ngồm ngồi dậy ra chào.

— Chào đồng chí.

— Chào đồng chí.

Đặng-phúc-Thông đưa mắt cho tôi, ý bảo không nên nói chuyện tại chỗ đồng người. Rồi Đặng-phúc-Thông đi ra ngoài cửa, tôi theo sau.

Tôi hỏi :

— Anh đi đâu ? Thế nào ?

— Vào khu bốn tôle-chức công việc. Trần-đặng-Khoa (Bộ-trưởng) ở lại khu. Bộ nào cũng phân tán. Nhân tiện nhân danh chính-phủ tôi sẽ lại chia buồn với cụ bà Nguyễn-văn-Tố. Cụ ở Thành, anh biết tin cụ bị Tây hại rồi chứ gì ?

— Trong trường hợp nào ?

— Chưa biết rõ. Cũng chưa tìm thấy xác. Trong chính-phủ ai cũng buồn và giận Tây lắm.

Tới ty sở Tuyên-Quang, nhà cửa bị phá hủy từ lâu, các cây gai mọc lên như rừng. Tôi đương đi len lỏi trong đống gạch vụn, bỗng nghe tiếng gọi :

— Ông Lâu ! Chờ tôi với !

Tôi nhìn ngang nhìn ngửa mãi mới thấy một bà chạy lại. Chính bà Thục-Viên, nguyên Giám-đốc trường nữ trung-học Đồng-Khánh, Hà-nội.

— Ông ở đâu về ? đi đâu ? Có được tin tức gì không ?

Tây chiếm Bắc-kạn, Lạng-sơn, Cao-Bằng phải không? À có phải cụ Tố chết rồi không?

— Mời bà đi qua lèn cây số hai, có cái quán, ta vào xin nước uống, tôi mệt lắm.

Vào trong quán, thấy lỏng chỏng mấy nhánh chuối, mấy cái bánh chưng con, mấy cái bát đàn. Bà Thục bảo tôi :

— Trường trung-học của tôi ở bên kia sông. Nước độc, thiếu ăn, học trò ốm cả... Chuyện ở Khu như thế nào hở ông?

— Tôi không biết gì cả.

— Lại chính sách (Tam không)! Không biết, không nghe, không thấy.

— Tôi cũng chịu sự truyền tin của ta. Bà nói đúng. Tây nhảy dù ở Bắc-kạn, Lạng-sơn, Cao-Bằng và lề té ở nhiều nơi.

— Thế ta đối phó ra sao?

— Tôi chắc là ta rút lui ra ngoài, rồi rủ cho họ ra ta tẩy đàm. Thế nào họ cũng bị tiêu hao, vậy ta sẽ thắng.

— À còn cụ Tố?

— Đây là cái tang riêng cho giáo giới. Cụ đã bị Tây sát hại, Đặng-phúc-Thông cho tôi biết như vậy. Có nhiều giả thuyết về cái chết của cụ.

Hai chúng tôi nhìn nhau.

Mười bốn, mười lăm năm trời đã qua...

Mới rồi, nhân lại trình một bài ở phòng báo-chí, nhà Thông-tin Sài-gòn, tôi được ông Hoàng-Nguyên bảo tôi đại khái rằng : « Một công việc mà nếu ông làm thời hay lăm. Ấy là thu thập các bài của cụ Tố, chú thích và trình bày. Thế nào cũng có người in cho mất một năm công là cùng chứ gì ? ông sẽ ích lợi cho nhiều người. » Tôi trả lời ông Hoàng-Nguyên là công việc sưu tầm các bài của cụ Nguyễn-văn-Tố là công việc lâu và khó. Vả lại in ra, ai mua ?

Để kết luận bài nhỏ này, dù tôi không bi quan cho tiền đồ văn-hóa nước nhà, tôi cũng phải nhận rằng, trong một tương lai gần đây, chúng ta sẽ không có ai thấy được cụ Nguyễn-văn-Tố, một nhà học giả viết rất nhiều mà không để lại một quyển sách con nào cả.

Cụ Nguyễn-văn-Tố đã là một *đạt-sĩ*, đạt rất nhiều phương diện.

Phần thứ hai

Khảo sử

CHƯƠNG MỘT

VIỆC BÀNG GIAO

SỰ BANG-GIAO GIỮA NƯỚC TA VỚI NƯỚC LÀO

Từ năm 1802 đến năm 1843

đã như thế nào ?

LỜI NÓI ĐẦU

Việc giao thiệp giữa nước Việt-Nam với nước Lào, từ năm 1802 đến năm 1843 đã như thế nào ?

Đó là đề tài của bài khảo cứu nhỏ này.

Tôi căn cứ vào sử của ta. Vào sử của Quốc-sử quán, người Lào, lẽ tất nhiên cũng có ghi chép những sự kiện lịch sử của nước họ.

Tôi không biết những tài liệu của người Lào, về việc bang giao với nước ta, từ năm 1802 đến năm 1843.

Vậy bài khảo cứu nhỏ này chỉ theo một chiều, là chiều ta, theo các tài liệu của ta mà thôi.

Có thể sai chăng ?

Có thể sai lầm.

Dù sao, tôi là người tìm dõi quá khứ, là một người học sử, vô tư, chỉ tìm kiếm sử liệu mà thôi.

Tài liệu mà tôi tìm được, tôi xin trình độc-giả. Tôi không có thể tìm hơn được nữa.

Tôi không phê bình gì cả về phương diện chính-trị.

Tôi chép ra sau đây những tài-liệu mà tôi biết về việc giao thiệp giữa nước Việt-Nam ta với nước Lào từ năm 1802 đến năm 1843.

Tài-liệu khô khan và ít ỏi.

Tôi mong rằng, một ngày sau đây, một sử gia sẽ cho chúng ta biết rõ ràng hơn.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

Saigon, ngày 25-3 dl năm 1958

ĐỜI VUA GIA-LONG (1802 — 1820)

1.— Năm Qui-Hợi (1803) tháng tư, nước Nam-Chưởng xin làm tôi nước ta.

Nguyễn lúc trước, trấn Hưng-Hoá dịch thư Nam-Chưởng rằng : « Nam-Chưởng ước với Vạn-Tượng cử binh đánh Man-Hản để chiêu dụ mười hai châu thuộc về Hưng-Hoá, hiệp sức với chúng nó ». Bắc-thành tâu rằng : « Nam-Chưởng ở xa cách nước ta, còn Vạn-Tượng thần-phục bỗn-trieu, không nên theo lời dịch mà sinh sự. Xin sai Quan-trấn Hưng-Hoá cho người dò thám và đưa thư qua Nam-Chưởng tỏ oai-đức Triều-dinh, để xem nó động tĩnh thế nào ». Ngài y theo.

Đến bây giờ, Nam-Chưởng sai tên Nai-Khai đem thư xin đi đường châu Ninh-Biên vào cống. Ngài hạ chiếu truyền Bắc-thành hậu-đại sứ Nam-Chưởng và viết thư trả lời cho Vua nước nó rằng : « Cho như lời nó xin ».

2.— Tháng mười hai, tên Chiêu-Nội ở Trần-Ninh xin làm tôi nước ta, đem bộ hạ chạy sang xứ Trần-Lân (tức là

phủ Tương-Dương). Lúc ấy tên Xà-Cương tranh lập, Nội là con Chiêu-Xanh thấy vậy không phục cho nên chạy qua nước ta. Ngài truyền chỉ cho quan Nghệ-An phát gạo cho.

3.— Năm Giáp-Ti (1804) tháng giêng, Khiến Chiêu-Nội về Trấn-Ninh. Vì Vạn-Tượng đưa thư nói rằng : « Người Thổ không chịu theo Xà-Cương mà muốn lập Chiêu-Nội » cho nên Ngài sai quan trấn Nghệ-An cấp lương cho Chiêu-Nội v.v.

4.— Năm Canh-Ngọ (1810), tháng mười hai, Vạn-Tượng sai sứ sang cống, nhận đưa ba mươi tên linh đào về nước ta. Ngài hạ chiếu khen Vạn-Tượng có lòng thành-thiệt.

5.— Năm Quý-Dậu (1813), tháng sáu, giặc Thổ ở Nghệ-An ăn cướp các huyện. Tổng-Trấn Hoàng-Viết-Toản đem quân đánh, lại viết thư cho Vạn-Tượng đón đường phòng giữ, quan quân bắt được giặc nhiều lăm. (Giặc Thổ đây là người Thái, Mường).

6.— Tháng mười một, có một người học trò Bắc-Thành tàu rằng : « Xứ Trấn-Ninh và xứ Ninh-Biên đất rộng quá, tiếp giáp nước Xiêm và nước Chân-Lạp, xin sai quan Đại-thần phòng giữ ở đó để xem xét tình thế hai nước, nếu Xiêm và Chân-Lạp có việc gì thời mình hợp với Diển-Điện hai bờ đánh lại thế là dùng người Mọi mà đánh người Mọi ».

Ngài truyền dụ rằng : « Xiêm giao hiếu với ta đã lâu, còn Chân-Lạp là phiền-thần nước ta không nên sinh sự ». Bèn truyền chỉ úy-lao người học trò ấy, cho về.

ĐỜI VUA MINH-MẠNG

(1820 — 1840)

1.— Năm Tân-Ty (1821), tức là năm Minh-Mạng thứ hai, tháng ba, nước *Vạn-Tượng* *khiến sứ qua cống*. Ngài ủy-lao hậu thương mà cho về. Nó lại nói đường Nghệ-An ngạnh trở, Ngài dụ cho Quan Trấn ấy đem quân đưa về.

2.— Năm Nhâm-Ngọ (1822), tháng giêng, Ngài *khiến* Quan Phó-sứ Giám-Thành là Đỗ-Phúc-Thinh *qua đạo Cam-Lộ* *đo xem từ sông làng* *Điều-Ngao* *đến* *Ái-Lào* *về* *hình thê* *núi* *sông* *dâng* *lên*. Ngài dụ cho Sà-Trưởng (đầu-mục xứ Mọi) trong bảy xứ Mọi biết, nhưng cấm không được cung-đốn.

3.— Năm Đinh-Hợi (1827), tháng ba, *Vạn-Tượng* *với* *Xiêm* *đánh nhau*. Ngài nghĩ thương-đạo Cam-Lộ thông với Xiêm, bèn *khiến* Quản-đạo Tổng-Văn-Uyễn dò xét việc ấy.

4.— Tháng năm, *Quốc-Trưởng* *Vạn-Tượng* là A-Nô đánh Xiêm bị thua, con là Chiêu-Bá-Thắc bị Xiêm bắt, A-Nô chạy ra Tam-động xin phụ làm dân ngoài biên, dâng đồ cống để cầu cứu. Ngài *khiến* đem lính Thanh, Nghệ, giữ bờ cõi nước mình.

5.— Tháng năm nhuận, *người Xiêm đánh tiếng* : Trước lấy Vạn-Tượng rồi sau lấy Lạc-Hoàn. Ngài giục bọn Phan-Văn-Thúy tấn quân và đưa thư cho A-Nô, nói rằng : « Quan binh đã tới đó, thêm quân đóng giữ, người nên chọn lấy quân đóng vững, đừng sợ gì ».

6.— *Phan-Văn-Thúy* đến Nghệ-An, ủy cho *Nguyễn-Văn-Xuân*, *Lê-Văn-Quyền* tấn quân đóng ở đất Kỳ-Sơn, *Đoàn-Văn-Trưởng* đóng ở đất Qui-Hợp, *Nguyễn-Công-Tiệp* tá-lý việc quân; Thúy đem quân tiếp đến, khiến người đi mật-thám thời lính Xiêm đã đi rồi, người mật thám đến thành Vạn-Tượng đưa thư rồi trở về.

Đoàn-Văn-Trưởng từ Qui-Hợp tấn quân đóng ở Tam-Động; A-Nô nghe quân binh đến, lại trở về Tam-Động.

7.— Tháng sáu, Tù-Trưởng Trần-Minh là *Chiêu-Nội* xin theo ngạch dân minh.

Trần-Ninh nguyên-thuộc về nước ta, đời Vua Gia-Long mời đem đất ấy cho Vạn-Tượng. Đến đây Nam-Chưởng nhờ thanh thế Xiêm tới Xâm Trần-Ninh, vừa người mật-thám ta đến, Chiêu-Nội lại mưu theo về nước ta và xin tấn-binhh đê ngăn Năm-Chưởng.

8.— *Ngài dụ cho bọn Nguyễn-Văn-Xuân qua Trần-Ninh đóng quân giữ*. Bọn Văn-Xuân khiến Vệ-Úy *Tạ-Quang-Cử*, *Nguyễn-Văn-Linh* đem sáu trăm-linh đi trước. Nhân tâu rằng: « Từ Kỳ-Sơn đến Trần-Ninh, khe núi hiểm và cao, vận-trở không được ». Ngài dụ rằng:

« Trần-Ninh trả về ta, ta nhân mà chịu lấy, danh-« nghĩa rất đáng; huống chi rộng được bờ cõi cho ta, « mạnh được phiên-hàn cho ta, cơ-hội ấy không nên bỏ « mất. Nay đồn Lãng-Điền hiện chúa muối gạo hơn ba « nghìn phượng, vận qua cũng tiếp-tế được, nên trước « khiến người truyền bảo cho Chiêu-Nội, phải chúa lương « cho nhiều; Lê-Văn-Quyền đóng lại Kỳ-Sơn, Nguyễn-Văn

« Xuân, Trần-Lợi-Trinh lập tức lựa tinh-binh tấn-phát, mỗi « người mang lương và bạc mà qua ; hễ ngày nào đến « nơi thời trù lương-hường, sửa thành đồn, yên-Ủy cho « dân Mọi sở tại, hỏi cho rõ những các ngạch thuế đất « đai và dân định, mà nhất thiết những công việc sắp « đặt về ngày sau, thời tùy việc tâu lên. »

Ngài cùng các quan bàn việc ngoài biên rắng : « Đất Trấn-Ninh hiềm-yếu, khi trước Lê-Duy-Mật giữ đó được hơn ba mươi năm, hình thế rất hiềm. Chỉ có việc Vạn-Tượng thiệt khó xử mà thôi ; nay nên đưa thư cho Xiêm rồi sẽ liệu lý mới phải ». Thống-Chế Trần-Văn-Long tâu rắng : « Xiêm là lân quốc ta, nay dùng binh mà không nói với ta, ấy là giấu ta thời ta giả như không biết, đưa A-Nô về nước, còn phải đưa thư làm gì ? » Tống-Phúc-Lương tâu rắng : « Xiêm cùng ta giao-hiếu đã lâu, ta giúp Vạn-Tượng mà không đưa thư cho Xiêm thời được bền này mà mất bền kia, không phải kể vạn-toàn, xin nghĩ cho kỹ ».

Tháng bảy, nước Xiêm nghe quân ta đến gần cõi mới đề lại vài trăm lính cùng với em A-Nô là Ấp-Ma-Hạt đóng ở thành Vạn-Tượng ; còn bao nhiêu đem về cả. Ngài nghe việc ấy, dù cho Đoàn-Văn-Trưởng lựa một nghìn lính tinh-tráng ở lại giữ Qui-Hợp, Phan-Văn-Thúy đem Đại-Đài Bình-Tượng về thành Nghệ-An nghỉ ngoi.

11.— Nguyễn-Văn-Xuân, Trần-Lê-Trinh đem quân đến Trấn-Ninh, Quân Nam-Chưởng nghe tiếng bỏ đi, rồi quân ta lượng đê lính khoẻ mạnh ba trăm đóng lại giữ. Bọn Văn-Xuân đều triệt quân về Nghệ-An, cho Quốc-Trưởng Vạn-Tượng là A-Nô trú ở công-quán Nghệ-An, khiến A-Nô

·cho đứa con Ấp-Ma-Hạt về để xem tình hình thế nào. (Nguyên mẹ con Ma-Hạt bốn người theo A-Nô chạy về mình).

12 — Tù-Trưởng Trấn-Ninh là Chiêu-Nội biên những số dân và đất đai trong hạt dem dâng : (định ba nghìn người, ruộng hai mươi tám sô) xin định lệ cống.

Ngài cho Chiêu-Nội làm chức Phòng-Ngự-Sử, quản-ly việc phủ Trấn-Ninh. Còn thô-mục bảy huyện thời đều cho làm chức thô tri-huyện, huyện thừa, đều dù khiếu cho giữ đất, trị dân, kinh-tuân triều-cống cấm không được theo làm việc với Vạn-Tượng nữa.

13.— Tháng chín, khiến quan Giám-Thành Lê-Đức-Lộc, Nguyễn-Công-Tấn đem binh trấn Nghệ-An : một đường theo Qui-Hợp, qua Lạc-Hoàn, một đường theo Lãng-Điền qua Trấn-Ninh đều thẳng đến thành Vạn-Tượng phàm đi qua núi sông nào hình thê hiếm yếu hay là bình-dị và dân cư xa hay gần, nhà ở nhiều hay ít đều phải vẽ đồ dâng lên.

14.— Có ba tên. Tù-Trưởng Mọi huyện Cam-Cát, Cam-Môn, Cam-Linh về châu Trịnh Cao, phủ Ngọc-Ma, trấn Nghệ-An tới dâng đồ thô-sản xin nội thuộc và cung chức cống. Ngài đều cấp cho dấu kiêm bằng gỗ, đồ ký bằng đồng, phong chức Thô Tri-Huyện, Huyện Thừa lại thường cho bạc ; còn lẽ cống năm sau sẽ hay.

15.— Tháng mười hai, đặt chín châu, mười lăm tổng về đạo Cam-Lộ. Lúc bảy giờ các Mọi dâng sổ định điền ; dân định được 10.790 người, ruộng được 922 xứ. Ngài cho Sà-Trưởng đều làm Tri-Châu, Thô Đầu-Mục đều làm Chánh-Tổng.

16.— Năm Mậu-Tí (1828), tháng giêng, *Trấn Hưng-Hoà* nghe nức *Nam-Chưởng* chúa lương nơi biên địa, mưu-phạm phủ *Trấn-Ninh*, bèn đem việc ấy vào tâu. Ngài nghĩ *Trấn-Ninh* mới phụ, làm thế nào để yên cho nó, mới cho quan *Tư-Vụ* *Nguyễn-Văn-Lê* cải làm chức *Cầm-Y-Vệ* hiệu-úy qua đó trú-phòng; khởi phục *Nguyễn Văn Hưng*, *Đinh Phiên* làm chức chủ bộ, bang tá việc trú phòng; lại khiến một trăm lính *Thần-sách* ở *Nghệ-An* theo đi thú, bỗng lương thời cứ quan *Phòng-Ngự-Sử* là *Chiêu-Nội* cung-cấp.

17.— Tháng ba, *châu Mang-Vinh* về phủ *Cam-Lộ* dinh *Quảng-Trị* có tên phạm trốn là *A-Điền-Cáo* họp sáu trăm người *Mọi* phá dân *châu* ấy. Quan trấn khiến *Nguyễn-Văn-Thạch* đem quân đánh và dâng sớ về tâu. Ngài khiến *Phó-Vệ-Úy* *Tôn-Thất-Chur* theo quan *Hiệp-Trấn* *Nguyễn-Công-Đàm* qua *Cam-Lộ* trấn áp. *Thị-Lang* Bộ Lê là *Hà-Quyền* nghĩ mình từng coi việc nơi biên-khổn giữ gìn không cần thận, để cho tên Cáo vượt ngục trốn làm hại dân ngoài biên, bèn dâng sớ nhận tội xin đi. Ngài khen mà cho. *Quyền* tới *Mang-Vinh*, Cáo nghe tiếng trốn trước, *Quyền* chiêu-yên dân thở, khiến cho trở về làm ăn rồi *Quyền* về Kinh.

18.— Tháng tư, lại phát đội quân *Tùng-Thiện* *Nghệ-An* qua *Tân-Cương* phủ *Trấn-Ninh*, khiến Trú-*Phòng* là *Nguyễn-Văn-Lê* *Quản-Lĩnh* kiêm-thúc đặt ra thập ngũ, cấp cho lương-tháng. Lại lựa nơi hoang-mãng, sức cho *Chiêu-Nội* lượng cấp trâu cày, đồ làm ruộng, khiến đội quân ấy khai khẩn thành ruộng để làm của riêng.

19.— *A-Nô* dâng biểu nói: « Đã khiến người chiêu dụ « bộ-lạc ứng theo được gần vạn người, xin nhờ Quan

« binh đến giáp giới đánh tiếng cứu viện để tôi đem binh
 « thắng đến thành cũ, nếu gặp binh Xiêm ngăn trở, tôi
 « xin tự đương; việc xong rồi, nếu Xiêm có lại khuấy
 « nǔa thời tôi xin liều giữ thành trì, không dám như lối
 « trước nǔa ».

Ngài ban tờ sắc khuyên bảo A-Nô và khiến *Phan-Văn-Thúy* sung chức Kinh-Lược Đại-Thần, Nguyễn-Văn-Xuân làm Phó, Nguyễn-Khoa-Hào sung chức Tham-Tán, đem ba nghìn quân, hai mươi con voi qua Trấn-Ninh đóng giữ. Phái biển binh đưa A-Nô về nước khiến sự kết hòa hiếu với Xiêm, để cho bỏ hiềm cũ với Vạn-Tượng. (Tặng Vua Xiêm hai cân Kỳ-Nam, sa, địa-mộc, sà-bông, vải nhỏ, mỗi thứ 100 cây, cho Vua thứ hai một cân Kỳ-Nam, một cân quế, sa, địa mộc, sa-bông, vải nhỏ mỗi thứ 50 cây).

20.— Mời đặt phủ Trấn-biên ở Nghệ-An những huyện Xa-Hồ, Sầm-Lộ, Man-Soạn, Mang-Lan, Trình-Cố, Sầm-Na và Man-Xuy đều được đem thuộc phủ ấy.

21.— Phát thuốc chữa bệnh trong kho ra cho Tướng Sĩ Sở Kinh-Lược; khiến quan Phòng-Ngự-Sử Chiêu-Nội chữa lương ở Lạc-Điền để quân dùng; lại khiến quan trấn chở ba nghìn lương bạc trong kho đến nơi quân thù.

22.— Tháng năm, mời đặt Thổ Tri-Huyện và Huyện-Thừa cho bảy huyện phủ Trấn-Ninh, đều cấp sắc mạng, đồ ký, nhưng theo phủ Trấn-Ninh, thống-nhiếp.

23.— Bọn *Phan-Văn-Thúy* đến Trấn-Ninh đóng binh ở Lạc-Điền. A-Nô tự xin đem quân dân nơi Phì-Tạo về

thành Viên-Chiên. Thúy khiến chánh đội Nguyễn-Trọng-Hiệp đem đội quân Thần-Sách đưa A-Nô còn Thúy đem quân Đại-Đội trở về.

24.— *Đặt sở Đồn-Hiền tại Phủ Trấn-Ninh.* Ngài bảo bộ-binh rằng: « Trấn-Ninh đất rộng người ít, địa lợi chưa mỏ hết mà sĩ tốt không việc, chỉ ăn nhờ người ta, sao cho được lâu? » Bèn khiến Hiệu-Úy Nguyễn-Văn-Lê đem binh đinh và tù phạm đóng đồn làm ruộng để chứa cho nhiều lương.

25.— *Truyền cho binh trú phòng ở Trấn-Ninh về,* còn những tù phạm phát qua, làm binh, làm nô thời giao cho Phòng-Ngự-Sử Chiêu-Nội quản-thúc.

26.— Tháng sáu, A-Nô đến thành Viên-Chiên, binh Xiêm lui về đồn Phiên-bác đóng giữ rồi lại trở lại chiếm lấy kho Vạn-Tượng. A-Nô cùng với Tướng Xiêm đánh nhau, quân chết và bị thương nhiều lắm.

27.— Ngài dạy rằng tại A-Nô gây hiềm liền sai Phan-Văn-Thông thiết trách nó và khiến nó tạ lỗi Xiêm, trả súng ống khi giới cho Xiêm để khỏi đánh nhau. Lại khiến bộ Lê viết thư ủy Chánh-đội Hà-Tiên là Mạc-Công-Tài để qua Xiêm.

28.— Kịp khi bọn Phan-Văn-Thông đến bờ sông Khung-Giang (tức là sông Cửu-Long — Mekong), bị tướng Xiêm là Thung-Vi-Xây chặn đánh. Thông với tùy binh bị hại cả, chỉ có Lê-Đình-Đuật bị bắt qua Xiêm. Có tên lính Mọi chạy thoát được về báo Nghệ-An, quan trấn đem việc tàu lén. Ngài khiến quan trấn phái người sang thám

thỉnh nhung truyền cho các tù-trưởng Tam-Đông, Lạc-Hoàn nhóm các bộ-lạc cứ địa hạt mà phòng giữ.

29.— Tháng bảy, mới đặt phủ Lạc-Trấn và phủ Tĩnh-Biên ở Nghệ-An. Khi trước các Tù-Trưởng Tam-Đông, Lạc-Hoàn đến Trấn dâng đồ thô sản, xin cho sắc ấn và chức hàm cũng như ba phủ Trấn-Ninh, Trấn-Biên và Trấn-Định, đều được thuộc về bờ cõi nước ta, đời đời dâng chức công. Quan Trấn tâu lên, Ngài y cho.

30.— Tháng chín, Vua Vạn-Tượng sai người đến Nghệ-An xin cứu viện. Ngài khiến trấn ấy phúc thư cho A-Nỗ rằng:

« Triều đình thương người hoạn nạn, cứu kẻ cô đơn, « lo cho phiên-quốc cũng đã hết sức. Gần đây, nước « Xiêm sinh việc chura biết có phải chủ ý. Vua Xiêm « hay là tai biên-trường cầu công ? Nhưng Triều-đinh lấy « nghĩa hòa với lân-quốc, lẽ nào tự mình động việc « binh ? Nghe nói quân người còn đến vạn người, lương « hướng không thiếu, chứng cũng đủ giữ được, người nên « thu phủ thân dân, giữ yên bờ cõi, Xiêm lại thời cự, « Xiêm đi đừng theo, không nên châm đánh người ta, « phải gắng tự cường mà chờ cơ hội. Triều đình đang « xét kỹ tình hình người Xiêm thế nào, sẽ có cách xử trí « lớn lao ».

Lại khiến đời hai nghìn lính hạ-ban, quân-thần-sách ngày ngàу theo luyện và phi sức cho phủ Trấn-Ninh, Trấn-Tĩnh, Trấn-Định, Lạc-Biên, phủ nào phải tuần phòнг địa phận phủ ấy.

31.— *Nam-Chưởng sai sứ tới cống.* Ngài cho chiêm-báي trước điện rồi đòi vào yên-Ủy (Định năm Thìn, Tuất, Sửu, Vi, ba năm một lần cống).

32.— *Mới đặt phủ Trấn-Man,* đem huyện Trình-Cố, Sầm-Na, Man-Xuy ở Trấn-Biên lập ra phủ ấy mà đổi thuộc về trấn Thanh-Hoá.

33.— *Vạn-Tượng đánh với Xiêm bị thua,* A-Nô bỏ thành chạy, Ngài dụ quan trấn Nghệ-An chia binh Thần-Sách qua trú phòng phủ Trấn-Ninh và Trấn-Tĩnh, mỗi phủ ba trăm người, phủ Trấn-Định một trăm năm mươi người để giữ địa giới. Và phái ba trăm lính trú đồn Qui-Hợp làm tiếp ứng. Lại dụ Bắc-Thành, Thanh-Hoá và Ninh-bình đòi lính huyện tập để phòng khi sai phái.

34.— Tháng mười một, bọn Lê-Nguyễn-Hy từ Xiêm về. Nguyễn trước bọn Hy vàng mang qua Xiêm, Vua Xiêm hậu đãi, nói hết cớ Vạn-Tượng gây oán ; rồi đưa quốc-thư và phẩm vật đáp tạ, nhờ bọn Hy đem về dâng.

35.— *Quan trấn Quảng-Trị lâu :* « Tướng Xiêm đem quân tới xâm châu Tầm-bốn giả nói đánh Vạn-Tượng, nhân cướp các dân Thủ và đòi hỏi công thuế các Châu » Ngài khiến Tượng-Quân Thống-Chế Phạm-Văn-Điền kinh-lý việc biên đạo Cam-Lộ, Lê-Đăng-Dinh làm Tham-Tán. Lại khiến quan trấn Nguyễn-Danh-Bi đem binh trấn đi theo điều-hộ và khiến Tả-Dinh Thống-Chế Nguyễn-Văn-Phụng đem lính kinh, Quản-đạo Cam-Lộ Nguyễn-Văn-Thạch đem lính cơ Định-Man và lính thủ chín châu đi tuần tiễu. Nguyễn-Danh-Bi trấn binh đóng ở Ai-Lao, đánh tiếng círu-viện cho Nguyễn-Văn-Thạch.

36.— *Mới đặt lưu quan các huyện ở phủ Tương-Dương và chức Trấn-Thủ Lãng-Điền, Ngạn-Phố.*

37.— *Bọn Phạm-Văn-Điển, Lê-Đặng-Dinh tấn quân đóng ở Châu Lang-Thần, từ cho Nguyễn-Văn-Phụng đem binh thảng đến Ai-Lao. Nguyễn-Danh-Bi tấn quân đến Châu Ba-Lan đưa thư cho Xiêm, tránh điều gây oán. Tướng Xiêm Lý-Khuất dẫn quân đi. Ngài khiến triệt quân về.*

38.— *Bọn Phạm-Văn-Điểm về kinh, đem dâng bức địa đồ từ sông Khung đến Ai-Lao. Ngài hỏi tình-trạng người Xiêm và phong vật chín châu. Điền tâu rằng : « Người Xiêm khi mới đến thường cướp phá ; từ khi quân ta tới, nó trông chừng chạy trốn. Còn Bộ-Lạc chín châu, bấy lâu cảm oai-đức Triều-Định, vừa nghe đài thời ứng mạng liền, nhưng tựu-trung chín Mang-Vinh ứng trước, như nơi Cương-Tường có việc, thời chúa ấy gởi giỏi hơn ».*

Ngài ban rằng : « Từ Ai-Lao đến Quang-Trị, đi không « đầy mười ngày, thiệt là nơi quan-yếu, phải nên mở mang, « nhân chõ hiêm lập đồn, để làm rào giậu ngoài cho nước » ta, chừng mười năm, thời người chín châu ấy đều làm « quân ngũ cho Triều-định được ».

39.— Năm Kỷ-Sửu (1829), tháng giêng, *Ngài cho con A-Nô nước Vạn-Tượng là Chiêu-Sơ, Chiêu-Tiễn trú ở phủ Trấn-Tĩnh khiến quan trấn mật-sức cho quan phủ phải phòng vệ một cách kín đáo, nếu chúng nó có thiếu thốn thời chúa cấp cho.*

40.— Tháng hai, *khiến sứ đưa thư qua Xiêm, cho Lang-Trung Bộ Hộ Bạch-Xuân-Nguyễn sung chức Chánh-sứ, Trương*

Văn-Phụng, Nguyễn-Hữu-Thức sung Giáp, Ất Phó sứ. Ngài nghĩ chuyến này đi sứ không phải là việc tu-hiếu tầm thường vậy nên ngài định-ninh dạy bảo sứ thần lại khiến các quan nghĩ trước mẩy điều vấn-đáp giao cho sứ thần ghi nhớ.

41.— Tháng ba, Xiêm-La khiến sứ thần là Sá-Hà-Mô Lạc-Phu tới tạ hoà-hiếu. Ngài cho vào yết-kiến, đem ba việc :

1.— là lập Vua Vạn-Tượng,

2.— là trùng-trị tướng Xiêm khai hấn,

3.— là mùa đông năm ngoái, Tướng Xiêm là Sủng-Sam thiên-tiên xâm các châu Cam-Lộ, cũng nên trùng-trị cho hai nước khỏi oán nhau.

Bắt nó về nói với Phật-Vương liêu lý cho mau, không thể thời tình giao-hiếu ba bốn đời nay, e không trọn được.

42.— *Thồ-Mục chín châu ở Cam-Lộ vào cổng, đều dâng đồ thồ sản tạ ơn* (chín con voi đực). Ngài thường cho ba người Thồ-Tri-Châu đồ thường-triều, áo mǎo thất-phẩm. Khi chúng nó vào bái yết, nghi-tiết cũng nhảm, Ngài bảo bộ Lê rằng : « Năm ngoái, ngoài biên có việc, chúng nó vừa nghe giấy đòi, thời ứng mạng ngay. Nay mới mặc áo triều mà biết xu-bái chốn điện-định, không thất-nghi, thiệt là chúng nó noi theo đức-hoá, bởi tự lòng thành, ta khen lắm ». Bèn cho kẻ đi theo và Thồ Lại-Mục mỗi người một hộ áo sa ; Đầu-Mục mỗi người cái áo sa ; lại đặt hộ cho các Thồ-Tri-Châu.

43.— Tháng năm, lập lỵ-sở phủ Tương-Dương và huyện Vĩnh-Hoà, Hội-Nguyên, Kỳ-Sơn thuộc về Nghệ-An : dời đồn bảo ở dọc ngoài biên đem về phía tây phủ-ly, để làm nơi đây tù phạm. Lại lập kho tạm ở tân-phủ Lãng-Điền thu thuế sáu tổng huyện Nam-Đàn và Thanh-Chường chưa vào đó.

44.— Tháng bảy, Bạch-Xuân-Nguyên từ Xiêm về. Ngài khiến qua Quảng-Trị Hội-đồng với quan Thanh-Hiệp Hà-Duy-Phiên làm giúp việc Tỉnh.

45.— Định lệ thuế các phủ huyện mới mở tại Thanh, Nghệ. Mỗi định một năm nộp bạc hai đồng cân. Phòng-Ngự-Sử và Thổ Tri-huyện, Huyện-Thừa theo ngạch thuế mà thu, đem nộp nơi sở tại. Ruộng cày mỗi năm thay đổi khác chỗ, thuế chánh-cung không biên vào sổ thuế, có khi nào điều bát việc quan thời tùy nơi lương lày lúa gạo, cũng đủ quân-nhu các sở biên-phòng.

Như gặp tiết Khánh-diễn, cho đem vật thổ sản tới Kinh chúc thọ.

46.— Tháng mười, khiến Long-Võ Vệ-Úy Tạ-Quang-Cự quyền lĩnh Phòng-Ngự-Sử Phủ Trấn-Ninh.

Khi trước Phòng-Ngự-Sử Trấn-Ninh là Chiêu-Nội bắt Vua Vạn-Tượng là A-Nô dâng cho Xiêm mà lấy hết của Quí. Ngài nghe, nhưng còn dung cho. Bây giờ đến kỳ cống, không thấy mò lời, Ngài quở trái hạn, truyền đòi ; Chiêu-Nội thắc bệnh không đi. Ngài mới khiến Quang-Cự đem binh đến Phủ mà tuyên lời dụ, như nó vâng mạng thời ngay ấy phải đi ngay, mình sẽ phái quân hộ-

tổng ; nếu nó thắc cớ dùng-dắng thời bắt xiềng lại mà giải về Trấn ; nó toan mưu chống-cự thời chém ngay ở trước quân cho chúng biết sợ.

Tạ-Quang-Cự bắt được Phòng-Ngự-Sử Chiêu-Nội giải về Kinh-Sư. Ngài giao cho đình-thần hội-trá, nó chịu thú cả, đem giết và đem tội nó báo cáo cho các thô-phủ mới lập đều biết.

47.— Tháng mười hai, cho Tạ-Quang-Cự làm Cảm-Y-Vệ-Chưởng-Vệ-Sư, nhưng quyền lĩnh Phủ Trấn-Ninh. Cự tâu cử Thô-Mục huyện Quảng là Chiêu-Huống, Khâm-Quét đều là người quen việc cho làm Bang-Tá việc Phủ. Ngài cho.

48.— Năm Canh-Dần (1830), tháng giêng, *thưởng phảm vật cho quan-binh trú phòng ở phủ Trấn-Ninh*. Ngài dụ bọn Tạ-Quang-Cự đem việc tướng sĩ yên lành, thô-dân yên lặng tâu lên, mỗi tháng tư cho Nghệ-An hai lần. Ngài lại thấy Thô-Mục làm việc giỏi mới cho Chiêu-Huống làm Thô Tri-Huyện, Khâm-Quét làm Thô Tri-Huyện-Thừa sung chức Chánh, Phó Bang-Tá, chế ấn quan-phòng ban cấp. Ngài lại lấy ba viên ngọc trắng của Chiêu-Nội dâng khi trước, thưởng cho tên Huống (hai viên), tên Quét (một viên).

49.— Tháng tư, Tạ-Quang-Cự tâu : « Dân xứ Mường-Cài trong phủ Trấn-Ninh hơn trăm người xiêu-lưu qua Nam-Chưởng chưa về ». Ngài khiến Bộ Lễ truyền dụ Sứ-thần Nam-Chưởng khi về nước phải nói với Quốc-Vương cho lưu dân Mường-Cài trở về đất cũ, không được dung lưu. Lại đem lời ấy viết vào tờ sắc thư đề Vua Nam-Chưởng tuân hành.

50.— Tháng tư nhuân, lại *cho Thống-Chế Nguyễn-Văn-Hiếu* lĩnh trấn-thủ Nghệ-An, đòi Tạ-Quang-Cự về. Cự ở Trấn-Ninh, nghiêm ước-thúc, cấm cướp phá, những tù phạm khi trước Chiêu-Nội giam cầm thời tha cả. Từ đó, trong cõi yên lặng.

Ngài ban khen. Lại nhớ đến năm trước Phan-Văn-Thúy cử được người giỏi, thưởng cho ba cây sa-đoạn trong kho, khiến con là Chánh-Đội Phan-Văn-Cửu đem qua ban-cấp, để khuyên kẻ cử người hiền.

51.— Tháng sáu, *Xiêm-La* khiến sứ đem quốc-thư và đồ thô-sản qua ta. Khi đến Kinh, Ngài đòi lên điện, cật hỏi việc Sảng-Sam sinh sứ, khiến về nói với Vua Xiêm nên giết tên ấy cho toàn nghĩa lân-quốc. Kịp khi về, Ngài khiến đình-thần lại soạn tờ thư giao cho.

52.— Tháng mười, (ngày mốt), Trấn Nghệ-An tâu : « *Xiêm đưa thư cho Phủ Trấn-Ninh dù nó cống Xiêm, xin khiến Phòng-Ngự-Sử Chiêu-Huống phúc thư đem nghĩa lý mà cự* ». Ngài cho. Lại phái người qua Vạn-Tượng xét hỏi tình-trạng ngoài biên mà tâu lên.

53.— Năm Tân-Mão, (1831), tháng hai, *Phủ Trấn-Tĩnh, Lạc-biên* thuộc về Nghệ-An tình-nghuyện nộp thuế. Ngài cho mỗi người một năm nộp bạc hai đồng cân, như lệ Phủ Trấn-Ninh, Trấn-Định và Trấn-Biên. Chỉ dân Lạc-Biên chưa được no đủ, già ơn triền-hoãn.

54.— Tháng ba, *Tổng-Trấn Gia-Định Lê-Văn-Duyệt* tâu : « Thám nghe nước Xiêm đánh tiếng đem binh phòng-ngự con A-Nô nước Vạn-Tượng là Hạt-Xà-Bông, kỳ-thiệt muốn lén tới xâm nước ta.

Và lại bạn thân nước Chân-Lạp tên là Óc-Nha-Chiết-Ma ở Chàng-Kê-Súc lén dụ người Lạp trốn làm phản, phải nên dự phòng. Tôi đã phái thuyền binh qua, đồn Châu-Đốc, đánh tiếng đi lấy gỗ mà mật súc cho quan Bảo-Hộ (1) cho tùy cơ ứng biến ».

55.— Khiến *quan-trấn Nghệ-An* phái người giỏi lén qua thám thành Vạn-Tượng coi có binh Xiêm đóng không ? Và tin tức Hạt-Xà-Bông, tình-trạng Xiêm đóng tĩnh thế nào ? Chạy giấy mau về tâu.

Rồi tâu rằng : « Thành Vạn-Tượng bỏ hoang, cũng không có binh Xiêm đóng : Hạt-Xà-Bông trốn vào rừng, không biết còn hay mất ». Ngài khiến lục tờ tấu ấy, giao Lê-Văn-Duyệt, Nguyễn-Văn-Quế xem kỹ cho tóm hết tình thế ngoài biên ; rồi khiến triệt quân phòng biên về Gia-Định.

56.— Năm Nhâm-Thìn (1832), tháng giêng, định lệ thuế chín châu phủ Cạm-Lộ tỉnh Quảng-Trị. Bọn Thổ Tri-Châu tinh nguyễn mỗi năm nộp ngạch thuế như các phủ Thổ mới lập ở Thanh, Nghệ mà tha chức cống. Ngài cho. (Mỗi năm một người nộp bạc hai đồng cân, chỉ Tâm-Bôn, Ba-Lan, Mang-Bông ba châu ấy cho nộp thay tiền mỗi người một quan).

57.— Cho Phòng-Ngự Đồng-Tri-Phủ Trấn-Ninh là Chiêu-Huống làm Phòng-Ngự-Sử. Ngài cho họ là Kiều tên là Huống, Thổ tri-huyện Khâm-Quét làm Phòng-Ngự Đồng-

(1) Năm Kỷ-Sửu (1829) tháng sáu, Thống-Chế lãnh chúa Bảo-Hộ Chân-Lạp Nguyễn-Văn-Thụy mất, Ngài cho quan Thống-Chế Nguyễn-Văn-Tuyên lĩnh-ấn Bảo-Hộ Chân-Lạp. Năm Nhâm-Thìn (1832), tháng giêng, Tham-Tri lãnh Hộ-Tào Gia-Định là Ngô-Bá-Nhân bảo-hộ Chân-Lạp, giữ đồn Châu-Đốc, kiêm-lĩnh việc Hà-Tiên.

Tri cho họ là Khâm tên là khuyết nhưng hiệp đồng quản lý việc phủ. Vì các phủ, huyện mới lập ở Trấn-Ninh mấy năm nay được yên lặng, Ngài khen bọn Huống biết chăm Chức-Sự, hoà nhân-dân nên cho thăng. Ngài lại thấy các phủ huyện mới lập ở Thành, Nghệ đã đặt chức quan mà danh xưng còn theo thói Thồ vậy nên cũng cho họ và tên như người Hán (1).

58.— Tháng năm, *đặt huyện Liêm ở Nghệ-An*, thuộc về Phủ Trấn-Ninh (số dân được 130 người, mỗi năm mỗi người nộp bạc hai đồng cân).

59.— Tháng tám, *Xiêm-La khiến sứ tới báo tang vua thứ hai*, Ngài cho vào chầu, hậu đãi cho về. Ngài khiển Lang-Trung Nguyễn-Hữu-Thúc sung chức Chánh-Sứ qua điếu. Ngài dạy rằng : « Sứ-Thần có sách chuyên-đối ; người đi chuyển này phải hỏi nó « về tội tên Sủng, Sam, khi bàn luận đem nghĩa lý mà trách. Nếu nó biết lối nhẫn cự thời cũng đã không nhục sứ-mạng, không nên hâ-trách quá đẽ giữ thề-thống trong nước ».

60.— Tháng chín, *lập đồn Định-Biên ở Nghệ-An* : đồn ở phủ Trấn-Ninh xứ Lang-Man.

61.— Năm Qui-Tị (1833), tháng giêng, *Tổng-Đốc An-Tịnh là Tạ-Quang-Cự* tâu :

« Lạc-Biên cách xa tỉnh thành, ở gần bờ nam sòng Khung, Xiêm thường tới phỉnh dỗ. Vả lại thói Mọi th-

(1) Nhưng chính ở Phủ Trấn-Ninh, tháng hai năm Nhâm-Thìn (1832), có đảng của Lê-Duy-Lương nổi lên để đi ra Bắc, Tạ-Quang-Cự đón bắt được.

hay không chỉ ngó ở người Thổ-Mục nó mà thôi. Tên Chuyên-Cương già yếu không phòng chế được, tên Phi-Mang-Chân đã có dị-tâm, nên trừ cho sớm. Nay đã bắt được Phi-Mang-Chân cho ở tỉnh chục hầu ». Rồi phái Vệ-Úy Văn-Hữu-Xuân qua đánh tiếng trú phòng mà mật nã em Chuyên-Cương là Hạ-Xà-Bút giải về trùng-trị.

Ngài dụ rằng : « Chuyên-Cương quả thiệt già yếu, nên lựa người nào mẫn-cán thay làm việc phủ ». Ngài lại nghĩ phủ Lạc-Biên, Trấn-Ninh địa giới giáp sông Khung, đường đi bộ không tiện bằng đi thuyền, khiến quan tỉnh lựa chỗ nào có sông, khe thông với sông Khung thời chế sáu chiếc thuyền sai để dùng. Quan tỉnh mới xin đòi thợ đóng thuyền tại bến Tiều-Khê bờ Bạc-phiệt (nơi Chuyên-Cương ở, thuộc về phủ Trấn-Ninh).

62.— Tháng ba, tỉnh Nghệ-An tàu : dân phủ Trấn-Ninh và Lạc-Biên đói. Ngài khiến phát lúa kho hơn 1.000 hộc, xay gạo chở qua cấp phát.

63.— Tháng tư, thư Bố-Chánh Nghệ-An là Nguyễn-Đinh-Tân và Án-Sát Võ-Đỉnh tàu : « Dân Mọi Nam-Chưởng tới buôn ở Trấn-Ninh có tên mang súng điều-thương, binh khí, tinh hơi nghi ». Ngài khiến quan trú phòng là Hoàng-Nghĩa-Uyễn hiều-thị nó, đại-lược rằng : « Khi trước nó tới có mang binh khí nên người giữ biên-cương cứ phép bắt lại vào tàu. Triều đình thương người xa, không nỡ hâ-trách, nay về sau không được phạm phép như thế nữa ».

64.— Tháng năm, tỉnh Nghệ-An có quan Tuyên-Úy Đồng-Tri-Phủ Lạc-Biên là Chuyên-Cương trốn làm phản chạy qua Xiêm. Người Xiêm dung nạp. Thổ-Mục Chiêu-Bông,

Phì-Xà-Nộn không chịu theo chạy báo với tinh, quan tinh lâu lên. Bố-Chánh Nguyễn-Đình-Tân, Án-Sát Võ-Đĩnh mỗi người phải giáng hai cấp. Cấp băng cho Chiêu-Bông, Phì-Xà-Nộn quyền coi việc phủ, khiến chiêu dụ dân cho khỏi.

65.— Bố-Chánh Tỉnh Nghệ-An là Nguyễn-Đình-Tân lâu xin phái thêm binh Thần-Sách thay trú phủ Trấn-Ninh.

Tháng tám (hay chín), Tạ-Quang-Cự lại về Nghệ-An sung chức Tông-Đốc (hồi trước Cự làm Tông-Đốc Quân-Vụ đạo Ninh-Binh đi đánh Lê-Duy-Lương). Tháng Mười, Cự làm Tông-Thống Đại-Thần đem quân đi Lạng-Sơn đánh giặc Thổ, Nguyễn-Văn-Xuân quyền lĩnh Tông-Đốc An-Tịnh.

Tháng mười một, nước Xiêm đem đại quân tới đánh Gia-Định. Ba đạo quân thủy và quân bộ đều đến : một đạo theo đường bộ Bắc-Tầm-Bôn mà tới, một đạo theo đường Biền Hồ mà tới, một đạo theo đường biển Chân-Bôn mà tới.

Tháng mười hai, tỉnh Hà-Tiên thất thủ, quân Xiêm xâm thành Nam-Váng, An-Giang cũng thất thủ,

Trương-Minh-Giảng và Nguyễn-Xuân đánh được quân Xiêm ở Thuận-Cảng (thuộc huyện Đông-Xuyên).

Tuy vậy, thế quân Xiêm rất mạnh. Lại còn muốn đánh quân ta ở Quảng-Trị, Trấn-Tĩnh (Nghệ-An), ở một mặt trận thứ hai.

Tháng năm, năm Quý-Tị (1833) Lê-Văn-Khôi nổi giặc ở Gia-Định ; hai tháng sau, Nùng-Văn-Vân — Anh vợ Khôi — làm loạn ở phía Bắc-Kỳ. Lê-Duy-Lương bị bắt vào tháng sáu năm Quý-Tị.

66.— Tháng mười hai, « Tướng Xiêm và người Vạn-Tượng đem hơn một nghìn quân Mọi xâm các châu về đạo Quảng-Trị. Việc ấy tàu lên, Ngài dụ bộ Binh rằng : « Đó chẳng qua là chúng nó muốn làm cho ta phân binh-lực mà thôi ». Liền phái Kinh-Tượng Vệ-Úy Lê-Văn-Thụy ra hội-tiêu.

67.— Giặc Xiêm lại xâm địa đầu phủ Trấn-Ninh ở Nghệ-An. Chúng nó lại đưa thư qua phủ Trấn-Ninh đòi trả dân Vạn-Tượng lại. Việc ấy tàu lên, Ngài phê rằng : « Đó chẳng qua chúng nó làm thanh-thế để chủ mưu khuấy Chân-Lạp mà thôi ».

68.— Giặc Xiêm xâm phủ Trấn-Tĩnh ở Nghệ-An, quân ta lui về động Giăng-Mản. Giặc lại lui đóng tại khe Như-Ôi (chỗ ấy có hai con đường : một đường qua châu Qui-Hợp, một qua châu Trú-Cầm), phân đường xâm phía bờ sông Hiên-Bôn thuộc phủ Trấn-Định (sông Hiên-Bôn là từ sông Gianh phân phai ra, thuộc về địa đầu huyện Cam-Cát). Huyện Cam-Môn và huyện Cam-Cát phi báo với quan Trấn-thủ Ngàn-Phố xin binh chống cự. Bố-Chánh Nguyễn-Đình-Tân và Án-Sát Võ-Đĩnh liền phái phòng giữ các nơi.

« Năm Giáp-Ngọ (1834), tháng giêng, Trương-Minh-Giảng « đánh được quân Xiêm hai lần ở sông Cồ-Hồ ; các tướng Chân-Lạp (tên Long, Vu) cũng thắng trận. (Lê-Văn-Khôi đau bệnh chết). Châu-đốc, Hà-Tiên, Nam-Vang đều lấy lại được và Vua Cao-Man được đưa về nước.

69.— Ở đạo Cam-Lộ, Vệ-Úy là Lê-Văn-Thụy đem binh đến Thủ-Kê đánh giặc Xiêm kéo thắng đến châu Tầm-Bồn, Mang-Bồng, giặc bỏ đòn trốn trước. Thụy tâu xin đem quân về. Ngài khen, y cho.

70.— Nhưng nước Xiêm lại đem hơn năm nghìn quân xâm đồn Còng-Nhạc, Châu-Mang-Bồng về đạo Cam-Lộ. Bọn Lê-Văn-Thụy đánh phá tan băt được Tướng Xiêm là Mạn-Sác-Khôn-La-Mân và khi giới và tên Khiếu-Lại lấy được nhiều súng ống khí giới, chạy cờ đỏ báo tiệp.

71.— Sai Thần-Sách Thống-Chế Phạm-Văn-Điền đem lính Kinh ra Nghệ-An cùng puan Chưởng-Cơ là Lê-Thuận-Tỉnh đánh giặc Xiêm. Khi trước Vệ-Úy Nguyễn-Đức-Long giữ phủ Trấn-Tĩnh, sai Suất-đội Lê-Bảo giữ đồn Nông-Lũng, gặp giặc Xiêm, quân mình ít không địch nổi ; giặc phân binh đánh phủ Trấn-Tĩnh, Đức-Long lui quân giữ núi Giăng-Màn. Bố-Chánh sứ Nguyễn-Đình-Tân, Án-Sát Võ-Đĩnh phì-tư cho Lê-Thuận-Tỉnh phải đến mau đánh giặc. Ngài nghe, truyền xiềng Nguyễn-Đức-Long mà định tội cho nghiêm, cho Phạm-Văn-Điền đem binh đánh giặc.

72.— Tháng hai, Trấn-Ninh Phòng Ngự-Sứ là Kiều-Huống, Đồng-Tri là Khâm-Khuyết làm phản.

Quan phủ Tương-Dương phi báo, bọn Nguyễn-Đình-Tân đem việc tâu lên. Ngài sai Hữu-Quân Nguyễn-Văn-Xuân lĩnh chức An-Tịnh Tồng-Đốc lại sung chức Kinh-Lược Đại-Sứ đê đi đánh giặc Trấn-Ninh. Vì Xuân trước từng làm quan Nghệ-An đã thuộc hết biến-tình nên mới sai đi.

73.— Quản-Vệ đạo Trấn-Tĩnh là Nguyễn-Văn-Thu đánh được giặc Xiêm ở xứ Na-Khám và xứ Xán-Ca.

Trong đạo Nam-Vang, giặc Xiêm đã dẹp yên (về cuối tháng hai). Ngài xuống dụ cho Trương-Minh-Giảng, Thái-Công-Triều về Gia-Định sai phái.

Vậy quân Xiêm hoàn toàn thất bại ở Chân-Lạp. Đó là một cớ để gây sự ở Thượng Lào.

74.— Bố-Chánh và Án-Sát Ninh-Bình tâu rằng : « Quân giặc tới xứ Phụng-Hoa và xứ Bình-Đôi khuấy rối. Tuần-phủ Nguyễn-Khắc-Băng đã tới Tống-Sơn hội-tiễn. Vừa nghe Vua nước Nam-Chưởng sai con là Chiêu-Kiền đem binh tướng tới dồn Ninh-Biên ở Hưng-Hoa. Nó sai người dụ ba huyện Trình-Cổ, Sầm-Na, Man-Xuy phải thuần thuộc như cũ, không thời giết hết. Chúng tôi xét ra ba huyện ấy trước thuộc Vạn-Tượng, không quan-hệ gì đến Nam-Chưởng, nay Nam-Chưởng tới bức sách làm vậy, thiệt lầy lội la. Vậy xin sứ phủ Thọ-Xuân đem Thồ-Binh ra phòng triệt tại địa đầu tiếp giới ba huyện ấy để xem tình-hình thế nào ». Ngài y cho.

Ở Chân-Lạp, Trương-Minh-Giảng đem binh thuyền từ Biển Hồ ngược lên đánh đuổi Phi-Nhã-Chất trú đóng giữ ở Bắc-Tầm-Bôn.

Quan Xiêm lại xâm châu Ba-Lan ở Cam-Lộ. Thủ Tuần-phủ Quang-Trị là Nguyễn-Tú phái Lãnh-Binh Nguyễn-Cửu Đức đánh giặc. Ngài sai Dương-Văn-Phong hộ-lý Tuần-Phủ Quang-Trị, còn Nguyễn-Tú phải tới quân-thúy Ba-Lan tuỳ cơ đánh giữ.

77.— Bố-Chánh và Án-sát tỉnh Nghệ-An là Nguyễn-Đinh-Tân, Võ-Đĩnh tâu : « Hai tên nghịch Huống, nghịch Quyết ám dẫn binh Xiêm đánh giết quan quân, xứ Trấn-Ninh bị đốt phá đều thành đất hoang ». Ngài dù Nguyễn-Văn-Xuân lập tức đến đánh rồi mau đem quân về, không được đóng lại, nhưng phải qua chỗ ngã ba thuộc về Trấn-Tĩnh-hội-binhl với Lê-Thuận-Tĩnh đánh giặc.

78.— Thự Tuần-Phủ Hưng-Hoá, Ngô-Huy-Toán tâu rằng : « Thờ Tri-Châu Thuận-Châu là Bạc cầm kế thám-báo có giặc Xiêm ước bốn nghìn đến đồn Châu Ninh-Biên, tôi đã phải đi phòng giữ và từ Sơn-Tây đem binh Tượng đến hội-tiểu » Ngài dụ rằng : « Ở đó gần Nam-Chưởng nên nó mượn tiếng giặc Xiêm mưu đồ hách truật dân Mọi mà thôi, chờ đến khi Trấn-Ninh và Trấn-Tĩnh hai nơi dẹp yên giặc rồi thời một xứ đó chẳng cần đánh mà nó cũng phục-ngay ».

Tháng ba, Trương-Minh-Giảng đại thắng Phi-Nhã Chất-Tri ở Phú-Lật.

78b.— Quan Tỉnh Nghệ-An tâu : « Bình Nam-Chưởng tới khuấy rối châu Ninh-Biên ở Hưng-Hoá, đánh tiếng toan tới phủ Trấn-Biên, Trấn-Tĩnh ». Quan tỉnh Thanh-Hoá cũng tâu : « Huyện Trình-Cố bảo rằng : Nam-Chưởng lại khiến người tự Ninh-Biên tới bắt huyện ấy phải phục tùng nó, nếu không chịu thời bắt hết dân. Ngài phê rằng : « Đó chẳng qua là nó nhờ tiếng giặc Xiêm hù-trương thanh-thể, để nạt dân ngoài biên, cũng là thói quen mọi rợ mà thôi. Nay giặc Xiêm các nơi đã bị quân ta đánh thua, thời Nam-Chưởng còn làm chi được ».

79.— Quan Kinh-Lược Đại-Sứ đạo Trấn-Ninh là Nguyễn Văn-Xuân, Phó sứ là Phạm-Văn-Điền dâng sớ tâu : « Hạt này dân đã chiêu dụ hồi phục rồi, nhưng phải có trọng-binh đê trấn-áp. Chúng tôi đã giao cho Lãnh-Binh Võ-Văn-Thuyên đem năm trăm quân đóng đó canh giữ ; còn

Ở Thái-Nguyên, Tuyên-Quang, Cao-Bằng, Nguyễn-Công-Trú và Tả-Quang-Lỵ vẫn chưa dẹp được giặc Nồng-Văn-Vàn

chúng tôi thời xin kéo quàn đi qua Kỳ-Sơn, thẳng tới Trấn-Tĩnh ». Ngài nghe Nguyễn-Văn-Xuân già yếu, cho ô lại làm việc tinh, ủy cho Phó Sứ Phạm-Văn-Điền đi. Xuân lại dâng sớ xin đi, Ngài khen, sai Thị-Vệ đem cho nhân-sâm, hồng-nhục-sâm của Cao-Ly mỗi thứ ba chi, lại cho dầu-bạc-hà, rượu ngự-phong mỗi thứ hai mươi ve.

80 — Tháng tư, Thự Tuần-Phủ Quảng-Trị là Nguyễn-Tư, Chưởng Cơ Lê-Văn-Thuy đánh được giặc Xiêm ở phía Bắc sông Khung, tấn quàn thẳng đến bẹn Bôn-Xàn. Voi mình xốc chim mười chiếc thuyền Xiêm ở giữa sông. Bình Xiêm chết đuối nhiều lăm, bị thua trả về sông Tấm-Lục.

81.— Bố-chánh, Án-sát tỉnh Nghệ là Nguyễn-Đinh-Tàn, Võ-Đinh tàu : « Thồ dân ở Trấn-Ninh trước bị giặc Xiêm đuổi đi, mươi phần còn hai, bấy lâu chúng nó đều nương nhờ quàn thứ Võ-Văn-Thuyên. Còn mấy huyện Quảng, Cát, Lièn, Khuông, Khâm chỉ còn hơn hai trăm người. Dân huyện Xuy, huyện Mộc, đều chưa về. Nghịch Huống, nghịch Khuyết và dân mấy huyện ấy còn theo binh Xiêm trú ở phía Nam sông Khung. Chúng tôi có bắt được mươi một đứa do thám, đã khiến nghiêm giam rồi. Ngài khiến tha cho một tên thám-tử cho nó đi hiểu dù bọn nghịch Huống, nghịch Khuyết và người Trấn-Ninh, như biết hối-nghẹ trả đầu về với triều đình đều tha tội cả, lại làm một tờ dù cho nước Nam-Chưởng sai đạo Trấn-Ninh đưa qua. (1).

82.— Tháng bảy, cho Tri-huyện Vĩnh-Hoà là Nguyễn-Trọng-Dũ thăng-chức Đồng-Tri-Phủ Trấn-Ninh quyền coi việc phủ.

(1) Việc giặc Xiêm ở Chân-Lạp đã yên, bố cáo trong ngoài đều biết. Giặc Nồng Văn-Vân chưa dẹp yên.

Từ khi quan binh đi kinh-lược trở về, quan tỉnh Nghệ-An khiến Dũ đi theo tùy tiện xử tri. Dũ đến sai người chiêu phủ sáu huyện : Quảng, Cát, Liên, Khâm, Xuy, Khương, những dàn hổ đi mấy lâu trở về được hơn 3.300 người. Lại du được tên Chiêu-Xá-Lý từ đất Xà-Ngọ về. Các Thồ-Mục đều nói : Tồ-phu Dũ thuở xưa vốn làm Quản-Mục Trấn-Ninh nay Dũ là người mãn cán, xin hiệp cứ quyền nhiếp việc phủ. Quan tỉnh Nghệ-An tâu lên. Ngài cho là sắp đặt thoả đáng, cho Dũ thăng chức ấy, lại thưởng hai mươi lạng bạc.

83.— *Bặt chức quản phủ Qui-Châu thuộc về tỉnh Nghệ-An.* Quan tỉnh nghĩ rằng : « Qui-Châu là chỗ quan-yếu và xa cách tỉnh thành, giặc thường trốn núp, xin đặt chức Quản-phủ để kiềm chế ». Ngài cho, lại cho chọn người trong tỉnh, ai giỏi hổ làm tri-phủ. Nhưng vì phong tục chưa đồng nên chỉ đặt Chánh-lồng, Lý-trưởng, sửa sở định và khiến dân phải theo lệ cũ mỗi năm phải nộp thuế quế mà thôi ; còn sự kén lính thời tha cho.

84.— Tháng chín, truy lục còng đánh giặc Cam-Lộ.

85.— Tỉnh Thanh-Hoa phái người đi công văn qua Nam-Chưởng lại đem điệp-thư Nam chưởng về. Rồi đòi thông-ngòn tỉnh Nghệ là Lê-Thái-Vỹ tới kinh dịch ra chữ mình (1).

86.— Năm Ất-Ty (1835), tháng ba, bọn giặc Huống, giặc Khuyết ở Trấn-Ninh mượn tướng Xiêm và binh Lào hơ

(1) Tháng mười hai, Nồng-Văn-Vân bị thua đem vợ con trốn sang Tàu. Nặc-Chân mất, quan Chân-Lạp là Trà-Long, La-Kiên giữ quốc-án hiệp với Trương-Minh-Giảng.

một nghìn, xám huyện Quảng, huyện Khâm; các bọn Thồ-mục đều chạy cả. Quan Đồng-phủ là Nguyễn-Trọng-Dũ bỏ phủ ly lui đóng ở xứ Lam-Cốt. Bố-Chánh Nguyễn-Đinh-Tân, Án-Sát Mai-Thăng-Đường nghe tin ủy Lãnh-Binh Nguyễn-Văn-Kỳ đi ngay tới đồn Mang-Thiên đóng giữ để làm thanh, viễn.

87.— Sai vệ linh Hồ-Oai ở tỉnh Ninh-Bình qua trú-phòng Nghệ-An, tha tội tên Võ-Biền Hoàng-Đăng-Thuận cho đi hiệu-lực ở Trần-Ninh (1).

88.— Khiến Bố-Chánh tỉnh Nghệ-An là Nguyễn-Đinh-Tân đem quân qua Trần-Định đánh giặc Xiêm. Thồ Tri-huyện huyện Cam-Linh và Láng-Vi và Thồ Huyện-Thừa là Hâm-Thả làm phản theo Xiêm ở đồn Phổ-Hâm: binh Mọi hơn một nghìn xám mấy huyện Cam-Linh, Cam-Cát, Cam-Môn. Các Thồ-mục chạy trốn ở trên núi về xã Trình-diện; những Tri-huyện Cam-Môn và Cam-Cát cũng lui đóng ở bờ bến Lam-Bạn, Hà-Bạn. Quan tỉnh nghe tin, thương ủy Vệ-Úy Phan-Văn-Phái, Trần-Đăng Phú đi ngay tới Ngạn-Phố đóng đồn chống cự và phi tư qua tỉnh Hà-Tĩnh đem binh tiếp ứng.

89.— Tháng năm, đặt ra đồn phủ Trần-Định, thuộc về tỉnh Nghệ, đổi tên trấn Ngạn-phố là trấn Hà-Tân.

Bởi vì Nguyễn-Đinh-Tân tự Trần-Ninh về, xét thấy một dải thương-du ở tỉnh hạt giáp giới với Xiêm, còn Trần-Ninh, Trần-Biền, Trần-Tĩnh xa cách tỉnh thành đến mươi lăm, hai mươi ngày đường, chỉ có phủ Trần-Định

(1) Phạm-Văn-Điền vây Nùng-Van-Vân và đốt cháy ở trong rừng (Tuyên-Quang).

đất liền với huyện Hương-Sơn có một đường từ sông Khung qua tổng Nam-Phu, huyện Cam-Cát, thăng tới Ngạn-Phố, đường đi chỉ tám chín ngày, so với các phủ gần hơn.

Đến đây, Đinh-Tân mới dâng sớ tâu rắng : « Trong hạt phủ Trần-Định, huyện Cam-Cát, có đồn Long-Mã là nơi địa-thể sáng-khai, khe núi bọc quanh, thiệt là một chỗ hình thăng. Ở giữa có hai đường : một đường từ Cam-Linh thông đến Trần-Tĩnh, một đường từ Cam-Môn thông đến Trần-Ninh. Nói sự hiềm trở thời vẫn không có trùng-sơn điệp chướng gì, nhưng nói sự vận tải thời cũng có lẽ đỡ tốn và bớt công. Vậy xin lập phủ thành ở đó, đào hào sâu, đắp lũy cao, chọn người Chánh Đội nào giỏi cho làm Quản-Phủ, phải lính tinh 50, lính thô 100 chia nhau đi tuần thám, phàm có báo việc giặc giã gì đều phải tất do đó.

Lại môt thêm dàn các làng Lạc-Phố, Tịnh-Diệm ở huyện Hương-Sơn những người quen biết đường đất, chừng số 100 người, đặt làm hai đội ở Trần-Định, theo với quản quan ở đó trú phòng thời hạt-dàn có chỗ nương cậy, có thể trở nên mạnh bạo được mà sự phòng bị ở ngoài bờ cõi cũng có thể vững bền.

Nhưng có sự không dám chắc là chức Quản-Phủ được người giỏi cũng khó. Xin gia án cho thêm nhiều lương bổng để cho khỏi điều nhiêu tệ mới được.

Vả lại trấn Ngạn-Phố nguyên trước đặt ở Lạc-Phố xa cách dân cư nay xin dời về xứ Hà-Tân, làng Tịnh-Diệm nhưng đặt tên là trấn Hà-Tân.

Lại xin đặt thêm một bát phầm, một thư lai theo với quan Thủ-ngự làm việc quan và phái thêm biền-

binh 50 tên đổi nhau phòng giữ thời khi có việc biên-báo mới có thể mau xong ».

Ngài dụ : « Nói có lý, cho chúc Quản-phủ được gia cấp mỗi tháng mười quan tiền dưỡng liêm » (1).

90.— Tháng sáu, đồn Đản-Tự ở phủ Trấn-Ninh thuộc về tỉnh Nghệ có tiếp được ba trăm quân người nước Nam-Chưởng đem lại một cái thư chữ Mọi đê đó mà đi. Xem ra là chữ nước Xiêm. Quan tỉnh Nghệ phát thư ấy về Bộ Lê, bộ sai dịch ra tần lâm. Ngài dụ rằng : « Xem lời dịch ra đó, chẳng qua tướng Xiêm nói khoe, ý muốn hách truật dân Mọi mà thôi, nên nghĩ làm cái thư bằng chữ Phì-Tạo xứ Trấn-Ninh để trả lời cho Tướng Xiêm, Tướng Lào. Nhưng phải đưa thư ấy ra tỉnh Nghệ súc tên Nguyễn-Trọng-Dũ dịch ra chữ Mọi đê chố giáp giới giao cho người Xiêm, Lào nhận về báo-cáo trong nước Xiêm, khiến phải dẹp việc binh cách. Lại phái người Thông-ngôn hiểu tiếng Xiêm là Nguyễn-Bản-Trang ra tỉnh Nghệ làm Thông-dịch đợi khi nào có người trong tỉnh học tập hiểu được chữ Xiêm rồi lại về kinh làm việc (2).

91.— Tháng mười một đặt đồn Tĩnh-Man ở tỉnh Quảng Trị. Quan tỉnh xin lập một đồn ở sông Tầm-Lục, phái 50 lính trong vệ quân Định-Man tới giữ đồn ấy, mỗi tháng thay đổi một lần.

92.— Năm Kỷ-Hợi (1839), tháng hai, khiến người qua Nam-Chưởng và Vạn-Tượng mật thám tình hình.

(1) Tháng sáu, dẹp xong loạn ở Bắc-Kỳ.

(2) Tháng bảy, quan thứ Gia-Định thu phục được thành Phiên-An.

93.— Tháng ba, Vua nước Vạn-Tượng là A-Nô có ba người con là Chiêu-Thiền, Chiêu-Miên, Chiêu-Xang, trước chõ tháp ở huyện Cam-Cát, năm trước đem gia-quyến tới ở tân Nùng-Khai (thuộc về Vạn-Tượng). Nay Chiêu-Xang phủ dụ đảng loã hơn một trăm người ra cướp địa hạt tân Qui-Hợp. Ngài khiến Nghệ-An, Hà-Tĩnh hội nã hơn một tháng không được, quân lính ở lâu cảm mạo làm chướng đều triệt về

94.— Năm Canh-Ti (1840), tháng ba, Tông-Đốc An-Tĩnh là Mai-Công-Ngộn tâu rằng : « Hai huyện Cam-Cát và Cam-Môn ở Trấn-Định, Thổ dân khổ vì quân Mọi thường khuấy nhiễu phải đem nhau tránh ở xíu Hà-Trai, thuộc tỉnh Hà-Tĩnh. Chỗ ấy núi rừng liền lạc và rộng rãi, xin cho chúng nó tạm ở đó, khai khẩn thành điền sẽ khám thiêt, chiếu theo như thuế lệ dân Hán mà chước định. Xin giao Bộ Hộ, Bộ Bình trù nghĩ ». Ngài y theo. Ngài lại nghĩ rằng hai phủ Trấn-Tĩnh và Tắc-Biên đều ở địa đầu tỉnh Hà-Tĩnh, còn về tỉnh Nghệ-An thời đường xa xa bèn cho cải thuộc về Hà-Tĩnh cho tiện.

95.— Năm Quý-Mão (1843), năm thứ ba triều Thiệu-Trị, tháng bảy, tỉnh Nghệ-An tâu rằng : « Bốn huyện thuộc về phủ Tương-Dương, (tức là Tương-Dương), Vĩnh-Hoà, Kỳ-Sơn, Hội-Nguyên) dân thô đã hơi thấm nhuần giáo hoá. Xin chiếu theo như lệ phủ Qui-Châu cứ bảy tên định được lựa một tên lính, cả thảy được 53 tên sung làm lính phủ Tương-Dương ». Ngài cho.

SỰ THÔNG-THƯƠNG VÀ CHIẾN-TRANH GIỮA NGƯỜI HÒA-LAN VÀ XỨ TA (THẾ KỶ XVII VÀ XVIII)

Xét trong lịch sử của ta, đã có
nhiều sự kiện mà bây giờ chúng ta
quên.

Một sự kiện nên nhắc, ấy là Sự
thông-thương và sau đura đến chiến-
tranh giữa ta và người Hòa-Lan.

Nước ta, hồi thế kỷ thứ XVII,
XVIII, chia đôi. Ở Bắc là Chúa Trịnh,
ở Trung là Chúa Nguyễn, đất Nam
mới được canh-tác.

Bài nhở này tóm tắt lịch-sử Thông-
thương và Chiến-tranh giữa ta với người
Hòa-Lan.

Sự giao-thiệp giữa người Hòa-Lan với xứ ta từ khi
khởi sự (1600) đến khi kết liễu (1759) rất là phiền phức.
Ông Ch. B. Maybon trong tạp-chi Revue Indochinoise 1916
có khảo cứu về «Những khách thông-thương người Âu
ở Nam-kỳ và Bắc-Kỳ»; bài sứ đó sơ lược và có chỗ
sai lầm vì tác-giả tham-khảo không được đến nơi đến
chốn. Mới đây (1929) Ông W. J. M. Buch, người Hòa-Lan,

có đưa in ở Amsterdam bản luận-án Tiển-Sĩ của ông nói sự giao-thiệp giữa người Hòa-Lan và xứ ta, từ 1600 đến 1652 (xem bài tường thuật của E. Caspardenne trong tập kỷ yếu Trường Viễn-Đông Bác-Cồ quyển XXIX trang 364, 370) năm 1936, 1937, ông lại viết bằng tiếng Pháp và đưa in ở tập Kỷ-yếu Trường Viễn-Đông Bác-Cồ, (trang XXXVI, tập I và quyển XXXVII) những sự tìm thấy trong luận-án của ông (in bằng tiếng Hòa-Lan); ông lại học thêm về đoạn từ năm 1652 đến năm 1659 và về sự giao thiệp với xứ Cao-Man và Ai-Lao nữa.

Bài này tóm tắt những đoạn trong quyển sách của Ông W. J. M. Buch có nói tới xứ ta.

* *

PHẦN THÚ NHÚT

THÔNG-THƯƠNG

Năm 1600, hai chiếc tàu buôn Hòa-Lan đi từ Batavia sang Trung-Hoa, vì bão, phải giật vào bờ biển xứ Trung-Kỳ: 23 thủy-thủ bị giết và người chủ tàu bị giam. Vì sự ngẫu nhiên đó mà người Hòa-Lan biết xứ Trung-Kỳ. Nhưng họ chưa nghĩ tới thông-thương.

Năm 1609. Hảng Thông-thương Ấn-Độ, Hòa-Lan lập một hiệu buôn ở Hi-Ra-Đô (hay là Firando ở bên Tàu) để bán lụa cho Nhật-Bản. Hồi đó người Nhật chưa sản xuất được tơ, lụa và cũng chưa giao thiệp với nước Tàu. Họ lại rất cần dùng đến tơ lụa. Vì vậy người Hòa-Lan

muốn mua lụa để bán cho họ. Chưa có thể giao thiệp được với nước Tàu sản xuất tơ lụa người Hòa-Lan muốn đón các lái buôn Tàu ở Hội-An (Faifoo) nơi mà cứ hàng năm họ đem tơ lụa sang bán. Tỉnh Hội-An lại còn là nơi bán lụa cho xứ Trung-Kỳ và thứ nhất của tỉnh Quảng-Nam. Vậy sau năm 1609, người Hòa-Lan mới nghĩ tới thông-thương với xứ ta.

Năm 1613 hay 1614, người Hòa-Lan chủ hiệu lụa ở Hirado, sai hai người Hòa-Lan khác chở một chiếc thuyền sang Bắc-Kỳ và Trung-Kỳ. Chiếc thuyền đó đem theo hò-tiêu, sừng voi, vải, chì, thủy tinh và tới Trung-Kỳ (có lẽ là Hội-An) cùng với một chiếc thuyền của người Anh-Cát-Lợi. Người chủ chiếc thuyền Anh vì ăn nói không được lê phép bị Chúa Nguyễn sai giết chết, hai người Hòa-Lan cũng phải chịu theo sổ phận đó và thuyền buôn của họ bị cướp phá.

Tuy vậy Chúa Nguyễn có viết thư mời người Hòa-Lan, chủ hiệu buôn ở Ayouthia (Ay ut'chi a) (Siam) sang thông-thương.

Năm 1617, Hằng Thông-thương Ấn-Độ Hòa-Lan phải sang Nhật hai chiếc tàu khi ở Nhật về, hai chiếc tàu đó phải rẽ vào Hội-An để buôn bán. Vì sợ bị giết, thủy thủ đều giăng buồm về thẳng Batavia. (Ba-ta-via, một hải cảng ở Nam-Dương quần đảo).

Năm 1632, một chiếc tàu buôn Hòa-Lan, sau khi đã cướp hàng của một chiếc tàu Bồ-Đào-Nha thì bị bão đánh giật vào bờ biển Trung-Kỳ. Cũng như năm 1613, tàu đó bị cướp phá, Nhưng thủy thủ có lẽ trốn khỏi, hay được

giải về. Vì vậy người Hòa-Lan lại nghĩ tới xứ Trung-Kỳ có nhiều lúa và cần phải tìm cách thông thương. Một lý nữa là, tuy người Hòa-Lan sau khi thắng nước Tàu và chiếm đảo Đài-Loan (Formose) (1622), thông thương với người Tàu không được lợi cho lắm.

Năm 1633, hai chiếc tàu đi từ Batavia sang Hội-An, chở tiền Hòa-Lan, bạc nén, chỉ và các vật hàng định bán cho xứ ta để mua vàng và tơ. Tàu Trường lại phải xin bồi thường sự thiệt hại của người Hoà-Lan năm 1613 và năm 1632.

Vì tàu tới chậm (cuối tháng bảy — Juillet — 1933) các hàng hóa (vàng và tơ) đều bị người Nhật-Bản và Bồ-Đào-Nha mua trước hết. Bởi thế hai người Hoà-Lan ở Hội-An, nhờ người người Nhật tên Domingos (Đô-min-gốt) che chở. Còn tàu thì đi sang Hải-Nam để đón cướp tàu của người Trung-Hoa và Bồ-Đào-Nha. Vậy năm 1633 là năm đầu tiên mà người Hoà-Lan ở lại Hội-An để mở cửa hàng.

Vào đầu năm 1634, một chiếc tàu đi từ Đài-Loan về Batavia, ghé qua Hội-An, có đem theo tiền Nhật-Bản (hội đó tiền Nhật được tiêu thụ ở Hội-An). Vì người Nhật làm hạ giá tiền nước họ, thành người Hoà-Lan bị thiệt hại to. Họ chỉ mua được — một cách rất khó khăn — một ít vàng nén và phải đem trả về Batavia, chỉ vì bạc nén không bán được.

Về giữa năm 1634. Một chiếc tàu đi từ Batavia sang Hội-An, mua được tơ, lụa, (ít vàng hạng xấu) đồ sứ, gỗ. Người chủ tàu Duijecker (Giác-Cơ) phải dâng cho Chúa

Nguyễn và các quan nhiều phầm vật. Lại lại ít. Sự cạnh tranh của người Nhật càng thêm nỗi khó khăn. Duijecker bèn nhồ neo đi Đài-Loan (Formose) rất chán nản.

Ngay sau đó, chiếc tàu Hòa-Lan Grootenbroek (Gouton-bờ-ruk) bị đắm gần đảo Faracel (Pha-ra-sen) : thủy thủ bị bắt giam và số tiền 25.580 vàng bị tịch thu.

Vì vậy, ngay tháng Novembre 1634. Hảng Thông-thương Ấn-Độ Hòa-Lan, phái hai người Hòa-Lan sang đòi Chúa Nguyễn số tiền đó.

Năm sau, một bức thư tiếp theo, dọa nạt. Và ba chiếc tàu chiến Le Grol, Le Warmond, Le Huisduimen do một Ông quan tư chỉ-huy, đi từ Đài-Loan sang cửa Hàn (Tourane).

Duijeker phải thu xếp ba việc :

- 1.— Đòi Chúa Nguyễn tiền bồi thường.
- 2.— Xin Chúa Nguyễn giúp việc buôn bán của người Hòa-Lan.
- 3.— Mua vàng, lụa và từ bốn đến năm trăm tạ đường đen, dù phải trả tiền đắt hơn người Bồ-Đào-Nha.

Khi đoàn tàu tới cửa Hàn, Sài-Vương đã băng và con là Nguyễn-Phước-Lan tức Công-Thượng-Vương, lên nối ngôi chúa.

Công-Thượng-Vương đã xử trí như thế nào ?

Ngài không bồi thường nhưng hứa sẽ cho người Hoà-

Lan thông-thương tự-do trong xứ, không lấy thuế tàu đỗ ở bến và không lấy lê vật.

Đoàn tàu đi về Batavia, và Duijecker, hy-vọng là năm sau sẽ mua được hàng kề trên để đem sang bán cho Nhật-Bản.

Tháng sáu (Juin 1636) ba chiếc tàu buôn từ Batavia sang Hội-An do Couckbacker (Cúc-cờ-bắt-cơ) chủ hiệu buôn ở Firando, chỉ dẫn. Cũng như Duijecker năm trước, hắn phải thu xếp ba việc nói trên.

Ngày mùng hai, tháng bảy (2 Juillet). Công-Thượng-Vương tiếp Couckbacker và Duijecker, Ngài phán rằng :

1.— Ngài không bồi thường sự thiệt hại của người Hoà-Lan năm 1613 và năm 1632, vì là việc đã xảy ra từ đời đức Kim-Thượng.

2.— Ngài là vua không phải là lái buôn. Ngài không có thể hứa bán một số hàng hóa nhất định theo một giá nhất định, như người Hoà-Lan mong ước.

3.— Ngài không muốn giao dịch với Couckbacker (Cúc-cờ-bắt-cơ) vì, đã là vua, Ngài phải giao thiệp trực tiếp với quan toàn-quyền ở Batavia.

4.— Ngài lại nói là nếu Hàng Thông-thương Ăn-Độ Hoà-Lan muốn gây chiến tranh với Ngài thì Ngài sẽ đối phó.

Ngài sai ban phẩm vật cho Couckbacker và Duijecker, lại đưa cho hai người này lê vật để dâng cho toàn-quyền ở Batavia.

Tàu Hoà-Lan phải nhô neo, Duijecker, ghé ở lại Đài-Loan, còn Couckbacker thì đi thẳng sang Nhật: ở đây bán những lẽ vật mà Chúa Nguyễn đã giao cho.

Còn sự mua bán chuyen tàu ấy thì, trái hẳn lại dự tưởng của Douijecker, người Hoà-Lan mua được rất ít hàng. Ở Trung-kỳ năm đó đói kém, dân gian không trồng mía mà trồng lúa. Vì loạn lạc, bỏ cả nuôi tằm, ướm tơ. Vả lại người Nhật-Bản và người Trung-Hoa cư trú ở Hội-An cạnh tranh người Hoà-Lan khiến họ khó mua bán.

Vì vậy, người Hoà-Lan muốn giao thiệp thêm với xứ Bắc-Kỳ.

Đầu năm 1637, chiếc tàu Le Grol từ Nhật trở về Batavia, có ghé qua Bắc-Kỳ để bán đồng, sắt, súng đại bác và đạn dược. Nhưng cũng ghé qua Trung-Kỳ để bán chì, đồ sứ, vải bông. Duijecker tự nghĩ là rất có thể buôn bán với cả Bắc-Kỳ và Trung-Kỳ, hai xứ cùu địch. Khi trở về Batavia, Duijecker mua được 100 tạ tơ. 150 đến 200 tạ đường đen và lại được Chúa Nguyễn giao cho một bức thư để đưa cho quan Toàn-Quyền Batavia, mời sang thông thương tuy Ngài từ chối không chịu nhượng đất cho người Hoà-Lan.

Về tới Batavia, Duijecker phái Cormélis, Cacsar sang Hội-An trông nom sự mua bán.

Ở Hội-An Cormélis, Cacsar không mua được nhiều hàng, vì người Trung-Hoa đã mua trước hẳn. Vì tơ lụa ở Bắc-Kỳ bị Chúa Trịnh cấm không cho chở vào Trung-Kỳ, vì ở Trung-Kỳ năm ấy mưa luôn, nghề tằm tơ bị thất bại. Tuy vậy

hắn cũng chở trên chiếc thuyền Bonne Espérance bắt được của người Bồ-Đào-Nha : Ít lúa kỳ hương, thảo quả, chi, bạc. Vì thuyền nhẹ, phải chở thêm gạch vào cho cản. Còn đương thì đem xếp vào hai chiếc thuyền Trung-Hoa,

Khi Duijecker tới Hội-An, vào tháng bảy (Juillet) 1637, vì hàng hóa đã bị Cormélis, Caesar cho chở đi về trước. Tàu buôn của Duijecker phải chạy không sang Nhật.

Cũng một năm ấy, sự buôn bán với Bắc-Kỳ không được lợi lâm, chúa Trịnh chê đồ lě vật ít ỏi. Chiếc tàu Le Grol chỉ có thể đem đến sang Nhật 600 tạ tơ. Tuy vậy, người Hoà-Lan Hartsinak (Hắt-Sin-Nắc) được nhận làm con nuôi của chúa.

Duijecker nghĩ có lẽ phải thôi không buôn bán với Trung-Kỳ nữa, vì vậy tháng Juin 1633, Hằng Thông-thương Ấn-Độ Hoà-Lan, đóng cửa hiệu mở ở Hội-An năm 1633.

Nhưng vì chúa Trịnh và chúa Nguyễn đánh nhau — thông thương với Bắc-Kỳ, người Hoà Lan có lẽ phải giao chiến với Trung-kỳ chẳng ?

PHẦN THỨ HAI

CHIẾN-TRANH

Năm 1639. Trịnh-Tráng — sau khi giải bày ý kiến với Hartsinak phải sứ giả sang Batavia — Khi sứ giả trở về Thăng-Long có Couckbacker đi theo để bàn về một hiệp-ước như sau này : Vua Lê xin người Hoà-Lan cứu viện,

người Hòa-Lan bằng lòng nhưng sự đàm phán kéo dài vì chưa định được hoà-ước thương-mại.

Xảy ra một sự bất ngờ :

Vì tháng mười một năm 1641, hai chiếc tàu Hòa-Lan (Builden Buijs và Maria de Médicias), bị bão đánh giật vào gần Hội-An, hàng hóa và 18 súng đại bác bị tịch thu và 82 người thủy thủ bị bắt giam.

Người Hòa-Lan Jacob Van Liesvelt từ Đài-Loan về ghé qua Bắc-Kỳ để chở sứ thần của chúa Trịnh phái sang Batavia. Hôm mồng sáu tháng hai năm 1642 Liesvelt tới cửa Hán. Nghe tin 82 người đồng bang bị chúa Nguyễn cầm cõi, hắn bắt cóc độ 100 người An-nam ở gần cửa Hán : hắn định sẽ đòi tù binh với chúa Nguyễn. Đàm phán không thỏa thuận, Liesvelt phải về Batavia.

Nhưng hôm mười chín tháng ba (19 Mars, 1642) Công-Thượng-Vương thả 50 người Hòa-Lan cho lên thuyền về nước. Hôm mười lăm tháng tư (15 Avril) những người Hòa-Lan đó bị thuyền người Bồ-Đào-Nha giữ lại, kẻ thì bị giết, người thì bị Vua Chiêm-Thành bắt làm nô lệ.

Hội Thông-thương Án-Độ Hòa-Lan không rõ những sự ấy, nên phái Liesvelt đem tàu chiến sang đánh chúa Nguyễn. Kết quả có độ 100 người An-Nam bị chết hay bị bắt làm tù-binh, còn người Hòa-Lan bị thiệt hại nhiều. Liesvelt bị tử trận. Chúa Nguyễn vẫn còn giữ 32 người Hòa-Lan làm tù binh. Đoàn tàu Hòa-Lan, sau khi bại trận quay ra Bắc-Kỳ mua to, quê để đem bán ở Đài-Loan và Nhật-Bản.

Năm 1643, Paulus Traudénius theo một chiến-lược mới : 5 tàu Hòa-Lan ở Formose về ngày 13 Janvier 1643

sẽ đánh chúa Nguyễn về mặt thủy, còn về mặt bộ thì giao cho quân chúa Trịnh, Khi tới Bắc-Kỳ, Johannes Lamotius người chỉ-huy đoàn tàu Hòa-Lan nhận rằng bộ quân của chúa Trịnh chưa được tề chỉnh. Hắn bèn cho tàu đi thẳng về Batavia, vì bão to nên một chiếc phải bị ở lại Bắc-Kỳ và một chiếc bị hư hỏng.

Ngày 3 Juillet 1643 ba chiếc tàu chiến do Đô-Đốc Pieter Bacck chỉ-huy, từ Batavia dong buồm tới Quang-Binh để gặp quân chúa Trịnh. Ngày 7 Juillet 1643 đi ngang qua Phú-Xuân. Pieter Bacck bị 50 đến 60 chiến thuyền của chúa Nguyễn đón đánh; hắn và thủy thủ chiếc tàu của hắn bị thiệt mạng, còn hai tàu chiến khác chạy trốn về Bắc.

Trong khi Pieter Bacck bị đón đánh, quân Bắc-Kỳ và vài chiếc tàu của người Hoà-Lan đóng ở Quang-Binh — tuy nghe tiếng trái phá — không hề tới cứu viện.

Người Hoà-Lan yêu cầu chúa Trịnh khai chiến nhưng chúa Trịnh lại muốn chờ quân cứu-viện ở Batavia gửi sang. Chờ mãi không thấy, chúa Trịnh truyền quân dỡ trại quay về Bắc, bỏ mặc cho người Hoà-Lan : họ phải cho tàu đi sang Đài-Loan hay sang Nhật để bán lụa đã mua được.

Khi đã hiết rõ tin Pieter Bacck bị thiệt hại, Trịnh-Tráng viết thư cho Toàn-Quyền ở Batavia về — phàn nàn về nỗi viện-binh ít ỏi, chúa đòi chừng 20 tàu chiến và 50.000 quân. Chúa hứa sẽ cung cấp to cho người Hoà-Lan.

Năm 1644, hai tàu chiến Hoà-Lan khởi hành ở Batavia ; sẽ không cần hợp tác với chúa Trịnh, sẽ không đồ bộ,

chỉ tàn phá ở bờ biển Trung-Kỳ, sau sẽ sang Hoà-Lan buôn bán. Vì chúa Nguyễn phòng thủ bờ biển cẩn thận, tàu Hoà-Lan phải đi thẳng sang Đài-Loan.

Cũng năm 1644, vào tháng năm, quân chúa Trịnh v giao chiến với quân chúa Nguyễn không có tàu Hoà-Lan trợ chiến. Chúa Trịnh cho là người Hoà-Lan bất tin, nguyễn Hoà-Lan cho là chúa Trịnh đã chán chiến tranh.

Vậy sau năm 1644 không còn chiến tranh giữa Chu Nguyễn với H.T.T.A.Đ.H.L. nữa. Tuy hai bên không x hoà với nhau.

Năm 1648, Công-Thượng-Vương mất, nhường ngôi cho Hiền-Vương.

Hàng Thông-thương Ăn-Độ, Hoà-Lan bèn phái Verstegen và Chúa Hiền có lập một tờ hoà-ước năm 1651. Những tờ hoà-ước đó sau không đem ra thi hành.

* * *

Sự thông-thương từ giữa thế kỷ XVII (1651) đến giữa thế kỷ thứ XVIII (1795).

Verstegen ký thương ước với chúa Nguyễn xong thì bị buộc vào tội là chở trong tàu các sứ-thần của chúa Trịnh phái sang Batavia. Vì vậy 5 người Hoà-Lan mà Verstegen đỗ lại ở Hội-An bị bắt giam.

Ngày 20 tháng năm, 1642, Hội Thông-thương Ăn-Độ Hoà-Lan liền ra lệnh tịch thu những tàu Hoà-Lan nào định tới thông thương với chúa Nguyễn.

Nhưng về năm 1659, vì giặc Tàu ô quấy nhiễu bể Trung-Hoa, thuyền Trung-Hoa không đem hàng hoá sang Batavia được, người Hoà-Lan phải khuyến khích tàu của họ sang thông thương với Trung-Kỳ.

Năm 1661, (vào hôm 6 hay 7 Mars), một chiếc tàu Hoà-Lan giật vào bờ bể Trung-Kỳ : bao nhiêu hàng hoá và 62 súng đại-bác bị tịch-thu sau khi bị bắt giam ít lâu, thủy thủ được thả về Batavia.

Năm 1664, một chiếc tàu Trung-Hoa sang Batavia có chở người Hoà-Lan. Bão đánh giật vào bờ biển Trung-Kỳ, tàu đó bị khám ; 4 người Hoà-Lan phải bị bắt lên bờ mất hết cả hành lý, nhưng sau được thả.

Tháng Mười năm 1714, 87 người Hoà-Lan bị nạn tàu đắm, trôi giật vào Nha-Trang. Được người cổ đạo cứu vớt, họ lại được chúa Nguyễn cho phép về Batavia vào tháng ba năm 1716.

« Vậy từ thương ước 1651, trở về sau, người Hoà-Lan không có giao thiệp gì với xứ Trung-Kỳ. Không buôn bán, mà cũng không chiến-tranh. Đối với xứ Bắc-Kỳ họ thỉnh thoảng cho tàu sang, mãi đến năm 1700 mới thôi. Nhưng sự buôn bán rất ít kết quả.

Nhưng từ năm 1752, đến năm 1759 người Hoà-Lan lại còn một lần nữa định thông-thương với xứ Trung-Kỳ.

* * *

Năm 1752, Duff, người Anh-Cát-Lợi giao thiệp với cửa hàng Hội Thông-thương Ăn-Độ Hoà-Lan, lập ở Quang-Đông (Canton).

Hắn được hăng giao phó cho các công việc buôn bán ở Trung-Kỳ. Vì vậy về tháng 5 năm 1752 chiếc tàu Fulpenburg chở hàng hoá sang Hội-An. Vì người Trung-Hoa cạnh tranh thành ít lãi ; Duff lại bất bình với hắn.

Nhưng năm sau 1753, hai người Hoà-Lan cùng chiếc tàu Toornlyiet tới cửa Hàn ; mua được ít vàng và đường. Hai người đó ở lại Hội-An và mở cửa hàng.

Năm 1754, chiếc Giessenburg sang, lại mua vàng và đường để đem bán ở Ấn-Độ và tơ để bán ở Nhật. Người Hoà-Lan có đem sang đồng, chì và kẽm, định bán cho chúa Nguyễn để đúc tiền. Nhưng vì thấy ít lãi trong sự mua bán năm 1759 vào tháng Mars. Hăng Thông-thương Ấn-Độ Hoà-Lan cho đóng cửa hàng (mở năm 1753) và gọi người họ về.

Sau năm 1759, người Hoà-Lan không giao thiệp với xứ ta nữa.

KẾT LUẬN

1.— Hăng Thông-thương Ấn-Độ Hoà-Lan từ Nam-Dương quần đảo thường hàng năm cho tàu sang buôn bán ở Nhật-Bản và Đài-Loan. Cứ tới mùa gió nồm thổi vào tháng năm, tháng sáu, tàu của họ khởi hành và cũng từ tháng chín, tháng mười là theo gió bắc mà trở về. Người Hoà-Lan bán tơ cho người Nhật và đường cho người Trung-Hoa ? Vì khó mua tơ lụa ở Trung-Hoa, và vì nhiều sự ngẫu nhiên (bão đánh tàu giật vào Trung-Kỳ năm 1600 lập cửa hàng ở Firando năm 1609 nên người Hoà-Lan mới nghĩ tới sự thông thương với xứ ta, nhất là với

xứ Trung-Kỳ có hải cảng Hội-An nơi bán nhiều tơ và đường, và là nơi có thuyền các nước nhất là thuyền Trung-Hoa lui tới.

2.—Nhưng buôn bán với Chúa Nguyễn không phải là việc dễ.

a.—Năm 1663 lần thứ nhất tàu buôn Hoà-Lan tới Hội-An, người Hoà-Lan ở lại mở hiệu, nhưng cũng như hai chuyến sau, năm 1634 mua hàng được rất ít và bán hàng không chạy.

b.—Vì tàu Grootenbrock đắm, thủy thủ bị bắt giam, một số tiền to bị Chúa Nguyễn tịch thu, cũng năm 1634 nên người Hoà-Lan đòi bồi thường, Công-Thượng-Vương nhất định không chịu, người Hoà-Lan bèn nghĩ thông thương với Bắc-Kỳ (1637). Cửa hàng ở Hội-An đóng cửa (1638).

c.—Vì Chúa Trịnh xúi giục, vì Chúa Nguyễn năm 1641, lại bóc lột hai chiếc tàu của họ trôi giật vào Hội-An, người Hoà-Lan phải gây sự chiến-tranh, nhưng bốn lần không thắng trận, năm 1642, 1643 (về tháng hai và tháng bảy năm 1644 tại người Hoà-Lan khinh chiến và tại thủy binh của họ không hợp tác được với bộ-binh của Chúa Trịnh).

d.—Từ năm 1644 đến năm 1759 tuy người Hoà-Lan có ký thương ước với Chúa Nguyễn (1651), tuy họ có phái người sang thông thương (1752, 1753, 1754) và mở cửa hàng ở Hội-An (1753, 1759), họ không thu được kết quả gì cả.

3.— Sở dĩ sự giao thiệp của xứ ta — cả Bắc-Kỳ và Trung-Kỳ với người Hoà-Lan, suốt hơn 150 năm không có ánh-huống vĩnh-viễn là vì :

- a) Người Hoà-Lan không chú ý cho lắm đến sự thương-mại, cũng không định chiếm thuộc địa.
- b) Chúa Nguyễn làm họ nản lòng (hết tàu bị trôi giạt vào là cho cướp phá, bắt thủy thủ làm tù binh) và bắt họ phải kính phục vì cách ngoại giao cương-quyết như Công-Thượng-Vương gác bỏ những đề nghị của Duijecker năm 1635 và Couckbacker cùng Duijecker năm 1636) và binh lực của ta hùng cường (Liesvelt tử trận năm 1642 và Bacck năm 1643).
- c) Chúa Trịnh muốn lợi dụng họ để đánh Chúa Nguyễn, đòi họ nhiều tàu chiến và viện binh (20 chiếc tàu và 50.000 quân) mà không hề cộng lực với họ khi đánh Chúa Nguyễn, lại cũng không cấp tơ lụa cho họ nữa.
- d) Còn một cớ chính làm cho người Hoà-Lan khó buôn bán ở xứ ta là họ bị người Bồ-Đào-Nha và nhất là người Trung-Hoa và người Nhật-Bản (ở Hội-An) cạnh tranh triệt để.

SỰ BANG GIAO GIỮA NƯỚC TA VỚI NƯỚC TÀU, TRONG NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX.

Có nhiều người Việt-Nam và ngoại-quốc, đã cho rằng : trước khi nước ta chịu sự đô hộ của người Pháp thời đã chịu sự phụ thuộc vào nước Tàu : chứng cứ là lê thụ-phong. Nghĩa là, đúng về phương-diện pháp-lý quốc-tế mà nói thời NƯỚC VIỆT-NAM ĐÃ KHÔNG HOÀN TOÀN ĐỘC-LẬP. Ngay những vị Hoàng-Đế như Gia-Long, Minh-Mạng, Thiệu-Trị và Tự-Đức, dù đã nhất thống được toàn cõi Việt-Nam, cũng đã phải chịu lê thụ-phong của Hoàng-Đế Trung-Hoa : nếu không có sự xác nhận này thời người ngoại-quốc không công nhận và ngay thần-dân cũng có thể không thần-phục !

Chúng ta nên xét lại các sử liệu để xem sự thực lịch sử đã như thế nào. Rồi sau ta mới có thể xét thuyết nói ở trên đúng hay sai.

Lẽ tất nhiên là TA PHẢI KHÔNG CÓ MỘT ĐỊNH KIẾN GÌ TRƯỚC. Nhưng các tài-liệu thu thập được cho đầy đủ thì thực là khó. Tôi biết được một ít sử liệu (trong bộ Quốc-Triều chánh-biên toát yếu), xin đem trình với độc giả : theo ý tôi, ta có thể có một vài nhận xét căn bản mà ta phải cho là đúng. Lẽ tất nhiên là vẫn đề sử học này chỉ nhờ một nhà sử học thông thái mới được giải quyết hoàn-toàn.

TÀI LIỆU

Ngày mồng một (Canh-ngo), tháng năm, năm Nhâm-Tuất (1802), sau khi chiếm lại được Phú-Xuân, tuy chưa đánh tan được Nhà Tây-Sơn, Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh lên ngôi Vương ở Phú-Xuân và đặt niên hiệu là Gia-Long.

Vì Ngài đã được tin (tháng sáu năm Mậu Ngọ 1798) là Vua Lê-Chiêu-Thống đã băng ở Tàu. Dòng nhà Lê đã tàn, không phải thần phục nữa. Vì Ngài phải lên ngôi Vương để tỏ chí hướng và lực-lượng của Ngài, để trấn tĩnh lòng dân và để khuyến khích các quan văn-võ.

Ngài sai sứ sang Tàu nhiều lần, nhờ Tông-Đốc Lưỡng-Quảng để giao-thiệp với Vua Tần (Vua Gia-Khánh nhà Mân-Thanh).

Lần thứ nhất, tháng năm, năm Mậu-Ngọ (1798) Chánh-Sứ là Ngô-Nhân-Tĩnh. Chỉ có việc dò tin Vua Lê.

Lần thứ hai, tháng năm, năm Nhâm-Tuất (1802) ngay sau khi Ngài lên ngôi Vương. Chánh-Sứ là Trịnh-Hoài-Đức, Phó Sứ là Ngô-Nhân-Tĩnh và Hoàng-Ngọc-Uân. Lần này nộp Vua Tần một số giặc Tàu ô và dâng quốc thú cùng phẩm vật, thỉnh cầu một cuộc bang-giao. Ngài cũng đem trả lại Vua Tần sách ấn đã phong cho Nhà Tây-Sơn !

Vì Vua Tàu chậm trả lời nên ngay tháng bảy năm ấy, Ngài sai Lê-Chánh-Lược và Trần-Minh-Nghĩa đem thư sang cho Lưỡng-Quảng Tông-Đốc hỏi sự thề và phải ở lại cửa ải Nam-Quan để chờ thư trả lời.

Tôi không biết rõ những chi tiết trong thư của Vua Gia-Long gửi Hoàng-Đế Trung-Hoa như thế nào, nhưng chắc chắn là Ngài đã nêu ra hai việc. Việc thứ nhất là xin Tàu công-nhận quốc-hiệu nước ta là Nam-Việt. Việc thứ hai là Ngài xin chịu lễ thụ-phong.

Văn-thư đi lại, bàn cãi mãi về danh-tử Nam-Việt. Ngài đã có lần phải nói rõ rằng nếu không có quốc-hiệu mới cho nước ta thời Ngài sẽ không chịu thụ phong. Vua Tàu đè-nghị danh-tử Việt-Nam, Ngài ưng thuận và tháng tám Quý-Hợi (1803) Ngài bàn việc ngự giá Bắc tuần để chịu lễ thụ phong ở Thăng-Long.

Việc ngự giá Bắc-tuần của Vua Gia-Long, cũng như sau này của Hùng-Đế Minh-Mạng và Thiệu-Trị không thuộc phạm-vi bài này.

Chúng ta chỉ cần biết ý nghĩa lễ thụ phong như thế nào ?

Tôi rất tiếc là tài-liệu mà tôi dùng khò khan quá, hoặc là sử thầm đã quá hà-tiện chῦ.

Sử chép rằng :

« Năm Giáp-Tý 1804, tháng giêng, Ngài trú tất ở hành cung Thăng-Long. Lúc ấy, Vua Tàu sai Tề-Bố-Sum, Án-Sát Tỉnh Quang-Tây đem cáo-sắc và quốc-ấn sang tuyên-phong, lại cho gấm, đoạn và các phẩm vật. Ngài cho « Trương-Tấn-Bửu và Đặng-Trần-Thường sung chức hậu « mạng sứ, lại sai đình thần lựa người tiếp sứ.

« Ngày Quý-Mão, Ngài ngự cửa Chậu trước (Đền kính « thiên), ở trong thành. Hoàng thân, và các quan theo sứ

« Tàu vào đến kinh thiên làm lễ tuyên phong. Lễ rồi,
 « đãi sứ uống trà. Sum từ về. Ngài sai quan hậu mang
 « hộ tống ra cửa ải ».

Ngài ngự về Phú-Xuân và mãi đến ngày Ất-Tị, tháng
 năm, năm Bính-Dần (1806) tức là năm Gia-Long thứ năm,
 Ngài mới lên ngôi Hoàng-Đế (sau gần hai năm ruỗi chịu
 lê thụ phong).

* *

Tháng giêng, năm Canh-Thìn (1820) vị Hoàng-Tử thứ
 tư của Hoàng-Đế Gia-Long lên nối ngôi, Ngài đặt niên
 hiệu Minh-Mạng. Rồi vị Tân Hoàng-Đế làm lễ Nam-Giao.

Đúng một năm sau, Ngài mới cho sứ là Trần-Bá-Kiên
 sang Yên-Kinh là kinh-dò nhà Thanh. Tháng tư (năm
 Tân-Tỵ — 1821), Trần-Bá-Kiên đến gần Yên-Kinh. Hoàng-
 Đế Đạo-Quang nhà Thanh bèn sai Án-Sát Tỉnh Quảng-
 Tây là Phan-Cung-Thần sung chức khâm sứ sang nước
 ta làm lê thụ phong cho Ngài. Vì vậy, tháng chín, Ngài
 ngự giá Bắc-tuần. Tháng mười, ngày Ất-Vi. Ngài ngự
 tới hành cung Bắc thành.

Về lê thụ phong, sứ chép tắt như sau này :

« Sứ Tàu là Án-Sát Quảng-Tây Phan-Cung-Thần đến
 « Nam-Quan. Ngài sai sứ hậu mạng là Phan-Văn-Túy bàn
 « với sứ Tàu định ngày 18 tuyên phong, ngày 19 dụ tể.
 « Thần thuận cho, bội đạo tới, Ngài bỗng lòng lầm, bảo
 « thị thần rằng : « Ngày 19 vừa gặp lê Tường, có lẽ
 « thần-linh đức Hoàng-Khảo ta ở trên trời giúp hộ cho
 « đó ». Ngày Giáp-Ngọ, lê sách phong xong, ngày Ất-Vi

« dù tể. Ngài mặc áo lê tới trước thần ngự dâng rượu
 « rồi khiến quan tiếp sứ. Phan-Cung-Thần theo kiệu long
 « đình mà đến, làm lễ dù tể, xong rồi đãi tiệc và tặng
 « hảo ! Thần chỉ xin nhận quế thanh mà thôi, liền ngày
 « ấy về nước ».

* * *

Ngày Bính-Ngọ, tháng giêng, năm Tân-Sửu (1841), Hoàng-Đế Thiệu-Trị lên nối ngôi cố đế Minh-Mạng.

Tháng giêng năm sau (Nhâm-Dần — 1842), Ngài mới ngự giá Bắc-tuần tháng ba, ngày Bính-Tý, Ngài mới làm lễ thụ phong. Sử chỉ chép sơ sài như sau này :

« Sứ Tàu là Bửu-Thanh đến Hà-Nội. Ngày Bính-Tý
 « làm lễ sách phong. Lễ xong rồi, Ngài sai hậu mang sứ
 « là Đào-Trí-Phủ « đưa Bửu-Thanh ra cửa ải. Ngày Mậu
 « Dần, Ngài ngự về đường thủy ».

* * *

Ngày Kỷ-Sửu, tháng mười, năm Ất-Vị (1847), Hoàng-Đế Tự-Đức lên nối ngôi đúc Thiệu-Trị. Về lễ thụ-phong của Ngài, có vài dòng sử chép như sau này :

« Tháng bảy, năm Kỷ-Dậu (1849) (tức là năm Tự-Đức
 « thứ II), sứ Tàu là Lao-Sùng-Quang đến Kinh làm lễ
 « tuyên phong. Lễ ấy giao tiếp rất thành, thề thống rất
 tôn, lâu nay chưa từng có. (Từ Thiệu-Trị về trước đều
 làm lễ tuyên phong tại thành Hà-Nội. Đến đây xin mời
 sứ tới Kinh, Vua Tàu nghe theo, tháng ấy sứ bộ qua đời) ».

Trên đây tôi chép những tài-liệu — rất đơn giản — mà tôi đã thu thập được. Vấn đề các Hoàng-Đế Việt-Nam (Gia-Long, Minh-Mạng, Thiệu-Trị và Tự-Đức), trong nửa đầu thế kỷ XIX đã nhận lẽ thư phong của Hoàng-Đế Trung-Hoa, đã giao hảo với Tàu như thế nào, là một vấn đề Sử-Ký rất quan trọng. Ta phải xét nước Việt-Nam hệ thuộc nước Tàu như thế nào ? Sau này, nếu sử học nước ta được phát triển, tôi chắc sẽ có một luận án về vấn đề này.

Quan niệm một vấn đề sử học không khác gì một cái nhà phải xây dựng.

Giữa nước ta với nước Tàu, trong nửa đầu thế kỷ XIX.

Có những nhà nhỏ, có những dinh thự, cũng như có vấn đề sử học nhỏ và vấn đề sử học quan trọng. Tôi không đủ tài-liệu để hiểu biết rõ vấn đề bang giao giữa ta và Tàu trong nửa đầu thế kỷ thứ XIX cũng như không đủ vật-liệu để xây một dinh-thự đồ sộ, chắc chắn. Nhưng vì khảo cứu đã kỹ về lịch-sử nhà Nguyễn, tôi có những lời bàn sau này : không chắc thực là đúng, lẽ tất nhiên là không đầy đủ, cũng như một người muốn xây dựng một dinh-thự nhưng vật liệu ít, có thể mình cũng nghĩ kiểu sai nữa, nhưng cẩm được hướng nhà, làm cái rào, cái giậu, đào cái móng, đặt mấy viên gạch cùng sẽ rõ kiểu nhà sau này, cũng không phải là hoàn toàn vô-ích cho người xây nhà sau này. Tôi rất mong sẽ có một nhà sử học khảo cứu đầu đề quan trọng này.

CÂU HỎI

1.— Câu hỏi thứ nhất.

Vua Gia-Long đã quan niệm sự bang giao với Hoàng-Đế Trung-hoa như thế nào ?

Ngài đã hai lần sai sứ sang Tàu, nhờ Tông-Đốc Lưỡng-Quảng đềbat để sứ được vào chầu vua Tàu.

Vua Tàu chậm trả lời, Ngài cho xứ sang giục Tông-Đốc Lưỡng-Quảng. Nghĩa là Ngài — tuy tước Vương tự đặt, tự coi ngang hàng với Hoàng-Đế Trung-Hoa.

Ngài có nộp mấy tên giặc Tàu ô đê làm vui lòng Hoàng-Đế nhà Mãn; Ngài lại trả sách ấn đã phong cho Nhà Tây-Sơn.

Tại sao Ngài xin Tàu công nhận quốc hiệu mới (Nam-Việt) và phải cầu lê thụ phong?

Ta phải xét kỹ câu hỏi này.

Nước ta đã ngót ba mươi năm nội-chiến, dàn chúng điêu hao từ Bắc tới Nam. Nước Tàu lại đã một lần đem quân sang xâm chiếm, lấy cớ là phù Vu-Đài-Lê-Chiêu-Thống: Một ông Vua thực không giữ thể thống để thương, vì nội chiến mà « cõng rắn cắn gà nhà », trốn sang Tàu cầu cứu! Nay giờ, đối với Vua Gia-Long, phải giải quyết hai điều :

1.—Làm thế nào cho Vua Tàu đừng làm nẩy ra những bù nhìn rồi mượn cớ xâm lăng nước ta. Muốn như vậy. Ngài phải được Vua Tàu công nhận. Giả thử Vua Tàu không công nhận Ngài, đem quân theo một « bù nhìn » về đánh Ngài thời hỏi, nước đã điêu linh trong ba mươi năm. Ngài có thể dám chống Tàu không? Lê tất nhiên là không.

Vậy việc Ngài cầu lê thụ phong là một việc rất chính trị, chứng tỏ sự minh-mẫn của Ngài, chứ không phải Ngài « hèn ».

2.— Còn về vấn đề quốc-hiệu Nam-Việt mà Ngài đề nghị, Vua Tàu đòi làm Việt-Nam : Ngài đã theo. Vì vấn đề đặt ra không phải là danh-từ Nam-Việt hay Việt-Nam mà là một danh từ mới thay cho danh-từ Đại-Việt là tên cũ của nước ta, dùng trong đời nhà Lê.

Danh từ mới này đã tìm ra, chẳng cần phải chú ý tới việc Ngài đặt ra hay vua Tàu đặt ra : cứ việc mà dùng. Vậy Ngài nhận danh từ Việt-Nam một cách rất có lý và chính-trị.

Bây giờ, ta lại hỏi : tại sao vua Tàu đã công nhận Ngài ?

Tàu đã công nhận nhà Lê, cho Vua Lê-Chiêu-Thống sang trú ẩn, phát quân sang đánh nhà Tây-Sơn (nghĩa là muốn thôn tính nước ta), lại công nhận nhà Tây-Sơn, phát sách và ấn, tặng tước Vương cho Nguyễn-Huệ nghĩa là Tàu giáo Nguyệt vô chừng !

Nguyễn-Huệ có công rất lớn đối với dân-tộc ta là đã đánh tan quân Tàu, phá vỡ mộng đế quốc của Tàu. Bây giờ chính nhà Tây-Sơn lại bị Nguyễn-Vương đánh bại ! Vua Lê-Chiêu-Thống lại băng từ mấy năm trước ! Tàu muốn đưa/ một « bù nhìn » họ Lê ra, không có ! Họ nhà Tây-Sơn, cũng không có ! Chỉ còn một cách là công-nhận Nguyễn-Vương ! Công nhận thì có lợi thì tỏ ra rằng Vua Tần là Thiên-Tử, Vua Việt-Nam là « Chư hầu », lại được honor dien là đặt tên cho một nước mới (Việt-Nam). Nếu không công nhận thì Nguyễn-Vương đã trả lời là Ngài không cần, Ngài sẽ không chịu lê thụ phong. Hãy hỏi

vua Tàu có thể đem quân viễn-chinh sang thu phục nước ta không ? Kinh nghiệm cho biết là quân Tàu (Tôn-Sĩ-Nghi) khó thắng quân Việt-Nam. Vả lại nhà Tây-Sơn, tuy đã thắng quân Tàu, còn bị Nguyễn-Vương đánh bại thôii, đối với vua Tàu, thực không nên cho một Tôn-Sĩ-Nghi thứ hai sang Việt-Nam nữa. Trong nước Tàu, hồi đó, cũng còn nhiều vấn đề khó giải quyết. Vậy ta hiểu tại sao vua Tàu công nhận Việt-Nam độc-lập, dưới sự lãnh-đạo của Vua Gia-Long.

Sau khi ta đã phân-tích các lý do Vua Gia-Long xin thụ phong và Hoàng-Đế Trung-Hoa cho thụ phong, ta hãy xét lẽ thụ phong như thế nào ?

Trước hết, tuyên-phong phải có cáo sắc có ban ấn : đó là lệ thường trong đời trước. Vua Tàu ban cho gấm đoạn và phẩm vật, cũng là lệ thường.

Ta phải chú ý tới điểm rất quan trọng là Ngài coi sứ Tàu như ở hàng dưới Ngài. Ngài không tự tiếp, chỉ có bầy tôi của Ngài tiếp mà thôi. Ngài là một ông vua độc lập ngang hàng với các ông vua độc-lập khác.

Lẽ tuyên phong xong, « đãi sứ uống trà ». Sứ Tàu sang bên ta là do vua Tàu sai sang, Ngài việc gì phải quan trọng hoá vấn đề tiếp sứ ?

Ngài giao thiệp thẳng với vua Tàu kia mà ? Vậy (đãi trà » sứ Tàu cũng đã đủ tỏ sự ban ơn của Ngài.

Còn lẽ phẩm, — là sự thường — Ngài sẽ sai sứ của Ngài đem sang sau, tặng trực tiếp vua Tàu không cần phải nhờ sứ Tàu đem về.

Lẽ xong, sứ Tàu phải từ về ngay, ở lại vô ích ; họ sống ra cửa ải là công việc của một bầy tôi.

Vậy, để trả lời câu hỏi thứ nhất, ta sẽ nói như sau này : Vua Gia-Long và Hoàng-Đế Trung-Hoa, ai cũng có ý do riêng xác đáng để mở một cuộc bang giao. Vua Gia-Long tự coi ngang hàng với Vua Tàu, giao thiệp thắng. Sứ Tàu đến làm lê tuyên phong, Ngài chỉ coi và đãi như một bầy tôi của Ngài mà thôi. Sứ đến, rồi sứ phải đi.

Lê tuyên phong, xét ra, chỉ là một hình thức ngoại giao giữa nước nhỏ với nước lớn, không có nghĩa một sự phụ thuộc nào.

2.— Câu hỏi thứ hai :

Các Hoàng-Đế Minh-Mạng và Thiệu-Trị đã quan-niệm lê thụ phong như thế nào ?

Theo các tài-liệu đã dẫn ở trên, ta biết là hai vị Minh-Mạng và Thiệu-Trị đã lên ngôi Hoàng-Đế rồi mới chịu lê thụ phong, chứ không phải nhờ lê thụ phong mới được thần dân trong nước và Hoàng-Đế Trung-Hoa công nhận hai Ngài. Đó là một điểm phải chú ý.

Về nghi lê, có vài chi tiết thuộc lê thụ phong của Hoàng-Đế Minh-Mạng : « Ngài mặc áo lê tới trước thần ngự dâng rượu... Phan-Cung-Thần theo kiểu long-dinh mà đến... xong rồi, đãi tiệc và tặng hoa ». Ngài mặc áo lê, tới trước thần ngự dâng rượu, cử chỉ này là theo lê cổ truyền, không đáng chú ý. Nhưng Phan-Cung-Thần theo

kiệu long-đinh mà đến thì có vẻ kiêu hanh, cũng như Ngài đãi tiệc tặng hảo thì có vẻ trọng sứ Tàu quá.

Có một lý do để ta giải thích thái độ quá nhún nhường của Hoàng-Đế Minh-Mạng. Ấy là Ngài cần phải lấy lòng vua Tàu và cả sứ Tàu nữa để yên được bờ cõi về phía Bắc thì Ngài mới rảnh tri mà mở mang nước ta về phía Nam và phía Tây.

Còn một lý do nữa, ấy là Ngài vốn thâm nho quá, chịu ảnh hưởng của nghi lễ Khổng giáo, trái với Vua Gia-Long đã là một ông vua « vừa trung hưng, vừa sáng nghiệp » có văn nhưng kiêm cả võ. Một người như Vua Gia-Long mới năm 17 tuổi đã phải lên làm Nguyên-Soái, xông pha trận mạc suốt 24 năm, thắng được nhà Tây-Sơn, bình định được Trung, Nam, Bắc, dù Ngài muốn lịch sự, xã giao hay ban ơn thế nào mặc lòng, Ngài cũng không có thể tha thứ được cho sứ Tàu — Một viên Án-sát — theo kiệu long-đinh mà vào; và Ngài chỉ có thể ban cho một vài chén trà, chứ không đáng được Ngài mời tiệc và tặng hảo.

Nhung dù sao thái-độ của Hoàng-Đế Minh-Mạng cũng không có gì nhục cho quốc-thề.

Về lễ thụ phong của đức Thiệu-Trị, tôi chưa biết một chi tiết gì đáng chú ý.

3.— Câu hỏi thứ ba:

Hoàng-Đế Tự-Đức đã quan niệm lễ thụ phong như thế nào?

— Tôi đã dẫn ở trên mấy dòng sứ rất sơ sài vì sứ thần chỉ chép qua loa, tuy sự chịu lê thụ phong của Hoàng-Đế Tự-Đức là một việc rất đáng nói rõ.

Trước hết, Ngài đã lên ngôi đế hai năm rồi mới chịu lê thụ phong, cũng như các đức Minh-Mạng và Thiệu-Trị.

Nhưng tại sao lê lại hành ở kinh thành chứ không ở Thăng-Long ? Tại sao, sứ thần phải ghi : « Lễ ấy giao tiếp rất thành, thể thống rất tôn, lâu nay chưa từng có ».

Tôi chắc chắn rằng lê thụ phong của đức Thiệu-Trị rất đơn giản ; còn về lê của đức Tự-Đức thì, dù ta không biết chi tiết, ta cũng phải tin là cực kỳ oai nghiêm. Tại sao lại có sự mới lạ như thế ?

Chúng ta khó mà hiểu vì làm thế nào tìm được tài liệu rõ ràng đầy đủ, trong khi mà chính sứ thần không muốn cho ta biết. Chắc có nhiều điều uẩn khuất.

Tôi dẫn ra sau đây một giả thuyết. Giả thuyết này có thể hoàn toàn sai, dù sao, tôi không tìm được một giả thuyết thứ hai.

Ta phải biết một vài chi tiết trong việc đức Tự-Đức lên kế ngôi đức Thiệu-Trị.

Sử chép như sau này :

« Ngài là con thứ hai đức Hiển-Tồ, chương Hoàng-Đế (Thiệu-Trị), đức Từ-đại Hoàng-Thái-Hậu, họ Phạm-Đặng, sinh Ngài năm Kỷ-Sửu, niên hiệu Minh-Mạng thứ mươi (1829). Đếu năm Thiệu-Trị thứ ba (1843), Ngài được phong tước Phuộc-Tuy-Công,

« Khi ấy, An-Phong-Công là Hường-Bảo, tuổi tuy lớn
 « nhưng về con dòng thứ, lại ít học ham chơi, còn Ngài
 « thời tính nhàn, hiếu, thông-mẫn, lại ham học, đức Hiển-
 « Tô thương, thường đòi vào chầu, dạy Ngài những đạo học
 « Đế, Vương đời trước, cho đến việc dân gian cày cấy
 « khó nhọc, lại cho một bộ sách « Thánh chế chỉ thiện,
 « đương thi, văn hồi tập » và dụ rằng: « bộ sách ấy là
 « ý chí của Đức Hoàng-Tô (Gia-Long) ta để lại, phép tri
 « Thiên hạ đều ở đó ».

Và sử thần chép thêm rằng: « Đức Hiển-Tô khi ấy
 « đã có ý lập Ngài rồi ».

Tháng chín năm Ất-Vi (Thiệu-Trị thứ bảy) đức Thiệu-Trị băng và tháng mười, ngày Kỷ-Sửu, Ngài lên ngôi tại điện Thái-Hoà, đặt niên hiệu là Tự-Đức, Ngài mới có 18 tuổi.

Chúng ta, nếu có đọc kỹ và hiểu những sự dè dặt trong các tài-liệu lịch sử, thời có thể nhận thấy rằng sử thần không muốn nói rõ một vài điểm thuộc về hoàng-gia: ấy là Ngài tuy trẻ nhưng được đức Thiệu-Trị yêu dấu, và lại con dòng chính nên được kế nghiệp; trái lại, An-Phong-Công, Hường-Bảo tuy lớn nhưng không được yêu dấu lại thuộc dòng thứ nên không được kế nghiệp.

San này, Hường-Bảo không được kế là thuộc Hoàng-gia, phải theo họ ngoại, và nhận danh xấu xa là Đinh-Ngốc. Sử cho biết là tháng tám năm Bính-Dần (1866) nghĩa là năm Tự-Đức thứ mười chín, con Hường-Bảo là Đinh-Đạo được một số vừa hoàng-gia vừa quan trọng triều tôn lên muốn đoạt ngôi Ngài: đã có cả cuộc đảo

chánh bằng vũ lực định xông vào ngay Tứ-cẩm-thành để làm việc thoán thi, nhưng thất bại.

Vậy ta thử nghĩ, khi Ngài lên ngôi, tâm lý Ngài như thế nào? Và tâm lý một số đình thần như thế nào?

Một mặt, phải đổi Hường-Bảo ra làm Đinh-Ngốc, triệt ra khỏi hoàng-gia.

Một mặt nữa phải « xin mời xứ Tàu đến Kinh » để làm lễ tuyên phong một cách rất oai nghiêm: mục đích để trấn tĩnh lòng dân và một số đình thần. Vì thế, sứ thần có « Lê ấy giáo tiếp rất thành, thề thống rất tòn, lâu nay chưa từng có ».

Đức Gia-Long, Minh-Mạng và ngay cả đức Thiệu-Trị nữa đều đã coi lễ thụ phong như một nghi lễ rất tầm thường, hành ở Thăng-Long chứ không ở Kinh. Vì phải giữ sự cung kính cho Hoàng thành và có lẽ cũng vì phải trấn tĩnh lòng dân Bắc-hà để cho khỏi tưởng vọng đến nhà Lê nữa.

Đức Tự-Đức đã có những lý do rất đặc biệt, như ta đã dự đoán ở trên, để hành lễ ở Kinh và một cách rất thành kính.

KẾT LUẬN

Dù tài-liệu mà ta dùng đã quá thiếu sót ta cũng có thể kết luận về một vài điểm chính, trong khi chờ đợi một sự khảo cứu lịch sử đầy đủ và chắc chắn hơn.

1.— Vua Gia-Long đã rất chính-trị khi Ngài và các Vị Hoàng-Đế kế tiếp Ngài, ngay cả với Hoàng-Đế Tự-Đức, lê thụ phong không có một ý nghĩa là nước Việt-Nam phải phụ thuộc vào nước Tàu. Nước ta đã hoàn toàn độc-lập. Chứng cứ là sứ Tàu đến rồi phải đi, chứ không được ở lại hoặc để làm mật-thám, hoặc để gây mâu-thuẫn nội bộ trong nước ta, hoặc để áp chế hay yêu sách theo một cách này hay một cách khác...

2.— Trong nghi lễ, có thể có một vài chi tiết mà người quốc-gia quá khuynh về hữu có thể cho là nhục đến quốc-thể.

Nhưng phải nhận rõ là vua nước ta chỉ là một ông vua nước nhỏ, vua Tàu là vua nước lớn. Phải cần cho khỏi có ngoại xâm ở phía Bắc, vì vậy — và đây cũng là vết tích còn lại của thời phong kiến — đã có lệ dâng rượu, cũng như lê ôm gối... Theo ý tôi các Vua Việt-Nam đã tôn các vua Tàu theo như các nghi lễ cổ truyền, chẳng có gì đáng chú ý. Nhưng các sứ Tàu chỉ được các Vua Việt-Nam coi như bầy tôi của các Ngài mà thôi. Hoặc được uống trà, dâng tiệc hay tặng hào, sứ Tàu chỉ ngang hàng với các quan Đại-thần ta là cùng. Tôi chắc đã không có thể xảy ra một sự vô lẽ nào đối với các vua Việt-Nam vì các Ngài đã không có thể tha thứ cho những sự vô lẽ.

Nói tóm lại, nước Việt-Nam đã hoàn toàn độc-lập và ngay nước Tàu cũng rất kính trọng, tuy đã chịu lê thụ phong của chính nước Tàu.

NƯỚC XIÊM ĐÃ GIÚP NGUYỄN-ÁNH ĐÁNH TÂY-SƠN NHƯ THẾ NÀO ?

(1780 — 1788)

Năm Canh-Tý (1780), Nguyễn-Ánh lên ngôi Vương ở Gia-định. Bửu khắc 9 chữ « ĐẠI VIỆT QUỐC NGUYỄN CHÚA VĨNH TRẤN CHI BỦU ».

Chúa lấy niên hiệu là Gia-Long.

Nguyễn-Ánh cẩn cứ vào đất Đồng-Nai — Gia-Định để chống cự với nhà Tây-sơn.

Đồng-Nai — Gia-Định là đất mà ta đã chiếm được của Cao-Miên và đã đặt thành phủ, huyện từ năm 1697.

Trước Nguyễn-Ánh, nước Cao-Miên từ năm 1697 đã chịu thua phục nước ta nhưng muốn giữ vững Gia-Định ta đã phải bảo hộ Cao-Miên, biết bao nhiêu lần đánh nhau với Xiêm vì Xiêm bao giờ cũng dòm ngó Cao-Miên. Vậy cứ lý mà suy Nguyễn-Ánh sau năm 1780 một mặt phải chống với Tây-Sơn ở phía Trung-Kỳ đánh vào Gia-Định, một mặt phải chống nhau với quân Xiêm ở Cao-Miên đánh sang. Nhưng lịch-sử cho ta biết Xiêm giúp Nguyễn-Ánh đánh Tây-Sơn.

Tại sao Xiêm lại giúp Nguyễn-Ánh ?

Xiêm đã giúp Nguyễn-Ánh như thế nào ?

Năm 1781 vua Xiêm là Trịnh-Quốc-Anh sai tướng là Chất-Tri và Sô-Si sang đánh Nặc-Ấn vua Cao-Man.

Nặc-Ấn cầu cứu Nguyễn-Ánh. Tướng Nguyễn-Hữu-Thụy và Hồ-Văn-Lân bèn đem quân sang Cao-Man chống tướng Xiêm.

Nhưng Chất-Tri và Sô-Si, vợ con bị Trịnh-Quốc-Anh đem giết, xin hàng với quân ta để trở về Vọng-Các (Kinh đô Xiêm) trả thù.

Trịnh-Quốc-Anh bị giết. Chất-Tri và Sô-Si lên làm vua.

Sử ta chép tóm tắt trong Quốc-Triều chánh-biên toát-yếu như sau :

« Năm Nhâm-Dần thứ 3 (1782) tháng Giêng sai trưởng cơ Nguyễn-Hữu-Thụy cùng với Hồ-Văn-Lân đem thuyền binh vào cứu Chân-Lạp.

Khi ấy vua Xiêm-La là Trịnh-Quốc-Anh có bệnh điên giam vợ con Chất-Tri và Sô-Si. Bởi Chất-Tri và Sô-Si giận quá sai người hỏi ước với ông Thụy để đánh vua Xiêm-La.

Thụy nghe lời. Hôm sau Thụy đi với 10 tên lính hầu vào trong trại quân Xiêm.

Bọn Chất-Tri tiếp đãi rất hậu, uống rượu đã say bỏ cung tên mà thè. Thụy cho Chất-Tri 3 cái đồ quý là dao, cờ và gươm rồi về.

Gặp lúc nước Xiêm nỗi giặc Trịnh-Quốc-Anh nghe việc có biến vào chùa trốn.

Chất-Tri trở về Vọng-Các. Sai người giết Trịnh-Quốc-Anh tự lập làm vua gọi là vua Phật, phong cho em làm vua thứ hai, cháu là ma lặc (ma lặc là 1 chức quan ở Xiêm) làm vua thứ ba.

Mấy người dân nước ta khi trước bị Trịnh-Quốc-Anh dày, bây giờ tha cho về thành cắp tiền gạo mà tiêu dùng.

Thụy tâu việc ấy với Ngài, Ngài khiến đem quân về.

Vì thế nước ta và Xiêm từ trước đến giờ kinh địch lẫn nhau nay đã thành ra thân thiện trong khoảng 30 năm. Cho đến 1812 trở về sau tới khi Pháp đánh nước ta, ta và Xiêm bao giờ cũng tranh giành Cao-Man.

Tháng 3 năm Nhâm-Dần (1782) Nguyễn-Nhạc và Nguyễn-Huệ vào đánh Saigon và Cần-Thơ : Nguyễn-Ánh trốn ra Hà-Tiên tháng 8 năm ấy nhờ có Châu-Văn-Tiếp đem binh lấy lại Saigon. Nguyễn-Ánh trở lại Saigon vì sợ Tây-Sơn hàng năm vào đánh, Nguyễn-Ánh sai đem lẽ vật tặng vua Xiêm đề giao hiếu.

Năm Quý-Mão (1783) Nguyễn-Huệ và Nguyễn-Lữ lại vào đánh Saigon.

Nguyễn-Ánh và gia-quyến trốn ra đảo Phú-Quốc.

Tháng 7 Nguyễn-Huệ đem thủy-quân vây 3 vòng đảo Phú-Quốc nhờ có bão to làm đắm thuyền, Nguyễn-Ánh trốn được.

Bèn sai người mời Bá-Đa-Lộc, lúc đó ở Xiêm, nhờ nước Pháp cho quân cứu viện.

Bá-Đa-Lộc đi Pháp cùng Hoàng-tử Cảnh.

Cho đến cuối năm Quý-Mão, Nguyễn-Ánh trốn tránh trong vịnh Xiêm-La từ đảo này sang đảo khác.

Năm Giáp-Thìn tháng hai (1784) Nguyễn-Ánh thế cung phải sang Xiêm. Sử ta chép như sau :

« Nguyễn khi trước bị thua tại sông Nguru-Chữ, Châu-Văn-Tiếp sang Xiêm xin binh, vua Xiêm nhận lời bảo Tiếp đi dâng núi về, rồi sai tướng Xiêm là Thái-sĩ-Đa đem binh thủy qua Hà-Tiên, tiếng là sang cứu, kỳ thiệt ám chúc rước Ngài qua Xiêm. Tiếp cũng có mặt hiểu sai người di theo binh Xiêm về tàu ; Ngài được biều mừng lăm liền vào Long-Xuyên hội với tướng Xiêm. Tướng Xiêm có xin Ngài sang Xiêm, bắt đắc dĩ phải theo nhưng trước sai chánh cơ Ngô-Công-Quý hầu bà Quốc-Mẫu và cung quyền dời qua ở Thổ-Châu (Cù-lao Giêng ở giữa sông Cửu-Long.) »

Tháng 3, Ngài qua đến thành Vọng-Các. Vua Xiêm đón rước Ngài cực kỳ lễ-phép. Ngài tự nghĩ buồn bức không biết là nhường nào.

Vua Xiêm nói rằng : « Chiêu Nam cốc (vua nhà trời nước Việt) sợ hay sao ? »

Ngài nói rằng : « Không phải sợ. Nhà nước tôi trải đời truyền nối hơn 200 năm, bây giờ quốc vận trung suy, tôi thì ít đức không tài, không gìn giữ cơ nghiệp được, vì thế mà buồn. Nghĩ muôn trả thù, bắt giặc Tây-Sơn làm thịt mà ăn, trải da mà nấm, dãy chết cũng cam tâm có sợ gì đâu. »

Vua Xiêm nghe nói cho là khảng khái, nhận hỏi việc

nước, nói chưa xong lời thời thấy Châu-văn-Tiếp ở ngoài đi vào ôm đầu gối mà khóc mãi.

Vua Xiêm cảm động nói với quần thần rằng : « Chiêu Nam cốc có người tôi như vậy thời biết ý trời. »

Bèn chịu giúp bình đê lo việc khôi phục.

Vua Xiêm thứ hai nhân nói : « Năm trước có giảng hòa với ông Nguyễn-Hữu-Thụy đã ước thệ rằng hoan nạn phải giúp nhau. Bây giờ xin giúp sức. »

Rồi đem ra cờ, gươm, dao của ông Thụy cho lúc trước để làm tin hẹn ngày cử hành.

Tháng 6, Ngài từ Xiêm đem binh về Gia-Định. Vua Xiêm sai cháu là Chiêu-Sương, Chiêu-Tăng đem 20.000 lính thủy và 300 chiến thuyền giúp Ngài.

Tháng 7 quan quân lấy được đạo Kiến-giang lại phá quân Đô-đốc giặc (Tây.Sơn) là Nguyễn-Hoá ở Trấn-giang kéo thẳng đến các xứ Ba-thắc, Tri-tôn, Mân-thiếc, Sa-dec chia quân đóng giữ.

Vậy Nguyễn-Ánh nhờ quân Xiêm đã luôn luôn thắng quân Tây-Sơn.

Các tướng tá hồi trước tản mát mọi nơi nay đều dần dần tìm tới như Lê-Văn-Duyệt và Nguyễn-văn-K.

Thắng trận luôn đến tháng chạp năm ấy nhưng sứ cho ta biết thêm rằng : Ngài nghĩ binh Xiêm tàn bạo quá nên dân ta đều ta oán muộn lui quân về.

Quân Tây-Sơn, vào tháng chạp năm ấy không đê cho Nguyễn-Ánh rút lui, liền tới đánh.

« Tháng 12, Nhạc nghe báo tin nguy cấp sai Huệ đem thuyền binh vào Saigon, Nhạc thời đem binh mạnh phục tại sông Sầm-Giang và sông Suy-Miệt mà dụ binh Xiêm ra đánh.

« Tướng Xiêm là Chiêu-Tăng, Chiêu-Sương không biết địa-lý lại quen thắng trận luôn, lại kéo quân xuống thắng Mỹ-Tho gấp quân phục binh của Tây-Sơn chặn đánh, quân Xiêm thua theo đường lối Chàm-Lạp chạy về.

« Ngài sai Mặc-Tử-Sanh (con Mặc-Thiên-Tử) và chánh-cơ Trung sang Xiêm báo tin. »

Nguyễn-Ánh thua trận phải trốn ra Thổ-Châu rồi sang Xiêm.

Tháng 4 năm Ất-ty 1785, Ngài qua Xiêm đến thành Vọng-Các.

Vua Xiêm hỏi sự trạng bị thua ngài nói hết chuyện Tăng, Sương tàn bạo, dân đều ta oán nêun thua. Vua Xiêm giận muốn chém Tăng, Sương, Ngài lại hòa giải rằng: hai tướng vẫn có tội nhưng việc nên hay không cũng là tại Trời, nên chờ cơ hội thôi, xin tha cho bọn ấy.

Vua Xiêm mời người giàn.

Nguyễn-Ánh ở lại Vọng-Các thu thập tướng tá chờ thời-vận, cũng không muốn nhờ vua Xiêm giúp nữa. Trái lại Nguyễn-Ánh giúp vua Xiêm đánh quân Diến-Điện.

Tháng 2 năm Bính-Ngọ (1786) có 3 toán quân Diến-Điện xâm đất Sài Mắt nước Xiêm.

Xiêm vương đi đánh xin ngài bày mưu định kế cho.

Ngài nói :

« Từ Diến-Điện đến đây, chàng đi ngàn dặm, vận tải quân lương, công trình cũng đã khó nhọc, tôi giúp sức cho, đánh cho gấp thời được. »

Xiêm vương lập tức tấn binh. Ngài đem quân giúp Xiêm sai Lê-văn-Duân, Nguyễn-Văn-Thành đi trước, lấy ống hỏa xô lửa ra đánh. Bình Diến-Điện sợ chạy chết nhiều lăm, bắt sống đến 800 người.

Khi trở về Vua Xiêm làm lê tạ, lại muốn giúp binh để thàu phục Gia-Định.

Ngài bàn với các tướng, Nguyễn-Văn-Thành tâu rằng :

« Xưa vua Thiếu-Khuông chỉ có một toán binh mà khôi phục được nhà Hậu, ta nên dưỡng sức chờ thời, việc còn làm được, chờ nên đem giặc vào trong nước. »

Ngài cho là phải không dùng binh Xiêm nữa.

Như Nguyễn-Văn-Thành đã dự đoán thời-gian đã giúp Nguyễn-Ánh.

Khi Nguyễn-Ánh ở Xiêm nhiều việc quan trọng đã xảy ra ở nước ta và đã giúp Nguyễn-Ánh một cách gián tiếp.

Tháng năm năm Bính Ngọ (1786), Nguyễn-Huệ đánh đuổi quân chúa Trịnh chiếm cứ Phú-Xuân từ năm 1774, đánh đuổi đến tận Quảng-Bình.

Tháng 6, Nguyễn-hữu-Chỉnh đem quân Tây-Sơn đi đàng thủy ra thẳng An-Nam đô thành (Hà-Nội).

Tháng 7, vua Lê băng hà, con là Duy-Kỳ nối ngôi niên hiệu là Chiêu-Thống.

Thế lực Nguyễn-Huệ rất mạnh từ Phú-Xuân ra Bắc hà. Nguyễn-Huệ muốn tự lập làm vua bèn kề tội Nguyễn-Nhạc, đem quân về vây thành Qui-Nhơn. Anh em sau lại giảng hòa với nhau nhưng Nguyễn-Huệ chiếm giữ từ Quảng-Nam trở ra đóng đô ở Phú-Xuân tự xưng là Bắc Bình Vương. Nguyễn-Nhạc lấy từ Quảng-Ngãi trở vào cho tới Bình-Thuận, còn Nguyễn-Lữ thời giữ Gia-Định.

Tháng hai năm Đinh-Vị (1787), Tống-phúc-Đam sang Xiêm kề tình trạng anh em Tây-sơn chia rẽ cho Nguyễn-Ánh biêt « Anh em Tây-sơn tự làm hại nhau. Đặng-văn-Trần (tướng của Nguyễn-Lữ) đã đem hết quân (ở Gia-định) về cứu Qui-nhơn (?). Bây giờ Gia-định đơn nhược có thể lấy được ».

Nguyễn-Ánh, tháng 7 năm ấy bèn ở Xiêm về : « Từ Giáp-Thìn (1782) bị thua về sau, biết Xiêm không giúp nổi, nếu giúp cũng vô ích nên Ngài quyết kế trở về. Liền nhân ban đêm để thư tạ ở chỗ hành tại, rước bà Quốc-mẫu và cung quyền xuống thuyền sai quân chèo đi gấp lắm. Thuyền ngự về đến hòn Cồ Cốt ».

KẾT LUẬN

1) Nguyễn-Ánh đã lưu trú ở Xiêm hai lần : lần thứ nhất bốn tháng (từ tháng hai năm Giáp-Thìn (1784) đến tháng sáu năm ấy) lần thứ hai, 26 tháng (từ tháng tư năm Ất-Ty 1785 đến tháng 7 năm Đinh-Vị 1787).

2) Quân Xiêm (Chiêu-Tăng, Chiêu-Sương) đã giúp Nguyễn-Ánh đánh quân Tây-sơn về tháng 7 năm Giáp-Thìn (1784) nhưng đến tháng chạp năm ấy, quân Xiêm bị Nguyễn-Nhạc phục đánh trước khi rút lui. Nguyễn-Ánh tự nhận là quân Xiêm tàn bạo, cướp phá lương dân, nên không muốn nhờ Xiêm giúp binh nữa.

Chính tháng hai năm Bính-Ngọ (1786), trong khi ở Xiêm — lần thứ hai — Nguyễn-Ánh đã giúp Xiêm đánh lui quân Diển-Điện.

3) Vì anh em Tây-sơn không đồng lòng với nhau đã chia nước ta ra làm 3 để mỗi người làm bá chủ mỗi phần, lại còn đánh lẩn nhau thành Nguyễn-Ánh có dịp đem quân ta ở Xiêm về thu phục đất cũ.

Tháng 8 năm Đinh-Vị (1787), Nguyễn-Ánh đem quân về đến Long-Xuyên, tháng 9 đến Cần-Thơ. Nguyễn-Lữ trốn qua Biên-Hoà chạy về Qui-Nhon rồi chết.

Có nghĩa binh các nơi tới theo Nguyễn-Ánh dần dần lấy lại được đất Gia-Định, Đồng-Nai.

Khi Bá-đa-Lộc và Hoàng-tử Cảnh về — tháng 7 d.l. năm 1788 — căn bản của Nguyễn-Ánh đã vững vàng : có thể tự chống cự với quân Tây-Sơn được, thứ nhất là quân Tây-Sơn, sau khi Nguyễn-Huệ chết càng ngày càng yếu thế.

VUA GIA-LONG VỚI NƯỚC XIÊM, NƯỚC LẠP : **(tiếp theo)**

TÀI LIỆU : I — (1791 — 1792) (1)

1 — Năm Nhâm-Ti (1791), tháng ba nước Xiêm đem thư xin giúp binh đi đường thương đạo đánh Tây-Sơn.

2 — Năm Bình-Thìn (1796), tháng giêng, cho Nguyễn-Tấn-Lượng, Nguyễn-văn-Thụy làm chánh phó sứ sang Xiêm.

3 — Năm Đinh-Vị (1797) tháng chính, sai Trần-Phúc-Chất đem quốc-thư sang Xiêm để báo việc binh — Lại nói với Xiêm rằng: « Có nghe nước Diến-Điện thuê binh thủy Hồng-mao để đánh Xiêm quả như vậy ta sẽ đem quân thủy đón đường mà đánh ». Người Xiêm phúc thư cảm tạ dâng 100.000 cân diêm. Trong đó nói rằng: « Như ngày sau quân đi đánh giặc, binh khí có thiếu gì thời Xiêm xin giúp — Lại sai phái người nào quen việc, hội với binh bộ nước Xiêm theo đường thương đạo đi băng qua nước Vạn-Tượng để đánh lấy tỉnh Nghệ-An, một là ngăn đón quân ở Bắc-hà vào, hai là đánh mặt sau Thuận-Hoá ; quân nhu đã có các Mọi cung cấp, mình không phải lo ». Ngài vẫn muốn giao-thông với Vạn-Tượng, bày giờ được thư Xiêm, ngài mừng lắm.

(1) Xem bài : *Nước Xiêm đã giúp Nguyễn-Ánh đánh Tây-Sơn như thế nào ?*

4 — Năm Mậu-Ngọ (1798) tháng hai, Diến-Điện đánh Xiêm — Xiêm sai sứ sang xin quân cứu viện. Ngài sai hữu quân Nguyễn-Hoàng-Đức, chưởng cơ Nguyễn-văn-Trương đem 7000 lính thủy, 100 chiếc thuyền chiến sang cứu. Quân đi tới Côn-Lôn thời Xiêm đã đánh được Diến-Điện rồi, liền rút quân về.

5 — Năm Kỷ-Vị (1799) tháng hai, sai Nguyễn-văn-Thụy, Lưu-Phúc-Tường sung chức chánh, phó sứ đem quốc thư sang nước Xiêm, nói với Xiêm đem quân linh Chân-lạp, Vạn-tượng đi xuyên đường thương đạo xuống tỉnh Nghệ-An để trợ thanh thế cho mình. Vua Xiêm bằng lòng.

6 — Năm Canh-Thân (1800) tháng giêng (?), Thượng đạo Tướng quân Nguyễn-văn-Thụy ở Vạn-tượng về mặt tâu việc binh — Ngài sai đi hội với Vạn-tượng đánh lấy tỉnh Nghệ.

7 — Tháng sáu, tướng quân Nguyễn-văn-Thụy, Điền quân Lưu-Phúc-Tường đem quân mình và quân Vạn-tượng đánh đảng giặc ở Nghệ-An.

8.— Năm Tân-Dậu (1801) tháng năm (sau khi thâu phục Kinh-Đô), Ngài sai Điền quân Lưu-Phúc-Tường đem bộ hạ đi đường Cam-Lộ đưa thư cho Vạn-Tượng và các Mường bảo chúng nó giữ chỗ hiểm yếu, phòng quân giặc chạy trốn.

Năm Nhâm-Tuất (1802) tháng năm, ngày mồng một, Ngài hiệp tế trời đất, cáo việc đặt niên hiệu là Gia-Long, rồi Ngài đem binh ra đánh Bắc-Hà.

TÀI LIỆU : II (1802 — 1820)

1.— Năm Bình-Dần (1806) tức là năm Gia-Long thứ Năm, tháng tám, Xiêm sai sứ sang dâng ba chiếc thuyền chiến. Quan trấn Gia-Định tàu lên, Ngài cho xứ Xiêm về Kinh chiêm bái rồi cấp tiền cho về.

2.— Năm Đinh Mão (1807) tháng chín, nước Chân-Lạp tới xin thọ phong. Ngài phong Nặc-Chân làm Cao-Man quốc-vương, định lệ ba năm cống một lần, từ năm nay (làm) đầu.

3.— Năm Kỷ-Tỵ (1809) tháng mười hai, quan trấn thủ Hà-tiên là Mạc-Tử-Thiêm mất.

Từ khi Mạc-Cửu dâng đất Hà-Tiên đến bây giờ, triều đình nhớ đến công lao, cho con cháu đời đời làm trấn thủ Hà-Tiên. Đến khi Thiêm mất rồi, con là Công-Tài, Công-Thế còn nhỏ, cháu là Công-Du vì tội bắt vợ hầu Thống-chế Phạm-văn-Triệu bán cho người Xiêm bị giao đình nghị.

Ngài bèn truyền chỉ chánh đội Ngò-y-Nghiêm, tham luận Lê-Tấn-Giang quyền lãnh trấn Hà-Tiên, âm-thụ Công Thế làm chánh đội để coi việc tế-tự và cấp cho 53 tên mợ phu.

Ngài lại truyền quan Tông-Trấn Gia-Định đem việc Công-Du báo với Xiêm, Xiêm xin tha tội Công-Du mà cho lập chức trấn-thủ. Ngài không cho truyền bộ lại viết thư trả lời cho Xiêm, Xiêm tiếp được thư, không giám xin nữa. (Năm Tân-Vị (1811) tháng hai, Ngài đòi

Mạc-Công-Du, Mạc-Công-Tài về Kinh ; cho con cháu bọn ấy dự hạng Miên-Diêu).

4.— Năm Tân-Vị 1811 tháng hai, khi trước Nặc-Chân giận Xiêm nhưng ý có nước ta bảo-hộ. Đến khi nghe sứ Xiêm sang nước ta, Nặc-Chân tưởng rằng ta giao-hiếu với Xiêm, sợ lắm.

Ngài khiến đình thần làm thư đưa cho Nặc-Chân trong thư kề hết những lời xứ Xiêm vấn đáp với ta, để cho Nặc-Chân an tâm. Lại gấp lúc Xiêm có tang Phật-Vương, Ngài dụ Chân phải sai sứ sang Xiêm hội tang, kết nghĩa giao hiếu. Chân được thư mừng lắm, dâng biều trần ta.

5.— Tháng 3, sai chưởng cơ Tống-phúc-Ngoạn sung chức chánh-sứ sang Xiêm. Ngài sai bộ Lại làm thư đưa qua Xiêm nói việc khu sứ nước Chân-Lạp. Sứ Xiêm cũng xin về nước, Ngài ban thưởng hậu lắm cho về luôn với sứ ta.

6.— Năm Nhâm-Thân (1812) tháng ba, em Nặc-Chân là Nặc-Nguyên đem linh Xiêm sang cướp thành La-Bích. Nặc-Chân bỏ thành chạy sang Nam-Vang dâng biều xin viễn binh, ngài dụ rằng :

« Anh em chúng ngươi không hoà với nhau đến nỗi sanh điều lo lắng. Ta đương nghĩ xử tri để làm cho yên nhà nước ngươi, ngươi cũng phải tự cường để yên dân ngươi, hễ nhân tâm yên thì ngươi sẽ có ngày về nước. »

7.— Tháng sáu, mấy tên mật thám ở Gia-Định đầu nói Diển-Điện đánh Xiêm, Xiêm phải rút binh về. Nguyễn-

văn-Nhân tâu lên ngài biết. Xiêm sai bọn Sa-Trật, Sĩ-Na đem dâng đồ hương liệu và dâng thư nói : « Anh em Nặc-Chân không hoà hiệp nên phải sai trọng thần sang giữ, ấy là muốn cho anh em Nò khỏi tranh nhau, chứ nước Xiêm tôi không có ý gì. »

Đời sứ Xiêm vào ngài quở rằng :

« Nước ngươi vô cớ đem quân sang đóng đất Chân Lạp làm cho Nặc-Chân phải chạy. Chân-Lạp đòi đòi thàn phục nước ta, nếu có việc gì ta cũng phải cứu. Người về nói lại với vua ngươi rằng Nặc-Chân rồi cũng trở về, vua ngươi chờ đợi ta mà cũng đừng làm lo cho Nặc-Chân, thế mới phải nghĩa, hậu nước láng điềng thương nước nhỏ mọn. »

8.— *Tháng chín*, tha lê cống năm ấy cho nước Chân-Lạp, chờ vua nước ấy về nước rồi sẽ theo lệ cống.

9.— Năm Quý-dậu (1813), *tháng hai* (?) Ngài truyền chiếu cho Tống-trấn Gia-Định Lê-văn-Duyệt và hiệp-trấn Ngô-nhân-Tĩnh đem 13.000 lính thủy đưa Nặc-Chân về nước Cao-Man.

Xiêm cũng sai Phi-Mã (Phi Mã là một chức quan) Ma-Kha và A-Mặc làm sứ Xiêm đem quân đưa theo.

Nặc-Chân vào thành La-Bích, Duyệt sai quan Cao-Man là Cao-la-Hâm đem 500 quân phòng giữ. Duyệt truyền hiệu lệnh cấm quân cướp phá, bầy oai, tín-võ dân làm ăn. Cao-Man nhờ đó được yên ổn.

Nguyên trước Nặc-Chân chạy về với ta, Xiêm giận lắm, ý muốn lấy thành Bắc-Tầm-Bôn phong cho Nặc-Nguyên.

Đến khi nghe Nặc-Chân trở về nước, Xiêm bè ngoài thí giả dạng hoà hiếu, sai sứ sang hội với quân ta đưa Nặc-Chân về, mà bè trong thời sắp đặt việc quân, muốn thừa cơ đánh đế thư cơn giận.

Đến đây Duyệt đem quân đến, Xiêm không dám lờ mưu ra; nhưng quân Xiêm còn đóng Long-Úc chưa về, muốn đưa Nặc-Nguyên về mà cũng chưa được.

Duyệt tâu rằng :

— « Xiêm muốn lấy Chân-Lạp phải lấy Nặc-Nguyên làm mồi. Ta muốn che đỡ Gia-Định phải cho Nặc-Chân làm tôi : ta nạp Nặc-Chân thời người Xiêm mất lợi nhuận lắm, chưa chắc người Xiêm khỏi sanh mưu khác, cũng chưa chắc Phiên vương (tức Nặc-Chân) khỏi có việc lo,

« Bây giờ quân ta ở đó lâu thời quân mệt mà tốn của. Rút quân về hết thì Phiên vương đơn nhược, không có người phòng giữ. Vả lại thành La-Bích nhỏ, thế không giữ được ; xin đắp thành Nam-Vang cho Phiên vương ở, đắp thành Lô-Yêm để trữ lương. Hết đắp thành xong rồi, sẽ lưu binh bảo hộ Chân-Lạp, đại binh thời rút về Gia-Định để xem động tĩnh thế nào.

« Như vậy thời lẽ thuận, nghịch rõ ràng, hình lao, đặt phân minh, muốn đánh thời đánh, muốn hoà thời hoà, thế là ta được chước hơn vậy ! »

Ngài cho là phải, truyền ông Duyệt đem quân thủy giữ sông Xà-Măng đem quân bộ đóng các chỗ quan yếu mà trách vua Xiêm rằng :

« Xiêm vương cũng muốn Nặc-Chân, Nặc-Nguyên (Nặc-Chân là anh Nặc-Nguyên) nguôi lòng thù oán, trọng nghĩa anh em. Nay Chân đã về Chân-Lạp, cớ sao Xiêm chưa rút quân về ?

« Cứu tai nạn, thương làn quốc, làm nhân đức mà thỏa lòng người, ấy là đạo đời xưa đó. Nếu trước làm nhân đức mà sau gây thù oán kéo quân sang đóng Chân-Lạp, chẳng là trái lẽ hay sao ? Huống chi Nặc-Nguyên phản anh mà giữ nước, tội không xiết kẽ. Nước ta và vua Xiêm bỏ qua không làm tội, cũng nghĩ rằng Nặc-Nguyên đương còn tinh trẻ, muốn cho đổi lỗi mà thôi. Bây giờ Nặc-Chân đã biết vua Xiêm khoan thứ là đức, Nặc-Nguyên lẽ nào không nghĩ nước ta tha tha tội là ơn hay sao ? Cớ sao đến nỗi u-mê như thế ? Thủ nghĩ rằng thắng giặc mà thiên hạ ai cũng muốn giết lại có nước nào dung cho nó trốn hay sao ? »

Xiêm tiếp được thư rồi sai Tướng Xiêm rút quân ở Bắc-Tầm-Bôn về, lại sai Nặc-Nguyên viết thư tạ Nặc-Chân. Nhưng mà Nguyên vẫn chưa về Chân-Lạp.

Ngài nghĩ rằng Phiên quốc mới yên, kho tàng thiếu thốn, cho Nặc-Chân 3500 lượng bạc, 5000 quan tiền, 10.000 hộc lúa.

Nặc-Chân sai người đem biển tràn tạ.

10.— Quân ta xây thành Nam-Vang và thành Lô-Yêm làm dài An-Biên. Trên dài có làm một cái nhà gọi là Nhu-viên-Đường để cho Phiên vương vọng bái.

11.— Tháng bảy làm xong thành Nam-Vang và thành

Lô-Yêm. Truyền sắc Lê-văn-Duyệt đem quân về, giao Nguyễn-văn-Thụy lãnh 1000 quân giữ thành Nam-Vang để bảo hộ Chân-Lạp.

12.— *Tháng tám*, Chân-Lạp dâng 88 con voi. Ngài nghỉ nước Chân-Lạp mới khôi phục, khiến quan Gia-Định phát bạc kho trả cho Chân-Lạp.

13.— *Tháng chín*, cho Trần-Đàn làm Tham tri bộ binh cùng với Nguyễn-văn-Thụy lãnh chức bảo hộ Chân-Lạp. Dụ rắng :

« Nước Chân-Lạp mới định, nhân dân chưa yên. Người nên thề đức ý triều-định, chờ nên mưu lợi, chờ dung quân giặc, chờ hiếp nạt dàn Mường, cũng chờ nhiều hại ngoài biên phuong. Người nên kính vâng mặng ta ». »

14.— *Tháng mười*, Chân-Lạp sai sứ sang tạ. Đinh thần bàn rắng : « Triều phục Phiên vương nên theo triều phục bậc trên nhất phẩm. » Bèn chế áo mǎng bào sắc đỏ và mǎo đai ban cho Phiên vương.

15.— *Tháng mười*, khiến Gia-Định nhảm đất Chân-Lạp làm ba con đường quan : một đường từ sông Cam-Bà đến Khe-Răng xứ Quảng-Hoá ; một đường từ bến Trang-Tân đến đập đá ; một đường từ thành Lô-Yêm đến Chê-Lăng ; bắt Chân-Lạp làm, mỗi 4.000 trượng một trạm, mỗi trạm đặt 50 tên lính trạm đề chạy công-văn.

16.— Năm Giáp-Tuất (1814) tháng năm, bọn Nguyễn-văn-Thụy lãnh chức bảo hộ Chân-Lạp việc gì cũng chuyên quyết mà làm, không hề bàn với Phiên vương. Phiên vương

phải chịu bó tay, nhàn tinh ngay sơ. Ngài ban chiếu cho Thụy rằng :

« Phàm việc Chân-Lạp giao cho Phiên vương với Phiên liêu sứ đoán không được hiếp chế. Chỉ có chương sớ và công văn thì bọn người phải tường duyệt, tham chước rồi sẽ phát đệ về, đề cho hiệp sự thề mà thôi ».

17.— *Tháng sáu*, Xiêm sai sứ sang dâng phầm vật mà tàu rằng : « Triều đình hậu đãi Chân-Lạp, vua nước tôi cảm ơn lắm. Nhưng Nặc-Chân vốn là Phiên phụ với nước tôi, nếu Chân không sang nước tôi, thời nước tôi cũng không cho Nặc-Nguyên về. »

Nguyễn-văn-Thành biết ý trong thư có hơi bất hoà, cật hỏi sứ Xiêm.

Lè-văn-Duyệt cũng có một cái mật thư cho Nguyễn-đức-Xuyên, Xuyên tàu lên, Ngài dụ rằng :

« Xiêm la nếu có nói gì, không lấy làm điều. Ta thường giao hiếu với Phật vương trước, tình nghĩa với cha mà lại đánh con, lân quốc coi mình ra gì. Vả lại giặc mới vừa yên ai cũng muốn nghỉ, ta không ưng làm nhọc tướng sĩ xông pha vòng tên đạn. Được một nước Chân-Lạp mà đề lo cho đời sau, thời ta không làm. Người phải tỏ ý ta cho Duyệt biết. »

Sứ Xiêm ở lại một tháng, tiếp đãi hậu lắm. Khi sứ Xiêm về, Ngài tặng hảo Phật vương 40 lượng vàng, 500 lượng bạc. Cho vua thứ hai 20 lượng vàng, 100 lượng bạc.

18.— Năm *Binh-Tý* (1816) tháng giêng, đắp thành Châu-đốc là trọng chấn cõi Nam, phải đắp thành mà phòng giữ. Dụ Phiên-vương là Nặc-Chân :

« Nước người giữ gìn phiên phong, một lòng kính thuận, triều đình đã hết lòng chiểu cố. Bây giờ có việc xay thành, không phải làm phiền dân đâu, ấy là ý ta muốn giữ trấn Hà-Tiên để làm nơi tiếp ứng cho thành Nam-Vang của người đó ».

Lại truyền chỉ quan Tông trấn sai người biên công trình cho rõ, mười ngày tâu một lần. Dụ rằng : « Bất đặc dĩ phải đắp thành mà một lần công tác động đến binh dân. Chúng người nên hết lòng sửa sang, chờ nên quá hạn đến nỗi làm hại việc nòng. »

19.— *Tháng ba*, bọn Bùi-Đức-Mân, Nguyễn-Kim-Đôi ở Xiêm về.

Vì cớ Nặc-Nguyễn ở thành Phủ-Lật, ngày trước Xiêm giận Nặc-Chân lắm. Vua thứ hai nói với Phật-vương rằng : « Nặc-Chân ý có Nam triều mà khinh dẽ mình ; nếu mình đánh Nặc-Chân thời Nam triều phải cứu, nhân đó đánh cả hai bên, có lẽ thư được lòng mình tức giận ».

Phật vương không chịu nói rằng : « Tự mình gây ra hiềm thù, thế là không phải hạng phuơc. Nếu người muốn làm việc ấy, ta xin nhường nước cho người. » Vua thứ hai liền thôi.

Cách vài tháng, người Xiêm kinh sợ, tưởng là quân ta sẽ tới đánh, Phật vương sợ lắm, làm thuyền chiến và sửa đồn ải để phòng giữ.

Lại nghi mấy người An-Nam sang buôn bán bên Xiêm, có ý thám dò tình hình đều bắt giam hết.

Khi đức Mân-Vương đến, Phật vương hỏi rằng :

« Việc binh ở thành Phủ lật, Nguyễn-Văn-Thụy có biết không ? ».

Mân nói rằng « không », Phật vương làm thinh.

Phật vương lại hỏi : « Nguyễn-Văn-Thành, Lê-Văn-Duyệt ở đâu ? »

(Thành và Duyệt là hai tướng giỏi. Duyệt là Tông-trấn Gia-Định ai cũng nghe tiếng, người Xiêm sợ lắm, hễ sứ ta qua thời nó cứ hỏi thăm ông Duyệt).

Đức Mân nói công việc Thành, Duyệt với Phật vương. Phật vương tin tiếp đãi hậu lăm, lại tha mấy người bị giam.

Đến đây, Đức Mân về tàu, Ngài không muốn sanh sự, khiến Nặc-Chân thông sứ với Xiêm dụ rằng :

« Nước người thần phục với Xiêm đã lâu, bây giờ tuy chưa giao hiếu cũng nên sai sứ sang như lúc trước, không nên trước hậu mà sau bạc. » Khi ấy Chân-Lập mới giao thông với Xiêm.

20.— Ban áo mũ thường triều cho các quan nước Chân Lập.

Khi trước quan nước Lập thay triều phục ban cho vua nó, nó đều lấy làm tốt lăm, muốn theo y-phục nước ta. Đinh thần bàn : « Phầm phục quan nước Lập từ thập

phẩm đến thất phẩm theo như phẩm phục quan tam phẩm nước ta trở xuống, còn từ lục phẩm trở xuống thời không được ban phẩm phục ». (Cao-Man lấy thập phẩm làm bậc cao nhất, cửu phẩm làm bậc nhì, v.v...)

Ngài khiến chế 23 bộ áo mũ thập phẩm và cửu phẩm ban cho 23 người. Lại cho 4 bộ áo mũ bát phẩm, thất phẩm để làm thức.

Vua Chân-Lạp lạy tạ ở nhà Nhu-Viễn. Từ đó, y-phục khi-dụng Cao-Man theo cách nước ta là phần nhiều, do mọi biến đổi lần lần.

21.— *Tháng chín*, quan bảo hộ Chân-Lạp là Nguyễn-Văn-Thụy xin từ chức. Ngài cho chưởng cơ Lưu-Phúc-Tường sang thế. Ngài nghĩ rằng việc bảo hộ là một chức trọng ở ngoài bờ cõi, cho Tường làm Thống chế và cấp ấn « bảo-hộ » bằng đồng cho trọng quyền.

22.— *Tháng mười*, Chân-Lạp dâng biểu xin cứ mỗi năm sai sứ sang chầu. Ngài truyền các quan rằng :

« Ta coi thiên hạ như một nhà, đâu cũng thương cả, trong ngoài như một. Nay Chân-Lạp có lòng hướng mộ, nên y theo lời nó xin. Nhưng hành lý qua lại đón rước rất phiền, ta không muốn làm nhọc dân. Gia-Định mỗi năm lệ có thuyền tải về Kinh, nhận đó mà hộ tống sứ Chân-Lạp cho luôn. Vậy thời trong không làm nhọc dân mình, ngoài khỏi mắt lòng người nước xa. Nay nên truyền cho Lai sứ biết rằng mỗi năm phải theo thuyền tải Gia-Định mà về Kinh ».

Chân Lạp mỗi năm sai sứ sang chầu một lần, từ đó

là đầu. (Phẩm vật sang dâng là : hai cái sừng tè, một cặp ngà voi, mười binh sơn đen, đậu khấu, sa nhân, sáp vàng, cánh kiến và trân hoàng mỗi thứ năm mươi cân).

23.— *Tháng mười*, Ngài nghe quân dân trong Gia-Định thường hay chiếm đất ruộng của người Cao-Man và người Cao-Man cũng vào ở trong các nhà làm đầy tờ. Bah chiếu cho quan Tổng-trấn Gia-định rằng :

« Cao-Man đời nào cũng thàn phục nước ta, một tắc đất, một tên dân đều nhờ ơn triều đình. Nay dân mình chiếm lấy ruộng Cao-Man bao nhiêu, đều phải trả lại cho nước nó cả ».

24.— *Tháng mười một*, cho Trịnh-Hoài-Đức làm hiệp trấn Gia-Định, sai Lê-Đăng-Dinh sang thành Nam-Vang theo quan bảo hộ Lưu-Phúc-Tường coi việc giấy mực.

25.— *Tháng mười hai*, Ngài xem địa đồ xứ Châu-đốc, truyền các quan thị thàn rằng :

« Xứ này nếu mở đường thủy, thông với Hà-Tiên thời nông, thương đều lợi cả. Ngày sau dân ở càng đông đất mở càng rộng, sẽ thành một trấn to ».

Ngài lại nghĩ dân Cao-Man mới theo, nếu bây giờ bắt làm việc quan khó nhọc, e chúng nó kinh sợ không yên. Rồi nhân vì có Nguyễn-Văn-Nhân tâu can, Ngài liền bãi đào sông trong xứ Châu-đốc.

26.— Năm *Bính-Vi* (1817), tháng giêng vua Chân-Lạp là Nặc-Chân xin đi tuần trong nước để thám xét dân tình. Bảo-hộ Lưu-Phúc-Tường tâu lên, Ngài dụ rằng : « Đi

tuần trong nước mà xem xét phong tục, cũng là việc cần, y theo lời vua Chân-Lạp xin. Nhưng khi đi phải có quan hộ vệ cho đồng, phòng có việc gì bất trắc ».

27.— *Tháng giêng*, cấm dân ta không được lanh mua các chỗ thủy lợi (chỗ đánh cá) của Chân-Lạp.

28.— *Tháng giêng*, Ngài nghĩ rằng xứ Châu-Đốc đất tốt mà người ít. Có nghe quan An-Phủ Chân-Lạp là Diệp-Hội (Người Tàu làm quan bên Chân-Lạp) là người mãn cán, xử việc gì dân cũng bằng lòng. Liền cho Diệp-Hội làm cai-phủ Châu-Đốc, khiến chiêu tập người ta, người thô và người Tàu vào đó cho đồng, hễ có biết nghề trồng cây, nuôi các thứ súc vật buôn bán hay là làm nghề gốm cho tùy nghề-nghiệp mà làm, người nào thiếu vốn thời nhà nước cho vay. Lại truyền dụ quan Tổng-trấn Gia-Định rằng : « Dân mới phủ lập, nên dạy làm các việc lợi ích, khiến dân đều an cư lạc nghiệp, chờ các việc thành rồi sẽ tàu lên ».

29.— *Tháng sáu*, vua Chân-Lạp là Nặc-Chân viết thư cho quan Tổng-trấn Gia-Định hỏi việc chánh. Quan Tổng-trấn phúc thư rằng : « Chánh sự Phiên quốc nên thương bàn với quan bảo hộ. Huống chi biến trong nước mới yên, lòng dân mới phục, chưa nên đi xa ». Quan Tổng-trấn đem việc ấy tâu lên. Ngài ban chiếu rằng : « Phiên vương muốn qua Gia-Định hỏi việc chánh, người lại lấy điều thần dân hệ thuộc mà cản trở không cho đi, lý thời phải đó. Nhưng Phiên vương xưa nay làm việc công-tíc, nên nhân lúc nó qua mà chấn tát, dạy bảo cho nó, khiến nó biết siêng lo việc chánh thời phải hơn. »

« Nay người phải phúc thư cho nó qua Gia-Định. Nếu Phiên-vương đến thành Gia Định, người nên đem mấy điều ích lợi về việc đào sông Châu-đốc hiểu dù cho nó, khiến nó phải trù nghĩ trước. Hễ tiếp được chiếu văn, thời bắt quân dàn đào ngay cho mau thành ».

30.— *Tháng sáu*, Chân-Lạp sai sứ sang chầu. Ngài truyền dụ rằng: « Ta sẽ đào sông Châu-đốc thông với Hà-tiên, tuy là lợi cho nước người nhưng cũng lợi chung cho mấy người đi cày và mấy người đi buôn nữa. Về nói với vua người phải hiểu ý ấy mới được. »

31.— *Tháng tám*, cho Tả quân phó tướng Nguyễn-văn-Xuân quyền lãnh bảo hộ Chân-Lạp vì Lưu-Phúc-Tường sách nhiễu, bắt về Gia-Định trị tội.

32.— *Tháng chín*, cho Lê bộ thiêm sứ Ngô-văn-Duyệt làm chánh sứ, hàn lâm Trương-Quang-Hải làm phó sứ qua nước Xiêm vì Xiêm có tang vua thứ hai, sai Long-a-Nò, Lạc-Phu-Thích tới báo tang, nên ta sai sứ sang điếu và tặng hảo. Tặng cho Phật vương 300 cây lụa trắng, thao trắng và 300 cây vải trắng. Điếu vua thứ hai 300 cân sáp vàng, 100 cây vải trắng, 300 cân đường phổi và đường phèn, 2000 cân đường cát. Đến khi sứ ta về, Xiêm đưa thư trấn ta và đem dâng các đồ phẩm vật.

33.— *Tháng mười một*, đào sông Tam-Khé, sông ấy cách trấn Vĩnh-Thanh đến 214 dặm (từ phía Tây, 4 dặm rưỡi chảy qua sông Tam-Kỳ rồi hiệp với sông Càn Đăng; phía Tây Nam 59 dặm chảy qua sông Lạc dọc từ phía ấy qua phía Nam /57 dặm rưỡi đến khe Song).

tuần trong nước mà xem xét phong tục, cũng là việc cần, y theo lời vua Chân-Lạp xin. Nhưng khi đi phải có quan hộ vệ cho đồng, phòng có việc gì bất trắc ».

27.— *Tháng giêng*, cấm dân ta không được lãnh mua các chỗ thủy lợi (chỗ đánh cá) của Chân-Lạp.

28.— *Tháng giêng*, Ngài nghĩ rằng xứ Châu-Đốc đất tốt mà người ít. Có nghe quan An-Phủ Chân-Lạp là Diệp-Hội (Người Tàu làm quan bèn Chân-Lạp) là người mãn cán, xử việc gì dân cũng bằng lòng. Liền cho Diệp-Hội làm cai-phủ Châu-Đốc, khiếu chiêu lèp người ta, người thô và người Tàu vào đó cho đồng, hễ có biết nghề trồng cây, nuôi các thứ súc vật buôn bán hay là làm nghề gốm cho tùy nghề-nghiệp mà làm, người nào thiếu vốn thời nhà nước cho vay. Lại truyền dụ quan Tống-trấn Gia-Định rằng : « Dân mới phủ lập, nên dạy làm các việc lợi ích, khiếu dân đều an cư lạc nghiệp, chờ các việc thành rồi sẽ tâu lên ».

29.— *Tháng sáu*, vua Chân-Lạp là Nặc-Chân viết thư cho quan Tống-trấn Gia-Định hỏi việc chánh. Quan Tống-trấn phúc thư rằng : « Chánh sự Phiên quốc nên thương bàn với quan bảo hộ. Huống chi biến trong nước mới yên, lòng dân mới phục, chưa nên đi xa ». Quan Tống-trấn đem việc ấy tâu lên. Ngài ban chiếu rằng : « Phiên vương muốn qua Gia-Định hỏi việc chánh, người lại lấy điều thần dân hệ thuộc mà cản trở không cho đi, lý thời phải đó. Nhưng Phiên vương xưa nay làm việc công-tức, nên nhân lúc nó qua mà chấn tác, dạy bảo cho nó, khiến nó biết siêng lo việc chánh thời phải hơn ».

« Nay ngươi phải phúc thư cho nó qua Gia-Định. Nếu Phiên-vương đến thành Gia Định, người nên đem mấy điều ích lợi về việc đào sông Châu-đốc hiểu dù cho nó, khiến nó phải trù nghĩ trước. Hết tiếp được chiếu văn, thời bắt quân dàn đào ngay cho mau thành ».

30.— *Tháng sáu*, Chân-Lạp sai sứ sang chầu. Ngài truyền dụ rằng: « Ta sẽ đào sông Châu-đốc thông với Hà-tiên, tuy là lợi cho nước ngươi nhưng cũng lợi chung cho mấy người đi cày và mấy người đi buôn nữa. Về nói với vua ngươi phải hiểu ý ấy mới được. »

31.— *Tháng tám*, cho Tả quàn phó tướng Nguyễn-văn-Xuân quyền lãnh bảo hộ Chân-Lạp vì Lưu-Phúc-Tường sách nhiễu, bắt về Gia-Định trị tội.

32.— *Tháng chín*, cho Lê bộ thiêm sự Ngô-văn-Duyệt làm chánh sứ, hàn làm Trương-Quang-Hải làm phó sứ qua nước Xiêm vì Xiêm có tang vua thứ hai, sai Long-a-Nô, Lạc-Phu-Thích tời báo tang, nên ta sai sứ sang điều và tặng hảo. Tặng cho Phật vương 300 cây lụa trắng, thao trắng và 300 cây vải trắng. Điều vua thứ hai 300 cân sáp vàng, 100 cây vải trắng, 300 cân đường phổi và đường phèn, 2000 cân đường cát. Đến khi sứ ta về, Xiêm đưa thư trần ta và đem dâng các đồ phẩm vật.

33.— *Tháng mười một*, đào sông Tam-Khê, sông ấy cách trấn Vĩnh-Thanh đến 214 dặm (từ phía Tây, 4 dặm rưỡi chảy qua sông Tam-Kỳ rồi hiệp với sông Cần Đăng; phía Tây Nam 59 dặm chảy qua sông Lạc dọc từ phía

muôn đời về sau. Dân ngươi phải báo cáo cho nhau biết chớ nên sợ nhọc. »

39.— *Tháng chín*, đài Trần-văn-Tuân ở Chân-lạp về Gia-định, nhưng lanh việc tào-hình. Ngài dụ các quan rằng: « Vì Phiên vương nên phải đặt các quan bảo-hộ nước Chân-lạp. Nay Nặc-Chân không nghĩ đến điều lo về sau, hay sinh nghi ngại. Nếu cưỡng bức quá thời e sinh biến loạn, lưu quan bảo hộ ở lại thời tồn oai triều đình. Chỉ bằng bấy chúc bảo-hộ để Phiên vương giữ lấy nước nó thời tiện hơn. Nếu sau nó có xin, sẽ phái quan sang bảo-hộ. Vậy thời trong thê thống triều đình mà tớ được ân oai. »

Bèn đài Tuân về, lưu một đài quàn tam-ngự đóng lại thành Nam-Vang.

VIỆC DẸP GIẶC XIÊM VÀ GIẶC HOÀNG TỘN VÀO NĂM 1841 – 1842

Vào cuối năm Tân Sưu (1841) tức là năm Thiệu-Tri nguyên niên, đất Nam-Việt làm vào một cảnh rất bi đát, Ấy là toàn miền Hậu giang bị dân Thổ nồi lên, cướp phá. Ở bên ngoài thời Cao Miên là nước thông hiểu với ta bị quân Xiêm xâm lăng. Quân Xiêm lại cả gan sang đánh ta nữa.

Triều đình đã phải một phen bối rối, nhưng vì trên dưới một lòng, vua tôi đồng tâm, các tướng ở ngoài biên nhất trí với quân, dân một lòng một dạ nên ta đã trong thời dẹp nội loạn, ngoài thời chống được quân xâm lăng. Bờ cõi giữ vững cùng an ninh và trật tự đưa lại cho dân chúng. Tuy ta đã phải hao binh, tổn tướng đúng một năm trời

Các tướng đã có công, ấy là :

Nguyễn-tấn-Lâm.

Nguyễn-Tri-Phương.

Nguyễn-Công-Trứ,

Lê-văn-Đức,

Phạm-văn-Điển,

Đoàn-văn-Sách,

Lê-văn-Phú,
 Tôn-Thất-Tường,
 Lê-Khắc-Nhượng và
 Đặng-văn-Thiêm.

* * *

Nguyên do là có một người xưng là Hoàng-Tôn, nghĩa là cháu nội vua Gia-Long con ông Hoàng-Tử Cảnh. Đối với vua Thiệu-Trị thời là anh em con chũ con bác ruột. Vì dòng Hoàng-Tử Cảnh không được làm vua, nên Hoàng-Tôn mưu làm phản ở Nam-Vang. Chữ Hoàng-Tôn là tên hiệu, tên thực của y là gì, ta không biết.

Hoàng-Tôn ở thành Nam-Vang, Sứ, trong bộ Chánh biên chép rằng Hoàng-Tôn « *nhóm họp những quân Xiêm, Lào, Hán, Thổ đến vài ngàn người. Những đứa trốn tội theo nhiều lầm.* »

Tháng chín, nghĩa là ba tháng trước đại quân của ta đóng ở thành Nam-Vang đã phải rút về An-Giang. Đó là một sự thất bại của ta. Và lại là cái tang vì Đại Tướng Trương-minh-Giảng, sau khi đem quân từ Nam-Vang về, mất ở ngay An-Giang.

Hoàng-Tôn thông đồng với quân Xiêm.

Nguyên Xiêm muốn xâm lăng Cao-Miên. Nhưng vì quân ta đóng ở Nam-Vang để bảo vệ Cao-Miên, là nước thông hiểu với ta, nên Xiêm con e dè. Bây giờ quân ta rút về, chắc Xiêm cũng biết là tướng quân Trương-Minh-Giảng chết, nên Xiêm, một mặt xúi dân Thổ ở Hậu-giang

làm loạn, để làm hậu thuẫn ở bên trong, một mặt suy tôn tên Hoàng-Tôn, một mặt chia quân theo đường thủy đường bộ sang đánh ta.

* * *

Ngay đầu xuân năm Nhâm-Dần (1842). Cách đây đúng 116 năm, lãnh Tuần phủ Hà-Tiên là Lương-văn-Liêu tâu rằng : « Giặc Xiêm đem chín mươi ba thuyền binh, hoặc ở bãi biển Tiều liễu, hoặc ở cù lao Ô Mai Lam, thả neo đậu lênh đênh. »

Ta đã phải lập thêm đồn, phái thêm quân đóng giữ. Đây thật là một cuộc xâm lăng có tổ chức.

« Tỉnh Hà-Tiên lại tâu có bốn mươi, năm mươi chiếc tàu Xiêm và một chiếc tàu kiểu Tây xâm bức bãi Thiền môn thuộc về cù lao Phú-Quốc ; lại thấy thuyền giặc chừng ba mươi chiếc tới cù lao Hùng-Chưởng (tức là Hòn Móng Tay) đuổi linh thú mình. Rồi có vài mươi chiếc thuyền giặc đến đánh đồn Phú-Quốc. »

Giặc Xiêm đánh Phú-Quốc để định lấy đảo này làm căn cứ quân sự cho Hải quân của họ : nước ngọt có, thức ăn tươi có, chỗ tàu và thuyền đồ có.

Tin cấp báo về đến Triều đình, vua Thiệu-Trị sắp phái ra Hà-nội để tiếp sứ Tàu, nhận lề thụ phong.

Ngài phè rắng : « Quân Xiêm khác gì một con muỗi đói núi, một con sâu lội sông, thế cũng làm gì ta được. »

Rồi Ngài phái Nguyễn-Công-Trú đem quân tới đánh.

Ngài lại sai Lê-Văn-Đức đem thuyền binh qua tiếp ứng.
Nhưng đạo quân này bị sóng gió ngăn trở.

Tuy vậy, ta đã thắng ở mặt biển. Không phải dễ đâu
vì quân Xiêm không phải toàn là con muỗi đội núi, con
sâu lội sông đâu.

Họ có quân mạnh, họ có tướng hùng mới dám mở
cuộc xâm lăng.

Chứng cứ là ngay tháng hai, nghĩa là ngay một tháng
sau, sứ ta cho biết rõ ràng mấy chi tiết sau này :

« *Binh thuyền của Ô Thiệt vương nước Xiêm đậu lại*
mặt biển Quảng biển, hòn Nhĩ-dị và núi Bạch-mã. Binh
hơn vài vạn, mưu trước đánh lén lấy Lur-Khê, rồi lấy Tô-
Môn sau kéo đến vây thành Hà-Tiên. »

Các tướng của ta, nào là Đoàn-văn-Sách, nào là Nguyễn-
Công-Trứ, nào là Nguyễn-Tấn-Lâm huy động binh thuyền
tỉnh An-Giang, tỉnh Vĩnh-Long tới đánh giặc. Giặc thế
mạnh tràn ra khuấy rối miền sông Vĩnh tế, nghĩa là có
bộ binh của quân xâm lăng này vượt qua biên giới và mặt
trận dọc theo từ Châu-Đốc đến Hà-tiên, hơn một trăm cây số.

Tình hình khó.

Các tướng của ta thấy phải có thêm binh cứu viện.
Sử chép rằng Đoàn-văn-Sách tâu rằng: « *Thuyền giặc càng*
ngày càng đông, xin tư qua Gia-Định phái thêm binh
thuyền mau qua hội với binh thuyền Kinh phái, trước sau
hai mặt ra sức đánh ».

Vua Thiệu-Trị thấy ta cần phải « *ra sức đánh* », Ngài
ta lệnh cho :

- 1.— Tông đốc Định biên Lê-văn-Đức, thăng thự Hiệp tá, Đại học sĩ, sung Tông Thống tiêu bộ quân vụ.
- 2.— Thống Chế Lê-văn-Phú sung Tham tán đại thần.
- 3.— Đề đốc Kinh thành Tôn-Thất-Tường sung Tân Lý đại thần.
- 4.— Thừa thiên Phủ doãn Lê-khắc-Nhượng sung Tân tương quân vụ.

Sử chép là các vị này đem binh thuyền tự Kinh thành Huế chạy tới Gia-Định. Đi qua Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, lấy thêm lính thủ.

Vậy ta đã phải rất vất vả với quân Xiêm xâm lăng, do chính cháu nội Vua Gia-Long con Hoàng tử Cảnh là Hoàng-Tòn đem về.

Ý không nghĩ gì đến Quốc-Gia Việt-Nam sẽ bị đỡ hộ nếu quân Xiêm thắng. Ý không nghĩ đều dân chúng điêu linh. Ý chỉ muốn lên ngôi Hoàng-đế để tranh với vua Thiệu-Trị chính là em con chủ con bác ruột.

Lịch sử đã ghi việc này :

« *Nhưng kẻ buôn dân, bán nước, mài quốc cầu vinh, cõng rắn cắn gà nhà sẽ thắt bại nhục nhã. Vì rắn kia có phải là rắn độc đâu ? Gà nhà có phải là gà giò đâu. Con rắn kia chỉ là con rết và gà nhà cũng là một thú gà gó : gà tím rết và sẽ mồ chết.* »

. . .

Đánh nhau giằng dai đến cuối năm mới xong. Nhưng các người TRAF VIỆT-NAM đã toàn thắng. Quân Xiêm đã bị đánh lui và tên Hoàng-Tòn chạy theo họ sang Cao-Miên rồi đi mất tích.

SỰ KHỎI HẮN ĐẦU TIÊN CỦA NGƯỜI PHÁP Ở NƯỚC TA ĐÃ NHƯ THẾ NÀO ?

Người Pháp đã dùng vũ lực xâm chiếm nước ta, rồi đặt nền bảo hộ. Sự khởi hấn đầu tiên của họ đã như thế nào ? Bao giờ ? Trở lại dĩ vãng ta thấy là đúng vào một trăm năm về trước. Tôi kể qua ra sau đây đầu đuôi câu chuyện như thế nào ?

* * *

Sử chép như sau này :

« Năm Đinh-Tỵ là năm thứ mươi đời vua Tự-Đức (1857), bọn Đào-Trí tàu : Tàu Đại-Pháp đến xin ta phái quan giao hội hòa hảo mà quan tàu tự xưng là quan nhât phảm nước Pháp chỉ muốn tới kinh cùng quan nhât phảm triều mình hội nghị. Vậy xin lựa phái quan đại thần tới hội »

« Bọn Đào-Trí » là ai ?

Đào-Trí chức hữu-dực, quan võ. Độ tháng tám, tháng chín năm trước có Hồng-lô tự khanh Nguyễn Duy, quan văn, giúp việc. Sử chép là « đê trù nghĩ việc ngăn giữ ngoài biển ».

Tại sao lại có sự ngăn giữ này ?

Nguyên là tháng tám năm Bính-Thân 1856, « tàu Đại Pháp sinh sự tại vũng Sơn-Trà, thuộc cửa Hàn (Tourane)

tỉnh Quảng-Nam. Khi ấy có một chiếc tàu chạy đến xung rǎng đe tò quắc thư xin qua buôn, bán mà thôi. Rồi lại đến cửa Thuận phủ Thừa Thiên đưa một tờ giấy rồi chạy đi.

« Ngay bữa sau tàu ấy trở lại cửa Hàn, nói rằng đưa thư xong rồi chạy tới đây chờ quan Chánh, Phó Sứ đến thương thuyết. Nếu không chịu hòa thời trở về rủ nước Xích-Mao (Angleterre) qua, chắc sinh việc không tốt ».

Vậy Pháp đã áp bức và dọa nạt dân ta.

Nước Xích-Mao đối với nước ta cũng không phải là nước mà ta không quen biết. Sử chép là « tháng chín năm Ất-Tị (1847) có hai chiếc tàu binh nước ấy tới cửa Hàn. Người chủ tàu muốn tới Kinh dâng thư. Triều đình không cho, cãi lẽ đến hơn mươi ngày. Triều đình đưa tiễn rất hậu rồi hai chiếc tàu ấy nhô neo chạy đi. »

Tháng bảy năm Ất-mão (1855) cũng lại có tàu Xích-Mao tới đậu vũng Sơn-Trà « người trên tàu lên coi núi Ngũ-Hành ». Triều đình ta còn biết rằng năm Quý-mão (1843) người Xích-Mao có chuyện với nước Xiêm.

Vậy thời bấy giờ phải đối phó những thế nào ?

Tháng tám năm Bính-Thìn (1856) đã xảy ra việc không hay. Sử chép là trước sự dọa nạt của nước Pháp, Ngài giao quan Bộ Binh nghị, lại truyền tinh ấy (Quảng Nam), phái binh tuần phòng. Liền thấy tinh ấy dâng sớ tâu : Tàu Đại Pháp đã bắn phá các đài bảo ở vũng Sơn-Trà rồi.

Ngài dù quan Bộ Binh rắng :

« Cửa Hàn có việc, ta đã chuẩn cho quan tỉnh Quảng-Nam đồi, nhóm biển binh tuỳ cơ chống cự. Chỉ có át Hải Vân là nơi thông với cửa Hàn phải sai lính qua đó cho mau mà canh giữ ».

Vagy thời người Pháp đã đánh phá nước ta về mùa thu năm Bình-thìn. Đến ngày đầu xuân năm Đinh-tị lại sinh chuyện.

Ta đã phải đề phòng.

Sử chép là Thừa-Thiên Phủ-Doãn xin đắp hai bờ lũy vòng cầu ở cửa Thuận An bên bãi cát phía nam và phía bắc để giúp việc phòng giữ.

Ngài nghe theo.

Ta cũng lại tăng thêm sự phòng giữ cửa Hàn, đặt đòn ở chóp núi, đặt hai mươi súng đại bác, đắp lũy cát, trồng gai góc...

Nhưng tàu Pháp cứ đi lại lại ở ngoài biển để thăm thỉnh, chắc để hiểu tình hình chung của nước ta và tìm chỗ đồ bộ.

Sử cho biết là cũng tháng bảy năm ấy « hai chiếc tàu máy Đại Pháp từ phía nam lên, ghé hòn La-Dụ tỉnh Quảng-Bình rồi trở ra cửa Ba-Lạt tỉnh Nam-Định đậu vài ngày rồi chạy đi ».

* * *

Nói tóm lại, người Pháp trước đây đúng một trăm năm, ngay đầu xuân đã gây cho chúng ta một mối lo àu, ấy là chiến tranh.

Ta đã phải phòng thủ cẩn thận Cửa Hàn và Cửa Thuận. Nhưng tàu biển của họ cứ nay đi chõ này, mai đi chõ khác khiến các tỉnh miền duyên hải đều phải đề phòng.

Sự họ bắn phá Cửa Hàn năm 1856 đã khiến cho ta không tin ở việc họ chỉ xin thông thương mà thôi. Họ đã lại dọa ta là có người Anh giúp họ. Mà ta đã biết người Anh như thế nào rồi.

Cách đây một trăm năm, các đế quốc Pháp và Anh đã đe dọa xâm lăng nước ta.

TÙ-PHỐ-NGHĨA VÀ AN-NGHỊỆP Ở BẮC-KỲ

(1872-1874)

Tù-Phố-Nghĩa (Jean Dupuis) và An-Nghiệp (Francis Garnier) thuộc chung về lịch-sử nước Pháp và nước ta — Các nhà sử học Pháp đã viết nhiều về hai người này rồi : tài-liệu của họ dồi dào và sẽ rất ích cho ta trong sự tham-khảo. Nhưng trong sử ta chắc cũng có rất nhiều tài-liệu : Đó là những Sơ, Tấu, Dụ mà có lẽ còn tàng trữ trong nội các ở Huế và những đoạn chắc dài trong Thật-lục.— Các nhà sử học, hoặc Pháp hoặc Nam phải biết hết tài liệu của hai nước để đem đối chiếu thời mới hòng viết được lịch-sử.

Trong bài nhỏ này, tôi chép theo nguyên-văn những tài-liệu mảnh vụn mà tôi chép trong quyền QUỐC-TRIỀU CHÁNH BIÊN toát-yếu để đọc-giả tạm biết qua về vấn đề này như thế nào và chắc đọc giả cũng sẽ nhận rằng tài-liệu trong sử ta không phải là ít hay đáng bỏ (tài-liệu đánh số thứ tự theo lối biên niên). Ta cần phải biết tài-liệu của ta thì mới hiểu được cách vua quan ta xét thời thế đúng hay sai và khu sứ khéo hay vung (các tài-liệu nên đọc thật kỹ).

* *

1.— Tháng mười một, năm Nhâm-Thân (1872) người Đại Pháp là Tù-Phố-Nghĩa đi ba chiếc tàu đến cửa Cẩm (thuộc tỉnh Hải-Dương) xin mượn đường qua tỉnh Vân-

Nam. (Ba chiếc tàu ấy tự xưng là hiệu tàu Đô-phối : chủ tàu, một người tự xưng là lãnh-sự nước Pháp tên Từ-Phđ-Nghĩa, một người tự xưng là người nước Anh mà làm quan vđ ở nước Tàu tên Kiều-Nhĩ-Trì, một người tự xưng Trì-phủ nước Tàu tên Lý-Ngọc-Trì).

Ngài khiến tư tờ qua Lưỡng-Quảng nhờ tư hỏi Ván-Nam chờ trả lời lại sẽ hay.

2.— Tàu Từ-Phđ-Nghĩa từ Hải-Dương qua Bắc-Ninh, đến Hà-nội, phát súng rồi thuê thuyền qua Ván-Nam,

Thư Tông-Đốc Bùi-Thúc-Kiến đem việc này tâu lên.

Ngài dù các quan quân thứ từ Hà-nội trở lên các tỉnh tùy cơ ứng tiếp, tuân thâ lời dù mà làm cho khéo.

(Trong các quan quân thứ có Tuyên-sát Đông-séc Đại-thần Nguyễn-Tri-Phương, nguyên Bình-Bộ Thượng-Thư do vua Tự-Đức phái ra Bắc-Kỳ tháng bảy đê đốc sicc việc dẹp giặc Tàu và giặc ta — lại có Thống đốc Hoàng-tá-Viêm nguyên An-Tĩnh tòng-đốc).

3.— Năm Qui-Dậu (1873) tháng sáu nhuận, tàu Từ-Phđ-Nghĩa ở Hà-Nội đã lâu, quyết ý thông thương.

Vừa gặp quan tỉnh Nghệ là Tôn-Thất-Triệt được thư Phđ-Nghĩa trả lời cho Giám-mục Hậu, nói rằng : « Hiệp vốn mở sự buôn, tự Bắc-Kỳ đến Ván-Nam ». Triệt liền dịch thư ấy tâu lên.

Ngài khiến sao thư ấy giao cho Nguyễn-Tri-Phương và các tỉnh Bắc-Kỳ hết lòng phòng bị, rồi tàu ấy chạy lên thương-du tỉnh Hưng-Hoa.

4.— Tháng bảy cơ mật tàu rắng :

« Từ-Phồ-Nghĩa từ mùa đông năm ngoái chạy tới Hà-Nội, bởi bọn Bành-Lợi-Ký và Quan-Tá-Đinh mưu lợi làm vô dục. Mấy lâu nay ta đã gửi thư cho quan Pháp Soái và tư đi cho quan Lưỡng-Quảng xử tri. Nay xin sắc cho Khâm-mạng Nguyễn-Tri-Phương xét bọn Bành-Lợi-Ký quả thiệt đồng đảng, liền xiềng lại giao cho tỉnh Sơn-Tây nghiêm cấm, thời Từ-Phồ-Nghĩa không người chỉ dẫn may bót việc chăng ».

Ngài dạy giao Nguyễn-Tri-Phương xét kỹ mà làm cho phải.

5.— Tháng tám, Nguyễn-Tri-Phương ủy Võ-Đường mời Từ-Phồ-Nghĩa tới công quân hội nghị.

Phồ-Nghĩa đi khỏi, Lý-Ngọc-Tử bị bệnh, thuộc viện ở trong tàu là bọn Uông-sự-Gia, Hà-San iết mặt tới dự hội.

Võ-Đường nói : « Đồ quân khi là phải triệt để lại, các ông phải khai các hàng người trong tàu để khám ». Bọn ấy không bằng lòng.

Việc ấy tàu lên, ngài quở quan Khâm-mạng không được khiêu khích sinh sự.

6.— Khiến binh bộ tham-tri Phan-Đinh-Bình sung khâm phái ra Hà-nội hiệp đồng Nguyễn-Tri-Phường xử trí việc Từ-Phồ-Nghĩa.

7.— Tàu Từ-Phồ-Nghĩa chở súng ống và gạo muối lên Vân-Nam, rồi chạy đến sông Hạ-Hoa thuộc tỉnh Sơn-Tây.

8.— Gần đây, quân Pháp Soái có đưa thư nói rằng ông ấy ủy phái một viên Pháp quan đem 60 người, chạy tàu ra Bắc-Kỳ, bảo hiệu tàu Đô-Phối (là tàu Từ-Phổ-Nghĩa) lui ra và bàn định điều lệ thông thương.

Đến đây nước Pháp sai quan ba An-Nghiệp (Francis Garnier) đi tàu tới cửa Đà-Nẵng rồi chạy ra bến Hà-Nội.

Quan Khâm-mạng Nguyễn-Tri-Phương, Bố-Chánh Võ-Đường, lãnh binh Nguyễn-Đăng-Nghiêm qua trú quán đón rước. Ngài khiến quyền dọn dẹp nơi trường thi để khoản đãi An-Nghiệp.

9.— Quan Năm nước Pháp (quan Ba thì đúng hơn vì chỉ An-Nghiệp) đem 5 chiếc tàu hỏa tiếp đến Đà-Sơn nói rằng : « Một chiếc chạy lên Hà-Nội, còn 4 chiếc rồi cũng tới đó ».

Bọn Trần-tiêu-Thành tàu rằng : « Nên giao cho Khâm-mạng trách An-Nghiệp rằng « quý quốc khi mới tới chỉ vì việc đuổi tàu Từ-Phổ-Nghĩa, nếu tàu ấy muốn tới buôn, hãy chờ điều ước xong mới tiện. Quý phái nên sức gấp cho tàu ấy lui ra. Như trái phép cấm, làm điều cướp hại thời xin Quý phái đuổi bọn ấy đi cho rõ phép công ». Ngài nghe theo.

10.— Tháng mười quan Pháp là An-Nghiệp đánh hầm thành Hà-Nội.

Khi trước An-Nghiệp muốn mau mở việc buôn, thường bị quan ta ngăn trở (Khâm-mạng, Khâm-phái và quan tinh) không bằng lòng, mới dự định hòa ước (trong tờ

ước nói việc thông thương), giao tinh niêm yết. Quan ta đáp lại rằng : « chưa có triều mạng, không dám thiện hành. »

An-Nghiệp giận, mồng một tháng ấy, thỉnh linh đánh tinh thành.

Khâm mạng Nguyễn-Tri-Phương với con là Phò-mã Nguyễn-Lâm (Lâm ra thăm cha) giữ cửa đông nam, binh Pháp phá cửa ải trước, Lâm bị đạn chết, Tri-Phương bị thương, thành liền mất (1).

Việc tâu lên, Ngài khiến quan Thượng Bạc làm thư báo cho quan soái biết và tư cho sứ bộ ở Gia-Định giảng bàn cho khéo, xin sức An-Nghiệp giao lại thành Hà-Nội mới tiện định ước,

Vừa gấp báo rằng : An-Nghiệp xin đặt quan mới làm việc tinh Hà-Nội để tìm việc thông thương.

Ngài giao đình thần lựa người giỏi đặt làm quan tinh để coi việc, còn quan tinh Hà-Nội cũ và quan Khâm mạng, Khâm phái, không kề người còn, kẻ mất đều phải cách chức tra-cứu — Lại khiến Trần-Đinh-Túc, Trương-Gia-Hội cùng Giám-mục Bình, Linh-mục Đặng qua tinh ấy hội nghị.

Nhưng binh Đại Pháp đã đặt quan trị tinh Hà-Nội và làm lời hịch báo các tinh cả thấy 3 khoản :

(1) Tháng 11, tôi không nhớ rõ ngày nào, Nguyễn-Tri-Phương mất ở nhà túc thư thành Hà-Nội, trước bị thương, nhưng không chịu ăn uống, người Đại Pháp đưa cháo và thuốc đều phun ra cả, rồi mất.

Tháng 12, việc nước đã yên, Ngài sai hộ tống quan tài cụ và Phò-mã Lâm về an táng ở làng, thuộc tinh Thừa-Thiên.

1.— Triệt lính giữ cửa ải bèn Tàu.

2.— Nhô cù dưới sông.

3.— Yết điều thông thương.

Rồi lại toan mưu lấy các tỉnh.

Ngày 15 đánh lấy tỉnh Hải-Dương ; ngày 16 đánh lấy tỉnh Ninh-Bình, ngày 21 hầm tỉnh Nam-Dịnh — bốn tỉnh nối nhau thất thủ.

11.— Ngài khiến Hoàng-tá-Viên sung tiết chế Bắc-Kỳ quân-vụ thường đốc việc phòng giữ các tỉnh và chờ coi Định-Túc thương-thuyết thế nào.

15.— Phát giao sắc ấn phong cho sứ thần Lê-Toán làm Toàn-quyền đại-thần, Nguyễn-văn-Tường làm phó, sắc ấn phát đến Gia-Định.

Quan Pháp soái nghe tin liền mừng.

Sứ thần thương rắng : « Điều ước mơ này có thể định được, nhưng xin xử trí việc ngoài Bắc cho mau xong, sẽ định điều ước ».

Quan soái liền chay giấy súc An-Nghiệp lui quân, để quan ta vào thành làm việc — Lại thường nhờ Nguyễn-văn-Tường dẫn quan Thống-sát Hoắc-đạo-Sanh (Philastre) đi tàu thủy đến cửa Đà-Nẵng.

Khi đến Kinh, Ngài khiến Nguyễn-văn-Tường sung Khâm-sai Đại-thần, hiệp đồng Hoắc-đạo-Sanh hẹn đến ngày 1 tháng 6 lại tới Đà-Nẵng đi tàu ra Hà-Nội thương thuyết. Nhưng khiến làm thư giao cho quan Thống-sát cứ đó mà làm.

13.— Tháng 11, quan Tổng-Đốc mới Hà-Ninh là Trần-Đinh-Túc tuân lời chỉ chuẩn trước, đương bệnh gǎng đi, cùng quan Tuần-Phủ mới là Nguyễn-Trọng-Hiệp đến thành Hà-Nội — quan án mới là Trương-gia-Hội lãnh binh Hoàng-đôn-Điền và Giám-mục Bình, Linh-mục Đặng cùng đều tới một lần.

14.— An-Nghiệp rước vào thành càng nhau thương thuyết.

15.— Đạo quân thú đồn Hương-Ngạnh lên đánh giết An-Nghiệp ở ngoài La-Thành.

Việc tâu lên, Ngài nghĩ gần đây thương thuyết việc đã gần thành, toàn cuộc xử trí không phải cậy bọn quân Lưu-vĩnh-Phúc mà làm xong được, nên khiến bọn quân ấy về phòng triệt miền thương du là phải. (Binh đồn Hương-Ngạnh tức là quân Lưu-vĩnh-Phúc).

16.— Lúc ấy, An-Nghiệp đã chết, kẻ bộ thuộc cử quan hai Biên coi việc, tới thương với Trần-Đinh-Túc rằng : « Xin đợi việc khai-thương nghị định, rồi liền đem các tỉnh giao lại ».

Đinh-Túc nghĩ người ta đã nói thôi đánh, ta đã triệt quân Lưu-Vĩnh-Phúc về quân thứ giữ bờ cõi để nghị hòa-ước cho tiện, liền ủy Nguyễn-Trọng Hiệp, Trương-Gia-Hội đem quân thứ diện thương với bọn Hoàng-Tá-Viêm, Tôn-Thất-Thuyết.

Viêm và Thuyết đều thuận nghe, đóng quân không đánh nữa.

Gặp khi quan nước Đại Pháp là quan ba E-MÊ từ Gia-Định tới. (Quan soái nghe An-Nghiệp chết, sai E-MÊ

đi tàu thủy tới thay). Bọn Đinh-Túc hội thương với ông E-MÈ và ông Biên.

17.— Ngài cho Trần-Đinh-Túc nhưng lãnh Tông-đốc Hà-Ninh mà sung chức Khâm-sai Phong-Định-Thông ước toàn-quyết Đại-thần Nguyễn-Trọng-Hiệp nhưng lãnh tuần-phủ, hội-đồng khâm-sứ đại-thần Nguyễn-văn-Tường nghị-định thương ước.

18.— Khâm-sai Nguyễn-văn-Tường đi tàu với quan thống-sát Hoắc-đạo-Sanh đến cửa Cẩm (ngày 3 tháng 11 từ Đà-Nẵng ra đi, đến ngày 5 tới nơi). Vừa lúc ấy, quan Pháp ở Hà-Nội đem thư báo rằng quân ta đánh thành, An-Nghiệp với quan mệt, quan hai ra đánh đều bị chết.

Hoắc-đạo-Sanh và các quan dưới tàu đều đập tay tức giận, bảo Văn-Tường rằng : « Việc chắc không xong phải phi báo quan Pháp soái không nên ở lâu. »

Văn-Tường thấy đương giận lầm, e hư việc lớn mới thử thả nói :

« Việc lấy Hà-Nội, Quý soái nói đã không phải bỗn ý — còn như súc binh cả bốn tỉnh cũng mạnh mà nước tội cũng không đem ra tranh hoành, thiệt là hai bên đều không trái ý nhau. Đến như việc An-Nghiệp chết, hoặc tại kẻ trộm cướp nơi khác đến, hoặc tại dân bỗn xứ khích giận, việc chưa rõ ràng. Huống chi trả thành để mau định-ước là lệnh Quý soái. Nhận thành rồi mới nghị-hoa là mạng vua nước tội, chúng ta chỉ nên vâng mạng ấy còn như việc Hà-Nội giết An-Nghiệp cũng như An-Nghiệp giết Tri-Phương đều là việc tình hình không phải chúng

ta làm ra, nay chưa từng tới nơi biết việc thế nào mà chỉ truyền nghe báo không; không những Quý soái ở xa khó tính trước mà chúng ta đi chuyến này thiệt là phụ chức trách lắm. Chi bằng phi thư ra Hà-Nội đem tàu thủy rước chúng ta tới nơi, như nên theo mạng lệnh trước hội đồng mà làm thời càng hay, hoặc nên hỏi rõ cớ An-Nghiệp vì sao mà chết rồi sẽ báo, vậy chẳng ồn àn lầm sao ».

Hoắc-Đạo-Sanh nghe theo liền chạy giấy cho Hà-Nội biết.

Vừa gặp tàu đê ta đi về, hiện đâu ở Đồ-Sơn, Hoắc-Đạo-Sanh muốn qua đi tàu ấy mà cho chiếc tàu đưa mình ra là hiệu Đát-tò-gi về Gia-Định báo, Văn-Tường lại thưa rằng :

« Tàu Quý quốc đã tới lại lui ra, e sĩ dàn nghe tin, bắt chước làm như Hà-Nội, ai cấm ngăn được, sợ sau khi tồn hại càng lắm, lấy gì thưa lại với Quý soái? Nay nên khiếu tàu Đè-ta-gi ra cửa đón triệt giặc biển, còn chiếc tàu Đát-tò-gi nên cứ chạy luôn tới Hải-Phòng, trước giao lại thành Hải-Dương, hiểu thị sĩ-dân đê rõ tình tin thiệt, rồi qua Hà-Nội giao hết các tỉnh thành và hỏi việc An-Nghiệp, xong việc sẽ chạy giấy báo cả một lần, mới là trọng vẹn. »

Hoắc-Đạo-Sanh nghe theo mới chạy lần ra Hải-Phòng đánh giẹp giặc biển, liền giao lại 4 tỉnh cho quan cai-trị — Quan Quân Đại Pháp ra thành lui về Hải-Phòng, đoàn tàu Từ-Phồ-Nghĩa cũng qua đó.

19.— Hoắc-Đạo-Sanh định ngày về, còn việc thương ước thì về Gia-Định sẽ định (vì Pháp soái kỳ về Tây

gấp quá nên chỉ muôn mau vào Gia-Định định-ước, không ở lâu).

20.— Tháng 12, quan Pháp soái định qua đầu năm sau về Tây, phái Lê-Na ra thay cho Hoắc-Đạo-Sanh về và giục Nguyễn-Văn-Tường đi luôn cho kịp định-ước.

21.— Lúc ấy Khâm-Sai Nguyễn-Văn-Tường đi tàu đã về, nhưng vì bị đau nên trễ mà đã gần kỳ Pháp soái về Tây.

Ngài dù sứ thần Lê-Toán, Nguyễn-Tăng-Doãn phải chờ Văn-Tường, đến thương thuyết định ước sẽ hay. Đến như khoảng đặt Khâm-Sứ ở Kinh thời nên thương với Pháp ở trong tờ ước nói cho rõ cách sắp đặt, nhưng đợi các cửa biển ngoài Bắc đặt chức Lãnh-Sự xong rồi, trong một vài năm nữa, tình ý qua lại tin nhau, khi ấy ở Kinh nên đặt Lãnh-Sự hay là Khâm Sứ tùy ý mà làm.

22.— Năm Giáp-Tuất (1874), tháng giêng quan Thống-Sát Hoắc-Đạo-Sanh với Khâm-sai Nguyễn-Văn-Tường từ Bắc-Kỳ tới sứ-quán.

Ngài sắc các quan cơ mật, thương bạc tới hỏi thăm và ban cho một đao sắc dụ để tỏ công lao.

Hoắc-Đạo-Sanh và Nguyễn-Văn-Tường lại vào Gia-Định hội-đồng Lê-Toán cùng Pháp soái định-ước.

23.— Ngài nghĩ Hà-Nội ở giữa coi ngó bốn phía, việc quan nhiều lắm mà Tông-đốc Trần-Đinh-Túc già yếu, cho Bộ-chánh Bắc-Ninh là Phạm-thận-Duật thụ tuần phủ Hà-Nội để giúp việc.

24.— Hoà-ước mới đã thành, quan Du-Bi-Lê về Tây, quyền soái Ga-Răng tối thay.

25.— Tặng quan Pháp soái một đồng tiền vàng nhất hạng vì Bắc-Kỳ hòa nghị đã rồi. Lại nghỉ Giám mục Bình và Linh mục Đặng có giúp đỡ việc ấy nhiều đều hậu hưởng đê đèn công lao. (1)

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

Thanh-Nghị số 96 ngày 16-12-1944.

(1) Về việc này, các bạn xem lại chương VIII quyền Việt-Nam sử lược (quyền II) của ông Trần-Trọng-Kim trang 242—252.

Các sách chữ Pháp viết về đoạn lịch-sử này cũng nhiều nhưng tôi mong là trước hết, ta nên kiểm hết cả những tài liệu của ta, bằng chữ Hán hay chữ Nôm đã, để đem ra đối chiếu với sách hay tài liệu Pháp.

TRẬN PHÁP ĐÁNH CỦA HÀN (TOURANE) NĂM 1858

Cách đây hơn một trăm năm, thực dân Pháp suốt năm tháng trời đã đánh phá Cửa Hàn (Tourane). Từ tháng năm ta đến tháng chạp, nào tàu chiến họ nã trọng-pháo từ ngoài khơi vào, nào là những cuộc đồ bô, nào là những cuộc vây thành của ta, nào là sự chiếm thành làm cứ điểm. Rồi từ các điểm đó quân xâm lăng đi càn quét từng làng.

Trong giai đoạn đầu ta bị thiệt hại nặng nề : ba thành đều mất, hao binh, tồn tướng, triều đình lo âu. Nhưng sau ta đánh đuổi được quân giặc. Đã có những trận rất ác liệt, tuy về quân-nhu ta kém địch nhiều. Về chiến-thuật thời ta đã rất giỏi. Ấy là ta thuộc về các dân-tộc thiện chiến.

Bài nhỏ này, căn cứ vào những sử liệu chắc chắn của ta trong bộ sử « QUỐC-TRIỀU CHÁNH BIÊN », nhắc lại sự kháng chiến anh dũng của tiền nhân chúng ta, cách đây hơn một trăm năm ở cửa Hàn.

Bộ « QUỐC-TRIỀU CHÁNH BIÊN » là một bộ sử do Quốc Sử Quán ấn hành, chép các sự kiện lịch sử đã xảy

ra, chép văn tắt sơ sài theo lối biên niên, không mô tả và cũng không cho các con số cần thiết, thành sự khảo cứu hơi khô khan và tệ.

Sử chép như sau này : « Tháng 7, năm Mậu-Ngọ (1858) có mười hai chiếc tàu Pháp vào Cửa Hàn, bắn phá các bảo đài »...

Pháp đem mười hai chiếc tàu tự nhiên vô cớ vào bắn phá các bảo đài của ta, ở Cửa Hàn.

Họ có súng thần công, cở bảy mươi lăm ly mắc trên tàu.

Họ có súng liền-thanh, hạng nặng, hạng nhẹ.

Quân-đội đồ bộ của họ, mỗi người có một khẩu súng trường nặng, có lưỡi lê, lựu đạn đặt quanh lưng, một khẩu súng lục trận, một con dao găm.

Số lượng quân-đội họ trên mười hai tàu độ vài nghìn người.

Tàu của họ chạy máy cũng được mà chạy buồm cũng được, chạy ba buồm to. Tàu là tàu sắt...

Nếu Vua Gia-Long sống lại thời Ngài chắc đã phải chép miệng thở dài và than : « Ai ngờ ! ».

Dù sao Vua Tự-Đức đã phải giữ nước. Không phải riêng Vua Tự-Đức mà là cả toàn dân, vì ta phải giữ lấy ruộng... và phải sống độc-lập. Vấn đề chính thề bấy giờ không đặt ra. Tú dân : Sĩ-Nông-Công-Thương, ai mà có nhiệt huyết đều nghĩ tới mấy chữ « trung quân ái quốc ». Vì

vậy cho nên đã có những sự hy sinh đến xương máu. Người Nhật tự khen vì họ bảo hộ có tinh-thần võ sĩ. Tinh-thần này, đối với Người Việt-Nam, là sự thường.

Tàu Pháp ở ngoài khơi. Họ có ống nhòm, có súng trái phá; họ ngắm đúng, rồi họ nã trái phá vào đòn ta.

Quân ta hốt hoảng.

Vì tự nhiên... chẳng biết lý do vì đâu, bị các tàu ngoại quốc đến « bắn phá » dữ dội như thế.

Sử chép như sau này (Chinh biến) :

« Việc ấy tâu lên, Ngài sai Đào-Trí hợp với Tông-Đốc Nam-Nghĩa là Trần-Hoảng cự đánh ». Pháp vây Hải thành của ta ở Cửa Hàn.

Ngài cho là Trần-Hoảng bất lực, bàn cách chức, cho đi hiệu lực để lập công chuộc tội. Còn Đào-Trí là quan võ được quyền Tông-Đốc.

Pháp lại vây nốt hai thành An-Hải và Điện-Hải.

Vua Tự-Dức thấy việc trở nên nghiêm-trọng, phái Hữu-quân Lê-Đình-Lý làm Tông-Thống đem hai ngàn cấm binh từ Huế vào Cửa Hàn để cự đánh. Cấm binh là quân ở Huế giữ « tử cấm thành » tức là thành nhà vua. Vậy phải là những quân tinh-nhuệ. Họ đã theo đường mòn nào mà đi từ Huế đến Cửa Hàn. Tôi tin chắc chắn là theo đường bộ, không phải theo Đèo Hải-Vân đâu, mà theo một đường núi ở về phía Tây, vòng quanh núi Bà-Na mà người Tây gọi là « La route des montagnes ».

Nhưng những thành bị vây đều thất thủ.

Sử ghi như sau này :

« Từ khi hai thành thất thủ, lòng Ngài nóng nảy lắm, tiết thứ nghiêm dụ : hoặc khiến lụa chõ đóng đồn, hoặc khiến lụa thế quyết đánh, hoặc khiến nhân ban đêm vây đánh, hoặc quở trách các tướng dùng dǎng. Ngài chỉ bảo phương lược cũng đã nhiều lần ».

Pháp tấn công vào các đồn làng.

Sử chép rằng linh Pháp vào làng Mỹ-Thị nhổ rào đồn, phá núi đất.

Ta đã có những đồn chung quanh cǎm chông và trong đắp các ụ đất. Ta đứng sau các ụ đất này bắn ra ngoài.

Sử cho biết chi tiết sau này :

« Lê-Đinh-Lý cự đánh tại làng Cầm-Lê, bị đau, thương nặng, linh sảng sốt chạy hết. Lê-Đinh-Lý về tỉnh Quảng-Nam trị bệnh rồi mất ».

Vậy đã có một sự kháng cự rất mạnh của ta ở chung quanh Cửa Hàn. Mà chính Hữu-quân Lê-Đinh-Lý điều khiển.

Vì tướng này đã bị đau. Chắc vết thương nặng lắm nên được vồng ra khỏi mặt trận mới được vài chục cây số tới Vĩnh-diện, là thành tỉnh Quảng-Nam thì mất.

Tình hình trở nên bi đát !

Mất một Hữu-quân không phải là chuyện nhỏ (Hữu-quân cũng như một quân-nhân cấp Tướng bây giờ).

Vua Tự-Đức sai Châu-Phước-Minh, đến thay Lê-Đinh-Lý. Châu-Phước-Minh vốn là quan võ, hàm Thống-Chế.

Nhưng chắc Ngài, sau khi đã suy nghĩ kỹ và xét rằng cờ đã đến lúc phải ra xe, nên Ngài lại tung Nguyễn-Tri-Phương ra ngoài mặt trận.

Sử chép rằng Ngài sai kinh-lược Nguyễn-Tri-Phương sung chức Tông-Thống, đổi Châu-Phuộc-Minh làm Đè-Đốc. Nghĩa là Thống-Chế phải ra mặt trận.

* *

Chiến sự sẽ diễn như thế nào ?

Bây giờ đến giai đoạn mà ta phải hy sinh... nếu cần, rất nhiều binh sĩ.

Đã phải có những trận rất ác liệt.

Sử ta chỉ ghi một vài sự kiện chứ không bao giờ tả cả, cũng không cho biết những con số cần thiết.

Nhưng một vị Kinh-lược ra làm Tông-Thống và một vị Thống-Chế ra làm Đốc binh thời ta cũng đủ biết là tình hình quân sự khó lường.

Vài ba tháng sau khi Nguyễn-Tri-Phương tới quàn-thú, tức là vào tháng 10 ta, sử chép là « Linh Pháp vào sông Hàn và sông Nại-Hiên. Đào-Trí chia binh phục đánh, đuổi chạy ».

Vì y Pháp đã muốn ngược m้าย đường sông bằng tàu nhỏ (ca-nô có gắn máy) để đồ bộ không được vì ta phục quân ở nhiều chặng bên sông.

« Tháng mười một, linh Pháp thình lình xòng phá hai đồn Hoá-Quế và Nại-Hiên.

Hiệp quân Nguyễn-Triều và Nguyễn-An cự đánh hết sức, bị chết.

Châu-Phước-Minh cứu viện không kịp ».

Đoạn sử trên cho ta biết rằng đây là một cuộc đánh đồn rất tàn khốc của quân-đội Pháp. Họ chắc đã nã trọng pháo vào đồn... luôn vào hai đồn... rồi họ xung phong.

Ta đã biết cách đào hầm hình chữ chi để tránh đạn trái phá và chắc ta — tuy bị thiệt hại nkiều về đạn này — đã chờ họ xông đến để bắn hay để đánh giáp lá cà. Nhưng ta hồi đó chưa có lựu đạn, chưa có mìn để gài chung quanh đồn. Vậy sự phá đồn của quân Pháp rất dễ... Tương đối với bây giờ mà thôi... Vì còn có trận đánh giáp lá cà. Quận đội ta ngày xưa, ai cũng biết sử dụng mìn tầu.

Sử chép là hai Hiệp quân Nguyễn-Triều và Nguyễn-An « cự đánh hết sức ». Bốn chữ này khiến tôi mơ tưởng tới một trận giữ đồn rất oanh liệt : bắn đến hết đạn, rồi giáp lá cà, chiến đấu bằng gươm, dao, mìn tầu...

Nhưng Pháp đã có lựu đạn, rất tai hại cho ta, khi họ đã lấy trái phá, phá tan các ụ của ta, khi họ đã tới gần đồn.

Việc ấy tâu lên.

Ngài ban rằng :

« Quân đã cô, cứu viện lại không có. Một quan tướng đã khó tìm, huống chi chết đến hai. Bọn Tổng-thống không đau lòng hay sao ? »

— Đọc những bài dụ của Vua Tự-Đức, tôi thấy nhiều bài dài, nhưng xét ra không quan trọng mấy. Có những bài ngắn... như bài này... thầm thia lầm. Nhà vua không nói tới việc mất đồn mà Ngài chỉ nói là đã thiệt hại Tướng. Ngài đã phải đau lòng lầm vì sự thiệt hại này... Và ngài trách các quan Tồng-Thống là Châu-Phước-Minh và Nguyễn-Tri-Phương.

Các vị này không những bị trách bằng lời, lại còn bị giáng phạt.

Nguyễn-Tri-Phương nghĩ sao ?

Vị Tướng này đã năm mươi bảy tuổi (sinh năm 1799, ở làng Đường-Long, Thừa-Thiên, mất ở Hà-Nội, khi giữ thành này, chết vì nước năm 1873, thọ 74 tuổi).

Sử chép như sau này :

« Bấy giờ Nguyễn-Tri-Phương phái lính sửa đồn lại, chia đặt vọng lâu, xích hậu để cứu cho mau ».

Vậy đã có một sự bố trí của ta theo binh pháp : chòi canh và công trước, công sau để nghe ngóng tình hình quân địch, hoặc đánh, hoặc rút !

Đó là để giữ thế thủ.

— Còn Thống-Chế Châu-Phước-Minh thời theo đúng lời sử chép : « Mỗi ngày chia quân qua các đồn, gấp lính Pháp, quân mình cự đánh, đuổi được ».

Vậy ta cũng đã lại tổ chức du-kích và vận-động du-kích, khiến quân Pháp... chắc đã bị thiệt hại nhiều.

Tin báo về Triều, sử chép rằng Ngài tuy hài lòng nhưng cũng than rằng : « Chưa được trận gì hơn, luống nhọc lòng ta trông đợi mà thôi ! »

Nguyễn-Tri-Phương thấy là phải tự mình đến quân-thú, xem xét mặt trận.

Vua Tự-Đức là người rất cẩn thận. Ngài dù Nguyễn-Tri-Phương phải vẽ địa đồ và mưu mẹo như thế nào phải dâng Ngài xem, không được thiện tiễn mà làm.

Nguyễn-Tri-Phương vẽ địa đồ và trình Ngài kế hoạch dụng binh. Trong bài tấu của Nguyễn-Tri-Phương có câu này :

« Bên họ đánh thời lợi, bên mình giữ thời hờn. Bây giờ xin giữ cho vững đê làm cách cự chiến : đắp thèm đòn lũy, lần lần xòng tới ».

Đó là chiến-thuật của vị lão tướng này.

Ngài ban rằng :

« Bên đánh không hình, họ dễ cử động, mà mình khó¹ đo lường, Bên mình có hình họ dễ trông thấy mà mình khó chu đáo ».

Vậy việc giữ có 6 điều hại :

- 1.— Động tĩnh không cẩn mật.
- 2.— Khí cự không tinh xảo.
- 3.— Thám-tử báo lầm.
- 4.— Đòn lũy không coi khắp.

5.— Quân tâm nhút nhát, tướng lệnh không nghiêm.

6.— Bình chia thời sức yếu, phòng chố nẹ bỏ chố kia.

Ngài đã ban lời dụ chỉ về rồi lại truyền Nguyễn-Tri-Phương phải tùy việc khuyên răn quân tướng và nghĩ mưu này, hợp kế kia, phòng giữ các đạo binh cho khỏi lo về sau. Rồi sẽ chuyên ý xông tới, lần hồi dẹp yên mới công lớn được ».

Lời bàn này của Ngài, cùng bài tấu của Nguyễn-Tri-Phương khiếu cho chúng ta biết rằng một ông Tướng hồi trước, một « Nho Tướng » như Nguyễn-Tri-Phương, Nguyễn-Công-Trứ thông thuộc binh thư binh pháp... Nhưng một ông vua có tiếng hay chữ, thơ, phú giỏi cũng lại là một người thuộc binh thư pháp, góp ý kiến cho các tướng và chăm chú việc quân.

Chiến sự bây giờ như thế nào ?

Sử chép là : « Tháng mười hai, Nguyễn-Tri-Phương đắp đồn Liên-Tri. Quân Pháp chia đạo đến đánh đồn Thạc-Giản và Nại-Hiền ».

Ta đắp một đồn : Pháp không lại đánh đồn đó vì chắc cho rằng đại quân ở đó. Vậy Pháp « tia » hai đồn khác, cho rằng ở hai đồn này ta ít quân hay không phòng bị cẩn thận.

Pháp lầm.

Sử chép là : Quân ta phục đánh lui được ! »

Tôi chắc Pháp đã thiệt hại nhiều.

Việc ấy tâu lên Ngài ban rằng :

« Từ trước đến giờ, chưa thấy dùng mưu gì lạ. Từ nay về sau, nếu có giao chiến, phải chia lính mạnh phục các nẻo đê triệt đảng quân họ trở lui ».

Nguyễn-Tri-Phương và Châu-Phước-Minh ở vào một tình thế oái oăm. Hoả lực của địch mạnh, họ chỉ đi lại như ma, nay ẩn mai hiện, nay đánh chõ này, mai đánh chõ khác. Ta vừa phải có cứ điểm là đồn vững, vừa phải đi phục-kích ở mọi nơi. Ta đã giữ được đồn, đã đánh đuổi được nhiều đạo quân lưu động Pháp. Chắc ta đã phải chịu nhiều thiệt hại. Và Nguyễn-Tri-Phương còn nhớ là một lúc đã mất hai Hiệp quản là Nguyễn-Triều và Nguyễn-An.

Lời dụ của Vua Tự-Đức là một lời quở !

Oái oăm thay, Ngài lại cho sứ đến ban cho, ở nơi quân thứ « Một thanh ngự kiểm và sám quế các hạng ».

Ý nghĩa thanh ngự kiểm nghĩa là Nguyễn-Tri-Phương thay Vua mà đánh giặc. Sám quế tỏ tình cá nhân của nhà Vua đối với một lão tướng, một người lính đã già rồi còn phải ra mặt trận. Vua Tự-Đức năm đó, mới hai mươi tám tuổi, kém Nguyễn-Tri-Phương hai mươi chín tuổi.

Vì lão tướng này nghĩ sao ?

Nhà Vua, tuổi bằng nửa tuổi mình, ân cần như thế này, trao quyền hành như thế này, làm thế nào mà không được quân Pháp tàn bạo xâm lăng ? Quân Pháp đã có một cứ địa, ấy là thành Điện-Hải mà lẽ tất nhiên là họ đã bố trí giữ thành này một cách kiên cố : nào là dày

thép gai, nào là mìn, nào là các ô súng máy, nào là súng thần công ở ngoài tàu chiến của họ yểm hộ.

Nguyễn-Tri-Phương chắc đã nghĩ là phải có hai công việc :

1.— Giữ đồn của mình.

2.— Đánh đồn của địch.

Nghĩ ra thời dễ, thi hành thời khó.

Nguyễn-Tri-Phương đã theo lối đánh đồn cỗ truyền Á-Đông ấy là đắp lũy đào hầm.

Sử cho ta biết rõ ràng như thế :

« Nguyễn-Tri-Phương đắp lũy dài chạy từ Hải-Châu đến Phước-Minh, Thắc-Giản. Ngoài lũy, đào hầm hình chữ phẳng, cắm chông, đỗ cát và lấp cỏ lèn trên, chia đặt quân phục sát tới thành Điện-Hải ».

Đó là lối đánh đòn thô của ta.

Biết bao nhiêu công-trình !

Toàn thề anh em bộ đội đã MẠNH.

Mạnh về tinh-thần chiến-dấu, dù ta thiếu thốn đủ mọi thứ so với quân đội Pháp xàm lăng. Ta đã hao binh tốn tướng nhưng không vì lý do đó mà các tướng các quân còn lại sờn lòng. Cũng có thề vì phải báo thù các quân tướng trận vong nên ta cả gan đánh thành Điện-Hải.

Pháp ra ngoài thành đánh lại ta vì thấy ta « sát tới thành ».

Sử cho biết chi tiết sau này :

« Linh Pháp chia ba đạo ra đánh, quan quân giữ lũy bắn, quân Pháp phải lui ».

Câu sử này khiến ta phải nghĩ tới những trận rất anh dũng của ta cách đây hơn một trăm năm ở Cửa Hàn.

Tại sao quân Pháp phải lui ?

Chắc là đã bị phục-kích quân ta giữ... vừa đánh vừa chạy... đè họ đuổi theo đến chỗ có cỏ... Rồi tự nhiên đất sụp khiến cho các quân-nhân đầy đủ khỉ giới, thân thể cao lớn của nước Đại Pháp vĩ đại đã lâm vào một cảnh khó xử ? sụp xuống hầm cỏ cắm chông tre nhọn. Không bị thương cũng đã phiền : làm thế nào mà leo lên được khỏi hầm ; mà lên thời bị bắn trước khi bắn lại được. Nếu bị chông tre cắm vào người thời lại phiền nữa.

Các việc này xảy ra vào tháng mười hai năm Mậu-Ngo 1858, tức là cách đây hơn một trăm năm.

* *

Sau trận này, Ngài không « ban quả » cho Nguyễn-Tri-Phương nữa.

Anh em trong quân thứ một hôm thấy các tàu của nước Đại Pháp mở máy chạy, buồm căng ra ngoài khơi, đi đâu không biết.

Chắc Nguyễn-Tri-Phương không biết các tàu này sẽ trở lại nữa không, dù sao sự phòng thủ vẫn tiếp tục.

Sử chép là : « Ngài khiến quan Tỉnh trưởng Quảng-Nam săm bò, trâu, rượu khao quân ».

Sau đúng một tháng trời kháng chiến, những anh em binh sĩ còn sống... được cùng nhau chung quanh mẩy nong thịt trâu, mẩy vò rượu nóng là của vua ban. Lẽ tất nhiên là trâu, mẩy vò rượu đã làm lê cúng vong hồn các trận vong chiến-sĩ. Nhà Vua cũng cho thưởng ít bạc, tiền và quần áo : đồ thường tượng trưng mà thôi để tỏ rằng Ngài hài lòng và cùng vui vẻ với quân, tướng. Ngài hài lòng vì hai mươi chiếc tàu Pháp sau năm tháng ác chiến đã không đồ bộ được và đã rút lui.

Nhưng các tàu này đi đâu ?

Vừa xong Tết, ra đầu giêng, Ngài được tin từ Gia-Định ra cho biết là :

« Linh Đại-Pháp bắn phá các đồn Lương-thiện, thuộc tỉnh Biên-hoà Phước-vĩnh. Danh nghĩa thuộc tỉnh Gia-định, vào cửa Cần-giờ chặn sông Phú-giang thuộc tỉnh Biên-hoà hẵm lấy các đồn Tả-định, Tam-kỳ thuộc Biên-hoà, Bình-khanh, Phú-mỹ, Hữu-bình thuộc Gia-định... »

Cuộc chiến-tranh ở Nam-kỳ bắt đầu.

Sẽ còn biết bao nhiêu sinh linh khổ sở, bao nhiêu xương máu những người TRAI ĐẤT VIỆT, nào là dân, nào là quân, nào là tướng. Ta đã phải vất vả lắm...

Kết ra người Đại Pháp muốn sang văn-minh hoá nước Việt-Nam ta — vì họ nói đó là thiện chí của họ — mà họ dùng súng đạn thời họ cũng kỳ thật.

VIỆC MẤT TIỀN-GIANG (1859 — 1862) ĐÃ NHƯ THẾ NÀO ?

Đồng bằng sông Cửu-long mà ta đã gọi là Nam-kỳ
vực tinh, trước đây gồm 6 tỉnh. Ba tỉnh Biên-hoà, Gia-
định, Định-tường là miền *Tiền-giang*. Còn miền *Hậu-giang*
gồm 3 tỉnh Vĩnh-long, Châu-đốc và Hà-tiên.

Tháng giêng, năm Kỷ-vị 1859 tức là năm thứ mươi
hai đời vua Tự-Đức, quân Pháp khởi việc cho cuộc chiến
tranh xâm-lăng. Đến tháng tư năm Nhâm-tuất 1862, sau
bốn mươi tháng đánh nhau với quân Pháp, ta đã phải
ký hoà-ước, nhượng cho họ miền Tiền-giang.

Sự kháng chiến như thế nào ?

Đó là đề tài bài nhỏ này.

Ngược lên lịch sử ta thấy là tháng tám năm Bính-thân 1856, người Pháp đã sinh sự với ta ở Cửa Hàn. Năm Mậu- ngọ 1858, suốt 6 tháng trời họ đánh phá Cửa Hàn và Nguyễn-tri-Phương đã phải nhiều phen vất vả. Bây giờ họ mở mặt trận ở đồng bằng sông Cửu-long. Sử chép như sau này :

« Năm Kỷ-vị 1859, tháng giêng, lính Đại Pháp đánh
phá các đồn Lương-thiện thuộc tỉnh Biên-hoà, Phước-vĩnh,
Danh-nghĩa thuộc tỉnh Gia-định, vào cửa Cầm-giặc chặn

sông Phu-giang thuộc tỉnh Biên-hoà, hầm lấy các đồn Tả-dịnh, Tam-kỳ thuộc Biên-hoà, Bình-khánh. Phú-mỹ, Hữu-bình thuộc Gia-dịnh, liền tới bức thành Gia-dịnh.

Quan Hộ Đốc Võ-duy-Ninh chạy giấy các tỉnh hội binh cứu viện.

Rồi Ninh tự tử ».

Vậy ta nhận thấy là chiến-thuật của người Pháp là đánh các đồn chung quanh Gia-dịnh, cả thảy tám đồn, lại chặn sông để ngăn sự chuyển vận... rồi mới đánh thành Gia-dịnh. Sử chép tiếp :

« Linh Đại Pháp đánh hầm thành Gia-dịnh. Khi ấy luôn mấy ngày linh Đại Pháp đã bắn phá các đồn gần sông, nhau chạy tàu thẳng tới bến sông trước mặt tỉnh thành bắn vào. Lại có một toán quân lên bộ quanh thành đuỗi đánh. Quan quân mình thua chạy hết. Thành bị hầm. Lại bắn phá thành, đốt dinh trại kho tàng, rồi lui tàu đậu tại con sông phía dưới đồn Hữu-bình.

Trước khi ấy, Ngài nghe bảo thành Gia-dịnh bị vây, lập tức sai các đạo quân binh tới cứu, quân mới ra đi, thành đã bị hầm rồi ».

Người tổng chỉ-huy quân đội ta là Thống-Đốc Quân-vụ Đại-thần Tôn-thất-Cáp, đóng binh tại Biên-hoà. Vua Tự-Đức truyền dụ đem quân qua tỉnh Gia-dịnh phòng tiêu.

Vậy tình hình trong Nam đã rất khó khăn.

Quân-Pháp lại còn ra đánh Cửa Hàn. Tháng tư năm Kỷ-vi 1859 các đồn ta ở Cửa Hàn đều bị mất. Sử

chép là « đạn xuống như mưa ». Nguyễn-tri-Phương chống giữ không nổi, phải lui quân. Quân Pháp lại còn đánh phá nhiều nơi thuộc tỉnh Khánh-hoà nữa.

Người Pháp cho rằng họ đã thắng rồi, đã có đủ điều kiện để bắt ta phải hoà nghĩa là phải chịu thua.

Sử chép như sau này :

« Tháng sáu, cũng năm Kỷ-vi 1859, Đại Pháp sai người đến nghị hoà, xin ta phải quan đến hội. Quan quân thứ (tức là Nguyễn-tri-phương ở quân thứ Quảng-Nam) tàu lèn. Ngài khiến Nguyễn-tri-Phương chuyên coi việc ấy. Ngài lại truyền quan Bộ-binh rằng : « Nước Pháp đã sai người đến nghị hoà mà còn dung túng quân lính đốt phá. Làm như vậy mà muốn nên hoà cuộc. Được đâu ? » Ngài liền truyền quan Quân-thứ lấy điều ấy hỏi lại. Quan Tướng nước Pháp trả lời rằng từ rày về sau không làm thế nữa ».

Việc người Pháp đề nghị hoà, nghĩa là bắt ta phải công nhận sự thất bại về quân sự và lẽ tất nhiên là phải chịu tất cả những điều kiện họ đã đưa ra, việc người Pháp đề nghị hoà là một sự kiện mới. Rất quan trọng.

Triều đình ta đã xử trí như thế nào ?

Sử cho ta biết như sau này :

« Tháng bảy, Nguyễn-Tư-Giản dâng mặt sớ không nên nghị hoà.

Ngài hỏi quan cơ mật.

Trương-Đăng-Quế, Phan-Thanh-Giản tàu rằng : Người

Pháp nguyễn xin có ba khoản. Một là khoản xin cắt đất, điều ấy quyết không nên cho. Hai là khoản thông thương thời từ khi quốc sơ tời nay đã có định lệ. Ba là khoản dạy đạo Thiên-Chúa thời từ Trần, Lê cũng đã thế; nhân gần đây cấm ước nghiêm quá nên chỉ họ phải xin, bây giờ ta nên tha điều nghiêm cấm mà được nghỉ binh, yên dân thời hoà là tiện hơn ».

Trong khi triều đình bàn luận thời quân Pháp đánh phá ở Quảng-Nam và Nguyễn-Tri-Phương phải chia quân đóng các nơi.

Ở trong Nam, Cao-Miên có ý muốn gây chuyện với ta: có lẽ là do quân Pháp xui giục. Vua Tự-Đức khiến quan tỉnh An-Giang, Hà-Tiên, Vĩnh-Long, Định-Tường, Gia-Định phòng bị các chỗ địa đầu quan yếu. Tháng hai năm Canh-thân 1860, Cao-Miên xâm nhập tỉnh An-Giang và Hà-Tiên khiến cho tình trạng miền Nam càng ngày càng khó.

Người Pháp đe nghị hoà. Họ đe nghị những gì với ta?

Sử chép là họ nhờ quân thư Gia-Định đưa tờ hoà thư với mười một (11) khoản như sau này:

1.— Đại Pháp cùng Đại Nam giao hiếu muôn năm cho tớ nghĩa lớn.

2.— Như có tờ quốc thư thời sẽ giao tại Cửa Hàng rồi đi đường bộ đe đến Kinh.

3.— Nước ta giao hiếu với nước nào thời nước Pháp cũng đãi như nước anh em.

- 4.— Dân ngu đã chịu làm thuê với nước Pháp xin đừng bắt tội.
- 5.— Đại Pháp cùng Nguyên-soái nước ta đóng ẩn vào tờ hoà ước rồi tàu binh liền ra khỏi cửa.
- 6.— Người đạo gia-tô làm quấy thời theo luật trị tội, nếu biết giữ phép thời không được tra bắt.
- 7.— Nếu bắt được Cố đạo, xin tha xiềng vì xin giao cho nước Pháp.
- 8.— Tàu Pháp vào cửa buôn bán không được ngăn đón bức sách.
- 9.— Xin cấp một bản hoà ước cho Y-Pha-Nho.
- 10.— Cho Cố-đạo qua lại các làng theo đạo khuyên dạy.
- 11.— Xin đặt quan sứ ở cửa biển lập phố buôn bán.

Sử chép là Tôn-Thất-Cáp, Quản-thú ở tỉnh Gia-Định xét rằng tám khoản trên không quan ngại chi lăm bèn truyền tạm biên nhận xin y, còn ba khoản sau thời bắc bỏ. Việc tâu lên, Vua Tự-Đức khiếu đình-thần hội-nghi, mỗi người bàn mỗi khác.

Nguyễn-Tri-Phương thu quân ở Quảng-Nam về Kinh vì quân Pháp rút lui rồi. Nhưng Nguyễn-Tri-Phương chỉ được ở Kinh có vài tháng mà thôi. Quản Quảng-Nam rút về tháng tư thời tháng bảy (cũng năm Canh-Thân 1860) Nguyễn-Tri-Phương, Đông-Các Đại-Học-Sĩ, Tráng-Liệt-Bá sung chức Gia-Định quản-thú, Tổng-Thống Quân-Vụ. Còn Tôn-Thất-Cáp thời làm Tham-Tán.

Sở dĩ Nguyễn-Tri-Phương vào Nam là đã có một sự thảo luận quan trọng với Vua Tự-Đức. Sử ghi như sau này :

« Ngài đem việc trong Gia-Định nên đánh, nên hoà hay là nên giữ và những mưu mẹo nên xử trí thế nào, mặt hỏi Nguyễn-Tri-Phương và Phạm-Thế-Hiển. Hai ông ấy tâu rằng : vừa giữ vừa đánh tiện hơn lại đem những việc cần kíp nên xử tri thế nào bầy tàu cả. Ngài cũng cho là phải.

Đến nay (tháng mười) Ngài bảo Nguyễn-Tri-Phương rằng : Nguyên-Soái Nam-Kỳ hiện bấy giờ không ai bằng người, từ đình thần đến quân sĩ đều nói như thế. Người không nên từ. Còn như Quảng-Nam nếu gấp việc gì, phải có một đại viên vào đó coi sóc. Người nên lựa người giỏi cẩn lén.

Nguyễn-Tri-Phương tâu : sự thế hồi nay so với ngày trước khó gấp ba năm. Vả lại quân, dân, của đã hết, sức đã yếu, lại không phải ví như lúc trước được : Khi tôi còn ở Quảng-Nam, nghĩ thẹn không công trạng gì nhưng chức phận làm tôi đâu sai đi đâu cũng phải vàng mang. Còn coi sóc việc trong Quảng-Nam tôi xét có Phan-Thanh-Giản và Nguyễn-Bá-Nghi ở Chánh-Phủ đã lâu, quân cơ biết rõ, thiết tưởng hai người ấy sung chức ấy được ».

Nguyễn-Tri-Phương có nói một câu mà tôi đã dẫn : « Vả lại quân dân... lại không phải ví như lúc trước được ». Phải chăng đã có nhiều người đã là Việt-gian rồi chăng ?

Ngài khiến Nguyễn-Tri-Phương đi. Lúc ra đi, Nguyễn-Tri-Phương lại mặt tâu sáu việc :

- 1.— Xin chăm việc binh, tài.
- 5.— Xin yên ủy các xứ Bắc-Kỳ.
- 3.— Xin bày cách trổ súng.
- 4.— Xin phái thêm Phạm-Thé-Hiền.
- 2.— Xin kết hiếu với Xiêm-La.
- 6.— Xin trách hỏi Cao-Miên.

Ngài đều nghe cả, lại dụ rằng : « Việc ngoài biên khôn ta giao cho người, phải hết lòng đánh dẹp, khiến cõi Nam yên lặng để khoan lòng ta lo lắng đêm ngày ».

Vậy Nguyễn-Tri-Phương vào Nam Chủ-trương « vừa giữ vừa đánh » chứ không hoà, nghĩa là trường kỳ kháng chiến sẽ nhất định thành công.

Chiến sự đã xảy ra như thế nào ?

Tháng mười một quân Pháp đánh lũy mới của ta ở Gia-Định. Ta đã thắng.

Nhưng có bốn chiếc tàu của Pháp chạy đến ngoài cửa Bân-Côn tỉnh Vĩnh-Long thả neo đậu lại. Rồi đến thêm năm chiếc nữa đậu tại cửa biển Ngao-Châu. Vậy Pháp đã có viện quân hay đã muốn mở nhiều mặt trận.

Bây giờ Pháp mở một cuộc đại tấn công.

Năm Tân-Dậu (1861), tháng giêng, quân Pháp tới đánh đồn Gia-Định. Quan quân ta lui đóng ở tỉnh Biên-Hoà. Tàu Pháp đã đến thêm ba mươi chiếc, lính hơn một vạn người, chầu súng bắn vào đồn, bắc thang leo lên lũy, quan quân đổi địch không nổi, đồn bị phá, Nguyễn-Tri-Phương lui về tạm tĩnh (tạm tĩnh là đặt ra một chỗ như tĩnh ly để ở tạm chứ không phải thiêt tĩnh thành). Quân Pháp lại đem vài ngàn lính ngày nào cũng bắn, quan quân ta không chống nổi lại lui đóng tại tỉnh Biên-Hoà. Quan tĩnh cũng dời tới đó ở chung.

Sau khi ta rút lui thời Phạm-Thể-Hiển chết, có lẽ vì đạn.

Quân Pháp lại đánh phá thành tỉnh Định-Tường.

Có mười bốn chiếc tàu vào đậu vũng Cù-Ốc, sau vài ngày lại tới thêm một chiếc nữa. Còn ở ngoài Cửa Bé và Cửa Lớn đều có tàu đậu.

Lãnh Tông-Đốc Nguyễn-Công-Nhờn đưa thư qua lại làm kế hoãn binh.

Lại có thêm ba chiếc tàu Pháp nữa đều vào đậu phán biển làng Tường-Khánh.

Nguyễn-Công-Nhờn dẫn binh dông qua đồn Tân-Hương cứu viện. Bình Pháp xong đến ngoài lũy, bắn luồn mấy ngày. Quân ta bắn không lại, phải lui giữ đồn Tịnh-Giang rồi cũng chạy tan. Bình Pháp liền tới tĩnh thành.

Nguyễn-Công-Nhờn liền nhảy xuống chiếc thuyền con lánchez đi chỗ khác, quân lính chạy trốn hết thảy.

Lãnh Tuần-phủ Nguyễn-Hữu-Thành mở cửa thành chạy.

« Ngài nghe việc hai thành thất thủ truyền đình thần định tội quan quân thứ và quan tỉnh nhưng trách giao các ông quan đó phải thâu nhóm quân sĩ để lo báo phục trận khác ».

Vua Tự-Đức lại cho việc bổ thêm quan để đốc thúc công việc kháng chiến.

Tông-Đốc Trương-Văn-Uyên, Tuần-phủ Phan-Khắc-Thận đều sung chức Phòng-tiểu Quân-Vụ. Tá-Lý Đỗ-Thúc-Tỉnh, Phó-thừa Nguyễn-Túc-Trung sung chức Khâm-Phái Quân-Vụ.

Ba vị trên sau lãnh Đốc-Phủ (Tông-Đốc hay Tuần-phủ) bốn tỉnh Vĩnh-Long, Định-Tường, Gia-Định và Hà-Tiên.

Bây giờ vẫn để ngoại giao với Pháp phải như thế nào ? Chiến hay hoà ?

Ngài phái Nguyễn-Bá-Nghi đến Biên-Hoà để quan sát tình hình. Nguyễn-Bá-Nghi có làm sớ về triều. Sớ này Ngài đưa cho Trương-Đăng-Quế xem và Trương-Đăng-Quế tâu :

« Người Pháp muốn ở Gia-Định lại toan lấy Định-Tường, Biên-Hoà, e hoà cuộc không xong. Trừ việc vừa đánh vừa giữ thời không có churc gì khác ».

Vậy Trương-Đăng-Quế cũng đồng ý với Nguyễn-Tri-Phương ; trường kỳ kháng chiến.

Ngài dù Nguyễn-Bá-Nghi có chủ ý gì thời được phép tâu ngay.

Nguyễn-bá-Nghi tàn như sau này : « Sự thê Nam-kỳ chỉ có hoà mới được, chẳng thể e còn sanh nhiều điều ngại khác ».

Ngài truyền rằng :

« Sự thê khó lăm, ta đã rõ rồi, người phải hết lòng hết sức để cho tớ tài giỏi trong lúc nguy hiểm cũng như biết có cứng trong lúc gió to ».

Vậy tình hình lúc bấy giờ bi đát đến thế hay sao ?

Dù sao Nguyễn-bá-Nghi, Thượng-Thư Bộ Hộ sung chức Khâm-sai Đại-Thần để điều đình với Pháp. Đó là vào tháng năm ta.

Việc điều đình với Pháp như thế nào, về đoạn cuối bài này tôi sẽ nói. Bây giờ ta tiếp tục xét việc đánh nhau giữa ta và Tây.

Tâm-lý vua Tự-Đức hồi đó như thế nào ?

Ngài rất băn khoăn và sợ rằng sức người không chống nổi quốc nạn. Vậy sức thần như thế nào ?

Cửa Thuận-an là then chốt cho Kinh-thành Huế. Ngài ngự ra cửa Thuận-an, nhìn thấy cửa biển bồi cạn quanh co, sứ chép rằng : « Ngài cho là thần biển linh thiêng giúp nước, truyền quan tể miếu Long-vương ». Ngài ở lại ở Cửa Thuận một ngày qua, ngày sau mới về.

Rồi Ngài thường đọc tờ di chiếu của Đức Thiệu-Trị. Trong tờ di chiếu có mười sáu chữ : Kinh-Thiên, Pháp

Tồ, Cần Chánh, Ái dân, Thân Hiền, Đò Trị, Chỉ Thiện, Đôn Thân. Nghĩa là Kính Trời, bắt chước Liệt Thánh, siêng việc chánh, thương dân, thàn người hiền, lo tri nước, giữ điều phải, yêu bà con.

Rồi lại có những điểm khiến Ngài rất lấy làm lo sợ. Như sao Thái Bạch hiện ban ngày từ tháng tư đến tháng sáu năm Canh-Thân (1860). Tháng năm, cũng năm ấy, sao chổi mọc phía Tây Bắc dài năm thước, mỗi đêm cao dần lên. Các điểm này, theo khoa thiên-văn của ta là điểm gở.

Ngài có những dụ cầu hiền. Cho mở khoa thi (tháng năm năm Tân-Dậu 1861) định lẽ rõ ràng). Rồi liền truyền xét cử những người có tài lạ để ra giúp nước. Ta đã phải vơ vét tất cả ai có năng lực để đem ra kháng chiến.

Rồi cũng vì thiếu người, và có lẽ thiếu tiền nữa, Ngài chuẩn định lẽ cho các tù, quân, lưu, đồ đều cho nạp của chuộc tội. Có lẽ là để đem ra quản thử. Sau này, Ngài sẽ ra dụ bán công điền để lấy tiền quân phi.

Về nội trị lại có mấy việc quan trọng.

Người Mọi tỉnh Quãng-Nghĩa thường xuống cướp bình dân. Quan tinh không án ngự nổi và Ngài phải sai chính Châu-Phước-Minh sung lãnh Tuần-phủ tới đó phòng giữ (tháng mười năm Canh-Thân 1860). Người Mọi đây ta gọi là Mọi Đá-Vách.

Tỉnh Quãng-Nam lâm vào nạn đói vào mùa thu năm Kỷ-Vi (1859). Sử chép là lòng Ngài thương xót lắm. Ngài

dù các tỉnh Bình-Định, Phú-Yên chờ lúa ra Quảng-Nam. Rồi lại đem một số dân đói vào Nam-Kỳ.

Các miền Hậu-Giang ở Nam-Kỳ không được yên. Dân Thô (Cao-Miền) khó cai trị. Các tỉnh phải phòng bị nước Cao-Miền lại còn đem quân xâm lăng các tỉnh An-Giang, Hà-Tiên.

Ở ngoài Bắc, nhiều đảng giặc nổi lên, lấy danh nghĩa Nhà Lê nhưng sự thực có liên-lạc với quân Pháp. Thí dụ sử chép là : « Tháng mười hai, năm Tân-Dậu 1861, Tỉnh Quảng-Yên nồi giặc biển. Có tên Trưởng làm mưu chủ cho giặc, tên Tạ-Văn-Phùng làm Minh-Chúa. Bọn tên Ước, tên Độ làm tướng giặc sau hiệp với các thô phỉ tỉnh Hải-Dương, Bắc-Ninh, Sơn-Tây, Thái-Nguyên, Tuyên-Quang, Thanh-Hoá, Nghệ-An, lại thông với giặc Cồ phỉ Tàu. Chúng nó tụ hội ở các phần biển châu Tiên-Yên, phủ Hải-Ninh ăn cướp của dân. Quan binh đánh cũng có khi hơn nhưng giặc ấy càng ngày càng thêm nhiều ».

Vậy ở Bắc-Kỳ đã có một cuộc đại loạn.

Nhưng nào có phải chỉ có thế mà thôi đâu ? Quân xâm lăng là Pháp và đồng-minh là Y-Pha-Nho muốn doạ nạt ta hay muốn mưu một cuộc xâm lăng thực, ngay ở Bắc-Việt ? Sử chép như sau này :

« Tháng năm, năm Tân-Dậu (1861) nước Y-Pha-Nho phái một chiếc tàu tới nhờ quan quân-thú Biên-hoà để tờ thư cầu hoà. Quan quân-thú đem thư dâng lên. Tờ thư nói :

Xin ở xứ Đồ-Sơn lập sở tuần ty tại huyện Nghiêu-

Phong tinh Quảng-Yên trong mươi năm sẽ trả lại. Nếu không cho thời gây việc tới Bắc-Kỳ ».

Ngài không cho, day trả thư lại. Rồi tàu ấy ra cửa Cần-Giờ, chạy đi.

Việc ấy tàu lên, Ngài khiến quan cơ mật lường xét chủ ý của họ thế nào. Cơ mật tàu : « Cứ như tin vừa báo đây hoặc sanh sự ở Hòn Cát-Bà thuộc Tỉnh Quảng-Yên để chia thế quân ta mà cho thiệt lời họ nói trước ». Ngài khiến quan sở tại phải lo phòng bị.

Nói tóm lại về tình hình chung thời ta thấy về đủ các phương diện ta đương ở một tình trạng khó khăn. Biết bao nhiêu việc ! Nào về người hiếm, tiền ít, nội loạn, thiên tai. Nào về đối ngoại bị người ta hăm doạ. Còn Vua Tự-Đức thời rất lo về thời cuộc, đâm ra tin nhiều việc lừa, đâm ra dị đoan, không hoàn toàn tin ở sức mạnh của dân-tộc.

Bây giờ chúng ta xét xem quân Pháp đã đánh ta như thế nào ?

Sử chép như sau này :

« Tháng mười một (năm Tân-Dậu 1861) quân Đại Pháp đánh đuổi đạo quân thứ Biên-Hoà.

Khi ấy, Nguyễn-Bá-Nghi ý chăm về việc hoà nênh không lo phòng giữ. Đến đây, Đại Pháp đem tàu binh đón đường qua Gia-Định, Định-Tường, lại giữ hai cửa Cần-Giờ và Phước-Thắng, bắn luôn mấy ngày, phá chỗ Đá Hàn.

Đạo quân thứ lui giữ phủ Phước-Tuy.

Tàu Pháp nhân khi nước lèn chạy thắng tới thành tỉnh, lấy súng bắn vào.

Quan tỉnh thế không chống nổi cũng lui đóng tại đồn mới Hổ-Nhĩ. Đại Pháp liền chiếm giữ thành, lại đánh phủ Phước-Tuy.

Nguyễn-Bá-Nghi lui đóng ở rừng Long-Kiên, Long-Lập thuộc phủ Phước-Tuy.

Việc ấy tâu lên.

Ngài thiết trách quan quân thứ và quan tỉnh rồi ra ân cho cách lưu và cho lập công chuộc tội.

Ngài lại đòi Nguyễn-tri-Phương và Tôn-thất-Cáp ra sung chức Đồng-nhung quân-thú Biên-hoà.

Nguyễn khi ấy Nguyễn-tri-Phương và Tôn-thất-Cáp đương hầu án Vua Tự-Đức truyền chỉ gọi ra. (Đến năm sau 1862, Tôn-thất-Cáp bị bệnh mất).

Vậy Nguyễn-tri-Phương thay Nguyễn-bá-Nghi ở Quân-thú Biên-hoà vào cuối năm Tân-dậu 1861, sau khi quân Pháp chiếm thành tỉnh.

Vấn đề quân sự đặt ra cho Nguyễn-tri-Phương như thế nào ?

Một mặt phải lo việc chuyển vận khí giới, Sứ có chép như sau này :

« Năm Nhâm-tuất 1862, tháng giêng, Ngài cho Tống-Đốc Nam-Ngãi là Đào-Trí sung chức Kinh-Lược Đại-Thần, đốc việc lương hường, khí giới, phòng bị từ Quảng-nam Bình-thuận ». Vậy ta đã còn sợ quân Pháp đánh miền Nam Trung-việt.

Một mặt nữa, phải lo việc lập quàn nghĩa dũng. Sự thật, thấy nước nhà bị xâm lăng, ở nhiều địa phương đã có những nhân-sĩ tự động mò quàn để giúp triều đình.

Ngay từ năm Canh-thân (1860), tháng ba, từ đất Bắc đã có một đoàn quân Nam-tiến để đánh Pháp. Sứ chép như sau này : « Đốc-học Nam-định là Phạm-văn-Nghị khi trước có xin đem thân biền, binh đồng ứng mộ hơn ba trăm người vào quân thứ Quảng-nam đánh giặc. Bây giờ Văn-Nghị đem quân tới Kinh. Vừa gặp tàu Đại Pháp đi rồi, Ngài truyền cho về hết nhưng ban tiền bạc để khuyên người có lòng ứng mộ giúp nước ».

Quân nghĩa-dũng nồi lên rất nhiều. Hoặc họ đánh những trận địa chiến, hoặc họ đánh du-kích. Dù sao, sứ có ghi cho ta biết mấy việc sau này : « Tháng bảy, năm Tân-dậu (1861), Phó Quản-cơ Gia-định là Trương-Định người huyện Bình-sơn tỉnh Quảng-nghĩa, con quan Lãnh-binh Trương-Cầm mộ binh đồng động lắm thường cự đánh binh Đại Pháp.

« Việc ấy lâu lên, Ngài cho thăng Quản-cơ rồi lại cho lãnh Phó Lãnh-binh »

« Sa-ih biêu trung tiết cho người Gia-định là Cử-nhân Phan-văn-Đạt và hương-thân Lê-cao-Dũng mộ nghĩa dũng đánh giặc, chẳng may đều bị bắt, chẳng chịu khuất mà chết. Việc ấy lâu lên nên Ngài cho sanh biếu. Văn-Đạt được truy thọ hàm Tri-phủ, Cao-Dũng được truy thọ hàm xuất-đội ».

Vậy, vào cuối năm Tân-dậu (1861), ta ở vào một tình-trạng khó khăn. Sang đầu năm sau là năm Nhâm-tuất, ta lại lâm vào một cảnh khó khăn hơn. Ấy là ngay tháng hai, quân Pháp đánh thành tỉnh Vĩnh-long.

Sử chép như sau này :

« Bình Đại Pháp lấy thành Vĩnh-long. Khi ấy tàu Pháp hơn mươi chiếc đến đậu ở phía trên đồn Vĩnh-Tùng. Các đồn, bảo từ Vĩnh-Tùng trở xuống đều thuộc tỉnh Vĩnh-long, đãp để phòng bị. Lính Pháp hơn một nghìn người lên bộ để đãp lũy. Tông-Đốc Trương-văn-Uyễn liền súc Lãnh-binh Tôn-thất-Thoan hết sức giữ đánh, còn Văn-Uyễn cùng Bố-chánh Lê-định-Đức sắp binh để chực ứng tiếp.

« Quân Đại Pháp luôn mấy ngày bắn các đồn lũy, quan quân mình cự đánh không lại lần lần chạy tan. Tàu Pháp chạy thẳng đến thành tỉnh bắn hỏa hổ vào, Văn-Uyễn liệu thế khó giữ, nhân ban đêm đốt dinh-trại kho tàng, rút binh lui ra đồn Vĩnh-trị, qua dinh trú tại huyện Duy-ninh ».

Sử còn chép như sau này : « Việc ấy tâu lên, bọn Văn-Uyễn đều bị cách lưu, nhưng Ngài khiến lựa chô mà đóng quân để toàn lập công ngày sau ».

Trong khi tỉnh Vĩnh-long bị vây đánh thời ở Gò-công ta có quân đội. Sử chép như sau này :

« Ngài khiến Phó Lãnh-binh Gia-định là Trương-Định (trên kia tôi có nói tới Trương-Định) kiêm làm đầu mục

một nghĩa quân. Trương-Định đóng đồn tại Gò công thường lừa đánh Quân Đại Pháp. Thân-sĩ theo nhiều ».

* *

Ta đã thua nhiều trận. Kết luận là ta đã phải nhượng miềng Tiều-Giang cho Pháp và chịu nhiều điều kiện. Cụ Trần-trọng-Kim có chép rõ ràng về hoà ước năm Nhâm-tuất (1862). Tôi không có một chi tiết nào thêm cả. (Trong các người nghị hoà ở Triều-đình có Trương-đăng-Quế).

NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG VÀ NGUYỄN-VĂN-TƯỜNG VỀ VIỆC MẤT THÀNH HÀ-NỘI NĂM 1873

Tháng mười, năm Quý-Dậu (1873), tức là năm thứ hai mươi sáu đời Vua Tự-Đức, trước đây tám mươi năm, quân Pháp đã đánh thành Hà-nội.

Nguyễn-tri-Phương giữ thành không nổi, đã chết theo thành.

Sau đó có cuộc thương thuyết giữa ta và quân địch. Nguyễn-văn-Tường đã thương thuyết như thế nào để lấy lại thành Hà-nội ?

Việc Nguyễn-tri-Phương chết vì nước và việc Nguyễn-văn-Tường thương thuyết ra làm sao, đó là đề tài bài nhỏ này, toàn theo tài liệu của ta cả.

* *

Nguyễn nhân sự quân Tây đánh thành Hà-nội là họ muốn chiếm đóng đồng bằng sông Nhĩ-Hà và sau đó cả miền núi. Ta nhớ là họ đã chiếm đồng bằng sông Cửu-long. Nước Việt-Nam ta gồm có hai đồng bằng phì nhiêu, ấy là đồng bằng sông Cửu-long ở phía Nam, tức là Nam Việt ta bây giờ và đồng bằng sông Nhĩ-hà tức là Bắc-Việt ta bây giờ. Quân Tây đã chiếm được miền Nam, nay họ muốn chiếm miền Bắc. Còn miền Trung ở giữa vốn chỉ là một dãy đất nghèo sẽ phải rơi vào tay họ.

Vậy tháng mùa rì, năm Quý-dậu (1873) quân Tây đánh thành Hà-nội.

Lý do mà quân Tây viện ra là lý do gì ?

Nguyên vào hồi tháng sáu nhuần cũng năm Quý-dậu (1873), theo đúng sử ta thời « tàu Từ-phô-Nghĩa ở Ha-nội đã lâu, quyết ý thông-thương. Vừa gặp quan tỉnh Nghệ là Tôn-thất-Triết được thư Phô-Nghĩa trả lời cho Giám-mục Ngô-gia-Hậu nói rằng hiệp vốn, mở sự buôn từ Bắc-kỳ đến Vân-nam. Tôn-thất-Triết liền dịch thư ấy tâu lên. Ngài khiến sao thư ấy giao cho Nguyễn-tri-Phương và các Tỉnh Bắc-kỳ hết lòng phòng bị. Rồi tàu ấy chạy lên Thương-du tỉnh Hưng-Hoa ».

Tôi vẫn theo đúng nguyên văn sử của ta mà chép theo :

« Tháng bảy, Cơ-mật tâu rằng tàu Từ-phô-Nghĩa từ mùa Đóng năm ngoài chạy tới Hà-Nội bởi bọn khách buôn Bành-Lợi và Quan-tá-Đinh mưu lợi làm vô đức cho nó ».

Vậy tàu Từ-phô-Nghĩa (mà không biêt theo bản nào cũ Trần-trọng-Kim chép là Đà-phô-Nghĩa) tức là tên lái buôn Jean Dupuis đã muốn mở đường thông thương qua Bắc-kỳ đến Vân-nam và nhờ người Tàu đưa đường,

Vấn đề đặt ra cho Khâm-mạng Nguyễn-tri-Phương là tên Từ-phô-Nghĩa có muốn đi buôn thật không ? Buôn gì thời phải khai. Hay là chủ ý đi do thám tình thế nước ta, tìm các địa điểm quân sự dùng người Tàu dẫn đường

để mưu cuộc xâm-lăng Bắc-Việt của chúng ta sau khi quân Pháp đã chiếm cả Nam-kỳ lục tỉnh ?

Nguyễn-tri-Phương ủy cho Bố-chánh Nguyễn-Đường mời Từ-phò-Nghĩa đến công quán hội nghị. Tên này đi khỏi. Chỉ có hai người Tàu tên là Uông-su-Gia và Hà-Sần đến hội nghị mà thôi.

Đọc sử cũ Trần-trọng-Kim ta có thể tin là tên Từ-phò-Nghĩa, Jean Dupuis có đến hội nghị.

Về hội nghị này, sử ta ghi như sau này :

« Võ-Đường nói : đồ quân khí lẽ phải triệt lại. Các ông phải khai các người trong tàu để khám ».

Sự xem xét các vũ khí và sự kiểm điểm người trên tàu của tên Từ-phò-Nghĩa là thuộc quyền của một nước độc-lập. Và lẽ tất nhiên là bỗn phận của các nhân-viên phụ-trách. Chúng ta có gì là khiêu khích đâu, ấy thế mà hai tên Tàu kia không bằng lòng cho khám tàu. Lẽ tất nhiên là họ theo lệnh của Từ-phò-Nghĩa.

Cụ Trần-trọng-Kim có viết rằng :

« Khi hai bên đến hội đồng, quan ta nói rằng sự giao thiệp nước Pháp với nước Nam đã có tờ hòa ước năm Nhâm-Tuất (1862) và sự đem muối và gạo lên bán ở Vịnh-nam là trái với luật bản quốc.

« Đồ-phò-Nghĩa cãi rằng ông ấy có lệnh quan Tàu cho là đủ, không cần phải xin phép gì nữa, rồi đứng dậy ra về ».

Vấn đề đặt ra cho ta là người Pháp, dù là một tên lái buôn, phủ nhận sự độc lập của ta. (Xin xem lại Việt-nam Sử-lược của Trần-trọng-Kim).

Tôi chắc là đã có nhiều cuộc thương thuyết. Dù sao thái độ của người Pháp đã rất rõ ràng : mưu cuộc xâm lăng, để chiếm đồng bằng sông Nhĩ-Hà và miền núi cũng như họ đã chiếm đồng bằng sông Cửu-long. Việc tên lái buôn Từ-phồ-Nghĩa chỉ là một cớ mà thôi, một cớ để gây chuyện, để xâm lăng.

Việc này là một việc lớn.

Việc đưa đến triều đình.

Cũng trong tháng bảy năm Qui-dậu (1873), vua Tự-đức khiến Bình Bộ Tham-tri Phan-đình-Bình sung khâm phái ra Hà-nội hiệp đồng Nguyễn-tri-Phương xử trí việc Từ-phồ-Nghĩa.

Sử ta chép như sau này :

« Tàu Từ-phồ-Nghĩa chở súng ống và gạo, muối lên Vân-nam rồi chạy đến sông Hà-hoà thuộc tỉnh Sơn-tây ».

Quân Pháp hồi đó đã chiếm đóng toàn cõi Nam-Việt, bèn phái viên quan ba An-nghiệp đi tàu tới cửa Đà-nắng rồi chạy ra bên Hà-nội (An-nghiệp tức là Francis Garnier — Cụ Trần-trọng-Kim viết là Ngạc-Nhi).

Nguyễn-tri-Phương chức khâm mạng, Bố-chánh Võ-đường, Lãnh-binh Nguyễn-đăng-Nghiêm ra trú quán đón rước.

Chính Vua Tự-Đức đã khiến quyền tạm dọn nơi trường

thì đê khoán dài An-Nghiệp. (Trường thi tức là địa điểm Thư-viện Trung-tương Hà-nội).

Vậy thời An-Nghiệp đã tới Hà-nội, được đón tiếp long trọng.

Theo thư của người Pháp (Pháp Soái đóng ở Saigon) thời An-Nghiệp chỉ có sáu mươi tên lính, được Vua Tự-Đức cho ra Hà-nội là đê, theo đúng như sử ta chép là đê « bảo tàu Từ-phô-Nghĩa lui tàu ra đê bàn định điều lệ thông thương ».

Triều đình ta vui lòng mở cuộc thông thương với Pháp nhưng nếu Pháp muốn dùng Từ-phô-Nghĩa lấy tàu mà lui tới trên sông Nhĩ-hà trước khi có điều lệ thông thương thời thật là vô lý.

Nay An-Nghiệp ra Hà-nội để bảo Từ-phô-Nghĩa rút tàu ra biển thời là việc « phải » của Chính-phủ Pháp.

Vậy An-Nghiệp ra Hà-nội.

Tên này ra Hà-nội được đón tiếp long trọng. Đáng lẽ y phải bảo tên Từ-phô-Nghĩa cùng tàu trở ra biển. Nhưng các tàu cứ ở lỳ ra ở bến Hà-nội. (Bến Đồn Thủy ở phía Lò lợn).

Sử ta chép như sau này :

« Quan năm nước Pháp đem năm chiếc tàu hỏa (tàu biển chạy bằng máy chứ không bằng buồm) tiến đến Hồ-sơn ».

Công-diệp của người Pháp cho biết rằng : « Một chiếc chạy lên Hà-nội còn bốn chiếc rồi cũng tới đó. »

Vậy người Pháp ngoan cố.

Mượn cớ Từ-phô-Nghĩa để sai An-Nghiệp ra, bề ngoài nói là để đuổi Từ-phô-Nghĩa nhưng sự thực là để chiếm chỗ để có thể mưu cuộc xâm lăng.

Rồi năm tàu máy đến tiếp viện. Họ có bao nhiêu quân ?

Chúng có xâm lăng đã rõ ràng.

Đồng bằng sông Nhĩ-hà sẽ bị mất hay sao ? Sẽ cũng bị mất như đồng bằng sông Cửu-long hay sao ? Nước mất hết hay sao ?

Nguyễn-tri-Phương đã nghĩ như thế nào ? Chiến hay hoà ? Chiến như thế nào ? Hoà trong điều kiện nào ?

Dù sao, quân Pháp đã đánh thành Hà-nội và thành này đã bị hạ.

Và Nguyễn-tri-Phương đã chết theo thành.

* * *

An-Nghiệp muôn mau mở việc huôn. Ý mới dự định hoà ước với quan ta : việc mới dự định thôi mà y đã giao tinh niêm yết hoà ước ấy.

Nguyễn-tri-Phương bèn trả lời. Sứ chép là : « Chưa có triều mạng, không dám thiện hành ».

Vậy An-Nghiệp đã áp bức ta quá và Nguyễn-tri-Phương đã trả lời một cách có lý.

Việc thông thương giữa hai nước là do hai Chính-phủ quyết định, có đâu do một tên quan ba Tây tự ý quyết định !

An-Nghiệp đã cư xử như thế nào ?

Sử ta chép một cách rất sơ sài sự việc xảy ra. Vì đây là một quốc-tang. Có lẽ sử thần động lòng trắc ẩn không muộn nói dài chằng ?

« An-Nghiệp giận, ngày mồng một tháng mười năm Quý-dậu (1873) thình lình đánh tinh thành.

Khâm-mạng Nguyễn-tri-Phương với con là Phò Mã Nguyễn-Lâm (Nguyễn-Lâm ra thăm cha) giữ cửa Đông-nam.

Binh Pháp phá cửa ấy trước. Lâm bị đạn chết, Tri-Phương bị thương, thành liền mất ».

Chúng ta nên chú ý tới chữ « thình lình » : quân Pháp đã đánh bất ngờ, không tuyên chiến. « Lâm ra thăm cha » có lẽ Nguyễn-Lâm muốn ra trợ chiến cho cha.

Còn nhiều chuyện về sau giữa Pháp và ta.

Đoạn sau tôi sẽ nói tới.

Bây giờ tôi tiếp tục nói về Nguyễn-tri-Phương.

Sử ghi như sau này :

« Nguyễn-tri-Phương mất ở nhà trú thự thành Hà-nội. Trước nhân bị thương, ở tại đó. Đến đây không chịu ăn uống ; người Pháp đưa cháo và thuốc, ông đều phun ra cả, rồi mất. »

Tôi không biết là vào ngày nào mà vị anh hùng dân-tộc này đã xa ta, nhưng chỉ trong tháng mười một năm Quý-dậu (1873).

Tháng mười hai, Vua Tự-Đức, theo sử chép rõ ràng « nhớ đến Nguyễn-tri-Phương một nhà tử tiết, truyền quan tỉnh Hà-nội sai dân phu hộ táng quan tài ông và Phò Mã Nguyễn-Lâm về làng an táng và tặng Phò Mã Lâm hàm Bình bộ Thị lang để khuyến người trung-hiếu ».

Năm Ất-hợi (1875), tháng sáu, nghĩa là mươi chín tháng sau khi Nguyễn-tri-Phương đã chết, sau khi thành Hà-nội bị An-Nghiệp đánh bắt thình lình, vua Tự-Đức cho lập nhà thờ ở sinh quán vị anh hùng dân tộc này, tức là ở làng Đường-long phủ Thừa-thiên.

Thuê thuyền ở Huế, đi theo sông Hương ra cửa Thuận-an rồi ngược theo phá lên phía Quảng-trị ta sẽ ghé vào làng Đường-long. Cách đây độ mươi lăm năm tôi đã tới chiêm bái nhà thờ Nguyễn-tri-Phương. Không biết nhà thờ này còn hay không.

Sử thần ở Quốc-sử quán có ghi như sau này :

« Năm Ất-hợi (1875) tức là năm hai mươi tám đời vua Tự-Đức, về tháng sáu, Ngài cho lập nhà thờ Trung-hiếu tại làng Đường-long phủ Thừa-thiên.

Khi ấy Ngài nghĩ tới Nguyễn-tri-Phương, tặng Bình-bộ tả Tham-tri và em là Nguyễn-Duy tặng Bình-bộ tả Tham-tri, con là Nguyễn-Lâm tặng Bình-bộ Tả thị lang, hoặc vì nược bỏ mình, hoặc vì cha tuẫn tiết, trung hiếu tiết nghĩa nhóm về một nhà, họ Bọn đời xưa cũng không hơn được, cho nên đặc mạng lập nhà thờ ở làng, tuế thời khen quan huyện sở tại đến tết ».

(Họ BQN Là Bợn-Khồn đòi Tấn đương đau gắng ra đánh giặc, bị chết. Hai con là Chồn và Hu thấy cha tử trận liền ra đánh đều bị bại cả. Vợ Khồn là Bùi-thị-Võ thấy hai con khóc rắng : cha là trung-thần, con là hiếu tử, còn phàn nán gì ?)

Nguyễn-tri-Phương chết năm bảy mươi bốn tuổi.

Trên đây, tôi kể chuyện Nguyễn-tri-Phương đã chết vì việc giữ thành Hà-Nội năm 1873.

Bây giờ việc sẽ như thế nào ?

Đó là phần thứ hai bài này, nói về Nguyễn-văn-Tường người đã dùng ngoại giao để thu lại thành Hà-Nội.

* *

An-Nghiệp thình linh đánh thành Hà-Nội. Chúng ta đã thua. Việc lẽ tất nhiên là phải tâu ngay lên vua Tự-Đức. Sứ chép như sau này :

« Ngài khiến quan Thương-bạc (một vị quan coi về ngoại giao) làm thư báo cho quan Soái Pháp biết và tự cho Sứ bộ ở Gia-dịnh giảng bàn cho khéo ». Sứ bộ là quan của ta đặt ở miền Nam đã bị mất rồi, chủ quyền không ở trong tay ta nữa. Sứ bộ cũng như là Lãnh-sự và trụ sở đóng ở một chỗ gần Cầu Ông Lãnh. Chữ Cầu Ông Lãnh và Chợ Ông Lãnh ở Saigon nhắc lại cho ta là đất Nam đã bị quân Pháp cai trị trực tiếp và triều đình có Lãnh-sự ở ngay đất nước Việt-Nam !

Giảng bàn cho khéo nghĩa là thế nào ?

Lập trường của ta rất rõ ràng : không có thể bàn việc thông thương giữa hai nước khi mà An-Nghiệp chiếm cứ thành Hà-Nội. Sứ chép rõ như sau này :

« Xin sức An-Nghiệp giao lại thành Hà-Nội mới tiệm định trước ».

An-Nghiệp đóng quân ở Hà-Nội là ý thế quân sự uy hiếp ta : không có thể nói chuyện được !

Thái độ của người Pháp rất rõ ràng : họ muốn chiếm nước ta chứ không phải là chỉ thông thương mà thôi. Chúng cờ là An-Nghiệp đã coi đất Bắc như thế đã bị chiếm. Sứ chép như sau này :

« Vừa gấp báo rằng An-Nghiệp xin đặt quan mới làm việc tỉnh Hà-Nội để tiệm bàn việc thông thương.

Ngài giao đình thần lựa người giỏi đặt làm quan tỉnh để coi việc. Còn quan tỉnh Hà-Nội cũ và quan Khâm-mạng, Khâm-phái, không kề người còn kẻ mất, đều phải cách chức tra cứu. Lại khiến Trần-đình-Túc. Truong-gia Hội cùng Giám-mục Bình, Linh-mục Đặng qua tỉnh ấy hội nghị ».

Chúng ta đã hao quân tổn tướng về sự gian trá của Pháp, ấy thế mà bây giờ ta lại phải chịu điều kiện của tên An-Nghiệp là phải thay các người đã chống lại Pháp.

Bằng những ai ? Có phải bằng những người do Pháp đề nghị hay không ?

Giám-mục Bình và Linh-mục Đặng là ai ? Là hai người tên là Bohier và Dangelzer, có lẽ do Chính-phủ đề cử.

Vậy Vua Tự-Đức và triều đình đã phải chịu nhục.

Ấy nhưng mà cũng không xong !

Quân Pháp ý thế mạnh làm càn. Sử chép như sau này :

« Nhưng binh Pháp đã đặt quan trị Tỉnh Hà-Nội và làm lời hịch báo các tỉnh có ba khoản :

1.— Triệt lính giữ cửa ải bên Tàu.

2.— Nhồ cù dưới sông.

3.— Yết điều thông thương.

Rồi lại toan mưu tới lấy các tỉnh :

Ngày mười lăm đánh lấy tỉnh Hải-dương.

Ngày mươi sáu đánh lấy tỉnh Ninh-bình.

Ngày hai mươi một hăm tỉnh Nam-định,

Bốn tỉnh nối nhan thất thủ ».

Cũng trong tháng mười, năm Quý-dậu (1871), Cụ Trần-trọng-Kim có chép như sau này :

« Thành Hà-Nội thất thủ rồi, quan ta thì trốn tránh đi cả, giặc cướp lại nhân dịp nỗi lên. Đại-ý Francis Garnier lại cho những người theo với mình đi làm quan các nơi để chống với quan triều rồi lại sai người đi đánh lấy Tỉnh Ninh-bình, Nam-định và Hải-dương.

Quan ta ở các tỉnh đều ngờ ngác không biết ra thế nào, hê thấy người Tây đến là bỏ chạy. Bởi vậy chỉ có người Pháp tên là Hautefeuille và bảy người lính Tây

mà hạ được thành Ninh-bình và chỉ trong hai mươi ngày mà bốn tỉnh ở Trung-châu mất cả ».

Cụ Trần-trọng-Kim đã tham bác rất nhiều sách ; có hai quyền bằng chữ Pháp *L'Empire d'Annam* của Charles Gosselin và *Le Tonkin de 1872 và 1886* của chính Jean Dupuis. Cụ có viết là : « Ta cũng nhờ có sách ấy mà kê cứu ra được nhiều việc rất là thường tận ».

Cụ là một sử gia, lẽ tất nhiên là phải xét sử liệu của ta và của Tày nhưng hai quyền sách nói trên là do thực dân viết ra, có đầu giá trị bằng những tài-liệu rõ ràng, rất kín đáo của Quốc Sử quán. Vả lại cụ viết trong thời Pháp thuộc mà kiềm duyệt rất khắc nghiệt với những tư tưởng quốc-gia và dân-tộc, dù là căn cứ vào tài-liệu xác đáng của ta. Vậy tôi xin mạn hương hồn cụ mà ghi sau đây mấy nhận xét của tôi.

1.— Người Pháp muốn xâm lăng đất Bắc, dùng tên lái buôn Jean Dupuis làm cớ, rồi sai tên Francis Garnier ra để lừa dối ta, mở một cuộc chiến tranh chớp nhoáng, định thôn tính đồng bằng sông Nhĩ-hà một cách dễ dàng. Trong giai đoạn đầu họ đã đạt được nhiều kết quả.

2.— Nhưng bảo rằng : « Quan ta ở các tỉnh đều ngờ ngác không biết ra thế nào, hê thấy người Tày đến là bỏ chạy » thời thực là nói quá. Lực-lượng của ta hồi đó có nhiều. Và hai người, trong số nhiều người trung-trinh báo quốc, là Hoàng-tá-Viêm chức Tiết-chế Bắc-kỳ Quân-vụ và Tôn-thất-Thuyết, hai người này không phải có óc đầu hàng và không phải là nhà văn nhút-nhát, vốn là võ-tướng kia mà.

3.— Vậy theo thiền kiến của tôi thời sau khi thành Hà-Nội mất, Hoàng-tá-Viêm và Tôn-thất-Thuyết đã có một chiến-thuật, ấy là cho quân Pháp xâm lăng, ta rút lui để bảo toàn lực-lượng. Rồi cho họ vào như vào chỗ không người. Số lượng họ ít. Ta sẽ đánh du-kích. Ta ở thế thủ bất lợi, ta sẽ ở thế công !

'Lịch sử cho ta biết là Trần-quốc-Tuấn đã thắng quân Nhà Nguyên theo chiến-thuật này. Chiến-thuật này cũng đã đem ra áp dụng nhiều lần về sau nữa. Và đã đem tới nhiều kết quả tốt đẹp.

4.— An-Nghiệp đã caye có súng ống hơn ta, đã lừa dối ta mà hạ thành Hà-Nội và chiếm luôn Hải-dương, Ninh-bình, Nam-định. Y sẽ bị thất bại về quân sự, vì lối chiến-thuật du-kích là lối chiến-tranh cổ truyền của ta.

Về việc An-Nghiệp chết như thế nào, ta không có tài-liệu rõ ràng. Dù sao ta biết y bị chết ở ngoài Ô Cầu-giấy, cách thành Hà-Nội mấy cây số.

Sử ghi sơ sài như sau này :

« Đạo quân thứ đồn Hương-ngạnh lén đánh giết An-Nghiệp ở Ngoại La thành ».

Đây là một trận đánh du-kích, có Lưu-vĩnh-Phúc dự hay không ?

Từ Hà-Nội ra, đi về phía phủ Hoài-đức ta phải qua một cái cầu. Hồi đó tất nhiên phải là một cái cầu gỗ của ta. Quân Pháp có thể đã làm một cái cầu phao hay cầu sắt.

An-Nghiệp bị dù ra khỏi cầu. Tôi quá địa điểm phủ Hoài-đức y bị phục kích.

Có một vị đã kề cho tôi biết y bị bắt như thế nào : y mắc vào câu liêm. Hiện giờ còn có mộ ở chỗ y bị giết. Mộ thực hay giả ?

Hoàng-tá-Viêm lúc bấy giờ đóng quân ở Sơn-Tây. Và lẽ tất nhiên là đã điều binh khiền tướng.

Vậy thời đúng về phương diện quân-sự mà nói thời tên Tổng Chỉ-huy Quân-đội Pháp đã bị bắt tại trận và bị giết.

Nguyễn-tri-Phương đã được trả thù.

Quân-đội ta có thể mở ngay cuộc tông phản công.

Nhưng quân-sự là một việc, ngoại giao là một việc khác.

Vua Tự-Đức không muốn đánh. Vì lý do gì ?

Bây giờ chúng ta xét về ngoại giao của ta với Tây.

* * *

Cuộc ngoại giao này đã có trước khi An-Nghiệp bị giết. Vì ta muốn hoà.

Sử chép như sau này :

« Tháng mười, cũng vẫn năm Quý-dậu (1873), Ngài phát giao sắc ấn cho sứ thần Lê-Toán (cụ Trần-trọng-Kim chép là Lê-Tuấn) làm toàn quyền Đại-thần, Nguyễn-văn-Tường làm Phó, sắc ấn phát đến Gia Định. Quan Pháp Soái nghe

tin liền tới mừng. Sứ thần thương rằng : điều ước mới nay có thể định được nhưng xin xử trí việc ngoài Bắc cho mau xong, sẽ định điều ước.

Quan Soái liền chạy giấy sức An-Nghiệp lui quân để quân ta vào thành làm việc.

Lại thương nhờ Nguyễn-văn-Tường dẫn quan Thống-sát Hoắc-đạo-Sanh (tức là Philastre) đi tàu hỏa đến cửa Đà-Nẵng.

Khi đến Kinh, Ngài khiến Nguyễn-văn-Tường sung Khâm-Sai Đại-thần hiệp đồng Hoắc-đạo-Sanh hẹn đến ngày mồng một, tháng sáu, lại tới Đà-nẵng đi tàu ra Hà-Nội thương thuyết. Nhưng khiến làm thư báo cho Quan Soái biết và làm thư giao cho Quan Thống-sát cứ đó mà làm ».

Vậy dù thành Hà-Nội đã bị mất vì sự gian giảo của Pháp, dù Nguyễn-tri-Phương đã bị chết, Vua Tự-Đức đã cố ý chủ hoà. Và sử chép là :

« Tháng mười một, Quan Tông-đốc mới Hà-ninh là Trần-dinh-Túc tuân lời chỉ chuẩn trước đương bệnh gǎng đi, cùng quan Tuần-phủ mới là Nguyễn-trọng-Hiệp đến thành Hà-Nội. Quan Án-sát mới là Trương-gia-Hội, Lãnh-binhh Hoàng-đồn-Điền và Giám-mục Bình, Linh-mục Đăng cũng đều tới một lần ».

An-Nghiệp bèn rước vào thành để thương thuyết.

Trong khi hai bên đang thương thuyết y ra tảo thanh ở Ô Cầu-giấy và bị giết, như trên tôi đã nói.

Trong khi Trần-dinh-Túc thương thuyết với An-Nghiệp thời Nguyễn-tri-Phương đương ngoắc-ngoài. Và quân-đội ta ở ngoài, dưới sự Lãnh-đạo tối cao của Hoàng-tá-Viêm và Tôn-thất-Thuyết, sửa soạn đánh An-Nghiệp lẽ tất nhiên cũng phải phòng bị. Nhưng y đi ra ngoài tảo thanh, bị du-kích quân bắt, giết. Trong khi đó thì tàu chở Nguyễn-văn-Tường và Hoắc-đạo-Sanh (Philastre) chưa cập bến Hải-phòng. Mục đích đê hoà.

Những việc này dồn dập xảy ra trong tháng mười một năm Qui-dậu (1873).

Ta thấy tình hình tháng ấy khó như thế nào ?

Một bên thời các võ tướng chủ chiến và đã thắng vì đã giết được An-Nghiệp.

Một bên thời các văn quan (là Trần-dinh-Túc và Nguyễn-văn-Tường) phải chủ hoà, theo mạng của Vua Tự-Đức.

Hai bên, võ, văn có liên lạc với nhau không ?

Bên võ đánh có thể thắng không ?

Bên văn hoà có lợi không ?

Hai câu hỏi này, tôi không thể trả lời được, vì thiếu tài-liệu.

Dù sao, tra cứu theo Bộ Thất lục ta có thể có thêm ít nhiều tài-liệu xác đáng.

Sử cho ta biết mấy chi tiết sau này :

« Lúc ấy An-Nghiệp đã chết, kẻ bộ thuộc cử quan hai coi việc tơi thương với Trần-dinh-Túc rằng : xin đợi

việc khai thương nghị định rồi liền đem các tỉnh giao lại ».

Tại sao người Pháp lại tử tế như thế ?

Theo ý tôi là họ đã bị đánh. An-Nghiệp đã bị giết : họ sợ !

Thái độ của ta như thế nào ?

Sử chép như sau này :

« Trần-dinh-Túc nghĩ người ta đã thối đánh, ta đã triệt quân về quân thứ giữ hờ cõi, để nghị hoà ước cho tiễn. »

Đó là ý kiến của Trần-dinh-Túc, quan văn. Nhưng Hoàng-tá-Viêm và Tòn-thất-Thuyết nghĩ như thế nào ? Phải có một sự liên lạc.

Sử ta cho biết một tài-liệu rất quý, ấy là mấy câu sau này :

« Trần-dinh-Túc ủy Nguyễn-trọng-Hiệp, Trương-gia-Hội đến quân thứ diện thương với bọn Hoàng-tá-Viêm, Tòn-thất-Thuyết. Viêm và Thuyết đều thuận nghe, đóng quân không đánh nữa ».

Vậy ta đã « không đánh nữa » ! Đã đánh rồi và đã giết được An-Nghiệp rồi. Ta có thể tổng phản công và tiêu diệt quân xâm lăng. Sở dĩ Hoàng-tá-Viêm và Tòn-thất-Thuyết đóng quân không đánh nữa là vì Trần-dinh-Túc. Dùng ngoại giao để lấy lại các tỉnh thành còn hơn là dùng quân sự. Vả lại, quân Pháp hứa là sẽ giao lại các tỉnh kia mà : đánh họ làm gì nữa ? Vô ích.

Viên-Soái Pháp ở Saigon (Dupré) sau khi nghe tin An-Nghiệp chết bèn sai viên quan ba E-Mê (Aymé) đi tàu hỏa ra Hà-nội để thay An-Nghiệp.

Trần-đình-Túc hội thương với E-Mê ở Hà-nội.

Vua Tự-Đức cho Trần-đình-Túc nhưng lânh Tông-đốc Hà-ninh mà sung chức *Khâm-sai, phỏng định thương ước, toàn quyền Đại-thần*; Nguyễn-thông-Hiệp nhưng lânh Tuần-phủ, hội đồng với *Khâm-sai Đại-thần* Nguyễn-văn-Tường nghị định thương ước.

Bây giờ tài ngoại giao của Nguyễn-văn-Tường mới tỏ ra trong việc tiếp thu các lĩnh mà quân Pháp đã chiếm.

Nguyên là người Pháp ngoan cố lắm : Viên Soái Pháp Dupré có cho ta biết là việc An-Nghiệp đánh Bắc-Kỳ là tự ý của An-Nghiệp chứ Chính-phủ Pháp không chịu trách nhiệm.

Nghĩa là thế nào ?

Nếu họ có đủ lực lượng để chiếm cứ các thành thời lẽ tất nhiên là họ không giao lại cho ta. Chẳng qua vì lực lượng họ không đủ, vì Hoàng-tá-Viêm và Tôn-thất-Thuyết có thể tiêu diệt được họ. Sự thương thuyết của Trần-đình-Túc ở Hà-nội với E-Mê có thể đưa tới sự hoà hay sự chiến. Chắc là hoà nhưng phải có sự bố tri quân sự như thế nào của ta thời quân Pháp mới hoà chứ. Dù sao, Nguyễn-văn-Tường và Hoắc-Đạo-Sanh đương lệnh đênh trên mặt biển trong khi ở Hà-nội, hội thương thuyết chưa quyết định ra sao cả. Chiến hay hoà ? Dù sao bộ đội hai bên đều đã bố trí cả.

Ngày mồng ba, tháng mười một ta, Nguyễn-văn-Tường từ Đà-nắng ra, đi đến ngày mồng năm tới Cửa Cấm (Hải-phòng)

Cụ Trần-trọng-Kim đã chép rõ việc này.

Dù sao tôi cũng theo nguyên văn sử ta mà chép lại, gọi là thêm một tài-liệu. Sử chép như sau này :

« Kham sai Nguyễn-văn-Tường đi tàu với quan Thống-sát Hoắc-đạo-Sanh đến Cửa Cấm.

Vừa lúc ấy quan Pháp ở Hà-nội đem thư báo rằng quân ta đánh thành. An-Nghiệp với quan một, quan hai ta đánh đều bị chết.

Vậy quân đội ta đã giết tên Tống Chi-Huy Quản-đội Pháp là An-Nghiệp ở gần Hà-nội, thuộc phủ Hoài-đức.

Việc này là việc to.

Quân Pháp đã bị nhử (dụ) ra ngoài thành và đã bị phục-kích quân giết chết, chính tên An-Nghiệp đã bị giết.

Đúng về phương diện quân sự ta đã có một chiến công quan-trọng.

Vậy ngoại giao sẽ như thế nào ?

Nguyễn-văn-Tường sẽ xử trí như thế nào ?

Sử chép như sau này :

« Hoắc-đạo-Sanh (Philastre) và các quan dưới tàu đều dập tay tức giận, bảo Văn-Tường rằng : Việc chắc không xong phải phi báo quan Pháp Soái (không nên ở lâu).

Theo ý tôi, đây là một sự doạ nạt của Pháp.

Sử lại chép tiếp :

« Văn-Tường thấy đương giận lầm, e hư việc lớn, mới thong thả nói : Việc lấy Hà-nội, Quý Soái có nói không phải bồn ý. Còn như sức bình của cả bốn tỉnh cũng mạnh mà nước tôi cũng không đem ra tranh hoành, thực là hai bên đều không trái ý nhau. Đến như việc An-Nghiệp chết, hoặc' tại kẻ trộm cướp nơi khác đến hoặc' tại dân bồn xứ khích giận, việc chưa rõ ràng. Huống chi trả thành đề mưu định ước là lệnh của Quý Soái. Nhận thành rồi mới nghị hoà là mạng vua nước tôi. Chúng ta chỉ nên vâng mạng lệnh ấy.

Còn như việc Hà-nội giết An-Nghiệp cũng như An-Nghiệp giết Nguyễn-trí-Phương đều là việc tình hình, không phải chúng ta làm ra, nay chưa từng tới nơi biết việc thế nào, mà chỉ truyền nghe báo không, không những Quý Soái ở xa khó tính trước mà chúng ta đi chuyến này thiệt là phụ chức trách lầm ».

Hoắc-đạo-Sanh đã xử trí như thế nào ?

Y có trả về Saigon không ?

Theo đúng sử ta chép y theo lời đề nghị của Nguyễn-văn-Tường. Nguyễn-văn-Tường đề nghị như sau này :

« Chi bằng phi thư ra Hà-nội đem tàu hỏa nhỏ rước chúng ta tới nơi, như nén theo mạng lệnh trước, hội đồng mà làm thời càng hay hoặc' nén hỏi rõ cớ An-Nghiệp vì sao mà chết, rồi sẽ báo, vậy chẳng ồn tiễn lầm sao ? »

Hoắc-đạo-Sanh nghe theo, liền chạy giấy cho Hà-nội biết.

Vừa gặp tàu Décrès (sử ta phiên âm là Đè-Ta-Gi) về, hiện đại ở Đà-Sơn, Hoắc-đạo-Sanh muốn qua đi tàu ấy mà cho chiếc tàu đưa mình ra là tàu D'Estrées (sử ta phiên âm là Dát-Tò-Gi) về Gia-định báo.

Nguyễn-văn-Tường thấy chuyện lôi thôi, có thể hại cho ta, bèn đề nghị thêm, như sau này :

« Tàu qui quốc đã tới lại lui ra, e sĩ dân nghe tin át bắt chước làm như Hà-nội, ai cấm ngăn được, sợ khi sau tồn hại còn lăm, lấy gì thưa lại với Quý Soái ? Nay nên khiến tàu Đè-Ta-Gi ra cửa đón triệt giặc biển, còn chiếc tàu Dát-Tò-Gi nên cứ chạy luôn tới Hải-phòng, trước giao lại thành Hải-Dương, hiều thị sĩ dân đề rõ tình tin thiệt, rồi qua Hà-nội, giao lại hết các tỉnh thành và hỏi việc An-nghiệp, xong việc sẽ chạy giấy báo cáo cả một lần, mới là trọn vẹn ».

Hoắc-đạo-Sanh nghe theo.

Y cho tàu chạy ra Hải-phòng đánh dẹp giặc biển là những quân Tàu ăn cướp. Rồi y giao lại bốn tỉnh cho quan ta cai trị. Quân Pháp ra khỏi thành Hà-nội, lui về Hải-phòng. Đoàn tàu Từ-phô-Nghĩa cũng lui về Hải-phòng.

Hoắc-đạo-Sanh định ngày về Gia-định vì Pháp Soái kỳ về Tây gấp quá y không được ở Bắc lâu ngày : Về Gia-định sẽ bàn lâu về thương ước giữa hai nước.

Tháng mười hai, Pháp Soái định qua đầu năm về Tây, y bèn phái Lê-Na (Rheinart) ra Hà-nội thay Hoắc-

đạo-Sanh. Và y giục Nguyễn-văn-Tường cùng đi với Hoắc-đạo-Sanh về Gia-định để thảo luận về thương ước.

Vua Tự-Đức dù sứ thần Lê-Toán, Nguyễn-tăng-Doãn phải chờ Nguyễn-văn-Tường vì Nguyễn-văn-Tường bị đau.

« Ngày hai mươi bảy, tháng giêng, năm Giáp-Tuất (1874), là năm Tự-Đức thứ hai mươi bảy, hải-quân Thiếu-tướng Dupré và ông Lê-Toán, ông Nguyễn-văn-Tường ký tờ hòa ước cả thảy hai mươi hai khoản ».

Hoà ước này như thế nào ?

Tôi không bình luận gì cả và tôi bày giờ kết luận về đề tài mà tôi đã nêu ra.

Việc thành Hà-nội, năm 1873, Nguyễn-tri-Phương và Nguyễn-văn-Tường đã xử trí như thế nào ?

* *

1.— Nguyễn-tri-Phương đã có thiện chí đối với người Pháp, đối với tên lái buôn Từ-phô-Nghĩa và ngay cả đến tên quan ba An-Nghiệp. Nhưng hai tên này đã ngoan cố. Từ-phô-Nghĩa tự tiện đem tàu chở muối và súng đạn sang Vàn-nam, dùng bọn Tàu làm hướng đạo, phủ nhận sự độc lập của nước ta. Rồi tên An-Nghiệp trái với sự hứa của y là phải đuổi Từ-phô-Nghĩa đã « thinh linh » đánh thành Hà-nội. Rồi lại cho quân đi đánh lấy thành Ninh-bình, Nam-định và Hải-dương.

Ba thành này đều mất trong vòng hai mươi ngày.

Nguyễn-tri-Phương đã chết sau khi thành Hà-nội thất thủ.

Nhưng tại sao ba thành kia lại mất một cách nhanh chóng và dễ dàng như thế ?

Có phải vì ta không đủ quân lực để chống giữ không ?

Theo ý tôi thời ta đã để thành không cho quân Tây vào. Họ vào. Nhưng quân ta bố trí ở ngoài. Ta đã rút lui để bảo toàn lực lượng và để đánh du-kích : giữ thế thủ là hại, trai lại, ra ngoài ta có thể khỏi thế công.

Chứng cớ là ta đã nhử tên An-Nghiệp ra ngoài thành và ta đã giết nó.

Quân Pháp biết là họ đã quá khinh ta. Hoàng-tá-Viêm và Tôn-thất-Thuyết đã cho họ biết là họ sẽ bại.

Vì vậy mà có việc Hoắc-đạo-Sanh ra Hà-nội, do Soái phủ Pháp ở Saigon cử ra, cùng với Nguyễn-văn-Tường là Khâm-mạng của Vua Tự-Đức.

2.— Nguyễn-văn-Tường đã xử tri như thế nào ?

Trần-đình-Túc chắc đã phải liên-lạc với Nguyễn-văn-Tường. Còn tình hình quân sự như thế nào, chắc Hoàng-tá-Viêm và Tôn-thất-Thuyết đã cho Nguyễn-văn-Tường biết : chúng ta đã có thể tiêu diệt quân Pháp về quân lực. Nhưng sự chỉ-huy tối cao là do Vua Tự-Đức quyết định. Hoà thì hơn và hoà là người Pháp phải trả lại cho ta tất cả các thành mà họ đã chiếm. Vậy Nguyễn-văn-Tường chỉ việc ra tiếp thu các thành đó mà thôi.

Tên Hoắc-đạo-Sanh đã cố ý doạ nạt Nguyễn-văn-Tường. Nhưng dù hậu thuẫn quân sự mạnh, Nguyễn-văn-Tường cũng đã là một nhà ngoại giao khôn khéo khiến cho sự

chiến hoá thành sự hoà này ta có thể coi như là sự thắng.

Nguyễn-tri-Phương và Nguyễn-văn-Tường đã là hai người mà lịch sử ghi tên. Một người là võ, chết vì nước. Một người là văn, khôn khéo, đẽ gỡ.

Dù sao, Hoàng-tá-Viêm và Tôn-thất-Thuyết đã ở sau Nguyễn-văn-Tường và chúng ta đã phải hùng hậu thời người Pháp mới chịu lui.

NGHĨA CẦN VƯƠNG

LỜI NÓI ĐẦU

Nghĩa Cần Vương là cuộc toàn dân kháng chiến, dưới chính nghĩa vua Hàm-nghi. Lẽ tất nhiên là đã có nhiều người không theo chính nghĩa đó. Họ có một chính nghĩa khác: ấy là không chống Pháp mà phải hòa với Pháp. Hòa nghĩa là thế nào?

Tôi theo chính sử có một số tài liệu, vụn vặt, lẻ tẻ... xin trình bày ra đây.

Nghĩa Cần Vương là một nghĩa lớn. Chính sử, in trong thời đó hộ Pháp đã rất dè dặt... cũng đã có nhiều đoạn xuyên tạc... nhưng cũng có nhiều đoạn rất tề nhị... ai hiểu thời hiểu.

Bài nhỏ này mà tôi đưa trình đọc giả có hai mục đích :

1.— Một là : trình bày một cách tổng quát Nghĩa Cần Vương, theo địa lý và sử ký của Chính sử.

2.— Hai là : nhờ các vị đọc giả có tài liệu theo Dã Sử cho biết, trên bất cứ một tờ báo nào, một vài chi tiết.

Dã sử có khi rất ích cho nhà khảo cứu.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

Nhà Nguyễn trung hưng và giấy nghiệp từ khi vua Gia-Long lên ngôi (1802) và các vua truyền nhau trị nước, cho đến khi nước mất.

Đứng về phương diện lịch sử, ta có thể nhận thấy ba giai đoạn sau này :

Đoạn đầu là đời vua Gia-Long (1802-1820). Minh-Mạng (1240-1807) và Thiệu-Trị (1840-1847).

Trong đoạn này, dài bốn mươi lăm năm, nước ta độc lập và thống nhất. Chế độ như thế nào ? Tôi không nói tới.

Đoạn thứ hai từ đời vua Tự-Đức (1847-1883) đến khi vua Đồng-Khánh lên ngôi (1885) : đây là giai đoạn chiến tranh của ta đối với người Pháp sang xâm lăng, để lập cuộc « Bảo hộ ». Theo một chế độ chính trị mà ta đã biết.

Chính năm Ất-vi (1847) là năm thứ bảy triều vua Thiệu-Trị, tháng ba, tàu Pháp đã lần đầu đánh phá Cửa Hàn (Tourane). Năm Bính-thìn (1856) tháng tám, tức là năm thứ chín triều vua Tự-Đức tàu Pháp lại đánh Cửa Hàn, rồi sau vào đánh Nam-Kỳ.

Khi vua Tự-Đức băng hà, cả Nam-kỳ lục tỉnh đã phải nhường cho người Pháp, thành Hà-nội đã hai lần bị hạ và các khâm sứ, lãnh sự Pháp đã đặt ở mọi nơi, để chỉ huy nội trị !

Tuy vậy các vị như Nguyễn-văn-Tường, Tôn-thất-Thuyết và Hoàng-tá-Viêm lo sự chống cự. Tôi nhớ tới Hoàng-hoa-Thám nhưng sử chính ghi rất ít chi tiết. Còn nhiều vi nữa mà nôm na ta nhớ là Đốc Tit, Đề Kiều.

Dù sao, sự kháng chiến này đã thất bại. Vua Hàm-Nghi đã ra ở chiến khu. Ngài bị bắt và bị Tây đem đi đày.

Đoạn thứ ba khởi đầu từ đời vua Đồng-Khánh (1885). Đây là lịch sử sự « Bảo hộ » xếp đặt theo một phương pháp mà ta đã biết, do người Pháp điều khiển, thành triều đình Huế đối với quốc dân không còn trách nhiệm nữa, hay có còn cung ít mà thôi. Sau này nhà lịch sử, khảo cứu về đoạn này sẽ xét cách bảo hộ của người Pháp hơn là cách cai trị của vua, quan ta ở Huế.

Tôi nhận thấy rằng lịch sử đời vua Đồng-Khánh từ năm 1885 đến năm 1888 nên khảo cứu vì đã kết liễu (tạm thời mà thôi) sự kháng cự của ta và lại mở đầu cho sự bảo hộ triệt để của người Pháp ở cả ba kỳ.

Đời vua Đồng-Khánh có liên lạc tới đời vua Hàm-Nghi. Đời vua Hàm-Nghi là Nghĩa Cầm Vương. Ta còn gọi là nghĩa Văn Thành, tức là sự kháng cự của các nho sĩ, không chịu để nước mất. Lẽ tất nhiên là đã phải có sự hưởng ứng của một số dân.

Tôi chép ra đây mấy sử liệu về Nghĩa Cầm Vương, tuy cụ Trần-trọng-Kim đã cho ta biết nhiều chi tiết.

Bộ Quốc triều chánh biên cho ta biết nhiều chuyện, nhưng chép theo lối biên niên. Tôi sẽ sao lại những chuyện ấy ra đây. Nhưng tôi sẽ xếp đặt theo các vấn đề để đọc giả dễ hiểu.

Vua Đồng Khánh là con trưởng đức Hoàng thúc Phu, Thuần-Nghị Kiên thái Vương. Sinh mẫu là Bùi thị, sinh Ngài năm Giáp-tí (1864). Năm Ngài mới lên hai tuổi, vua Tự-Đức truyền bà Thiên-Phi họ Nguyễn nuôi Ngài ở trong cung làm Hoàng tử thứ hai. Năm mươi lăm tuổi, Ngài ra đọc sách ở Chánh mông đường và năm mươi chín tuổi, Ngài được phong tước Kiến Giang Quận Công. Đây là vào tháng giêng năm Qui vị (1883) nghĩa là sáu tháng trước khi vua Tự-Đức băng hà.

Sử ta ghi gọn ghẽ như sau này :

« Tháng năm, ngày hai mươi ba, năm Ất-dậu (1885), kinh thành hữu sự Tôn-thất-Thuyết thấy thất bại bèn rước vua Hàm-Nghi và Tam cung ra Quảng Trị ».

Kinh thành hữu sự, nghĩa là thế nào ?

Nghĩa là ta đã phải đánh Tây. Ông Ích-Kiêm đã tổ chức từ lâu và Tôn-thất-Thuyết, Nguyễn-văn-Tường và lẽ tất nhiên là Hoàng tá Viên đã biết việc.

Vua Tự-Đức đã xét Tôn-thất-Thuyết như thế nào ?

Có một sử liệu rất quý, tôi dẫn ra đây :

« Năm Tân-tị thứ ba mươi tư (đời vua Tự-Đức) (1881), tháng ba, nguyên Hiệp đốc Tôn-thất-Thuyết từ Thanh-hoa về, xin vào chiêm bái.

Ngài nghĩ Thuyết còn thắc cờ tránh việc, chưa chịu biết lỗi, không cho vào chầu.

Thuyết sợ, liền tâu xin chịu tội.

Ngài ban rằng : « Tánh mày kiêu căng mà lượng mày hẹp nhỏ nên cõi công học vẫn hàm dưỡng mới thành người khá được. » Tôn-thất-Thuyết sau này như thế nào ?

Nguyễn Tôn-thất-Thuyết, vì một lý do gì mà tôi không biết, năm Tự Đức thứ ba mươi hai, tức là năm Kỷ Mão (1879), xin về Thanh hóa dưỡng bệnh. Dù sao hai năm sau mới bị quở.

Lời quở của vua Tự Đức có đúng không ?

Còn đúng năm Nhâm Ngọ (1882), tháng ba, vua Tự Đức đòi Ông-Ích-kiêm đến kinh. Sử cho biết chi tiết sau này : « Khi ấy Ông-Ích-Kiêm đang cáo bệnh ở nhà, Ngài đòi đến Kinh, khôi phục hàm Hường lô tự khanh làm Tá lý bộ hộ. »

Khi mà vua Tự-Đức đòi Ông-Ích-Kiêm về kinh, dù ốm đến đâu mặc lòng cũng phải về, thời Hoàng-tá-Viêm ở gần Hà-nội, thống đốc quân đội và dân sở đánh Tây. Người Tây đã trả thành Hà-nội, đứng về phương diện ngoại giao mà thôi. Còn quân đội họ vẫn còn đóng ở trong thành. Vì vậy Hoàng-tá-Viêm muốn đánh.

Nhưng vua Tự-Đức không cho.

Dù sao ngày hai mươi ba, tháng 5 năm Ất dậu (1885) kinh thành hữu sự. »

Nghĩa là ta đã đánh Tây. Người tổ chức là Ông-Ích-kiêm, người chỉ huy tối cao là Tôn-thất-Thuyết và người vẫn tán thành là Nguyễn-văn-Tường.

Tôn-thất-Thuyết đã phải đánh Tây. Đã bị thất bại, đã rước vua Hàm-Nghi và tam cung ra Quảng-trị.

Tam cung là đức Tử-dữ Thái hoàng thái Hậu, đức Thuần-Hiếu Hoàng thái hậu và bà Ngọc-Phi.

Vua Hàm-Nghi là con thứ năm đức Hoàng thúc phụ, Thuần-Nghị kiên thái vương, sinh mẫu là bà Phạm thị, sinh ngài năm Tân Tỵ (1871). Vậy ngài là em vua Đồng-Khánh, cùng cha khác mẹ và kém vua Đồng-Khánh bảy tuổi.

Bây giờ tôi chép một cách rất sơ sài các sử liệu, bỏ hết những chi tiết mà tôi đã biết theo các bài của người Pháp. Sử liệu sơ sài nhưng cũng tạm đủ để ta rõ việc và suy luận.

Tháng sáu, ngày ba, Tam cung từ Quảng-trị ngự về kinh. Còn Tôn-thất-Thuyết thời phò vua Hàm-Nghi ở Sơn-phòng Quảng-trị, đề khởi nghĩa Càn Vương.

Về kinh, Tam cung xuống du, chỉ nhờ quân Pháp đóng giữ các tỉnh, phía Nam từ Quảng-nam đến Bình-thuận, phía Bắc từ tỉnh Quảng-trị đến Thanh-hóa. (Vậy chỉ trừ có tỉnh Thừa-thiên là không có quân Pháp đóng.)

Rồi Kiến-Giang quận công được rước lên làm vua tức là vua Đồng-Khánh lên ngôi ở điện Thái hòa ngày Đinh-sửu, tháng tám năm Ất dậu (1885).

Tình thế nước ta khi vua Đồng-Khánh lên ngôi như thế nào ?

Một là quân Pháp chiếm cứ khắp các tỉnh. Viên khâm sứ Pháp ở Huế, Đô thống Cô-ra-Xy (De Courcy) giữ quyền chính. Trước khi vua Đồng-Khánh lên ngôi Cô-ra-Xy đã

bắt Nguyễn - văn - Tường, Phạm-thân-Duật và Lê-Dinh để cho xuống tàu trở ra biệt lưu. Giữa đường Phạm thân Duật bị bệnh mất thây bị ném xuống biển. Lê-Dinh là thân phụ Tôn thất Thuyết : sở dĩ gọi là Lê-Dinh vì bị gạch tên trong họ Tôn thất là họ vua và phải theo họ mẹ. Vì con là Tôn-thất-Thuyết đã đánh Tây ! Đây là một sự quyết định của vua Đồng-Khánh !

Hai là vua Hàm-Nghi và Tôn-thất-Thuyết khởi nghĩa Càn Vương. Có thân hào ở nhiều tỉnh hưởng ứng.

Người Pháp muốn vua Đồng-Khánh giúp họ về sự đánh dẹp để thi hành cuộc « Bảo hộ » ở Trung và ở Bắc, hai Kỳ.

Cả lịch sử đời vua Đồng-Khánh là giúp người Pháp dẹp Càn Vương vậy.

Các quan thời bấy giờ như Nguyễn-Thân, Cao-xuân-Duc, Hoàng-cao-Khai đã giúp vua Đồng-Khánh một cách rất đặc lực và đã có ích cho người Pháp.

Càn Vương là thế nào ?

Cách người Pháp và triều đình vua Đồng Khán đánh dẹp ra làm sao ?

* *

Nghĩa Càn Vương nổi lên từ sau khi vua Tự-Đức băng hà.

Các tướng tá ở Bắc-kỳ thấy triều đình thất bại hoặc theo về kinh hợp tác với Tôn-thất-Thuyết như Đề đốc ở Quận thứ Bắc-kỳ là Trần-xuân-Soạn, hoặc bỏ quan

tước, theo quân Tầu như Tạ-Hiên, Đề đốc Nam-định, và Nguyễn-thiện-Thuật, Tân tướng quân thứ Sơn-tây.

Sau này, người về kinh nhiều nhưng người nạp ấn từ quan đi lên miền thượng du xứ Bắc-kỳ hay sang Tàu cũng lăm.

Các vị này đã chống lại cuộc lập « Bảo hộ » của người Pháp. Nhưng nghĩa Cần Vương thực sự khởi lên chỉ từ khi vua Hàm-Nghi và Tôn-thất-Thuyết bỏ kinh thành ra ở Sơn-phòng Quảng-trị, nghĩa là bắt đầu từ tháng sáu năm Ất-Dậu (1885).

Nghĩa Cần Vương nổi lên như lửa cháy, bùng lên ở tỉnh này lan sang tỉnh khác, và tắt dập ở đây lại nhảy lên ở kia.

Vua Đồng-Khánh phái quan đi đánh dẹp nhưng người Pháp cũng có quân đi tiêu trừ. Thường khi quân Nam triều hợp sức với quân xâm lăng.

Muốn hiểu rõ sự Cần Vương khởi lên như thế nào và sự đánh dẹp ra làm sao, tôi tưởng ta cứ theo thứ tự tháng năm mà xét.

* * *

Năm 1885

Tháng tám và tháng chín năm Ất-Dậu (1885), Cần Vương nổi lên ở nhiều tỉnh.

Khởi đầu là Quảng-nam.

Thân hào tinh ấy kết nhau làm nghĩa hội cử Chánh-Sứ Sơn-phòng Trần-văn-Dư làm thủ hội, rồi nhóm dân chúng chiếm giữ tinh thành, quân Pháp kéo đến đánh ra khỏi.

Ở Phú-yên thân hào cũng giữ tinh thành. Bố Chánh Phạm-như-Xương bị thân hào bắt giam còn Án Sát và Lãnh Bình đều bỏ trốn.

Ở Hà-tĩnh con Bố Chánh Lê-Kiên là Lê-Ninh người huyện La-sơn nhóm dân chúng chiếm giữ tinh thành. Bố Chánh Lê-Đại bị giết, Án Sát Trần-văn-Buru bị bắt (rồi sau phát bệnh chết) các phủ huyện đều bỏ thành chạy trốn. Cả tinh thân hào đều khởi binh ứng tiếp nhau.

Khi vua Hàm-Nghi tới Sơn-phòng, Hà-tĩnh, Chánh Sứ Sơn-phòng là Nguyễn-Chánh đem quân tới rước và thân hào nhiều người tới chầu. Ngài đóng ở Sơn-phòng, chờ sức dân dồng lập thêm tạm xá để Ngài có thể ở lâu được. Nhưng chẳng mấy lâu sử chép là Nguyễn-Chánh trốn bỏ về tinh Nghệ, ta không biết là vì lý do gì. Sau này nghĩa Cần Vương ở Hà-tĩnh mạnh hơn hết mọi nơi.

Ở Thanh-hoá, sử chép rằng: « Thồ tù Hà-văn-Mao đem giặc Tàu về huyện Cầm-thủy dụ dỗ dân lừa dịp quấy rối ăn cướp ».

Hà-văn-Mao là một quan lang Mường; y đã theo nghĩa Cần Vương hay chỉ là một tên tướng cướp mà thôi?

Ở Bắc-kỳ, tinh Hà-dông cựu thần và thân hào ái quốc đã nổi lên, ta gọi là giặc Bãi Sậy. Bãi Sậy là miền đồng Chiêm như Đồng-tháp-Mười vậy.

Có Đè Đốc Tạ Hiện và Tán-Tường Nguyễn-thiện-Thuật chỉ huy sự kháng-chiến. Sử chép là giặc Bãi Sậy hiệp đảng với những tên bị tội bỏ trốn tại huyện Thanh-trì, Thanh-oai, phủ Ưng-hoà, Thường-lín và thường về khuấy rối tỉnh Hà-nội.

Ta nhận thấy là nghĩa Cần-Vương ở Bắc-kỳ đã mạnh và đã đánh ngay quân xâm lăng ở ngay gần Hà-nội.

Thái độ của Triều đình Huế như thế nào ? Lẽ tất nhiên là theo lệnh người Pháp mà đánh dẹp Cần-Vương. Người có công với Pháp là Cao-xuân-Dục.

Sử chép như sau này :

« Bố chánh Cao-xuân-Dục thân hành đốc thúc người trong tỉnh là tên Bát phảm Nguyễn-Chúc, tên Cửu phảm Phùng-văn-Thoan đem các toán binh đánh nhau với giặc. Giặc thua trốn chém và bắt sống rất nhiều : lấy lại được các phủ huyện ! »

Việc ấy tâu lên, vua Đồng-Khánh truyền chỉ thưởng Cao-Xuân-Dục quân công kỷ lục hai thứ, một cái khánh vàng quân công và dây đeo. Bọn tên Chúc, tên Thoan cũng được thưởng mỗi tên một cái bài tử-kim và thăng trật. Vua lại truyền chỉ thông lục việc ấy khắp cả Tâ-kỳ, từ Bình-định đến Bình-thuận và Hữu-ky từ Hà-tĩnh đến Thanh-hoá để nhân dân đều biết. Triều đình đã dẹp Cần-Vương như thế nào và đã thưởng cho những người có công giúp Pháp.

Từ tháng mười đến cuối năm sự đánh dẹp tiếp tục ở mọi nơi.

Theo một điều khoản trong hoà ước mới, vua Đồng-Khánh khiến từ Thanh-hoa trở vào Bình-thuận phải kén lính tập. Các đội lính này, do Pháp điều khiển đã giúp Pháp nhiều về sự dẹp Nghĩa Cần-Vương : Pháp đã đúc bạc Bà đầm xoè.

Miền rừng, núi phủ Cam-lộ và huyện Do-linh, thuộc tỉnh Quảng-trị, thân hào đóng quân khỏi nghĩa nhưng quân Nam-triều hiệp với quân Pháp đánh phá. Đầu mục Trương-đình-Hội và Nguyễn-tự-Nhu chống không nổi phải bỏ chạy, không án ngữ được đường cái quan nữa.

Thân hào trong các phủ huyện tỉnh Nghệ-an đều khởi nghĩa cùi đốc học Nguyễn-xuân-Ôn và Chánh sứ Sơn-phòng Lê-đoãn-Nhã làm đầu, Quân Pháp kéo tới đánh được luôn, vua Đồng-Khánh truyền Cơ mật làm thư ủy lạo các quân Pháp đã có công đánh dẹp Cần-Vương : Pháp-Việt đề huề.

Thân hào ở phủ Quảng-trạch, huyện Tuyên-hoa, huyện Bố-trạch thuộc tỉnh Quảng-bình đều khởi nghĩa, cùi Tri phủ Nguyễn-Phạm-Tuân làm đầu, dựng hiệu cờ « Cần Vương » và cờ « Cử Nghĩa ».

Bố chánh Quảng-bình là Nguyễn-đình-Dương chắc đã theo Pháp một cách triệt để nên bị Cần-Vương hại.

Vua Hàm-Nghi ở Sơn-phòng, Hà-tĩnh. Ngài đặt quan đóng đồn giữ ở các nơi. Nhưng quân Pháp kéo đến Sơn-phòng. Tôn-thất-Thuyết chống lại không nổi bèn phò Ngài về đồn Vé thuộc tỉnh Quảng-bình, chỗ Thồ-ty Trương-quang-Thủ. Ngài ở đó, còn Tôn-thất-Thuyết và Trần-xuân-Soạn ra Bắc mộ quân.

Các thân hào giữ tỉnh Hà-tĩnh nghe nói Sơn-phòng mất rồi đều bỏ tỉnh chạy trốn. Tỉnh bị quân Pháp lấy lại được.

Nhiều người khởi nghĩa thấy việc thất bại đều bỏ về nhà làm ăn, cũng có người tới tinh đầu thú, chỉ có Phan-đình-Phùng không chịu về.

Ở Quảng-nam quân Pháp tiến lên đánh nha Sơn-phòng, bắt được Chánh-sứ Trần-văn-Dư, chém ngay. Nguyên Trần-văn-Dư đã đầu hàng triều đình Huế, bèn bỏ Sơn-phòng về kinh đợi chỉ vua Đồng-Khánh khi xuống tới tinh Quảng-nam thời không hiểu vì lẽ gì bị quân Pháp bắt, đem chém ngay. Có phải vì dã tâm của người Pháp hay vì sự thù hận gì của một người Việt không? (tôi nhớ tới việc Đặng-trần-Thường và Ngô-thời-Nhiệm.)

« Ở Thanh-hoa, Hà-văn-Mao hoạt động ở Huyện Cầm-thủy và phủ Thọ-xuân, quân tinh Thanh và quân Pháp họp nhau đánh phá tan. » Trên kia tôi có nói tới Hà-văn-Mao. Sử ta có một đoạn chép là « dù dân Thổ lừa dịp quấy rối ăn cướp ». Sử liệu mà tôi vừa dẫn trên cho ta biết rằng đây là một sự kháng chiến chống Thực Dân của người Mường ở Thanh-hoa chứ không phải hẳn là một đảng cướp.

Vậy từ tháng mười đến cuối năm Ất-dậu (1885), quân Nam triều và quân Pháp hiệp sức dẹp Nghĩa Cần-Vương ở Quảng-trị, Quảng-bình, Hà-tĩnh, Nghệ-an, Quảng-nam, Thanh-hoa.

Ngoài sự đánh dẹp bằng gươm súng vua Đồng-khánh

còn nghĩ tới sự dẹp bằng cách chiêu an, bằng sự phái quan đi kinh lược.

Sau khi mà thân hào ở Nghệ-an và Nguyên-xuân-Ôn nổi lên, vua Đồng-Khánh xuống dụ hiểu thị các thân hào trong Trung-kỳ « phải mau mau tĩnh ngộ trở đầu về với triều đình » nghĩa là không phò vua Hàm-Nghi nữa, bỏ Nghĩa Cầm-Vương. Vua Đồng-Khánh lại truyền dụ sĩ dân Bắc-kỳ đều biết những việc Tôn-thất-Thuyết chuyên quyền trộm phép, giả danh nghĩa mà đối dân. »

Tôi tiếc là không biết toàn hai bài dụ này.

Vua Đồng-Khánh còn khiến, chắc về cuối năm Ất-dậu, Hiệp tá đại học sĩ lãnh Lại bộ Thượng thư là Phan-đình-Bình đi kinh lược tỉnh Quảng-bình.

Tôi không biết là Phan-đình-Bình đã chiêu dụ dân như thế nào ?



Năm 1886

Năm Bính-tuất (1886), Nghĩa Cầm-Vương còn có nhiều tinh vân theo hay bắt đầu theo. Ngọn lửa âm ỉ rồi lửa lại bùng lên hạy đã ngấm ngầm bén sang nơi khác.

Nam triều vẫn hợp tác chặt chẽ với quân Pháp để đánh dẹp Cầm-Vương. Vua Đồng-Khánh sai đi dụ dân rồi chính Ngài là Thiên-tử cũng ra ngoài kinh thành để làm công việc phủ dụ dân chúng đi theo chế độ bảo hộ, dùng trường kỳ kháng chiến nữa.

Ngay tháng giêng, ở Quảng-ngãi con Tông-đốc Nguyễn-bá-Nghi là Nguyễn-Loan hiệp cùng Bùi-điền, Đặng-Đè ở Bình-định tụ quân Cần-Vương chia làm ba đạo kéo tới đánh lấy tỉnh Quảng-ngãi. Sơn-phòng sứ của Vua Đồng-Khánh là Nguyễn-Thân đón đánh phá tan.

Ở Bắc-kỳ nhiều nơi nỗi lên.

Tháng mười năm trước, Bố chánh Cao-xuân-Dục tuy đánh Cần-Vương ở Bãi-sậy (Hưng-yên) được thắng nhưng miền bùn lầy này khó chiếm, nên Cần-Vương chưa bị hoàn toàn thất bại ở chiến khu đó. Sau này đến năm Đinh-hợi (1887), Cần-Vương ở Bãi-sậy vẫn mạnh.

Sử còn chép rằng về tháng giêng « từ khi kinh thành có việc, mấy đảng giặc Hải-dương hoành hành trong các phủ, huyện. Hoặc yêu bức huyện Mỹ-hòa và huyện Cẩm-giang, bắt quan huyện Gia-Lộc. Còn các phủ huyện khác cũng dần dần mất cả. Quan Tông-đốc là Nguyễn-thành-Y đem việc ấy tư Cơ mật xin tâu Ngài rõ. »

Tôi không biết là ai đã chỉ huý Cần-Vương ở Hải-dương và đã có liên lạc với Bãi-sậy không, dù sao thế Hải-dương mạnh và Triều đình Huế đã không có cách đánh dẹp cho có hiệu quả ngay để chóng có đại công với người Pháp.

Tháng hai ở Thanh-hóa ba trăm người, nhân ngày phiên chợ giả làm cu-li giấu dao vào trong đòn ống, mưu ấy phát giác, sợ bị bắt, toàn thề chạy trốn cả.

Tháng ba, thân hào tỉnh Bình-thuận phá phủ Ninh-thuận, kéo tới vây tỉnh thành. Tuần phủ, Bố chánh, Án sát sợ bỏ trốn cả. Thân hào bèn chiếm tỉnh.

Tháng tư, Thượng tá Quảng-trị là Lê-Thâm và Phó Lãnh-binh Lê-xuân-Tranh đi tuần tráp đến làng Võ-xá thuộc về phủ Triệu-phong bị văn-thân đánh. Lê-Thâm bị bắt, Lê-xuân-Tranh bị giết.

Thân hào tỉnh Bình-định phân đạo ra quấy rối tỉnh Quảng-ngãi, không rõ vào tháng nào, nhưng sau tháng năm trước tháng tám.

Cũng như Cao-xuân-Dục đã đánh phá Cần-Vương ở Bảy-sậy và Hải-dương thời Nguyễn-Thân đã làm công việc đó ở miền Nam Trung-Việt, ở Quảng-ngãi và Bình-định. Tháng năm, Nguyễn-Thân được thăng làm Tham-tri Bộ-binhh, trước Diên lộc nam, chức Nghĩa-định chiêu thảo xử-trí sứ.

Tháng tám, tỉnh Quảng-trị hiệp với quân Pháp đánh Cần-Vương tại phía nam cửa Việt bắt được tướng Cần-Vương là Hoàng-văn-Phúc đem chém ngay.

Tháng chín hay tháng mười không rõ, quân Pháp đi tuần tiễu trong huyện Quế-sơn tỉnh Quảng-nam đánh phá tan đồn Cần-Vương đóng ở làng Trung-lộc.

Ta nhận thấy rằng trong năm Bình-tuất (1886), Nghĩa Cần-Vương bị đánh dẹp ở các tỉnh Thanh-hóa, Quảng-trị... thế đã yếu nhưng mấy tỉnh miền nam Trung-Việt, Quảng-ngãi, Bình-định, Bình-thuận theo phong trào mà nồi lên mạnh. Ở Bắc súc Cần-Vương hẵn còn mạnh.

Vua Đồng-Khánh trong năm Bình-tuất (1886) rất chú ý tới việc phủ dụ dân chúng về với Triều đình Huế, về với chính phủ Bảo-hộ, yề với Pháp.

Ngay tháng hai vua khiến Phan-Liêm làm khâm-sai
đại-thần, Phạm-phú-Lâm làm phó khâm-sai cầm cờ tiết
mao đi từ Quảng-nam trở vào, khắp trong các tỉnh hiều
dụ thân hào phải nén về thú. Vua lại sai hai vị khâm-
sai nghĩ thảo một tờ cáo thị dâng vua Ngự bút sửa lại.
Rồi vua truyền Quốc-sử quán in một trăm tờ dụ và
một trăm tờ cáo thị để giao cho hai vị khâm-sai tới đâu
yết đó.

Tôi không biết tờ dụ và tờ cáo thị này nói những gì ?

Tôi cũng không biết là nhà vua đã khiến Võ-bá-Liêm
đi khâm phái ở các tỉnh phía Bắc kinh thành từ tháng nào,
nhưng sử chép là tháng tư « đảng thân hào Quảng-bình
bắt giết quan khâm phái, là Võ-bá-Liêm ».

Một quan khâm-phái mà bị « bắt giết » thời ta đủ biết
là chính phủ vua Đồng-Khánh đã bị các thân sĩ coi như
thế nào. Và sở dĩ như thế là không giữ được nền độc lập
và thống nhất. Vấn đề chính thể hồi đó chưa đặt ra.

Vua Đồng-Khánh đã xử tri như thế nào ?

Chính nhà vua đã thay Võ-bá-Liêm mà đi thông tin,
tuyên-truyền để cho dân chúng theo nhà vua mà nhận
sự đỡ hộ của người Pháp. Nhà vua đã có lý hay không ?
Đó là một câu hỏi mà tôi không có đủ đảm bảo để
trả lời : tôi không phải là nhà quân sự và chính trị.

Dù sao sử chép là « Ngài muốn ngự ra Bắc tuần, tới
Hà-nội trước để kiềm quân rồi ngự về Thanh-hóa trở vào
phía Nam dần dần tới đâu dẹp loạn yên dân đó. »

Sử còn chép tiếp :

« Ngài truyền Cơ mật tư ra quan Toàn quyền Bắc-kỳ. Được ít lâu thấy trả lời rằng thành Hà-nội đã triệt phá rồi, xin đạo ngự đóng tại Thanh-hóa thời yên ổn vững vàng hơn. »

Vậy vua Đồng-Khánh đã muốn tự đi phủ-tráp từ kinh tới Hà-nội nhưng viên Toàn quyền nhủ nhà vua nên chỉ ở địa hạt Trung-kỳ thôi ! Có phải là người Pháp sợ không có thể đảm bảo được trật tự trong hành trình của Ngài không ? Hay là họ muốn rằng toàn thể Bắc-kỳ sẽ phải thuộc quyền cai trị trực tiếp của họ, cũng như Nam-kỳ sẽ là một thuộc địa, chứ không phải là một nước bảo hộ mà họ, bè ngoài chỉ là những người cố vấn mà thôi !

Thật vua Đồng-Khánh đã tặc.

Bây giờ ta theo hành trình của vua Đồng-Khánh. Vì Ngài là thiên-tử, phải đi tuần du cho trăm họ được nhờ.

Ngày mười tháng năm (ngày Đinh-vi) đạo ngự từ kinh đô khởi hành.

Ngài ngự đóng tại Châu-thị thuộc Quảng-trị, truyền sấp ngự xem dân phong, ban bạc cho linh mục ở làng Yên-ninh và các giáo dân xứ ấy còn mấy người giáo dân tị nạn thời Ngài ban cho một trăm đồng bạc. Thật là một cử chỉ mà sứ đã ghi : có phải là tự lòng Ngài không hay người Pháp đã đề nghị với Ngài ? Vì là một cử chỉ chính trị.

Ngài ngự tới tỉnh Quảng-bình truyền yết sức những cử mục phải ra đầu thú.

Ở Quảng-bình ít lâu, sử chép là « vì thánh thề hơi se », Ngài cho một người quan ba (lẽ tất nhiên là người Pháp) ra Hà-nội, thương với quan Toàn quyền cho tàu thủy tới cửa Nhật lê rước Ngài về kinh.

Ngày mồng bảy tháng tám, ngày Đinh-mão vua Đồng-Khánh cùng quan quân theo hầu xuống tàu, ngày hôm sau về tới kinh.

Vậy cuộc đi phủ-trấp Cần-Vương của vua Đồng-Khánh dù chỉ ở trong địa hạt mấy tỉnh Trung-kỳ hình như không có hiệu quả mấy cho Hoàng triều, người Pháp chắc cũng chẳng lấy làm buồn.

Hoàng-tá-Viêm đã về kinh bao giờ, tôi không biết. Trong trường hợp nào, tôi cũng không biết. Dù sao Hoàng-tá-Viêm không tham dự chính quyền và chỉ là một người dân mà thôi. Nay giờ, vì lý do gì một người đã về phe chủ chiến, chống Pháp lại bỏ thân ra làm kinh lược cho triều đình, tôi không biết. Có phải là vì thấy quân Pháp tàn sát dân ta quá và vì thấy quân đội Cần-Vương thua nên mới nhận ra để lấy uy tin của mình mà chống đỡ được một phần nào chăng?

Dù sao, sử chép là tháng chín, vua Đồng-Khánh phục hàm cũ cho Hoàng-tá-Viêm mà sung Hữu trực kỳ, yên phủ kinh lược sứ Hữu trực là hai tỉnh Quảng-trị, Quảng-bình. Trước phải ra Quảng-bình xử trí cho yên rồi tới Hà-tĩnh, Nghệ-an, Thanh-hóa tùy nghi sắp đặt.

Vua Đồng-Khánh cho Hoàng-tá-Viêm bài dụ sau này để đem đi yết cho thân hào được rõ.

Tôi chép theo đây toàn bài dụ đó. Vì là một sử liệu rất quý. Ai đã thảo ra ? Một vị Hoàng gia, một đại-thần trong Triều hay một tên Việt nào làm với Pháp thảo ra, rồi giao cho Nam Triều đi niêm yết ?

« Hào kiệt biết thời mới phải quân tử, đổi lối là hơn.

Năm ngoái kinh thành có việc, vua Hàm-Nghi ra đi.

Trong các thân hào, có người tức vì việc nước, khởi lên giúp vua như người trót cưỡi cọp, bước xuống cũng gay, nên phải trốn trong rừng rú, thường thường mượn tiếng phò vua Hàm-Nghi.

Đã mấy phen ta đã xuống dụ rước vua Hàm-Nghi về phong cho trước công hoặc phong làm Tông trấn Bắc-kỳ.

Còn thân hào ai ra thú đều được tha lối.

Mới đây ta lại ngự ra Đồng-nhung tới Quảng-trị trước, hào mục ra thú, dân trông lại gần yên.

Khi tới Quảng-bình thân hào phần nhiều cứ còn tụ hội.

Vả chăng trong triều có lời chiếu khoan dung mà ngoài dân không chút lòng thành ứng, bụng nghĩ làm sao ?

Hay là bảo rằng nước mình không thể bảo toàn được chăng ?

Sao không nghĩ bảy giờ đại cuộc thiêu hạ đã định, cách chánh trị đổi mới, hòa với đại Pháp đều giữ như cũ, chánh lệnh thi hành đều là quyền mình tự chủ, nào có ai trở ngại ?

Sao còn lấy điều ấy làm ngờ mà thập thò như chuột ?

Hay là chúng mày bảo rằng nếu bây giờ vua Hàm Nghi trở về e không quyền lộc, chúng mày cũng không được nhờ gì chăng ?

Chúng mày phải biết rằng người lớn ở với em, thời muôn cho sang, yêu thời muôn cho giàu. Hàm Nghi là em ta, ta nay suy rộng lòng nhân. Nếu Hàm Nghi về ta sẽ phong làm Tống trấn ba tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, cấp cho bỗng lộc rất hậu, đồ thường dùng cũng như vua chứ không biếm truất gì đâu ?

Nay ta cho tôi cũ là Hoàng-tá-Viêm khai phục hàm Đông các đại học sĩ, sung làm Hữu trực kỳ Yên phủ kinh lược đại sứ, thế là lòng ta muôn xếp cho yên không phải muôn đánh cho được.

Từ nay trở đi thân hào chúng mày nên mau tinh ngộ, đuổi hết quân lính bỏ thân về với triều đình, hoặc tinh boặc tới các sở quân thứ đầu thú.

Trừ ra tên Lê Thuyết (tức là Tôn thất Thuyết), Triều đình không thể dùng lại được. Nhưng nếu nó biết trở về thời cho nó lui về ngạch nhòn tán.

Còn mấy tên cù mục khác tên nào có chức quan cũ như Trương văn Ban, Nguyễn Trực, Nguyễn Chư, Lê mô Khởi, Nguyễn nguyên Thành, Phan trọng Mưu, Nguyễn xuân Ôn, Lê doãn Nhã, Ngô xuân Quỳnh sẽ cho chiếu theo nguyên hàm bồ làm quan Quảng-bình, Quảng-trị trở vào mấy tỉnh phía nam để lo bão bồ về sau.

Còn mấy tên trước chưa có chỉ tha như Trần xuân Soạn, Nguyễn phạm Tuân, Phan đình Phùng, nếu biết thì thú, quả có thiệt trạng xét như thiệt săn lòng đồi lối thời cũng khoan giảm tội cũ, sẽ thường phảm hám để yên người phản trắc.

Còn mấy tên khác khi nào về thú xét quả thiệt lòng rồi sẽ nghĩ.

Những mấy khoản nói trên đó, khi trước quan Toàn quyền Côn Pha (Paul Bert) tới kinh vào yết, ta đã thương miện, ông ấy cũng đã bằng lòng, chắc là không nói sai đâu.

Chúng mày phải tinh ngộ cho mau.

Nếu ta đã hiểu hết lời mà chúng mày còn dùng dằng không quyết, ngu dai không biêt lo trước, đến khi đại binh kéo tới, ngọc đá đều phải ra tro, ta tuy săn lòng thương cũng không biêt nghĩ sao cho chúng mày nhò được. »

Bài dù này có thể do Paul Bert đã bó buộc vua Đồng Khánh phải ra : y chắc đã dọa nạt tiêu diệt kháng chiến ! Chắc lực lượng của ta đã yếu đi nhiều lắm rồi. Chiến nữa vô ích lại có hại : Có lẽ vì lý do đó mà Hoàng tá Viêm được vua Đồng Khánh khai phục cho hám cũ. Có lẽ Hoàng tá Viêm đã bó buộc phải ra làm kinh lược sứ đê dở đòn cho các anh em.

Ở Tả trực kỳ, Phó khâm sứ là Phạm phú Lâm. Tả trực là miền Nam-Ngãi.

Sử chép là kinh lược ở Hữu trực và khâm sứ ở Tả trực có phủ dù được nhiều thán hào ra đầu thú.

« Tháng mười hai năm Bính-tuất (1886) các cù mục trong bọn thân hào Bình-định tới tỉnh đầu thú rất nhiều Ngài truyền ấn chỉ cho bảy người được chiếu theo nguyên hàm bồ làm việc tinh ấy, còn bao nhiêu cho về làm ăn. »

Ở Quảng-bình, cù mục cũng tới đầu thú tại đồn Hoàng tá Viêm « nhiều lăm ». Sứ chép là từ ái Quảng-bình trở vào đều được yên lặng.

Hoàng tá Viêm đi kinh lược, đó là một cù chỉ hay hay là dở ?

* * *

Năm 1887

Sang năm Đinh-hợi (1887), Nghĩa Cần Vương còn có người hưởng ứng ở nhiều nơi nhưng thế kém trước nhiều lăm.

Ở Bắc kỳ « giặc » Bãi Sây kéo tràn qua phía Đông bắc. Quyền kinh lược Nguyễn trọng Hợp tâu « Hoàng cao Khải có tài can mưu lược, lại quen thuộc tình thế xứ đó. » Hoàng cao Khải nguyên là Tuần phủ Hưng-yên, vua Đồng-Khánh cho thực thu Tồng đốc kiêm chức Tiêu phủ sứ. Sau này Hoàng cao Khải sẽ lập được nhiều công to với người Pháp, con cháu hiền hách lăm.

Ở Thanh-hóa, thuộc hạt huyện Nga-sơn, Thị độc lãnh Án sát Nghệ-an là Phạm Bành xứng tán lý khởi nghĩa Cần-Vương vào tháng giêng cùng Hoàng bật Đạt, Đinh công Tráng, giữ chỗ hiểm ở Ba-định, lập đồn. Đây là mấy làng ở vùng đồng chiêm, lối đi vào đê kiềm soát. (Đinh công Tráng là người Mường mà cũng hưởng ứng).

Quân Pháp đánh không được kéo về, rồi phi tú ra Ninh-bình, Nam-dịnh lấy thêm quân vào hội vây đến vài tháng (Có hai võ quan Pháp Foch và Joffre hồi đó còn trẻ, đánh Càn-Vương ở Ba-dinh, nhưng đánh không nổi). Quân Càn-Vương xông vây chạy ra. Đồn sau bị quân Pháp phá tan vì có lính khổ xanh của Nam triều giúp sức.

Tháng tư, Phạm Bành ở tỉnh Thanh thấy con là Phạm Tiêu bị bắt bèn tới tỉnh đầu thú. Phạm Tiêu được tha, liền đem ấy Phạm Bành tự tử.

Hoàng-hất-Đạt bị dân bắt giải tới quân Pháp, bị giết ngay. « Dân » đây chắc là công an của Tây, một số người Việt đã lĩnh bạc Bà đầm xòe !

Đinh-công-Tráng sau trốn vào phủ Tương-Dương tỉnh Nghệ-an, cũng bị quân Pháp, hợp lực với quân của triều đình Huế bắn chết, như sử đã ghi để tỏ công của Triều đình.

Quân Pháp ở bờ Minh-Cầm thuộc huyện Tuyên-Hóa tỉnh Quảng-Bình bắn chết Nguyễn-Phạm-Tuân vào tháng ba. Triều đình Huế cảm ơn quân Pháp bằng sự ban tặng một cái kim khánh, để tỏ lòng hòa hợp.

Tháng tư nhuận ở Hà-nội quân Pháp bắt Bố Chánh cũ là Nguyễn-Cao. Nguyễn-Cao không chịu khuất bèn tự tử.

Ở Nghệ-an quân Pháp bắt được đốc học Nguyễn-Xuân-Ôn. Tháng tư năm sau bị giải về kinh, nhưng các quan ta thương với viên Khâm-sứ Pháp nên được ở ngoài khỏi bị giam. Nhưng được ít lâu Nguyễn-Xuân-Ôn bị bệnh mất.

Ở Bình-dịnh quân Pháp bắt được Cử-nhân Mai-xuân-Thưởng. Bùi-Điền, Nguyễn-đức-Nhuận và tám cù mục nữa, cả thảy là mười một người đều đem chém cả.

Tháng năm, quan tỉnh ta ở Thanh hóa bắt được Tú-tài Nguyễn-Phương và con là Nguyễn-Quỳnh. Nguyễn-Phương liền tự tử.

Tháng sáu ở tỉnh Quảng-nam tại núi An-lâm, Nguyễn-Thân đánh phá quân của Nguyễn-Hiệu chém nhiều người kỳ mục, lấy được khi giới tiền lương nhiều lăm. Nguyễn-Hiệu nguyên đậu Phó bảng hàm Hồng lộ tự Khanh. Bị thua, Nguyễn-Hiệu lui vào miền thượng nguyên miền Phước-sơn. Nguyễn-Thân về tháng bảy dò được nơi trú, liền bắt sống tám người cù mục và thân quyến. Chính Nguyễn-Hiệu cũng bị bắt. Nguyễn-Thân cho người chạy cờ đỏ về báo tiệp với triều đình. (Chỉ có tin thắng trận mới cho phu trạm chạy ngựa, ngày đêm, có hiệu cờ đỏ). Còn Nguyễn-Hiệu thời bị đóng cùi giải về sau. Nguyễn-Thân lại khoản cho cù mục phải ra đầu thú trong hạn là mười ngày. Vì Nguyễn-Thân có tài đánh giết như thế nên tỉnh Quảng-nam trở nên yên lặng. Triều đình biết công gia cho làm Thượng thư sung Nghĩa-Định tiểu phủ sứ, lại thưởng thêm một cái kim khánh hạng lớn khắc bốn chữ « Lao nǎng khả tướng ». Nguyễn-Thân nguyên khi trước sung chức khâm sai. Nguyễn-Thân giỏi thật !

Vậy để kết luận trong đoạn này, ta nhận thấy là Nghĩa Cần-Vương khởi đầu nổi lên ở Quảng-nam về tháng tám năm Ất-đậu (1885). Nhưng sau khi mà phần đông các tỉnh hưởng ứng, Nghĩa Cần-Vương đã bị đánh

dẹp. Nhưng Quảng-nam vẫn còn chống cự quân xâm lăng. Sự chống cự của Càn-Vương và sự chinh phạt của triều đình Huế, một triều đình đã bị quân xâm lăng chi phổi, tất cả các cuộc binh đao này đã làm cho dân phải chịu nhiều điều khổ sở... Nên sau khi Nguyễn-Thân đã bắt được Nguyễn-Hiệu, vua Đồng-Khánh phái Nguyễn-Thuật sung chức Tả trực kỳ tuyên úy xử trí Đại thần tới Quảng-nam, Quảng-ngãi xem tình hình nhân dân như thế nào.

Sử chép rằng Nguyễn-Thuật đem tình hình điêu háo trong tỉnh Quảng-nam tâu lên và xin rằng trong năm Hàm-Nghi tinh ấy còn thiếu thuế dinh điền và thuế các hạng bao nhiêu thời gian tha hết. Nhưng thuế nhà phiến, thuế yến sào, thuế mỏ than và thuế rượu phải chiếu lệ nộp đủ.

Vua Đồng-Khánh y cho.

Vậy vua Đồng-Khánh đã nhận rằng sự tàn sát của Nguyễn-Thân đã đưa đến sự điêu háo toàn tỉnh Quảng-nam, và lại dân cư hữu tình hay vô ý, hay vì không đủ năng lực, nay không có thể nộp thuế cho chính phủ được, chỉ có mấy thứ thuế phụ do mấy nhà giàu nộp là trả cho nhà vua mà thôi.

Trong khi đó, ở Nghệ-an, có lẽ vì tình hình kiệt quệ về người, về gạo, sử chép là « thân hào dần dần ra đầu thú đến bốn trăm bốn mươi hai người ». Những vị kháng cự xâm lăng « đều được cho về làm ăn ».

Đến cuối năm Đinh-Hợi (1887), ta có thể nói được rằng Nghĩa Càn-Vương hoàn toàn bị dẹp yên ở khắp các

tỉnh Trung-kỳ và cả ở Bắc-kỳ nữa. Nghĩa đó khởi lên, không phải là hoàn toàn hướng ứng với vua Hàm-Nghi đâu. Nào dân có biết vua là ai ? Đây là sự kháng cự của nhân dân, dưới sự lãnh đạo của những nho sĩ, hoặc xuất sĩ, hoặc sứ sĩ, của từng địa phương một. Đây là ngọn lửa thiêng của toàn thể dân tộc, định bùng lên trong khi mà nước nhà lâm vào cảnh đêm tối của xâm lăng.

Dân ta, hồi đó, chỉ biết có nền quân chủ cho nên phò vua Hàm-Nghi là vua đương ngài đã thản ra khỏi kinh thành ban hịch Cần-Vương. Chính Tôn-thất-Thuyết, phụ chính đại thần đã phò Ngài. Chính nghĩa rõ ràng. Vậy ai đã nghĩ tới nước, tới dân, thứ nhất là tới chữ trung, chữ ái thời phải trung quân, ái quốc. Cho nên giai cấp lãnh đạo Cần-Vương là các nho sĩ, các văn thân trước hết. Nhưng giai cấp đã tranh đấu cho nền độc lập của nước nhà là nông dân, tranh đấu bằng xương máu. Nhưng thực dân đã có một số nho sĩ khác hoặc vì lý do quốc-gia, hoặc vì lý do cá nhân đã đi theo thực dân. Cho nên có sự đàn áp của triều đình vua Đồng-Khánh : các Nho sĩ này « hết » lầm. Họ giỏi thật ! Lịch sử ghi tên.

Tình hình về mùa đông năm Ất dậu (1885) như thế nào ?

Nghĩa Cần-Vương đã yếu lầm.

Tôn-thất-Thuyết đè vua Hàm-Nghi ở lại cho hai con mìnli phù tá còn đã theo đường Sơn la, Lai Châu sang Tầu cầu cứu. Nhưng nước Tầu không cứu ta và Tôn-thất-Thuyết gần như bị giữ lại ở bên Tầu, không về được nữa dù ý có muốn về. Đã có những cuộc mà người Pháp áp

bức hạy mua chuộc người Tầu. Dù sao vua Hàm-Nghi vẫn ở miền thượng du tỉnh Quảng-Bình.

Tháng mười, năm Mậu Tý (1888), quân Pháp ở Quảng-Bình bắt được vua Hàm-Nghi.

Tôi chép đúng nguyên văn trong Sử của ta.

« Nguyên khi trước tên Trương-quang-Ngọc và tên Nguyễn đình-Trinh tới đồn quân Pháp đầu thú, xin dẫn quân Pháp qua miền thượng nguyên huyện Tuyễn-Hóa, gọi là Xứ Thắng Cuộc (tên nòm) bắt vua Hàm-Nghi.

Quân Pháp đưa Ngài về cửa Thuận-an rồi viên Toàn quyền thương xin đưa Ngài qua xứ khác « đợi khi nào trong nước yên lòng rồi sẽ đưa về ».

Vua Đồng-Khánh truyền cơ mật viện đại thần là Đoàn văn Bình tới cửa Thuận-an thăm vua Hàm-Nghi rồi tầu thủy nhỏ neo đi ngay.

Uy tín của vua Đồng-Khánh ở đâu ?

Tầu thủy đưa vua Hàm-Nghi sang xứ Anh-Xê-Nhi (Algérie) là một thuộc địa Pháp ở Phi-châu.

Sau quan Toàn quyền là Ông Lê Na (Rheinart) thương rẳng tiền chi phí về khoản vua Hàm-Nghi ở nước người thời ta cứ mỗi năm chịu 4980 đồng bạc và một tên bồi hầu, mỗi năm cấp lương hai trăm chín mươi chín đồng.

Đã nhiều người Việt-Nam ta chết trong vụ vua Hàm-Nghi bị bắt. Trong số người chết có 2 con Tôn-thất-Thuyết là Tôn-thất-Thiệp và Tôn-thất-Đạm.

Cụ Trần-trọng-Kim có cho biết cảm tưởng của cụ như sau này :

« Ông Tôn-thất-Thuyết làm đại tướng mà cư xử ra một cách rất hèn nhát không đáng làm người trượng phu chút nào. Nhưng hai người con thì thực là bậc thiêus niên anh hùng có cho thề che được cái xấu cho cha vây ».

Câu này tôi trích trong bản in năm 1953 do nhà xuất bản Tân Việt in ở Saigon.

Cụ Trần-trọng-Kim là người trượng phu, ngài đã là thủ tướng trong thời gần đây. Cụ nghĩ như thế nào ? Tôi là một người dân, đâu dám bàn tới ý kiến của Ngài. Tôi chỉ nhắc lại thôi. Tôi đau có dám bảo một vị phu chánh kháng chiến đến cùng, rồi bị người Tầu lừa, gần như bị bắt ở bên Tầu, sống một mình trong một cái chùa, là một người hèn nhát. Cho đến khi chết, ngày ngày đem thanh kiếm cũ ra sân chùa chém đá, người Tầu gọi Tôn-thất-Thuyết là « Đầu thạch nhân ».

Thật là cả ba đời đều chết về người Pháp xâm lăng.

Vì thấy vua Hàm-Nghi đã bị bắt, đè đốc Lê-Trực, nguyên Tấn sĩ võ đem hơn 100 quân và khí giới tới đồn Thuận-bài tỉnh Quảng-bình đầu thú.

Về việc Lê-Trực ra đầu thú, Sử có cho ta biết chi tiết sau này :

« Các quan cơ mật thấy biên lời khâu cung, Lê-Trực nói nhiều câu vô phép, liền thương hỏi quan Toàn quyền xử trí thế nào.

Các quan cơ mật đã xử trí có lẽ.

Quan Toàn-quyền thương rằng :

« Khi Lê-Trực ra thú, quý quan trót đã hứa tha tội mà lại hậu thưởng. Nay nên đừng thưởng nữa nhưng tha nó khỏi tội để khiếu nó dụ giặc ra thú, chắc rằng nó cũng hết lòng gắng sức.

Quan cơ mật đem việc ấy tâu lên, Ngài cho. »

Cử chỉ của các quan cơ mật có lẽ và rất chính trực. Cá nhân hay quốc gia chính trị ? Tôi không biết các quan cơ mật này là các quan nào. Dù sao cử chỉ của viên Toàn quyền Pháp thì thật là chính trị ! Y khôn và các quan cơ mật chắc cũng đã suy nghĩ.

Thế là Nghĩa Cầm Vương hoàn toàn thất bại.

~~Đối với quân Pháp, vua Đồng-Khánh và các quan to~~ nay Cao-xuân-Dục, Hoàng-cao-Khai, Nguyễn-Thân công không phải là ít.

~~Đối với quân Pháp vua Đồng-Khánh đã tỏ ra một thái độ rất trung thành trong sự hòa hợp để người Pháp lập cuộc « bảo hộ ».~~

Nhà vua thường phong tặng cho nhiều người Pháp những trước rất to của triều đình ta.

Ngay sau khi lên ngôi báu, Ngài truyền làm quốc thư đưa qua đại Pháp cảm ơn và tặng viên toàn quyền Cô Ra Xi trước Bảo hộ quận vương, khâm sứ Sâm Bô trước Bảo hộ công. Rồi sau quyền khâm sứ là Ba Duy Đam được tặng trước Bảo Quốc Công, thượng thư đại Pháp

là Sành Bích tước Vệ Quốc Công... (tôi theo chữ hán đã phiên âm tiếng Pháp ra, nên rất tiếc không biết tên khai sinh các vị Pháp này).

Công việc trả ân người Pháp xong xuôi, về phương diện chức, vua Đồng-Khánh phong riêng năm Bính-Tuất (1886) cho Nguyễn-hữu-Độ làm Toàn quyền đại thần, Nguyễn-Thuật làm Phó toàn quyền đưa tờ hòa ước về việc khai khoáng qua lầu sứ cùng viên khâm sứ Hách-Tô, hai bên giao nhận với nhau. Khi hòa ước xong, ngài truyền làm quốc thư, sắm phẩm vật, tặng hảo Đức giám quốc đại Pháp và các « quan đại Pháp ở Bắc kỳ ». Ngài lại sai Nguyễn-hữu-Độ ra Hà-nội tuyên ý ngài cho các quan Pháp rõ.

Sử ta chép rõ ràng như thế, tôi không thêm bớt một chi tiết hay thay đổi một chữ gì.

Công việc khai khoáng ở trên là việc nhượng cho « chính phủ bảo hộ » nghĩa là cho nước Pháp đã thắng nước ta về quân sự những quyền lợi tối cao của chính phủ ta đối với kinh tế quốc gia. Ta đã thất bại về quân sự. Sau đây tôi sẽ trình mấy thiền kiến của tôi. Dù sao đã có một hiệp ước nghĩa là một sự thất bại của triều đình, thất bại do quân sự chính quy phải chịu. Lại còn sự thất bại thứ hai do du kích địa phương phải chịu: ấy là sự thất bại của toàn dàn kháng chiến, do nho sĩ lãnh đạo, dù là xuất sĩ hay sử sĩ.

Đó là ở trên phạm vi từ chính phủ này tới chính phủ khác.

Phạm vi này có rộng không ?

Đối với người Pháp thời họ coi ta như là hoàn toàn bị thất bại và họ có nhiều yêu sách. Ngay những tên thường dân Pháp cũng yêu sách Nam triều. Có những người Pháp đã từng giao thiệp với triều đình vua Đồng-Khánh để xin lảnh trung thô sản.

Tôi lấy mấy thi dụ sau đây, do sử ta ghi một cách rất văn tắt.

Như tháng sáu năm Mậu-Tý (1888), người tây buôn tên là Đô-Phối trước đã lảnh trung thuế gỗ, nứa, mây thuộc về tỉnh Thanh, tỉnh Nghệ nay xin trung hạn trong ba năm hết thảy các thuế sản vật trên rừng. Vua Đồng-Khánh xuống chỉ giao bộ hộ bàn định điều lệ giao cho Đô-Phối làm. Đô-Phối tức là Bogaert, có nhà máy làm đá ở gần Huế.

Cũng năm Mậu-Tý (1888), tháng tám, vua Đồng-Khánh đem xứ Hàm (thành phố Tourane), thành phố Hà-nội và Hải-phòng, định rõ chu vi rộng rãi làm nhượng địa cho nước Pháp: không biết người Pháp có trả tiền bán đất này cho Ngài không, và là bao nhiêu bản Bà Đàm xòe.

* * *

Tháng mười hai, ngày hai mươi bảy vua Đồng-Khánh băng, sau khi trị vì được ba năm bốn tháng.

Ngài thọ hai mươi lăm tuổi.

Lăng Ngài ở gần thành Huế, gọi là Tri-lăng. Tôi đã tới chiêm bái lăng vị thanh niên thiên tử này.

Ngài tuy trẻ tuổi nhưng khi băng đế lại tới sáu ông Hoàng tử và ba bà Công chúa. Không biết ngài có bao nhiêu là Phi. May ông Hoàng còn nhỏ không nối ngôi được. Triều đình mới rước con thứ bảy Cung huệ Hoàng đế (Dục-Đức) vào nối ngôi, tức là vua Thành-Thái vậy.

Ngài được truy tôn là Cảnh-Tòn Thuần hoàng đế.

Sự chết non, chết yêu của vua Đồng-Khánh là một sự không may cho người Pháp. Dù sao vua Đồng-Khánh đã giúp người Pháp một cách rất dắc lực trong công cuộc người Pháp đánh giặc Càn Vương. Càn Vương là sự quật khởi của nhân dân, dưới sự lãnh đạo của vua Hàm-Nghi và Tôn-thất-Thuyết.

KẾT LUẬN

Bây giờ, tôi theo nguyên tắc khảo cứu lịch sử, cẩn cứ vào các tài liệu xác đáng của Quốc sử quán, tài liệu rõ ràng mà không ai phải kiểm điểm lại nữa, tôi trả lời mấy câu hỏi sau đây.

1.— Câu hỏi thứ nhất: Định nghĩa thế nào là Càn Vương hay Văn-Thân.

Trả lời: Càn Vương hay Văn-Thân là sự kháng chiến của ta, chống lại quân xâm lăng Pháp, sau khi kinh thành Huế thất thủ. Sau ngày 23 là ngày Ất-mão, tháng năm, năm Ất-dậu (1883). Còn ngày cuối cùng là ngày mà ta có thể cho là ngày vua Đồng-Khánh băng, tức là ngày hai mươi bảy tháng mười hai năm Mậu-tý (1888).

Nhưng định nghĩa như thế có thể bị xét như hép hỏi lầm.

Nghĩa Cần Vương, còn gọi là Nghĩa Văn-Thân là sự chống cự của cả dân tộc Việt-Nam ta, chống với quân xâm lăng đất nước. Dù cho giới nho sĩ hay giới nông dân lãnh đạo măc lòng : tôi không tham gia ý kiến gì về vấn đề giai cấp này. Dù sao, dân tộc Việt-Nam ta đã đánh Pháp sau khi mà quân đội chính quy của Triều đình đã thất bại. Nghĩa Văn-Thân là cuộc chiến tranh du kích của nhân dân ; tuy sự chỉ huy là do các nho sĩ, dù là các quan cũ của triều đình hay là các nhà nho đã chừa ra làm quan. Tính đại khái thời Nghĩa Văn-Thân độ bốn mươi ba tháng.

Tôi đã trả lời câu hỏi thứ nhất : Bao giờ ?

2.— Câu hỏi thứ hai : Ở đâu ?

Trước hết là ở Quảng-nam rồi đến Hà-tĩnh, Phú yên, Thanh-hóa, Hưng-yên, Hà-đông, Quảng-tri, Nghệ-an, Quảng-ngãi, Bình-thuận.

Nói tóm lại, toàn cõi Trung-Việt trừ miền Thừa-thiên đều nổi dậy. Trung-châu Bắc-Việt thời là miền Hạ ban (miền bắc) mà thôi. Nhưng ta đừng quên Hoàng-hoa-Thám, người anh hùng áo vải đã hoạt động ở miền Vĩnh-yên, Bắc-giang, Tuyên-quang. Miền núi đã là một chiến khu quan trọng. Và cụ Phan-bội-Châu đã cho tôi biết, khi đương thời cụ, là cụ có đến gặp cụ Hoàng-hoa-Thám ở chiến kinh. Đồng bằng sông Cửu-long đã hướng ứng với Nghĩa Cần Vương như thế nào ? Sở không chép gì cả. Vậy tôi không được biết.

3.— Câu hỏi thứ ba : Như thế nào ?

Câu hỏi này, tôi đã trả lời rồi, ấy là tất cả các binh sự, tùy theo tháng, năm và tùy địa phương mà đã xảy ra.

Nhưng còn một ý kiến mà tôi phải nói ra, tuy tôi không được là nhà quân sự. Ấy là Càn Vương đã đánh theo lối du kích, đã chiếm nhiều thành, đã đóng ở nhiều địa điểm (như Ba-đinh). Sự chiếm thành tinh, đem xử các quan của triều đình vua Đồng-Khánh cù ra là một sứ tri chính trị. Nhưng đóng quân ở trong thành hay một địa điểm mà địch đã biết là một sứ tri nguy hiểm : Quân đội Càn Vương chỉ là bia đỡ đạn mà thôi. Nhưng cái tai hại là có lẽ quân đội Càn Vương đã bị dồn vào những địa điểm để nhận những đạn trái phá của Pháp hay bị vây (như ở Ba-đinh).

Dù sao, Càn-Vương đã đánh Tây bằng đủ mọi cách : đánh lén, đánh bằng dao, súng, đã chiếm thành, đóng thành, đã bị dồn vào nhiều địa điểm và đã kháng cự ở những địa điểm đó, đánh ở bùn lầy, đánh ở đồng bằng, đánh ở trên núi, có khi thắng, có khi bại. Cuộc kháng chiến của nhân dân, tùy theo từng địa phương, với những điều kiện eo hẹp thô sơ, không có một sự điều độ tối cao, ấy thế mà kéo dài hơn bốn mươi tháng, tôi nhận thấy đây là một chứng cứ của sự anh dũng của dân tộc ta, chống lại xâm lăng, dù triều đình theo quân xâm lăng mặc lòng.

4.— Câu hỏi thứ tư : tại ai (mà có Càn-Vương) ?

Như trên tôi đã trình, Nghĩa Càn-vương là tại nhân dân đem xương máu ra giữ nền độc lập. Sự lãnh đạo là do các nho sĩ, tức là do giới trí thức ; nhưng giới nông

dân (như Hoàng-hoa-Thám) cũng đã lãnh đạo một cách rất anh hùng. Lịch sử nhà Nguyễn không ghi Hoàng-hoa-Thám ! có lẽ muốn làm hài lòng quan Bảo-hộ chẳng ?

Người lãnh đạo tối cao và tượng trưng là Ưng-Lịch, tức vua Hàm-Nghi và Tôn-thất-Thuyết.

Những vị mà lịch sử đã ghi tên, ấy là Trần-văn-Dư, Lê-Minh, Nguyễn-Chánh, Hà-văn-Mao, Nguyễn-xuân-Ôn, Nguyễn-phạm-Tuân, Trần-xuân-Soạn và Phan-dinh-Phùng. Hoàng-tá-Viêm ở vào một tình trạng đặc biệt : đã chống nhau với Tây rồi sau lại đi phủ dụ anh em kháng chiến, nhưng rất « láo » đối với Tây và triều đình, cũng như Lê-Trực vậy. Hai con Tôn-thất-Thuyết là Tôn-thất-Thiệp và Tôn-thất-Đạm đã xứng đáng với cha. (Về vua Hàm-Nghi, tôi sẽ nói mấy câu phụ chép).

Đã giúp người Pháp lập chính phủ « Bảo-Hộ », đặc lực nhất là Cao-xuân-Dục, Nguyễn-Thân, Hoàng-cao-Khai. Quan to ở triều, tức là người lãnh đạo sự chống Càn-Vương ấy là Nguyễn-hữu-Độ và Nguyễn-trọng-Hiệp. Hai vị này chắc đã có rất nhiều ảnh hưởng tới một thanh niên là Chánh-Mông, tức là vua Đồng-Khánh. Ta nêu tên các vị này nhưng ta cũng đừng quên rằng các vị đó chỉ là tay sai của quân Pháp xâm lăng mà thôi.

5.— Câu hỏi thứ năm : tại sao lại có Càn-Vương ?

Câu này đã trả lời rồi ở chỗ định nghĩa thế nào là Càn-Vương.

PHỤ CHÉP

Tôi chép ra đây mấy tài liệu về vua Hàm-Nghi. Các tài liệu này, ta có nên tin không ? Dù sao đây là tài liệu của Nhà Nguyễn.

« Tháng năm, ngày hai mươi ba là ngày Ất-mão (năm Ấu-dậu 1885) kinh thành hữu sự. Tôn-Thất-thuyết đem Ngài (vua Hàm-Nghi và Tam cung) tới tỉnh Quảng-trị, đóng tại Hành-cung. Ngày hai mươi bảy, Ngài ngự tới Sơn-phòng Quảng-trị. Còn Tam-cung thời cư trú tại Hành-cung. Nguyễn-văn-Tường tâu xin Tam-cung ngự về Thiêm-cung để cho yên lòng thần dân. Khi ấy, Nguyễn-văn-Tường ở lại thương thuyết với quan đại Pháp, hẹn trong hai tháng xin rước ngự giá về kinh.

Tháng sáu, ngày ba, Tam-cung từ Quảng-trị ngự về. Ngày năm tới Khiêm-cung. Tôn-thất-Thuyết phò Ngài ở lại Sơn-phòng Quảng-trị. Thuyết thiện tiên truyền ban Ngài dù khắp trong nước khởi nghĩa Càn-Vương, lại truyền một tờ dụ cho Nguyễn-văn-Tường, một tờ dụ cho các hoàng phái ở kinh, đều phát trạng đưa về kinh cả. Mấy việc ấy đều là từ ngày bảy tháng sáu trở về trước.

Sử còn chép tiếp như sau này :

« Tam-cung truyền dụ chỉ sai người tới Sơn-phòng Quảng-trị rước Ngài về kinh. » Vậy Tam-cung đã không muốn cho Vua Hàm-Nghi chống Tây. Đây có phải là sự áp bức của Tây hay không ?

Dù sao, hành trình của vua Hàm-Nghi như thế nào ? Sứ cho ta biết mấy chi tiết sau đây :

« Ngày chín tháng sáu năm Ất-dậu, Ngài ngự tới Bửu-dài. Nghe tàu đại Pháp đóng ở cửa Nhật-lệ (Quảng-bình, Đạo ngự liền trở lại Sơn-phòng để đi đường thương-đạo. Ngày mười một tới thành cũ, phủ Cam-lộ.

Ngày mươi lăm, Ngài ngự đường thương đạo Mai-lãnh tới Lao bảo.

Ngày hai mươi, Ngài ngự tới sách Ban cạn (sách là một làng mọi) rồi ngự tới sứ Hàm-tháo (Hàm-tháo ở gần Phia bắc sông Cửu-long mà sử chép là sông Khôn) từ đó tới Sơn-phòng Hà-tĩnh đường đi bảy ngày. Ngài truyền các quan Sơn-phòng Hà-tĩnh chở lương lên và dọn đường rước Ngài trở về Sơn-phòng.

Vậy vua Hàm-Nghi ở vào tình trạng là Ngài và lê tất nhiên là do sự hướng đạo của Tôn-thất-Thuyết, đã phải tránh đê cho Tây khỏi bắt. Ngài đã không thể đi đường thủy đê ra Hà-tĩnh. Ngài đã phải đi đường núi, qua Lao-bảo, trải nhiều nỗi vất vả mới tới được xứ Hàm-tháo. Xứ này là một làng nhỏ ở trên dãy núi Hoành-sơn, thuộc về một vùng đất hẻo lánh, phải mất bảy ngày mới đi tới Sơn-phòng Hà-tĩnh.

Ấy thế mà việc bại lộ. Địa điểm Ngài đóng đã bị « quan ta » biết sứ chép như sau này :

« Các quan tinh Hà-tĩnh đem việc ấy (việc chở lương) tâu vào Huế. Tam cung phê rằng: mừng lăm và truyền ý chỉ ai mà rước Ngài về được sẽ được hậu thưởng tiền bạc đê cho họ đua nhau rước Ngài mau về, khôi điệu quản ngại »

Vậy chính Tam cung khuyên khích người đi bắt vua Hàm-Nghi?

Sử chép tiếp :

« Quan khâm-sai là Tôn-thất-Khoan đem ba trăm năm mươi quân Hà-tĩnh và một quan lãnh binh tới Sơn-phòng rước Ngài. Người ta đồn rằng quân Đại Pháp tới quyết phò Ngài đi nơi khác. Nên rước Ngài không được. »

Vậy dìa điềm Ngài đóng đã do quân Pháp và lẽ tất nhiên quân Nam triều (Vua Đồng-Khánh chưa lên ngôi) tới đánh.

Nguyễn-văn-Tường ở kinh, cả với Tam cung. Còn Tôn-thất-Thuyết phò vua Hàm-Nghi chạy trốn vì chiến khu đã bị tiết lộ.

Quân Pháp không bắt được vua Hàm-Nghi bèn khống bối. Đô-thống Pháp: Cô-ra-xy (De Courcy) « bắt Nguyễn-văn-Tường xuống tàu chở vào Gia-dinh. Rồi chở Nguyễn-văn-Tường, và Phạm-thân-Duật, Lê-Định (tức là thân phụ Tôn-thất-Thuyết) qua nước Đại Pháp. Nhưng đi giữa đường Phạm-thân-Duật bị bệnh mất, thây bị ném xuống biển. Nguyễn-văn-Tường sau bị đi đày ở đảo Ta-hi-ti.

Rồi ngày Đinh-sửu tháng tám, cũng năm Ất-dậu, hoàng tử thứ hai, Chánh-Mông lên ngôi vua, tức là vua Đồng-Khánh.

CHƯƠNG HAI

VIỆC TRỊ QUỐC

11

MẤY SỬ LIỆU VỀ SỰ KHẨN HOANG ĐỒNG BẮNG NAM-VIỆT NĂM KỶ-DẬU (1789)

Năm Kỷ-dậu (1789) tức là trước đây 170 năm, Chúa Nguyễn-phúc-Ánh chưa lên ngôi vua, vì Ngài hãy còn đánh nhau với nhà Tây-Sơn. Ba năm sau, Ngài mới lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Gia-Long, sau khi thắng nhà Tây-Sơn.

Trong các lý do thắng trận của Chúa Nguyễn-phúc-Ánh, có một lý do căn-bản, ấy là lý do kinh-tế.

Nguyên Ngài căn-cứ vào đất Nam này là một vựa thóc đệ nhất ở Việt-Nam.

Về diện-tích, đồng bằng sông Cửu-long rộng bằng ba đồng bằng sông Nhị-hà. Chất đất lại tốt, trừ mấy miền đồng chua nước mặn. Khi hậu lại đều hòa, nạn lụt và nạn hạn hán không có, bão cũng không. Nhưng cách đây độ một thế kỷ rưỡi, dân chúng ta ít, và lại vì nội chiến nên vườn ruộng bỏ hoang nhiều lắm.

Vậy vấn đề đặt ra cho Chúa Nguyễn-phúc-Ánh là phải lập các đồn điền. Các đồn điền vừa để lấy gạo nuôi quân, vừa để lấy gạo cho vào kho làm lương đem đi trận mạc, vừa để xuất cảng ra ngoại quốc, lấy tiền mua quân-nhu, quân-dụng.

Cho nên việc xét Ngài đã khai khẩn ruộng hoang là việc ta tìm hiểu non nước Nam-Việt ở miềng đồng

ruộng, cách đây một thế-kỷ rưỡi. Đồng thời ta xét cách Ngài tổ-chức kinh-tế để chống lại Nhà Tây-sơn.

* * *

Về năm Kỷ-dậu (1789) sử chép như sau này :

« Ngài — tức là Chúa Nguyễn-phúc-Ánh — đặt quan Điền toán, cho bọn Hán-lâm-ché-cáo là Trịnh-hoài-Đức, Lê-quang-Định, Ngô-tùng-Châu, Hoàng-minh-Khánh cả thảy mười hai người kiêm việc điền toán đi các tỉnh Phiên-Trấn, Trấn-biên, Vĩnh-trấn, Trấn-định đốc suất dân chấm việc làm ruộng.

Theo số định kè từ hạng phủ binh cho đến hạng cùng cỗ đều khiến chấm làm ruộng. Tên nào không làm ruộng phải cấp làm lính phủ binh. Đến lúc đập lúa rồi, thời xét số lúa được bao nhiêu. Giả như một người cày ruộng sâu mà được trăm thúng lúa, mỗi thúng là bốn mươi hai bát, cày ruộng cao mà được bảy mươi thúng trở lên, phủ binh thời tha một năm khỏi đi đánh giặc, dân thời tha một năm khỏi làm việc quan. Nếu lúa không đúng số ấy, lê không được tha.

Lại môt dân ngoại tịch làm lính cày ruộng, thuộc về quan Điền toán cấn ruộng hoang cho cày.

Như thiểu ngưu canh điền khi thời quan cho mượn tiền mua, chờ khi có lúa, nạp lúa trả lại.

Tài liệu trên đối với ta rất qui vì cho ta biết mấy điểm sau này :

Một là : khuyến khích dân và quân làm ruộng. Nhưng không phải là một sự khuyến khích suông, vì có thường, có phạt phân-minh, tùy theo năng lực sản xuất.

Hai là : Có một sự canh tác các ruộng bỏ hoang, có sự giúp đỡ của Chính-phủ.

Đến tháng mười năm sau là năm Canh-tuất (1790), Ngài đặt sở Đồn-điền.

Ngài dụ các quan rằng :

« Phép trị nước, trước hết phải tính cho đủ ăn. Bốn dinh trong Gia Định đất ruộng rộng lăm, lâu nay bình cách chưa rời đói khát luôn luôn, đến nỗi ruộng vườn bỏ hoang, dân chưa chăm nghè cày ruộng. Nên chi, của Nhà nước, lương quân lính chưa được đầy đủ. Vậy khiến các đội túc trực dinh Trung-quân và quân các vệ thuyền khẩn ruộng tại Thảo-mộc-câu (Thảo-mộc-câu tức là miền Đồng-tháp-mười) gọi là Trại Đồn-điền.

Nhà nước cấp ngưu canh điền khí và lúa giống, đậu hắp. Hẽ cắt hái xong rồi đem nạp vào kho cho Tiền đực hiệu. Chánh-cơ Nguyễn-Bình coi việc ấy.

Ngài lại sai văn võ các Nha bộ dân lập đội Đồn-điền. Mỗi năm mỗi người nộp sáu hộc lúa. Dân có ai mộ được mười người trở lên cho làm quản-trại, trừ tên trong số làng.

Vậy sự tăng gia sản xuất tiếp tục. Nhà nước hết sức giúp đỡ và khuyến khích. Sự lập đồn điền này là do quân đội phụ-trách. Sự lập các trại là do dân tự họp nhau lại mà làm.

Sang năm sau, là năm Tân-hợi (1791), vào cuối xuân, súr chép là: « Ngài khiến dân các dinh lanh trung ruộng đất hoang. Định ba năm mới thâu thuế, bọn đầu đơn lanh trúng trong hai mươi ngày thôi. Ngoại hạn thời cho quân cày, dân không được dành nữa ».

Tài-liệu này cho ta biết là dân đã quay về với đồng ruộng vì dân sợ quân-đội xung công làm đòn điền. Vậy quân và dân đã thi đua canh tác. Ta có thể kết luận một cách chắc chắn rằng chính sách của Chúa Nguyễn-phúc-Ánh đã đưa đến kết quả mỹ mãn. Ấy là, một mặt, nâng cao đời sống của dân bằng cách tăng gia sản xuất. Đồng ruộng bao nhiêu năm bỏ hoang đã được chăm nom, thêm phần sinh sắc. Các làng mạc, vườn tược được thành lập, dân chúng thi đua...

Một năm nữa là Nhà nước có của kho để chi dùng về việc chiến tranh. Quân-đội có lương ăn. Họ có ăn vì chính họ phải cày sâu cuốc bãm.

Thời bình họ làm nông phu, nếu Nhà nước gọi, họ vác súng ống, giáo mạc lên đường làm quân.

Nhờ có sự tổ chức này nên đất Nam có thêm nhiều làng, nhiều trại, định cư được cho biết bao nhiêu dân ly tán. Dân có đủ ăn. Nhà nước có của dùng... và có quân-đội trừ bị.

Trước đây hơn một thế kỷ rưỡi, đồng bằng sông Cửu-long là một kho lúa và một kho người. Đó là một lý do để Chúa Nguyễn-phúc-Ánh thắng nhà Tây-sơn.

NHÀ NGUYỄN, NHÀ LÊ

Họ Trịnh đoạt quyền, áp chế nhà Lê: năm 1737, Lê-duy-Chúc (con vua Lê-hy-Tôn) và Lê-duy-Quý, Lê-duy-Mật (con vua Lê-duy-Tôn) đã khởi nghĩa chống cự lại. Vì có mưu tiết lộ, Duy-Chúc và Duy-Quý bị bắt đem giết, Duy-Mật trốn được, chạy vào thượng miền Thanh-hoá. Vì bị quân Trịnh giang thúc bách, Duy-Mật chạy sang vùng Trấn-ninh (vào hồi năm 1740). Năm 1753, Trịnh-doanh muốn mượn chúa Nguyễn (Võ-Vương) đường cam lộ để tấn binh đánh Lê-duy-Mật, nhưng Võ-Vương không nghe. Tuy vậy, Trịnh-doanh cũng bắt được nhiều quân Lê-duy-Mật đánh phá ở địa hạt Bắc-kỳ. Năm 1764, Duy-Mật cầu cứu Võ-vương nhưng không được. Khi Trịnh-Doanh mất (1767), Lê-duy-Mật quá tin ở lực lượng của mình khởi thế công, đánh thắng về Thăng-long, Trịnh-Sâm, con Trịnh-Doanh phái Bùi-thế-Đạt đem rất nhiều quân lính và súng ống chống cự, Duy-Mật phải lui quân về Trấn-ninh, nhưng Thế-Đạt đuổi theo tới tận Trấn-ninh, vây hãm thành trì, đánh phá đến nỗi Lê-duy-Mật — vì không muốn hàng — phải xếp thuốc súng đốt để tự tử (1770) (chép theo Ch. MAYBON).

Trong hơn ba mươi năm, Lê-duy-Mật đã chống cự với họ Trịnh. Sau này, con cháu nhà Lê không có thể khởi nghĩa đánh đổ họ tiếm quyền được nữa.

Tháng hai năm sau (năm Ất-sửu, 1805) tôn thất và cựu thần nhà Lê như Lê-duy-An, Trịnh-Hiến, Lý-bình-Đạo, Nguyễn-hữu-Cung, hồi trước có theo vua Lê sang Tàu ở mười sáu năm, đều được vời vào Kinh làm quan (Trịnh-Hiến và Lý-bình-Đạo làm Thị trung học sĩ, Nguyễn-hữu-Cung làm chánh cơ).

Tháng sáu năm Đinh-mão (1807), gặp lễ Thất tuần Khánh-tiết đức Hoàng thái-hậu, con cháu nhà Lê, họ Trịnh xin về Kinh chầu Khánh-tiết.

Năm Kỷ-ty (1809), tháng giêng, vì nhớ công « Vua Thánh-Tôn phá Chiêm-thành mở đất đền Phú-yên đem dân vào ở » khởi đầu sự khai thác nước ta về phía Nam, Gia-Long truyền lập miếu thờ ở xã Phú-xuân, ngay ở Kinh.

Vậy Gia-Long đối với các vua Lê, con cháu và bầy tôi nhà Lê, không tỏ ra là một ông Vua hẹp lượng. Có lẽ vì muốn thu phục nhân tâm dân Bắc-hà. Vả lại Gia-Long sau khi được vua Tàu phong vương (tháng giêng năm Giáp-ty (1804) sau khi lên ngôi Hoàng-đế (tháng năm ngày Ất-vi năm Bính dần, 1806 — không sợ con cháu nhà Lê khởi nghĩa nữa).

Bắc-kỳ hoàn toàn ở dưới quyền họ Trịnh cũng như Trung-kỳ ở dưới quyền họ Nguyễn.

Nhưng sau thời kỳ rất ngắn của nhà Tây-sơn, thứ nhất là sau khi Nguyễn-Ánh thu phục lại cả ba xứ nước nhà bỏ hẳn nhà Lê, con cháu nhà Lê có lần nào khởi nghĩa lên không ? Họ đã chống cự như thế nào ?

* * *

Năm Nhâm tuất (1802) tháng sáu ngày Canh thân, Gia-Long đến thành Thăng-long, Nguyễn-quang-Toản đã bỏ thành chạy (chả bao lâu sẽ bị bắt ở Bắc-ninh).

Gia-Long thân yết miếu vua Lê-thái-Tô và tháng chín phong cho con cháu nhà Lê là Lê-duy-Hoán làm Diên-tự-

Công, cấp cho 1.010 tên tử phu, 10.000 mẫu tư điền và tha binh diêu và thuế thân cho tất cả họ. Trịnh-Tư, giòng giỗi họ Trịnh, được cấp 500 mẫu tư điền để coi việc tế tự, 240 người con cháu họ Trịnh được tha binh diêu và thuế thân.

Năm Giáp-tý (1804), con cháu nhà Lê xin dời miếu nhà Lê từ Thăng-long về làng Bố-vệ (huyện Đông-son, Thanh-hóa) Gia-Long truyền quan trấn Thanh-hóa bắt dân làm miếu lại, rồi cho 100 dân làng Bố-vệ làm miếu phu.

Tháng tám năm ấy, quan tài vua Lê-chiêu-Thống ở Tàu về, Gia-Long sai quan Bắc thành sửa sang quan tài, cấp tiền gạo cho linh hộ tống về táng tại tỉnh Thanh.

Nhưng tháng mười một năm Bính-tý (1816), có người phát giác Diên-tự-Công Lê-duy-Hoán mưu phản.

Lê-duy-Hoán bèn bị bắt bỏ ngục rồi bị giết vào tháng 5 năm sau (năm Đinh-vi, 1817).

Tháng 12 năm Đinh-vi (1817), Gia-Long khiển quan Bắc thành lựa một người con cháu nhà Lê — thay giòng Lê-duy-Hoán — để coi việc tế tự.

Tháng Giêng năm Kỷ-mão (1819) Gia-Long sai Lê-văn-Duyệt ra Kinh lược trấn Thanh, trấn Nghệ, vì hai trấn ấy, năm nào cũng mất mùa, trộm cướp nhiều, quan sở tại không kiềm chế được.

Tháng sáu, Lê-văn-Duyệt xin cho Quách-tất-Công và Quách-tất-Tại — hai con của Quách-tất-Tụ đi quân thư với Duyệt — làm chức Phòng-ngự Thiêm-sự, Quản-xã Sơn-

âm, xã Chân-lại, xã Trường-môn, và xã Băng-lương — phòng giữ đồn Chi-nê (Ninh-bình). Đến năm Nhâm-thìn (1832), con Lê-duy-Hoán là Lê-duy-Lương sẽ hợp với họ Quách ở Sơn-âm khởi loạn.

* * *

Lê-duy-Lương cùng Thồ ti xã Sơn-âm (châu Quan-Hoá) là anh em Quách-tất-Công hợp đảng khởi nghĩa.

Duy-Lương xưng là là Đại Lê Hoàng tôn, tạo ấm, phong chức (như những chức Tiền, Hậu, Trung, Tả, Hữu năm quân và Thống-tướng, thống chế, thống-lĩnh). Dàn ba thồ huyện Lạc-thồ, Phụng-hoá, An-hoá (thuộc tỉnh Ninh-bình, sung bắt làm quân : những tù phạm trốn và dân đói ở các hạt gần đấy theo nhiều, ước đến vài nghìn. Quan quân thường bị hại.

Tháng hai năm Nhâm-thìn (1832) (tức là năm Minh-Mạng thứ 13) Lê-duy-Lương đưa thư cho Trần-Tử, Đỗ-Bảo ở phủ Trần-ninh, Trần-Tứ và Đỗ-Bảo xướng suất cho binh các đội giết chánh đội Đỗ-trọng-Thai và tám người lính, cướp khí giới, theo đường núi phận Kỳ-sơn, Hội-nguyên mà đi ra Bắc.

Tạ-quang-Cự, Tông-đốc An-tịnh chia quân đón bắt và đem việc tâu lên: Minh Mạng khiến các địa phương Thanh-hóa, Ninh-bình, Sơn-tây phòng triết cho nghiêm, lần lần bắt được hết thảy. Trần-Tử và Đỗ-Bảo đều phải tội lăng-tri.

Tháng Ba năm Qui-tị (1833) Quách-tất-Công đánh vây thành phủ Thiên-quan. Lê-duy-Nhiên hiệp đồng người làng Thạch-Bi là Đinh-thế-Giáp, Đinh-thế-Đức, Đinh-công-Trịnh, Quách-công-Tiến. Đem đảng hơn ba nghìn người xâm nhiễu châu Đà-Bắc, tỉnh Hưng-hóa, hầm đồn Vạn-phà.

Minh-Mạng khiến Tông-đốc An-Tịnh là Tạ-Quang-Cự thân đốc hai nghìn biền-binh, năm con voi mau đến Ninh-bình để làm Thanh-viên : lại khiến hộ-phủ Thanh-hoá là Nguyễn-đăng-Giai qua đồn Phố-cát hội tiễn.

Tháng sáu, Tạ-quang-Cự bắt sống được Lê-duy-Lương và Lê-duy-Nhiên, đóng cùi giải về Kinh.

Đảng Lê-duy-Lương tan rã.

Khi dân sự đã được yên ổn, Minh-Mạng (tháng tư năm Bính-thân, 1836) đặt lưu quan ở ba thõ huyện, Phụng-hóá, An-hoà, Lạc-thõ Tri-huyện kiêm lĩnh giáo chức.

Nhưng nửa năm sau, con cháu nhà Lê lại khởi nghĩa, chính lại ở xã Sơn-âm. Vì anh em họ Quách vẫn chưa bị bắt vì giòng giỗ nhà Lê còn Lê-duy-Hiến.

* *

Lê-duy-Hiến — là con Lê-duy-Trạch — không biết họ hàng với Lê-duy-Lương như thế nào. Người tinh Bắc-ninh là Hoàng-đồng-Nguyệt dẫn Duy-Hiến vào làng Sơn-âm, tôn xung là Đại-lè hoàng thân hiền còng. Còn Đồng-Nguyệt tự xung là Quốc-sư.

Ở Sơn-âm, anh em họ Quách, sau khi bị đánh thua vẫn tụ họp đồ đảng. Tháng 12 năm Quý-tị (1833) Hộ-phủ Ninh-bình là Lê-nguyễn-Hy có mật tâu rằng : « Trong tỉnh hạt huyện Lạc-thõ, An-hoá, Phụng-hóá thõi dân giáo trá. Địa phận tiếp giáp với Thanh-hoá, Hà-nội, Sơn-tây và Hưng hoá rừng rú rộng xa, núi khe hiểm trở. Tựu trung họ nhóm các xã chỉ có bọn nghịch phạm Đinh-thế-Đội, Quách-

tất-Công, Cao-viết-Khoái. Mấy họ ấy đời đời kết hôn với nhau mà dân đó cứ theo các tên Thồ-ty, Thồ-mục, chỉ biết tình hôn nhân mà không biết phép cưới, thường dung ăn cho nhau. Lê-duy-Lương, Lê-duy-Nhiên bắt được ở đó đều là người nơi khác mà tới ! Nay nghe bọn Quách-tất-Công tu đảng hơn ba trăm người ra vào phía rừng các làng Sơn-âm, Thượng-lung, Hiệu-lũng, Trung-hoàng. Còn đảng tặc trốn ở Thanh-hoa bốn năm trăm người ra vào núi Song-lãnh gần núi « Tam-điệp », Lê-nguyễn-Huy súc lãnh binh Nguyễn-văn-Tưởng đi nã bắt và xin Minh-Mạng súc cho các đạo đi hội tiễu. Nhưng Minh-Mạng mật dụ rắng : « Phải dụ dân Thồ ra sức tìm bắt, đừng khiến chúng nó có bụng ngờ sợ mà thắt sách ! »

Họ Quách nuôi giấu Lê-duy-Hiền, tôn làm Minh-chủ chiêu dụ đồ đảng, đúc ấn đặt quan, mật dụ những Thồ-ty, Thồ-mục ở châu Thanh-hoa, Cầm-thủy, Long-chánh thuộc về tỉnh Thanh-hoa. Bọn giặc lại khiến Quách-phú-Thành, Đinh-kim-Bảng đi xui người xứ Ái-chữ là Phạm-công-Nho, người Cồ-lũng là Hà-công-Kim, người Hốc-xuân là Phạm-bá-Nho đem đồ đảng hơn năm trăm đến động Hồi-xuân giết Tri-châu là Tô-danh-Cần bỏ thây xuống sông. Những việc đó xảy ra vào tháng 10 năm Bính-thân (1836) tức là năm thứ 17 đời Minh-Mạng.

Minh-Mạng cho Tạ-quang-Cự làm kinh-lược đại sứ đạo Ninh-bình, Hà-duy-Phiên làm Tham-tán đại thần, đều ban cho ấn quan phòng làm việc quan. Ngài lại dụ tỉnh Nghệ-an và Hà-tĩnh đều phái một quản vệ đem về biền binh năm trăm đi theo quân thứ sai khiến. Tháng 11, bọn Hà-công-Kim, Đinh-kim-Bảng hiệp với tên Phạm-thúc-Liêm

tụ chúng hơn một nghìn, từ châu Lang-khánh kéo xuống hai huyện Thuy-nghuyên và Lôi-dương, Kim-Bảng làm tờ hịch xưng niên-hiệu. Vịnh-tại có nhiều người theo lăm. Đồng đảng là Lê-phi-Ất người động Khương-cải và Lê-phi-Bài người động Thồ-nang, bắt giết Tri châu Lang-chánh là Hồ-tổ-Thiện Bố-chánh Nguyễn-nhược-Sơn phi tư các quan quân thứ hội tiếu.

Lãnh binh Thanh-hoa là Nguyễn-văn-Kỳ đóng ở Ái-chữ bị Phạm-công-Nhơ tới vây : quan triều đình chết và bị thương nhiều lăm. Thư Tống đốc Hoàng-văn-Ấn lui về làng La-khán. Giặc chia đồn đóng giữ. Thấy thế giặc mạnh mà các quan địa phương không dẹp nổi, Minh-Mạng cho binh bộ Thượng-thư Cơ mật viện đại thần Trương-đăng-Quế sung Kinh lược sứ tỉnh Thanh-hoa, Doãn-Uân và Nguyễn-đăng-Giai sung chức Phó-sứ. Lại truyền dụ tỉnh Hà-ninh lượng phái một vệ binh tinh túy theo sai phái.

Năm Đinh-dậu (1837), tháng giêng, Tống đốc An-tĩnh là Phạm-văn-Điền tiếp được phủ Quý-châu báo rằng quan triều đình đánh giặc ở Nông-cống bị thua, giặc xâm tới hạt Quý-châu, Văn-Điền phái lãnh binh Nguyễn-văn-Đức từ Quý-châu thảng tới địa đầu tổng Lâm tự tỉnh Thanh-hoa để hội tiếu. Trong khi đó thì Đô-đốc Hà-ninh là Tôn-thất-Bật đánh phá giặc ở Cao-tri, đuổi theo đến thảng địa đầu châu Lang-chánh.

Trương-đăng-Quế tới đóng ở Lang-chánh vào hạ tuần tháng giêng, quân giặc từ khi bị thua đều chạy cả : giặc ở Tam-lư (thượng du châu Lang-chánh, tiếp giáp huyện Man-duy và Trình-cô) và Tú-động (thượng du châu Quán-

hóa, tiếp giáp tỉnh Hưng-hoá) đều chạy về sào huyệt cả, còn toán giặc ở Lang-chánh thời trốn vào rừng rú.

Đăng-Quế liền thương ủy Nguyễn-đăng-Giai tới Tứ-động, Tôn-thất-Bật tới Tam-lư để đuổi theo giặc, còn mình cùng Doãn-Uân ở lại Lang-chánh yết thị chiêu an.

Đăng-Quế đem hết tình trạng tâu lên vua và xin rằng « Động Khương Chánh đường đi thông bốn ngả rất là xung yếu xin lập một đồn lớn để trấn áp và sau để làm châu ly ở đó luôn: chúng tôi đã sức đòi dân huyện Lôi-dương 300 tên hiệp với quân binh xây đắp rồi, đặt tên là đồn Ninh-lương, phái quân đóng giữ ». Minh-Mạng liền cho quan bị cách là Lê-nguyễn-Trung làm tri châu Lang-chánh.

Tháng hai, Kinh-lược-sứ ở Ninh-bình la Ta-quang-Cự và tham tán Hà-duy-Phiên tự Phù-Biển đem quân trở về, chia đạo tuần tiễu giặc Sơn-am.

Tháng ba, Kinh-lược phó sứ Thanh-hoá là Nguyễn-đăng-Giai, Đề-đốc Tôn-thất-Bật đóng binh ở Ái-chữ, bắt được tướng giặc Phạm-công-Nho đóng cùi đem về Kinh giết ngay.

Quan binh đạo Ninh-bình bắt được tướng giặc Quách-tấn-Tại đóng cùi đưa về Kinh làm tội.

Trương-đăng-Quế tâu: « Trong châu Lang-chánh các xứ Trịnh-vạn, Mậu-lộc, Quận-thiên, Lâm-lư — ở phía tả sông Lương — dân cư giữa núi mỗi đâm một hai nhà, chẳng thành làng xóm, mà rừng rú núi khe đi lại rất là gian hiểm và xa cách châu-ly, thiệt khó xem xét. Huống chi

xứ ấy, hai mặt Tày, Bắc tiếp giáp Quý-châu tinh Nghê và xứ Sầm-tộ Trấn biên cũng là một nơi quan yếu, nếu gìn giữ nơi ấy thì xứ Lâm-lỵ và Quan-thiên không cậy hiềm được nữa. Vậy xin chia Trịnh-vạn làm hai xã với xã Thọ-thắng, xã Mậu-lộc đặt tên là Tông Trịnh-vạn chia tám xã thôn ở Lâm-lỵ và Quan-thiên đặt làm tổng Quan-nhân, lại trích tổng Như-lăng ở huyện Nông-cống, tổng Luận-khê ở huyện Lôi-dương đặt làm châu Thường-xuân. Đắp thành Trịnh-vạn để làm Châu ly. Còn huyện Cầm-thủy chưa có huyện ly mà xét huyện ấy dân cư trù mật lại không núi khe hiềm cách, xin bắt lính đắp thành tại xã Thạch-lâm ở về phía tả sông Mã cho huyện viên tời ở đó làm việc ».

Minh-Mạng y cho đủ cả các điều tâu ấy. Kinh-lược Ninh-bình là Tạ-quang-Cự, Tham-tán Hà-duy-Phiên lại bắt được vợ con Quách-tấn-Còng, Quách-tất-Tề đều đem chinh pháp.

Tháng tư, Trương-đăng-Quế giao cho Thổ-ty Quan-hoá là Hả-văn-Vân đi bắt giặc, Vân bắn chết tên tướng giặc là Phạm-bá-Nho ở rừng Lực-canhh bỏ đầu vào thùng phát về Kinh.

Tạ-quang-Cự và Hà-duy-Phiên bắt được Lê-duy-Hiển chạy cờ đỏ về báo tiệp. Tên Hoàng-đông-Nghiệp xung làm quốc-sư cũng bị binh dân bắt giải: hắn cắn lưỡi tự tử.

Nguyễn-đăng-Giai bắt được Dinh-kim-Bảng đóng cùi đưa về Kinh, lại bỏ đầu Phạm-phúc-Hiền vào thùng đê về luôn.

Trương-đăng-Quế đem những Kinh lược sự nghỉ bầy

tâu, Minh-Mạng dụ rằng : « Thuế định, thuế điền năm nay và tiền lúa trích khiếm mấy năm trước trong 6 huyện, chau bị giặc đều giàn tha hết, Trong bầy xã về huyện Lôi-dương, huyện Nông-cống, huyện Thuy-nguyên cũng vậy ».

Tháng năm, Trương-đăng-Quế nghiêm đốc bọn thú định bắt lần đem nạp cả thảy người thân thích bọn tướng giặc Hà-công-Tư, Lê-phi-Hiếu, Lê-phi-Ất, Lê-phi-Bài, Hà-công-Kim, Phạm-thúc-Liêm rồi Trương-đăng-Quế được lệnh đài về Kinh.

Việc Kinh lược tịnh Ninh-bình đã xong, Tạ-quang-Cự và Hà-duy-Phiên về Kinh.

Minh-Mạng truyền đổi huyện Lạc-thổ làm huyện Lạc-an, trước tên xã Sơn-âm, đổi dân xã ấy cả thảy 133 người ra ở các xã duyên hải tỉnh Ninh-bình mà phải quản thúc một cách rất nghiêm, còn ruộng đất Sơn-âm thời cấp cho các xã lân cận nhận lĩnh cày và ở.

Tháng ba, Ngự-sử đạo Bình-phu là Ngô-văn-Dịch và Ngự-sử đạo An-hà là Ngô-văn-Thạc có tâu rằng : « Những gò đất ở Sơn-âm nhiều chỗ như hình súng, hình gươm, họ Quách đời nào cũng có kẻ phản nghịch, cũng tại phong thổ xui khiến ra vậy, xin cho phá bằng masonry gò đất ấy để khôi sinh giặc ». Không biết Minh-Mạng có sai làm theo lời tâu ấy không.

Tháng bảy, có dụ dời con cháu nhà Lê, và Tả-trực-Kỳ, từ Quảng-nam trở vào 3 tỉnh trong, cho ở mỗi huyện 15 người, mỗi người cấp 10 quan tiền, 1 mẫu ruộng công.

Tháng sáu năm Ất-vì (1835), Minh-Mạng đã có dụ trước trừ các ngạch con cháu nhà Lê, họ Trịnh.

* *

Con cháu nhà Lê còn có lần khởi nghĩa nữa.

Lê-duy-Cự hiệp cùng Cao-bá-Quát giáo thụ phủ Quốc-oai nỗi lên. Duy-Cự làm Minh chúa, Bá-Quát làm Quốc-sư, quay rổi miền Hà-nội, Sơn-tây được vài năm. Đến tháng mười hai năm Giáp-dần (1854) Phó lãnh binh Sơn-tây Lê-Thuận phá hết đảng nghịch ở núi An-sơn : Cao-há-Quát bị bắt sống.

Năm Tân-dậu (1861), tháng 12, ở Quảng-yên, cố đạo tên là Trường nỗi loạn, tôn Tạ-văn-Phụng làm minh chúa Văn-Phụng tự xưng là Lê-duy-Minh con cháu nhà Lê, không biết là thật hay dối (1).

Năm Nhâm-tuất (1862), ở Bắc-ninh, viên chánh tông là Nguyễn-Thanh tự xưng Nguyễn-soái, tôn tên Huân làm Minh

(1) Hiện giờ ở Nghệ-an, còn có họ Lê-duy : có phải là con cháu nhà Lê không ? Đến ở Nghệ tự bao giờ.

Năm Giáp-tuất (1874) tức là năm thứ 27 triều Tự-Đức, tháng giêng vua Tự-Đức chuẩn phong cho con cháu nhà Lê là Lê-duy-Kiến ở Bình-định làm phó Quản-cơ, Diên-tự nam, cho đi trại về Thanh-hoa đế chủ tự nhà Lê. Duy-Kiến tâu rằng : « Khi trước (nhà vua) cho vào ở Bình-định, chỗ ở đã yên. Nay cho về Thanh, được gần tiên tő, vẫn là muốn lầm, nhưng e hoặc có kẻ nhân đó sinh sự, lại thêm tội cho tôi, phụ ơn Triều đình châu toàn. Tôi xin ở lại Bình-định đế nhờ ơn lâu dài ». Ngài cho nhưng đình việc lập tước và giám tự. Còn việc tế tự miếu vua Lê với các đời vua trước thời thuộc về quốc-tế. Rồi ngài chuẩn cho Lê-duy-Kiến được tha thuế trọng đòi.

tâu, Minh-Mạng dụ rằng : « Thuế đinh, thuế điền năm nay và tiền lúa trích khiếm mấy năm trước trong 6 huyện, chau bị giặc đều già ơn tha hết, Trong bảy xã về huyện Lôi-dương, huyện Nông-cống, huyện Thụy-nguyên cũng vậy ».

Tháng năm, Trương-đăng-Quế nghiêm đốc bọn thú đinh bắt lần đem nạp cả thảy người thân thích bọn tướng giặc Hà-công-Tư, Lê-phi-Hiếu, Lê-phi-Ất, Lê-phi-Bài, Hà-công-Kim, Phạm-thúc-Liêm rồi Trương-đăng-Quế được lệnh đòi về Kinh.

Việc Kinh lược tịnh Ninh-bình đã xong, Tạ-quang-Cự và Hà-duy-Phiên về Kinh.

Minh-Mạng truyền đổi huyện Lạc-thổ làm huyện Lạc-an, tước tên xã Sơn-âm, đổi dàn xã ấy cả thảy 133 người ra ở các xã duyên hải tỉnh Ninh-bình mà phải quản thúc một cách rất nghiêm, còn ruộng đất Sơn-âm thời cấp cho các xã lân cận nhận lĩnh cày và ở.

Tháng ba, Ngự-sử đạo Bình-phu là Ngô-văn-Dịch và Ngự-sử đạo An-hà là Ngô-văn-Thạc có tâu rằng : « Những gò đất ở Sơn-âm nhiều chỗ như hình súng, hình gươm, họ Quách đời nào cũng có kẻ phản nghịch, cũng tại phong thổ xui khiến ra vậy, xin cho phá bằng masonry gò đất ấy để khôi sinh giặc ». Không biết Minh-Mạng có sai làm theo lời tâu ấy không.

Tháng bảy, có dụ dời con cháu nhà Lê và Tả-trực-Kỳ, từ Quảng-nam trở vào 3 tỉnh trong, cho ở mỗi huyện 15 người, mỗi người cấp 10 quan tiền, 1 mẫu ruộng công.

Tháng sáu năm Ất-vì (1835), Minh-Mạng đã có dụ trước trừ các ngạch con cháu nhà Lê, họ Trịnh.

* * *

Con cháu nhà Lê còn có lần khởi nghĩa nữa.

Lê-duy-Cự hiệp cùng Cao-bá-Quát giáo thụ phủ Quốc-oai nồi lén. Duy-Cự làm Minh chúa, Bá-Quát làm Quốc-sư, quấy rối miền Hà-nội, Sơn-tây được vài năm. Đến tháng mười hai năm Giáp-dần (1854) Phó lãnh binh Sơn-tây Lê-Thuận phá hết đảng nghịch ở núi An-sơn : Cao-ná-Quát bị bắt sống.

Năm Tân-dậu (1861), tháng 12, ở Quảng-yên, cố đạo tên là Trường nồi loạn, tôn Tạ-văn-Phụng làm minh chúa Văn-Phụng tự xưng là Lê-duy-Minh con cháu nhà Lê, không biết là thật hay dối (1).

Năm Nhâm-tuất (1862), ở Bắc-ninh, viên chánh tòng là Nguyễn-Thanh tự xưng Nguyễn-soái, tôn tên Huân làm Minh

(1) Hiện giờ ở Nghệ-an, còn có họ Lê-duy : có phải là con cháu nhà Lê không ? Đến ở Nghệ tự bao giờ.

Năm Giáp-tuấn (1874) tức là năm thứ 27 triều Tự-Đức, tháng giêng vua Tự-Đức chuẩn phong cho con cháu nhà Lê là Lê-duy-Kiến ở Bình-định làm phó Quản-cơ, Diên-tự nam, cho đi trại về Thanh-hoa để chủ tự nhà Lê. Duy-Kiến tâu rằng : « Khi trước (nhà vua) cho vào ở Bình-định, chỗ ở đã yên. Nay cho về Thanh, được gần tiên tớ, vẫn là muốn lắm, nhưng e hoặc có kẻ nhân đó sinh sự, lại thêm tội cho tôi, phụ ơn Triệu đinh châu toàn. Tôi xin ở lại Bình-định để nhờ ơn lâu dài ». Ngài cho nhưng đình việc lập tước và giám tự. Còn việc tế tự miếu vua Lê với các đời vua trước thời thuộc về quốc-tế. Rồi ngài chuẩn cho Lê-duy-Kiến được tha thuế trọn đời.

chúa. Năm Tự-Đức thứ tám (1855), Huân đã khởi nghịch, tự xưng là con cháu nhà Lê rồi sau đảng tan, hẩn trốn đi, đến bảy giờ mới xuất đầu lò diện. Đảng Huân liên lạc với đảng Phung và giặc Tàu tràn sang bên ta : đến cuối năm Bính-dần (1866) Tự-Đức mới dẹp xong.

* * *

Những việc chép trên đây là theo sách *Quốc-triều chánh-biển toát-yếu* của bộ Học ở Huế xuất bản năm 1923.

Theo sách đó, ta chỉ biết *dai-lược* mà thôi ; muốn hiểu rõ, ta cần phải khảo-cứu theo *Thật-Lục* và theo nhiều sách khác nữa : *xin dành công việc cho các nhà sử-học sau này*.

Nhưng ta cũng có thể, theo tài liệu trên đây — tài liệu chắc chắn vì trích trong *Thật-Lục* — hiểu được ít nhiều.

1.— Người Mường, Thái ở thượng-du Thanh-hóa, Ninh-bình (họ Quách) đã giúp Lê-duy-Lương khởi nghĩa (từ đầu năm Nhâm-thìn 1832 đến giữa năm Qui-tị 1833) trong vòng một năm rưỡi và Lê-duy-Hiến (từ tháng 10 năm Bính-thân 1836 đến giữa năm Đinh-dậu 1837, trong vòng bảy tháng).

2.— Tạ-quang-Cự, Tồng-đốc An-tĩnh đã đánh được Lê-duy-Lương một cách rất dễ dàng chỉ cần binh lính ở Nghệ-tĩnh và chỉ nhờ các tỉnh lân cận phòng giữ đồn bắt quân nghịch. Quân nghịch thất bại ngay từ đầu vì không xui được quân Trần-ninh nỗi loạn ; chỉ khởi thế công có hai lần : vây thành phủ Thiên-quan, hầm đồn Vạn-pha.

3.— Họ Quách không bị bắt giết ngay năm Quý-Tị (1833) vì là họ *Mường*, được *thồ dân nghe theo* vì ở nơi rừng núi, khó cho quân tri triều-dinh tập nã. Tháng tư năm Bính-thân (1836), Minh-mạng đặt lưu quan ở Phụng-hóa, An-hóa. Lạc-thồ : đó là một cớ cho các Thồ-ty ở nơi đó khởi loạn, *vì quyền lợi của họ, đời đời truyền lại, bị mất về cách cai-trị mới.*

Họ Quách có liên lạc gì với nhà Lê không ? *Họ làm loạn để phù nhà Lê hay để giữ quyền lợi của họ ?* họ có lợi dụng Lê-duy-Lương, Lê-duy-Hiển để cho vây cánh họ thêm đồng hay không ? Nhà Lê hồi xưa khởi nghĩa ở Lam-sơn, dung binh ở thượng-du Thanh-hóa, ở đất đai của người Mường, Thái, lẽ tất nhiên là có ảnh hưởng đến các thồ-dân, Thồ-ty.

Dù thế nào mặc lòng, ta nhận thấy là *dân trung-châu Bắc-kỳ và Thanh, Nghệ đã hưởng ứng rất ít với con cháu nhà Lê.*

4.— Khởi nghĩa lần thứ hai, phò Lê-duy-Hiển, họ Quách đánh từ thượng-du Thanh-hóa trở xuống đồng bằng và Quỳ-châu (Nghệ-an) : quân địa phương không dẹp nổi, Minh-Mạng phải sai binh bộ thượng thư Trương-đăng-Quế đi kinh lược ; lại dụ lính Hà-sinh ra trợ lực.

Quân nghịch dần dần bị tiêu trừ, Trương-đăng-Quế đắp đồn Ninh-lương, đặt chàu Thường-xuân, đắp thành Thạch-Lâm, xin tha thuế định, điền trong một năm.

SỰ DẸP LOẠN ĐUA ĐẾN SỰ AN DÂN, SỰ CAI-TRỊ NGƯỜI MUỜNG, NGƯỜI THÁI Ở THANH-HOÁ, NINH-BÌNH, HÒA-BÌNH BÂY GIỜ.

Ngoài sự bắt giết các đầu lĩnh, sự trừng phạt xóa bỏ xã Sơn-âm, đầy con cháu nhà nhà Lê vào phía nam Trung-kỳ (nhưng có lẽ đầy không hết) (1)

(1) Xã Sơn-âm bây giờ là đồn điền của ông Lecomte, trong tỉnh Hoà-Bình.

Những dân ly-tan — sau khi làng bị triệt hủy năm 1837 — có trở về tụ-hop nhưng không dám xin khôi phục lại tên và địa bộ của làng, cũng không dám xin lập một làng mới.

Có lẽ vì những điều kê trên mà ông Borel được chính-phủ Bảo-hộ cho đứt đất đai xã Sơn-âm làm đồn điền riêng (tuy những đất đai đó đã sát nhập vào các làng lân cận). Những dân xã tụ họp lại có lẽ thành cu-li trong đồn điền hay đã xiêu bạt đi nơi khác.

Ông Borel sau bán lại đồn điền cho ông Lecomte.

Tôi kê trên theo lời ông Lý-trưởng ở Kê-sở không biết có đúng không: cần phải khảo cứu tại chỗ mới được.

Họ Quách cũng hình như hãy còn nhiều con cháu ở vùng lân cận.

CÁC VUA GIA-LONG VÀ MINH MẠNG ĐÃ XÉT XỨ VÀ DÂN GIA-ĐỊNH NHƯ THẾ NÀO ?

Năm Giáp-Tuất (1814), tháng tư, nhân việc lụa lính ở Gia-Định, Vua Gia-Long có dạy trong đạo dụ rằng : « Gia-Định là nơi trung hưng, ngày xưa chỉ có đám đất và một toán quân mà khôi phục đất cũ ».

Năm Đinh-Vị (1817), tháng tư, Ngài dạy các quan rằng : « Đất trong Gia-Định rất tốt. Liệt Thánh mở mang bờ cõi, chưa được một trăm năm mà lính mạnh, cửa giàu. Ta đem lính đánh Tây-Sơn, một trăm người địch được một vạn người. Vài trăm năm nữa, càng giàu mạnh thêm cũng chưa biết chừng ». Ngài lại dạy thêm là : « Địa-thế Châu-đốc, Hà-tiên cũng không kém Bắc-Thành ».

Theo lời dụ ở trên, ta nhận thấy rằng : « Ngài đã khen Gia-định là xứ đất giàu, dân mạnh. Lời khen đó không phải là quá đáng, tuy câu « trăm người địch nồi vạn người » chỉ có nghĩa rằng người Gia-định hung-hỗ, anh-dũng trái với người Bắc và người Trung có tính điềm-dạm nhu gia.

Vì Ngài nhận thấy xứ Gia-định giàu nên về phương diện quân-sự, Ngài đã có ý đề phòng cho khỏi ngoại xâm.

Ngay từ năm Giáp-Tý (1804), tháng mười một, Ngài dụ quan tỉnh « phải trữ lúa thuế vào kho cho nhiều »

vì « Gia-định là nơi hệ trọng của miền Nam » ; mỗi năm số lúa ngự trở về Kinh chỉ có 1.000 phượng mà thôi.

Năm Giáp-tuất (1814), tháng tư, về việc lựa lính, như trên kia đã nói, Ngài chuẩn lời tâu của quan Tông-trấn và dụ là cứ theo số tuyển năm Quý-dậu (1813) mà trong đám người đinh thì lấy một người lính. Lính sẽ chia làm năm ban, một ban ở, bốn ban về nhà. Hết đến tháng ba và tháng mười một phải tới trận tập võ tháng rồi sẽ cho về. Trong bài du Ngài có dạy : « Gia-định tiếp giáp biên phuong, phải phòng bị mới khỏi lo ». Biên phuong đây đối với Ngài là nước Xiêm.

Ngài đã không nghĩ tới nước Pháp là nước bạn sẽ có thể mở cuộc chiến tranh xâm-lăng, để lập nền thực dân ở nước ta và trước hết ở Gia-định. Với độ lượng thành-thực của một vị Hoàng-đế, Ngài đã không nghĩ nước Pháp cũng như Ngài, đã tin dân Gia-định trung-thành với nền độc-lập và thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Ngài.

Vua Minh-Mạng vốn thàm nho học, không đứng về phuong-diện quan sự mà xét xử Gia-định. Ngài đã nghĩ tới mặt giáo-hoa xứ ấy.

Năm Tân-ty (1821) tháng ba, Ngài dạy Thượng-thư bộ hộ Nguyễn-hữu-Thận rằng :

« Người Gia-định vốn trung-nghĩa, nhưng ít học nên hay ra khích khí. Nếu được kẻ học giỏi làm thầy đem lê mà dạy thời dã hoá làm thiện mà thành tài được nhiều ».

Rồi theo lời đình-thần cử lên, Ngài cho Hàn-Lâm tu-

soạn Nguyễn-đăng-Sơ làm Đốc-học Gia-định, người học trò trấn Nghệ-an là Nguyễn-trọng-Võ Phó Đốc-học.

Năm Quý-vị (1823) tháng chín, Nguyễn-đăng-Sơ được lệnh dời về Kinh làm tu-nghiệp truwờng Quốc-tử Giám.

Nguyễn-đăng-Sơ vào bệ kiến, Ngài hỏi :

— Học trò trấn Gia-định như thế nào ?

Tâu rằng :

— Học trò xúi ấy nhiều kẻ tuẩn-tú, dẽ dạy.

Ngài ban rằng :

— Năm ngoại truyền cho công-cử học sinh, sao không thấy có tên nào ?

Tâu rằng :

— Tờ sắc xuống không thấy hỏi tới học thàn nên tôi không dám vượt chức mà cử.

Ngài liền khiếu quan Tồng-trấn hỏi quan Đốc-học lựa người nào nên sung công thời tâu lên. (Sở dĩ Nguyễn-đăng-Sơ tâu rằng : « Tờ sắc xuống không hỏi tới học thàn nên tôi không dám vượt chức mà cử » là vì đã không giữ chức đốc-học : mà là phó đốc-học chắc đã có một sự mâu thuẫn nào với Tồng-trấn).

Có phải Nguyễn-đăng-Sơ không tiến cử học-sinh vì không có học-sinh xuất sắc hay vì đã không được tờ sắc hỏi tới ?

Dù sao, năm Nhâm-thìn (1832), tháng tư, về việc định phép học ở Gia-định, sử chép rằng :

« Ngài nghĩ Gia-định nhiều người anh tuấn nhưng nhác học. Có kẻ đã hạch tấu tám lần mà chưa đủ văn-thể bỗn trường khiến bộ Lê bàn định điều lệ, coi sốt học trò nhiều hay ít mà định truất trắc ».

Vậy Vua Minh-Mạng nhận rằng học-sinh Gia-định kém về tài giỏi, nhưng Ngài biết là dân thời « biết nghĩa dễ dạy ». Như năm Nhâm-Ngọ (1822) tháng mười một, bỗn tri phủ vào Gia-định. Ngài có dụ rằng : Tiến-sĩ triều ta, từ bọn người là đầu mà dân Gia-định biết nghĩa dễ dạy, phải nghĩ *tuyên đức hoá, khuyến phong tục, cho xứng ý ta* ».

Nói tóm lại, đất Gia-định có phải « lính mạnh của giàu » như vua Gia-Long đã dự và có phải « ít học hay ưa khích khí » dân tuy « biết nghĩa dễ dạy » nhưng học sinh « nhác học » theo lời Vua Minh-Mạng dạy không ?

Có một phần đúng trong lời hai Ngài đã du.

Nhưng ta cũng nên nhận rằng Vua Gia-Long đã đứng về phương diện *quân sự* mà muốn đề phòng xứ Gia-định cho có thể chống được ngoại xâm, cũng như vua Minh-Mạng đã đứng về phương-diện *giáo dục* mà muốn « tuyên đức-hoá, khuyến phong-tục », cho dân Gia-định có một tinh thần và văn-hoá dân-tộc.

Hai Ngài đã hiểu rõ xứ Gia-định và đã thương yêu xứ ấy, muốn cho xứ ấy có một văn-hoá, một tâm hồn để có địa vị trong gia-định Việt-Nam.

VUA GIA-LONG VỚI VIỆC ĐÚC TIỀN, BẠC

Xứ Bắc-kỳ tiêu tiền Nhà Lê, Nhà Tây-sơn cho đến khi Vua Gia-Long đúc tiền, bạc mới (1803).

Vua Gia-Long đã đúc tiền, bạc như thế nào ?

Vua Gia-Long đã đúc tiền vàng, bạc, tiền đồng, tiền kẽm, giá đổi với nhau như thế nào ?

Đó là mấy câu hỏi mà tôi tạm trả lời sau đây, tài-liệu đánh số đề sau này ai kiểm được thêm thời bồ chính vào (tài-liệu trích trong quyển Quốc-triều chánh-biên-toát yếu.)

Tài-liệu :

1.— Năm Quý-hợi (1803), tháng năm, quan coi việc Hộ ngoài Bắc-Thành là Nguyễn-văn-Khiêm vào chầu, nhân tâu : « Bạc đời Tây-Sơn đúc có pha lộn kẽm và thiếc nhiều lắm, vây nên phân lượng không đủ ; bây giờ đúc bạc, phải khắc chữ làm tin ».

Ngài cho là phải, sắc nhà đồ ở Bắc-thành là Trần-bình-Ngũ làm dấu « Trung-bình », phàm đinh vàng, đinh bạc của công hay của tư có in dấu « Trung-bình » mới được thông dụng, ai làm gian sẽ phải tội. (Nhà đồ là sở đúc bạc đinh, bạc nén. Trần-Bình-Ngũ là người Tàu).

2.— Tháng mười, ngày Đinh-sửu, Ngài ngự giá đến Hành-cung Thăng-long, chờ sứ Tàu sang phong).

Ngài cho mở cuộc đúc tiền ở Bắc-thành, cho Chánh-Cor Nguyẽn-văn-An làm Giám-đốc, Lê-Duy-Đạt làm phó.

Cho mấy tên thợ kiếm đồng riêng làm lò, y theo thứ tiền mới mà đúc, cấm không được đúc tư và đúc trộn. Tiền mỏng hay pha chẽ nhiều thời sẽ phải tội.

Ngài truyền các quan rằng : « Bây giờ đúc tiền mà giá đồng cao, vì dân ham lợi mua sỉ hết đồng, nên chi giá cao, muốn cấm tệ ấy, phải xét đến gốc mới được. Trẫm nghĩ rằng mua đồng ở dân thời giá đồng cao, thàu đồng ở quan thời giá đồng rẻ, ấy là lẽ tất-nhiên ».

Liền sắc cho từ rày về sau, ai có đồng đỏ, đồng linh-tinh, cho đem bán tại sở đúc tiền, không được mua hán riêng. Lại sai Giám-đốc xét mấy tên chủ lò đúc ở sở công, nếu không có tư bản thời cho lãnh tiền công mua đồng đúc thành tiền nạp vào kho, được lãnh tiền ngoại phu.

3.— Năm Tân-vị (1811) tháng tư, Ngài sai quan Quảng-đức Cai bộ là Lý-gia-Du ra Bắc, thành Giám-đốc sở đúc và coi các mỏ đồng, mỏ kẽm.

Gia-Du tâu rằng :

« Nhà Lê lập ba sở đúc tiền, thường đúc luôn luôn, cho nên thừa tiền tiêu. Đến đời Tây-Sơn đúc không phải phép, tiền mỗi ngày một ít, giá lúa hạ mà dân chịu đói, lúa, vải rẻ mà dân chịu rét. Nay nhờ có Thánh-minh soi xét cho mở trường đúc tiền, nhưng mấy người đúc tiền, nhà giàu thời ít, tay không thời nhiều, mua đồng, mua kẽm, nhà giàu phần nhiều mua được giá hạ, mấy người

tay không phải mua giá cao. Vả lại lấy tiền mới, đổi tiền cũ, thời lúc thu, lúc phát, mấy tên tư lại, thường hay sách nhiễu ; vì cớ ấy cho nên người ta không dám đúc tiền. Xin từ nay về sau, hãy mua bán đồng kẽm thời quan định giá để cho vật giá không đến nỗi cao hạ. Đã đúc thành tiền, cho đem ra dùng. Như thế thời người ta tranh nhau mà đúc, tiền càng thêm nhiều ».

4.— Ngài cho ý, khiếu lập thèm sở đúc tiền, sức cho dân biết rằng : ai có đồng kẽm, phải nộp cho nhà nước, sẽ theo quan giá trả tiền, cầm không được mua bán riêng.

5.— Năm Nhâm-thân (1812) tháng mười, mới đúc thứ bạc đinh nặng một lượng, để phòng khi có gấp số lẻ, thu vào phát ra cho tiện. Ban cho thiên hạ tiêu dùng.

6.— Định giá vàng ngoài Bắc-thành, 1 lượng vàng giá mười lượng bạc. Vàng của dàn đổi lấy vàng của công phải nộp một quan tiền đóng dấu.

7.— Năm Quý-dậu (1813), (không biết rõ về tháng nào, nhưng trước tháng sáu) Ngài cho chế cân thiên-bình và cân trung-bình. Cân thiên-bình để cân sắt, đồng, chì, thiếc ; cân trung-bình để cân vàng, bạc.

8.— Năm Ất-hợi (1815), tháng sáu, đúc bạc đinh trung-bình để thâu phát số lẻ cho tiện. Mỗi đinh nặng năm đồng cân, hai mặt có dấu in, một mặt in bốn chữ *Gia-Long niêm-tạo*, một mặt in sáu chữ *Trung-bình ngân-phiếu ngũ-tiền*. Mỗi đinh giá một quan tiền.

9.— Năm Bính-tý (1816) tháng chín, phát tiền Gia-Long thông bia.

Kết luận :

A.— Tại sao Vua Gia-Long, ngay sau khi lên ngôi, đã nghĩ tới vấn đề tiền tệ trong nước, thứ nhất là ở Bắc-thành?

Có mấy cớ sau này:

1.— Như Nguyễn-văn-Khiêm, quan coi việc Hộ ngoài Bắc-thành, tâu lên Ngài năm Quý-hợi (1803) : « *Bạc đúc Tây-Sơn đúc có pha lộn kẽm và thiếc nhiều lắm, vagy nên phân lượng không đủ* ».

Lại như quan Cai-bộ Quảng-đức sung Giám-đốc sở đúc tiền ở Bắc-thành, tâu lên Ngài năm Tân-vị (1811) : « *Nhà Lê lập 3 sở đúc tiền, thường đúc luôn luôn, cho nên thừa tiền tiêu. Đến đời Tây-Sơn, đúc không phải phép tiền mỗi ngày một ít, giá lúa hạ mà dân chịu đói, lúa, vải rẻ mà dân chịu rét* ».

Vậy tiền, bạc lưu hành ở Bắc-thành hồi đó có hai điều khuyết điểm sau này :

a.— Tiền nhỏ (như tiền đồng, tiền kẽm) thời số lưu hành ít. Dân không có đủ để dùng trong sự mua bán, thành phải chịu đói.

b.— Tiền lớn như các nén bạc, đều bị pha lộn kẽm và thiếc, phân lượng không đủ, làm cho sự mua bán hay đổi lấy tiền đồng phải khó khăn.

Vậy Vua Gia-Long phải vừa cho đúc nhiều bạc nén có phân lượng nhất định vừa phải cho đúc nhiều tiền đồng, tiền kẽm cho sự mua bán hàng hoá trong dân gian được dễ dàng.

2.— Còn một cớ nữa, mà tài-liệu trên đây không nói tới nhưng là dự đoán được — là Vua Tây-Sơn, Quang-Trung và Cảnh-Thịnh đã cho đúc bạc nén và tiền đồng, tiền kẽm: bây giờ Vua Gia-Long đã đánh đồ được Nhà Tây-Sơn, lẽ tất nhiên là Ngài cho đúc tiền, bạc mới, có dấu hiệu của Ngài để cho dân dùng và cho thu tiền cũ của Nhà Lê và Tây-Sơn về.

Ta hãy xét về các thứ « tiền lớn » vàng nén và bạc nén.

B.— **Vàng và bạc.**

Ngày tháng năm, năm Qui-hợi (1803), Ngài sắc quan nhà Đồ ở Bắc-thành là Trần-bình-Ngũ phải làm một cái dấu mới gọi là dấu « Trung-bình » « Phàm đình vàng, đình bạc của công hay tư, có in dấu trung-bình mới được thông dụng. Ai làm đồ gian sẽ phải tội ».

Vậy Ngài nhận cho vàng và bạc cùng được đem tiêu cả, những *thoi vàng, nén bạc mà không có dấu nhà nước không được coi là tiền* (monnaie). Phải do nhà nước đóng dấu Trung-bình mới được: ai làm « đồ gian » nghĩa là làm giả cái dấu ấy sẽ phải tội. Nhà nước lẽ tất nhiên là phải định mỗi thoi vàng, nén bạc là bao nhiêu, xem có lân đồng, kẽm, thiếc không, rồi mới đóng dấu Trung-bình. Như thế một người thợ kim hoàn có thể tự đúc vàng hay bạc được, rồi đem ra quan nhà Đồ xin đóng dấu, để lưu hành.

Năm Nhâm-thân (1812) nhà nước định giá vàng « một lượng vàng giá mười lạng bạc ». Như thế, bạc về phuơng

diện tiền tệ là một phần mười của vàng cũng như bây giờ một xu, là phần mươi của hào vậy. Sự tiêu thụ trong dân gian chắc nhở đó rất dễ dàng, khỏi phải tinh vi việc đồi chắc, vàng bạc nay cao, mai hạ lôi thôi.

Cũng nhân khi định giá vàng như thế, nhà nước *đổi vàng công cho vàng của dân* nhưng lấy thêm một quan tiền đóng dấu. Như trên kia ta đã biết, người thợ kim-hoàn nào cũng có thể đánh thoi vàng — theo cân lượng đã định, như mươi lượng chẵng hạn — rồi ra xin quan nhà Đồ đóng dấu cho. Nhưng khéo thoi vàng đó có thể dài, ngắn bất thường, tùy theo người thợ kim-hoàn. Vả lại cách đánh thoi đó có thể vụng hay khéo.

Bây giờ nhà nước đúc lấy những thoi vàng, theo khuôn khổ rộng, hép, nặng nhẹ nhất định. Có lẽ dân không được tự đánh lấy vàng, bạc nữa và phải đem ra đồi lấy « vàng công », nghĩa là vàng của nhà nước đúc.

Vậy ta có thể dự đoán rằng, sau năm Nhâm-thân (1812) vàng là *căn-bản cho tiền tệ* (système monométallique élaton or) và nhà nước đúc lấy những thoi vàng tiêu thụ, dân không được tự đúc nữa.

Đó là một sự tiến bộ vậy.

Những thoi vàng ấy là : (theo sách của Ông Désiré Lacroix Numismastique, in tại Saigon, năm 1900).

1. — nén vàng, nặng 10 lượng (390 grammes 500).
2. — Nửa nén vàng, thường gọi là thoi vàng, 5 lượng.
3. — Lượng vàng hay đĩnh vàng (39 grammes 05).

4.— Nửa lượng hay nửa đĩnh vàng.

5.— Một phần tư lượng (9 grammes 762).

Vàng nén hay *vàng thoi* thường không đem ra tiêu thụ. Dân gian giữ làm của gia bảo hay dùng làm đồ sinh lě.

Vàng thoi như một thoi mực tàu, mặt trên hơi trũng xuống cũng giống như mặt dưới, không có chữ hay hình vẽ gì cả, ở bốn bên có đóng dấu. Một bên (theo bề dài) có chữ « *Trung-bình*, bên khác có chữ *Công*, ngũ lượng và ở dưới chữ ấy, chữ *giáp*. Còn ở hai bên về hai đầu có chữ *bíu*.

Bạc thời có nhiều thứ nén khác nhau. Tài liệu trên không thấy nói tới, nhưng ông Lacroix có tìm thấy một thứ *hai lượng* hình xấu xí, không đề đúc đời vua nào nhưng ông ấy dự đoán là đã đúc về đầu đời Vua Gia-Long.

Mặt phải có chữ *Trung-bình* hiệu.

Mặt trái có chữ *tinh-ngân nhị-lượng*.

Dày sáu ly tay.

Ông Lacroix cũng có tìm thấy thứ nén *một lượng* đúc năm Nhâm-thân (1812) còn thợ đúc năm Ất-Hợi (1815), nặng năm đồng cân, thời không tìm thấy.

Trước năm Quý-dậu (1813), không biết theo cân gì, nhưng sau năm ấy, có cân Trung-bình của Nhà nước chế ra để cân vàng, bạc, cũng như có cân thiên-bình để cân sắt, đồng, chì, thiếc vậy.

C.— TIỀN ĐỒNG VÀ TIỀN KẼM :

Tháng 10, năm Quý-hợi (1803), trong khi ở Thăng-long chờ sứ Tàu sang phong, Ngài dù mở cuộc đúc tiền, do quan võ cai quản : Chánh-cơ Nguyễn-văn-An làm Giám-đốc, Lê-duy-Đạt) không biết chức quan gì) làm Phó Đốc.

Lệ đúc tiền như thế nào ?

« Cho mấy tên thợ kiếm đồng riêng làm lò... Mấy tên chủ lò đúc ở sở công) nếu không có tư bản thời cho lãnh tiền công mua đồng, đúc thành tiền, nạp vào kho, được lãnh tiền ngoại phu ».

Vậy nhà nước chỉ cử quan ra Giám-đốc mà thôi, còn việc đúc thời cho các chủ lò, nghĩa là tư gia, nhận làm. Nhà nước cấp vốn cho chủ lò, cho tiền ngoại phu. Vì mua đồng khó, Nhà nước bắt « ai có đồng đỏ, đồng linh tinh, đem bán tại sở đúc tiền, không được mua bán riêng ». Được giúp vốn và được độc quyền mua nguyên liệu, chủ lò « y theo thứ tiền mới (không biết tiền nào) mà đúc » nhưng « không được đúc tư và đúc trộm »: đúc bao nhiêu phải nộp cho nhà nước « Tiền mỏng hay là pha chẽ nhiều thời sẽ phải tội ».

Đó là lệ năm Quý-hợi (1803) : có bao nhiêu chủ lò ? Đúc mỗi năm được bao nhiêu tiền ? Ta không được biết. Nhưng chắc kết quả ít, nếu không, sao năm Tân-Vị (1811) lại có lời tâu của quan Giám-đốc Lý-gia-Dụ ?

Lời tâu rằng : «... mấy người đúc tiền, nhà giàu thời ít, tay không thời nhiều. Mua đồng, mua kẽm, như giàu phẩn nhiều mua được giá hạ, mấy người tay không phải

mua giá cao...» nghĩa là thế nào? Đạo dụ năm Quý-hợi (1803) không thi hành hay sao? Nếu đã thi hành thời những chủ lò « tay không » có thể « lãnh tiền công mua đồng » và các thứ đồng phải đem bán tại sở đúc tiền cho các chủ lò theo một giá nhất định, chứ không hạ đối với chủ lò giàu và cao đối với chủ lò nghèo được.

« Xin từ nay về sau, hễ mua bán đồng, kẽm, thời quan định giá để cho vật giá không đến nỗi cao, hạ. Đã đúc thành tiền cho đem ra tiêu dùng. Như thế thời người ta giành nhau mà đúc, tiền càng thêm nhiều ».

« Ngài cho ý, khiếu lập thêm sở đúc tiền súc cho dân biết rằng: ai có đồng, kẽm phải nộp cho nhà nước, sẽ theo quan giá trả tiền, cầm không được mua bán riêng ».

Vậy sao năm Tân-vị (1811), nhà nước vẫn cố tìm cách cho các chủ lò mua nguyên liệu rẻ, nhưng sau khi đã đúc thành tiền rồi, chủ lò « được đem ra tiêu dùng » chứ không phải « nộp vào kho » để « lãnh tiền ngoại phu » như năm Quý-hợi (1803) nữa.

Cho các chủ lò được dễ-dàng như thế là để echo họ kiếm lợi. Có được lợi họ mới đúc, chứ tiền ngoại phu, nghĩa là một thứ tiền hoa hồng, tiền lãi khoán công, chắc không đủ đền công cho họ.

Nhưng chắc quan Giám-đốc sở đúc tiền phải xem tiền đúc có đúng kiểu mẫu thời mới cho chủ lò tiêu thụ.

Năm Bính-tý (1816), tháng chín, phát tiền *Gia-Long thông báu*. Tiền này ở sở đúc tiền Bắc-thành phát ra hay

ở Kinh phát ra ? Các thứ tiền đồng, tiền kẽm đã đúc từ năm Quý-hợi (1803) không có chữ Gia-Long thông bửu hay sao ? Ông Lacroix có phân biệt được đến 20 thứ tiền Gia-Long thông bửu khác nhau ?

Dù sao ? ta nhận thấy là lệ đúc tiền, tiền kẽm như sau này :

Nhà nước bắt dân như có đồng, kẽm thời phải đem ra sở đúc tiền bán cho các chủ lò theo một giá nhất định. Đã cung cấp nguyên liệu cho các chủ lò. Tuy cách cung cấp gián tiếp, ít hiệu quả. Nhà nước lại còn cho các chủ lò vay tiền công làm vốn. Lúc đầu, chủ lò đúc được tiền phải nộp vào kho, không được đúc tư. Nhà nước thường cho tiền ngoại phụ thay tiền lời. Nhưng chắc vì số tiền ngoại phụ ấy ít nên chủ lò không muốn làm nữa. Nên Nhà nước sau cho chủ lò đúc được bao nhiêu thời cứ tự do lưu hành, không phải nộp vào kho nữa.

Xét ra, lệ đó không được hoàn toàn.

Nhà nước phải đảm đương lấy công việc đúc tiền, phải thuê lấy thợ, trả lương tháng cho họ, mua nguyên liệu. Số tiền đúc ra phải biết nhiều hay ít và tiền đúc phải theo những khuôn khổ đã định. Ai giả mạo thì trị tội. Cho các chủ lò đúc lấy tiền để rồi họ được tự do lưu hành tiền ấy thời thế nào họ cũng pha chì, pha thiếc hay làm mỏng bé đi : Quan Giám-đốc không có thể coi xuể được.

Tiền kẽm Vua Gia-Long cho đúc tiền có những đặc điểm sau này (theo Ông Lacroix).

1.— 18 đồng đúc thẳng liền nhau dài một thước mộc, 30 dài một thước may.

2.— 600 đồng tiền kẽm, nghĩa là một quan, nặng 1 kilô rưỡi, 42 quan rưỡi nặng một tạ thóc hay một tạ gạo. 45 quan nặng một tạ muối, 50 quan nặng một tạ sắt.

Nhưng vì đó là theo lệ định. Còn sự thật thời khác vì có lẽ đã có đồng to, đồng nhỏ, đồng nặng, đồng nhẹ, tại nhà vua cho nhiều chủ lò được phép đúc ! Và có lẽ tại dân gian có cân thước khác.

Thí dụ một thước mộc dài 0m424 còn 18 đồng tiền kẽm thời dài 0m434 ; thước may dài 0m644 mà 30 đồng tiền kẽm dài 0m720 !

42 quan rưỡi nặng 1 tạ nghĩa là 63,750 kilo nhưng đó là tạ thóc. Còn tạ gạo thời chỉ nặng 60,700 kilo thôi.

Nhưng dù sao, *tiền kẽm đã đúc theo cách đo lường của ta*. Hiện giờ, ở nhà quê tôi còn thấy, có nơi cân thịt bằng quan tiền kẽm của ta.

Một quan là 600 đồng tiền kẽm hay 100 đồng tiền đồng. Theo như dụ năm Ất-hợi (1815) thời một đĩnh bạc nặng năm đồng cân ăn một quan bốn tiền. (Một quan là 10 tiền).

TRƯƠNG-PHÚC-GIÁO **VÀ SỰ MỞ TỈNH HÀ-TIỀN VÀO NĂM 1811**

Về lịch-sử ly sở Hà-tiên, ta có nhiều chi tiết nên chú ý.

Trước hết miền Hà-tiên là miền Chân-lạp, tức là Cao-miền bảy giờ. Đất cao, giáp bờ biển, ở trong một cái vịnh sâu, ngoài khơi có một dãy cù lao bao bọc, địa thế Hà-tiên không những là đẹp mà còn hiềm yếu về phương-diện quân-sự và quan-trọng về phương diện canh-nông vì có đất cao và tốt.

Sau nữa, về phương-diện dân-cư, thật là nơi tư chính quần-cư, dân chúng rất phirc tạp.

Nguyên là hòn Minh mạt, Thanh-sơ vào khoảng cuối thế kỷ thứ mười bảy, đầu thế kỷ thứ 18, vì muốn trung-thành với Nhà Minh, một số đông người Tàu, phần nhiều thuộc miền Triết-giang, Phúc-kiến, Triều-châu dùng thuyền, theo gió bắc thồi mà di cư vào Nam.

Đồng thời, từ miền Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-định các đồng bào ta, cứ theo bờ biển mà di cư vào Nam. Ta dần dần khai phá và chiếm cứ miền Gia-định và Biên-hoà bảy giờ. Còn người Tàu thời chiếm miền Hà-tiên.

Dưới sự lãnh-đạo của thủ lãnh Mặc-Cửu, người Tàu đã lập ra một khu tự trị ở miền Hà-tiên.

Trước, thần phục Vua Cao-miên, sau, thần phục Chúa Nguyễn vì quân-đội ta mạnh, sau khi ta đã tồ-chúc miền Tiên-giang.

Người Tàu đã tới Hà-tiên vào khoảng suốt thế kỷ thứ 18. Vào đầu thế kỷ thứ 19, sử cho biết là số lượng họ đông. Nhưng họ đồng hoá với thô dân là người Cao-miên. Còn có một số người mà sử ta gọi là người Đò-Bà, tức là người Mã-Lai, một giống trong những giống mà nôm na ta gọi là Tây-đen, ở Nam-dương quần đảo di cư sang miền Hà-tiên.

Vậy, ta nhận thấy là miền Hà-tiên, vào đầu thế kỷ thứ 19, là một miền mà dân-cư phức tạp, sự cai trị khó.

Sử cho biết chi tiết sau này :

« Tháng tám, năm Tân-vị (1811) tức là năm thứ mươi, triều Vua Gia-Long, Ngài cho Quản-đạo Kiên-giang là Trương-phúc-Giáo làm Trấn-thủ Hà-tiên, Định-tường ký lục Bùi-đức-Mân làm Hiệp-trấn.

Ngài nghĩ cho rằng Hà-tiên là một chỗ quan yếu, hai người ấy biết rõ biên tình, cho nên Ngài bỏ qua trấn ấy.

Bọn Trương-phúc-Giáo đến trấn, chánh sự khoan giản, không làm phiền nhiều. Chỉnh đốn trại quân, chiêu tập lưu dân, lập trường học, khẩn ruộng hoang, sửa sang phố chợ. Phân biệt người Nam, người Tàu, người Cao-miên và người Đò-Bà, người nước nào, thời ở chỗ này. Thành một nơi đô thị lớn trong Nam-kỳ ».

Sử liệu dân trên đây trích trong bộ Quốc-triều chánh

biên cho ta biết một chi tiết rất quý về lịch sử tỉnh lỵ Hà-tiên, vào đầu thế kỷ thứ 19, vào năm Tân-vị (1811).

Hà-tiên là một cửa biển quan trọng của ta, dân cư phức tạp, giáp giới biển thùy Cao-miên và quân Xiêm muốn đồ bộ lúc nào cũng được. Hà-tiên là đất phải phòng bị, phải có đồnải ở sau, đề tiếp ứng.

Sử cho biết là năm Bính-tý (1816) vào tháng giêng Vua Gia-Long cho đắp đồn Châu-đốc.

Vào tháng chạp năm ấy, sứ cho biết chi tiết sau này :

« Ngài xem địa đồ xứ Châu-đốc, truyền các quan thị thán rằng : Xứ này nếu mở đường thủy thông với Hà-tiên thời nòng thương đều lợi cả. Ngày sau dân ở càng đông, đất mở càng rộng sẽ thành một trấn to ».

Vậy thành Châu-đốc là hậu thuẫn cho thành Hà-tiên. Sau vài năm sẽ có một con sông đào, từ Châu-đốc đến Hà-tiên, gọi là sông Vĩnh-Tế. Con sông đào này là một công tác vĩ đại của ta, dưới sự Thống-đốc của Tông-trấn Lê-văn-Duyệt, vào cuối triều Vua Gia-Long (1820) và đầu triều Vua Minh-Mạng. Hà-tiên được liền-lạc với Châu-đốc một cách dễ-dàng, nòng thương đều lợi, nhưng sự canh giữ biên phòng cũng được bảo đảm.

* * *

Để kết luận, chúng ta mơ tưởng tới lý sở Hà-tiên, trước đây trên một trăm năm mươi năm.

Vua Gia-Long phái Quản-đạo Kiêng-giang là Trương-phúc-Giáo làm Trấn-thủ Hà-tiên...

Trương-phúc-Giáo đến trấn, chánh sự khoan giản, không làm phiền nhiễu. Chỉnh đốn trại quân, chiêu tập lưu dân, lập trường học, khẩn ruộng hoang, sửa sang phố chợ. Phân biệt người Tàu, người Cao-miên và người Đồ-Bà. Người nước nào thời ở khu này, thành một đô hội lớn trong Nam-ky.

Lịch sử đã ghi rõ ràng công của Trấn-thủ Hà-tiên Trương-phúc-Giáo, một vị trấn thủ đầu tiên, của miền Việt-Nam quan-trọng này, cách đây 150 năm.

GIA-ĐỊNH THÀNH TỔNG-TRẦN LÊ-VĂN-DUYỆT VỚI VIỆC ĐÀO SÔNG VĨNH-TẾ

Từ Châu-đốc đến Hà-tiên dọc theo biển-thùy Cam-bốt, ta có một con sông đào to, dài trên dưới một trăm cây số. Sông này là sông Vĩnh-tế.

Người phụ-trách đào là Gia-Định Thành Tông-trấn LÈ-VĂN-DUYỆT.

Đào từ năm 1819 đến năm 1824 mới xong, có tháng huy-động đến năm sáu chục ngàn nhân-công.

Thật là một công-tác vĩ-đại, một vinh-dự cho nông-dân và Quân-đội Việt-Nam, vì đây là một công-tác cộng-đồng.

* * *

Lịch-sử con sông đào Vĩnh-tế như sau này :

Chúng ta tưởng tượng là miền Châu-đốc đến Hà-tiên, trước đây ngót một thế-kỷ ruồi.

Nào là bùn lầy nước đọng trong mùa mưa. Các rạch đầy cỏ, đầy rắn, mà nhiều thứ rắn độc. Làng mạc lơ tho chõ này dăm nhà, chõ kia vài nhà. Mùa mưa cấy lúa gạo, mà là thứ lúa không tốt, vì chất đất là đất phèn. Mùa hanh đất nứt nẻ, dân trồng bậy bạ củ khoai, củ săn.

Còn dân-cư ở ly sở Châu-đốc, Tịnh-biên, Giang-thành thời ra sao ?

Nào là người Miên, người Tàu đủ các bang, nào là người Đồ-bà. Còn người Việt ta rất ít, phần đông là thành-tich bất hảo.

Thỉnh-thoảng từ bên Cam-bốt các đảng cướp tràn sang, cướp của, đốt nhà, hâm hiếp đàn bà, con gái.

Nói tóm lại, có nhiều vấn đề đặt ra cho Chính-Phủ ta.

Một là phải bảo-vệ biên-thùy.

Hai là phải đem an-ninh và trật-tự cho dân-chúng.

Ba là phải có đường thông thương bằng thuyền to.

Bốn là phải đem nước ngọt của sông Cửu-long vào các đồng ruộng để rửa chất đất-phèn, để cho cây lúa tốt thời mực sống của dân mới lên cao được.

Cả một vấn-de quốc-kế, dàn-sinh mà miền Châu-Đốc, Hà-Tiên đặt ra cho vua Gia-Long.

Ngài đã giải quyết như thế nào ?

Ta đọc sử, trong Bộ Chánh-biên, thấy ghi gọn ghẽ một câu sau này :

« Tháng chín năm Kỷ-Mão (1819) tức là năm thứ 18 triều Vua Gia-Long, đào sông Châu-đốc thông với Hà-tiên, gọi là sông Vĩnh-tế ».

Một công-tác quan-trọng như thế này mà sử thần chỉ ghi cho một câu mà thôi.

Nhưng sử cũng ghi mấy câu dụ của Ngài cho dân Vĩnh-Thành (tức là Vĩnh-Long và An-Giang).

« Công-trình đào sông ấy rất khó. Việc nhà nước và cách phòng giữ bờ cõi quan-hệ rất lớn. Chúng ngươi tuy là khó nhọc một lần mà ích-lợi cho muôn đời ngày sau.

Dân ngươi phải báo cáo cho nhau biết, chờ nên sơ nhọc ».

Vậy công việc bắt đầu vào cuối thu sang đông năm Kỷ-Mão (1819). Vua Gia-Long băng vào tháng chạp năm Kỷ-Mão (1819).

Vua Minh-Mạng lên nối ngôi, ra giêng năm Cauh-Thìn (1820).

Công việc đào sông Vĩnh-tế như thế nào ?

Ngài có lời dụ như sau này (tháng 10 năm Mậu-Ngọ 1822, tức là năm thứ ba triều Ngài).

Tôi chép nguyên-văn đoạn sứ sau này :

Vua Chân-lạp (Cao-miên) là Nặc-chân đưa thư đến thành Gia-Định xin hiệp-lực đào sông Vĩnh-tế.

Ngài khiếu DUYỆT sắp đặt trước.

Duyệt xin đem binh dân ở thành và ở đồn Vĩnh-Thanh, Định-Tường, Oai-Viễn, hơn 39.000 người. Binh dân nước Chân-lạp hơn 16.000 người, chia làm ba phiên định đầu mùa xuân sang năm sau thời làm.

Ngài Minh-Mạng cho.

Ngài đã dụ rằng :

« Đường sông Vĩnh-tế liền với Tân-Cương. Xe thuyền qua lại tiện-lợi lắm.

Đức Hoàng-Khảo Thể-Tổ Cao-hoàng-Đế ta, mưu sâu, nghĩ xa, chú ý việc ngoài biên, vừa mới mở đào. Công việc chưa xong.

Nay ta theo chí Tiên-Hoàng, chỉ nghĩ cách khó nhọc một lần mà được thông thả lâu dài ».

Đến tháng 2 năm Quý-ty (1823) Ngài khiến Tông-trấn Lê-văn-Duyệt phải chính mình đồng-lý việc đào sông Vĩnh-tế.

Đến tháng 4 công việc hoãn vì tiết mùa hạ.

Ngài ban thưởng cho cả các quan Miên cộng đồng.

Vậy, nếu ta tính ra thời đã có tới 55.000 nhân công, vừa người Việt ta, vừa người Miên, làm việc suốt 3, 4 tháng dưới sự lãnh đạo tại chỗ của Gia-định-Thành Tông-trấn Lê-văn-Duyệt.

Nếu ta nghĩ tới đến vấn đề tiếp tế, gạo, muối, rau cỏ, vấn đề đào giếng nước ngọt, vấn đề cư-trú... cho số nhân-công không-lồ này... trong một miền rậm-rạp, hoang-vu... thời ta thấy công-trình đào sông Vĩnh-tế đã thật là vĩ-đại. Cả một sự tổ-chức.

Đứng về phương-diện chuyèn-môn, các cụ ta đã có gì ?

Các cụ đã có cái địa bàn để định phương-hướng. Cái dây thừng để căng thẳng và để đo bề ngang. Cái cây tre, toàn cây, để cắm giữa lòng sông mà đo bề sâu.

Chẳng có một sự viễn trợ nào cả. Các Cụ đã chỉ lấy sức của dân mà làm. Ai đến làm thời phải đem cái thuồng, cái cuốc đi theo mà dùng. Thành công-quỹ chẳng tổn kém gì cả. Chỉ có ít gạo, ít muối, gọi là của Vua ban.

Xét trong các dân-tộc sống về nông-nghiệp, dân-tộc Việt-Nam ta thật đã tài-giỏi, kiên-gan, bền-trí, chống lại thiên-nhiên.

Đến tháng hai năm sau là năm Giáp-thân (1824) vì còn một ngàn bảy trăm trượng, khúc nối với Hà-tiên chưa đào, nên công việc lại tiếp-tục, đến tháng năm mới xong.

Ngài cho dựng bia đá làm ghi.

* *

Ấy là xong công việc đào một con sông lớn, dài trên dưới một trăm cây số; con sông Vĩnh-tế, công của ông cha ta.

Bây giờ, ta tới Châu-đốc, Tỉnh-ly vui-vẻ. Ta nhờ một thuyền chở hàng cho ta đi, tùy theo các bến đỗ, cất hàng rồi lại đi... tới Hà-tiên là một lỵ sở rất đẹp.

Ta nằm trên thuyền to, ở đầu mũi, nhìn trời, nhìn mây, nhìn nước, nhìn các mương lấy nước sông Cửu-long vào ruộng. Thỉnh-thoảng gấp xuồng máy của chính-quyền đi tuần-tiễu.

Ta nhớ ơn ông cha ta ngót bốn mươi ngàn vị đã hàng năm đào con sông này, dưới sự lãnh-đạo trực-tiếp của Gia-định-Thành Tông-trấn Lê-văn-Duyệt, từ năm 1819 đến năm 1824.

VUA MINH-MẠNG (1820-1840) VỚI MÁY MÓC VÀ KHOA HỌC

Dân ta ngày xưa không hiểu rõ khoa học và máy móc như thế nào ; đời sống chỉ dựa vào nghề làm ruộng và các nghề mọn, lấy nhân công làm gốc. Cách nhà nước đúc súng ống, đóng tàu bè cũng chỉ hơn các thợ rèn, thợ mộc một chút mà thôi, lấy cái khéo thay khoa học.

Sau này, đời sống của ta mà được tiến bộ là nhờ ở khoa học, là nhờ ở phép « kỹ-nghệ-hoá » nền kinh-tế của ta.

Nhưng xét cho kỹ, các vua trước cũng đã biết chế ra máy móc và cũng đã có một ý kiến về khoa-học !

Tôi mong là sẽ có một nhà sử học khảo cứu kỹ vấn đề này để cho ta biết là về đời các vua triều Nguyễn chẳng hạn nước ta « hủ lậu » hay đã « tiến bộ » về đường khoa học. Tiến bộ như thế nào ?

Tôi theo một ít tài-liệu trích trong quyển Quốc-triều chánh biên toát yếu để cho ta tạm biết qua về vấn đề này, thuộc đời vua Minh-Mạng.

* * *

« Năm Kỷ-hợi (1839), tháng tư, Ngài ngự chơi cầu bến Ngự, xem thi nghiệm tàu chạy máy hơi.

« Khi trước khiến Võ-Khổ chế tạo tàu ấy, đem xe chở ra sông, giữa đường vở nồi nước, máy không chạy, người đốc công bị xiềng, quan Bộ Công là Nguyễn-trung-Mậu, Ngô-kim-Lậu vì cố tàu không thiệt đều bị bỏ ngục.

« Bay giờ chế tạo lại, các máy vận động lanh, thả xuống nước chạy mau, Ngài ban thưởng người Giám-đốc là Hoàng-văn-Lịch, Võ-huy-Trinh mỗi người một cái nhẫn pha 18 độ vàng, một đồng tiền vàng Phi-Long hạng lớn. Đốc công và binh tượng được thưởng chung một ngàn quan tiền.

Ngài truyền rằng : « Tàu này mua bên Tây cũng được, nhưng muốn khiến cho công tượng nước ta tập quen máy móc cho khéo, vậy nên chẳng kẽ lao phí gì. »

Tháng mười, lại chế thêm một chiếc tàu máy lớn, phi tốn hơn 11.000 quan tiền. Ngài truyền Bộ Hộ rằng : « Ta muốn công tượng nước ta đều biết tập nghề máy móc, vậy nên không kẽ phí tốn ».

Theo hai tài-liệu trên đây, ta nhận thấy là Vua Minh-Mạng đã « muốn công tượng nước ta đều biết tập nghề máy móc » : các thợ công, ở Kinh đã phải cỗ mà đóng được tàu « chạy máy hơi ».

Đóng theo cách nào ? Chắc là do theo kiểu máy chiếc tàu máy mà vua Gia-Long đã sai mua của người Pháp để đánh nhau, với Tây-Sơn, cách bắt chước đó chắc phải tài thời tàu mới chạy được nhưng nó không phải là kết quả của trăm nghìn công nghệ máy móc nhỏ hợp lại và... ? ... có thể không có chút khoa-học gì cả. Chắc tượng tự cũng

như lối các thợ rèn, thợ nguội bắt chước kiều mẫu mà làm ra những « xe đạp nội hoá » trong thời buổi bây giờ.

Đúc hai tàn máy như thế tỏ ra tính bắt chước, tài khéo, lòng kiên nhẫn của người thợ Việt-Nam và tri Vua Minh-Mạng muôn cho nước ta tiến bộ về máy móc.

Xét ra, việc đúc tàu máy khó nhưng không lạ bằng việc chế xe « Thủy hỏa ký tể ».

Sử cho ta biết là năm Giáp- ngọ (1834), tháng ba, Ngài sai quan hộ thành binh mã Phó sứ là Trương-viết-Soái đến Hữu-Trạch Nguyên (một nguồn suối thuộc tỉnh Thừa-thiên) chế ra xe « Thủy hỏa ký tể » (nhờ nước chảy làm cho máy chạy, không cần dùng sức người) và chiếu theo cách mới mà chế thuốc súng, hổng phuơng, hùng phuơng, hộc phuơng, mỗi thứ hai vạn cân. Lại phái ty viên các bộ, viện, thị-vệ và lính pháo thủ đến đó thí nghiệm.

Cách mới chế thuốc súng như thế nào ?

Xe « Thủy hỏa ký tể » rất lạ : có lẽ là một thứ máy giống như thứ Turbine.

Biết dùng sức nước chảy ở chỗ thác Houille blanche là biết dùng một thứ động lực (force motrice, source d'énergie) tối tân. Ai đã chỉ bảo cho Vua Minh-Mạng biết ? Hay chính Ngài đã có sáng kiến ấy ? Máy chạy dùng để làm gì ? Có liên lạc gì tới việc chế thuốc súng không ?(1)

(1) Năm Bính-Thân (1836), tháng giêng, Ngài khiến các tỉnh Thừa-thiên, Quảng-nghĩa, Bình-định và Quảng-trị tu bồ xe « thủy hỏa ký tể » để giã thuốc súng. Vậy xe này là một thứ máy già (Pilon mécanique). Nhưng sau, sức nước chảy dùng để cưa gỗ (1837), như ta đã biết.

Sau này, ta biết là xe « Thủy hỏa kỵ tể » dùng để cưa gỗ (scierie mécanique).

Sử chép rằng : « Năm Đinh-dậu (1837), tháng bảy, làm xe máy để dùng cưa ván. Lúc trước dùng trâu kéo, sau dùng máy cưa chạy bằng nước, đặt tại thác dài làng Dương-hoà nơi Hữu-trạch-Nguyên ».

Có lẽ chính vua Minh-Mạng đã chế ra một thứ « thủy xa » tương tự như những máy bơm nước (pompe aspirante et foulante).

Nhưng chắc là Ngài đã cho một kiểu mẫu Thái-tây nào. Sử chép rằng : « (Năm Giáp- ngọ (1834), tháng ba, Ngài nói : « Ta nghĩ rằng trong cung dùng nước, đài đê rất phiền, nhân chế ra xe thủy xa, tự đó đỡ được sức người nhiều lắm. Lâu nay những chỗ nhà ở chật hẹp, mùa hè nhiều hoả hoạn, ta đã chế xe cứu hỏa, nếu đem ra dùng thời sức người không khóc bao nhiêu mà lửa cũng phải tắt ». Bèn truyền đem thể thức xe ấy cho quần thần xem » (Xe cứu hỏa này) pompe d'incendie, cũng như xe thủy xa ở trên là một thứ máy bơm (pompe aspirante et foulante).

* * *

Vậy Vua Minh-Mạng đã biết lợi dụng sức hơi nước để cho chạy máy, sức nước chảy để làm máy cưa, Ngài lại chế ra máy bơm nước và đã biết cách mới chế thuốc súng (không biết cách này như thế nào). Ngài đã sức cho Võ-Khổ chế tạo ra hai tàu máy. Không ngại tốn phí, Ngài muốn cho thợ công được tập nghề mộc.

Vậy Ngài không phải là một ông vua thủ cựu, Ngài đã có trí duy tân. Nhưng Ngài chưa hiểu rằng máy móc là do khoa học mà ra, do kỹ-nghệ mà thành. Ngài đã chỉ theo vài kiểu mẫu có sẵn mà cho bắt chước. Sự bắt chước đó rất tài và sở dĩ có kết quả là do ở hoa tay của người thợ Việt-Nam. Ta không có thể dựa vào đó mà nói là nước ta đã hiểu biết khoa học và đã chế-tạo ra được máy móc như các nước Thái-tây.

Dụng cụ mà ta đã cần đến chắc là thô thiển lắm.

Một chứng cứ là ta đã không khai được mỏ. Sử chép rằng : « Năm Kỷ-hợi (1839), tháng năm, Ngài truyền Hộ Bộ Tá-Lý Phan-Thanh-Giản đi ra Thái-Nguyên khai mỏ bạc Tống-tinh (thuộc phủ Thông-hoa). Nguyên khi trước Ngài xem nhật báo Tàu, thấy nói quan Tống-đốc Trực-lệ nước Tàu tên là Kỳ-Thiện có nói : mỏ bạc Tống-tinh nước ta rất vượng mà chỉ trưng thuế buôn cho người Tàu lấy mỗi năm được hơn 2.000.000 lạng bạc tốt đem lén về Tàu. Vậy nên Ngài đã phái Nguyễn-văn-Chấn đến nơi khám xét thời thấy công việc làm cũng dễ. Bây giờ Ngài sai Giản đem thị vệ tới nơi thuê thợ đào lấy. Rồi bởi vì công trình khó nhọc, lấy không được mấy, lại bão đi mà giao cho khoáng trưởng lãnh trung ».

Vậy ta đã không biết cách khai mỏ bạc ở Tống-tinh như người Tàu, cũng như không biết khai các mỏ đồng, mỏ kẽm, mỏ than ở nhiều nơi khác. Công việc giao cho người Tàu, Triều đình chỉ đánh thuế mà thôi.

Óc khoa học của Vua Minh-Mạng như thế nào ?

Tài liệu sau đây cho ta được rõ :

« Năm Giáp-ngọ (1834), tháng ba, Ngài bàn chuyện với quần thần về *phép chế luyện hoá thân*, nhân nói rằng : « Ta ở trong cung thường lúc trước tiết đông chỉ hạ chí, cân đất và than nặng nhẹ bằng nhau, nhân lấy đó thi nghiệm khí hậu. Kịp đến tiết hạ chí thời đất nặng mà than nhẹ : đến tiết đông chí thời đất nhẹ, than nặng. Là vì bởi đất thuộc âm, *hạ chí nhất âm sanh*, thời đất nặng. Than thuộc về dương *đông chí nhất dương sanh* thời than nặng. Âm dương loài nào theo loài ấy, suy lẽ ấy ra thời lý âm, dương lành dữ, có quân tử, tiểu nhân bên nào thạnh, bên nào suy cũng có thể biết được ».

Cân đất và than để thi nghiệm khí hậu là một cách mà ta khó hiểu. Bàn về âm, dương và bàn về quân-tử, tiểu nhân là bàn ngoài phép khoa học vậy.

MỘT SỬ LIỆU ĐÁNG CHÚ Ý :

SỰ CHẾ TẠO TÀU MÁY HƠI NƯỚC VÀO CUỐI TRIỀU VUA MINH-MẠNG

Tôi đọc sử, thấy trong bộ *Chánh-biên* ghi mấy câu sau này :

« Tháng tư năm Kỷ-hợi (1839), Ngài Ngự chơi cầu Bến-
ngự xem thí nghiệm tàu chạy máy hơi.

Khi trước, khiến sở Võ-khổ chế tạo tàu ấy, đem xe
chở ra sông, giữa đường vồ nồi nước, máy không chạy.

Người đốc công bị xiềng, quan Bộ-công là Nguyễn-
trung-Mậu, Ngô-kim-Lân vì có tàu không thiệt, đều bị
bỏ ngục.

Bây giờ chế tạo lại, cách máy vận động lanh, thả
xuống nước chạy mau.

Ngài ban thưởng người giám đốc là Hoàng-văn-Lịch,
Võ-huy-Trinh mỗi người một cái nhẫn pha 18 độ vàng,
một đồng tiền vàng Phi long hạng lớn. Đốc công và binh
tượng được thưởng chung một ngàn quan tiền.

Ngài truyền rằng :

Tàu này mua bên Tây cũng được, nhưng muốn khiến
cho công tượng nước ta tập quen máy móc cho khéo,
vậy chẳng kê lao phí gì. »

Tháng mười, cũng năm ấy sứ chép là ta chế thêm một chiếc tàu máy lớn, phi tồn hơn mươi một ngàn quan tiền. Ngài truyền Bộ-Hộ rằng :

« Ta muốn công tượng nước ta đều biết tập nghề máy móc, vậy không nên kẽ phi tồn. »

Vào năm Canh-tý (1840), tháng bảy, Ngài đặt tên cho ba chiếc tàu máy hơi.

Chiếc lớn gọi là *Yên-phi*.

Chiếc vừa là *Vân-phi*.

Chiếc nhỏ là *Vũ-phi*.

* * *

Mấy sứ liệu nhỏ này đặt cho ta vài câu hỏi.

1.— Các tàu lớn, vừa, nhỏ, dài rộng là bao nhiêu, trọng tải bao nhiêu tấn, chạy bằng nồi xúp-de nhưng có cánh quạt hay bằng có guồng, tốc độ được độ bao nhiêu, có thể mắc súng được không, và có thể chở được bao nhiêu binh sĩ, ra biển có thể lệnh đèn được bao nhiêu ngày mới phải cập bến để ăn than ?

2.— Dù sao, các cụ ta đã có những công binh xưởng như thế nào ?

Hai câu hỏi trên đặt cho các vị kỹ sư tân thời.

Tôi chỉ nhận thấy là vua Minh-mạng đã có những lời dụ rất quý, cùng những cách thưởng, phạt khiến ta phải suy nghĩ.

ẤN NGỌC TỈ CỦA NƯỚC TA VÀO GIỮA THẾ-KỶ THỨ XIX

Ngày tết Giao năm Ất vị (1847), tức là năm thứ bảy triều vua Thiệu-Trị, Ngài mật cáo Trời-Đất việc làm Quốc-tỉ.

Liền ngày ấy, Ngài ban lệnh khắc chín chữ trên một hòn *luong ngọc* lớn.

Chín chữ ấy là :

« *Đại nam thọ thiên vĩnh mệnh truyền quốc tỉ.* »

Hơn một tháng khắc xong.

Khắc xong vào một ngày trong tháng năm, đúng với ngày Lễ Vạn thọ, ấn ngọc khắc xong.

Nội các tâu rằng :

« Ngoc lành xuất hiện ứng về năm tốt. Ấn thần khắc rồi lại gấp lê vui ».

Rồi đem ấn và sờ dâng lên. Ngài lấy làm vui lòng.

* * *

Tài liệu trên đây, tôi thấy chép ở trong bộ *Chính sử* của Nhà Nguyễn.

Tài liệu tuy ngắn nhưng đặt cho ta vài câu hỏi :

1.— Câu hỏi thứ nhất.

Vua Gia-Long đã có ngọc tỉ không ?

Nếu có, thời ngọc tỉ này đã truyền cho vua Minh-Mạng.

Và, lẽ tự nhiên lại truyền đến vua Thiệu-Trị, Tự-Đức... và các vua sau nữa.

Tại sao vào năm Ất vị (1847), vua Thiệu-Trị lại khắc ấn ngọc tỉ truyền quốc ?

Chắc chắn là từ năm 1802 khi vua Gia-Long lên ngôi đến năm 1847 nước ta không có ngọc tỉ.

2.— Câu hỏi thứ hai.

Thế nào là ngọc tỉ ?

Chỉ là một cái ấn to, khắc lên trên một thứ ngọc rất quý gọi là « lương ngọc ».

Có những con lương ngọc to bằng bàn tay và rất dày, màu thời thường xanh sống ở những biển rất sâu và nước lạnh thí dụ như ở Nhật.

Nhưng cũng có thể có những con lạc xuồng ngoài vịnh Hải-nam... và xuồng xa hơn nữa... lạc theo luồng nước nóng với nước lạnh giao nhau. Đến khi muốn về không đi nổi ngược lại được luồng nước nữa, nên đã có thể bị bắt được ở hải phận nước ta.

Sử chép rằng vào lê Vạn thọ năm Bình-ngọ (1846) có người dâng *hòn lương ngọc lớn*, Ngài bèn truyền thợ ngọc giữa thành hình cái ấn ?

Hòn lương ngọc lớn đẽo như thế nào ?

Người dâng là ai ?

Là người Việt ta hay một người ngoại kiều nào ? Nếu là người Việt thời đã phải có dịp đi sang Tầu, sang Nhật và đã là một người giao thiệp nhiều với người Tầu, người Nhật và biết chọn ngọc.

3.— Câu hỏi thứ ba.

Ý nghĩa ăn ngọc tử như thế nào ?

Hồi tôi còn ở trường Viễn đông Bác cõ, tài liệu về ngọc tử, mà tôi vừa dẫn ở trên, tài liệu này tôi đã tìm thấy rồi.

Tôi sang hỏi Cụ Nguyễn-văn-Tổ về sự tác dụng của cái ngọc tử.

Cụ nhờ nhân viên ban chử Hán tìm tài liệu trong cái rừng sách ấy, rồi cụ trả lời tôi tương tự như sau này :

Ăn quốc tử phải làm bằng một thứ ngọc quý, không phải là ăn cho một nhà vua, cho một họ vua, mà cho một nước có vua.

Vua là thiên tử, là con trời.

Nếu không có quốc tử thời làm lễ Giao vua chỉ khấn, lê, không có sờ.

Vì muốn có sờ lên thiên đình thời phải có ăn, khắc trên hòn ngọc lương.

Chín chử :

Đại nam thọ thiên vĩnh mệnh truyền quốc tử.

Không nói tới Nhà Nguyễn !

Chỉ nói tới nước ĐẠI NAM và nghĩa là :

Đây là cái ăn của nước Đại Nam, các vị vua vâng mệnh Trời (mà giữ nước)...

Một ông Vua đánh mất quốc tể thời kẻ nào, bắt được quốc tể đó sẽ tự coi như TRỜI cho mình được làm vua.

Lăng vua Gia-Long gọi là lăng THIÊN THỌ.

Thiên thọ và Thọ thiên khác nhau như thế nào ?

Trước khi lên ngôi Vương ở Gia-định (Năm Canh-tí 1780 tháng giêng) Nguyễn-phúc-Ánh đã đem theo được cái Bửu của « NHÀ CHÚA NGUYỄN »

Bửu này chắc đã được Vua Lê phong cho CHÚA NGUYỄN vào năm nào tôi không biết, nhưng tôi chắc là sau năm 1558 mà Nguyễn-Hoàng vào trấn thủ đất Thuận-hoá.

Vì họ Trịnh được phong chúa có lẽ họ Nguyễn mới xin phong chúa chẳng ? Dù sao sử sách không ghi rõ... và lại đã mất mát nhiều... hay đã bị sửa chữa lại nhiều.

Nhưng có hai điểm, ấy là :

1) Bửu Nhà Chúa Nguyễn chữ là :

Đại Việt Quốc, Nguyễn Chúa vĩnh trấn chi bửu.

Bửu này là do vua Lê phong cho giòng giỗng Nguyễn Hoàng, đời đời làm Chúa ở trấn « Thuận-Quảng » trong nước Đại Việt. (Thuận là Thuận-hoá, Quảng là Quảng-nam). Nghĩa là từ sông Gianh trở vào... không biết vào đâu...

vào thời Chiêm-thành, Chân lạp mà biên giới hồi đó không định được rõ.

Nguyễn-phúc-Ánh có bửu chúa nhà Nguyễn. Bây giờ vì lý do chính trị nào đó, muốn lên ngôi Vương... nhưng vua Lê còn ở Thăng-long... cho nên không dám khắc bửu Vương. Bửu phải do Vua Lê cho khắc vào và ban cho trong một lẽ tẩn phong.

Nếu không có lẽ tẩn phong và ban Bửu Vương thời việc làm của Chúa Nguyễn là một việc mạn quản vương và phi pháp.

Ta hiểu lý do tại sao một mặt Chúa Nguyễn-phúc-Ánh lên ngôi Vương (ở Gia Định) một mặt vẫn phải dùng Bửu của Vua Lê đã ban cho từ mấy thế kỷ, con cháu Chúa Nguyễn chỉ là thần đối với Nhà Lê. Nhưng mà bị anh em Tây-sơn cùng quần chúng đánh thua liềng xiềng chạy tung các nơi ở đồng bằng sông Cửu-long.

Nhờ chưởng dinh Đỗ-thành-Nhân cùng thuộc tướng là chánh đội Lê-văn-Duân tập trung quân nghĩa dũng ở miền Hậu-giang, đánh lên miền Tiền giang mới lấy lại được thành Sai-gòn vào cuối năm Bính-thân (1777).

Năm Mậu-tuất (1778), tức là năm thứ ba mươi chín cảnh hưng Nhà Lê, Ngài được Đỗ-thành-Nhân và các tướng tôn Ngài lên làm Đại nguyên Soái quyền coi việc nước. Năm đó Ngài mới mười bảy tuổi.

Mười bảy tuổi làm Đại nguyên soái.

Rồi năm mươi chín tuổi lên ngôi Vương ở Sài-gòn.

Kẻ vị thành niên này tại sao được dân chúng miền Nam này suy tôn ?

1) Vì lý do đã giữ được quốc bảo có từ đời chúa Hiếu Minh là cháu sáu đời Nguyễn Kim.

Nguyễn-Phúc-Ánh là cháu ba đời Hiếu Minh.

Giòng Nguyễn-Phúc đến Nguyễn-Phúc-Ánh đã có chín đời làm chúa từ chúa Sãi.

2) Phải chăng có những anh hùng hảo hán muốn ra giúp chúa trị nước ?

3) Phải chăng có kẻ muôn buôn chúa vì chỉ là một gã vị thành niên chạy loạn ?

Dù sao, cái Bửu :

Đại Việt Quốc Nguyễn Chúa vĩnh trấn chi bửu.

đã là cái bùa hộ mệnh cũng như là một vật gian nan cho Nguyễn-phúc-Ánh.

4) Cuộc nội chiến kéo dài mãi đến năm Nhâm-tuất (1802) giữa Chúa Nguyễn-phúc-Ánh và Nhà Tây-son mà Chúa Nguyễn cho là giặc.

Sau khi đã nhờ quân Pháp thắng Nhà Tây-son vì nhờ quân Xiêm đã bị thất bại và sau khi đã làm chủ được đất Nam và vựa thóc giàu nhất trong nước, chúa Nguyễn phúc-Ánh lập đàm tại xã An-ninh, *hiệp tế Trời Đất, cáo việc đặt niên hiệu Gia-Long.*

Làm lễ Giao, đặt niên hiệu là Nguyễn Chúa sẽ không phải là chúa nữa mà là Vương... và sẽ là Đế để thay... Nhà Lê.

Các công việc này xảy vào tháng năm năm Nhâm-tuất.

Rồi là cuộc « Bắc phạt » tàn quân của Nhà Tây-sơn.

Rồi là việc sai sứ sang Tàu xin cầu phong. Sứ sẽ nói với vua Tàu là « giặc Tây-sơn » đã bình và « Nhà Lê » đã tàn... vì vua Lê-chiêu-Thống đã băng ở bên Tàu !

Cử chỉ này của Nguyễn-phúc-Ánh đáng chú ý :

— Giết Nhà Tây-sơn là loạn ở Thuận-quảng.

Không tôn phò Nhà Lê vì Nhà Lê đã tàn.

Trên đây tôi phải kẽ lại, hơi dài dòng mấy chi tiết lịch sử.

Kết luận là :

1.— Chúa Nguyễn sẽ lên ngôi Hoàng đế của Nhà Lê.

2.— Sẽ có niên hiệu là Gia-Long.

3.— Sẽ có chịu lê tần phong của vua Tàu, có nhận sắc phong và nhận quốc hiệu là Việt-Nam do vua Tàu đặt ra cho ta.

4.— Có làm lê Giao, có quốc ấn do vua Tàu ban cho.

Tôi không nhớ rõ Quốc Án này có những chữ gì và băng gì ?

Chắc là băng vàng, khắc bốn chữ : Việt Nam Quốc Vương.

Bây giờ, chúng ta khảo cứu mắt công. Tôi nhớ có đọc một bài, cách đây độ mười lăm năm đề tài đại đề là « Les sceaux des Empereurs d'Annam ». Tôi không nhớ

là có ở trong tập Đô thành hiếu cỗ xá không ? (Bulletin des Amis du Vieux Huế). Chẳng qua chỉ là những bài vở vẫn như bài của Soguy chẳng hạn. Còn riêng tôi chưa được tay cầm một cái ấn thật nào cả : ở viện Bảo tàng. Hà-nội và Huế, tôi thấy nhiều thứ giả lăm !

Về lê Giao của Hoàng-đế Bảo-Đại, trong Đô thành hiếu cỗ xá đã có một bài xoàng.

Tôi rất tiếc là không biết lê hồi trước như thế nào ? Ta không biết ! Một ông vua bị nộ lệ trong một dải đất nhỏ hẹp là đất Trung mà làm lê Giao thời lê này chỉ là một trò hát bội cho thực dân xem mà thôi !

Tôi đi lại Huế nhiều lần.

Trong hồi Pháp thuộc, quan là gì ! Vua là gì ?

Có liên lạc gì với sự mất Ngọc Ti không ?

* * *

Ở trên tôi đã dẫn mấy chi tiết về ấn Ngọc Ti.

Ấn Việt Nam Quốc Vương chắc là đã dùng trong các chẽ, cáo, chiểu của vua Gia-Long, Minh-Mạng và Thiệu Trị cho đến mãi sau... Tôi nhắc tại là tôi không đủ điều kiện sử liệu để khảo cứu về vấn đề Ấn của các vị Chúa, Vương, Đế.

Tôi chỉ nói tới mấy chữ triện khắc trên hòn Ngọc Ti.

« Đại Nam Thọ Thiên vĩnh mệnh truyền Quốc Ti. »

Ấn này có mấy chữ khiến ta phải chú ý.

1.— *Thọ Thiên* nghĩa là phung mặng Trời chứ không phải là Vua Tàu, vì chính vua Thiệu-Trị ban lệnh cho Án quan khắc chín chữ đó.

Án này là tự Ngài đặt ra, không phải là án của Hoàng đế Trung hoa ban cho.

2.— *Đại Nam*. Tại sao có chữ này ? Tên nước ta do vua Gia-Long đề ưng với vua Tàu là *Nam Việt* Vua Tàu không ưng, và đặt cho nước ta chữ *Việt-Nam*. Vua Gia-Long ưng thuận để nhận lênh thụ phong. Lê có cáo sắc và án của vua Tàu ban cho để mà dùng trong nước. Và tôi nhắc lại là chắc chỉ có bốn chữ Việt-Nam Quốc-Vương

Nay vua Thiệu-Trị được người dâng hòn lương ngọc Ngài nghĩ rằng đây là điểm trời rất tốt, tựa nước Việt-Nam.

Nguyễn là ánh hưởng của nước ta ở Cao-miên, trong triều vua Minh-Mạng và ngay trong triều Ngài nữa, ánh hưởng này đã rất mạnh.

Chữ Việt-Nam hay chữ Nam-Việt không thích hợp nữa.

Vì :

1.— Nước đã mạnh.

2.— Trời cho lương ngọc nên Ngài mật cáo Trời Đất vào ngày tết Giao, năm Ất-vi (1847) việc làm Quốc tỉ.

Quốc tỉ này là quốc tỉ của Nhà Nguyễn và tên nước ta trên quốc tỉ là *Đại-Nam*.

Và sự xung Hoàng-đế là có ý nghĩa.

Nước Đại-Nam có Thiên tử vì có Quốc tì cũng như Trung-quốc có Thiên tử vì có Quốc tì.

Vì vậy cho nên các bộ sách của ta nhan đề là :

Đại-Nam hội diễn sự lê

Đại-Nam tiền biên liệt truyện

Đại-Nam chánh biên liệt truyện

Đại-Nam thật lục.

* *

Đại-Nam hay Việt-Nam ? Chữ Đại-Nam thời đúng hơn nhưng tiếc là đã bỏ chữ Việt là tên của giòng giống.

Còn sự tích Án Ngọc-tỉ thời như thế nào ?

Tháng tư năm Ất-dậu (1885) quân Pháp xâm lăng đánh được kinh thành Huế.

Vua Hàm-Nghi và Tôn-thất-Thuyết ra chiến khu Quảng trị ban hịch Cần-Vương.

Trong lúc loạn ly Án Ngọc-tỉ đã mất...

Phải chăng vì Án Ngọc-tỉ đã mất cho nên không còn chiếu mà mấy chữ đầu là :

Thùa thiên hung vật Hoàng-đế chiếu rắng...

VUA TỰ-ĐỨC VỚI VIỆC KINH LƯỢC

NGUYỄN-ĐĂNG-GIAI, KINH LƯỢC ĐẠI SỨ Ở HỮU KỲ VÀ BẮC-KỲ (1850-1854)

Năm Ất-vi (1847), tháng chín ngày Qui-mão, vua Thiệu-Trị băng tại cung Càn-thành, di chiếu lập Hoàng-tử thứ hai là Phước-tuy-Công lên nối ngôi.

Tháng mười, ngày Kỷ-sửu, Phước-tuy-Công lên ngôi tại điện Thái-hòa, đặt niên hiệu là Tự-Đức, kè từ năm sau là năm Mậu-thân làm đầu.

TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC LÚC BẤY GIỜ NHƯ THẾ NÀO ?

Theo lời tâu của thư Tả Tham tri bộ Công là Trương-quốc-Dụng (sớ tâu tháng mười hai năm Ất-vi 1847) thời « Tài lực trong dân, so với năm trước mươi phần kém đến năm sáu, mà các quan địa-phương thường hay trau giòi tiếng tốt ? hỏi số dân thời tâu tăng, hỏi mùa màng thời tâu rằng được, chỉ muốn cho mình được, tiếng khen mà lòng thiệt vì nước vì dân thời ít... »

Những sớ của các quan điều trấn về việc cải cách ích quốc lợi dân tâu lên rất nhiều:

Chinh Trương-quốc-Dụng điều trấn năm việc :

- 1.— Bớt việc chi phi.
- 2.— Cần việc hình ngục.

3.— Cảnh đốn quan lại.

4.— Giảm bớt văn án.

5.— Sửa sang phép học. (tháng 12 năm Ất-vi 1847).

Năm Mậu-thân (1848), tháng tư, Thị lang sung nội-các Nguyễn-văn-Trường dâng sớ tâu việc :

1.— Chuẩn tiền công phí cho lính.

2.— Tha việc hoà mãi cho dân.

3.— Tăng giá thuê cho các thuyền chở.

Tháng năm, thụ Hiệp-tá Nguyễn-đăng-Giai điều trần mười khoản về việc hình án.

1.— Tội làm giặc ; 2.— tội ăn cướp ; 3 — tội đánh chết người.

4.— Nghiêm sức các sở tra án ; 5— Lệ tra xét án kiện.

6.— Phép đoán định tội danh ; 7— Nghiêm nghị tội các quan viên.

8.— Các án bán ra xét ; 9— Quan viên bị kiện ; 10— Quan viên can nghị.

Tháng sáu, Nguyễn-đăng-Giai lại tâu mười ba việc như là định lệ duyệt tuyển dân đinh, báo khẩn ruộng đất hoang, vỗ yên dân điêu háo, bắt điền linh thiếu ngạch ván vân...

Ngài dụ đình thần xét lời sớ tấu của Trương-quốc-Dụng, phúc tấu thi hành còn ngài cho thi hành ngay

những lời điều trần của Nguyễn-văn-Trường và của Nguyễn-dũng-Giai.

Ngài chăm việc chính trị, cách một ngày lại ngự triều bàn việc chánh thi hành.

Tháng sáu năm Mậu-thân, ngài có lời dụ răn các quan rằng :

« Quan vui, thời dân khồ, trên ich thời dưới tôn. Chẳng qua vì quan, lại, vỗ, vǎn, lộng phép ta sự hại dân, hoặc nhân đoán ngục xét hình dụng tâm làm nặng nhẹ mà sách người lấy cùa, hoặc nhân bắt linh đòi thuế giả đốc sức để kiểm miếng chia nhau; hoặc đem đồ thỉnh thác quan trên, để nhờ nưng đỡ; hoặc sinh việc góp lườm người dưới, để lấy tiền riêng, tình tệ còn nhiều, ta thiệt lấy làm buồn lăm! người xưa thường có nói bầy một điều lợi không bằng trừ một điều hại, sinh ra một việc không bằng giảm đi một việc.

« Bây giờ việc nên làm trước, chi hơn hình thời khoan chánh thời giảm, quan thời thanh, lại thời liêm. Các người phải nghĩ thế nào cho quan lớn giữ phép, quan nhỏ thanh liêm, đều bỏ hết thói tệ. Thức khuya dậy sớm, lòng lo cẩn thận siêng năng, trên giúp ta đều nghĩ chưa tới, dưới khiến cho trăm họ đều được yên vui: ấy là ta trông lăm mà thiên hạ cũng may lăm. »

Theo những tờ điều trần của các quan và lời dụ của vua Tự-Đức, ta có thể nói được rằng chính trị của ta lúc bấy giờ suy đốn lăm: dân khồ vì tệ quan lại. Nhà vua nhận thấy như thế và lời dụ của ngài có vẻ cầu khẩn, ngài rất siêng việc chánh mà các quan lại không như ngài!

Cuối năm Kỷ-dậu (1849), tả, hứa trực kỳ và Nam-kỳ lục tỉnh lại nhiễm bệnh dịch : về đầu năm Canh-tuất (1850), bộ Hộ thông tin cả Nam, Bắc các hạt bị bệnh hơn 589.400 người ! Nhiều nơi lại bị mất mùa nữa.

Có lẽ vì các quan địa-phương cai-trị hại dân và dân bị nhiễm bệnh dịch, chết hại rất nhiều lại bị mất mùa, cho nên về tháng giêng năm Canh tuất 1850 vua Tự-Đức phái ba đại thần đi kinh lược trong nước.

1.— Thượng thư bộ Công là *Nguyễn-tri-Phương* sung kinh lược đại sứ Nam-kỳ, lĩnh Tổng-đốc Định, Biên, kiêm Tổng-đốc Long-an.

2.— Thượng thư bộ Hình là *Nguyễn-dăng-Giai* sung kinh lược đại sứ Hữu-kỳ, lĩnh Tổng-đốc An, Tịnh, kiêm Thanh-hóa.

3.— Thượng thư bộ Lại là *Phan-thanh-Giản* sung kinh lược đại sứ Tả-kỳ, lĩnh Tổng-đốc Bình, Phú kiêm Thuận, Khánh.

Ba quan Kinh-lược đều là ba quan thượng thư tại triều đình — lĩnh cờ tiết mao tới lì, « Cốt dề bầy điếu lợi, trừ điểu tệ, cầm tráp quan lại, chiêu yên nhân dân. »

Các bạn đọc chắc nhận với tôi rằng ba quan thượng thư đi kinh lược như thế, là một sự không thường xảy ra, phải có những tình cảnh khó khăn sui nên. Tôi đã xét những tình cảnh ấy ở trên tuy xét không được thiết thực cho lắm. Böyle giờ ta phải xem công việc của các quan Kinh lược như thế nào.

Tài liệu mà tôi dùng được rất ít, đó là một điều đáng tiếc ; vì đầu đề bài này — chắc bạn cũng nhận thấy — cần phải khảo cứu chắc chắn và đầy đủ.

* * *

Kinh lược Tả-kỳ Phan-thanh-Giản ở Kinh ra đi vào cuối tháng giêng năm Canh-tuất (1850) thời đến tháng hai năm sau (1851, năm Tân-hợi) được lệnh đồi làm kinh lược phó sứ Nam-kỳ lĩnh Tổng-đốc Gia-dịnh, kiêm Biên-hòa, Vĩnh-long, Định-tường, An-giang, Hà-tiên nghĩa là cả lục tỉnh.

Trong thời gian một năm ở Tả-kỳ, Phan kinh lược đã làm những công việc gì ?

Tôi không được biết.

Về quan kinh lược đại sứ Hữu-kỳ, Nguyễn-đăng-Giai, sứ có chép (không rõ về tháng nào nhưng ở trong khoảng từ tháng bảy đến tháng 11 năm Tân-hợi 1851) là được thường quản công, gia một cấp và được ngọc đeo, tiền vàng, đoạn, sa, sâm, quế các hạng « Vì Đặng-Giai, từ khi lĩnh cờ tiết mao đến lị sở, xét hỏi tình dân, sửa sang việc Châu quận, cử người liêm giỏi, truất người tham nhũng, tha thuế thiếu, vỗ yên chố điêu háo. Bây giờ dân được đủ ăn, khỏi bị trộm cướp, ngài cho là không kém với bực Tuần lương đời xưa nên ban lời dụ khen tốt lắm. »

Tôi không thể chứng dẫn những công việc mà sứ chép qua ở trên. Riêng về việc sửa sang châu quận thời như sau này :

Tháng sáu năm Canh-tuất (1850) (nghĩa là nửa năm sau khi Nguyễn-đăng-Giai ra Kinh lược) chắc là theo lời đề nghị của quan kinh lược, ngài dù dồn bớt các phủ huyện, châu ở tỉnh Nghệ, Thanh.

Thuộc tỉnh Nghê-an :

- 1.— Đem huyện An-thành giao về phủ Diên-Châu kiêm lý.
- 2.— Huyện Lương-sơn giao về phủ Anh-sơn kiêm lý.
- 3.— Huyện Nghĩa-đàn, Quế-phong Túy-vân đều giao về phủ Qui-châu kiêm lý.
- 4.— Huyện Tương-dương, Kỳ-sơn, Hội-nghiên, Vĩnh-hòa đều giao về phủ Tương-dương kiêm lý.

Thuộc tỉnh Thanh-hóa :

- 1.— Đem huyện Hậu-lộc giao về phủ Hà-trung kiêm lý.
- 2.— Hai huyện Quảng-tế, Thạch-thành về phủ Quảng-hòa kiêm lý.
- 3.— Hai châu Lương-chánh, Thường-xuân giao về phủ Thọ-xuân kiêm lý.
- 4.— Hai huyện Hoằng-hòa, Mỹ-hòa hiệp làm huyện Hoằng-hòa nhưng thuộc phủ Hà-trung.
- 5.— Huyện Cầm-thủy và Châu Quan-hòa hiệp làm huyện Cầm-thủy nhưng thuộc về phủ Quảng-hòa.

Dồn bớt các phủ, huyện, châu như trên có ích lợi gì cho sự cai-trị không? Sao lại cần có quan kinh-lược tói mới hiểu rõ sự ích-lợi ấy?

ĐÓ LÀ NHỮNG CÂU HỎI MÀ TÔI KHÔNG TRẢ LỜI ĐƯỢC. (1)

Ngay sau khi được vua khen — nghĩa là sau một năm rưỡi, hay hai mươi tháng — Kinh lược ở Hữu-kỳ Nguyễn-đăng-Giai được lệnh Tông-đốc Hà, Ninh sung kinh lược các tỉnh Hà-nội, Ninh-bình, Bắc-ninh, Thái-nguyên, Lạng-sơn, Cao-bằng. Sở dĩ có sự thuyên chuyền đó vì « ngài nghĩ xứ Hữu-kỳ dân đã bớt khổ ». Ngài truyền dụ quan Kinh lược Bắc-kỳ « phải chăm việc điều tể binh dân và sửa trị bờ cõi. »

Vậy công việc kinh lược ở Hữu-kỳ xong, Nguyễn-đăng-Giai ra Kinh-lược ở Bắc-kỳ vậy.

Tháng mười hai năm Tân-hợi (1851), nghĩa là sau khi mà quan Kinh-lược Nguyễn-đăng-Giai tới Bắc-kỳ mấy tháng, sử có chép sự *dồn các phủ huyện ở Lạng-sơn, Hưng-yên, Hưng-hóa*.

Nhưng chính tháng sáu năm Canh-tuất (1850) — nghĩa là một năm rưỡi trước — ở *Quảng-yên* cũng đã có sự dồn phủ, huyện như sau này :

1.— Đem Châu Vạn-ninh đặt làm phủ Hải minh, nhưng trích châu Tiên-an, nguyên thuộc phủ Sơn-định bây giờ, đổi thuộc phủ Hải-ninh.

(1) Cũng tháng 12 năm Tân-hợi (1851), cùng một đạo-dụ, tỉnh Vĩnh-long trong Nam-kỳ dồn bớt phủ, huyện như các tỉnh Lạng-sơn, Hưng-yên, Hưng-hóa.

Ai đè xướng ra sự dồn phủ, huyện ở tỉnh Vĩnh-long ?

2.— Nhũng huyện Nghiêu-phong, An-hưng, Hoành-bồ nguyên thuộc phủ Hải-ninh đem đổi thuộc phủ Sơn-dịnh nhưng cho quan huyện Hoành-bồ kiêm lý cả ba huyện.

Ở Lang-sơn thay đổi như thế này :

1.— Đem huyện An-bắc giao về phủ Tường-khanh.

2.— Đem châu Thoát-lãng giao về phủ Trường-dịnh kiêm nhiếp.

Ở Hưng-yên :

1.— Đem huyện Thiền-thi giao về huyện Phù-cử.

2.— Đem huyện Hưng-nhân giao về huyện Diên-hà kiêm lý.

3.— Còn huyện Khoái-châu phân phủ thời bớt đi.

Ở Hưng-hóa :

1.— Đem châu Đà-bắc hiệp về Châu Mai.

2.— Châu An-hiệp về châu Mộc.

3.— Quỳnh-nhai hiệp về châu Lái.

4.— Huyện Thanh-thủy nhập vào huyện Thanh-son.

5.— Ba làng Cao-phong, Thạch-an, Quỳnh-làm, nguyên thuộc về huyện Thanh-thủy nhưng xét địa phận gần huyện Bất-bạt tỉnh Sơn-tây, cho nhập vào huyện Bất-bạt (1).

(1) Cũng một tháng sáu năm Canh-tuất (1850), cùng theo một chỉ dụ, tỉnh Quảng-yên cũng dồn bớt Phủ, Huyện, Châu. Ai đề khởi lên vua ? Dồn như thế có ích-lợi gì cho sự cai-trị không ?

Năm Nhâm-tí (1852), tháng giêng, Kinh-lược Nguyễn-đăng-Giai tâu xin gia phái trọng thần đặng giúp việc ngoài biên.

Nguyễn có những tướng giặc Tàu (giặc Tam-đường) tới hàng.

Ngài liền cho Tông-đốc Sơn, Hưng, Tuyên là Nguyễn-khắc-Tuần sung Kinh-lược phó sứ kiêm lãnh Tông-đốc Ninh, Thái, Lang, Bình (nhưng Nguyễn-khắc-Tuần sau thời chức ấy, chỉ coi việc Sơn, Tuyên, Hưng, sau lại đổi làm Thượng-thư bộ Hộ).

Năm Giáp-dần (1854) mùa thu (sau tháng bảy nhuần, trước tháng 12) Kinh-lược Bắc-kỳ Nguyễn-đăng-Giai mất : Ngài dù tặng Hàm Thái-Bảo.

Vậy hai lần làm Kinh-lược sứ ở Hữu-kỳ và Bắc-kỳ, Nguyễn-đăng-Giai hình như đã thi hành được nhiều điều trong bài dụ của vua Tự-Đức :

« Bảy điều lợi, trừ điều tệ, cấm trấn quan lại, chiêu yên nhân dân ». Nếu không, sao ngài lại ban khen, và ban thưởng ?

Nhưng ngoài sự dồn các phủ, huyện — mà ta không hiểu sự ích lợi và không rõ là chính ai đề xướng, tuy có câu « sửa sang việc chầu quan » chỉ rõ là quan Kinh lược thi hành — Tôi không có tài liệu dẫn chứng lời khen của vua Tự-Đức là Kinh-lược sứ Nguyễn-đăng-Giai đã « Xét hỏi tinh dân, cử người liêm giỏi, truất người tham nhũng, tha thuế thiểu, vỗ yên chỗ điện hào » để cho dân Hữu-kỳ « được đủ ăn khỏi bị trộm cướp. »

Công việc của Kinh-lược đại sứ Nam-kỳ Nguyễn-tri-Phương như thế nào ? bài sau tôi sẽ nói tới.

NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG

KINH LƯỢC ĐẠI SỨ NAM-KỲ

(1850-1858)

Tháng giêng năm Canh-tuất (1850), tức là năm thứ ba triều vua Tự-Đức, Thượng-Thư bộ Công là Nguyễn-tri-Phương sung *Kinh-lược Đại-sứ Nam-kỳ*, lĩnh Tổng-đốc Định, Biên kiêm Tổng-đốc Long-an.

Tháng hai năm sau (năm Tân-hợi, 1851), Kinh lược đại sứ Tả-kỳ Phan-thanh-Giản sung *Kinh-lược Phó-sứ Nam-kỳ*, lĩnh Tổng-đốc Gia-định kiêm Biên-hòa, Vĩnh-long, Định-tường, An-giang, Hà-tiên.

Vậy Nguyễn Kinh-lược vào Nam-kỳ từ đầu năm Canh-tuất (1850), một năm sau lại có Phan Kinh-lược vào giúp việc (chức phó sứ).

Tháng ba năm Quý-sửu (1853), ngài cho Tham-tri Phạm-thế-Hiển làm Tuần-phủ Gia-định, *Tham-tá Kinh lược sứ vụ* (nhưng sau — không rõ về tháng nào Phạm-thế-Hiển được thăng Tổng-đốc Định, An : có thời làm Tham-tá kinh lược sứ vụ không ? tôi không được biết).

Kinh-lược phó sứ Phan-thanh-Giản giữ chức của mình từ năm Tân-hợi (1851) đến năm nào tôi cũng không rõ. Nhưng *Kinh-lược đại sứ Nguyễn-tri-Phương* giữ trọng trách mãi đến mùa thu năm Mậu-ngo (1858) (sau tháng bảy, trước tháng mười hai).

Vì mùa thu năm Mậu-ngọ (1858) là khởi đầu một trang lịch sử mới của nước ta !

Tháng bảy (năm Mậu-ngọ) mười hai chiếc tàu đại Pháp vào cửa Hòn bắn phá ; rồi quân Pháp hầm lấy hai thành An-hải và Điện-hải, đánh vào làng Mỹ-thị : tình thế ở Quảng-nam rất là bối rối !

Ngài mới gọi Kinh-lược đại sứ Nguyễn-tri-Phương ở Nam-kỳ về, sung chức tổng thống quân vụ để chống lại với quân Pháp. (1)

Vậy từ đầu mùa xuân năm Canh-tuất (1850) đến thu năm Mậu-ngọ (1850) nghĩa là trong một thời gian rất dài là tám năm, Nguyễn Kinh-lược đã ở Nam-kỳ, Phan phó sứ giúp việc (không biết là trong bao nhiêu năm) và có Phạm tham tá giúp việc nữa (nhưng hình như chỉ có trong một thời gian rất ngắn).

CÔNG VIỆC CỦA CÁC QUAN KINH-LƯỢC — MÀ PHẦN LỚN LÀ CỦA QUAN KINH-LƯỢC ĐẠI-SỨ NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG — NHƯ THẾ NÀO ?

Đó là đầu đề của bài này vậy.

Tôi sẽ nói rõ những việc mà tôi đã theo tài liệu tìm thấy, nhưng tôi sẽ nói rõ hơn những điều khuyết điểm của sự khảo cứu nhỏ này.

* * *

(1) Tháng bảy năm Canh-thân (1860), ngài sai Nguyễn-tri-Phương vào Gia-Định.

Sử chép là *tháng tám* năm Nhâm-tý (1852), Nguyễn-trì-Phuong, Phan-thanh-Giản, dâng sớ tâu tám việc : (nhân hai quan về kinh).

- 1.— Xin thánh thề nên thận trọng.
- 2.— Bài hát xướng.
- 3.— Xin úc chế kẻ hầu cạn.
- 4.— Xin chuộng điều tiết kiệm.
- 5.— Xin giảm bớt cận thần.
- 6.— Xin chăm việc tuyển cử.
- 7.— Xin khoan việc làm sâu cho dân.
- 8.— Xin thêm bồng hướng các quan.

Từ đầu năm Canh-tuất (1858) đến tháng tám năm Nhâm-tý (1852) các quan kinh lược không trù nghị việc gì hay sao ? (tôi nhắc tôi thiếu tài liệu).

Tôi rất lấy làm lạ về tám điều tâu của hai quan Kinh lược vì không có điều nào nói về việc kinh lược ở Nam-kỳ cả. Mời nghe ta có thể cho là những lời tâu của một quan ngự sử tại triều. Có hai điều hơi có liên lạc với sự quan sát của quan kinh lược ở ngoài, ấy là điều xin khoan việc làm sâu cho dân và xin thêm bồng hướng các quan (1).

(1) Tôi chắc là hai quan kinh lược có sớ tâu về việc kinh lược Nam-kỳ nhưng tôi không được biết sớ ấy : Quyền Quốc-trieu Chánh biên *toát-yếu* mà tôi dùng chỉ nói tờ tờ sớ tâu tám việc kể trên. Xét ra, cũng không có gì lạ. Vì hai quan kinh lược ở xa về triều đình nên mới nhận thấy một cách rõ rệt mấy điều tệ ở triều như hát xướng, xa xỉ, kẻ cận thần lộng pháp... Vậy nên mới có bài sớ nói trên.

« Nhận được tờ sớ nói trên, vua Tự-Đức có dạy rằng : các người (chỉ Nguyễn-tri-Phương và Phan-than-Giản) đã tò lòng trung ái, sẵn có mưu kế gì hay, nên thường thường vào tàu ».

Lời vua dạy tò ngài không bằng lòng.

Chắc vì nhận thấy thế nên hai quan kinh lược liền xin nạp cờ tiết mao từ chức Kinh-lược : chắc hai quan cũng không bằng lòng vua.

Ngài dụ rằng : « Các người phải gắng ở đó, nghĩ việc sắp đặt về sau khi nào thành hiệu ta sẽ đòi về cũng không muộn chi. »

Công việc chính của quan Kinh-lược đại sứ Nguyễn-tri-Phương ở Nam-kỳ thời theo ý tôi là công việc : CHIỀU DỤ LƯU DÂN VÀ LẬP ĐỒN ĐIỀN.

Công việc này vừa thuộc về phép *tri dân* vừa thuộc về cách *giữ nước*.

Tôi sao ra đây và đánh số thứ tự theo tháng năm những tài liệu mà tôi gop được, rồi ta sẽ theo tài liệu đó mà suy xét.

Năm *quí siu* (1853) tháng *giêng*, chuẩn cho xứ Nam-kỳ làm phép đồn-điền, lập ấp. Định thàn tàu :

« Xin cho xứ Nam-kỳ cùng các tỉnh từ Bình-thuận trở ra Bắc, thông sức người bốn hạt, cho tình nguyện ứng mợ.

Mợ được bao nhiêu, giao cho dân hai tỉnh An-giang và Hà-liên còn dư cho qua Vĩnh-tế, Ba-xuyên, Tỉnh Biên, chỗ nào đất hoang cứ ở mà cày.

« Như mộ người Đồn điền thời thúc làm lính đồn điền chia 50 người hán dàn làm một đội, 500 người làm thành một cơ.

« Nhưng mộ người lập ấp phải được 10 người trở lên, mới cho tùy chô khai khẩn, lập bộ, người Tàu đầu mộ cũng cho.

« Người nào mộ lính đồn điền được một đội cho bồ suất đội, được một cơ cho bồ chánh đội thí sai phó quản cơ.

« Ngày sau thành căn cước, một đội làm một ấp, một cơ làm một tông, còn Quản cơ, suất đội đều lĩnh chức Tông-trưởng, ấp-trưởng.

« Người nào mộ dân lập ấp được 30 người thời tha xâu thuế trọng đời, được 50 người thời thưởng chánh cửu phẩm, được 100 người thời thưởng chánh bát phẩm, nhưng lĩnh chức Tông lý.

« Còn thuế ruộng đất hiện khẩn và thuế định đều cho khoan hạn đề khuyến khích cho người ứng mộ.

Nguyễn-tri-Phương lại tâu :

« Phủ Na-xuyên và phủ Tĩnh-biên dân thô mới theo về. Nay chẳng cho hết lục lính làm mà chỉ cho hai phủ, e hoặc sinh sự chẳng ? Xin thông sức lục tĩnh, bao nhiêu người ứng mộ ai muốn qua Tĩnh-biên, Ba-xuyên, ai muốn tìm đất không khoáng trong bốn hạt, khai khẩn lập ấp, đều cho tinh nguyễn nhưng phải thuộc vào các Tông đã lập thành rồi.

« Lại xin cho tù phạm ở lục tỉnh như có đứa nào xin lập một đội hoặc một thôn, đều được 30 người, thời cho làng họ chúng nó đứng bảo kiết, sẽ tha tội, giao cho tỉnh An-giang phàn tháp về cho Vĩnh-tế, hoặc giao Hà-tiên phàn tháp về cho Giang thành, ở đó cầy ruộng, sau xét quả được thành hiệu sẽ nghĩ ».

Ngài đều cho thi-hành cả.

2.— Cũng năm *Qui-sửu* (1853), tháng ba, ngài khiến Nguyễn-tri-Phương chuyên làm kinh lược đại sứ trong Nam Kỳ và Tham-tri Phạm-thế-Hiền làm tuần phủ Gia Định tham tá Kinh-lược sự vụ.

Ngài đem năm việc quan yếu ở Nam-kỳ hỏi Thế-Hiền :

1) Chiêu dụ lưu dân.

2) Luyện tập quân lính.

3) Bầy mưu kế hay để giữ chốn biên cảnh.

4) Cấm hút nha phiến.

5) Trừ những tệ các quan lại.

Thế Hiền kê khoản tâu lên đại lược rằng :

1) Lập ấp, khấn ruộng để dụ lưu dân về.

2) Cảnh sách nhiều, chăm luyện tập để đội lần thói lính nhác.

3.— Tinh việc biên phòng chi bằng mộ dân qua chốn biên cảnh đóng đồn, tập nghề võ.

4.— Muốn cấm nha phiến thời trước phải cấm quan lại hút.

5.— Muốn trừ lại tệ thời trước nên bớt việc,

Ngài dạy rằng : « Người tâu vậy đã nhầm cõi gốc đó, nhưng biết vậy mà nói không khó gì, chỉ có làm được như vậy là khó mà thôi. »

3.— Năm Giáp-dần (1854) tháng bảy, khi trước xứ Nam-kỳ lục tỉnh làm việc đồn điền, nhiều người nói bất tiện. Ngài có truyền dụ quan Kinh-lược Nguyễn-tri-Phương xét kỹ thế nào, tâu lên.

Đến đây, Tri-Phương tâu :

« Đất Nam-kỳ liền với giặc mọt, dân xiêu tán nhiều. Mượn điều chiêu mộ để dụ dân về, đốc việc khai khẩn để nuôi dân làm ăn, thiệt là một cách quan yếu và yên dân đó.

« Hiện bây giờ dân mới hồi phục, đã thúc thành cơ đội, được 21 cơ, lập thành làng xóm, phỏng chừng 100 làng, chia ra đồn khẩn, thế đã nghiêm, hình đã vững, không đến nỗi ly tán.

« Nhưng tôi xét việc đồn điền vẫn lợi nước, lợi dân, mà không lợi cho Tống, Lý ; vậy nên Tống, Lý đặt điều để phỉnh dân. Những người nói bất tiện đó chẳng qua chung phỉnh mà thôi. »

Ngài khen lời nói khẩn thiết, nghe theo; còn chương trình xét còng, thưởng phạt, chuẩn cho Tri-Phương kề khoản tâu lên.

Tri-Phương tâu :

« Chương trình mội khẩn, xin chờ sắp đặt xong sẽ nghị. Chỉ cần về phần Phủ, Huyện, Khuyên đốc, hoặc siêng hoặc nhác phải nên xét, đáng thưởng, đáng phạt phải nên định. »

Tri-Phương nhân dâng chương trình xét công Phủ, Huyện. Ngài cho thi-hành. (các Phủ, Huyện đều chiểu hiện số mội định, khẩn điền nhiều ít, chia làm 4 hạng, mỗi hạng chia làm 10 thành, hạn cho ba năm lập cho chánh thành cẩn cước.)

4.— Năm Ất-mão (1855) tháng bảy, Nguyễn-tri-Phương ở Nam-kỳ lâu ngày thường lấy điền nhớ cung-khuyết tàu xin về triều.

Ngài muôn khiến tại chức cho lâu, để chóng thành hiệu, mời ban lời dụ và bài thơ khuyên gắng ở lại.

5.— Cũng tháng bảy mới định lệ thưởng phạt về sự chiêu dụ lưu dân.

Trong 10 thành mà thiếu đến 6 thành thời quan địa phương bị phạt. Trong 10 thành mà quan địa phương chiêu dụ được 6, 7, thành trở lên thời được thưởng.

Năm Bính-thìn (1856) tháng tám, tàu đại Pháp sinh sự tại vũng Sơn-Trà, thuộc cửa Hàn tỉnh Quảng-nam. Có lẽ vì thấy việc đê phòng bờ cõi trở nên khẩn cấp, hai quan kinh lược có sớ tâu về triều đình. Sử chép như sau này :

6.— Kinh lược Nguyễn-tri-Phương và Phạm-thế Hiển tâu (*tháng mười một năm Bính-thìn, 1860*).

« Trong các cửa biển ở Nam-kỳ lục tỉnh như cửa Càn-

Giờ tỉnh Gia-định, đã sâu lại rộng, tàu lớn đi được, chỗ ấy quan yếu lắm. Còn thứ nữa là cửa Nhỏ tỉnh Định-tường.

« Vậy chúng tôi xin lựa cho hẹp dưới đồn Tam-kỳ, bờ bên tả thuộc làng Lương-thiện, tỉnh Biên-hòa, bờ hữu ngạn thuộc làng Bình-khanh, tỉnh Gia-định, lập hai đồn ở phía tả và phía hữu để nương đỡ nhau. Còn cửa Nhỏ tỉnh Định-tường thời xin do quan Tông-đốc Long, Tường tới khám chỗ nào nên lập đồn, bảo thêm, tàu lên sẽ xét. »

Ngài nghe theo :

7.— Năm *Đinh-tị* (1857) tháng tư, Kinh lược sứ Nguyễn-tri-Phương, vào chầu.

Ngài hỏi hết tình trạng đồn điền, lại hỏi :

« Tuổi khanh đã cao, được khoẻ mạnh không ?

Tàu rắng :

« Tôi nay 58 tuổi, sức trong mình hơi yếu. »

Ngài ban cho một tráp áo mặc mát.

Tri-Phương lại đem các điều trù nghị bồ cát về việc đồn điền, kê khoản tàu lên.

Ngài dạy rằng : « Thôi ! cũng y cho người để cầu cho nên việc. »

8.— Cũng năm *Đinh-tị* (1857), không rõ tháng nào, nhưng sau tháng tư trước tháng bảy, Trương-đăng-Quế, Nguyễn-

tri-Phương, Phan-thanh-Giản Tôn-thất-Cáp tàu công việc Nam-kỳ rắng : (1)

Các hạt Nam-kỳ, mấy năm trước nhờ ơn triều-định điều tề, đã hơi sanh sắc, chỉ có một hai khoản nên tùy thời sửa sang.

Nhân kê xin bốn việc :

1.— Số thuyền tàu công trong Nam-kỳ xin chiếu theo ngạch linh hiện tại để đủ dùng.

2.— Xin đào rộng đường sông ở hai huyện Long-xuyên và Kiên-giang để cho thêm hiểm trở.

(1) *Trương-dặng-Quế* làm quan tại triều cổ mang lương thần, Phụ chánh đại thần, càn-chánh điện đại-học-sĩ, tước Tuy thanh quận công (từ năm ất-vi 1847).

Tôn-thất-Cáp làm quan bộ Hộ, có đi công cán ở cửa Hán để trú nghị cách đê phòng quân Pháp.

Nguyễn-tri-Phương được tước bá ngay từ năm ất-vi (1847) : Tráng-liệt-Bá, Hàm Đông các Đại-học-Sĩ không rõ từ năm nào nhưng năm Canh-thân (1860) mới thấy nói.

MỘT CUỘC CÁCH-MẠNG NÔNG DÂN THẤT BẠI

Vào khoảng 1944, 1945, báo THANH-NGHỊ có đăng một bài tôi viết về việc Nguyễn-công-Trứ khai thác hai huyện Kim-Sơn và Tiền-Hải.

Bài khảo cứu nhỏ đó đã căn cứ vào những sử liệu chắc chắn mà tôi không phải giải thích một cách khác ; nhưng vì chúng ta đã trải qua — vào năm 1944 — một nạn đói kinh khủng là vì một vài trường-hợp đã không thuận tiện để tôi trình bày rõ ràng vấn đề, nên tôi nhận thấy là đối với bài đó đã không được đầy đủ và có ý nghĩa nên tôi xét lại đầu đề, căn cứ vào những tài liệu đã dẫn mà tôi còn giữ được, thêm vào một số tài liệu mà tôi chưa dẫn.

Tôi sẽ vẫn theo dàn bài cũ mà trình bày các sử liệu theo lối biên niên : sử liệu trình bày như thế này có tính cách khô khan, nhưng, vì tìm ra khó, nhất là trong lúc các sách dễ bị tiêu hủy, sẽ có thê ich lợi cho nhiều vị chuyên về Việt-sử : tôi sẽ có lời bàn rất dè dặt, căn cứ vào sử liệu mà tôi sẽ dẫn :

PHẦN THỨ NHƯỢT SỬ LIỆU

1.— Năm Giáp-thân (1824) (thứ năm triều Minh-Mạng), tháng năm, trấn Sơn-nam, Nam-định, Sơn-tây và Bắc-

ninh từ mùa Xuân đến mùa hạ không mưa : lúa, khoai, đậu khô héo nhiều mà dân không bão tai, trấn không có án khâm : quan Tống-trấn đem tình trạng dân cực khổ tâu lên, Ngài truyền tùy hực tha thuế.

2.— Năm Ất-dậu (1825), tháng bảy, có năm huyện ở Hải-dương, Nam-định thuộc về Bắc-thành, nhàn trời hạn, nước mặn lèn, có nơi không cấy được, có nơi cấy mà bị hạn, quan Tống-trấn tâu lên, Ngài khiếu khâm xét nơi nào không cấy được, thời tha thuế, nơi nào tồn hại thời cứ lệ mà tha cho.

Nam-định (cũng như Nghệ-an) lại bị gió bão, thuyền chìm, nhà hư, người chết đuối cũng nhiều. Ngài khiếu phát tiền chấn cấp.

3.— Năm Bính-tuất (1826) tháng giêng, quan Bắc thành tâu « Trong mười ba huyện trấn Hải-dương, vì đói, lưu tán hết một trăm tam làng, ruộng bỏ hoang hết một vạn hai nghìn bảy trăm mẫu, thuế mùa đông năm ngoái không lấy gì nạp được ». Ngài khiếu tha thuế cả.

4.— Tháng hai, giặc thề trấn Nam-định là Võ đức Cát (nguyên làm thủ ngự ở đồn Ba-thắc, vì cùa giết người nên phải cách) cù tập bọn Phan-bá-Vành, Nguyễn-Hạnh mưu khởi nguy cướp phủ Trà lý và Lân-hải. Thủ ngự Đặng-định-Miên và Nguyễn-Trung-Diễn bị hại, Trần thủ Lê-mậu-Cúc ra đánh bị chết, quan quân chết đến vài mươi người, còn thời tan chạy chạy cả : súng, khí giới, thuyền mất hết. Quan tổng-trấn nghe báo, liền khiếu Thống-chế Trương-phúc-Đặng theo đánh : giặc tan ở làng Đồng-hào (về huyện Dao Thủy): bắt được Võ-đức-Cát đem nạp, giết ngay.

5.— Tháng bảy, thuộc trấn Hải-dương, thường năm mất mùa luôn, giặc phá, dân ly tán, quan Tổng-trấn không tâu. Ngài dụ ban quở. Nguyễn-hữu-Thuận mới trích nhũng sự cực khốc ba mươi bảy làng tâu lên. Ngài khiển nhũng thuế phải nộp năm ấy và tiền lúc trước còn thiếu đều tha cả.

6.— Tháng mười một, tướng giặc ở Sơn-Tây là Lê-trọng-Liên ăn cướp làng Viên-Lãng hạt Phù-Ninh : dân làng bắt được sáu tên trong đảng ấy, Tri-huyện Phù-ninh Nguyễn-thế-Cát đi khám, giải về, qua rừng Tử-đà giặc xông ra đánh cướp lấy tù, Cát bị hại. Sau quan bắt được tên Liên, đem giết.

7.— Tháng mười hai, giặc thô ở Nam-định là Phan-há-Vành với Nguyễn-Hạnh (Nguy xưng Hữu quân) đem hơn năm nghìn quân xâm cướp các huyện Nghi-Dương và Tiên Minh ở Hải-dương, lại liên kết với đảng Tầu Ô cướp ngoài biển chống với quan quân. Quan Trấn Thủ là Nguyễn-đăng-Huyên đánh không được quan Tổng-trấn Bắc-thành tâu lên. Ngài thăng cho Trương-văn-Minh hàm Tiên-phong, Đô Thống chế chuyên quản lính Bắc-thành hiệp đồng với Nguyễn-hữu-Thuận coi việc quân.

8.— Cũng tháng mười hai, Ngài chuẩn cho Tham hiệp Thanh-hoa Nguyễn-Công-Trứ, Tham-hiệp Nghệ-an Nguyễn-đức-Nhuận theo Nguyễn-hữu-Thuận Trương-văn-Minh tham tán việc quản binh, Nghệ-an thời giao cho Đức-nhuận đem qua sai phái ; khiến quản cơ Thanh-hoa là Võ-văn-Bảo coi bốn chiếc thuyền quân ; Quản cơ Nghệ-an là Trương-văn-Tin coi mười bốn chiếc đều tới Hải-dương hội tiễu (Nguyễn-công-Trứ năm 1824 nghĩa

là trước đây ba năm làm Lang trung bộ lại sau thụ chức tu nghiệp trường Quốc tử giám ở Kinh cùng với Thần văn-Quyền, vì có thể « làm khuôn phép được ».

9.— Năm Đinh-Hợi (1827) tháng giêng Phan-bá-Vành lại tu chúng ở phủ Thiên-trường và Kiến-xương, quan Bắc-thành xin phái thêm lính kinh với thuyền và súng cho mạnh thêm thế quân. Ngài khiến quan phó Tướng Ngô-văn-Vĩnh đem quân Hậu bảo vệ nhì qua Bắc thành hội tiễu, lại phái Trung-dinh, Tả-dinh vệ quân Thần sách ở Nghệ-An mỗi Dinh một viên Vệ Úy theo sai phái ngoài Bắc-thành.

10.— Tháng hai, Trần-văn-Duy quyền coi tào binh Bắc thành tham tán việc-quân : Duy thấy giặc lâu chưa yên, dâng sớ xin đi, Ngài khen mà cho.

11.— Cũng tháng hai, tên Vành đem quây vây Phạm-dinh-Bửu ở chợ Quán. Phạm-văn-Lý và Nguyễn-công-Trứ chia ba đạo quân đến cứu, trong ngoài giáp đánh, giặc tan. Vành chạy vào làng Trà lũ đắp thành đào hào, lập mưu cỗ giữ.

Vành ở làng Trà-lũ, quan quân vây giữ. Thế giặc cùng, toan nhàn đêm chạy ra biển, phái Phan-bá-Hùng đóng giữ. Quan quân thẳng vào đến nơi, bắt được tên Vành và đồng đảng hơn bảy trăm sáu mươi người, thuyền và súng lấy được hết. Tờ báo tiệp tâu lên, Ngài tùy bức ban thưởng.

12.— Tháng ba, Ngài khiến Thống-chế lãnh Trần-thủ Nghệ-an là Nguyễn-văn-Hiếu, Hình-bộ Thượng-thư là Hoàng-

kim Xán Kinh-Lược trấn Sơn-nam và Nam-định. Thân-văn-Duy tham-tá việc kinh lược. Ngài khiến đình thần bàn mấy điều khoản « thương yêu dân điêu tàn-chỉnh đốn các quan lại » rồi chuẩn cho thi-hành.

13.— Tháng tư các quan kinh lược đến Nam-định. Xét hỏi những điều khổ cực của dân, nơi nào bị giặc phá, đốt thời cắp tiền, lúa, nơi nào bị hại thời cho tiền tuất. Xét việc kiện cáo về việc gian tham quan lại ai cũng sơ hãi. Chánh-án Nam-định là Phạm-Thanh, thư ký Bùi-khắc-Kham tham nhũng lăm, khiến giải đến chợ chém ngang lưng, tịch thu gia-sản, phát cho dân chúng. Tri-phủ Nguyễn-công Tuy tham tàn, phải tội chết ; lại xét Đông-Tri phủ ứng hòa, Phạm-Thọ-Vực, Tri-huyện Đại-an Nguyễn-văn-Nghiêm để nha lại làm điều tệ, phải cách-chức cả. Còn người nào không xứng chức cũng phải bãi về hết thảy.

14.— Tháng năm nhuận, Ngài cho giảm thuế ruộng trấn Sơn-nam, Sơn-tây, Bắc-ninh, Hải-dương vì mùa đồng năm trước phải tai nạn.

Kinh Lược sứ Nguyễn-văn-Hiếu lại tàu xin trú tề trấn Sơn-nam, và Nam-định. Ngài cho tha thuế năm nay (Đinh-hợi 1827) và thuế còn thiếu năm trước, binh điêu tạp dịch cũng đều hoãn cho cả.

15.— Tháng bầy, Bắc-thành lụt lớn. Sơn-tây, Sơn-nam và Nam-định vỡ đê, ruộng ngập, người chết đuối nhiều. Quan Bắc-thành phái người đi phát chẩn và đem việc ấy tàu lên. Ngài dù cho quan trấn cấp thêm.

16.— Tháng ba năm Mậu-lý (1828), Ngài cho Thị-lang Nguyễn-công-Trú làm chức Dinh-diễn sứ. Nguyên khi

trước Công-Trú dâng sớ xin ba điều : 1) Nghiêm pháp cấm đề tuyệt bọn trộm cướp ; 2) Rõ thường phạt đề khuyên răn quan lại ; 3) Mở ruộng hoang đề giúp cho dân nghèo. Ngài cho, vì thế cho làm chức ấy.

16.— Tháng mười, đặt huyện Tiền-hải thuộc về phủ Kiến-xương, trấn Nam-định.

Nguyên trước, ở gần biển, có một dải bờ Tiền-châu bỏ hoang, giặc thường trốn núp tại đó. Khi Dinh-điền sứ Nguyên-công-Trú đến, chiếu dụ, dạy bảo dân, ngầm đo đất bỏ hoang ở Tiền-châu và hai bên bờ, chia cấp cho dân-chúng, cả thảy được mười bốn lý, hai mươi bảy ấp, hai mươi trại, mười giáp ; số đinh hai nghìn hai trăm năm mươi người, ruộng hơn một vạn tám nghìn chín trăm bảy mươi mẫu, chia làm bảy tổng. Tâu xin lập một huyện đặt tên là huyện Tiền-hải. Lại ở làng Ninh-cường, Hải-cát, mở được bốn lý, bốn ấp, một trại, xin lập một tổng thuộc về huyện Nam-chấn. Ở tổng Hoàng-nha, mở được năm ấp, một trại, ba giáp, cũng là một tổng, thuộc về huyện Giao-thủy. Còn bao nhiêu, tùy gần tổng nào, thuộc vào tổng ấy. Đến như ngưu canh điền khi lượng lấy tiền công chi cấp cho.

Ngài ban khen.

Mới cho Tri-huyện Quỳnh-lưu là Võ-danh-Dương, người trấn Sơn-nam, làm tri huyện Tiền-hải. Công-Trú lại tâu : Những dân nghèo muôn xin lánh ruộng hoang mà khẩn còn đến hơn một nghìn người. Tôi xét huyện An-khánh, An-mô thuộc về Ninh-bình đối ngạn với huyện Nam-châu trấn Nam-định, theo một dải bờ biển, còn nhiều

nơi bỏ hoang, cày được, cũng chẳng kém gì huyện Tiền-hải : tôi xin qua đó ngắm đo, lập thành ấp, lý.

Ngài khiếu hội với quan đạo Ninh-bình mà làm.

17.— Tháng ba, năm Kỷ-sửu (1829) đặt huyện Kim-son thuộc phủ Yên-khánh, đạo Ninh-bình. Lụa người đặt làm tri huyện để khuyên dạy dân. Nhà cửa, lương tháng, người canh, điền khi thời đều cấp cho dân, y như lệ huyện Tiền-bải : còn ruộng thiệt trúng và ruộng đã thành thuộc thời lấy thuế từ năm nay ruộng lưu hoang thời đến năm Minh-Mạng thứ mười hai (hai năm sau) sẽ đánh thuế ; đó là theo lời Nguyễn-công-Trú xin.

Công-Trú lại dâng sớ, xin lập qui ước, khiếu cho dân biết kiềm thúc, lâu cũng nên thói hay được.

1) Lập nhà học (đặt ruộng học, tha thuế, khiếu dân cày ruộng để làm học bỗng, học trò tám tuổi phải vào học).

2) Đặt xã thương, chăm dạy bảo dân làm ăn.

3) Cần việc phòng giữ.

4) Nghiêm việc khuyên răn.

Ngài khen phái.

18.— Tháng năm (cũng năm ấy), Thự Tham Tri lãnh Dinh điền sứ Nguyễn-công-Trú về kinh phục mạng. Nhân dịp tâu : « Làng Bồng-hải, ruộng đất bỏ hoang, trước phải đo, dư được bảy trăm mẫu, dân không chịu ký-nhận ; sau phải khám lại, chỉ dư ba trăm mẫu, xin sắc chọ quan đạo đo lại ».

Ngài cho đình thần bàn.

Rồi sau, dân chịu thú nhận ruộng lậu hơn sáu trăm ba mươi mẫu và ruộng hoang đã khai khẩn mà lậu thuế hơn bốn trăm mẫu. Qnan đao tâu lên, Ngài khiến trước vào sổ thuế nhưng tha tội cho dân.

19.— Năm *Canh-dần* (1830) tháng hai, Ninh-bình tâu : « Trong huyện Kim-son, mấy ấp mới lập, nhiều nơi bị nước mặn, phải nhờ nước ngọt nhuần thấm mới thành ruộng được ; xin tha ba năm thuế ». Ngài cho.

20.— Năm *Tân-mão* (1831) tháng giêng, tham tri Nguyễn-công-Trú, Hiệp trấn Nam-định Nguyễn-nhuọc-Sơn bị cách.

Nguyễn khi trước, Trú làm Dinh-điền sứ, có tên quyền sai đội trưởng Phi-qui-Trại tùng theo sai dịch. Trú cùng Nhuọc-Sơn bảo cử tên ấy làm huyện thừa huyện Tiền-hải. Thị Lang Bộ Hộ là Hoàng-Quỳnh nghĩ nhà tên Trại giàu mà không có khoa mục mới tham hạch ; Trú và Sơn đều phải cách. Trú giáng bổ kinh huyện, Sơn giáng làm tri huyện Tiền-hải, tên Trại phải truợng một trăm, cách về làm dân.

21.— Năm *Nhâm-thìn* (1832) tháng bảy, Ngài cho Nguyễn-công-Trú làm Bố-chánh sứ tỉnh Hải-duong, lần thăng chức tuần phủ, thụ Tống-đốc Hải-an.

22.— Tháng chín nhuận, thụ Tống-đốc Hải-an Nguyễn-công-Trú tâu : « Đất Quảng-yên nhiều nơi bỏ hoang, khẩn trị được đến chừng một trăm mẫu ; nhưng dân xứ ấy chỉ quen nghề đánh cá, đi buôn, không từng làm ruộng. Xin theo phép đồn điền lượng phái lính thủ, quân cấp

cho công nhu, khiến khai khẳn cày cấy, chõ nào nên đắp bờ đê thì tùy nghi mà đắp; đến khi cắt lúa, coi được bao nhiêu chia làm ba phần, đem hai phần nạp vào kho còn một phần cho quân cấp; khi thành ruộng rồi, mà dân lãnh quản mà theo lệ công điền đánh thuế ».

Ngài dụ khiến phải tới nơi xem xét.

Công-Trú mới hội đồng với Tuần phủ Lê-đạo-Quảng lựa được ở làng Lưu-khé, làng Vị-dương (thuộc huyện Yên-hưng), làng Yên-phong (thuộc huyện Ba-cam) có đất hoang cày được cả thảy ba nghìn năm trăm mẫu, nghĩ xin đắp đê ngăn nước mặn dài hơn hai nghìn bảy trăm bốn mươi trượng đem lính thú Quảng-yên và phái thêm lính cơ Hải-dương hiệp nhau mà làm; khi đê xong rồi, lượng đê lính lại khẩn trị. Ngài cho.

PHẦN THỨ HAI

LỜI BÀN

Trong phần thứ nhất, tôi đã theo lối biên niên, chép theo thứ tự tháng năm, tất cả hai mươi hai sử liệu (đã đánh số) thuộc một đề sử học : ấy là sự *Phan-bá-Vành nổi loạn* và *Nguyễn-công-Trú dẹp loạn*.

Tôi nhận thấy, phải nối liền hai nhân danh Phan-bá Vành và Nguyễn-công-Trú vì có liên lạc với hai giai đoạn, sự nổi loạn và sự dẹp loạn và vì là hai chủ động chính.

Bây giờ, đứng về phương-diện hoàn-toàn khách quan của sự khảo-cứu lịch sử, cố theo tinh-thần khoa-học, chúng

ta sẽ căn cứ vào những tài liệu đã dẫn ở trên mà trả lời những câu hỏi cần thiết mà chúng ta sẽ đặt ra.

Tôi phải nói trước rằng tôi đã dẫn tất cả những tài liệu mà tôi đã biết, một cách khán quan, thực thà. Có thể có những tài liệu mà tôi không biết và đó là lỗi của tôi. Nhưng dù sao, tôi đã thấy là tài liệu tạm đầy đủ để cho chúng ta có thể có một khái niệm về vấn đề lịch sử mà chúng tôi muốn hiểu rõ. (Về loạn Phan-bá-Vành, tôi không biết đã có ai khảo cứu chua; về Nguyễn công-Trứ đã có nhiều bài, sách; ta chú ý tới hai tác giả Lê-Thước và Nguyễn-bách-Khoa, một vị có tinh cách khảo cứu, một vị có tinh cách theo một quan điểm chính trị mà giải thích. Xem Lê-Thước *Sự nghiệp và thi văn Uy-viễn Tường-công Nguyễn-công-Trứ*, in lần thứ nhất tại ấn-quán Lê-văn-Tân — Nà-nội — 1928 và Nguyễn-bách-Khoa *Tâm lý và tư tưởng Nguyễn-công-Trứ*, in lần thứ hai tại ấn quán Thế-giới — Hà-nội — 1951.

Các sử liệu mà tôi đã dẫn ra đều trích đăng trong bộ *Quốc-triều chánh-biên toát-ges*, quyển ba, bản dịch, do bộ Học ở Huế, theo chỉ dịch, in năm 1953. Vì nào muốn khảo cứu đầy đủ hơn sẽ theo tháng và năm đã dẫn mà tìm các tài liệu ở trong bộ *Thật Lục*.

Chúng ta sẽ lần lượt đặt những câu hỏi cần thiết.

1.— Câu hỏi thứ nhất: Tại sao tại có loạn Phan-bá-Vành ?

Theo sử liệu nghĩa là theo lời ghi của sử thần, của Quốc-sử quán thời giặc thè trấn Nam-định Võ-đức-Cát nguyên làm Thủ ngự đồn Ba-thắc, vì con giết người

phải cách, nên cù tập bọn Phan-bá-Vành và Nguyễn-Hạnh mưu khỏi nguy (xem tài liệu số 4). Nhưng Võ-đức-Cát sẽ bị bắt một cách rất nhanh chóng và bị giết.

Vậy chúng ta phải đặt câu hỏi như sau này : Nếu Võ-đức-Cát là thủ lĩnh như là trùm một đám giặc cỏ thời sau khi bị bắt bị giết đám giặc cỏ đó tất đã phải tan : nguyên nhân gán cho Võ-đức-Cát mưu nghịch chỉ có tính cách hèn hạ, cá nhân, không có thể cho Võ-đức-Cát suy tập được một số người theo làm « đồng chí » và một số rất lớn dân chúng, đã phải có một « chính nghĩa » gì cũng như đã phải có những lý do kinh tế, xã hội để thu thập đồng chí và hướng dẫn một số nhân dân. Vậy tôi không nhận lý do của sự tham dấn ra là đúng. (Như không dám nói là sự tham mà tôi không biết là ai đã không có trí xét đoán hay đã cố tình ghi sai để hậu thế không hiểu biết được sự thực. Vì trong chế độ quân chủ độc đoán mà người ta phải che đậy nhiều sự thực hay phải ngoan cố thời dù ở địa vị một sứ gia cũng phải theo chế độ mà làm việc).

Theo ý tôi thời *nguyên nhân sự mưu nghịch* của Phan-bá-Vành đã do những điều kiện thực tế rất cụ thể gây nên ? Các tài liệu sẽ chứng minh.

Trước hết, các tài liệu số một, hai, ba, cho ta biết là trong các năm 1824, 1825 và 1826 tất cả các miền hạ-bản trung-châu Bắc-kỳ đều lâm vào nạn đói vì đại hạn 1824 « lúa, khoai, đậu khô héo » ; năm 1825 thời « nước mặn lên, có nơi không cấy đượn, có nơi cấy mà bị hạn ». Sau đại hạn, ở Nam-định, « gió bão, thuyền chìm, nhà hư, người chết đuối nhiều ».

Sau những thiên tai như thế, *dân chúng điêu linh* : « Trong mươi ba huyện trấn Hải-dương, vì đói, lưu tán hết một trăm tam làng, ruộng bỏ hoang hết một vạn hai nghìn bảy trăm mẫu », và không thể đóng thuế được.

Vậy tôi kết luận như sau này, theo ba tài liệu đã dẫn. Kinh tế nước ta là kinh tế nông nghiệp ; các miền hạ bạn, đồng chiêm bị hạn, nước mặn ngầm lên ; trồng màu rất ít, vì hạn màu cũng hỏng ; nông dân đã lâm vào nạn đói trong hơn hai năm trời, lưu tán đến hàng nghìn làng, ruộng, bỏ hoang hơn một vạn mẫu, đó là lý do kinh tế cho cuộc khởi loạn của Phan-bá-Vành.

Nhưng có còn lý do nào không ?

Tôi tin là còn có một lý do nữa, theo tài liệu số năm, mươi hai, mươi ba, mươi bốn. Ấy là sự thuế má nặng nề quá sức đương được của dân, binh diêu tặc dịch luôn luôn bắt dân cày phải xa ruộng đất của họ. Khiến họ không có thì giờ chăm nom công việc đồng áng. Và là sự quan lại tham ô khiến dân đã khốn về thiên tai, thuế má, suru dịch, lại đau đớn vì sự cá nhân hạch sách, bóc lột cá nhân. Chứng cứ là ngay các quan bản hạt như chánh án Nam-định Phạm-Thanh, Thư-ký Bùi-khắc-Kham vì « tham nhũng lạm », đã phải « giải đến chợ, chém ngang lưng » nghĩa là chịu một tội hình ghê gớm nhất, lại bị « tịch thu gia sản » để phát cho dân cùng « Tri phủ Nguyễn-công-Tuy tham tàn phải tội chết. Đồng tri phủ Ứng-hoà Phạm-tha-Vực, Tri huyện Đại-an Nguyễn-văn-Nghiêm, nhỏ lại làm nhiều điều tệ, phải cách cả ». Đã rất nhiều người không xứng chức đã không đáng cho sứ ghi tên. Nói tóm lại, suru dịch nặng nề, quan lại tham

ó đã khiến dân quê nghèo đói khổ vì thiên tai, phải chối dậy để chống lại chính quyền và để mưu một đời sống khác có thể ngự được sự thắt thường của Trời và tránh được sự tàn ác của người.

Sử thần đã quá quan trọng hóa Võ-đức-Cát nhưng người lãnh đạo sự khởi loạn là Phan-bá-Vành. Tôi dẫn ra đây một câu hát, thành ca dao, mà tôi đã được nghe ngay ở miền Trà-lũ, cách đây độ mươi lăm năm, do mấy cụ già còn nhớ lại :

« Trên trời có ông sao tua,
Ở dưới hạ giới có vua Bá Vành ».

Câu hát này chắc đã do cơ quan tuyên truyền của Phan-bá-Vành đặt ra, dù sao chừng tỏ Bá Vành đã là người lãnh đạo tối cao và đã không phải là một tên giặc cỏ, vì có ý muốn thay vua Minh-Mạng, bằng võ lực để hướng dẫn nước ta.

Để trả lời câu hỏi thứ nhất, tôi nói : vì thiên tai, vì sưu dịch nặng nề là vì ngay các quan bẩn-hạt tham ô, nghĩa là vì các lý do sâu xa về kinh-tế, xã hội, chính trị, dân quê miền hạ bạn trung châu Bắc-kỳ đã nổi loạn, dưới sự lãnh đạo của Phan-bá-Vành (khác với đảng giặc Lê-trọng-Liên tài liệu số sáu).

2.— Câu hỏi thứ hai : Những ai đã ở phía giặc, những ai đã ở phía quan quân ? đánh nhau thế nào ?

Về phía Phan-bá-Vành, ta thấy có Võ-đức-Cát nguyên làm thủ ngự ở đồn Ba-thắc, đó là một viên trưởng đồn, võ

quan cấp nhỏ. Nguyễn-Hạnh chắc là một bạn thân của Bá-Vành, đã điều khiển nông dân vì đã tự xưng là Hữu quân. Phan-bá-Hùng chắc có họ hàng gì với Bá-Vành. Ngoài Võ-đức-Cát là một viên võ quan nhỏ của Triều đình bị cách, đi làm loạn, thời ba người Phan-bá-Vành. Nguyễn Hạnh và Phan-bá-Hùng đã là dân. Chử Vành là một chử rất nôm na, khiến ta có thể dự đoán rằng người có tên đó đã là một nông dân, chứ không phải là một nho sĩ xuất thân. Nếu các bản chử Hán không ghi rõ chử « bá » và nếu không có nhân danh Phan-bá-Hùng, thời cẩn cứ vào câu ca dao mà tôi đã dẫn ở trên, tôi có thể nghi tên thực là Phan-bá-Vành chứ không phải là Phan-bá-Vàng. Bá-Vành nghĩa là : tên là Vành và là con thứ ba. Dù sao bây giờ *ta có biết được lịch sử gia đình và cả nhân của người đã lãnh đạo một phong trào nông dân rất quan trọng vào đầu thế kỷ XIX.*

Còn về phía quan quân, sứ đã cho biết tên và chức vụ công nghiệp.

Trước hết, Thủ ngự Đặng-đình-Miếu và Nguyễn-trung-Diễn bị hại (nghĩa là bị giết chết), cả Trấn thủ Lê-mậu-Cúc ta đánh bị chết (tại trận).

Nhưng sau, có một cuộc phản công của Thống chế Trương-phúc-Đặng đưa tới kết quả là bắt được Võ-đức-Cát đem giết.

Ta nhận thấy là trong *giai đoạn đầu này*, các quân lính địa phương đã thua, quan quân, chết đến vài mươi người, còn thời chạy tan cả, vì những người phụ trách đều bị giết chết ; phải nhờ đến sau khi « quân Tông trấn

nghe báo » phái quân đến cứu viện mới bắt được Võ-đức-Cát. Việc xảy ra trong mùa xuân năm Bính-tuất (1826).

Đến mùa đông năm đó, Phan-bá-Vành khởi cuộc tấn công « đem hơn năm ngàn quân xâm cướp Nghi-dương và Tiên-minh (hai huyện thuộc tỉnh Hải-dương), lại liên kết với đảng Tàu-ô, cướp ngoài biển », nghĩa là đã tấn công mặt bộ và mặt thủy. Trần thủ *Nguyễn-đảng-Huyễn* bị thua.

Việc tâu về triều, phải có một sự tồ chức lại cơ quan Bắc-Kỳ, nên quyền được Ngài giao cho *Trương-văn-minh* và *Nguyễn-hữu-Thận* những quan võ các cấp, thuộc cấp kỵ.

Nhưng các quân lực ở Bắc-Kỳ có thể không đàn áp nổi sức giặc nên Ngài liền phái ngay *Tham-hiép Thanh-hoá* *Nguyễn-công-Trú* và *Tham-hiép Nghệ-an* *Nguyễn-đức-Nhuận* nghĩa là hai vị quan cao cấp ở Thanh Nghệ ra trợ tá; đồng thời mười tám chiếc thuyền chiến ở Thanh Nghệ phải ra giúp sức chiến đấu, do hai quan cơ điều khiển *Võ-văn-Bảo* và *Trương-văn-Tín*.

Đó là *giai đoạn thứ hai*.

Tôi chắc là quan quân đã thua, trong suốt mùa đông năm Bính-tuất (1826) dù có sự cải tổ lại cơ quan tham mưu và sự trợ chiến của quan Thanh Nghệ.

Chứng cứ là ra giêng năm sau (Đinh-hợi 1827), Phan-bá-Vành lại mở cuộc tấn công (ở Thiên-trường và Kiến-xương) và quan Bắc-thành đã xin Ngài « phái thêm lính Kinh với thuyền và súng, cho mạnh thêm thế quân ». Ngài

đã ưng thuận: vì thế Hậu quân phó tướng Ngô-văn-Vĩnh ở kinh đã phải đem quân Hậu bảo (vệ nhì) ở Kinh ra Bắc; khi ra, qua Nghệ-an, lại lấy thêm hai viên Vệ-úy của Trung-dinh và Tả-dinh thằn sách ở Nghệ-an để sai phái.

Rồi đến ngày *Thân-văn-Duy*, có Tảo binh Bắc thành, cũng phải « dâng sớ xin đi ».

Nghĩa là, vào dịp Tết ra, đầu xuân năm Đinh-hợi (1827), các quan quân, từ kinh, Nghệ và trung ương Bắc-kỳ đã hợp sức để đối phó với Phan-bá-Vành. Đó là *giai đoạn thứ ba*, sửa soạn sự đại tấn công hay đợi phòng bị của Triều đình.

Dù sao, tôi chắc là quân Kinh, Nghệ đã chưa có dịp đánh nhau vì ngay tháng hai năm ấy (tài liệu số mười một), Phan-bá-Vành, chắc đã quá sinh kiêu, lâm vào một lối về quân sự, ấy là « đem quân vây Phạm-dinh-Bửu ở Chợ-quán ». « Phạm-văn-Lý và Nguyễn-công-Trứ chia ba đạo quân đến cứu, trong ngoài giáp đánh ». Bá-Vành thua.

Vậy người đã bị đánh tan, lại « chạy vào làng Trà-lũ, đắp thành, đào hào, lập mưu cõi giữ », đó là lối thứ hai của Phan-bá-Vành. Đáng lẽ phải theo lối chiến tranh du kích, xuất hiện bất ngờ, để làm tiêu hao quân đội Triều đình thời Bá-Vành đã lại thu hình ở một chỗ, trong khi mà quân Triều đình ngoài quân thắng của Phạm-văn-Lý và Nguyễn-công-Trứ, có quan quân từ Kinh, Nghệ đến trợ lực.

Bị vây ở Trà-lũ là một làng rất to, lũy tre rậm rạp, ao sâu, nhưng đông dân khó tiếp tế cho đầy đủ

nên Phan-bá-Vành đã không giữ được lâu ; thế cùng vì không nuôi nồi số dân và quân, nên đã phải tinh « toan nhân đêm chạy ra biển ». Chạy ra là bị bắt cũng như ở trong sẽ bị đói hay sẽ bị bắt. Đó là *giai đoạn thứ tư và cuối cùng* của sự khởi loạn.

Số quân hai bên là bao nhiêu ?

Tôi không có tài liệu để trả lời. Ta chỉ biết là Bá Vành đã một lần, (mùa đông năm Bính-tuất 1826) sử dụng một lúc đến « hơn năm nghìn quân » nghĩa là đã có thể có số quân lên tới độ một vạn người, hay hơn nữa : đó là một số quân rất lớn. Còn quân của Triều đình chắc chắn là đã phải đông hơn nhiều.

Nói tóm lại, sử đã ghi rất ít tên các người lãnh đạo sự khởi loạn, và lại ta không biết gì về tiêu sử các người này, ta biết một số quan đi đánh dẹp trong đó có Nguyễn Công-Trứ mà tiêu sử đã được biết rõ. Số lượng quân đội đôi bên cũng không được ghi, nhưng ta biết là Triều đình đã phải cử quan quân Thanh Nghệ và ngay ở Kinh ra trợ lực. Trong sự đánh nhau, ta có thể phân chia ra bốn giai đoạn như trên đã nói. Đứng về phương diện quân sự, tôi không có một điều kiện nào để phê bình Phan-bá-Vành, nhưng tôi phải trình bày ý nghĩ của tôi : ấy là Phan-bá-Vành đã phạm vào hai lỗi lớn : vây Phạm-dinh-Bửu ở Chợ-quán và tổ chức làng Trà-lũ như một làng chiến đấu, để bị vây ; dù sao, tôi nhận rằng Phan-bá-Vành đã là một quân nhân có tài, lãnh đạo được một lực lượng nghìn quân để mở cuộc tấn công và đã làm cho quan quân và chính ngài Minh-Mạng phải náo động.

3.— Câu hỏi thứ ba : Hai bên đã có chính-trị như thế nào ?

Dân chúng làm vào cảnh đói, sưu dịch nặng nề, quan lại tham ô, đó là những điều kiện rất thuận tiện để khởi nghĩa để lôi cuốn dân chúng. Nhưng ngoài cái mà ta tạm gọi là chính nghĩa ra, phải có một chính trị có khi rất mềm dẻo, có khi rất cương quyết thì dân chúng mới sẽ tin tưởng ở sự lãnh đạo và chịu hy sinh.

Tôi chắc Phan-bá-Vành không phải đã chỉ là một nhà quân sự mà trước hết đã là một nhà chính trị. Mà mục đích, như trên đã nói, không phải chỉ hợp một số dân đói để đi cướp phá mà thôi. Đã chí hướng muốn làm vua, chắc đã có phương tiện tổ chức lại xã hội và chính trị trong nước. Tôi không biết Phan-bá-Vành đã bao nhiêu tuổi nhưng chắc đã già giặn, có nhiều kinh nghiệm về việc đời ; tôi đoán là khi nhà Tây-sơn thất thế, khi vua Gia-Long ra đánh Bắc-hà thời Bá-Vành đã đến tuổi hiều biết quân sự và chính-trị. Tôi muốn kết luận rằng Phan-bá-Vành đã là một nhà chính trị giỏi. Nhưng rất tiếc không có một tài liệu nào để khảo cứu.

Đối lập với Bá-Vành là Ngài Minh-Mạng và các quan trong số đó có Nguyễn-công-Trú.

Chính-trị của ngài Minh-Mạng đã như thế nào ?

Trước hết, đối với dân, trong những năm mùa màng hỏng, thu hoạch kém, Ngài đã hoặc tha thuế, hoặc giảm thuế, lại còn phát trán nữa (tài liệu số một, hai, ba, năm, mười bốn, mười lăm, mười chín). Nếu dân chúng khổ mà quan địa phương không tâu lên Ngài rõ thì dù là

Tông-trấn cũng bị Ngài quở. Nói tóm lại, *Ngài đã có lòng « nhân » đối với dân*: đó là một điều mà ta không có thể chối cãi được.

Cũng vì lòng nhân này « thương yêu dân điêu tàn » cho nên Ngài đã phải bênh vực dân để trừ những kẻ tham ô ái áng giữa Ngài với dân.

Các quan lại là những người trung gian giữa dân và vua, nếu đã không biết phụng sự dân làm cho dân bị bóc lột, sinh thù oán, khởi loạn chống lại quyền tối cao của Ngài thời chính Ngài phải trừng trị (cũng như một số đã bị dân giết). « Chính đốn các quan lại », đó là điều mà Ngài đã giao cho đình thần bàn, để các kinh lược sứ thi hành.

Quan kinh lược sẽ thay Ngài tới địa phương thi hành pháp luật sau khi giặc bị đánh tan. Ngài đã chọn hai vị, một võ tướng, Thống chế lãnh Trấn thủ Nghệ-an là Võ-văn-Hiếu và một văn quan Hình bộ thượng thư là Hoàng-kim-Xán. Chức Trấn thủ Nghệ-an là một chức rất hệ trọng (vì ngoài nhiệm vụ cai trị dân lại phải đề phòng biên giới về phía Lào); phải có một võ tướng uy tín mới đảm nhận nổi. Hình bộ thượng thư vào những năm mà nước chưa được hoàn toàn bình trị, giặc già vẫn nhiễu dân, lưu manh vẫn lăm, phải là một vị nghiêm nhưng không ác, có đức nhưng không nhu nhược. Nói tóm lại theo ý nghĩ của tôi, *Ngài đã khéo chọn hai vị kinh lược, để đại diện cho Ngài mà, ngoài nhiệm vụ xây dựng là « thương yêu dân điêu tàn » phải « chỉnh đốn các quan lại ».*

Các quan kinh-lược có quyền « tiền trảm hậu tấu » cũng như có quyền sử dụng thóc và tiền của nhà nước.

Ngoài việc phủ dụ dân chúng « nơi nào bị giặc phá đốt thời cấp tiền, lúa ; nơi nào bị hại thời cho tiền tuất »; lại xét « việc kiện cáo và việc gian tham ». « Quan lại ai cũng sợ hãi » không đủ, phải có những sự trùng trọng để làm gương, răn kẽ khác. « Chánh án Phạm-Thanh, Thư ký Bùi-khắc-Kham tham nhũng lăm khiến giải đến chợ chém ngang lưng, tịch thu gia sản phát cho dân cùng. Tri phủ Nguyễn-công-Tuy tham tàn phải tội chết. Đồng Tri phủ Ứng hòa Phạm-thọ-Vực, tri huyện Đại-an Nguyễn-văn-Nghiêm để nha lại làm nhiều điều tệ, phải cách chức cả. Còn người nào không xứng chức cũng phải bãi về hết thảy ? (tài liệu số mười ba). Đọc sử liệu này ta không có thể không khâm phục uy tín của chính quyền, gọi là quân chủ độc đoán nhưng để xem phung sự dân thời đã thi hành chẳng khác gì chính quyền nhân dân, bài trừ một cách quyết liệt các kẻ đã hại dân.

Nói tóm lại, chính sách của Ngài Minh-Mạng là một mặt rất « thương yêu dân điên tàn », một mặt chỉnh đốn các quan lại » một cách khắc nghiệt, để được sự tín nhiệm của dân. Chính sách đó đã thi hành trong sự việc, chứ không phải chỉ nêu lên trên giấy tờ và nếu ta so sánh với nhiều giai đoạn lịch sử nước nhà thời ta không có thể không khâm phục được.

Nhưng làm vua nghĩa là ở địa vị tối cao để dùng người hiền, Ngài Minh-Mạng đã có một ưu điểm nữa ấy là biết dùng Nguyễn-công-Trí vào một việc ích quốc lợi dân mà Nguyễn-công-Trí có thể làm hơn người khác.

Nguyễn-công-Trí vào hồi đó là một quan văn tại Triều, tuổi hơn năm mươi, văn chương giỏi, dũng độ cao nên

mới được bồ làm tu nghiệp ở Quốc-tử giám đê « làm khuôn phép » cho sĩ tử. Người khác thời đã yên phật vì danh phận có, bỗng lộc có, lại được nhàn hạ. Nhưng Nguyễn-công-Trứ không phải là một nhà nho chỉ biết có văn chương từ phú lại muốn làm « nho trưởng » « xếp bút nghiên theo việc kiếm cung, đem hai chữ trung trinh báo quốc », đê « có danh gì với núi sông ».

Phải « tang bồng hờ thi » vì đó là cái « trí của nam nhi » thời không muốn sự an nhàn : « Người tràn thế muốn nhàn sao được » ? Nói tóm lại, Nguyễn-công-Trứ đã là người có đủ điều kiện về tuổi, học thức, đức độ và tinh thần đê Ngài giao cho trọng trách dẹp loạn và yên dân.

Sau một thời gian làm Tham hiệp ở Thanh-hóa, đê có kinh nghiệm địa phương, Nguyễn-công-Trứ được hợp với các quan đại thần đi đánh Phan-bá-Vành ; đã có công trạng to vì đã cùng với Phạm-văn-Lý giải vây cho Phạm-dinh-Bửu ở Chợ-quán, lại vây và bắt được Phan-bá-Vành ở Trà-lũ.

Tôi chắc Nguyễn-công-Trứ đã không thuộc vào đoàn kinh lược, lại phải gọi về Triều, tuy được thăng chức (lên làm Thị-lang, không biết ở Bộ nào). Ở triều được khoảng một năm, chắc nghĩ rằng công việc dẹp giặc chưa đủ, phải đưa tôi một sự kiến thiết, kinh tế, xã hội và văn hóa và chắc cũng không thích các công việc văn thư ở Bộ nên Nguyễn-công-Trứ đã dâng sớ xin ra miền đã có giặc đê làm công việc dinh điền (tài liệu số mười sáu, mười bảy, mười tám; các tài liệu này rất dồi dào và rõ

ràng). Nguyễn-công-Trú đã ở ngoài chỉ đúng có một năm hai tháng rồi lại về Triều, thời gian này xét ra rất ngắn so với kết quả đã lượm được (xin xem lại các tài liệu vì bàn là thừa).

Ta nhận rõ chính sách của Nguyễn-công-Trú đã đầy đủ, đúng về đủ mọi phương diện kinh tế, xã hội, văn hóa và quân sự, *mục đích để nuôi dân, dạy dân và như thế thi mới có thể tránh được một giặc Phan-bá-Vành lần thứ hai*. Nhìn xa, nghĩ rộng, muốn kiến thiết sau khi bỏ buộc phải phá hoại (trừng trị), Nguyễn-công-Trú đã tỏ ra có đủ tài, xứng đáng để thi hành chính sách của Ngài Minh-Mạng. (Sau này sẽ lập được rất nhiều công trạng).

KẾT LUẬN

Tôi đã đặt ba câu hỏi và đã cố trả lời cho đúng theo các sử liệu của Quốc sử quán, nghĩa là theo chỗ tôi biết, thời không còn tài liệu nào thêm cả. Trong bộ *Thật lục* chắc có thêm một ít chi tiết. Dù sao chúng ta có thể tóm tắt như sau này những điều nhận xét.

Trong luôn vài năm (Giáp-thân 1824, Ất-dậu 1825) vì nạn hạn hán, mầu hỏng và lúa cũng hỏng (tại nước mặn ngâm lén), rồi sau lại vì gió bão, thuyền chìm, nhà hư người chết đuối nhiều nên miền hạ bạn Trung-châu Bắc-Kỳ lâm vào cảnh đói khổ, thứ nhất là ở trấn Nam-định. Nhà vua có cho tha thuế, cho chằn cấp, nhưng dân chúng phải bỏ ruộng, một số lập ra đảng cướp. Quan lại địa phương đã rất tham ô, dân chúng căm hờn: đó là lý do chính trị để cho dân chúng dễ theo mệnh lệnh của

Phan-bá-Vành đế cướp đồn, cướp phủ, giết quan lại. Phan-bá-Vành chắc đã có tham vọng làm bành trướng cuộc nỗi loạn của nòng dân thành một cuộc cách mệnh để lật đổ chính quyền nhà Nguyễn, nhưng sau những thắng trận nhỏ đầu tiên, chỉ tung hoành được đúng một năm thời bị quan quân bắt sống ở Trà-lũ và đem giết. Phan-bá-Vành đã có lần đem tới hơn năm nghìn quân để tấn công, nhưng một lý do thất bại, ấy là đã cậy thế mạnh đem quân vây đồn, bị đánh thua, lại bị vây bởi một số quan quân có thể đông hơn nhiều. Vì quân địa phương ngay cả quân Bắc-Kỳ viện trợ đã không đánh nổi nên vua Minh-Mạng đã phái quân thủy, quân bộ ở Thanh, Nghệ và cả ở Kinh ra trợ chiến.

Một người lập được công to, ấy là Nguyễn-công-Trú nguyễn dạy học ở Quốc tử giám, nhưng muốn chuyển từ văn sang võ để lưu lại danh tiếng.

Nhà vua được tin giặc tan liền phái các quan Kinh lược đến để phủ dụ nhân dân và thứ nhất để trùng trị tham quan ô lại, mục đích chấn chỉnh chính quyền và lấy lại lòng tin nhiệm của nhân dân. Đã có những sự trùng phạt rất nghiêm khắc. Nhưng dân chúng đã điều tàn, phải tìm cách nuôi dân, dạy dân, tổ chức làng xã và các cuộc tuần phòng thì mới có thể tránh được loạn về sau. Đó là công nghiệp kiến thiết của Nguyễn-công-Trú, lập hai huyện Tiền-hải và Kim-sơn (năm Mậu-tý 1828 và Kỷ-sửu 1829) trên những đất bồi ven bờ biển, hồi trước bỏ hoang và là sào huyệt của giặc. Dân chúng sau khi nỗi loạn đã bị dẹp, bây giờ trở lại làm dân cày, nhưng được một số rất lớn ruộng đất mới, nhờ chính quyền chỉ dân mà tự mình khai thác

ra để sinh sống; chính quyền đó cũng được cải tổ lại ngay từ cấp xã và dân an cư lạc nghiệp.

PHỤ CHÉP

1.— Nguyễn-công-Trú đã khai thác đất đai ở hai huyện Tiền-hải, Kim-sơn như thế nào ?

Ai đã đi qua miền Phát-diệm chắc đã nhận rõ ngay được phương pháp khẩn nông của Nguyễn-công-Trú. Xem bản đồ 1/25.000, đối với ai đã có một chút nhận xét về địa lý nông nghiệp nước ta, cũng có thể có những ý kiến xác đáng.

Đọc theo bờ biển, có những bãi cát pha nỗi lên, do phù sa của sông Nhị-hà đọng lại vì có nước thủy triều ở ngoài đánh vào. Trên bãi đó (chữ hán gọi là tiền châu) lau sậy mọc và mỗi khi nước triều lên thời có những lạch nước nhỏ ăn sâu vào trong bãi. Vì vậy nên giặc đã có chỗ ẩn nấp rất thuận tiện. Những bãi cát dần dần nhập vào bờ thành đất cứ lan rộng mãi ra trên biển.

Nguyễn-công-Trú người làng Uy-viễn, thuộc về miền cửa sông Lam (sông Cả, là con sông chính của miền Nghệ-tĩnh), đã biết cách nông dân khai thác các bãi bờ này như thế nào ; chỉ khác là miền Nghệ-Tĩnh thì bãi nhỏ mà ở dọc bờ bắc Nam-định thì bãi đã nhiều lại rộng.

Khai khẩn các bãi này không phải là một việc công-chính khó. Phải đào những đường mương, ngang dọc như bàn cờ để cho nước chảy theo các mương chứ không tràn lên tất cả mặt đất, đắp một cái đê ngăn những sông lớn có thể đánh vào, những đê này có cổng ; đào

một con sông để lấy nước ngọt của những sông ở gần đấy. Nước sẽ chảy như thế này : khi nước triều lên, đóng cống ở đê lại để nước mặn không vào được trong mương : vì cống đóng, nước ngọt do sông đào đem tới sẽ ăn sâu vào tất cả các mương và có thể lấy vào ruộng khi nước triều xuống, mở cửa cống để tháo một phần nước ngọt nếu nhiều quá, có khi tháo cả nước và nước mới vào mương thì ngọt nhưng sau thành chua tại chất phèn ở dưới đất ngầm lên. Nói tóm lại, đắp đê, làm cống, đào mương là giữ ruộng không cho nước mặn tràn vào được và để dùng nước ngọt của sông đào đem lại để rửa đất cho khỏi chua, lấy nước ngọt cho lúa sau vài ba năm trông coi.

Nguyễn-công-Trú đã theo những phương pháp mà nông dân đã áp dụng ở nhiều nơi, chỉ khác là ở đây diện tích rất rộng : đó là một cái « may » để lưu danh với núi sông.

Là một ông quan văn võ kiêm toàn, thăng một đảng giặc đồng hàng vạn người, trong Triều được nhà vua tin dùng, cho nhiều quyền hạn, nay lại ra miền mà oai danh lừng lẫy, được thiên nhiên ưu đãi vì miền này đã rộng lại rất dễ khai khẩn, tôi tưởng Nguyễn-công-Trú đã có đủ điều kiện để đạt được kết quả mỹ mãn : tài cá nhân có, nhưng cũng có tất cả các sự thuận tiện.

2.— Một cái không may của Nguyễn-công-Trú.

Sau khi đã dẹp giặc, yên dân, lập nên được biết bao nhiêu làng, mở ra được biết bao nhiêu ruộng, Nguyễn-công-Trú được thăng chức, làm thư Tham tri, nghĩa là

sẽ có thề lên làm Tham tri, rồi làm Thượng thư (năm Kỷ-sửu, 1829).

Nhưng tháng giêng năm Tân-mão (1831), sau khi được lên hẳn làm Tham tri lại bị cách chức, giáng bồ xuống làm tri huyện như tài liệu số hai mươi cho biết. Tại vì đã có lỗi bảo cử một tên quyền sai đội trưởng Phi-quí-Trại, không phải là khoa mục xuất thân, lên làm huyện thừa Tiền-hải. Nhà Qui-Trại lại giàu nghĩa là Bộ Hộ có thề nghi Nguyễn-công-Trú đã ăn hối lộ của Qui-Trại. Hoặc Nguyễn-công-Trú đã chỉ nghĩ đến công việc đắc lực của Qui-trại mà vượt cả phép vua đề đề cử, hoặc đã ăn hối lộ thật, ta không biết; dù sao đã phải chịu tội. Nhưng một năm rưỡi sau được cất lên chức bô chánh tỉnh Hải-dương chứ không phải làm tri huyện ở Kinh nữa; ba tháng sau được thăng lên làm Thự Tông-đốc Hải-an, nghĩa là hơn chức Tham-tri. Nói tóm lại, nhà vua rất trọng dụng Nguyễn-công-Trú nhưng Ngài đã giáng chức trong một năm rưỡi vì đã có lỗi.

VIỆC LẬP ĐỒN ĐIỀN Ở MIỀN HẬU GIANG CÁCH ĐÂY MỘT TRĂM NĂM

Danh-từ đồn-điền bây giờ, khiến ta nghĩ tới một công cuộc tiêu tư-sản Việt-Nam hay đại tư-bản ngoại quốc.

Một người hay một hội bỏ ra một số vốn. Rồi một nhân-công mà người ta gọi là cu-ly đồn-điều, để phá rừng, trồng trà, cà-phê, hay cao-su.

Trước đây nghĩa chữ đồn-điền không phải như thế.
Nghĩa này đẹp.

Đồn nghĩa là đồn linh.

Điền nghĩa là ruộng.

Linh là dân cày.

Dân cày là linh.

Đóng phần nhiều là ở chỗ chưa có an-ninh, hay ở gần biên-thùy, hay ở nơi hoang-vu mà phải khai-khắp.

Trên đồng bằng sông Cửu-long và sông Đồng-nai này, cách đây một trăm năm, nào là loạn lạc nào là sự đe doạ của ngoại xâm, nào là ruộng đất bỏ hoang, nào là rừng nước nhung nhúc những rắn độc, cá sấu...

Kinh-lược Đại-sứ NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG đã hiểu rõ vấn đề và Người đã lập đồn-điền vào năm 1853.



Bài nhỏ này nói về việc lập đồn điền và lập ấp, trước đây một trăm năm ở Hậu-giang. Chúng ta đọc sử thấy chi tiết sau này :

« Tháng giêng năm Quý-sửu (1853) (tức là năm thứ sáu triều vua Tự-đức), Ngài chuẩn cho xứ Nam-Kỳ được phép làm đồn-diền, lập ấp.

Định thần tâu :

« Xin cho xứ Nam-Kỳ cùng các tỉnh Bình-thuận trở ra Bắc, thông sức người bồn hạt, cho tình nguyện ứng mỗ.

Mộ được bao nhiêu, giao cho hai tỉnh An-giang và Hà-tiên. Còn dư cho qua Vĩnh-tế, Ba-xuyên, Tịnh-biên chỗ nào đất hoang thời cứ ở mà cày.

Còn như mỗ người đồn điền thời túc làm lính đồn-diền.

Chia 50 người Hán dân làm một đội, 500 người làm một Cơ ».

Hán dân túc là người Việt-Nam ta, chứ không phải người Miên hay người Tàu.

« Về việc lập ấp chỉ cần có mười gia đình cũng có thể xin khai để lập địa bộ ».

Người Tàu xin khai khẩn ta cũng cho.

Đã có cả một tổ chức lính đồn-diền và các gia đình lập ấp.

Những kẻ lưu-manh, phạm pháp, bị giam-tù ở các

đề-lao, theo lời tình-nguyện cũng được thả ra và tùy ý chọn, được cơ-hội để trở nên người dân lương-thiên, tự-do cày eấy.

Vậy đã có cả một chính-sách lập đòn-diền, lập áp, đại quy-mô dưới sự lãnh-đạo của Kinh-lược Đại-sứ NGUYỄN-TRI-PHUƠNG.

Kết quả ra sao ?

Công việc làm cứ tiếp tục hết năm này qua năm khác ở trên toàn cõi Nam-Kỳ Lục tỉnh.

Mới sang năm Giáp-dần (1854), sau một năm NGUYỄN-TRI-PHUƠNG đã tâu về triều như sau này :

« Đất Nam-Kỳ liền với giặc Mọi, dân xiêu tán nhiều. Nay mượn điều chiêu-mộ để dụ dân về, đốc việc khai khẩn để nuôi dân ăn, thật là một cách quan yếu để giữ giặc, yên dân đó.

Hiện bây giờ (tức là vào tháng tám năm Giáp-dần 1854) dân mới hồi phục, đã thúc thành cơ, lập thành làng, xóm, phỏng chừng một trăm làng, chia ra đòn khẩn.

« Thế đã nghiêm, hình đã vững ».

Hai mươi mốt Cơ túc 10.500 (mười ngàn năm trăm) quân tự túc. Cầm cái cày cũng được, vác cái súng cũng được. Bám lấy đất, tăng gia sản xuất và nếu lúc cần thời đem xương máu ra bảo vệ giang sơn và giữ vững dân-tộc.

Một trăm làng mới thành lập, tức là số dân cả nam-phụ-lão-ấu độ hai trăm ngàn (200.000) người.

* * *

Bây giờ chúng ta đi về miền Hậu-giang nhìn đồng ruộng hát ngát, vườn tược xanh tươi, các đường mương ngang dọc như đường Bàn-cờ, làng mạc san-sát, chợ búa đông-dảo, trường học đầy trẻ con, ta nhớ lại công lập làng, lập đồn-diền của Kinh-lược Đại-sứ NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG cách đây một trăm (100) năm.

MẤY TÀI-LIỆU VỀ :

**« GIẶC » TRƯƠNG-QUANG-THỦ VÀ
TRẦN-QUANG-CÁN**

năm Giáp-tuất (1874) ở Hà-tĩnh, Quảng-bình.

Ở Hà-tĩnh, vào mùa xuân năm Giáp-tuất (1874) tức là năm hai mươi bảy triều vua Tự-Đức, cách đây tám mươi tư năm, có một đảng « giặc » to. Ấy là « giặc » Trần-quang-Cán.

Các sử liệu về giặc này rất ít, ta không có thể khảo cứu một cách đầy đủ được. Dù sao bộ Quốc-trieu chánh biên cho ta biết một vài chi tiết.

* *

Trần-quang-Cán là người Huyện Hương-sơn, tỉnh Hà-tĩnh. Vào tháng ba, năm Giáp-tuất (1874), y khởi loạn.

Liên hiệp với y là một viên thô ti, sử ta gọi là man tù ; tù là tù trưởng ; man là mọi rợ. Viên thô ti đó tên là Trương-quang-Thủ trấn ở Đồn Ve ở Quảng-bình. Đồn Ve là một đồn thuế quan, ở về miền núi, để thu thuế của người Mọi, người Mường xuống buôn bán với dân đường xuôi.

Đồn Ve thuộc về huyện Tuyên-hoá, tỉnh Quảng-bình, và ăn thông với thung lũng sông Gianh. Về phía Đông-

nam. Cũng ăn thông với thung lũng một con sông con, chảy vào sông Lam ở phía Tây-bắc. Một dải đất thấp, ruộng tốt, hướng Tây-bắc — Đông-nam, rộng độ vài ba chục cây số, dài độ hơn một trăm cây số, chung quanh toàn núi. Có những núi đá vôi nổi bật lên trên đồng ruộng, gọi là *lèn*. Những lèn đẹp nhất ở về vùng Linh-cảm. Các nhà địa lý đặt tên cho miền thung lũng này là *thung lũng sông Hương-khé*.

Đây là một nơi hiềm yếu, ở miền núi. Có hai đầu dãy chấn, ở trong có ruộng lúa. Thực là một chiến khu.

Trần-quang-Cán, mà ta không biết lai lịch như thế nào, đã cùng với thồ ti, chắc là người Mường, tên là Trương-quang-Thủ khởi loạn ở Huyện Hương-khé và Tuyên-hoà, vào đầu xuân năm Giáp-tuất (1874).

Đảng « Giặc » này mạnh. Họ có một người, chắc là một quân-sư của họ tên là *Nguyễn-huy-Điền* tục danh là Tú Khanh chắc đã đậu Tú-tài.

Tú Khanh đã xa cơ, bị bắt, giam ở đè lao thành Hà-tĩnh.

Các ông tướng sơn lâm Trần-quang-Cán và Trương-quang-Thủ đem quân vượt qua núi, và đánh hầm thành Hà-tĩnh. Rồi chiếm được thành, mở giam cho Tú Khanh. Rồi giữ lấy thành chứ không rút lui về núi, về thung lũng Hương-khé.

Việc này là việc to.

Trong đảng « giặc » này, có nho sĩ là Tú Khanh, có một thồ ti có ảnh hưởng tới dân Mọi, ấy là Trương-

Quang-Thủ, còn Trần-quang-Cán, ta không biết là như thế nào. Đảng « giặc » đã chiếm giữ thành Hà-tĩnh.

* *

Việc tâu về Triều đình. Vua Tự-Đức phải đặc phái Lê-Bộ Thượng-thư là Lê-bá-Thận đem binh đi đánh.

Sử chép là quan quân đã bắt sống được Trần-Quang-Cán và Nguyễn-huy-Điền tức là Tú Khanh. Hai tên « giặc » này đều bị đem chém.

Vì lý do gì mà họ khởi loạn ? Vì đòi chăng ? Vì muốn xưng bá đồn vương chăng ? Ta không biết rõ.

Còn tên Thồ ti Trương-quang-Thủ. Y ra thế nào ? Ta tra cứu trong sử, không thấy nói.

Nhưng sử cho biết rằng vào năm Ất-dậu (1885), sau ngày hai mươi ba tháng năm mà Kinh-thành thất thủ, vua Hàm-Nghi cùng với Tôn-thất-Thuyết ra ở chiến-khu Quảng-Trị, ban hịch Cầu-vương, hiệu triệu toàn dân kháng chiến. Rồi Ngài ra ở chiến-khu Quảng-bình, ở ngay Đồn Ve, chỗ tên Thồ-ti Trương-quang-Thủ làm loạn mười một năm về trước.

Vua Hàm-Nghi ở một nơi gọi là xí Thắng Cuộc. Ngài bị Việt-gian đến bắt sống Ngài ở đó. Ai đã bắt Ngài để nộp cho Pháp ? Ai ? Chính là tên Trương-quang-Ngọc, chắc là con cháu gì của tên thồ ti Trương-quang-Thủ.

* *

Trong việc dẹp giặc Trần-quang-Cán và Trương-quang-Thủ vào năm Giáp-Tuất (1874), ta ghi tên một nhân-vật Việt-Nam ; ấy là Lê-bộ Thượng-thư Lê-bá-Thận.

Sử sẽ phê bình vị này.

HAI BÀI THƠ CỦA VUA TỰ-ĐỨC

Ở Huế, trong viện bảo-tàng ta còn có thấy cái nghiên mà vua Tự-Đức đã dùng.

Vua Tự-Đức có tiếng là hay chữ. Ngài đã làm ra nhiều thi, văn, hoặc là nôm, hoặc là chữ. Di sản văn-hoa này đã mất gần hết. Tôi không biết rằng sau này có ai thu thập được ít nào không và cho ta biết một chút về vị văn-hào này.

Tôi sao lục ra đây hai bài thơ chữ.

Hai bài thơ này không những có giá-trị văn-chương mà đối với tôi lại còn là sứ-liệu nữa vì giúp cho ta biết một vài điều về vua Tự-Đức.

* *

Bài đầu là bài thơ Ngài ban cho Trương-đăng-Quế vào tháng ba năm Quý-hợi 1863, khi Trương-đăng-Quế là Cần-chánh Đại-học-Sĩ, tước Tuy-thanh Quận-công. Thơ này nhà vua làm năm Ngài ba mươi bốn tuổi.

- 1.— *Kê đồn hữu thực thương phi an,*
- 2.— *Thần thị hi ngưu súc mĩ quan.*
- 3.— *Hác hiểm giang thâm hoàn hải khoát,*
- 4.— *Xuân thu hạ mầu phục đông hàn.*

- 5.— *Lâm trung dị thề trường sanh được,*
- 6.— *Lâu thương nan cầu bắt lão đơn.*
- 7.— *Vị thức chi cùng sơn thủy tú,*
- 8.— *Long-thành, Trúc-dụ khẳng hồi khan.*

Bài thơ này đã dịch ra nôm như sau này :

- 1.— *Gà, lợn, vì nuôi, sợ chó ngày,*
- 2.— *Huống gì trâu tế trọng lâu nay.*
- 3.— *Khe sông, đến biển càng lai láng,*
- 4.— *Xuân, hạ, rồi đông vẫn đổi thay.*
- 5.— *Hải thuốc trường sinh về núi dẽ,*
- 6.— *Tìm phượng bắt lão ở lâu gay.*
- 7.— *Biết chăng ? Chồng gậy vui non nước,*
- 8.— *Còn nhớ Thành-long Dụ-trúc này.*

Đã có một vị dịch bài thơ.

Tôi không biết vị này là ai.

Tôi xin chép nguyên văn. Bài dịch ý bài thơ như sau này :

Câu thứ 1 : Là ám chỉ các quan nhỏ, nói gà, lợn vì ăn của người, còn sợ có ngày không yên được.

Câu thứ 2 : Chỉ các quan khanh, tướng. Họ ngưu là con trâu đê tế Giao. Chữ sách Trang-tử nói : Huống chi con trâu tế Giao nuôi đến vài năm, mặc gấm vóc, sự thề trang trọng thời lo sợ biết chừng nào ?

Câu thứ 3 : Chỉ thời cuộc nói càng mở rộng chừng nào thời càng hiềm nghèo chừng nấy, chẳng khác chi khe hiềm, sông sâu, đến biền lại càng rộng lắm.

Câu thứ 4 : Là ám chỉ vạn nước có lúc thanh thời có lúc suy, người sanh có hồi tráng thời có hồi lão chẳng khác chi mùa xuân khi trời thu hoà, mùa hạ, vật thạch tốt, qua mùa động thời lại lạnh rồi.

Câu thứ 5.— Ông nói về chốn lâm hạ (dưới rừng) thông thả dưỡng được tuổi Trời, tức là hái thuốc trường sanh (sống lâu) dẽ.

Câu thứ 6 : Ngài lo việc quân quốc khó nhọc, thêm mau già, tức là cầu thuốc bất lão khó.

Câu kết : Là nhận khi ấy Nam, Bắc-dương có việc (Tây xâm lăng) Long-thành là thành Thăng-long (tức Hà-nội) ngoài Bắc-kỳ. Trúc-dụ là một hòn cù lao ở Nam-kỳ. Câu này nói rằng : chẳng biết từ rày về sau ở nhà chổng gãy dạo chơi non nước, ông có còn ngó lại chốn Long-thành Trúc-dụ hay không (nghĩa là ông có còn nghĩ tới việc nước không).

* *

Trương-đăng-Quế đối với Vua Tự-Đức như thế nào ?

Tôi sao ra đây một đoạn sử. Đoạn sử này là chính sử, do Quốc-sử quán ghi, in trong tập Quốc-triều chánh biên.

« Tháng tám, năm Ất-vi (1874), Ngài se đài Cố mang lương thần Trương-đăng-Quế và Đại-thần Võ-văn-Giải, Nguyễn-tri-Phuơug, Lâm-duy-Thiếp vào chầu.

Ngài truyền đuôi mấy người tả, hữu, rồi ban rằng :

Ta nối nghiệp lớn đã bảy năm qua, ngày đêm lo lắng, không dám thong thả vui chơi. Mấy lâu se mình hôm nay mệt lắm.

Ta lo nghiệp lớn tồ tôn phó thác cho ta nên ta phải lựa người nối nghiệp để yên xã tắc.

Trong mấy người con ta, Hường-Bảo tuy lớn nhưng vì thứ xuất, mà lại ngu độn, ít học, chỉ ham vui chơi nối nghiệp không đặng.

Con thứ hai là Phước-tuy-Công, thông minh, ham học, giống in như ta, đáng nối ngôi làm vua.

Hôm trước ta đã phè vào tờ di chiếu để tại trong long đồng. Các ngươi phải kính noi đó, đừng trái mạng ta ! (Long đồng là ống băng đồng có khắc rồng).

Vua Thiệu-Trị băng năm Ngài bốn mươi mốt tuổi.

Phước-tuy-Công, tức là Vua Tự-Đức sau này, lúc ấy mới mười tám tuổi.

Trương-đăng-Quế hồi đó, ít ra cũng năm, sáu mươi tuổi.

Trương-đăng-Quế, cố mang lương thần, theo di chúc Vua Thiệu-Trị sẽ còn ở Triều trong mươi sáu năm. Rồi sau vì già quá, và vì vua Tự-Đức đã trưởng thành, nên mới xin về hưu.

Về hưu vào tháng ba năm Quý-hợi (1863) thời đến tháng hai năm Ất-sửu (1865) thời mất.

Vua Tự-Đức được tin bèn bái triều 3 ngày. Sử chép như sau này :

« Cần chánh-điện, đại-học-sĩ, Tuy thanh quân công tri-sĩ Trương-đăng-Quế mất, Ngài bái triều ba ngày tăng hàm Thái-sư, cấp thêm tiền, lụa, sai đem rượu thượng phuơng và bài thơ (chép ở thi sơ tập) tới nhà ban tể, đựng bia ở phần mộ khắc mươi một chữ :

« Lưỡng triều, cố mạng lương thần, Trương-văn-Lương chi mộ. »

Thụy hiệu Trương-đăng-Quế là Văn-Lương.

Vua Tự-Đức truyền chỉ chờ hết tang sẽ « tuân lời tiên đế cho tòng tự thế miếu ».

Tiên-đế tức là vua Thiệu-Trị.

* * *

Bài thơ thứ hai mà tôi dẫn ra đây, vua Tự-Đức làm vào tháng tám năm Đinh-Mão (1867) tức là năm thứ hai mươi Ngài trị vì.

Sự thế nước ta hồi đó như thế nào ?

Về tháng sáu sử chép như sau này :

« Nước Đại-Pháp lấy ba tỉnh Vĩnh-long, An-giang, Hà-tiên. » Ở ngoài Bắc, giặc Tàu hoành hành : giặc này là Vi-Tái-Thợ, Phan-thanh-Giản đã nhện đói mà chết ở Nam. Ông-Ích-Khiêm, tuy đã già rồi, Ngài cho sung Tiêu phủ sứ ở Bắc.

Vậy tình hình hời đó không được vui vẻ cho lắm.
Vua Tự-Đức làm bài thơ mà tôi sẽ sao lục ra đây năm
Ngài năm mươi tư tuổi.

Bài thơ này làm theo thể bài « minh ». Thể này ít khi
dùng vì khó.

- 1.— *Dương Xuân chi thượng hè* (1)
- 2.— *Duy dự chi trách hŷ*.
- 3.— *Sơn ti nhi địa tịch hè*.
- 4.— *Diệc trạng dư khiêm ý dĩ tự trách hŷ*.
- 5.— *Thùy dữ dư đồng tâm dĩ hoàn dư chí hè*.
- 6.— *Y cầu chi nhi vị hoạch hŷ, duy thiên kỳ giám hè*,
- 7.— *Ngã tâm hữu như thử thạch hŷ*.

Bài thơ đã được dịch như sau này :

*Trên Dương Xuân kia, kiêng nhà ta ở đây.
Núi thấp mà đất quạnh xa, cõng giống ý ta
khiêm ty để trách mình vậy.*

Ai cùng ta đồng tâm cho thoả chí ta ?

Than ôi ! Cầu mà chưa được thấy !

Xin trời xét cho, lòng ta có như vừng đá ấy.

CHÚ THÍCH : (1) Dương Xuân : Là một tên trái núi ở gần
kinh thành Huế chỉ cao có hơn một trăm thước, ở/ phía Nam
núi Ngự. Ở trong cung nhìn ra thấy rõ lắm. Người Pháp có trồng
ở trên đó một ít thông : đâu chỉ có độ mươi sáu cây. Dù ở
phía nào mà nhìn thời chỉ thấy có bốn cây cheo leo trên ngọn
núi. Cho nên ở trên bản đồ quân-sự, tỷ lệ 1/10.000, người Pháp
ghi núi này là MONTAGNE DES QUATRE CHEVEUX.

Trên đây, tôi sao lục hai bài thơ chữ Hán của Vua Tự-Đức. Hai bài thơ này đã được ghi ở trong bộ Quốc-trieu chánh biên. Đối với chúng ta bây giờ là những sử liệu rất quý về hai phương diện : để ta tìm hiểu Vua Tự-Đức và để ta biết Hán-văn hồi đó như thế nào. Về phương-diện Hán-văn tôi không dám phê bình hai bài thơ mà tôi đã dẫn ra ở trên. Tôi chỉ xin dẫn ra một chi tiết, ấy là hồi đó, không phải vì nịnh Ngài mà nhiều văn-sĩ đã nhận Ngài là một vị rất hay chữ.

Tôi tin rằng hai bài thơ chữ Hán này sẽ được văn-học sử ghi. Và sẽ có vị giáo-sư giảng cho sinh viên.

SỰ TÍCH MỘT CHIẾC NGHIÊN XƯA

Ở viện Bảo-tàng, tại Đế-đô (Huế) có một cái nghiên. Ông coi viện rất lấy làm vinh hạnh, khi có một người lạ đến thăm viện... Ông được dịp chỉ cho xem cái nghiên đó, mà người ta thường gọi là nghiên của vua Tự-Đức.

Tôi đã có nhiều dịp vào Huế để nhìn cái nghiên này.

Đã biết bao báu phẩm của ta bị mất !

Chỉ còn có cái nghiên này.

· · · · ·

Tôi xin hiến bạn đọc sự tích chiếc nghiên xưa đó.

Năm Nhâm-dần (năm thứ hai triều vua Thiệu-Trị) (1842) tháng mười, có người dâng cái nghiên xưa.

Dài bảy tấc bốn phân, rộng bốn tấc bảy phân, dày năm phân.

Chất bền mà láng bóng, kiêu xưa mà đơn sơ.

Rõ ràng một phiến, « ngói âm dương » mà người xưa đã nhân hình dạng đúc ra chõ chứa nước, chõ mài mực.

Đầu nghiên có khắc bài minh (bài minh là một bài thơ, theo cỗ văn) :

- 1.— *Kỳ sắc ôn nhuận.*
- 2.— *Kỳ chế cỗ phác,*
- 3.— *Hà dĩ trí chi,*
- 4.— *Thạch cù bí các,*
- 5.— *Cải phong túc măc,*
- 6.— *Lan dài liệt tước,*
- 7.— *Vĩnh nghi bút chi,*
- 8.— *Tho hương thi thác.*

Bài thơ bằng chữ Hán đó khó dịch lắm. Có những chữ không thể dịch được.

Đại khái nghĩa bài thơ như sau này :

- 1.— *Sắc nghiên ôn nhuận,*
- 2.— *Kiểu nghiên cỗ phác,*
- 3.— *Nên đặt chỗ nào ?*
- 4.— *Thạch cù bí các,*
- 5.— *Túc măc đổi phong,*
- 6.— *Lan dài (1) dù tước,*
- 7.— *Quý báu đổi đổi,*
- 8.— *Tho hương phú thác.*

Bài minh bằng chữ Hán đã được các quan bộ học dịch như trên.

Có một điển tích, ấy là :

Đời xưa phong cái nghiên là Túc măc hău.

Túc măc là tên đất, mà nghĩa chánh *túc* là *tới*, *măc* là *mực*. Vậy nên đời xưa, nhân tên đất mà phong hău cho cái nghiên, lại có ý riêng là cái đựng mực.

Lan dài là nơi làm sách. Nơi ấy phải cần nghiên bút.

Nghiên là Túc măc hău,

Bút là Quản thành tử.

Nghiên và bút đều dự tước trong *Lan-dài* cả.

Sau bài minh đã dẫn ở trên, ông *Tô-Thúc* xưa có khắc hai cái ấn.

Một cái khắc hai chữ :

Kỳ trân nghĩa là quý lạ.

Một cái khắc hai chữ :

Tàng báu nghĩa là báu kin.

Ông *Tô-Thúc* là một vị hay chữ đời *Tống*.

Sau lưng nghiên có khắc bốn chữ :

Thạch cứ các ngoã, nghĩa là ngói ở Các-thạch-Cử.

Dưới, lạc khoản mấy chữ rằng : « Nghiên này chế vào tháng tám, năm thứ ba, hiệu *Nguyên-Phù*. »

Ngài truyền đem nghiên ấy dâng vào sở *Kinh diên*.

Rồi Ngài truyền *Nội-các* như sau này : (Ta đừng quên rằng Ngài Thiệu-Trị rất hay chữ).

« Nghiên này làng hiên Các-thạch-Cù xưa. »

Nguyên các ấy từ Tiêu-Hà lập ra để chứa đồ tịch. Đến năm thứ ba, hiệu Cam-Lộ, vua Tuyên-Đế nhà Hán hội các Nho thần giảng ngũ kinh tại đó.

Từ năm thứ ba hiệu Cam-Lộ đến năm thứ ba hiệu Nguyên-Phù đời Triết-Tôn nhà Tống, Tô-Thức mới được phiến ngói ấy, làm thành nghiên, cả thảy một ngàn một trăm bốn mươi chín năm (1149).

Từ khi ấy đến nay, lại được hơn bảy trăm bốn mươi năm nữa (740). Thời nghiên này gốc tích từ đời Hán, làm thành ở đời Tống mà xuất hiện ra đời nay, thiệt là một vật báu về việc hàn mặc.

Bây giờ, cách sau Hán, Tống đến hơn hai ngàn năm, nghiên đó há chẳng phải là vật quý báu Trời, Đất để dành, đợi thời mới bày tỏ ra hay sao ?

Trong đạo chuộng văn, khác thời thế mà chung một vật báu, đời này cùng đời Hán. Tống xưa, chừng có cơ duyên khẽ hiệp với nhau chẳng ?

Âu-dương-Tu đời Tống xưa có câu rằng :

« Ai ưng vật gì thời vật ấy thường tụ hội tới. »

Nghĩa là vậy đó.

Trên đây tôi sao nguyên văn một số liệu trong bộ Chánh-biên.

Một câu hỏi đặt ra : Ai đã dâng nghiên xưa này lên Ngài Thiệu-Trị ?

Phải chăng là một người Trung-Hoa ? Người này đã biết giá trị của cái nghiên và đã biết đem cái nghiên ấy dâng lên nhà vua.

Vua Tự-Đức đã thường dùng cái nghiên đó.

Thực là một quốc bảo, còn giữ được đến bây giờ, cũng là một sự lạ, vì không bị thất lạc hay đập vỡ.

Phần thứ ba

Danh-nhân lịch-sử

CHƯƠNG MỘT

THỜI VUA GIA-LONG

TÌM HIỂU LẠI BỘ THƯỢNG THƯ NGÔ-THỜI-NHẬM MỘT ANH-HÙNG DÂN-TỘC TRONG ĐỜI NHÀ TÂY-SƠN

Vua Gia-Long muốn được vua Tàu phong vương cho đã có nhã ý dâng vua Tàu các sách, ăn Nhà Tây-Sơn. Ngài cũng đã có vương ý không muốn cho dân-chúng đời sau làm loạn, nên Ngài đã cho thu thập tất cả các tài-liệu về Nhà Tây-Sơn... để tiêu hủy.

Thành thử ra, anh em chúng ta bây giờ muốn hiểu biết một cuộc Cách-Mạng lớn lao nhất của nước Việt-Nam từ năm 1775 đến năm 1802, chúng ta dành chịu bó tay.

Trong mấy năm ở Trường Bác-Cô, tôi có hỏi cự NGUYỄN-VĂN-TỐ, ông NGUYỄN-VĂN-HUYỀN và ông TRẦN-VĂN-GIÁP, các vị ấy đều chép miệng, thở dài...

Đến bộ Thật-lục còn chép để xu nịnh nhà Nguyễn thời làm gì còn tài-liệu về Nhà Tây-Sơn ?

Nhưng sự khảo cứu trong dân gian còn ra nhiều manh mối !

Nhưng manh mối này, phần nhiều là do sự may mà thôi.

Tôi đã được biết ở Trường Viễn-đông Bác-cô có một số tài-liệu về họ Ngô-thời-Nhậm, tôi cũng đã về làng vị danh-nhân này... và biết nhiều người trong họ để thu thập tài-liệu.

Và bài nhỏ này gọi là một nét hương thấp trên bàn thờ Ngô-thời-Niệm mà con cháu còn nhớ là Cụ Đại-Vương và dân miền Lạng-sơn vẫn đến lễ bái ở động Tam-thanh.

Nhưng Ngô-thời-Niệm chỉ là một người trai trong thời cách-mạng lớn lao ấy ! Biết bao nhiêu người trai khác mà nhà Nguyễn đã tiêu diệt, ngay trong lịch sử !

PHẦN THỨ NHẤT

LÀNG VÀ HỌ NGÔ-THỜI-NHẬM

Từ Tỉnh-ly Hà-dong đi dọc theo con sông Nhuệ độ bốn năm cây số ta sẽ tới một làng. Ấy là làng Tả-thanh-Oai mà nôm na người ta gọi là làng Tó. Làng ở về tângạn sông Nhuệ.

Làng này đối với tôi không phải là xa lạ.

Trước khi vào làng phải qua một cái chợ. Rồi ta theo con đường cái chạy theo bờ sòng. Các nhà đều ở về phía tay trái. Hai xóm trên ở liền nhau. Rồi tới một cánh đồng, sau mới tới xóm dưới.

Ở ngay đầu làng có một cái đình rất cổ kính thờ một bà phi đã nuôi vua Lê-đại-Hành. Ở giữa cánh đồng nói trên lại còn một cái đình nữa thờ vua Lê-đại-Hành. Làng có bốn cái chùa.

Dân-cư đông đúc, trên bến dưới thuyền, thực là một làng đẹp ở miền hạ-bản trung châu miền Bắc.

Các nhà địa lý theo lối huyền bí của các cụ ta ngày xưa bảo rằng đây là một nơi đất đặc-địa: nào là tay long,

tay hồ, cái bút, cái nghiên, hình long, hình phượng. Tôi không hiểu địa lý này như thế nào. Dù sao, làng Tả-thanh-Oai là một làng trù phú và có văn-hiến.

Trong làng này, ở xóm giữa có một họ là họ Ngô. Họ này về thế kỷ thứ 15, về đời vua Lê-thánh-Tôn đã sinh ra nhiều anh tài như Ngô-sĩ-Liên tác giả bộ Đại-Việt Sử-ký toàn thư. Họ Ngô đông lăm và một chi là chi Ngô-thời mà có hai người nổi tiếng, ấy là Ngô-thời-Niệm và Ngô-thời-Sĩ mà dân làng thường gọi là Cụ Thượng anh và Cụ Thượng em.

Hai vị này đã đỗ tiến sĩ trong đời nhà Lê. Kè số tiến sĩ, trong gia-phả họ Ngô rất nhiều, khiến con gái họ Ngô rất lấy làm hạnh diện. Vì vậy có câu « con gái họ Ngô, một bồ tiến-sĩ » : sự văn-học phát cả đến ngành họ ngoại.

Ngô-thời-Niệm sinh năm nào ? Tôi không biết rõ, nhưng vào khoảng 1735, 1740 chi đó. Đỗ tiến-sĩ vào năm nào, và hoạn lộ trong đời Lê mat như thế nào, tôi không có thể tra cứu được.

Nhưng có một điểm mà tôi không biết gia phả họ Ngô là người đã làm trấn thủ trong một thời gian khá lâu ở Lạng-sơn.

Trấn Lạng-sơn là trấn biên-thùy, tiếp giáp với Tàu. Dân người Kinh rất ít, ngoài một số linh thú, còn thời là dân Thổ, Mán và thứ nhất là Nùng. Sự giữ an-ninh và trật tự rất khó, cũng như là sự giữ biên thùy. Làm trấn-thủ Lạng-sơn phải là người giỏi, thứ nhất là vào cuối thế kỷ thứ 18.

Ngô-thời-Niệm đã thành công như thế nào ?

Tên « Ông Đại-Vương » được truyền tụng lại là do dân miền Lạng-sơn (kè cả Cao-bằng, Bắc-cạn bấy giờ đặt ra).

Ngô-thời-Niệm đã phải đem quân nay đây mai đó, trên một diện-tích mênh-mông vì Thổ, Mán, Nùng thường tranh chấp nhau. Họ lại thường tràn xuống thung-lũng sông Băng-giang, sông Kỳ-cùng để cướp lúa của người Kinh mà phần đông là con cháu những người đã theo nhà Mạc lên định cư ở đấy. Ở miền Lạng-sơn, người ta còn nhớ công mở đồn điền của Ngô-thời-Niệm.

Đứng về phương-diện văn-hoa, người Thổ, Mán, có chữ nôm của họ, lẽ tất nhiên một vị tiến-sĩ làm trấn-thủ phải nghĩ cách mở trường học.

Nhưng phong tục của họ thời lại lạc hậu lắm : họ thờ đủ các thứ ma, kè cả ma gà, ma lợn. Không hiểu Ngô-thời-Niệm có sùng đạo Phật không, dù sao, đã có một cái chùa danh-tiếng ở Đồng-đăng :

Đồng-đăng có phố kỵ lừa,

Có nàng Tô-thị, có chùa Tam-thanh.

Chùa Tam-thanh là một cái hang đá trong núi đá vôi như hang chùa Trầm ở Hà-đòng. Chùa không có tượng nào, ngoài tượng chính của Ngô-thời-Niệm khắc ngay vào thành hang. Ngô-thời-Niệm mặc áo cà sa. Các nhũ đá lóng la lóng lánh, từ trên trần hang nhủ xuống, ánh sáng mờ mờ huyền ảo. Ở ngoài đưa vào, trông rất tôn nghiêm. Phải chăng đây là một phương pháp để suy tôn

hay để giáo hoá dân ? Dù sao, không những dân địa phương, nhưng hồi trước, ngay dân đường xuôi cũng lên chiêm bái : họ chỉ biết là tượng Phật khắc trong hang đá, ít ai biết là chính tượng Ngô-thời-Niệm, « Ông Đại-vương », Trần-thủ Lạng-sơn về thời Lê mạt, một trong những tiến-sĩ làng Tả-thanh-Oai.

Chữ Tam-thanh là do Ngô-thời-Niệm đặt ra vì làng Tả-thanh-Oai, thuộc Tông Thanh-Oai, thuộc huyện Thanh-Oai, tỉnh Hà-Đông.

Tôn-giáo và non sông, ngay ở trên biên-giới ghi tên Ngô-thời-Niệm.

PHẦN THÚ HAI

NGÔ-THỜI-NHẬM VỚI NHÀ TÂY-SƠN

Năm 1786, anh em nhà Tây-sơn ra diệt Trịnh, phò Lê. Rồi Nguyễn-hữu-Chỉnh chuyên quyền. Vũ-văn-Niệm ra bắt. Vua Lê-chiêu-Thống chạy... rồi cầu cứu quân Tàu, Nguyễn-Huệ ra Bắc lần thứ hai năm 1787 giết Vũ-văn-Niệm, tề-chức lại các cơ quan.

Nguyễn-Huệ mời Ngô-thời-Niệm ra làm Lại-bộ Tả-thị-Lang, nghĩa là coi hết các công việc chính-trị, hành-chánh ở đất Bắc. Còn tướng Tây-sơn là Ngô-văn-Sở thời coi về việc binh.

Nguyễn-Huệ ra rồi về ngay Phú-xuân. Cho đến khi ta đại phá quân Tàu, tính vừa một năm. Trong thời gian ấy, tình hình quân-sự chính-trị ở đất Bắc khó khăn lắm.

Vua Lê-chiêu-Thống chạy sang Tàu cầu cứu.

Ở trong nước, nào là Đảng Nhà Lê, nào là Đảng Chúa-Trịnh, nào là các giặc cướp ở Trung-châu, ở Thượng-du. Đây là ta không kề những mưu mô của một số người Pháp, người Y-pha-Nho đã sang ta từ lâu, ở trà trộn với một số dân-chúng.

Việc nội trị đã khó, lại có việc ngoại xâm.

Vua Lê-chiêu-Thống chạy sang Tàu, đem quân Tàu về chiếm nước ta. Về đoạn sử này, cụ Trần-trọng-Kim có chép rõ. Tôi chỉ nhắc lại mấy điểm chính.

1.— Ba đạo quân Tàu tràn sang ta, một đạo từ Vănnam sang Tuyên-quang; một đạo từ Quảng-tây sang Cao-bằng; một đạo từ Quảng-dông sang Lạng-sơn, lấy cớ phò vua Lê diệt nhà Tày-sơn. Tướng Tồng Chỉ-huy là Tôn-sĩ-Nghi.

2.— Ngô-thời-Niệm và Ngô-văn-Sở sẽ xử trí như thế nào ?

Ngô-văn-Sở muốn đánh hay ít ra cũng phải giữ lấy thành Thăng-Long, trong khi chờ Nguyễn-Huệ đem quân ra cứu.

Ngô-thời-Niệm can không nén đánh. Phải thu thập một số lớn quân-đội rút lui về dãy núi Tam-Điệp, ở giữa Ninh-bình và Thanh-hóa bảy giờ. Dãy núi này là nơi hiểm yếu ta có thể cầm cự được với quân Tàu.

Vâ, lại cho quân Tàu sang, đem vua Lê-chiêu-Thống về, quân Tàu sang một cách dễ-dàng, sinh kiêu, hà hiếp dân-chúng, nay cướp chỗ này, mai đốt chỗ khác, lòng

dân sẽ oán giận quân xâm-lăng. Vua Lê-chiêu-Thống sẽ chỉ là một Ông Vua bù nhìn, cong lưng uốn gối trước Tôn-sĩ-Nghị, các quan ta phò Vua sẽ tủi thân, còn sĩ-phu trong nước, đứng trước cảnh dân-chúng làm than, triều đình bị khinh bạc sẽ nhớ tới Nguyễn-Huệ.

Rút lui quân về Tam-điệp là thượng-sách, vừa về quân-sự, vừa về chính-trị.

Vậy Ngõ-thời-Niệm đã là người sửa soạn cho trận đánh oanh liệt của Nguyễn-Huệ. Lẽ tất-nhiên là đã có sự liên-lạc với Nguyễn-Huệ.

Ngày hai mươi lăm tháng mười một năm Mậu-thân (1788), Nguyễn-Huệ tuy trước đã được Nguyễn-Nhạc phong cho làm Bắc-bình-Vương nay lên ngôi Hoàng-đế ở Phú-xuân (Huế).

Nguyễn-Huệ ra Bắc lần này là lần thứ ba và lần này là để đánh tan quân Tàu.

Mười vạn quân, một trăm con voi ra tới đèo Tam-điệp, hiệp với quân Bắc đã rút về đây, chia ra làm nhiều đội đánh thắng về Thăng-long, còn một đội nữa đi tắt lên đường Bắc-giang, Yên-thể để truy kích.

Có những trận rất ác liệt nhưng chỉ trong vòng nửa tháng hai mươi vạn quân Tàu bị đánh tan. Thây chất thành núi, tức là gò Đồng-đa bây giờ ở gần Hà-Nội, hàng vạn quân Tàu chết đuối, chết rét trên sòng Nhĩ-hà, hàng vạn tàn quân chết đói, chết đau, chết chém trên con đường Hà-Nội, Lạng-sơn.

Trong Lịch-sử dân tộc Việt-Nam ta, không bao giờ có

một sự xâm lăng như vũ như bão mà lại bị tiêu diệt chỉ bằng một trận mà lịch sử gọi là trận Đống-đa.

Người đã thắng trận đó là Nguyễn-Huệ, nhưng người cũng đã có công lớn, ấy là Ngô-thời-Niệm. Lê tất nhiên là đã phải có một sự quật khởi của dân-tộc, dưới chế độ cách-mạng Nhà Tây-sơn. Ở Bắc, người thi hành chế độ đó là Ngô-thời-Niệm.

Nguyễn-Huệ tuy đã thắng quân Tàu nhưng thắng để mà cầu hòa, chứ không cầu chiến. Vì nước Tàu là nước lớn, lại có ý xâm lăng nước ta như một tờ mờ thư hắt được đã cho ta biết.

Viết thư cầu hòa là việc của Ngô-thời-Niệm.

Bắc-bình-Vương phải rút quân về Trung, về Nam để đánh loạn quân của Nguyễn-phúc-Ánh ; trong đám loạn quân này có nhiều người Pháp do Nguyễn-phúc-Ánh thu dụng.

Ở Bắc, các việc quân do Ngô-văn-Sở và Phan-văn-Lâu phụ-trách việc dân và việc giao-thiệp với Tàu do Ngô-thời-Niệm và Phan-huy-Ích phụ-trách.

Nếu ta nghĩ tới toàn thể đất Bắc mà đất Bắc hồi đó ăn mài vào miền Thanh-nghệ thời ta thấy là diện tích rộng như thế nào.

Ở miền núi, biết bao dân-tộc thiểu số : Mường, Thái Mán, Mèo, Thổ, Nùng, Ngô-thời-Nhiệm nguyên trấn-thủ Lạng-sơn trong thời Lê-mạt đã có dịp hiểu biết các dân tộc thiểu số này.

Ở đồng bằng, biết hao ván đẽ chính-trị. Thanh toán các cường khu mượn danh nhà Lê, họ Trịnh mà lũng đoạn nhân dân, thi hành các mệnh về đủ mọi phương diện, nào là áp dụng chữ nôm, tiêu tiền mới, nào là sửa đổi lối cai trị ; chắc cũng đã có một sự cải cách điền địa.

Ngô-thời-Niệm được thăng lên làm Thượng-thư, không biết về năm nào. Chắc là để có thêm uy tín trong việc giao-thiệp trực tiếp với người Tàu nhưng cũng phải có tài, có công mới được.

Ngô-thời-Niệm không rời đất Bắc suốt mười bốn năm, từ năm 1789 đến năm 1803.

Trong mười bốn năm đó, Nhà Tây-Sơn phải chống nhau với Nhà Hậu Nguyễn.

Nguyễn-phúc-Ánh đem quân Xiêm về bị Nguyễn-Huệ đánh tan ở Rạch Gầm, phía dưới Mỹ-tho. Rồi lưu vong nay đây, mai đó. Nguyễn-phúc-Ánh đem con cho làm con tin để cầu cứu Pháp. Pháp giúp cho nào là tàu chiến, súng ống, đạn dược, nào là quân-đội, da trắng có, da đen có, quân-đội da đen mờ ở Ấn-độ. Ta có thể nói được rằng người Pháp đã mở cuộc chiến-tranh xâm-lăng ở nước ta vào cuối thế kỷ thứ 18 với đoàn quân viễn chinh đầu tiên của Đức cha Bá-đa-Lộc (Pigneau de Béhaine, Évêque d'Adran). Và Nguyễn-phúc-Ánh mở đầu cho nhà Hậu Nguyễn bằng sự nhờ quân Pháp đánh phá quân-đội cách-mạng nhà Tây-Sơn.

Nguyễn-phúc-Ánh và Pháp đã đánh Nhà Tây-Sơn như thế nào ? Những trang lịch sử đẫm máu này, Cụ Trần-trọng-Kim đã chép lại.

Tháng 5 năm Nhâm-tuất, Nguyễn-phúc-Ánh lên ngôi vua ở Phú-xuân, lấy niên hiệu là Gia-Long (1802), rồi đem quân ra đánh Bắc hà.

Chỉ trong một tháng mà tất cả đồng bằng sông Nhị-hà bị chinh phục.

Tại sao quân-đội Tây-Sơn lại thua một cách nhanh chóng như thế ?

Lấy danh nghĩa phù Lê : đang lúc thắng, các quân-sĩ mệt ở Nam-Việt và Trung-Việt rất hăng muốn phò vua, nhưng thứ nhất nhờ hỏa lực mạnh của Pháp, nhờ số quân da đen, da trắng hùng hùng hổ hổ như quỷ sứ làm dân chúng sợ hãi, Nguyễn-phúc-Ánh đã mở một cuộc chiến-tranh chớp nhoáng. Ngô-văn-Sở và Ngô-thời-Niệm chống làm sao nổi ? Ngô-văn-Sở có lẽ đã chết trận, còn Phan-huy-Ích và Ngô-thời-Niệm thời bị bắt, đóng cùi, đem về Phú-xuân để hành-tội.

Vua Gia-Long ở Thăng-long độ ba tháng rồi về Phú-xuân.

Tháng hai năm sau là năm Quý-Hợi 1803, Ngô-thời-Niệm, Phan-huy-Ích và một vị nữa Nguyễn-Gia-Phan mà tôi không biết là đã giữ chức gì trong thời cách-mệnh, lại bị đóng cùi đem từ Phú-Xuân ra Thăng-Long để chịu tội.

Cái cùi giam người như thế nào ?

Con chó ở trong cái cùi đứng cũng được, nằm cũng được. Con người, ở trong cái cùi, phải ngồi, đầu gục xuống. Chân co lại. Hai người khênh dưới một cái đòn-

dọc, lắc la, lắc lư. Ăn uống như thế nào, đại tiện, tiểu tiện như thế nào, chúng ta tưởng-tượng thời sẽ hiểu nhục-hình, khò-hình này đã làm ra sao.

Tháng hai năm Quý-hợi (1803), Ngô-thời-Niệm và Phan-huy-Ích, Nguyễn-gia-Phan bị giải trong cùi từ Phú-Xuân ra Thăng-Long.

Sử cho ta biết chi-tiết sau này :

« Truyện chỉ đem bọn ấy đến trường học phủ Phụng-Thiên kề tội mà đánh. Nhậm bị đánh chết ».

« Bọn ấy » đã có tội gì ?

« Nhậm bị đánh chết » là do chỉ nhà vua.

Nguyễn-phúc-Ánh bắt đem ba vị nói trên về Phú-Xuân để cho dân-chúng đất Trung biết võ công oanh-liệt của con cháu chúa Nguyễn, nhờ có sự viện-trợ của Pháp. Rồi đem ra xử ở Thăng-Long, đánh chết Ngô-thời-Niệm để cho dân chúng Bắc-Hà sợ oai nhà Nguyễn trung-hưng.

Nguyễn-phúc-Ánh đã giỏi thật.

PHẦN THỨ HAI

NHÀ THỜ VÀ ĐỒNG ĐỔI CHI NGÔ-THỜI

Như đoạn đầu tôi đã nói, chi Ngô-Thời chỉ là một trong nhiều chi họ Ngô ở làng Tả-thanh-Oai.

Ở cánh đồng, trên xóm dưới, sau đình thờ vua Lê-đại-Hành, có một nhà thờ họ. Nhà thờ họ Ngô, không biết xây lên từ bao giờ.

Sau khi Ngô-thời-Niệm bị đánh chết, nhà thờ này được lệnh quan trấn phải phá-hủy.

Quan trấn đây là Nguyễn-văn-Thành, Tồng-trấn, có Nguyễn-văn-Khiêm, Đặng-trần-Thường và Phạm-như-Đặng giúp việc.

Nhà thờ họ bị phá-hủy, mồ mả có bị phạm chăng ?

Dù sao, trước đây mười hai, mười ba năm, đi về làng Tả-thanh-Oai, vào xóm giữa, hỏi thăm ngõ cụ Đốc, dân làng sẽ chỉ cho ta một cái ngõ lát gạch. Ngõ này dẫn ta qua hai bên hàng rào ô-rô đến một cái cổng con. Một con đường nhỏ băng đất len giữa các ao đi vòng tới một cái cổng nhà gạch; ấy là nhà Cụ Đốc Ngô-giáp-Đậu, thường gọi là cụ Đốc-Tó.

Cụ Ngô-giáp-Đậu mất vào khoảng năm 1930.

Trước khi vào nhà Cụ, đứng trên con đường đất len giữa các ao, nhìn về phía tả, ta thấy một nhà thờ. Đó là nhà thờ chi họ Ngô-Thời nhưng cũng thờ cả các đời trước nữa.

Một cái nhà gạch dài độ 20 thước, rộng độ 6 thước, mái ngói, nền cao. Trước nhà thờ là một cái sân đất, trông ra một cái ao hình bán-nguyệt. Qua cái ao này là con đường đất mà tôi đã nói trên, rồi lại đến một cái ao nữa, rồi là đồng ruộng. Nhà thờ trông ra đồng qua hai cái ao. Hai cái ao này hồi trước là một cái đầm và sau cái đầm này, hồi trước có một cái chùa. Ở hai bên nhà thờ có hai Ông Phỗng-đá. Cửa nhà thờ thường khóa.

Vào trong nhà thờ, trước đây ta thấy ở gian giữa một cái bệ đá, một bàn thờ bằng đá, trên đó có một cái khán lớn, chạm trổ. Hai bên bàn thờ chính này là những bàn thờ cạnh. Dựng vào một bên tường là hai cái song-loan, tức là hai cái vồng. Hỏi ra thời cái khán thờ họ Ngô và hai cái vồng là do Người Tàu dâng Cụ Đại Vương : Không biết khi Ngô-thời-Niệm làm trấn thủ Lạng-sơn hay khi làm Thượng-thư thời nhà Tây-Sơn.

Trước đây độ 30 — 40 năm thôi, dân cả Tông Thanh-Oai, làng nào làng ấy, xôi, lợn, đến ngày giỗ Ngô-thời-Niệm, đều đến nhà thờ nói trên. Lê xong, đem xôi cá mâm, lợn cả con về làng, ăn uống ở đình làng, vì con cháu không lấy phần biếu,

Đây là một cái lệ.

Lệ này có từ bao giờ ?

Sau khi Ngô-thời-Niệm bị đánh chết, lẽ tất-nhiên là dân làng Tả-thanh-Oai lo sợ. Các ruộng của họ Ngô bị tịch-thu. Chi Ngô-Thời, trong suốt mấy đời, không được đi thi. Rồi sau chi Ngô-Thời đổi ra là Ngô-Giáp. Vì vậy Cụ Ngô-giáp-Đậu mới được đi thi, đỗ vào cuối đời Vua Tự-Đức và làm Đốc học Nam-Định.

Lệ cả Tông đến làm giỗ Ngô-thời-Niệm có lẽ đặt ra sau thời-kỳ mà Nhà Nguyễn khủng-bố Nhà Tây-Sơn, sau đời Minh-Mạng. Sự làm giỗ này, do dân Tông bảo nhau làm, khiến cho ta biết công của Ngô-thời-Niệm đã không phải là nhỏ.

Bây giờ thời chắc lệ này đã bị bãi bỏ.

Năm 1947, làng Tả-thanh-Oai là một bãi chiến-trường. Quân Pháp đến đóng ở làng... Toàn làng bị phá.

Tro trọi giữa đám cây rậm, nhìn qua hai cái ao, qua cái lũy tre bị chặt, tới đồng làng bị bỏ hoang là cái bàn thờ bằng đá, bàn thờ Ngô-thời-Niệm.

Con cháu ở làng còn đông. Không biết chế-độ mới có cho cất lại nhà thờ không?

Dù sao, ở Đồng-Đăng, tồn-tại với non sông đất Việt là động Tam-Thanh :

*Đồng-Đăng có phố Kỳ lừa
Có nàng Tô-Thị có chùa Tam-Thanh.*

.

*Vào chùa thấy một nén hương,
Miệng khấn tay vái bốn phương chùa này.
Chùa này có một ông thầy,
Có hòn đá tạc, có cây ngô đồng.*

.

Đã có những câu ca-dao thuộc về động Tam-Thanh.

* * *

Ngô-thời-Niệm là một người sống trong Nhà Lê suy-vi. Cách-mệnh nỗi lên, liền đem tài ra gánh vác việc nước. Nguyễn-Huệ là người biết trọng tài và Ngô-thời-Niệm đã là một người văn võ toàn tài trong thời cách-mệnh Nhà Tây-Sơn: nào là quân-sự, nội-trị, ngoại-giao.

Nguyễn-phúc-Ánh đem quân Pháp về..... Sự thề như thế nào, chúng ta đã hiết.

PHỤ CHÉP

Một giả-thuyết về cái chết của Ngô-thời-Niệm :

Cụ Trần-trọng-Kim có viết trong Bộ Việt-Nam Sử-lược, trang 410, bản in Tân-Việt, rằng :

« Đến tháng bảy năm Nhâm-tuất 1802, Thé-Tô (tức Vua Gia-Long), về kinh, đem vua tội nhà Tây-Sơn về làm lê hiến-phù ở đền Thái-miếu. Rồi đem ra tận pháp-trường xử-trị. Lại sai quật mả vua Thái-Đức Nguyễn-Nhạc, và vua Thái-Tô Nguyễn-Huệ lên, đem vứt thây đi còng đầu thời đem bỏ giam ở trong ngục tối.

Nhưng bọn văn thần Nhà Tây-Sơn như Ngô-thời-Niệm, Phan-huy-Ích ra hàng đều phải đem về kinh, sau lại giải ra Bắc thành, đem nọc ra đánh ở trước Văn-miếu rồi tha cho về. Lúc bấy giờ có Ngô-thời-Niệm vì trước có hiềm với Đặng-trần-Thường cho nên đến khi đánh ở trước Văn-miếu, Đặng-trần-Thường cho người đánh chết ».

Bộ Chánh-biên là chính-sử nhà Nguyễn đã ghi là Ngô-thời-Niệm ra hàng. Cụ Trần-trọng-Kim căn-cứ vào đó mà chép lại.

Có thật Ngô-thời-Niệm ra hàng không ?

Bộ Chánh-biên chép rằng :

« Quan Bắc thành tâu rằng :

Nguy quan ra thú thời tha, đã có minh chiếu rồi,

xin tha cho bọn Ngô-thời-Niệm khỏi giết, nhưng phải đánh đòn dè cho biết xấu ».

Ý nghĩa câu này không rõ.

Khi vua Gia-Long cho giải Ngô-thời-Niệm... ra Bắc thời án đã xử như thế nào ?

Giết hay tha cho sống ?

Câu « xin tha khỏi giết » có thể nghĩa là vua Gia-Long đã xử trảm, sẽ thi hành bản án tại Thăng-long.

Vậy thời quan Bắc-thành xin tha cho sống và chỉ xin đánh đòn mà thôi.

Riêng Ngô-thời-Niệm « bị đánh chết » !

Cụ Trần trọng-Kim căn cứ vào đâu mà bảo là do thù của Đặng-trần-Thường ? Phải chăng cụ căn cứ vào đôi câu đối truyền khẩu mà người ta đã gán cho Đặng-trần-Thường và Ngô-thời-Niệm ?

« Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai, ai dẽ biết
ai ?

« Thể chiến-quốc, thể xuân-thu, gấp thời thể thời
phải thể. »

Đôi câu đối này về văn chỉ là một cuộc chơi chữ một cách tuy oái oăm nhưng tầm thường. Về ý thời về trên tò Đặng-trần-Thường là tiểu nhân đắc thể sinh ra kiêu hánh, về dưới tò ra Ngô-thời-Niệm là quân tử cố cùng sinh ra hèn. Hai vị có thật như thế không ?

KẾT LUẬN :

1.— Có phải bọn Ngô-thời-Niệm ra đầu hàng để xin sống hay không, hay đã bị bắt tại trận, hay vì bị phản ?

2.— Quan Bắc thành phi báo về Kinh. Vua Gia-Long bảo phải đóng cùi giải về Kinh để xử. Có thể vì lý do muốn thu nạp tàn đảng Tây-Sơn, để dễ việc trị an, nên quan Bắc-thành mới tâu là đã ra đầu hàng. Theo chiếu có tính cách chung thời Nhà vua nên tha chết nhưng chỉ đánh đòn qua loa mà thôi.

3.— Vua Gia-Long đã có thể xử trảm, cho xử tại Thăng-long để làm gương cho người khác. Quan Bắc-thành có thể tâu lại. Nhà vua ân xá tội chết cho Phan-huy-Ích và Nguyễn-gia-Phan vì hai vị này xét ra để sống có lợi, chứ « Ông Đại Vương » Ngô-thời-Niệm, nguyên Trần-thủ Lạng-sơn, nguyên Tham-Tán cho Ngô-văn-Sở, nguyên Thượng thư nhà Tây-sơn, Ngô-thời-Niệm không nên để sống. Nhưng giết thời phải giết một cách khéo : đánh nhung không phải là đánh làm phép mà đánh cho chết, thật là nhất cử lưỡng tiện.

4.— Tội đánh chết Ngô-thời-Niệm đặt lên đầu Đặng-trần-Thường. Còn câu đối ở trên, một thầy đồ nho nào làm mà chẳng được ?

Giả thuyết trên này có đúng không ? Dù sao ta nên đề nghị ra.

CHÚ THÍCH :

Nhiều vị đã lầm mà cho rằng động Tam-thanh có tượng thờ Ngô-thời-Sĩ.

Sự thực tượng khắc trong đá là tượng Ngô-thời-Niệm.

LĂNG HOÀNG-ĐẾ QUANG-TRUNG

Ở cách Hà-nội 4 cây số, về phía Nam, đường đi Hà-dông, có một cái gò gọi là gò Đống-đa.

Gò này khiến ta nhớ một chiến-công oanh liệt của một người trai đất Việt, ấy là Hoàng-đế Quang-Trung đã thắng quân Tàu xâm lăng, chỉ trong một trận, vào năm Kỷ-dậu (1789) đúng ngày mồng năm tháng Giêng.

Tháng sáu, năm Giáp-thìn 1784, Ngài đã thắng quân Xiêm ở Rạch Gầm, ở phía Nam Mỹ-tho.

.

Công đánh Tàu.

Công đánh Xiêm

Giữ vững giang-sơn.

Bảo-vệ dân-tộc.

Vì quân-nhân và Hoàng-Đế này cũng đã lại là một nhà đại cách-mạng quốc-gia...

Lăng Ngài ở đâu ?

Vì nào có chí đi tìm hiểu thời sẽ có thể theo lời chỉ dẫn trong bài này mà đi tìm Lăng ngài Quang-Trung.

Lăng Ngài, hỏi dân ở mấy xóm gần đây, hỏi trẻ mực đồng thời, nôm na, gọi là mộ Ba Vòng.

* *

Vào năm 1941, tôi ở Huế, sinh nhai bằng nghề gỗ đầu trẻ. Nhưng cũng vì tôi giảng về môn sử-ký và địa- lý nên tôi phải khảo cứu và dẫn anh em học sinh đi học tại chỗ.

Có một vấn đề sử học đặt ra, ấy là Lăng Hoàng-đế Quang-Trung ở đâu?

Sử ghi rằng Ngài an táng ở phía Tây Kinh-thành (Huế) ở trong miền núi.

Tôi đã đi tìm Lăng Ngài, bản đồ tỷ lệ 1/100.000 ở tay, viễn-kính, địa-bàn.

Sở dĩ tôi đi tìm Lăng Ngài Quang-Trung là do cha Cadière, một nhà khảo cứu, đã bảo tôi, đại khái như sau này. Cha nói bằng tiếng Pháp :

« Le tombeau de Nguyên-Huệ est dans la région montagneuse, à l'Ouest de Huế. Cherchez le et vous en ferez une étude ».

Dịch ra tiếng Việt như sau :

« Lăng Nguyên-Huệ ở trong miền núi, phía Tây thành phố Huế. Ông đi tìm Lăng ấy đi và Ông sẽ khảo cứu ».

Sở dĩ cha bảo tôi như thế là vì tôi là nhân-viên Đô-thành Hiếu cõ xã (Association des Amis du Vieux Huế) mà cha thời là Chủ bút tập kỷ yếu của học hội này.

Vốn là người trèo núi, tôi ra đi, bị gãy và con chó lên đường.

Cả một cuộc hành trình.

Tôi từ dốc bến Ngự đi lên đường Nam-giao, theo đường Lăng Khải-Định.

Mặt đất dần dần cao. Miền núi trước mặt. Làng mạc lở thơ.

Tới Lăng Khải-Định, tôi ngồi nghỉ. Tôi nhìn trên bản đồ và đánh dấu địa điểm.

Trước mặt, qua một cái khe là một dãy đồi.

Tới xuống khe và trèo lên đồi.

Đồi chất đá là thứ đất sét rắn (schisto — gréseux) mà các đồi song song chạy với nhau (relief appalachien).

Có một thứ cây mọc ấy là cây chồi sễ (bruyère).

Đứng trên đồi cao, nhìn về phía Tây Bắc thấy một thung lũng. Rồi núi non, trùng trùng điệp điệp.

Không có một làng một xóm nào cả.

Viễn kinh chiểu xa.

Tôi đã nǎm.

Vì đi từ sáng sớm, mười một mười hai giờ mới tới đỉnh đồi này.

Trèo đã mệt.

Con khuyen chạy cũng đã mệt.

Thầy trò ngồi ăn.

Rồi chúng tôi cứ theo đinh đồi mà đi, từ đồi này sang đồi khác. Cây chòi sẽ hồi đó ra hoa, không khí thơm phưng phức.

Cây chòi sẽ mọc cao đến bụng.

Viễn-kính ở tay, tôi nhìn từ phía.

Dãy đồi này không khác gì dãy núi Tiên-du ở Bắc-ninh.

Ở trên dãy đồi này mà nhìn, vừa đi vừa nhìn qua viễn-kính.

Rồi tôi nhìn thấy, ở trong một thung lũng, một cái thành.

Tôi tự bảo : xuống xem.

Hồi đó tôi còn trẻ và có sức.

Tình phỏng thời từ ngọn đồi mà xuống tới nơi, độ 3 cây số, nhưng mà phải lên lên xuống xuống, mà không có đường mòn.

Trời đã quá ngọ rồi.

Tôi và con khuyen lần mò tới cái thành đó. Nếu tôi không đem theo địa bàn thời nhất định là bị lạc.

Chúng tôi tới sát thành, sau khi đi qua một vòng toàn lau sậy.

* * *

Thực là một sự lạ.

Trong đời tôi, tôi đi cũng đã nhiều nơi, bây giờ nhớ lại, tôi mới biết rằng hôm đó tôi đã làm một công việc theo bồn phận nhà nghề của mình... và có kết quả.

Tôi tin chắc đây là Lăng Hoàng-đế Quang-Trung.

Tôi loanh quanh luân quẩn, quan sát, suy nghĩ, trèo lên mấy ngọn đồi trên, lấy dây to đeo, xut xuống dưới, tới chỗ một cái khe cạn vì mùa mưa đã hết.

Trời tà, khỉ núi bốc, mây xám, mưa phùn, một làn gió nhẹ.

Tôi vỗ con khuyển ra về. Con khuyển nhớ đường đi nên nó dẫn tôi về tới nhà, quá tối mịt.

Miền này có hồ.

* *

Sau hôm đó đến quá nửa tháng vì phải để thời giờ suy nghĩ và lìm tài-liệu, tôi rủ anh em bọc sinh lớp Đệ Nhì, Đệ Nhất ở Trường Khải-Định cùng đi học với tôi.

Tôi bảo là đi học địa lý thiên nhiên. Độ vài ba chục anh thích đi.

* *

Chúng tôi vừa đi vừa quan sát các đá, ở hai bên dọc đường. Đá mài (grès), đất sét rắn (schiste), đá vôi già (calcaire primaire phissé). Quá lăng Khải-Định, tôi chỉ mấy ngọn đồi và tôi bảo anh em học trò trèo lên đấy, nghỉ, rồi về.

.

Trèo lên đồi, sau khi đi qua khe, chúng tôi ngồi nghỉ chia nhau thức ăn.

Tôi đã đánh dấu chỗ nhìn rồi.

Tôi đưa viễn kính cho các anh em nhìn và tôi bảo :
 « Lạ thật, có cái gì đằng kia, ở giữa miền núi ».

Anh nói thế này, anh nói thế nọ.

— Một cái thành ?

— Một cái mộ cỗ ?

— Sao lại có thành ở đây được ?

— Sao lại có mộ ở đây được ?

— Chúng ta xuống xem !

• • • •

Tôi vội can thiệp :

— Các anh muốn xuống thời xuống, tôi chờ ở đỉnh đồi này. Nhưng nhìn kỹ phượng hương, kẽo mà lạc.

Các anh em thanh niên chia nhau từng lớp mà đi.

Tôi lấy viễn kính theo dõi họ.

Mục đích của tôi là để cho họ đi trước, để cho họ bàn với nhau, cùng họ được hưởng thú trèo núi.

Rồi tôi và vài anh em đi theo sau.

• • • •

Tới nơi, tôi thấy các anh em, kẻ ở chỗ này người ở chỗ khác, kẻ ở dưới đất, người ngồi trên tường thành.

Lần trước tôi đi, có một mình, không leo được lên mặt thành. Lần này, nhờ hai anh em công kênh, tôi lên được mặt thành và ngồi, lấy viễn kính nhìn kỹ.

Đề cho các anh em bàn tán lao xao, rồi tôi lại nhờ
hai anh em cho tôi xuống đất

Rồi chúng tôi nói chuyện.

Đại đề câu chuyện như sau này :

Tôi : Lạ nhỉ, tại sao ở miền núi hoang-vu như thế
này lại là một cái thành ?

Một anh : Thành này kiều lạ, có ba thành hình tròn
ôm lấy nhau. Ba cửa mở theo một hướng.

Tôi : Sau cửa mở vào, có một cái bia to. Bia này
bằng đá dày, rắn lắm. Anh nào khá chữ Hán thử cố
đọc mà xem.

Mấy anh xúm xít lại đọc. Họ lấy khăn tay chùi bia.
Họ chẳng đọc được chữ gì cả.

Một anh : Bia này mòn.

Tôi : Anh nhìn kỹ đi. Bia này không có thể mòn
được một cách nhanh chóng vì chất đá rắn lắm. Anh nhìn
kỹ xem. Các chữ khắc sâu ở trong bia đã bị các nhát
búa rãp đi.

Vết các nhát búa đó hãy còn, tuy bia ở ngoài trời,
chịu mưa, chịu nắng không biết đã từ bao nhiêu năm rồi.

Dựa vào bia, nhìn vào giữa thành thứ ba, anh thấy
một cái mộ to.

Mộ này xây bằng vôi mật, còn ba thành đều xây
bằng đá ong.

Mộ này phải là mộ của ông quan to, thuộc triều đại nào không biết.

Các anh xem kỹ mộ đi.

· · · · ·

Tôi cầm búa đậm chan chát vào mộ. Búa chỉ nảy ra mà thôi. (Nguyên là đi học địa lý, bao giờ chúng tôi cũng phải giặt một cái búa dài để đậm đá).

Tôi chỉ một lỗ hổng trong mộ. Lỗ hổng này nhỏ. Vì bị đất chung quanh dần dần lấp đi. Lỗ hổng này đã phải to, đủ cho người chui vào, và vào sâu, để đào, đào sâu.

Đào để làm gì ?

Phải chăng để lấy của trong áo quan ?

Phải chăng để lấy xương ?

Một anh : Chắc để lấy của.

Tôi : Các anh suy nghĩ đi.

Đã phải có một sự liên lạc giữa cái bia bị búa rập chữ và cái hổ đào này. Rập bia để cho hậu thế không đọc được.

Một anh : Đây chắc là một ông quan khi sống độc ác, có kẻ thù : kẻ này chờ sau khi ông ấy chết bèn rập bia đào mộ.

Tôi : Gần Huế, ở các xã An-ninh, Nguyệt-biều, Kim-long có biết bao nhiêu mộ to. Có mộ mà bia bị chìm xuống đất.

Nhưng chỉ thuộc về 2 kiều. Một kiều thuộc về đời nhà Tây-sơn. Một kiều thuộc về đời nhà Nguyễn.

Đây là một mỏ to, có ba thành bằng đá ong bao bọc. Chung quanh thành ngoài, như các anh đã đứng trên mặt thành mà nhìn, thời là các ngọn núi, chạy vòng quanh với nhau, ôm lấy ba cái thành, nghĩa là cái mỏ ở giữa một cái vùng hinh lòng chảo vì chất đá mềm đã bị suối đào (cuvette d'érosion).

Nói tóm lại, lối kiến trúc hùng vĩ trong một khung cảnh đặc biệt của thiên nhiên, cái bia chữ thật to, bị rập và cái mỏ bị đào, ba chi tiết này khiến tôi nghĩ rằng đây là một ông quan thường, dù là Nhất Phàm, Văn hay Võ.

• • • • .
Các anh em suy nghĩ đi.

Một lúc lâu tôi mới trả lời : Đây là Lăng Hoàng-đế Quang-Trung.

Chúng ta hôm nay đến cung chiêm Lăng Ngài.

Bây giờ tôi nói các anh rõ. Tôi đã tới đây một lần. Hôm nay tôi lại dẫn các anh lại đây...

1.— Bia của ngài đã bị Hoàng-đế Gia-Long cho đập.

2.— Tấm của Ngài đã bị đào. Hài cốt đem về cho vào một cái chum, có xích xiềng, để ở dưới khám đường ở Huế.

3.— **Nhung Ngọc-Hân Công-chúa**, con gái vua Lê và là **Hoàng-Hậu** hay **Quí-phi** của **Hoàng-Đế Quang-Trung** được tha tội chết và được tuyễn vào Hầu hạ **Hoàng-Đế Gia-Long** ở trong cung...

Các anh muốn biết công của **Hoàng-Đế Quang-Trung** với dân tộc nhà thế nào, sau này, các anh học sẽ biết...

* * *

Trời đã tà,

Anh em chúng tôi đi hàng một vách lau mà về...

Thỉnh thoảng có anh quay lại, đứng nhìn lăng Ngài...

Chúng tôi im lặng mà về.

Sau cuộc cung chiêm lần thứ hai này, cùng với anh em, tôi không có dịp quay lại Lăng Ngài nữa.

Các ảnh mà tôi đã chụp đã bị mất !

Vào năm 1952, tôi đã có dịp trở lại Huế, nhưng đã không có phương tiện để lại cung chiêm Lăng Ngài.

Bây giờ, tôi chắc rằng lau mọc trên mặt thành vẫn nhiều, bông phất phơ trước gió. Đứng trên ngọn đồi dài mà lấy viễn kính nhìn thời thấy thực là đẹp.

Chung quanh lăng, chắc toàn là lau sậy, cỏ ranh hay nếu có cây dại mọc thời cũng chỉ là mới đây.

Oái oăm thay, ở gần chỗ mà tẩm Ngài bị đào, tôi có thấy một cái mộ con, không có bia. Mộ này, tôi đã hỏi ra, là mộ một thường dân ở gần đấy, đem an táng để mong được phước.

Trong mùa mưa, nước ở trên núi đỗ về phía sau
lăng và chảy vòng quanh. Đến phia cửa lăng thời tu
lại và chảy theo một cái khe.

Nhà Nguyễn đã thu thập để hủy tất cả sử liệu về nhà Tây
sơn, cũng như đã rập bia, đào mả...

Bây giờ, chúng ta nhớ tới lăng Hoàng-Đế Quang-Trung.

CHƯƠNG HAI

**THỜI VUA MINH-MẠNG
VÀ THIỆU-TRỊ**

MỤC I

Ở miền Nam

TRẦN-VĂN-NẮNG (... 1834)

Năm Giáp-ngọ (1834) tức là năm thứ mười lăm triều vua Minh-Mạng, vào ngày nào, không biết nhưng chắc vào cuối tháng giêng Tiền quân Chưởng phu sứ Lương tài hầu Trần-văn-Nắng ở quận thứ về đến Bến-siêu tỉnh Gia Định, bị bệnh mất.

Vua Minh-Mạng nghe tin, Ngài đình triều ba ngày, Rồi Ngài truy tặng hàm Thái phó tấn phong, Tân Thành Quận Công, thụy là Trung Dũng lại cho tuyên lời dụ ban tể.

Sử liệu dẫn ở trên là trích trong bộ Quốc triều chánh biên.

Trần-văn-Nắng là ai mà được sử ghi tên, mà được Vua Minh-Mạng trọng vọng như thế?

* * *

Ta phải giở sử may ra tìm được một vài tài liệu về vị Trai Việt-Nam này...

Nguyễn là vào năm *Qui-tị* (1733) ở đất Nam, Lê-văn-Khôi làm loạn.

Sử chép là giặc.

Lê-văn-Khôi hoành hành, chiếm giữ nhiều tỉnh thành ở Nam-Việt.

Về việc Lê-văn-Khôi nổi loạn, nhà sử ký sẽ tìm ra manh mối, nhưng ta có thể nói được rằng có một ảnh hưởng ngoại lai, ảnh hưởng của Pháp.

Vua Minh-Mạng phải đối phó.

Ngài không có thể để cho đất Nam làm loạn, rồi rơi vào tròng ngoại quốc.

Ngài đã phải phái quân đội đi dẹp loạn.

Sử chép như sau này :

« Năm *Qui-Tị* (1833) (vào độ tháng chín) binh thủy Trần-văn-Năng, Tống-phúc-Lương phá giặc ở đồn *Giao-khẩu*, đem quân đậu thuyền tại sông *Ngưu-chữ*, bắt được Ngụy Quản lãnh thủy Sư Thần-văn-Đệ. Tri-huyện bị cách là Trương-sùng-Hy bắt được nguy. Hữu quân Phó tướng là Nguyễn-văn-Bột giải đến quận thí.

Tờ báo tiệp tâu về, Ngài dụ ban khen tùy bậc gia thưởng.

.

Trần-văn-Năng đã có công trong việc dẹp loạn này,

Trần-văn-Năng vào năm *Qui-tị* (1833) được vua Minh-Mạng đặt cho chức *Binh khốu tướng quân*.

Binh khốu tướng quân nghĩa là dẹp giặc ở trong nước.

Nhưng Trần-văn-Năng sẽ phải đương đầu với một cuộc xâm lăng như vũ bão của quân Xiêm.

Sử chép như sau này :

« Tháng mười một năm Quý-tị (1833) nước Xiêm đem đại quân tới cướp ba đạo, quân thủy và quân bộ đều đến.

Một đạo theo đường bộ Bắc tăm bồn (Battambang) mà tới, một đạo theo đường biển Chân bồn (Kampot) mà tới.

Sự ẩy tâu lên.

Ngài dụ quan quân thứ Gia-định điều độ cho kín, dừng động tiếng tăm, mà dân gian lường được hư thiệt mình. »

Sử ghi như sau này :

« Thuyền binh Xiêm hơn trăm chiếc phạm tỉnh Hà-tiên.

Hoặc từ cửa biển Hòn kim mà tới, hoặc từ u ngạch sông Chi lý mà lên bộ.

Quan Trần phủ Trịnh-Đảng chạy giấy về tâu.

Hà-tiên thất thủ.

Rồi đến tháng chạp, giặc Xiêm xâm thành Nam-vang.

Nam-vang cũng lại thất. »

Đây là một cuộc xâm lăng của quân Xiêm.

Sử chép rằng :

« Ngài dụ quân thứ Gia-định, khiến Trần-văn-Năng, Trương-minh-Giảng đánh lui quân Xiêm để chuộc lỗi trước ».

Chiến sự đã như thế nào ?

Sử chép như sau này :

« Tháng mười hai, giặc Xiêm chia hai đạo đánh dồn
« Châu đốc ».

Tỉnh An-giang thất thủ ».

Ta phản công.

Sử ghi rằng :

« Tham tán đạo quân thứ An-giang là Trương-minh-Giảng và Nguyễn-Xuân đánh được giặc Xiêm tại Thuận-cần thuộc về huyện Đông-xuyên.

Xiêm đã xâm lăng nước ta, ở đồng bằng sông Cửu long.

Ta đã chặn đánh.

Xiêm bèn mở một mặt trận mới ở Quảng-trị và ở Nghệ-an.

Sử ta cho biết mấy chi tiết sau này :

« Tướng Xiêm và người Vạn tượng đem hơn một ngàn quân Mọi xâm các chùa về đạo Quảng-trị.

Việc ấy tâu lên, Ngài (vua Minh-Mạng) dụ Bộ Binh rằng : « Đó chẳng qua là chúng nó làm cho ta phân binh lực mà thôi ». Rồi Ngài phái kinh tượng Vệ úy Lê-vĂn-Thụy ra hội tiễu.

« Giặc Xiêm lại xâm địa đầu phủ Trần-tĩnh ở Nghệ-an. Chúng lại đưa thư qua phủ Trần-ninh đòi trả dân Vạn-tượng lại.

Việc ấy tâu lên.

Ngài phê rằng : « Đó chẳng qua chúng nó làm thanh thê để chủ mưu khuấy Chân-lạp mà thôi ».

Mặt trận ở Trần-ninh nặng lấm. Các quan ở Nghệ đã phải vất vả lấm. Bố chánh Nguyễn-đình-Tân và Án sát Võ-Đỉnh phải phái quân phòng giữ các nơi hiềm yếu. Giặc Xiêm đã không tràn xuống nồi.

Về mặt trận Cao-miên ngay sau Tết năm Giáp- ngọ (1834), dưới sự lãnh đạo của Hữu quân Trần-văn-Năng, quân đội ta đã thắng nhiều trận.

Sử chép rằng Trương-minh-Giảng đánh tan giặc Xiêm ở sông Cồ-hồ. Giặc Xiêm chia đảng giữ phủ Ba-cầu-nam, thuộc về Chân-lạp.

Tuần phủ Gia-định Hà-duy-Phiên nghĩ nơi đó có đường thông với xứ Quảng-hoa và thương lưu sông Trọc-giang về Biên-hoà, bèn di từ cho Thự Tuần-phủ Võ-Quýnh phải phòng giữ địa hạt »

Trương-minh-Giảng lại tấn công quân Xiêm cũng lại trên sông Cồ-hồ.

Sử chép như sau này :

« Trương-minh-Giảng lại đánh phá giặc Xiêm ở sông Cồ-hồ.

Khi ấy, giặc nhàn lúc nước xuống, theo bờ sông, phóng hỏa dốt bè, ngăn trở quân thủy ta, rồi chúng lại sấn tới đánh.

Quân vệ Phạm-hữu-Tâm đốc binh đánh bắn từ giờ Dần đến giờ Ty (từ mờ mờ sáng đến gần trưa). Quân giặc chết nhiều, thây chồng nhau ; giặc liền rút lui ».

Chiến công này rất quan trọng. Sự thắng đã về ta.

Sử ghi là vua Minh-Mạng có xuống dụ ban khen.

Giặc Lê-văn-Khôi vẫn chiếm giữ tỉnh thành Gia-dịnh. Nhưng chính Lê-văn-Khôi đã chết đêm mười một tháng chạp năm trước (năm Quý-tị 1833) (theo lời báo cáo của quân Gia-dịnh, Lê-văn-Khôi chết vì bệnh thũng. Con là Lê-văn-Cư, mới lên tám tuổi, được đăng giặc tôn làm Nguyên soái có Nguyễn-văn-Trầm xưng làm Điều khiển).

Tình hình bây giờ có vẻ lạc quan.

Ở mặt trận Cao-miên sử chép rằng :

« Các tướng Chân-lạp đánh phá binh Xiêm, chạy cờ đỏ về báo tiếp. Ngài truyền thị thần rằng : « Ta liệu quân bộ Xiêm theo đường Quảng-hoa tới, nay quả nhiên. Tướng Chân-lạp có ít quân mà đánh được giặc nhiều, thế là Chân-lạp có người giỏi thời giặc Xiêm chẳng làm chi được ».

Rồi Ngài thưởng và thăng quan cho ba tướng lãnh Chân-lạp. »

Cũng trong tháng giêng, ở mặt trận Quảng-trị, Vệ úy đạo Cam-lộ là Lê-văn-Thụy đánh tan quân Xiêm, đuổi tới biên giới Lào.

* * *

Vậy, vào đầu xuân năm Giáp-ngọ (1834) ta đã ngăn được quân Xiêm xâm lăng, ở hai mặt trận, mặt trận Cao-miên và mặt trận Lào.

Điều khiến mặt trận Cao-miên là Triều quân chưởng phủ sự, Lương tài hầu, Trần-văn-Năng có các tướng tài giúp việc như Trương-minh-Giảng, Nguyễn-Xuân, Phạm-hữu-Tâm.

Vào cuối giêng, Trần-văn-Năng ở quân thứ (không rõ ở đâu) về đến Bên-siêu, tỉnh Gia-định bị bệnh mất, không biết năm. Người bao nhiêu tuổi, nhưng ít ra cũng quá năm mươi.

Như trên đã chép, vua Minh-Mạng bãi triều ba ngày, truy tặng hàm Thái phó, tấn phong Tân thành Quận-Công, thụy là Trung dũng, lại cho tuyên lời dụ ban tế.

Nhưng một điều lạ là, vào năm Mậu-tuất (1838) tháng mười hai, Ngài cho khắc bia Võ Công dựng trước sân Võ miếu. Bia ghi tên cả thảy hai mươi vị... mà không có tên Trần-văn-Năng.

Tôi cũng không biết rằng ở Gia-định hay ở Saigon có một phố nào đặt tên Trần-văn-Năng không.

Một của người ở đâu, tôi không biết.

MỘT CHIẾN-CÔNG CỦA ĐỐC-BINH PHẠM-HỮU-TÂM VÀO NĂM GIÁP-NGỌ (1834)

Trên bia Võ Công dựng trước sân Võ miếu ở kinh-thành (Huế) — bia này dựng vào năm 1838 — có cả thảy tên hai mươi vị.

Vị đầu là Trương-minh-Giảng. Vị thứ mười ba là Nguyễn-công-Trú. Vị thứ năm là Phạm-hữu-Tâm.

Lịch-sử vị này như thế nào ?

Các chiến-công ra làm sao ?

Thật là một đề-tài khó cho nhà khảo-cứu.

Phải tìm kiếm kỹ trong bộ Thật lục mới may ra tìm thấy một số sử-liệu cần thiết.

Tra trong bộ Chánh biên ta thấy ghi một chiến-công quan-trọng.

Áy là sự án ngữ quân xâm-lăng Xiêm ở vùng sông Cồ-hồ vào tháng giêng năm Giáp-ngo (1834) tức là năm thứ mười lăm triều vua Minh-Mạng.

Phạm-hữu-Tâm mà tôi không biết chức quan là gì đã đốc binh đánh từ giờ dần đến giờ tỵ nghĩa là từ ba bốn giờ sáng, đến chín mươi giờ sáng.

Đây là một trận địa-chiến quan-trọng.

Chắc hai bên đã đánh nhau bằng súng, nhưng cũng phải đã có nhiều cuộc xáp lá cà mà quân-đội ta đã dùng gươm, giáo, mǎ-táu.

Sử cho biết chi tiết sau này : « Quân giặc chết nhiều, thây chồng nhau, giặc liền lui ».

Trận này khiến ta nhớ tới trận Rạch-gầm ở dưới Mý-tho mà vào năm Giáp-thìn (1784) Nguyễn-Huệ đã thắng quân Xiêm.

Tại sao ta với Xiêm lại đánh nhau ?

Chuyện dài lắm.

Ta tóm tắt đại-khai như sau này :

Vào tháng một, năm Qui-tị, tức là năm 1833 năm thứ mươi bốn, triều vua Minh-Mạng, có một cuộc Xiêm xâm lăng Cao-miên.

Sử chép rõ ràng như sau này :

« Tháng mười một, năm Qui-tị (1833), nước Xiêm đem đại quân tới cướp Cao-miên ».

Ba đạo quân thủy và quân bộ đều đến.

Một đạo theo đường bộ Bát-tầm-bồn (*Battambang*) mà tới.

Một đạo theo đường Biển hồ (*Tonle-sap*) mà tới.

Một đạo theo đường biển Chân-bòn (*Kampot*) mà tới.

Sự ấy tâu lên.

Ngài dù quan quân-thú Gia-định điều-động cho kín, đừng động tiếng tăm mà dân-gian lường được hư thiệt minh ».

Vậy đã có ba đạo quân Xiêm, hai đạo bộ, một đạo thủy, xâm-lăng Cao-miên.

Việc này là việc của Cao-miên.

Nhưng có liên-can đến ta.

Nguyên là ta có liên-kết với Cao-miên. Cao-miên bị Xiêm xâm-lăng, ta phải đem quân sang cứu-viện.

Vả lại, nếu Cao-miên thua thời đất đai sẽ sát nhập vào Xiêm, hoặc hai ba tỉnh biên giới như Battambang, Siem-réap, Sisophon, hoặc miền biển Kampot ở sát biên-giới ta. Như vậy, Xiêm sẽ rất mạnh và có thể uy-hiếp đất Nam-kỳ của ta.

Vậy ta đã phải ngăn sự bành-trướng của Xiêm, một là để bảo-vệ Cao-miên, hai là để bảo vệ ngay đất Nam-kỳ của ta.

* * *

Sử chép rằng, tháng mười hai, quân Xiêm xâm thành Nam-vang. Vậy chỉ trên dưới một tháng trời mà quân Xiêm đã tiến được tới kinh-đô Cao-miên.

Vua Minh-Mạng bèn dụ quân thứ Gia-định lui khiến Tiền-quân **Trần-văn-Năng** và **Đại-tướng Trương-minh-Giảng** phải đánh lui quân Xiêm.

Việc chia ra làm sao thời quân Xiêm đồ bộ ở Chân-bôn (Kampot) chia ra làm hai đạo đánh đồn Châu-đốc của

ta. *Đồn này thất-thủ*. Vậy quân Xiêm có thể thừa thế mà tràn sang miền Hậu-giang của ta.

* * *

Xiêm lại còn mở một mặt trận mới. Ấy là mặt trận Lào, ở Trần-ninh, thuộc tỉnh Nghệ-an và cả ở Quảng-trị nữa.

Quân ta ở hai tỉnh đó đã chặn đứng được quân Xiêm xâm-lăng.

Người đương đầu với quân Xiêm ở đạo *Cam-lộ*, thuộc tỉnh Quảng-trị, là Vệ-úy **Lê-văn-Thụy**. Quân Xiêm bị đánh, thua, bỏ chạy tơi bời.

Ở Nghệ-an, Bố-chánh **Nguyễn-đình-Tân** và Án-sát **Võ-Đinh** phòng giữ cẩn thận, Xiêm không dám tràn xuống.

* * *

Ở mặt trận Cao-miên, tình hình ra làm sao ?

Mặt trận Cao-miên là mặt trận quan-trọng.

Ta đã thắng một cách rất oanh liệt.

Nguyễn là Xiêm chia đảng giữ phủ *Ba cầu nam* (*Ban-nam*) (ly sở ở tả ngạn sông Tiền, thuộc địa hạt Cao-miên, ở dưới Nam-vang độ bảy mươi cây số, theo đường sông).

Tuần-phủ Gia-định là **Hà-duy-Phiên** nghĩ nơi đó có đường thông với *Quang-hóa* và *Thượng-du* sông *Trọc-giang* về Biên-hòa, bèn di từ cho Thự Tuần-phủ **Võ-Quỳnh** phải phòng giữ địa-hạt.

Sở dĩ có sự đè phòng này là vì ta sợ quân Xiêm thừa thế có thể tràn sang bên nội địa ta.

Sự đè phòng này vô ích.

Vì Đại-tướng Trương-minh-Giảng đã lo chấn quân Xiêm rồi, ở ngay nội địa Cao-miên.

Quân thủy ta tiến ngược con sông Tiền !

Nhân lúc nước thủy triều xuồng, quân Xiêm bèn theo bờ sông phóng hỏa đốt bè không cho ta tiến !

Rồi họ lại sẵn tới đánh.

Nhung quân ta cứ tiến.

Quân thủy, quân bộ cùng tiến.

Ta đã có dịp chạm súng, chạm giáo với Xiêm. Sử không ghi là vào ngày nào, nhưng cho biết là trong tháng giêng năm Giáp- ngọ (1834), cách đây một trăm hai mươi lăm năm, ở dưới nước, và ở trên bờ sông Cổ-hồ.

Đốc-binh là Phạm-hữu-Tâm đã chẳng kém Nguyễn-Huệ, người đã đốc-binh ở Rạch-gầm, phía dưới Mỹ-tho.

Đánh từ giờ dǎn đến giờ ty nghĩa là từ ba bốn giờ sáng đến chín mươi giờ trưa.

Thắng đã về ta.

Bộ *Chánh-biên* ghi rằng : « Quân giặc chết nhiều, thây chồng nhau, giặc liền lui ».

Quân đội Xiêm rất tàn bạo như Chúa Nguyễn-phúc-Anh đã nhận xét.

Vào năm Giáp-ngo (1834) ba đạo quân Xiêm đã xâm-lăng Cao-miên tràn sang bên ta. Thành Châu-đốc thất thủ, miền Biên-hoà bị đe dọa. Miền Nghệ-an, Quang-trị cũng bị đe dọa. Mặt trận Lào yên, mặt trận Biên-hòá, Xiêm không mở được. Còn trên mặt trận Cao-miên, Đạt-tướng (hồi đó chúc là Tham-tán) **Trương-minh-Giảng** cùng với Tiền-quân **Trần-văn-Năng** đã lo liệu... để cho Đốc-binh **Phạm-hữu-Tâm** thắng quân Xiêm trong một trận quyết định. Vì là trận đánh dưới sông có bè, có thuyền trận, vừa là trận đánh trên bờ.

Ta chắc đã phải thiệt hại nhiều.

Tôi đã lệnh đèn trên một con tàu chở hàng ngược sông Tiền, qua biên-giới, qua đồn Tân-châu. Rồi qua Ba cầu nam (Ba-nam) là một lỵ sở miền. Ngược lên là tới Nam-vang.

Tôi tướng tượng lại trận thủy-chiến mà quân Xiêm nhân nước triều xuồng phóng hỏa đốt bè của quân đội ta... Tiếng hò reo trên bờ, tiếng súng...

Nhung tôi cũng nghe văng vẳng tiếng trống trận của ta, tiếng tù-và, tôi hình-dung Đốc-quân Phạm-hữu-Tâm, trong bộ nhung phục, nghiêm rặng ra lệnh cho thủy lục, toàn quân tiến. Tôi hình-dung Tham-tán Trương-minh-Giảng, ở trung-quân, đóng đầu gân đáy, nghe tiếng trống trận mà hồi hộp. Nếu nghe tiếng trống lui, theo một điệu riêng, mà Tham-tán thấy là không có thể lui được thời một lá cờ

lệnh giao cho hỏa bài chạy ra truyền cho Đốc-quân. Rồi ở một nơi nào đó, cũng theo lệnh của hỏa bài đem tới, thùng thùng trống trận, nhong nhong nhạc ngựa... Quân cứu viện tới.

Trận đánh từ ba bốn giờ sáng đến chín mười giờ trưa.

Tôi chắc là ác lầm.

Sử cho biết chi tiết rất quý là « Quân giặc chết nhiều thây chồng nhau, giặc liền lui ».

• • • • • • • • • • • • • • • • •

Nhưng đã biết bao các cụ ta, dù các cấp bậc, đã thây phơi trên đáy cỏ hay lèn bệnh trên con sông Tiền... đó bảo vệ đất Nam này... chống quân xâm-lăng, vào tháng giêng năm Giáp-ngo (1834), dưới sự đốc binh của Phạm-hữu-Tâm,

ĐẠI TƯỚNG TRƯƠNG-MINH-GIẢNG (... - 1841)

Ở thủ-đô Saigon và chắc ở nhiều đô-thị trong nước Việt-Nam có dãy phố được đặt là phố Trương-minh-Giảng.

Trương-minh-Giảng đã có những công-trạng gì với dân tộc ?

Trương-minh-Giảng đã là một Đại-tướng Việt-Nam, công-lao rực rõ, bia đá và sử đều ghi rõ ràng.

Cả một cuốn sách mới nói đủ được.

Ta hãy nên biết vài chi tiết về vĩ nhân này.

Năm Mậu-tuất (1838), tức là năm thứ mươi chín, triều vua Minh-Mạng, vào tháng chạp, Ngài cho khắc bia Võ Công dựng trước sân Võ miếu ở Huế.

Bia này là bia sống, kề tên hai mươi vị Tướng của ta, trong triều Ngài, đã có công đánh đóng đẹp bắc.

Trương-minh-Giảng được ghi ở đầu bia, số một. Trong số tên các tướng sau, có Nguyễn-công-Trứ số mươi ba.

Công lao của vị Đại tướng này là ở trên mặt trận Nam-Việt, Cam-bốt, thăng loạn quân, án ngữ xâm lăng và bảo vệ dân chúng.

Nguyễn là Cam-bốt bây giờ — tức là Cao-miên hồi xưa — đã là nước thông hiểu với ta. Nước Miên to nhưng

dân ít. Trời cho một miền đồng ruộng phì nhiêu là miền giáp Xiêm, thuộc ba tỉnh Battambang, Siem-Réap, Sisophon (Bắt-tam-Băng — Siêm-Riệp — Si-sô-phôn). Chính miền đồng ruộng phì nhiêu này (rộng đại khái ngang với toàn đồng băng sông Nhĩ-hà, trên dưới mười lăm ngàn cây số vuông) lại là một đại họa cho dân tộc Miên... vì dân tộc Thái chỉ muốn xâm lăng rồi sát nhập vào đất Thái... Dân Miên kém không đủ lực lượng để phòng giữ.

Đối với Chính phủ Việt-Nam ta thời, nếu Xiêm-la (tên cũ của Thái-lan) uy hiếp Cao-miên, sát nhập đất đai nói trên thời... nước ta bị Xiêm-la uy hiếp... được chăng?

Vậy, vì sự giữ vững bờ cõi và cũng vì việc phải che chở cho Cao-miên, một nước thông hiểu, và làm bình phong cho ta nên các vua ta đã phải lo nhiều về Cao-miên, cũng như các quân-nhân của ta, từ cấp lính thủ trở lên đến cấp tướng quân, đã phải vất vả... Một số đông đã phải hy sinh. Trong số đó có Tướng quân Trương-minh-Giảng.

Tướng quân đã nhiều phen vất vả. Người đã phải thu xếp quân đội, nào bộ binh, tượng binh, kỵ binh, nào thủy binh trên sông Cửu-long, ở ngoài biển, trên Vịnh Hà-tiên, nào pháo binh...

Tất cả các cuộc hành binh là để giữ vững Cao-miên khỏi cho quân Xiêm-la xâm lăng... Và cũng để cho Quốc-vương Cao-miên biết lực-lượng của ta và ra lệnh cho quân, dân vô kỷ luật khỏi vượt qua biên thùy mà sang cướp phá lương dân ở đất ta...

Tướng quân đã vất vả, không biết trong bao nhiêu năm. Tôi sao theo sử liệu sau này, chép trong bộ chánh-biên.

« Năm Đinh dậu (1837), tức là năm thứ mười tám Triều Vua Minh-Mạng, tháng chín, quan Trấn tây Tướng quân Trương-minh-Giảng đến kinh thành làm lễ bái tất.

Ngài ban yến ở Bộ Lê cho các quan văn võ đình thần bồi tiệc để tỏ cách vinh sủng.

...Ngài cho Giảng một con cọp bằng vàng nghĩa là khen Giảng thiệt là người có oai như cọp. »

Sau khi về Kinh làm lễ bái tất, Đại tướng Trương-minh-Giảng lại sang Nam-vang là Tông Hành-dinh của người.

Người đã phải xen vào nội trị của Cao-miên và đã có nhiều tiếng thị phi mà nhà sử học đứng đắn bỏ ngoài tai. Đã có nhiều điều xuyên tạc.

Người ở Cao-miên suốt đến năm Tân-sửu (1841), tức là năm Triệu-Trị nguyên niên.

Vào tháng chín năm ấy, Ngài cho rút quân về An-giang.

Sử cho ta biết chi tiết sau này :

« Trương-minh-Giảng đem quân từ Trấn tây về An-giang. Ngài về tới đó mất ».

Sử cho biết là Người đau mà mất. (Trấn tây tức là Nam-vang).

Kinh lược Phạm-văn-Điền đem việc tâu lên.

Vua Thiệu-Trị đã xử trí như thế nào ?

Việc Đại Tướng Trương-minh-Giảng rút quân về địa phận ta là do nhiều lý do. Nhà khảo cứu lịch sử sẽ tìm các lý do đó ra, hoặc để minh oan, hoặc để buộc tội.

Dù sao, khi được tin đại quân rút về, vua Thiệu-Trị đã giao cho đình thần buộc tội. Quyết định này của Ngài là do thường lệ. Nhưng sử liệu sau đây, tuy vẫn tắt nhưng rất hàm súc, cho ta hiểu được ít nhiều sự thế.

Ngài ban rằng :

« Trương-minh-Giảng mình đương việc lớn lao, thế mà xử trí không nhăm, vậy cách chức Tướng quân, nhưng ra ân cho chiêu hàm Hiệp Tá mà cấp tuất, lại thường cầm-sa, tiền, lụa. Còn việc giao đình thần nghị tội thời tha ».

Vậy vua Thiệu-Trị đã suy nghĩ, đắn đo. Lúc đầu Ngài đã giao cho đình thần nghị tội, nhưng sau Ngài lại hủy chỉ của Ngài và chính Ngài đã quyết định. Ngài cách chức Tướng quân nhưng cho chiêu hàm Hiệp Tá, lại cấp tuất, thường cầm sa, tiền và lụa (để an táng theo lễ đại quan).

— Tại sao Đại-tướng Trương-minh-Giảng lại rút quân từ Nam-vang về, rồi về tới An-giang, là đất nước ta, thời mất ?

Sử cho ta biết là Người về tới An-giang, không tiếp tướng tá nào cả... Rồi đúng tin ra cho binh sĩ là người đau mà mất...

Đau vì bệnh gì ?

Sao mà dẽ chết như thế ?

Mà chết ở đất Việt sau khi rút được hết quân khỏi đất Miền !

Đây là cả một đẻ tài cho sử gia khảo cứu.

Phải chăng Người đã bị thương ? Rồi Người thấy là một mặt phải dấu vết thương đi, đẻ khỏi nao núng lòng quân, một mặt phải rút quân về để bảo tồn lực-lượng. Chỉ có cận tướng ngày đêm ở cận Người mới biết sự thật mà thôi. Nguyễn-công-Trú, Tham-tán, cũng có mặt ở quân thứ, cùng nhiều tướng khác.

Chắc rằng sự thê như vậy, nên vua Thiệu-Trị mới rút chỉ ban cho đình thần tri tội mà Ngài còn cho chiêu hàm Hiệp-Tá, cấp tuất, cấp lê.

... Tôi kết luận bằng mấy câu vua Thiệu-Trị ban :

« Nghĩ Giảng năm trước làm chức Tham-tán Quân vụ, đánh tại Biên-hoà, Vĩnh-long thời giặc sợ mất hồn, đánh tại cửa biển Thuận cảng thời Xiêm thua, bỏ chạy.

Công lao rực rỡ, bia đá còn ghi ».

Đi qua con đường Trương-minh-Giảng, nhớ tới Đại-tướng đã xa chúng ta cách đây 121 năm, mà tôi bàng-khuâng... và nghĩ tới thân phận mình.

MỘT QUÂN CÔNG CỦA NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG NGUYỄN-TẤN-LÂM VÀ NGUYỄN-CÔNG TRÚ

Sự dẹp nội loạn ở miền Hậu giang vào năm Tân-sửu (1851).

Trên bia *Võ công*, dựng trước sân *Võ miếu*, ở *Huế*, có tên hai mươi vị được khắc, khi còn sống. Có một vị được ghi vào số thứ mười lăm, ấy là Nguyễn-tấn-Lâm. Một vị nữa được ghi vào số 13, ấy là Nguyễn-công-Trú. Bia này khắc vào năm Mậu-tuất (1838) tức là năm thứ 19 triều vua Minh-Mạng, vậy ba năm trước chiến công mà tôi sẽ kể ra đây. Chiến công này đặt dưới sự chỉ huy tối cao của Nguyễn-tri-Phương.

Vào tháng chín năm Tân-sửu (1841) tức là năm Thiệu-Trị nguyên niên, đại quân ta từ Nam-vang kéo về An-giang.

Đại-tướng Trương-minh-Giảng mất ở ngay An-giang.

Lòng quân xôn xao.

Dân chúng được dịp làm loạn, thông đồng với dân Cao-miên.

Nguyễn là miền hậu giang của ta, hồi đó, dân chúng phức tạm lăm. Nào là người Thổ hung hỗn, dã man, nào là người Tau đủ các bang, xảo trá, giảo quyết, nào

là người Đồ-bà quen nghề cướp bóc, còn trong số dân Việt ta, biết bao kẻ thành tích bất hảo !

Miền hậu giang hồi đó thực là miền dân tú chiếng quần cư, người lương thiện thì ít, kẻ lưu manh thì nhiều. Ngày thường còn nhiều trộm cướp, huống chi Đại-tướng Trương-minh-Giảng mất, giặc giã tha hồ mà nồi lên.

Nguyễn-tri-Phương hồi đó là Tuần phủ Vĩnh-long, Hộ lý tổng đốc Long Tường (Long-an và Định-tường) Nguyễn-tri-Phương với vã cùng Nguyễn-tấn-Lâm đem quân tới miền An-giang đánh phá các đảng giặc. Ta nên nhớ rằng các đảng giặc có đường rút lui, ấy là qua sông Vĩnh-tế mà sang Cao-miên, có sự ủng hộ của dân chúng Cao-miên.

Cái khó trong công cuộc dẹp loạn yên dân này, ấy là chính quyền hồi hữu hình lại ẩn núp trong đám dân Thổ, dân Tàu. Ban ngày ta đi tảo thanh bảo vệ dân chúng thời ban đêm họ đi đánh phá, uy hiếp dân lành. Dân thời ở lề tè từng xóm, xóm này dăm nhà, xóm kia chục nhà, mà nhà nọ thường cách nhà kia khó tương trợ nhau được.

Quân đội ta đã phải vất vả lắm. Rạch nhiều, đầy bùn, đỉa nhung nhúc, rắn đầy bụi, muỗi dor tay ra bắt được.

Sử cho biết chi tiết sau này :

« Quân ta tới Hậu-giang đánh phá các Súc (chữ súc chỉ các làng của người Thổ, phần nhiều ở trong rừng).

Những người ra hàng mà phần đông là người Tàu, cộng tám mươi tám tên.

Hai vị quân thứ của ta lại sai người hiểu dụ quân Thổ, tên nào đầu thú thì cấp lúa gạo cho về. »

Vậy ta đã nhân đạo lắm.

Nhưng còn có những tên đại gian ác, hoặc sợ rã hàng bị tội, hoặc còn mưu chống cự, rút lui vào sào huyệt, ta phải kéo quân tới đánh.

Một sào huyệt của giặc là làng Trà-điêu. Họ thua, chạy, ẩn nấp ở rừng.

Sử chép là ta bắt được tên nào đều giết ngay. Của cải còn chứa đầm bao nhiêu, đều lấy phát cho dân nghèo.

Việc thắng này đệ tới triều đình và sử có ghi lời khen sau này của vua Thiệu-Trị :

« Vừa đánh giặc vừa yên dân, làm một lần mà được hai việc hay. »

Quân thứ miền Hậu-giang lại được tăng cường, ấy là Ngài phái thêm Nguyễn-công-Trí vào tham tán việc quân.

Tại sao có sự tăng cường này.

Sử cho biết rằng : « Nguyễn có tên tướng giặc Tàu là Lâm-Sum chiếm giữ Trà-vinh. Đáng nói có tên thầy tu mọi tức là Thổ, đem yêu thuật phỉnh chúng, nên dân Thổ theo nó nhiều lắm. Quan quân đánh mãi không được. Đến bây giờ, các đội quân hội tiễu, giặc thua, chạy tan. »

Có ba tướng giặc bị bắt, xin hàng, ấy là Kiên-Hồng Trần-Hồng, và Thạch-Đột. (Ba người này chắc là Tàu lai Cao-Miên).

Ta bỏ cùi giải về Kinh làm tội cực hình.

Sau chính tên Lâm-Sum cũng bị bắt. Các quan quân thứ đem chém ngay tại chỗ.

* * *

Tiếp được các tin thắng trận này, vua Thiệu-Trị rất mừng, như lời sử đã ghi. Ngài ban cấp quân công cho ba vị tướng lãnh, đã đem an ninh và trật tự cho dân chúng

Ba vị ấy là :

Nguyễn-tri-Phương

Nguyễn-tấn-Lâm

Nguyễn-công-Trí

Nguyễn-công-Trí đã được ghi tên, số mười ba, trên bia Võ công, bốn năm về trước.

Trong công cuộc dẹp loạn yên dân của toàn miền Hậu-giang này, tôi chắc là quân đội ta đã vất vả lắm. Và trong ba vị chỉ huy, có lẽ *Nguyễn-tấn-Lâm* đã là người xông pha nhất (Tài liệu trích trong bộ Chánh biên.)

LÊ QUANG HUYỀN (... – 1841)

Tháng sáu năm Tân-sửu (1841) tức là năm Thiệu-Trị guyên niên, Thụy Tuần phủ tỉnh Hà-tiên là Lê-quang-Huyễn mất. Không biết năm đó vào bao nhiêu tuổi, nhưng chắc tuổi ít nhất là năm mươi, sáu mươi tuổi. Lê-quang-Huyễn mất sau khi đã phá tan giặc Thổ ở miền Hậu-giang.

Việc giặc Thổ nỗi lên vào năm 1841, trước đây 117 năm, ở miền Hậu-giang, như sau này sử ta chép rõ.

Nguyên miền Châu-đốc, Hà-tiên của ta ở sát biên thùy Cao-miên. Dân chúng phúc tạp lăm. Nào là người Tàu, người Đò-bà tức là Mã-lai, nào là người Thổ tức là người Cao-miên, đồng bào Việt-Nam ta ít vả lại hồi đó chưa có tồ chức chặt chẽ như người Tàu, lại hiền lành làm ăn chứ không hung dữ như người Thổ.

Người Thổ và người Tàu ở miền Hà-tiên nổi loạn vào năm 1841.

Sử chép như sau này :

« Giặc tụ ở xứ Lẹt Đẹt thuộc về Hà-tiên. Tổng đốc Long Tường (tức là hai tỉnh Vĩnh-long và Định-tường) là Dương-văn-Phong sai Cầm y phó vệ úy Hoàng-văn-Quí chia đạo tới đánh phá luôn bốn đồn thừa thắng qua đánh Cản sự. Dương-văn-Phong lại tới đánh các núi thuộc về Hà-dương ».

Vậy Tông đốc Long Tường là Dương-văn-Phong đã tự mình cầm quân dẹp giặc Thồ. Thự Tuần phủ Hà-tiên là Lê-quang-Huyễn cũng tự mình cầm quân dẹp giặc Thồ. Sử chép như sau này : « Thự Tuần phủ tỉnh Hà-tiên là Lê-quang-Huyễn từ Giang-thành đem quân tới, liền chia đạo đánh những đảng giặc tại Hà-âm, giết và bắt sống nhiều lăm.

Rồi Dương-văn-Phong ở lại đánh giặc xứ Tĩnh-biên còn Lê-quang-Huyễn trở về Giang-thành (Giang-thành tức là ly sở tỉnh An-giang).

Lê-quang-Huyễn đem quân trở về Giang-thành rồi suốt mấy tháng ròng rã, đã phải nay đây mai đó dẹp giặc Thồ ở toàn xứ Kiến-giang.

« Nguyên khi trước Thồ dân ở Kiến-giang dậy loạn, Quân minh đã dẹp yên rồi ; có hai tên giặc là tên Xuy và tên Súc, hai tên ấy trước làm An phủ Sứ, bây giờ lùm phản, kết đảng lập đồn mưu toan sinh sự. Tên Xuy và tên Súc là người Thồ.

Bấy giờ (vào cuối tháng hai năm Tân-sửu (1841) quân ta tới đánh phá tan sào huyệt, đốt hết đồn bảo của giặc, đánh ba trận, được luôn.

Quân giặc tới đầu thú, cả thảy người Thồ, người Hán, người Tàu hơn bảy trăm tên.

Vua Thiệu-Trị truyền súc cho các tên đầu thú này tùy tiện an cư lạc nghiệp.

Lê-quang-Huyễn quyền Tri phủ Hà-tiên đã đem an ninh và trật tự cho dân chúng.

Giặc Thổ, giặc Tàu hoặc bị giết, hoặc quy hàng. Giặc này không phải là giặc nho. Ít ra chín mươi ngàn người ở ẩn núp trong các đồng ruộng. Rồi chạy, thì thà thi thọt, qua biên thùy sang Cao-miên để tiếp tế về quân nhu, quân dụng. Lê-quang-Huyễn đã dẹp được giặc này. Dẹp loạn yên dân là công việc của các đường quan ta ngày trước. Lê-quang-Huyễn đã xứng đáng với nhiệm vụ của mình.

Tháng sáu, cũng năm đó sứ chép là Lê-quang-Huyễn mất !

* * *

Sứ không cho ta biết là đã mất như thế nào, đã mất về bịnh hay vì bị thương ở trên mặt trận, hay bị ám sát.

Dù sao, trong các vị văn quan võ tướng, mà chữ Hán gọi là nho tướng đã phung sự miền Nam đất Việt này, dẹp giặc Thổ, giặc Tàu, ta ghi tên Tuần phủ Hà-tiên Lê-quang-Huyễn mất tại chức năm 1841.

PHẠM VĂN ĐIỀN (... — 1842)

(Đánh Xiêm — Dẹp Thổ)

Vào tháng tư, năm Nhâm-dần (1842) ở An-giang, lãnh Tông đốc An-hà Phạm-văn-Điền mất.

Sử cho biết mấy chi tiết sau này :

« Lãnh Tông đốc An-hà Phạm-văn-Điền mất. Điền ở quận-thúy Thất sơn bị đau, về tới An-giang thời mất. Ngài (Vua Thiệu-Trị) nghe, thương tiếc lắm, cho truy tặng Tả quàn Đô thống phủ, Chưởng phủ sự ».

.

Công của Phạm-văn-Điền là những công gì ?

.

Tôi chép ra đây hai công mà thôi, vì tôi chỉ biết có hai công này.

(Học sử có cái sướng mà cũng có cái khổ) :

Sướng khi tìm thấy một số liệu như người tiêu phu tìm được một cây quế giữa rừng.

Khổ vì thường là tìm được một cây quế thời có thể tìm được cả một rừng quế ! Ai ngờ, chỉ đã tìm được một cây quế thôi.

Về công danh và sự nghiệp của các vị tiền bối, đã gây dựng ra dân tộc Việt-Nam ta ngày nay, sử chỉ cho biết những chi tiết lặt vặt, đáng ghi... còn thời tôi chịu không thể tham khảo thêm được nữa).

Hai công mà tôi sẽ nhắc lại của Phạm-văn-Điển không có ý nghĩa là đời Phạm-văn-Điển chỉ có hai công ấy mà thôi. Còn có nhiều công nữa, nhưng sử không ghi thời ai mà biết được.

* * *

Công thứ nhất là công đánh Xiêm ở Trấn-ninh, để bảo vệ miền Nghệ-an của ta, vì Xiêm xâm lăng.

Tôi sao nguyên văn đoạn sử chép sơ sài như sau này :

« Năm Mậu-tý (1828) (tức là năm thứ chín đời vua Minh-Mạng) vào tháng mười một, tướng Xiêm đem quân tới xâm châu Tâm-bồn giả nói đánh Vạn-tượng, nhân cướp các dân Thổ và đòi hỏi cống thuế các châu ».

Sử liệu này cho ta biết là Xiêm muốn lan sang Lào và Trấn-ninh. Thực là một sự đe doạ lớn lao cho ta !

Đè Xiêm bành trướng về phía Vạn-tượng, rồi lên Trấn-ninh... tức là đè con cọp vào gần chuồng lợn nhà mình... là miền Thanh-nghệ.

Vua Minh-Mạng được tin bèn sai Phạm-văn-Điển ra đuổi cọp ấy đi.

Phạm-văn-Điền là một võ tướng, võ tướng xông pha trên các mặt trận cùng với quân đội, khác với các « nho tướng » như Nguyễn-công-Trú là Tham tán Quân vụ, cũng như Tông Tham Mưu bấy giờ, tuy Tham tán Quân vụ phải ở sát mặt trận.

Phạm-văn-Điền năm đó chức Tượng quân Thống chế, nghĩa là điều khiển đàn voi ra trận.

Phạm-văn-Điền đã đem voi ở Kinh ra Nghệ. Tôi không biết ở Nghệ có voi không, chắc có, nhưng ít, độ dăm con là cùng.

Đàn quân voi này đi trước, từ Nghệ — thí dụ từ Vĩnh-an (Vịnh) theo thung lũng con sông Lam lên tới Đô-lương... rồi... leo lên Trấn-ninh...

Voi đi trước.

Đề dọn đường. Vì voi lấy vòi quật hết các cây mọc bên đường. Mà làm gì có đường ? Voi phải mở một đường trong rừng.

Rồi trèo dốc, rồi xuống dốc.

Bộ-binh cứ theo vết chân voi mà tiến. Voi đi chậm, bộ binh có thể có thời giờ sửa soạn ăn uống rồi theo kịp voi.

Cứ thế mà đi... sang Trấn-ninh.

Người tông chỉ huy đoàn quân này là Phạm-văn-Điền tôi nhắc lại là tượng binh đi trước, bộ binh theo sau. Tôi không biết số lượng là bao nhiêu.

Đi ít ra mất mười hôm.

Sử chép là Phạm-văn-Điền tới biên thùy Nghệ-an (bây giờ), sang Trấn-ninh (Nghệ-an bây giờ, vì Trấn-ninh là đất của ta bây giờ) và chỉ trong một tháng đánh lui quân Xiêm,

• • • • • • •
Có mấy câu hỏi đặt ra:

1.— Quân Xiêm thấy ta không có đòn, bảo ở Trấn-ninh, thấy ta chưa tổ chức chính trị một cách chu đáo bèn sang dò la rồi nếu ta sao nhãng về phuơng diện quân sự, về phuơng diện chính trị thời Xiêm sẽ thôn tính Vạn-tượng và Trấn-ninh một cách dễ dàng.

2.— Phạm-văn-Điền đem voi sang... và lẽ tất nhiên biết bao nhiêu quân đội nữa... Xiêm có thể sợ mà rút lui.

3.— Đã có những trận giao tranh nào không ?

• • • • •
Dù sao, có trận hay không có trận ở Trấn-ninh, Phạm văn-Điền đã « đánh lui quân Xiêm » như sử ta đã ghi rõ ràng, trong một tháng mà thôi.

Tôi chắc đã có nhiều cuộc chạm súng, truy kích.

Và tôi chắc là Phạm-văn-Điền đã phải tổ chức lại chính trị miền này.

Dù sau, Xiêm rút lui... qua khỏi đất Lào.

Dù sao, nếu tôi là Tướng Xiêm hồi bấy giờ thời

thúy quân đội Việt-Nam.., có đoàn voi... đóng ở Xiêng-khoảng thời... rút lui có trật tự là... tướng giỏi.

Phạm-văn-Điền phải về Kinh ngay.

Chắc vị tướng này phải sửa soạn để giữ biên thùy
ở phía Nghệ-an, trước khi về.

* * *

Công thứ hai là công dẹp Thồ.

Về Kinh để phục mang... Và để chờ có chỗ nào khó
khăn nhà Vua sai đi: đó là thường lệ cho các vị quan
cao cấp hồi bấy giờ như Nguyễn-tri-Phương, Nguyễn-công-
Trí, Đoàn-Thọ...

Kinh là đại bản doanh vậy.

Phạm-văn-Điền chắc như Nguyễn-công-Trí, « quan trong
năm bảy thứ, quan ngoài tám chín phen ».

Vào năm 1842, tức là năm Nhâm-dần triều vua Thiệu-Trị, tôi thấy sử chép là Phạm-văn-Điền làm Tông-đốc An-Hà (An-giang và Hà-tiên).

Miền An-Hà cách đây hơn một trăm năm là miền thế
nào ?

Miền này đã có phần sinh sắc, không phải như vào
đầu thế kỷ thứ mười chín nữa.

Nguyễn là một miền rừng rậm, trước đây năm mươi
năm, các sông đào chưa có. Chỉ có những rạch; mùa

mưa ú nước không thông ra biển được, mùa hanh trơ bùn, cỏ mọc xanh um mùa mưa, khô héo mùa hanh.

Nhưng đã có Nguyễn-văn-Thụy cho đào sông Tam-khé, tức là Thụy-hà vào năm 1817, đem nước vào ruộng, làm lại đất phèn vét sông cho thuyền bè đi lại. Cũng lại đã có Lê-văn-Duyệt đào sông Vĩnh-tế ? đào sông này từ năm 1819 đến năm 1824 mới xong. Sông này nối liền Châudốc Hà-tiên vừa dễ giao thông thuận tiện cho thuyền buôn vừa đem nước vào ruộng cho dân cày. Vừa dễ ta kiểm soát dễ biên thùy ta với Miên.

Hai con sông này, sông Thụy-hà và sông Vĩnh-tế đã nâng cao kinh-tế miền An-giang — Hà-tiên làng mạc đã đông đảo và Phạm-văn-Điền, Tòng-dốc An-Hà vào năm 1842 đã được hưởng công trình khai thác của hai vị tiền bối là Nguyễn-văn-Thụy là Lê-văn-Duyệt.

Nhưng còn công việc trị dân thời sao ?

Dân chúng miền này rất là phúc tạp. Nào người Tàu di cư vào đây : Triều-châu, Phúc-kiến, Triết-giang, Quảng-dông và Hải-nam đủ các thứ, các hạng người, trong số đó biết bao nhiêu kẻ thành tích bất hảo ? Nào là người Đồ-bà chuyên nghề ăn cướp trên mặt bờ. Nào là người Miên — mà thường gọi là người Thồ.

Nhưng còn biết bao người lai Tàu, lai Miên, Đồ-bà lai Tàu, Miên lai Đồ-bà... phần đông chăm chỉ làm ăn, nhưng cũng biết bao kẻ du thủ du thực.

Dù sao, cai trị dân từ chính quyền cư ở miền biên thùy này không phải là dễ, dù ta ở vào năm 1842. (Tôi

chắc rằng ngay đến bây giờ, sự giữ an-ninh và trật tự cho các tỉnh biên giới này không phải là không khó). Còn những người Việt ta đến ở đó, phải chăng toàn là những người lương thiện. Vả lại, hoàn toàn lương thiện, họ sống thế nào được ở miền này?

Ở phía Bắc miền An-hà là miền Tây-ninh (qua Kiến-phong, Kiến-tường bây giờ) : núi non hiểm trở, rừng rú âm u, dân chúng phần đông là người Thổ. Họ liên lạc dễ dàng với người Thổ ở Cao-miên và họ có một Văn-hóa, một Tôn-Giáo hơi khác ta.

Đã biết có bao nhiêu cuộc nổi loạn đưa đến những sự cướp của, đốt nhà, chém giết, hâm hiếp.

An-giang và Hà-tiên có thể đã được tạm yên vì đường thủy giao thông tiện lợi khiến cho dân chúng no đủ và sự kiểm soát của quân-dội cũng dễ dàng.

Nhưng còn miền Tây-ninh ?

Miền này là một cái ung thư.

Sử chép là miền Thất-sơn nổi giặc.

Chắc thế giặc mạnh, họ mạnh vì họ đói phải đi cướp phá kiếm ăn, họ đói vì họ lười (vốn là người Thổ) hay họ mạnh vì họ mê tín (vốn là người Thổ).

Chắc Vua Thiệu-Trị đã phái Phạm-văn-Điền đem binh lực ở An-Hà lên Tây-ninh để dẹp giặc, cho nên Phạm-văn-Điền mới tự đem quân, ít ra từ Châu-đốc lên Tây-ninh.

Đường đi là đường bộ, hoặc vòng qua đất Miên (vì Miên là nước thông hiếu với ta, ta có thể mượn đường được) hoặc men phía Nam Đồng Tháp-mười.

Phạm-văn-Điền chắc đã ngoài sáu mươi tuổi rồi.

Dẹp giặc Miên như thế nào ?

Sử không cho ta biết chi tiết.

Dẹp từ bao giờ ?

Dù sao ở Quận thứ Thất-sơn về tối An-giang, đúng vào tháng tư, năm Nhâm-dần 1842, Phạm-văn-Điền bị đau mà mất. Có lẽ vì tuổi già và quá lao tâm lao lực nên vị quân này đã mất ở địa vị Tống-đốc An-hà. Mười lăm năm trước đây là Tướng quân Thống chế đánh lui quân Xiêm ở Trấn-ninh.

Tôi không biết mộ vị TRAI VIỆT NAM này ở đâu ?

Dù sao, bốn năm trước khi người mất đã có bia rồi.

Bia này là BIA VÕ CÔNG dựng trước sân VÕ MIẾU ở HUẾ vào năm Mậu-tuất 1838, tức là năm thứ mươi chín (19) triều vua Minh-Mạng.

Bia này ghi tên cả thảy hai mươi vị : tên người là tên số thứ mười.

Tôi không biết Phạm-văn-Điền sinh quán ở đâu và bảy giờ, ở Châu-đốc, Hà-tiên, có một phố nào ghi tên người không.

AN-VIỄN HÀU VÕ-VĂN-GIẢI (... - 1853)

Kinh-lược Nam-kỳ vào năm 1845

Vào năm Ất-tị (1845) An-viễn-Hầu Võ-văn-Giải là Đại-thần ở Kinh, ta không biết người giữ chức gì.

Tháng sáu, năm ấy Vua Thiệu-Trị phái vào Nam-kỳ lục tỉnh, đi kinh-lược.

Sở dĩ có sự kinh-lược này là do Tống-đốc hai tỉnh An-giang và Hà-tiên là Nguyễn-tri-Phương và Tuần-phủ là Doãn-Uân xin nhà vua phái Đại-thần tại triều vào xem xét tình thế và cho chỉ thị tại chỗ.

Nguyên là tình hình trong Nam hời đó khó lăm.

* *

Quên Xiêm đánh ta.

Một mặt, quân bộ của họ theo đường Battambang dọc theo sông Cửu-long đánh qua Chân-lạp (Cambodge) mà xuống. Họ còn đổ bộ ở Hà-tiên nữa.

Một mặt, họ xúi dân Thổ ở các tỉnh miền Hậu-giang nồi lên đánh dân Việt ta.

Một mặt nữa, họ lập Vua Chân-lạp bồ nhìn theo họ để đem quân phù hợp với họ đánh ta, để cướp đất Nam-kỳ lục tỉnh,

Vậy đây là một cuộc xâm lăng rõ rệt có tò-chức về quân-sự, chính-trị, ta đừng quên rằng nước Chân-lạp đã thần phục nước ta từ lâu và đây là một sự phản bội.

Ta đã phải đối phó như thế nào ?

Bao nhiêu tướng tài đều lần lượt vào giữ đất Nam. Đất Nam là đất mà từ đầu thế kỷ mười bảy, dân-tộc Lạc-Việt, đã đâm mồ hôi nước mắt, chống lại thiên nhiên. Nào là phá rừng, nào là giết các giống thú dữ như hổ, lợn rừng ở trên đất, các giống rắn độc, nào là các giống thủy tộc như cá sấu hàng đàn. Ta lại chống lại bệnh sốt rét rừng, trong những rừng cây âm u, bệnh sốt rét đồng, trên những vũng bùn lầy mà, về mùa mưa, cỏ lau mọc cao đến bụng. Từ thế hệ này đến thế hệ khác, suốt một thế kỷ rưỡi, người nông dân Lạc-Việt đã khai phá đất Nam. Công việc đào mương đã cực kỳ quan-trọng để lấy nước ngọt của sông Cửu-long vào rửa đất phèn thời làng mạc mới có thể lập được, ở trên giồng và dưới giồng mới có ruộng, chất đất thuần thực và không bị úng thủy trong mùa mưa.

Sự khai khẩn miền Nam là một công-trình vĩ-đại của dân-tộc Lạc-Việt, từ đồng bằng Bắc dần dần di cư vào, qua các đồng bằng ở Trung.

Bây giờ, vào năm 1845, có sự đe doạ xâm lăng của Xiêm. Vua Thiệu-Trị đã phải cử nhiều tướng tài để án ngữ cuộc xâm lăng này. Nào là Nguyễn-tấn-Lâm, Trương-minh-Giảng, Phạm-văn-Điển, Nguyễn-công-Trú, Nguyễn-tri-Phương, Doãn-Uân, Lê-văn-Đức, Dương-văn-Phong. Nào là bao nhiêu xuất đội, cai đội, cùng anh em binh sĩ lấy

từ Quảng-nam trở vào để phù hợp với quân-đội Nam-kỳ lục tỉnh.

Vua Thiệu-Trị theo dõi tình hình quân sự. Chắc ta đã thiệt hại nhiều. Sứ không cho biết chi tiết cần thiết về sự hành quân của cả đôi bên. Nhưng theo lời thỉnh cầu của Nguyễn-tri-Phương và Doãn-Uẩn, nhà vua đã phái Võ-văn-Giải vào kinh-lược.

Một vị Kinh-lược túc thay nhà Vua đi tuần hành, quyền tiền trảm hậu tấu, đốc thúc các cơ quan quân, dân, chính.

Trước khi lên đường vào Nam, Võ-văn-Giải vào chầu.

Nhà Vua có dạy rằng :

« Gia-định, Biên-hoà là hai tỉnh lớn trong Nam-kỳ. Phủ ngự Xiêm, Chân-lạp là hai việc rất quan hệ. Các người nếu có trù nghẽn sắp đặt việc gì nên một lòng thương thỏa với nhau, rồi sau sẽ làm.

« Cốt là trong dân có yên thời ngoài giặc mới phục. Vậy các người phải lấy việc vỗ yên chúng dân làm trước ».

Lời dụ có ghi trong bộ Chánh biên. Vua Thiệu-Trị ban lời dụ này năm Ngài bốn mươi tuổi, nghĩa là đã già đẵn lăm rồi.

Kinh-lược Võ-văn-Giải có trách nhiệm rất lớn lao với đất nước, với lòng tin cẩn của Nhà Vua. Năm đó, người đã có tuổi rồi. Một lão nho tướng.

Vào Nam chắc bằng đường bộ, vì đi cáng, nếu suốt đêm ngày chỉ mất độ năm hôm là cùng sẽ tới Gia-định. Đi thủy thời lâu hơn.

Một mặt người tổ chức lại nội trị.

Một mặt người chính thân cầm quân sang đánh quân Xiêm xâm lăng, ngay ở đất Chân-lạp.

Ta đã thu được nhiều thắng lợi.

Sử ta không ghi những chi tiết cần thiết về sự hành quân, chỉ cho biết vẫn tắt kết quả rằng ta đã được ngược sông Cửu-long, vòng con sông Tiền mà chiếm thành Ba Nam độ bốn mươi cây số dưới Nam-vang. Ta đã chiếm thành Nam-vang. Ta lại còn đánh lên đến thành Ô Đông, độ bốn mươi cây số trên thành Nam-vang.

Vậy quân-đội ta đã tiến sâu vào nội địa Chân-lạp. Thủy-quân, lúc quân đã phải phối hợp với nhau. Đã phải có nhiều cuộc ác chiến.

Ta đã phải thiệt hại không phải là ít, nhưng kết quả thực là mỹ-mẫn. Sử ghi rằng tướng lãnh Xiêm « xin cầu hoà » còn vua Chân-lạp « xin giao hiếu ».

Ta cho ! Vì ta có muốn xâm lăng đâu ? Sự viễn chinh của ta chỉ có một mục đích là đánh đuổi quân Xiêm xâm lăng và nối lại tình giao hiếu với vua Chân-lạp vì nước Chân-lạp là rào giậu của Nam-kỳ. Nếu Xiêm chiếm Chân-lạp thời là sự đe doạ cho ta.

Vậy Kinh-lược Võ-văn-Giải, vào năm 1845, 1846 đã xứng đáng với lòng tin cậy của Vua Thiệu-Trị.

.

Ba bốn năm sau, vào năm Kỷ-dậu (1849), tức là năm thứ hai triều vua Tự-Đức, tháng sáu, Nhà Vua cho dựng ở Kinh-thành (Huế) bia An-Tài Võ-Công. Bia này ghi tên cả thảy sáu vị tướng lãnh. Ấy là :

Võ-văn-Giải, Nguyễn-tri-Phương, Doãn-Uân, Đoàn-văn-Sách, Nguyễn-Hoàng, Tôn-thất-Nghi.

* *

Thắng quân Xiêm, nối lại cuộc thông hiểu với Chân-lạp là một chuyện. Lại còn chuyện dẹp quân Thồ nỗi loạn ở miền Hậu-giang, việc đặt các quan-lại, vỗ về dân chúng diệu háo, công việc nội trị này, Kinh-lược Võ-văn-Giải đã phải là người chỉ-huy tối cao. Trong bao nhiêu năm tại chỗ, ta không biết.

Dù sao, tám năm sau, vào năm Quý-sửu 1853, sử ghi là Phụ-chánh Đại-thần An-viễn-Hầu Võ-văn-Giải đã mất, không biết ở Kinh-đô hay ở một nơi quân-thú nào. Một người ở đâu ? Ta không biết.

DOÃN-UẦN (... – 1849) VÀ DOÃN-CHÁNH (... – 1862)

Tháng mười, năm Kỷ-dậu (1849), Tông-đốc An-Hà (An-giang và Hà-tiên) là Doãn-Uần mất. Hồi sống có tiếng, liêm, năng. Năm 1843, Doãn-Uần cùng Nguyễn-tri-Phương đánh dẹp người Thổ (Cao-miên) nổi loạn ở miền Hậu-giang và đem quân sang ngay đất Cao-miên.

Vì quân Xiêm định xâm lăng nước ta, đã theo đường bộ qua Cao-miên mà tiến. Ta phải chiếm thành Ba Nam dưới Nam-vang tám mươi cây số, ta đã tới Nam-vang, rồi ta chiếm cả thành Ô-Đông ở trên Nam-vang bốn mươi cây số.

Doãn-Uần cùng hành với Nguyễn-tri-Phương và Võ-văn-Giải.

Doãn-Uần làm Tông-đốc An-hà là miền biên giới biết bao sự khó khăn, suốt năm sáu năm. Rồi chết tại chức.

Tháng bảy, năm Nhâm-tuất (1862), mười ba năm sau, con là Doãn-Chánh, Tri-phủ phủ Bình Phú, tỉnh Thái-nghuyên, vì không chống nổi giặc Thổ phỉ Tàu, giặc Nùng, giặc Mán, sau ba tháng cầm cự, bèn ban đêm ra khỏi thành nhảy xuống sông Hanh-giang mà tự tử.

Tôi có một chút tài-liệu về hai cha con Doãn-Uần

và Doãn-Chánh là hai người trai đất Việt đã chứng tỏ sức MẠNH của người trai Việt-Nam.

Tài-liệu trích trong bộ Quốc-triều chánh-biên tôi xin trình ra sau đây.

* *

Doãn-Uân quê quán ở đâu tôi không biết. Tôi chỉ biết đỗ cử nhân trong một khoa thi ở Nam-định.

Doãn-Uân được lịch sử ghi tên vào năm Quý-mão (1843) tức là năm thứ ba triều Vua Thiệu-Trị.

Sử chép như sau này :

« Tháng năm, (năm Quý-mão), Ngài cho Nguyễn-tri-
Phương bồ thụ Tống-đốc An-hà, Doãn-Uân cải thụ Tuần-
phủ An-giang, Nguyễn-bá-Nghi tăng thự Bố-chánh An-giang.

Nguyễn khi ấy, Tòng-đốc Nguyễn-công-Nhờn, Tuần-phủ
Nguyễn-công-Trú, Bố-chánh Phùng-nghĩa-Sương, Đề-đốc
Đoàn-tiên-Mật, Bố-chánh Lê-quốc-Trinh đều bị tội bãi chức ».

Một lúc bốn quan tỉnh bị bãi chức !

Nguyễn vì người Thổ (thổ dân, tức là người Miên)
nỗi loạn. Vả lại người Xiêm tràn sang Cao-miên. Họ đã
chiếm một nửa nước Miên (miền Battambang, Siem-réap,
Sisophon) và người Miên theo họ nhiều.

Vậy tình hình miền Nam nước ta vào năm 1844 rất
khó khăn : bên trong người Thổ nỗi loạn, bên ngoài,
người Xiêm có thể kéo quân sang ta.

Nhà vua, phải thay cả toàn bộ các quan tỉnh ! Trong
các vị đó, có ngay cả Nguyễn-công-Trú.

Sử cho ta biết là Nguyễn-tri-Phương đã nay đây mai đó. Trương-minh-Giảng phải rút quân từ Cao-miên về. Rồi vị tướng đại tài này — mà Vua Minh-Mạng đã gọi là Hồ Tướng — chết ở An-giang vào năm Tân-sửu (1841). Ta đã bị quân Xiêm đánh thua ở Cao-miên. Tình hình bi đát lắm vào năm 1841, 1842.

Vậy Vua Thiệu-Trị đã phải thay hết các quan tỉnh và sứ chép như sau này :

« Tháng sáu, năm Ất-vì (1845), Tuần-phủ An-giang, Doãn-Uần và Đề-đốc Nguyễn-văn-Hoàng phân đạo đánh giặc Chân-lạp. Giặc bỏ đồn chạy » (Chân-lạp tức là Cao-miên).

Rồi tháng sau, Nguyễn-tri-Phương và Doãn-Uần đem quân sang Cao-miên. Rồi ta chiếm thành Ba-nam ở dưới Nam-vang độ tám mươi cây số. Rồi ta thăng tiến tới Nam-vang.

Sử chép rằng người Miên lập đồn, đắp lũy và giăng ngang dây sắt về phía thượng lưu vùng Ba-nam để giữ thành Nam-vang.

Ta đã phải chiếm thành Nam-vang. Rồi sau ta tiến tới thành Ô-Đông, ở trên Nam-vang bốn mươi cây số.

Quân Xiêm xin hoà.

Ta cho.

Sau khi án ngự được quân Xiêm, bảo vệ cho Cao-miên và nhờ Cao-miên làm bình phong cho nước ta, Doãn-Uần lãnh trọng trách là Tông-đốc An-giang và Hà-tiên, thay Nguyễn-tri-Phương, bồ dì một trọng trách khác.

Trong suốt chín năm trời, bên trong giữ an-ninh và trật-tự ở miền An-Hà mà người Miên có, người Đồ Bà (Mã-lai, Tây đen) có, người Tàu có... họ còn là đồng hồn dân Việt ta, Doãn-Uần đã phải là nhà cai-trị giỏi.

Thực là một nhà nho tướng !

Tháng mười, năm Kỷ-dậu (1849), Doãn-Uần mất, sử chép rằng :

« Ngài nghĩ Doãn-Uần vì nước chịu khó nhọc, có tiếng liêm, năng, cho tặng hàm Hiệp-Tá, cấp tuất và tú tể rất hậu lai cho tiền, gạo về đưa đám và nuôi vợ con để khuyến kỉ thanh-liêm, tỏ người tài giỏi ».

(Tú tể là các thức nhà Vua ban cho để mà tể, do một vị quan ở Triều đem tới).

* * *

Tháng bảy, năm Nhâm-tuất (1862), tức là năm thứ mươi lăm đời vua Tự-Đức, mười ba năm sau khi Doãn-Uần chết, con là Doãn-Chánh Tri-phủ, Phủ Bình-phú, Tỉnh Thái-nguyên, trong một đêm bi đát... đã ra khỏi thành (bằng cách nào?) nhảy xuống sông Hành-giang mà chết.

Cái chết của Doãn-Chánh có liên lạc tới sự nỗi loạn của người Mán, Nùng ở địa phận nước ta và sự xâm lăng của người Nùng và Thổ phỉ bên Tàu tràn sang.

Chuyện này kể kỹ ra thời dài lắm, tôi chỉ tóm tắt mấy giai đoạn có liên quan tới Doãn-Chánh mà thôi, để khỏi lạc đề.

.

Nguyên Doãn-Chánh thụ chức Tri-phủ, Phủ Bình Phú, Tỉnh Thái-nguyên.

Ở các núi miền Việt-Bắc, các đồng bào ta ở thành nhiều khóm và thuộc về nhiều loại khác nhau.

Đại khái, ở thung lũng là người Thổ, ở trên sườn núi là người Mán, ở đỉnh núi về phía Hà-giang là người Mèo, ở miền Cao-bằng, Lạng-sơn, Móng-cái là người Nùng. Mỗi một loại người nói trên lại chia ra làm nhiều phân loại, quần áo khác nhau, phong tục hơi khác nhau, tiếng nói cũng lơ lớ khác nhau. Họ từ miền Quảng-đông, Quảng-tây tràn sang ta. Đến chính bây giờ nhiều đồng bào còn chưa biết nói tiếng kinh. Họ chịu ảnh hưởng Tàu lạc hậu của miền đồi Núi ở phần Nam nước Tàu.

Ta cai trị họ, trước đây, khó lắm.

Mới đây ngót mươi năm, tôi đã sống với họ ở Tuyên-quang, Thái-nguyên. Và tôi hiểu rằng Ông Tri-phủ phủ Bình-phú là Doãn-Chánh đã phải vất vả lắm, trước đây ngót một trăm năm, thời mới trị an nỗi được miền mà dân-tộc phức tạp, lạc hậu lại hung hỗn. Nếu có một sự

xúi giục và giúp đỡ nào của người Mán, người Nùng ở bên Tàu, nếu chính các người này lại tràn sang ta thời hãy hỏi các đồn lính của ta — mà phần nhiều là lính thú chử không phải lính trận — có thể chống giữ được không ?

Doãn-Chính ở Thái-nguyên vào năm 1862 lâm vào cảnh giống như cha ở An-giang năm 1843 trước, trên dưới hai mươi năm.

Doãn-Uần đã bên trong dẹp được nội loạn của người Miên, bên ngoài án ngự được quân Xiêm ở ngay Ô-Đông. Còn Doãn-Chánh, với số quân đội yếu ớt của mình, chống giữ làm sao nỗi ?

Quân giặc vây thành.

Doãn-Chánh cố chống giữ ba tháng.

Sử cho ta biết chi tiết sau này :

« Tháng bảy, sau hơn ba tháng vây đánh, giặc không lấy được thành Phủ Bình-phú. Khi ấy, phía Tây Bắc đường đi ngai trỏ, quân cứu đã không mà lương lại hết, Doãn-Chánh nhân ban đêm ra khỏi vòng vây, nhảy xuống sông Hanh-Giang mà chết ».

Nguyên là thành Tuyên-quang đã bị vây từ lâu. Rồi thành này bị nộp cho giặc một tháng sau.

Vua Tự-Đức phải khen Nguyễn-tri-Phương sung chức Tây-Bắc Tổng-Thống quân-vụ Đại-thần. Tôi không biết Nguyễn-tri-Phương từ quân thứ nào tới. Có Phủ-Doãn Phan-đinh-Tuyễn làm Tán-Lý, Chưởng-vệ Tôn-thất-Huệ làm Đề-đốc : hai vị này đều bị quân giặc phục-kích giết chết.

Rồi giặc Tàu vây tỉnh Cao-băng : đạo quân thứ Thái-
nguyên không hòng có cứu viện ở miền Cao-băng, Lạng-
sơn tới được.

Chính thành tỉnh Thái-nguyên cũng bị vây suốt tám
tháng trời.

Vậy tình hình nguy ngập lắm.

Ta có thể nói là giặc Tàu, giặc Nùng, giặc Mán đã
tung hoành ở khắp miền Việt-Bắc, trừ miền Sơn-la, Lai-
châu do người Thái ở.

Sử chép rằng tháng tư, năm Qui-hợi (1863), sau khi
đã dẹp yên phía Bắc, Nguyễn-tri-Phương bèn cùng bạng
tá Nguyễn-văn-Vỹ đem quân tới đánh giải vây cho Thái-
Nguyên.

Trận này quân ta thắng to.

Rồi Nguyễn-văn-Vỹ đem lính và voi đi truy kích quân
giặc và phá sào huyệt giặc tại Núi Ma-hiên, châu Bạch-thông.

Vậy Nguyễn-tri-Phương đã toàn thắng giặc ở giữa miền
Việt-Bắc.

Nhưng quân giặc rút lui ra ngoài, tụ ở bờ biển và
ở các cù lao ở Vịnh Hạ-long. Vua Tự-Đức súc cho phải
ra đây đuổi đánh giặc, chức Tòng-Thống Hải-An Quân-Vụ.

Sau khi được tin Doãn-Chánh tuẫn tiết vì nước, Vua
Tự-Đức khen rằng : « Tri Phủ vạy thiệt ít có lăm ! Không
thẹn với người đời xưa, cũng không thẹn là con nhà danh
thần ». Và Ngài cho tặng Thị độc học sĩ.



1.— Doãn-Uân và Doãn-Chánh là hai gương sáng chứng tỏ sức MẠNH của các nho sĩ đời xưa. Thời loạn thời cầm quân đánh giặc. Ở trong nước thời dẹp nội loạn, hay án ngự quân xâm lăng, tống ra khỏi bờ cõi. Ở ngoài nước có khi phải viễn chinh và phải thăng.

2.— Nguyễn-tri-Phương, người đã có Doãn-Uân phò tá ở miền Hậu-giang lại chính là người, sáu năm sau, khi Doãn-Uân mất lại báo thù cho con Doãn-Uân ở chiến-khu Việt-Bắc.

MỤC II

Ở miền Bắc và Trung

MỘT QUÂN CÔNG CỦA NGUYỄN CÔNG TRÚ

**Sự tảo thanh giặc Tàu Ô vào năm Mậu tuất (1838)
và năm Kỷ hợi (1839)**

Vào năm Mậu tuất (1838) tức là năm thứ mươi chín triều vua Minh-Mạng, Nguyễn-công-Trú là Tông đốc Hải-an. Hải-an tức là miền biển của ta, giáp giới Tàu, là hai tỉnh Hải-Ninh và Quảng-yên, là tất cả miền duyên hải từ Hải-phòng đến Móng-cái, gồm các đảo thuộc Vịnh Hạ-long cả miền núi ở tận lục địa nữa, tức là miền Lục An-châu.

Dân chúng phúc tạp lăm. Ở miền Hải-ninh, phần đông là người Nùng giòng giỗi Tàu, tính tình hung hăn. Còn có nhiều người Thổ, có một ít người Mán. Ở ngoài Vịnh Hạ-long, có nhiều người Tàu thuộc ban Triều-châu, Phúc kiến, Hải-nam. Họ làm nghề đánh cá, ướp cá đem về Tàu bán. Người Việt-Nam ta số lượng ít. Sự cai trị dân chúng phúc tạp này rất là khó, thử nhất là núi non hiểm trở, diện tích mông mênh. Ngày thường trộm cướp xảy ra luôn.

Nhưng nước Tàu cũng vốn là ô giặc cướp. Giặc trên bộ, giặc nước, súng ống hắn hỏi, thuyền lớn thuyền nhỏ có đủ. Đi ăn cướp nhưng chẳng khác gì một đạo binh đi hành quân, đi xâm lăng, cướp của, giết người rồi rút lui về sào huyệt.

Sử ghi tên các đảng giặc biển một cách tồng quát, gọi là giặc Tàu Ô. Tên giặc Tàu Ô, là vì bọn giặc biển có những Tàu đặc biệt, chia ra làm nhiều Ô, tàu không chạy bằng máy nhưng có ba cột buồm rất lớn và độ năm chục người chài. Tàu làm bằng gỗ, có đánh đai sắt. Tàu có ba từng, từng dưới sâu để chứa nước uống, thực phẩm nuôi súc vật... và chứa súng đạn. Từng giữa là các căn người ở; ở hai bên mạn thuyền có những lô hông cao quá mặt nước một ít để cho mái chèo từ trong thò ra ngoài. Các thủy thủ cứ theo tiếng cồng của người chỉ huy mà ngả người ra chèo. Từng trên mắc súng đại bác và là chỗ để đánh nhau. Một chiếc Tàu ô lớn có thể chở được vài trăm quân. Nếu thuận gió thời tàu đi nhanh lắm. Trong tàu có nhiều ô con bằng gỗ kiên cố. Nếu tàu bị bắn hay bị thủng vì và va vào núi thời chỉ một ô bị ngập nước mà thôi tàu vẫn có thể đi được, và thủy thủ có thể hàn gắn lỗ thủng rất nhanh chóng. Có đủ lương thực tàu có thể bồng bênh trên biển vài tháng với một số linh trận độ vài trăm người.

Các Tàu ô đóng ở bến Tàu, thuộc miền Triết-giang Phúc-kiến. Thủy thủ lành nghề, quân đội hung hãn vì toàn là bọn cướp của, giết đàn ông và hãm hiếp và bắt cóc đàn bà con gái. Các Tàu ô luân quẩn ở Vịnh Hạ-long.

Vịnh Ha-long có các hòn đảo hình kỳ quái nổi lên, chỗ này một hòn chõ kia một hòn khiến các thuyền phải thuộc lối thời mới khỏi lầm đường. Còn có những hang đầy nước ăn thông từ bên này hòn đảo sang bên kia, thực là những sào huyệt bí hiểm. Ngay ban ngày về mùa nực cho đến sáu bảy giờ sáng, còn về mùa rét thời mãi đến chín mười giờ, sương mù mới tan. Về mùa rét gió bắc thổi mạnh, lùa theo các hòn cù lao, biển thường có sóng biển thành những luồng nước giữa những hòn cù lao, các cù lao này lại khi ẩn khi hiện trong đám sương mù trong sự âm u của mưa phùn ngoài biển. Vịnh Ha-long thật là sào huyệt cho bọn giặc Tàu ô. Một hiểm địa.

Họ thường đồ hộ ban đêm ở bất cứ một làng nào. Dân chúng sợ hãi, tú-và thõi, tuẫn đinh kẻ tay thước, người mã tấu nhón nhác... lửa cháy... Giặc Tàu ô, kẻ súng người dao, như một lũ quỷ sứ... tàn phá, cướp bóc... rồi hoặc rút lui xuống Tàu, hoặc đem của cải, trâu bò, lợn gà... và cả đàn bà nữa... vào cứ điềm đặt ở trong các thung lũng, thuộc miền núi ở Lục-An-châu, có người Nùng ở.

Giặc Tàu ô hoành hành ở miền Hải-ninh, Quảng-yên, các đồn quân của ta ở địa phương không kháng cự nổi.

Vào cuối thu năm Mậu tuất (1838), chính Hải-an Tông đốc Nguyễn-công-Trú phải thân đốc đại binh tới đánh giặc.

Chắc đã có một sự sửa soạn nào đó tỉ mỉ vì Nguyễn-công-Trú là người trì thủ, nhiều mưu, lại dày kinh nghiệm.

Và lại đây không phải là một cuộc tảo thanh nhỏ mà là cả một sự phản công của thủy quân và bộ quân ta, suốt miền duyên hải. Nguyễn-công-Trúr phải thắng vì nếu bại thì tội làm hao binh tốn tướng sẽ bị triều đình trị tội rất nặng.

Chiến sự sẽ xảy ra như thế nào ?

Có một chiến dịch từ cuối mùa Thu sang hết mùa Đông năm Mậu tuất (1839).

Rồi sau ít tuần nghỉ ở thành tỉnh Quảng-yên, chờ ra đầu Xuân, gió thuận, lại có một chiến dịch nữa, cho suốt đến đầu Hạ năm Kỷ hợi (1840).

Hai lần Hải-an Tông đốc Nguyễn-công-Trúr tự đem đại quân Thủy, Bộ đến tận sào huyệt giặc Tàu ô và người đã thắng.

Lần sau chúng ta sẽ đi sâu vào các chi tiết quân sự.

Chiến dịch năm Mậu tuất như thế nào ?

Tôi sao ra đây một đoạn sử liệu :

« Tháng chín, Tông đốc Hải-an là Nguyễn-công-Trúr đem binh thuyền chia đạo đến thắng Chàng Sơn vây bắt giặc biển.

Giặc bỏ thuyền lên bờ chạy. Quan quân đuôi theo bắt chém rất nhiều, được cả tàu thuyền, súng ống.

Xét thấy nhà giặc ở hơn 50 nóc, đều có tang vật ăn cướp. Trong núi trồng hoa lợi và lúa trên 500 mẫu. »

Tài liệu này thật rõ ràng đây là một cuộc hành quân lớn lao.

1.— Ta đã có nhiều chiến thuyền, chia làm nhiều đạo, đi theo nhiều đường, súng ống đầy cả. Làm thế nào mà tới thẳng căn cứ Hải quân của giặc Tàu ô mà quân giặc này không biết, đến nỗi bị vây ? Chắc ta đã phải lấy một số thuyền đánh cá dẫn đường và một số chiến thuyền đã phải trả làm thuyền đánh cá, buồm lái ban đêm, trong một đêm và một buổi sáng sương mù, lại phải có gió thuận. Thuyền ta bé, thuyền giặc to, hỏa lực của ta nhẹ... vậy ta phải sát đến thuyền địch... rồi bộ đội xung phong lấy sào, nhảy phóc sang thuyền địch mà đánh bằng đoản đao, mǎ tấu, chiếm lấy từng trên, chẹn cửa từng dưới lên khiến cho đại bác của giặc vô dụng. Từ thuyền ta, súng bắn vào các mạn thuyền. Còn có thề có các trai bạn thuyền chài ta dùng để lặn xuống mà đục thuyền.

2.— « Giặc bỏ thuyền lên bờ chạy ».

« Quan quân đuổi theo bắt, chém rất nhiều, được cả tàu, thuyền, súng ống ».

Mấy câu sử văn tắt này khiến ta phải nghĩ tới một trận thủy chiến quan trọng.

Giặc bỏ tàu, dùng thuyền nhỏ, bơi lấy bơi để vào bờ. Có lẽ đã bỏ hầu hết súng ống trên tàu. Thuyền ta đuổi, bắn một số giặc thoát thân lên bờ chạy.

Chạy về đâu ? Chạy về cứ điểm trên đất liền.

Ta truy kích. Chắc đã có sự phục kích của bộ binh, vì phần lớn thủy binh phải ở lại trên thuyền... Vì trận thủy chưa phải là hoàn toàn kết liễu : Thi dụ giặc có quân cứu viện thời sao ?

3.— « Xét thấy nhà giặc ở hơn 50 nóc đều có tang vật ăn cướp, trong tròng hoa lợi và lúa hơn 500 mầu.

Nguyễn-công-Trú đều đốt phá hết thảy. »

Vậy chính Nguyễn-công-Trú đã xông vào căn cứ địa của giặc ở trên đất liền và đã cho đốt phá hết sào huyệt của giặc.

Chỉ một sào huyệt của giặc mà thôi. Cuộc đại thắng này không phải là đoạt được trong một vài ngày.

Tổng đốc Nguyễn-công-Trú đến tháng 12 vẫn ở ngoài mặt trận. Đại bản doanh nay đặt nơi này mai đặt nơi khác, một mặt dẹp giặc một mặt an dân.

Vào tháng 12, sứ cho biết rằng người đóng quân ở làng Vượng thuộc Châu Vân-dồn.

Sứ cho biết chi tiết sau này về tháng mười một :

« Tháng mười một Nguyễn-công-Trú đem tuần bồ binh thuyền đi tới phần biển Ba-phong, Chân-châu gấp hơn 60 chiếc thuyền giặc người Tàu.

Quân ta cự đánh. Bọn Quản-vệ Nguyễn-văn-Ngữ, lấy được ba chiếc thuyền nhỏ và khí giới. Vừa gấp gió đông nồi to, Trú lại chạy thuyền qua Vân-dồn đợi gió thuận sẽ đi. »

« Tháng Mười hai, Trú ở làng Vượng thuộc Châu Vân-dồn, nghe ngoài núi Ý-cầm có hơn 50 chiếc thuyền giặc người Tàu, liền chia quân mình làm 5 toán, nhân đêm kéo tới. Gặp lúc gió đông nồi to sóng dữ quá, gần sáng giặc dương buồm chạy thoát.

Có một chiếc tàu chạy chưa kịp, suất đội toán Tiền quân là *Nguyễn-công-Khuyến* đi chiếc thuyền nhẹ đuổi kịp, chém được một tên giặc, còn bao nhiêu đều nhảy xuống biển mà chết.

Trú tàu lên và xin tạm về Quảng-yên, chờ khi gió thuận sẽ lại qua đánh giặc tại núi Chàng sơn.

Vậy, vào tháng mười một, ta đã thắng được một trận vào tháng mười hai ta lại thắng được thêm một trận nữa. Vì gió Đông thổi mạnh, không lợi cho ta đánh từ phía Nam trở lên, trái chiều gió, nên Tông đốc Nguyễn-công-Trú xin tạm lui quân về Quảng-yên, chờ khi gió thuận sẽ lại tới đánh giặc lần nữa, lại ở ngay sào huyệt giặc là núi Chàng sơn (một Cù lao quan trọng trong Vịnh Hạ-long).

Việc Tông đốc cho quân lui về Quảng-yên, trước Tết, không kè lý do gió nghịch, là một việc nên làm. Quân đội đã vất vả suốt ba tháng trời, nhiều thuyền có thể bị hư, quân nhu phải sửa, phải tăng cường. Vả lại Tết sắp đến nên cho quân về nghỉ. Quân thủy đóng ở sông Quảng yén là một con sông lớn, thành Quảng-yên là một thành to. Bộ binh, thủy binh được nghỉ ăn tết. Nhiều vị sẽ được ăn khao. Vì sau trận đầu (tháng chín) ở Trường sơn vua Tự-Đức thưởng mỗi Quản vệ, Quản cơ kỷ lục hai thứ, suất đội một thứ, binh đồng thưởng tiền ba trăm quan. Sau trận (tháng mười một) ở Ba-phong, Chân-châu, Quản vệ Nguyễn-văn-Ngữ được thưởng gia kỷ lục một thứ.

Thuộc tướng được quân công kỷ lục, binh đồng được tiền thưởng, sau ba bốn tháng lệnh đênh trên Vịnh Hạ

long nào đánh thủy, nào đánh bộ, trời rét, mưa to, gió lớn, sóng dữ, ăn uống cực khổ, thèm chết lúc nào cũng đứng trước mặt... bây giờ về... toàn quân ca khúc khải hoàn. Bến, thành Quảng-yên tấp nập hàng quán vui vẻ...

Còn Tông đốc được dịp xét qua các việc quan trọng do Bố chánh, Án-sát, Đốc học đệ trình, có thời giờ thảo sớ dâng về triều có sự yên lặng để trù tình kế hoạch chiến dịch mùa xuân, sao khi mà gió đông đã ngót. Chắc Người thỉnh thoảng buổi tối cũng có dịp cùng thuộc tướng hay cùng Bố chánh, Án sát uống vài chén rượu, nghe mấy cung đàn, thưởng thức mấy thi ca do chính Người đặt ra và đào nương lẽ phép mà ca.

Thế nào cũng có một cuộc vui này vì tin trong triều báo cho Người biết rằng vua Minh-Mạng đã biết công của Người.

Sử chép rằng « Tháng mười hai, khắc bia võ công dựng trước sân Võ Miếu. Cả thảy hai mươi vị được khắc tên vào bia để tỏ bày chiến công. » Người được xếp vào số thứ mười ba...

Cây nêu vừa hạ xuống, và chắc chỉ trong trung tuần tháng giêng là cùng quân, tá, tướng, hoặc thủy, hoặc bộ lên đường. Tông chỉ huy lại chính Tông đốc Nguyễn-công-Trú.

Chiến dịch mùa xuân năm Kỷ hợi (1839) bắt đầu.

Sử chép rằng :

« Nguyễn-công-Trú lại tới Trường sơn đánh giặc bê xin lập đồn.

Một sở ở làng Vịnh thuộc châu Vân đồn.

Một sở ở làng Vĩnh-thực thuộc châu Vạn-ninh.

Một sở thuộc làng Xuân-áng thuộc huyện Ba-phong.

Ngài cho »

Tài liệu trên cho ta biết là Tông đốc Nguyễn-công-Trúr đã nghĩ đến kế đóng đồn để cho, ở các địa điểm quan trọng, ta có quân đội thường trực thời mới dễ cản được những cuộc đồ bộ của quân giặc Tàu ô.

Nguyễn-công-Trúr đem đại quân đóng ở Vân-đồn.

Một mặt thời quân đội ta đóng ở Vân-đồn là để tỏ cho giặc Tàu ô biết lực lượng của ta và ý chí của ta là không cho họ đồ bộ để ăn cướp một cách dễ dàng như trước.

Một mặt nữa, có ở Vân đồn mới gần giặc được, mới dùng kế được. Vì nho tướng này đã dùng kế gì ? Ta không biết. Nhưng có đoạn sử sau này :

« Tháng ba. Nguyễn-công-Trúr đem binh thuyền đóng ở Vân-đồn.

Hai bang người Tàu làm nghề cá là bang Khai vĩ và Hà cõ bắt tên tướng giặc Lý-công-Tổng và bắt sống đỗ đảng mươi sáu tên, giết chết năm mươi tên, cùng thuyền tàu khi giới nạp tại quân thứ, xin Công-Trúr đem việc tâu lên cho hai bang đặng ở ngoài biển đánh cá chịu thuế. »

Sao lại có sự lạ này ?

Chính trong các thuyền tàu đánh cá, đã có những thuyền to, có súng ống... đã có nhiều thuyền hoặc là giặc Tàu ô chính cống, hoặc là đồng lõa với giặc Tàu ô.

Dù sao có hai bang, bang Khai-vĩ và Hà-cồ đã giao tranh (trên biển) với giặc Tàu ô, đã thắng đã đến tảng công với Tông đốc và đã xin ở lại ngoài biển đánh cá chịu thuế.

Chắc sự kiện này xảy ra là do mâu thuẫn của Tông đốc : dùng bọn Tàu ô đánh cá đánh bọn Tàu ô.

Nguyễn-công-Trú đã xử trí như thế nào ?

Người, nhàn danh Tông đốc, xuất một trăm đồng bạc, một trăm phượng gạo cấp thưởng, lại biểu chúng nên về Tàu cá. Nhưng sử ghi là chúng tình nguyện xin ở lại làm dân minh theo lệ như người Minh Hương. Công-Trú đem việc tâu lên. Ngài cho thưởng thêm năm trăm quan tiền, khiến Công-Trú đòi tới hết thảy mà hiều dù và chọn chỗ cho chúng nó ở. Nếu chỉ ưng ở trên mặt biển, sớm đi tối về thời phải đuổi ngay, chờ đẽ cho chúng nó sinh lòng xảo trá.

Sau khi đã thu xếp việc hai bang Khai-vĩ và Hà-cồ ngay tháng sau (tháng tư) sử ghi là « Nguyễn-công-Trú đem binh thuyền lại qua Trường sơn tìm bắt được bốn tên giặc, chém ngay Chiêu phủ Bình giàn được cả thảy một trăm tám mươi người, lập làm làng Hương-hoa, lại tùy chỗ chia làm bốn giáp (Giáp đông, giáp tây, giáp nam, giáp bắc) đặt Lý trưởng và giáp trưởng để quản trị, cho thuộc về châu Vân-đồn, trước bộ chịu thuế.

Công-Trúr dâng sớ tâu việc ấy.

Ngài cho.

Công-Trúr lại tuân lời dụ đòi các tên bang trưởng bang Khai-vĩ và bang Hà-cồ khiến khai trình hiện số thuyền và số người để vào sô đánh thuế.

Chúng nó thưa rằng :

« Chúng tôi quen sinh nhai trên mặt nước, nếu lên ở trên mặt đất thời không tiện việc làm ăn. Chỉ có tên Tây-thành-Đức thuộc về bang Khai-vĩ xin ở lại. Gia quyến nô dàn ông, dàn bà cả thảy năm người chia làm hai nhà. Công-Trúr cho ở cuối chân núi Đông sơn (thuộc về hòn Quen-lan, châu Vân-đồn, giáp xứ Sa-châu, mỗi nhà có một mẫu đất)

Công việc dẹp giặc Tàu ô thế này là tạm xong. Chỉ là tạm xong mà thôi tuy đã có nhiều trận thủy chiến toàn thắng và tuy ta đã đặt nhiều đồn ở những nơi hiểm yếu để phòng những cuộc cướp phá sau này của giặc Tàu ô.

Sau này giặc Tàu ô lại hoành hành. Các tướng của ta như Nguyễn-tri-Phương, Ông-ích-Khiêm sẽ phải nhiều phen vất vả.

Dù sao vào cuối xuân năm Kỷ hợi (1839), Tổng đốc Hải-an Nguyễn-công-Trúr sau hai lần ra quân, mỗi lần ba bốn tháng, đã đánh lui được giặc và đem an ninh cùng trại lại cho dân chúng.

Công việc thu xếp xong, sử chép là Ngài « đòi Công-Trúr về kinh ».

Nguyễn-công-Trú hồi kinh...

Ngài cho làm Tả Đô Ngự sử.

Chắc Ngài nghĩ nên cho nghỉ công việc binh nhung cùng ở triều thời được dịp theo dõi nhiều vấn đề toàn quốc.

Tả Đô Ngự sử Nguyễn-công-Trú ở kinh vẫn ven đưốc một năm rưỡi tròn thời vào tháng mười một năm Canh tý (1840) Ngài phái sang mặt trận thành Trấn-tây (Cao-miền) làm Tân lý Quận vụ.

Nguyên là mặt trận thành Trấn-tây năng lấm.

Tướng quân Trương-minh-Giảng cùng các tướng tá cứ lúng túng mãi. Cho nên Ngài phái Nguyễn-công-Trú sang đấy, hiệp đồng với Tả quân Chưởng phủ Phạm-văn-Điền và Thống chế Nguyễn-tấn-Làm đem binh đánh giặc. Sứ cho biết thêm chi tiết sau này: « Bởi vì Công-Trú nghĩ rằng giặc Thổ nồi lên đánh dẹp nhiều ngả nên lại xin đi »

Nguyễn-công-Trú sẽ lẩn lóc trên mặt trận Trấn-tây.

Được tín cẩn của vua Minh-Mạng, vị đại thần này tới quân thứ vào đầu tháng chạp, thời vào ngay sau mấy ngày Tết người chịu khấn tang Vua Minh-Mạng.

KINH LƯỢC ĐẠI SỨ HỮU KỲ

NGUYỄN ĐĂNG GIAI

(... — 1854)

Nguyễn-đăng-Giai nguyên là người Quảng-bình, không
biết sinh năm nào, ở làng nào, chỉ biết là đồ cử nhân.

Vào năm Qui-mão (1843), tức là năm thứ ba đời vua
Thiệu-Trị làm Tông đốc ba tỉnh Sơn-tây, Hưng-hoá và
Tuyên-quang. Ba tỉnh này là phần lớn miền Trung-du và
Thượng-du Bắc-Việt thuộc miền sông Đà, sông Lô và sông
Hát. Năm Ất vị (1847) đồ sang làm Tông đốc Hà-ninh tức
là miền biển giáp Tàu. Năm sau, được thăng Hiệp tá và
có lẽ được gọi về Triều trong một thời gian.

Nguyễn-đăng-Giai điều trần mười khoản về việc hình án,
Ngài đều y cả. Ngài đây là vua Tự-Đức mới lên ngôi
được hai năm. Rồi Nguyễn-đăng-Giai lại tâu mười ba việc
tòan là quốc kế dân sinh, Nhà vua đều y cả.

Vào tháng giêng, năm Canh-tuất (1850) Nguyễn-đăng-
Giai chức Thượng thư Bộ Hình sung Kinh lược đại sứ
Hữu-kỳ, lãnh tông đốc An-tịnh, kiêm Thanh-hoá.

Sau khi lãnh cờ tiết mao là cờ nhà vua ban cho
thời kinh lược đại sứ phải tới ly sở, « cốt để bầy điệu
lợi, trừ điệu tệ, cầm tráp quan lại, chiêu yên nhân dân ».
Đó là lời dụ của Vua Tự-Đức.

Nguyễn-đăng-Giai đã đi kinh lược như thế nào ?

.

Tôi không biết rõ công trạng Nguyễn-đăng-Giai như thế nào, nhưng sử chép đoạn sau này :

« Năm Tân Hợi (1851) sau tháng bảy, Ngài truyền dụ thưởng Nguyễn-đăng-Giai đồng quân công, gia một cấp và ngọc đeo, tiền vàng, đoạn, sa sâm, quế các hạng. Vì Nguyễn-đăng-Giai từ khi lãnh cờ tiết mao tới ly sở, xét hỏi tình dân, sửa sang việc châu, quận, cử người liêm giỏi, truất người tham nhũng, tha thuế thiểu, vô yên chô điêu háo. Bây giờ dân được đủ ăn, khỏi bị trộm cướp.

Ngài cho không kém với bậc tuần lương đời xưa nên bàn lợi dụ khen tốt lắm ». (Bậc tuần lương là ông quan địa phương giỏi.)

Hai năm sau khi được ban, vào tháng bảy nhuận, năm Giáp dần (1854) Kinh lược Nguyễn-đăng-Giai chết (tại chức ở ly sở Nghệ-tĩnh hay ở đâu, tôi không biết).

* * *

Trong một năm, Vua Tự-Đức mất hai vị kinh lược tài giỏi. Triều đình vắng các cựu thần, mà địa phương cũng ít vị tuần lương. Vì vậy Ngài sẽ phải than là không có người giúp Ngài.

Vấn đề ít nhàn tài ra giúp Ngài là ngoài đề tài bài nhỏ này.

VÕ XUÂN CẨN (... – 1852)

Tháng hai, năm Nhâm tý (1852) tức là năm thứ năm triều vua Tự-Đức, Đông các Đại học Sĩ Võ-Xuân-Cẩn về hưu, tuổi tám mươi.

Vua Tự-đức cho nửa số lương. Ngài lại cho một bài thơ. Bài thơ đó đã chép trong *thánh chế thi sơ tập*. Có hai câu như sau này :

Thiên hạ trung dung suy Bá-Thỷ.

Thế gian đức vọng sánh Văn-Công.

Hai câu này là hai câu khen. Vua Tự-Đức khen Đông các Đại học Sĩ Võ-xuân-Cẩn.

Thiên hạ trung dung, *Trung*, nghĩa là chính giữa, không lệch phía nào. *Dung* là đạo thường không khi nào đổi. *Bá-Thỷ* là tên chữ của Hồ-Quảng, người nhà Hán.

Văn-Công là thày tièn nho, của Châu-Hy nhà Tống.

• • • • •

Vua Tự-Đức quý Võ-xuân-Cẩn lắm. Ngài giữ ở triều đến năm tám mươi tuổi mới cho về hưu.

Về hưu tháng hai, năm Nhâm tý (1852) thời đến tháng tư Võ-xuân-Cẩn mất.

Vua Tự-Đức khiến dựng nhà bia ở cửa làng, chạm bốn chữ : « Tự triều nguyên lão ».

Tự triều nguyên lão nghĩa là Võ-xuân-Cần đã làm quan từ đời Vua Gia-Long rồi qua đời vua Minh-Mạng, Thiệu-Trị, đến đời vua Tự-Đức. Làm quan đến Tồng Đốc ở Bình-định, Phú-yên, rồi làm quan Đông-các ở Triều.

* * *

Võ-xuân-Cần đã có những công gì mà được trọng vọng như thế ?

Đây là một vấn đề sử học, ta phải có tài-liệu. Mà tài liệu thời khó tìm lắm.

.

Có một tài liệu cho ta biết về công và tài của Võ-xuân-Cần như thế nào.

Bộ sử *Quốc Triều chánh biên* có ghi một đoạn như sau này :

« Tháng bảy, năm Kỷ hợi (1839) tức là năm thứ hai mươi triều vua Minh-Mạng. Ngài khiến *Hiệp tá Đại học Sĩ Hình bộ Thượng thư* kiêm *Đô sát Võ-xuân-Cần* cùng với Tham tri Bộ Hộ là *Doãn-Uẩn* qua Bình-định làm phép quân điền.

Phép quân điền là gì ?

Là sự cải cách điền địa.

Trước đây, vào khoảng một trăm hai mươi năm, dân ta đã có một sự cải cách điền địa ở Bình-định.

* *

Sự cải cách điền địa do Tông đốc Bình-định, Phú-yên là Võ-xuân-Cần đề nghị về Triều... và chính Võ-xuân-Cần thi hành, sự cải cách điền địa này. Đã như thế nào ?

Thật là một cuộc cách mạng lớn lao.

Sử ghi như sau này :

« Tháng mười một, năm Mậu tuất (1838), Tông đốc Bình-phú (Bình-định và Phú-yên) là Võ-xuân-Cần dâng tập thỉnh an lên vua Minh-Mạng, nhân định việc quản điền, nghĩa là chia ruộng cho dân.

Võ-xuân-Cần đã tâu với vua rằng : « Phíam ruộng tư, cứ năm mẫu làm hạn, còn thừa bao nhiêu thời làm ruộng công, phân cấp cho dân, để làm lương điền khẩu phân ».

* *

Võ-xuân-Cần đã là một vị quan Cách mạng phụng sự nhân dân.

Sự cải cách điền địa vào năm 1839 ở Bình-định là cả một cuộc cách mạng. Đem ruộng cho dân cày, hạn chế các đại điền chủ. Cách mạng này là một trong các công cuộc của Võ-xuân-Cần.

* *

Võ-xuân-Cần, từ triều nguyên lão, đã xa ta, cách đây một trăm lẻ sáu năm... sử sách ghi công vị quan văn này.

LÊ-QUANG-TIẾN VÀ BÙI-HUY-PHIÊN

(...—1863)

(...—1863)

MỘT GIAI ĐOẠN ĐÁNH GIẶC TÀU-Ô

Vào mùa thu năm Qui-hợi (1863) tức là năm thứ mươi sáu triều vua Tự-Đức, ta đã có hai người trai tuân tiết, nhảy xuống biển mà tự tử chứ không để cho giặc Tàu bắt, ấy là Đề-đốc Lê-quang-Tiến và Tuần-phủ Bùi-huy-Phiên.

Những vị đã tuân tiết vì nước chắc đã nhiều lắm, từ tướng cho đến quân, vì lịch sử tranh đấu của Dân-tộc ta là một lịch sử rất dài. Tôi biết mấy chi tiết của hai vị anh hùng này vì đã xứng đáng ở địa vị những cấp chỉ-huy khi thất thế : chỉ có việc tuân tiết mà thôi chứ không có việc đầu hàng giặc.

Sự thề như sau này :

• • • • • • • •

Nguyên là vào hồi miền biển của ta, từ Quảng-yèn đến Móng-Cáy, giặc Tàu Ô hoành hành.

Thế nào là giặc Tàu Ô ?

Nguyên là các tỉnh duyên hải miền Nam nước Tàu, như Triết-giang, Phúc-kiến, Quảng-đông, Hải-nam thường

có những dân... bè ngoài làm nghề đánh cá mà bè trong thời làm nghề cướp bóc. Họ lẩn quất ở Vịnh Hạ-long và có khi cho thuyền xuống mãi tới hải phận Thanh-hoá. Thuyền họ đi từng đoàn, nay ở chỗ này mai ở chỗ khác, thuộc về nhiều bang. Gọi là thuyền cũng được nhưng gọi là tàu cũng được, tuy nhiên, không chạy bằng máy mà chỉ chạy bằng buồm và chèo. Thuyền to lắm, có đánh dai sắt và ở trong chia làm nhiều ô. Thuyền có nhiều tầng: tầng dưới chứa nước ngọt, nuôi gà, lợn, tầng giữa người ở, hai bên mạn thuyền có đê thủng ra những lỗ đê mái chèo, mỗi bên có thể đến vài ba chục mái chèo: thủy thủ ngồi ở bên trong, cứ nghe hiệu cồng mà ôm chèo, ngửa người ra mà bơi; từng trên là một cái sàn gỗ... hoặc đê kéo cá lên... hoặc đê đánh nhau vì có mắc súng; ba chiếc buồm to phần nhiều hình cánh dơi. Thuyền này thuận gió có thể đi nhanh lắm, thủy thủ có thể đến vài trăm người. Thật là một thứ thuyền trận.

Nếu ta không quên rằng ở bên Tàu quân lệnh ít khi được tuân theo triệt để và phân biệt dân và quân, quân giặc... lắm khi khó. Tôi không lấy làm lạ là trong các người thường dân Tàu sang đánh cá ở hải phận nước ta có một số giặc... và trong số giặc này có một số thủy quân Tàu, dù họ là thủy quân đào ngũ đem theo cả chiến thuyền, cả súng ống của Chính-phủ họ.

Dù sao, giặc Tàu Ô là giặc to, có đến hàng trăm chiến thuyền như tôi vừa tả ở trên. Họ chia làm nhiều toán nay ần, mai hiện trong những đám cù lao hiểm trở của ta ở Vịnh Hạ-long.

Họ thường cướp các thuyền đánh cá, cướp lấy thuyền, cướp lấy người... để làm thủy thủ cho họ.

Họ thường đồ bô lên các làng miền duyên hải, cướp lấy gạo, lấy lợn... cướp lấy đàn bà con gái đem về Tàu bán làm nô lệ.

Sự trạng này kéo dài mãi cho đến hồi Pháp thuộc và người Pháp có những tài liệu cho ta biết như thế.

Vậy trong sự tuần phòng miền biển từ Quảng-yên đến Móng-cáy là cả một sự khó.

Quân giặc Tàu này lại có căn cứ ở trên đất liền, như lịch sử cho ta biết.

Đọc theo bờ biển là dãy núi mà ta gọi tạm là miền Lục-an-Châu. Núi song song với bờ biển, núi đá già, có nhiều than như ở Hòn-gai, Cầm phả. Có những con sông to, sâu, nước biển khi dâng lên, (độ hơn một thước) làm mực nước cao, khiến các thuyền to có thể đi vào được. Trên núi là những rừng tre già rậm rạp. Hai bên bờ sông có những cây bần. Có nhiều thung lũng, ngóc nga ngách. Trong các thung lũng này, nhờ đất phù sa, trên các sườn đồi thoai thoái... các đồng bào Mán, Nùng, cả Thổ nữa làm ruộng, làm nương, họ ở từng chòm, chỗ này đăm nhà chỗ kia mười nhà. Người Kinh ít.

Người Mán và thứ nhất là người Nùng biết nói tiếng Tàu ; họ định an cư ở đây từ bao giờ, ta không biết. Người lương thiện có, kẻ lưu manh có, dù sao, họ ở trên địa phận ta và ta phải bảo vệ họ chống nạn Tàu Ô... nhưng ta cũng phải kiềm soát họ... nếu chính họ là

người đón tiếp bọn giặc Tàu Ô, đế bọn này có những nơi cẩn cứ địa mà tháng này là giặc biển, tháng khác là giặc trên đất liền.

Năm 1838 và 1839, Nguyễn-công-Trú, Tông-đốc Hải-an, đã phải dẹp giặc Tàu Ô, đã biết bao nhiêu lần lên tại sào huyệt giặc, sào huyệt ở biển, ở Chàng-sơn... và sào huyệt ở trên bộ là những thôn lẻ tẻ ở rải rác trong núi.

Nhưng giặc Tàu Ô, ta đánh lui năm này, năm sau giặc ấy trở lại, khi ẩn khi hiện, trong đám cù lao kỳ quái là Cù lao Vịnh-hạ-Long. Biết bao nhiêu hang cho họ ẩn nấp mà ta không biết! Về mùa đông, giá rét, sương mù bao phủ toàn Vịnh, các hòn cù lao nổi lên, dưới là biển, trên là đám sương mù... Hình dáng kỳ ảo... che dày biết bao nhiêu sự tàn ác của quân giặc.

Họ cướp phá ở đâu ?

Họ đồ bộ ở đâu ?

Họ có những hiệu lệnh mà ta không biết. Khi họ đồ bộ ở một nơi nào, dân chúng sợ hãi, tù và thõi... làng nào tự vệ làng nấy chứ không dám cứu giúp nhau. Quan quân đi tuần tiễu thời ít. Vả lại giặc Tàu Ô mạnh. Họ có thể đánh tan cả quân ta, vì thuyền họ là thuyền trận, vì họ có súng... hỏa lực của họ có thể mạnh hơn hỏa lực của ta.

Vậy giặc Tàu Ô hoành hành vào năm (1863) cũng như giặc này đã hoành hành vào năm (1838), hai mươi lăm năm về trước.

Hai mươi lăm năm về trước, Tông-dốc Hải-an là Nguyễn-công-Trú đã đánh rơi bởi giặc Tàu Ô.

Bập giờ Tông-dốc Hải-an là Nguyễn-tri-Phương lại phải đánh tan giặc Tàu Ô !

Sử chép như sau này :

« Tháng năm, năm Quý-hợi (1863) tức là năm thứ mươi sáu triều vua Tự-Đức, Ngài nghĩ tướng giặc trốn ở hòn cù lao đã lâu, sai Nguyễn-tri-Phương đổi làm Tông-Dốc Hải-an Quân-vụ. Nhưng cho đem binh lính Bắc (Bắc-ninh) và thuộc viên hiệu phái : đi qua tỉnh Đông (Hải đông tức Hải-dương) đổi Trương-quốc-Dung làm Hiệp-thống.

Ngài dạy phải giúp nhau cho mau rồi việc đánh giặc.

Hồi đó Nguyễn-tri-Phương sáu mươi lăm tuổi.

Vậy vị lão tướng này nhận trọng trách đánh giặc Tàu Ô, cũng như Nguyễn-công-Trú hai mươi lăm năm về trước.

Đã có rất nhiều trận thủy chiến.

Thuyền ta nhỏ, thuyền địch lớn. Hoả lực của địch có thể hơn cả ta. Địch xuất hiện bất ngờ, có thể tránh... rồi nhứ ta vào chỗ hiểm mà phản công. Vậy tiễn trừ giặc Tàu Ô ở Vịnh Hạ-long là một công việc rất khó.

Người Tàu thường gây cho ta những việc khó như thế.

« Tháng năm, năm Quý-hợi (1863) Hải-an thủy đạo Thống-chế Lê-quang-Tiến đuổi giặc tại Phủ Hà-nam thuộc tỉnh Quảng-yên ».

« Đuỗi giặc » là thế nào ?

Đọc sử ta, lầm khi «bực mình» vì sử thần chỉ ghi qua loa mà thôi, khiến chúng ta khảo cứu sử phải liệu mà hiểu.

Theo ý tôi thời đã có một sự tập trung thuyền giặc... để mưu một sự đồ bộ nào... hoặc để đánh ngay một cảng cứ quân sự nào của ta. Nhưng thủy đạo Thống-chế Lê-quang-Tiến đã đuổi được. Nghĩa là đã phải có một trận thủy chiến mà địch đã có thể khởi công.

.

Sử cho ta biết chi tiết sau này :

« Giặc biển Hải-an, từ khi bị thua tại Hà-nam đêm hơn năm trăm chiếc thuyền chia ở hòn Cát-bà và Đồ-sơn. Hai lần gặp gió bão thuyền giặc bị chìm, hư nhiều lầm, rồi tên Độ chết.

Đề-đốc Lê-quang-Tiến, Tuần Phủ Bùi-huy-Phiên nghĩ rằng bây giờ thắng tới sào huyệt giặc thời có thể mau dẹp yên, hai người mới chia binh mạo hiểm mà tới, không dè binh Hậu-Đạo gấp giặc đã bỏ chạy trước Trung-Đạo và Tiền-Đạo bị giặc giáp đánh ».

Vậy giặc đã rất mạnh.

- 1.— Đánh tập hậu, Hậu-Đạo không địch nổi, chạy...
- 2.— Giáp đánh Tiền-Đạo và Trung-Đạo.

Phải chăng vì ta đã xung vào sào huyệt giặc mà đường lối không biết, hoặc bị sương mù che mắt đường (đây là về tháng chín ở Bắc, trên Vịnh Hạ-long mà sương mù đến tám chín giờ sáng mới tan) hoặc giặc đã phục quân ở trên các cù lao bắn xuống.

Dù sao đã phải có một trận thủy chiến rất ác nghiệt.

Vì thủy quân Thống-chế Lê-quang-Tiến, dưới sự lãnh đạo của Tống-Thống Quân-vụ Nguyễn-tri-Phương, là người tri thủ, đã phải tính toán sửa soạn kỹ trước khi xông vào sào huyệt giặc. Cả ba đại binh thuyền của ta đều bị đánh !

Chắc đã biết bao thủy quân ta hy sinh vì nước !

Trong các thủy binh này, có hai vị mà lịch sử ghi tên, ấy chính là : Thủy quân Thống-chế Lê-quang-Tiến và Tuần Phủ Bùi-huy-Phiên.

Sử ghi gọn ghẽ như sau này :

« Quang-Tiến và Huy-Phiên nhảy xuống biển tự tử ».

.

Vào năm 1952, tôi có dịp ra Hòn-Gay và ở đây mấy hôm... rồi lên Cầm-Phả. Có đường bộ đi ô-tô, có đường thủy đi ca-nô. Tôi đi vào mùa rét.

Tay tôi cầm bản đồ, cầm sứ liệu trên đây... và tôi nhìn các cù lao hình dáng huyền ảo vào buổi sáng, khi sương mù chưa tan... nhìn các thuyền len lỏi trong đám cù lao... và tôi tưởng tượng lại cái chết anh dũng của hai người TRAI VIỆT-NAM, một văn là Tuần-phủ Bùi-huy-Phiên, một võ là Thủy quân Thống-chế Lê-quang-Tiến.

Thà rằng nhảy xuống bể, cùng chết vì nước, với anh em bộ đội còn hơn kéo cờ đầu hàng.

Thực là những vị Tướng xứng đáng với Quân.

Sử chép rằng :

« Ngài nghe tin, tiếc lầm, cắp tuất rất hậu ».

Câu sử này không phải là « đầu lưỡi » vì sử ta kín đáo lầm : vua Tự-Đức đã rất đau khổ !

Còn Tông-Thống Quản-vụ Nguyễn-tri-Phương ?

.

Đại-đội binh thuyền bị phá hủy. Thủy quân Thống-chế là tay phải của mình, Tuần-phủ là tay trái của mình đều bị hại... còn biết bao nhiêu anh em binh sĩ, từ xuất đội trở xuống...

Phải lập lại một đại đội chiến thuyền, phải đánh cả bộ...

Đây là vấn đề quân sự.

.

Nguyễn-tri-Phương, một lão tướng, đã phải nghĩ như thế nào ?

Chắc đã phải có nhiều trận khác... có nhiều người trai khác, dù là lão trai... Ngay cả Nguyễn-tri-Phương nữa. Vì chắc Nguyễn-tri-Phương cũng nhờ rằng cách đây mươi lăm năm, chính Tông-đốc Hải-an Nguyễn-công-Trú đã ba lần đem quân xông vào sào huyệt giặc Tàu Ô ở Chàng-sơn, rồi đánh bộ, đốt hết căn cứ lục địa của giặc.

Sử chỉ ghi gọn ghẽ một câu mà thôi.

« Rồi đảng giặc bị quan binh bắt nhiều lầm ».

Nhưng không phải dẽ mà bảo thủ được, cho Thống-chế Hải-an Lê-quang-Tiến và Tuần-phủ Bùi-huy-Phiên.

Trong trận đánh giặc Tàu Ô ở La-khê và Hà-bắc, Hiệp Thống Trương-quốc-Dung, Tân Lý Văn-đức-Khuê, Tân tương Trần-huy-Sách đều bị hại, nghĩa là đều tử trận.

Chưởng vệ Hô-Thiên bị giặc bắt không chịu khuất.
Sử chép :

« mà chết » : cắn lưỡi mà chết hay sao ?

Trận La-khê và Hà-bắc xảy ra vào tháng sáu năm Giáp-tý (1864), chín tháng sau khi Lê-quang-Tiến và Bùi-huy-Phiên tuẫn tiết.

Nhưng sau Nguyễn-tri-Phương thắng.

Sử chép là vào tháng tư, năm Ất-sửu (1865), Nguyễn-tri-Phương khiến Nguyễn-văn-Vĩ đốc thuyền đến đánh. Giặc còn độ ba trăm chiếc thuyền ở cù lao Phò-Long và Cát-bà. Sử ghi là « bắt sống và chém nhiều lăm, giặc sợ hãi chạy tan » và « Ngài nghe tin thắng trận, ban dụ khen ».

Nguyễn-tri-Phương đã trả được thù cho toàn thể anh em binh sĩ từ Thống-chế trở xuống.

Nhưng sau, Ông-Ích-Khiêm lại phải nhiều phen vất
vả với giặc Tàu Ô... nhưng ta sẽ thắng.

• *

Trong bài nhỏ này tôi nhắc lại gương sáng của hai người TRAI ĐẤT VIỆT, một văn, một võ đã xông vào sào huyệt giặc, rồi vì thất thế, nhảy xuống biển tự tử chứ không đầu hàng.

Rồi ta đã có cuộc đánh báo thù, ta đã lại bị thất bại, lại biết bao nhiêu tướng, tá, quan bị hại.

Nhưng sẽ còn những cuộc đánh báo thù khác, do Ông-Ích-Kiêm điều khiều, đánh thủy, đánh bộ, đánh tới biên thùy Trung-hoa vĩ đại.

Ta đã trường kỳ kháng-chiến, và ta đã thành công.

Về Ông-Ích-Kiêm tôi sẽ có bài sau.

THỐNG CHẾ VÕ - TẢO (... — 1863)

Vào cuối tháng ba, năm Qui-hợi (1863), tức là năm thứ mươi sáu triều Vua Tự-Đức, cách đây đúng chín mươi sáu (96) năm, ở Quận thứ Tuyêñ-quang, Thống-chế Võ-Tảo đã xa cơ, bị giặc Tàu bắt. Người đã tự tử. Đầu đuôi câu chuyện như sau này :

Nguyên là hời đó, ở ngoài Bắc, có một đảng giặc to, nôm na gọi là giặc Cai Tồng Vàng. Tên thực y là Nguyên-Thạnh.

Y tự xưng là Nguyên-Soái. Y suy tôn một người sử ghi tên là Huân, dòng dõi nhà Lê, làm Minh-chúa.

Phải chăng đây là một sự quật khởi của con cháu Nhà Lê, chống lại Nhà Nguyễn ?

Dù sao, đảng giặc này mạnh vì sử ghi rằng : « Lại thông với đảng giặc ở Quảng-yên, tụ hội đến vài ngàn người ».

Đảng giặc ở Quảng-yên phần đông là người Tàu, người Nùng.

Đảng giặc này to và sử cho biết chi tiết sau này : « Giặc xâm chiếm các phủ huyện Lạng-giang, An-dũng rồi tới vây thành tỉnh. »

Tỉnh đây là tỉnh lỵ Bắc-giang bây giờ, ở trên bờ sông Thương.

Việc này việc to.

Các quan đã đổi phó như thế nào ?

Sử chép rằng :

« Bố chánh Hà-nội Nguyễn-khắc-Thuật, Bố chánh Sơn-tây Lê-Dữ, Phó Lãnh-binh Hưng-yên Võ-Tảo hội ba đạo binh tới đánh ».

Vậy, giặc Cai Tông Vàng đã chiếm một phần lớn miền Trung-du, nhưng quan quân từ Hà-nội, Sơn-tây, Hưng-yên đã theo bà ngã mà cùng tiến.

Trong công cuộc dẹp loạn này, Phó Lãnh-binh Võ-Tảo đã lập được nhiều quân công.

Sử cho biết chi tiết sau này :

« Võ-Tảo đánh tiếp hơn mười trận, đều thắng cả. Tảo liền kéo quân lướt tới, quân trong thành (Lạng-giang) ra giáp đánh. Thậnh thua, chạy. Rồi giải vây Bắc-ninh. »

Việc tâu về Triều.

Sử chép rằng : « Ngài cho Võ-Tảo tới trước, đáng công đầu, thưởng thụ Lãnh-binh gia trưởng bài vàng, tiền vàng nhưng lãnh chức cũ (ở Hưng-yên). »

Ngài lại truyền chỉ cho Tông-đốc Quân-vụ Đại thần là Tôn-thất-Hàn thống quân biền binh lập tức đuổi theo. dẹp yên giặc ấy.

* * *

Nhưng có dễ mà phá tan nội loạn này đâu ! Nguyên tên Huân có liên lạc với người Nùng làm giặc ở Quảng-

yên. Người Nùng ở bên ta cũng có, ở bên Tàu cũng có. Người Nùng lại thông với người Mán, người Thổ, nghĩa là với tất cả đồng bào thiểu số ở phía Bắc sông Nhị-hà.

Có một tên trùm giặc Nùng, ấy là Nồng-hùng-Thạc và có tướng thồ phỉ Tàu, đảng giặc cờ vàng, tên là Hoàng-sùng-Anh.

Sử chép rằng vào tháng tám năm Nhâm-tuất (1862) giặc Huân cùng Nồng-hùng-Thạc là thồ phỉ tỉnh Tuyên-quang và bọn Hoàng-sùng-Anh là giặc cồ phỉ bên Tàu hiệp đảng loã hơn mươi ngàn người, vây tỉnh Tuyên-quang.

Bố-chánh Nguyễn-tất-Tổ và Án-sát Nguyễn-văn-Tổ nạp thành cho giặc, rồi chạy.

Việc này là việc lớn. Tin bại trận đưa về Triều.

Vua Tự-Đức bèn phái Nguyễn-tri-Phương làm Tây-bắc Tông Thống Quân vụ Đại thần. Năm đó, Nguyễn-tri-Phương đã sáu mươi ba tuổi ?

Phủ doãn Phan-dinh-Tuyên làm Tân lý.

Chưởng vệ Tôn-thất-Huệ làm Đề đốc.

Ba vị này đã từ kinh ra quân thứ Tuyên-quang.

Hai vị Phan-dinh-Tuyên và Tôn-thất-Huệ đã bị giặc Tàu giết tại trận.

Còn Võ-Tảo thời ra sao ? Võ-Tảo đã được thăng làm phó Đề đốc và lẽ tất nhiên là vị quân nhân này đã ở quân thứ, dưới trướng Tông thống quân vụ Nguyễn-tri-Phương. Tình hình chiến sự như thế nào ?

Tra trong sử, ta thấy tài liệu sau này :

« Năm Quý hợi (1863), tháng ba, quân thứ Sơn-tây lấy lại được thành tỉnh Tuyên-quang.

Khi ấy Đề đốc Phan-hữu-Xuân, Phó Đề đốc Võ-Tảo, thường tá Nguyễn-hữu-Tạo chia đạo, tấn binh, xông tới thành tỉnh Tuyên-quang.

Đảng giặc không kịp vào thành, chạy tán hết thảy. Giặc ở trong thành cũng đều chạy trốn.

Quan quân vào thành, bắt tên Huân, bỏ vào cùi giải nạp ».

Sử liệu dẫn trên cho ta biết rằng quan quân ta đã toàn thắng. Và trong sự thắng này, công của phó Đề đốc Võ-Tảo không phải là nhỏ.

* * *

Ta lấy lại được thành Tuyên-quang.

Võ-Tảo được lưu ở đấy để tiêu trừ dư đảng giặc Tàu.

• • • • • • • •

Nhưng sau, không biết ở trong trường hợp nào, Người bị giặc bắt sống.

Sử chép là Người đã tự tử. Sử không ghi là bằng cách nào, nhưng có lẽ Người đã cắn lưỡi mà chết, chứ không chịu đầu giặc Tàu.

Phó Đề đốc Võ-Tảo sau được truy tặng Thống chế.

Tang thương biến cải.

Thành Tuyên-quang bị san phẳng rồi, trọng hồi kháng chiến...

Nhung nước sông Lô còn ghi sự hy-sinh của một quân nhân Việt-Nam chống nhau với quân Tàu, ấy là Thống chế Võ-Tảo.

Người đã xa anh em chúng ta đúng chín mươi sáu năm (96).

Vì quân nhân này đã xứng đáng với Trung quận Đoàn thọ, Tông Thống Quàn và Nguyễn-tri-Phương và Tông đốc Hoàng-Diệu.

Ba vị này được thờ chung ở đền Trung-liệt, thuộc Thái-hà ấp, cách Hà-nội độ dăm cây số.

Đền này hàng năm, vào ngày mồng năm tháng giêng, dân chúng lũ lượt đến chiêm bái. Và hồi trước được ghi là quốc tế.

Còn thi hài đức Thống chế Võ-Tảo thời ra sao?

Chắc quân Tàu đã vát xuống sông Lô rồi.

Chúng ta ở miền Nam đất Việt, nhớ tới sông Lô.

Bài nhỏ này là một nén hương thấp xa, vọng về đất Bắc... vọng về hương hồn một liệt sĩ... đã tự tử chứ không đầu hàng quân Thổ phi Tàu. Người là Thống chế Võ-Tảo.

MỘT CHIẾN CÔNG CỦA VÕ-TRỌNG-BÌNH

SỰ ĐẸP GIẶC TÀU, THỔ PHỈ Ở CAO-BẰNG

VÀO NĂM 1865 — 1866.

Vào tháng tám năm Ất sứu (1865) tức là năm thứ 18 triều vua Tự-Đức, giặc cỗ phỉ (có bản chép là Thổ phỉ) Tàu khuấy rối các phủ huyện tỉnh Cao-bằng.

Lãnh binh Bùi-Phó đem binh tuần tiễu, giặc liền kéo binh đánh hầm tỉnh thành... quân ta thua... Việc báo tới triều đình.

Vua Tự-Đức bèn phái kinh lược Võ-trọng-Bình đem đại binh đến dẹp giặc Tàu.

Các việc này như thế nào ?

Đó là đề tài bài khảo cứu nhỏ này.

Tôi theo tài liệu của quốc sử quán.

Trước hết, ta nên nhớ lại địa thế Cao-bằng và Lạng-sơn.

Ở miền núi non hiểm trở là miền Nam nước Tàu và miền Việt-Bắc nước ta, đất xấu, rừng xấu, dân cư lơ thơ, ở từng chòm độ vài ba chục nhà. Dân này lại rất phực tạp. Ở bên ta cũng như ở bên Tàu, ở phía núi này hay ở phía núi nọ, từ Cao-bằng tới Móng-cáy

là dân Nùng. Họ có tiếng nói riêng, tuy lơ là tiếng Tàu Quảng-đông ở thung lũng bên ta là đồng bào Thồ, có thể nói là không có đồng bào Mán.

Ở giữa miền này, có một dải đất thấp, là thung lũng sông Băng-giang và sông Kỳ-cùng. Thung lũng này hướng Tây-bắc — Đông-nam, có một thung lũng nữa kéo dài tới bờ biển tới Tiên-yên. Con đường đất thấp này, có sông chảy là một con đường gãy của mặt đất, song với con đường gãy sông Nhĩ-hà và sông Đà. Có nhiều nơi, thung lũng rộng ra thành những đồng bằng nhỏ, hình lòng chảo.

Sông Băng-giang và sông Kỳ-cùng đều chảy sang Tàu, sang sông Tây-giang và trên bờ con sông này đã thành lập tinh ly Quảng-đông.

Người Pháp có làm một con đường to mà họ gọi là con đường biên giới, có một đoạn rất dài chạy từ Cao-băng qua Thất-khé. Đồng-đăng, Lạng-sơn rồi thẳng đến Tiên-yên, gọi là đường số Bốn.

Trong thung lũng sông Băng-giang có một miền đất rộng hình chảo, tinh ly Cao-băng đặt ở đây. Tỉnh ly Lạng-sơn đặt trong thung lũng sông Kỳ-cùng ở giữa một miền đất tốt, cũng hình lòng chảo. Trong hai thung lũng này, dân Thồ ở, một loại dân Thồ pha người Kinh. Vì sau khi nhà Mạc thất thế, triều đình nhà Mạc lén đóng ở Cao-băng và có nhiều dân cư đi theo khai khẩn đất đai, từ đầu thế kỷ thứ 17. Lên đó người Kinh đồng hoá người Thồ và các họ quan lang, trước đây đều là dòng dõi người Kinh cả.

Ở trên Cao-nghuyên đá vôi, thuộc miền Hà-lang, Trùng-

khánh phủ dân là dân Nùng. Họ không có ruộng trâu cày, thường chỉ ăn bắp, họ thiếu gạo, thiếu muối, thiếu các thứ đồ dùng hàng ngày. Thung lũng sông Bằng-giang và sông Kỳ-cùng có gạo, có muối — vì đường thông thương tiện với đường xuôi — nên thường bị người Tàu, hoặc ở bên ta, hoặc từ bên Tàu tràn qua mà cướp phá. Nếu họ mạnh thời họ chiếm tỉnh thành, cai trị dân và đây là một sự lấn đất, sau những cuộc tàn sát ghê gớm vì người Nùng hung hăng lăm.

Sử chép rằng :

« Tháng tám năm Ất sửu (1865) tức là năm thứ mươi tám triều vua Tự-Đức, giặc Thổ phi Tàu quấy rối các phủ huyện tỉnh Cao-bằng ».

Ở tỉnh ta có quân đội đóng, dưới sự chỉ huy của một vị lãnh binh.

Vị lãnh binh còn có bỗn phận phải đi tuần tiễu toàn hạt. Bình của ta ít lăm và phần nhiều là lính thú, nghĩa là lính lấy ở miền xuôi đưa lên. Đường đi thời xa, khi hậu lại có một mùa rét cắt ruột, rùng hời đó còn nhiều, thành đời của một người lính thú ở Cao-bằng, Lạng-sơn khô hơn đời của một người lính đồn điền ở miền Hậu-giang (Nam-kỳ).

Súng thời là súng hỏa mai, giáo thời nhiều khi là giáo tre, thuốc men không có, gạo ăn thường có khi thiếu : người lính thú lại phải phá rừng để làm nương. Các đồn của ta ở lẻ tẻ tản mát mà quân của ta, nào đâu phải toàn là lính trận ? Núi non lại hiểm trở, lam

sơn chướng khi bốc lèn ngùn ngút vào mùa mưa, đường xá lại không tưởng vì các đường rừng ngóc nga ngách, chỉ thồ dân mới biết mà thôi. Nếu thồ dân mà đi theo quân giặc thì thật là nguy hiểm.

Vậy giữ vững được bờ cõi về phía Cao-băng. Lạng-sơn đem an ninh và trật tự cho dân chúng, người Kinh người Thồ và ngay cả người Nùng ở địa phận nước ta nữa là cả một sự khó khăn.

Nếu chính người Nùng này lại nổi loạn, lại có người đồng chung họ ở Tàu tràn sang thế là một sự rất quan trọng.

Sử chép như sau này :

« Lãnh binh Bùi-Phó đem binh tuần tiễu. Giặc liền kéo binh đánh hầm thành tinh. Bố chánh Nguyễn-Mẫn, án sát Dương-gia-Huấn lùi đóng ở làng Cao-củng, nhóm lại những quân còn sót. Thự tuần phủ Lạng-Bình (Cao-băng, Lạng-sơn) là Trịnh-lý-Hanh nghe báo liền phái bốn trăm lính đóng triệt chõ Bông-phong và đem việc ấy tâu lên ».

Vậy tình hình tinh Cao-băng vào tháng năm Ất siêu (1865) có vẻ nghiêm trọng. Lãnh binh thời đem quân đi tảo thanh, trên một diện tích mông mênh ; Bố chánh, Án sát không giữ nổi thành phải bỏ thành rút ra ngoài. Tuần phủ (chắc đóng ở Lạng-sơn) cho có Bốn trăm quân đóng triệt đường về của Thồ-phỉ (đồn Bông-phong ở mé sau thành Cao-băng, trên con đường sang Tàu). Rồi việc tâu về triều.

Giặc Thổ phỉ ở Cao-băng vào mùa thu năm Ất sứu (1865) là một giặc to : quan tỉnh chống không lại. Chắc là quân Tàu tha hồ phá làng mạc... và gặt lúa, vì lúa đã chín rồi, hay đã do dân Thổ Kinh đã gặt về rồi ; chỉ việc đến mà cướp.

* * *

Quyết định của vua Tự-Đức ra sao ?

Sử chép như sau này :

« Ngài dù Kinh lược Võ-trọng-Bình và tuần phủ Trịnh-lý-Hanh phải gấp đại binh qua Cao-băng hiệp cùng Bùi-Phó mà đánh giặc, hoặc qua Bông-phong điều độ.

Còn Nguyễn-Mẫn, Dương-gia-Huấn hãy cho cách chức, tung quân hiệu lực. Nếu hai người ấy, xét chức chẳng kham thời phải cử người giỏi khác. Chờ đê sanh rồi chốn biên cảnh ».

Vậy theo tài liệu trên ta nhận thấy là :

1.— Vua Tự-Đức ra lệnh đánh. Quân chính quy phải hợp với quân địa phương. Mà toàn quân phải do chính kinh lược VÕ-TRỌNG-BÌNH điều khiển.

2.— Cải tổ cách chỉ huy. Toàn quyền ở Võ-trọng-Bình.

3.— An ninh và trật tự phải đem lại miền Cao-Lạng. Nếu không thời Võ-trọng-Bình sẽ có tội.

* * *

Võ-Trọng-Bình sứ tri như thế nào ?

1.— Trước hết đem đại binh mà tôi không biết số

là bao nhiêu, đi từ đâu tới, nhưng binh đây là trận binh, là quân lính tinh-nhuệ tới Lạng-Sơn. Ta sẽ đánh từ dưới lên, theo đường Đông-Đăng Thất-Khê.

2.— Xin cho nguyên Án-sát Ngô-văn-Độ sung chức Tán-lý, tri-phủ Nguyễn-cao-Binh và Trần-văn-Mỹ sung Tán-tương, đốc đồng bọn tùy-phái Võ-huy-Thụy, đốc binh Hoàng-Ninh, chia coi các đạo quân.

Võ-trọng-Binh chắc tự mình cắt đặt tướng tá, rồi sau mới tâu về triều. Dù sao sứ chép là vua Tự-Đức chuẩn-y sự bồ-nhiệm đó và ngài có dụ rằng: « Nay binh đã nhóm đóng, phải hết lòng hiệp sức dẹp yên cho thư lòng ta lo lắng phía Bắc. »

Tháng mười, Võ-trọng-Binh đến thành Lạng-Sơn.

1.— Trước hết vị Kinh-Lược này thảo tờ hịch, báo cho Thân, Biên, Hào mục ở toàn tỉnh Cao-Bằng nhóm quan hương dũng, án cứ địa-phận túc như đã ra lệnh cho các Thủ hào phải động-viên dân quân mà làng nào phải giữ lấy làng ấy, chờ cho quân giặc phạm vào.

2.— Rồi Võ-trọng-Binh đem quân đến đóng tại Bông-Phong.

3.— Sau phái Ngô-văn-Độ, Nguyễn-cao-Binh tới đóng ở trạm Cao-Nhã và Cao-Phước.

4.— Liên-lạc với lính tỉnh Cao-Bằng định ngày đánh lấy thành. Vậy du-kích xã địa-phuong-quân đều đã được lệnh tự-vệ, và Võ-trọng-Binh sẽ khởi thế công bằng Tinh-binhh.

Về phía Thái-Nguyên, tình-hình như thế nào ?

Giặc giã nỗi lên, giặc Mán, giặc Nùng. Nguyễn-tri-Phương lãnh trọng trách đánh bọn này, phải phái phó đè-đốc Nguyễn-hữu-Thạn và đốc-binh Nguyễn-văn-Tư đem năm trăm quân và một con voi đi tuần tiễu, rồi sau lại tâu xin khiến Đặng-trần-Chuyên qua tỉnh Thái-Nguyên cho gấp, thương tá quân vụ, đề tỏ ý chiếm tỉnh Cao-Bằng, tùy cơ tính việc đánh, giữ ».

Tôi không biết Đặng-trần-Chuyên bị phái từ đâu tới ; dù sao Nguyễn-tri-Phương lo tảo-thanh miền Thái-Nguyên để cho mặt sau Cao-Bằng được yên. Giả-thứ mà Võ-trọng-Binh có bị thua ở Cao-Bằng thì có chõ mà rút lui, khỏi bị đánh đằng sau và Thái-Nguyên sẽ là mặt trận thứ hai. Chi tiết này cho ta biết là giặc Thổ-phỉ Tàu mạnh lăm và có thể tràn trên khắp miền Bắc-Việt.

.

Suốt trong bốn tháng, từ tháng tám cho đến tháng chạp năm Ất-sửu (1805) — là bốn tháng trời rét lầm — tôi không thấy sử ghi gì về việc đánh nhau. Đến ra giêng năm Bính-Dần (1806) sử mới ghi « quan quân lấy lại phố Bông-Phông, chạy cờ đỏ về báo tiệp ». Sử ghi tiếp : « Ngài mừng ban rằng : phố Bông-Phong là đường phía sau tỉnh Cao-Bằng, nay đã lấy lại thời tỉnh, thành cũng lần lần được yên. » Rồi ngài khiến lấy cờ báo tiệp truyền ra cho thần dân đều biết và dụ khen thưởng các quân binh.

Rồi tháng sau, ta đánh các đồn mà quân Tàu đã xây đắp kiên cố. Ta lấy được hai đồn là Thương-hà và

Thồ-sơn nhưng có một cái đòn gọi là Đòn Kho sủ chép là « đất hiểm, thành bền, lấy chưa được. »

Võ-trọng-Bình bèn dâng sớ về triều xin thêm lính Thanh-hóa, Nghệ-an, một ngàn năm trăm người và đề cử Đinh-Hội quyền làm Đề-đốc quân đem lính ấy qua quân thứ Cao-bằng để sai phái.

Vậy tôi chắc là ta đã thiệt hại nhiều. Vua Tự-Đức y cho lời tâu ấy và sủ chép thêm là: « Ngài khiến quan quân thứ phủ, ủy, khuyến khích người Thồ, lo giữ-gìn lấy, khỏi phiền lính xa kéo tới. Công đã gần, nên phải gắng cho rời mới được. ».

Đạo quân Thanh-Nghệ chắc phải đi đường bộ, vì là mùa gió bắc, đi thuyền không được. Và lại đồ bộ ở đâu ?

Chỉ đi đường bộ năm bảy ngày, mười ngày là cùng sẽ đến nơi quân thứ. Nếu vừa đi vừa tảo thanh thời có thể là nửa tháng. Đường đi chắc là đường La hiền, Đinh cả, vòng theo dãy núi Bắc sơn. Cuộc hành-quân này đã phải vất vả. Trời đã trở rét mà sự tiếp-tế chắc thiếu-thốn.

Ở quân thứ Cao-bằng, tình-hình ra sao ?

Sủ chép là giặc chiếm trạm Cao-phước và Cao-nhã.

Chiến thuật của Võ-trọng-Bình như thế nào ?

Tấn công hay giữ ?

Quân Thanh-Nghệ tới bao giờ ? đã đánh nhau ra làm sao ?

Tôi không có tài liệu để trả lời. Tôi thấy sử chép như sau này : bọn Nguyễn-cao-Binh đón chỗ hiểm yếu, trong thời phòng giữ rất nghiêm, ngoài thời giả bộ thong thả. Bởi thế bọn giặc đánh, cướp lấy không được mấy, người đông, lương thiếu đưa thư xin hàng. »

Tôi không biết vào năm nào, nhưng vào khoảng tháng ba năm Bính-dần (1866).

Võ-trọng-Bình cho hàng.

Sử chép là « tướng giặc Trương-cần-Bang đến cửa quan chịu tội, nạp lại thành tinh. Đại binh vào thành đóng, giữ. Quân giặc lui ra, đều cho về Tầu, chỉ cho bọn Cần-Bang ở lại làm dân cày ruộng để buôn bán sanh lý. Khi nào có việc sẽ cho hiệu phái ».

Ngài được tin báo tiệp ; liền làm bài thơ « hỉ tiệp » chép ở « Thi sơ tập » lại truyền dụ khen thưởng các quan binh. Tôi không được biết bài thơ này.

* *

1.— Giặc Thổ Phi Tầu khuấy rối các phủ huyện tỉnh Cao-bằng từ tháng tám năm Ất-sửu (1865), chiếm giữ tinh thành, đến tháng ba năm sau (1866) Bính-dần thời tướng giặc Trương-cần-Bang xin đầu hàng ; vậy giặc đã hoành hành 6, 7 tháng trời.

2.— Quan quân địa phương không chống nổi vì lãnh binh đem quân đi tuần tiễu có lẽ số lính ở thành ít quá-chắc chỉ là lính thú — nên Án-sát và Bố-chinh phải bỏ thành rút quân ra ngoài. Tuần phủ ở Lạng-sơn cho quan

lên đóng ở Bông-Phong, chặn đường quân Tầu rút lui và phi báo về triều đình.

3.— Vua Tự-Đức phái Kinh lược Võ-trọng-Bình lên đánh quân Tầu xâm lăng.

Võ-trọng-Bình có đại binh nhưng không đánh nổi quân Tầu ra khỏi Cao-bằng nên phải xin quân Thanh Nghệ ra tiếp chiến.

4.— Ta đã phong tỏa quân Tầu ở Cao-bằng. Quân Tầu phải đầu hàng trả lại thành.

5.— Ta tha cho về hết bên Tầu chỉ giữ lại tên đầu mục cho làm ăn buôn bán. (để dẽ kiểm soát).

Phụ chép :

Tháng năm, Võ-trọng-Bình về Bắc-ninh cùng với Phạm-chi-Hương có dâng sớ lên ngài, tâu xin 4 việc nên làm để giữ Cao-bằng :

1.— cho dân mượn tiền để mua đồ làm ruộng.

2.— phái lính Bắc-ninh đóng giữ đồi lính Nghệ về.

3.— Triển ngạch hương binh thiếu và lập thêm đồn canh giữ.

4.— Khuyến kêu thồ hào môt lính đồn điền.

Ngài đều chuẩn cho làm.

Sang năm Đinh-mão, Võ-trọng-Bình và Nguyễn-tri-Phương xung cơ mắt viễn đại thần. Nguyên là hai vị này đã về kinh phục mang vào tháng 10, 11 Bính-dần (1866) sau khi dẹp tan giặc Tầu ở Bắc.

Sử cho biết chi tiết sau này :

— Khi hai người vào chầu, Ngài rót Ngự-tửu ban cho và cho ăn yến tấu nhạc, tướng sĩ biền binh đều che dự yến coi hát cho thỏa tình trên dưới. Lại ban tiền vàng và ngọc đeo các hạng cho các quan tỉnh có dự việc đánh giặc. Nhân ban àn chiếu cả thảy 22 khoản.

Tháng 10 năm Mậu-thìn (1868) nghĩa là ở kinh được đúng 2 năm Võ-trọng-Bình được ngài cho lãnh Tông-đốc Hà-Ninh nhưng sung khâm sai Đại thần ba đạo quốc thứ Tuyên - Thái - Lạng.

Sử chép là :

« Vì Ngài nghĩ Trọng-Bình khi trước đã làm Tông-đốc Ninh-Thái và kinh lược Lạng-Băng, tình thế giặc và địa thế vẫn rõ hơn nên Ngài sai đi ».

Tháng ba năm Kỷ-ty (1869) ta lại thấy Võ-trọng-Bình ở mặt trận Cao-băng — Lạng-sơn hiệp với đô đốc Tàu là Phùng-tử-Tài để dẹp loạn Thổ phỉ giặc đã chiếm được Cao-băng lần II, Võ-trọng-Bình lấy lại tỉnh (tháng 5). Giặc lại đánh Lạng-sơn (giặc Tô-tú) vào tháng 10. Trung quân Đoàn-Thợ tử trận, Võ-trọng-Bình trèo thành chạy cùng với Nguyên-văn-Tường.

Võ-trọng-Bình, không biết vào năm nào bổ làm Tông-đốc Sơn-tây. Sử cho ta biết việc trị dân của viên quan này.

Tháng 9 năm Canh-thìn (1880), Tông-đốc Sơn-tây Võ-trọng-Bình vào chầu.

Ngài hỏi : Khanh trị dân thế nào mà dân yêu ?

Tâu rằng: Tôi chỉ cầm ngăn thuộc lại, nghiêm chấp trộm cướp và nếu phủ huyện phàm tập trung không được giam lâu. Mỗi năm đến lấy thuế cũng phải tới nơi mà ngó. Tôi chỉ làm việc tôi biết đó thôi.

Pháp lấy thành Hà-nội lần thứ II, Hoàng-Diệm tự tử, rồi lấy thành Nam-định, Lê-Điềm chết trận... Võ-trọng-Bình mà tôi không biết lãnh trọng trách gì vào tháng 3 năm Quý-vị (1883) bị cách chức hiệu lực.

Tôi không có tài liệu nào thêm về Võ-trọng-Bình.

MẤY CHI TIẾT VỀ TRƯƠNG-ĐĂNG-QUẾ

Ở Thé-Miếu, tại Huế, Trương-đăng-Quế được thờ, tòng tự, từ năm 1868. Trương-đăng-Quế mất tháng hai, năm Ất-sửu (1865).

Về tiểu sử Trương-đăng-Quế, tôi tra cứu, không thấy tài liệu về công trạng.

Thé-Miếu là một nhà thờ ở trong Nội (nội thành). Ở trước sân có chín cái đinh đúc năm Ất-vi (1835), tức là năm thứ mười sáu đời vua Minh-Mạng. Nhà thờ này thờ những vị đã có công to với Nhà Nguyễn.

Ai khảo cứu lịch sử, tới Thé-Miếu, vào nhà thờ, xem các bài vị, ra sân, nhìn chín cái đinh... rồi tra cứu các sách...

Sách của ta còn lại, ít lăm...

Người khảo cứu bằng khuất...

Về Trương-đăng-Quế, tôi chỉ biết một vài chi tiết và một bài thơ của vua Tự-Đức mà tôi xin sao lục ra sau đây.

* * *

Năm Ất-vi (1847), tháng chín, Vua Thiệu-Trị băng tại cung Càn-chánh.

Trước khi băng, Ngài có đòi mấy vị đại-thần vào chầu.

Tôi chép đúng sự như sau này (tài liệu này rất quý) :

« Ngài se, đòi *Cố-mạng lương-thần Trương-đặng-Quê* và các *Đại-thần Võ-văn-Giải, Nguyễn-trí-Phương, Lâm-duy-Thiếp* vào chầu ».

Ngài truyền đuỗi mấy người tả hữu rồi ban rằng :

« Ta nỗi nghiệp lớn đã bảy năm nay, ngày đêm lo lắng, không dám thong thả vui chơi, mấy lâu se mình, hôm nay mệt lắm. Ta lo nghiệp lớn, Tồ-Tông phó thác cho ta, nên ta phải lựa người nỗi nghiệp để yên xã tắc. Trong mấy người con ta, *Hường-Bảo* tuy lớn nhưng vì thứ xuất mà lại ngu độn, ít học, chỉ ham vui chơi, nỗi nghiệp không đặng; con thứ hai là *Phước-tuy-Công*, thông-minh, ham học, giống in như ta, đáng nỗi ngôi làm vua. Hôm trước ta đã phê vào tờ di chiếu để tại trong Long-đồng. Các người phải kính noi đó. Đừng trái mạng ta! »

Long-đồng là cái ống chạm rồng, trong đó có tờ di chiếu của vua Thiệu-Trị.

Sử chép rằng :

« Các Đại-thần đều khóc lạy, vâng mạng, rồi lui ra... »

Đến ngày *Qui-mão*, Ngài băng. Liền ngày ấy, các Hoàng-thân và các quan văn-võ hội đồng tuyên đọc tờ di chiếu tại đền *Cần-chánh*.

Hoàng-tử thứ hai là *Phước-tuy-Công, Hướng-Nhiệm*, khóc lạy vâng mạng. Ngày Kỷ-sửu, *Phước-tuy-Công* *Hướng-Nhiệm*

lèn ngôi ở Điện *Thái-hòa* đặt niên hiệu là Tự-Đức. Bấy giờ Ngài mới mười tám tuổi.

Trương-đăng-Quế được vua Thiệu-Trị đặt vào chức *Cố-mạng luong-thần*, chắc đã phải có tài, có đức, và có tuổi.

Trương-đăng-Quế về hưu vào năm Quý-hợi 1863. Vậy suốt mươi sáu năm, các công việc ở Triều-đình, một phần lớn là do Trương-đăng-Quế quyết-định, vì Võ-văn-Giải và Nguyễn-tri-Phương phải nay đây mai đó, đánh đong đếm bắc.

Một ông Vua còn trẻ, một vị Cố-mạng lão thành.

Khi Trương-đăng-Quế về hưu, vua Tự-Đức ba mươi ba tuổi, đã trưởng thành rồi.

Tôi đọc sử, thấy chép như sau này :

« Năm Canh-thân (1860), tháng bảy, Trương-đăng-Quế dâng sớ xin về hưu tri.

Ngài chuẩn cho, lấy nguyên Hàm Quản-lý Bình bộ, sung Cơ-mật-Viện Đại-thần, Kinh diên giản quan. Hết Bộ, Viện có việc gì lớn đều phải tời trình Trương-đăng-Quế duyệt trước, thư tôn rồi sẽ tâu, nhưng cho ở nhà tư dưỡng bệnh. Hoặc mười ngày, hoặc năm ngày một lần vào chầu. Nếu có việc chánh sự lớn cũng dự nghị. Ngài lại cho phép được đi vông đến ngoài cửa Nhật-tinh, Nguyệt-anh để tiện tời chầu cho khỏi mệt nhọc ».

Vậy vua Tự-Đức đã rất ưu đãi Trương-đăng-Quế. Phải chăng vì Trương-đăng-Quế tài giỏi ? Nhưng ở trong tờ di chiếu của Vua Thiệu-Trị, có mươi sáu chữ rắn, dạy. Trong mươi sáu chữ đó có hai chữ « thân hiền ».

Khi Trương-đăng-Quế về hưu thời như thế nào ?

Tôi sao ra đây một đoạn sù trích trong bộ *Quốc-triều chánh-biên* :

« Trương-đăng-Quế về hưu, Ngài ban cho một bài thơ và sâm, quế, vàng, lụa các hạng. Khi về, Ngài khiến Đinh-thần làm tiệc đưa ; lại cho lúc về nhà rồi, mỗi năm được lãnh bán bồng lộc (một nửa lương). Quan tỉnh sở tại phải thường tới hỏi thăm.

Ngài lại dặn Trương-Quế từ rày biết điều gì, hay là nghĩ ra điều gì mà quan hệ về việc lợi hại lớn trong nước, cho phép phát trạm tàu lên ».

Trương-đăng-Quế có tâu Ngài năm điều : Sứ ghi sơ sài như sau này :

- 1.— Dùng người giỏi giúp việc chánh-trị.
- 2.— Lo Ngài chưa có Hoàng-tử.
- 3.— Các Tri Huyện nhiều người chưa thuộc việc.
- 4.— Tiền của Nhà nước chưa đủ dùng.
- 5.— Nên tùy thời định ngạch quân lính lại.

Vua Tự-Đức đều xem cả các bản điều trần.

Rồi khi Trương-đăng-Quế về hưu — tôi không biết ở làng nào — Vua Tự-Đức ban cho một bài thơ bằng chữ Hán.

Bài thơ đó, phiêm âm ra như sau này :

- 1.— *Kê đồn hữu thực thượng phi an,
Thần thị hi ngưu sức mĩ quan.*

- 3.— *Hác hiêm giang thâm hoàn hải khoát,
Xuân-thu-hạ mậu phục đông hàn.*
- 5.— *Lâm trung dị thê trường sanh dược,
Lâu thương nan cầu bắt lão đơn.*
- 7.— *Vi thíc chi cùng sơn thủy tú,
Long thành, Trúc dị khắng hồi khan.*

Bài thơ này chép trong bộ *Quốc-triều chánh biên* và đã được dịch như sau. Tôi không biết là vị nào đã dịch. Bản dịch cũng đăng trong bộ *Quốc-triều chánh biên*. Bản dịch ra thơ nôm như sau này :

- 1.— *Gà, lợn, vì nuôi, sợ chó ngày,
Huống gì trâu tê trọng lâu nay.*
- 3.— *Khe, sông đến biển càng lai láng,
Xuân, hạ, rồi đông vẫn đổi thay.*
- 5.— *Hải thuỷ trường sinh, về núi dẽ,
Tim phương bắt lão, ở lâu gay.*
- 7.— *Biết chẳng, chống gậy vui non nước.
Còn nhớ Thành-Long, Dự trúc này ?*

(Xin đọc bài : « Hai bài thơ của Vua Tự-Đức »)

Trương-đăng-Quế về hưu được độ hai mươi ba tháng thời mất. (Tôi tính theo sử).

* * *

Sử ghi như sau này :

« Tháng hai, năm Ất-sửu (1865), Càn-Chánh điện, Đại-học-sĩ Tuy Thạnh Quận Công trí sĩ, Trương-đăng-Quế mất.

Ngài bái triều ba ngày, tặng hàm Thái-sư, cấp thêm tiền, lụa sai đem rượu *Thượng-Phương* và bài thơ (chép ở Thi Sơ tập) tới nhà ban tể, dựng bia ở phần mộ, khắc mười một chữ « Lưỡng triều cố mạng lương thần, Trương-văn-Lương chi mộ ». Và vua Tự-Đức truyền chỉ là chờ hết tang sẽ tuân lời Tiên-Đế cho tùng tự Thế miếu.

• • • • • • • • • • • •

Vua Tự-Đức đối với Trương-dǎng-Quế đã rất có nghĩa.

Sự nghiệp Trương-dǎng-Quế đã như thế nào ?

Tôi tra cứu lịch sử, tôi không thấy chép gì mấy.

Tôi viết bài này, mong rằng một sử gia sẽ cho ta biết công trạng của Trương-dǎng-Quế.

Vì này đã là một vị quan trọng trong lịch sử nước ta, nhưng tiếc thay, tài liệu lịch sử mà tôi đã thu thập được ít ỏi quá.

MỘT QUÂN CÔNG CỦA TRƯƠNG-DĂNG-QUẾ

Tháng hai, năm Ất-Sửu (1865) tức là năm thứ mươi tam triều vua Tự-Đức. Tuy thanh quân công tri sĩ Trương-dǎng-Quế mất.

Vua Tự-Đức bái triều ba ngày, tặng hàm Thái-sư, cấp thêm tiền lụa, sai đem rượu thượng phuơng và bài thơ chép ở Thi sơ tập tới nhà ban tể dựng bia ở phần mộ, khắc mười một chữ: « Lưỡng triều cố mạng lương thần, Trương-văn-Lương chi mộ ». (Thụy hiệu Trương-dǎng-Quế là Văn-Lương). Ngài truyền chỉ chờ hết tang sẽ tuân lời Tiên đế cho tùng tự Thế miếu.

Trương-đăng-Quế là ai mà trước lên đến Quận công và được tùng tụ tại Thê miếu ?

Bài nhỏ này, căn cứ vào sử liệu trong bộ Quốc-trieu chánh-biên nhắc lại một quân-công của Trương-đăng-Quế, vào năm 1836, cách đây 122 năm.

Ấy là sự dẹp giặc Lê-duy-Hiển ở miền thượng-du Thanh-Hoá. Lê-duy-Hiển là con cháu nhà Lê nỗi lên chống nhà Nguyễn. Nhưng xét xa ra, đấy là cuộc khởi loạn của người Mường, Thái, căn-cứ vào miền núi, lấy chế độ phong-kiến địa-phương là chế-độ quan lang chống lại với sự tập trung chính quyền của Triều đình.

Quân công của Trương-đăng-Quế như thế nào, trong việc dẹp loạn yên dân này ? Tôi xin kể ra sau đây.

Sử chép rằng vào năm Bính-thân (1836), tháng Chạp, Ngài (Vua Minh-Mạng) cho Cơ-mật viện đại thần Trương-đăng-Quế sung kinh-lược-sứ tỉnh Thanh-Hoá.

Ngài cho Doãn-Uân và Nguyễn-đăng-Giai sung chức phó sứ.

Ngài lại truyền dụ tỉnh Hà-Tĩnh lượng phái một vệ lính tỉnh tùy theo sai phái.

* * *

Sở dĩ có việc này là dân Mường — Thái ở Thanh-Hoá nỗi lên chống lại Triều đình.

Tháng mười năm Bính-Thân (1836), ở châu Quang-Hoá, tỉnh Thanh-Hoá, dân Mường — Thái nổi loạn.

Nguyễn có một người là Lê-duy-Hiền, con cháu nhà Lê, trốn ở miền núi Ninh-Bình. Miền núi này là của các quan lang Mường. Có quan lang họ Quách, là Quách-tất-Công và Quách-tất-Tai và có lẽ còn nhiều quan lang khác tôn phù Lê-duy-Hiền lên làm Minh-Chủ.

Có người ở Tỉnh Bắc-Ninh là Hoàng-đồng-Nguyệt dẫn Lê-duy-Hiền vào làng Sơn-âm, thuộc miền Chi-Nê bây giờ, là nơi cẩn-cứ để khởi-nghĩa.

Lê-duy-Hiền xưng là Đại-Lê Hoàng-thân hiền-công

Lê-duy-Hiền đúc ấn, đặt quan, mạt dù, những thồ ti, thồ mục ở châu Quang-Hoá, Cầm-Thủy, Lang-Chính thuộc về tỉnh Thanh-Hoá hẹn kỳ khởi-nghĩa.

Lê-duy-Hiền lại khiến Quách-phúc-Thành, Đinh-kim-Bảng đi xui người xứ Ái-chữ là Phạm-công-Nho, người Cồ-lũng và Hà-công-Kim, người Hồi-xuân là Phạm-bá-Nho đem đồ đáng hơn 500 người đến động Hồi-Xuân giết Tri-Châu là Tô-danh-Cản bỏ thây xuống sông.

Vậy đây là cuộc khởi-loạn quan-trọng của Lê-duy-Hiền, con cháu nhà Lê, chống lại nhà Nguyễn. Sự khởi loạn này cẩn cứ ở miền núi Thanh-Hoá, Ninh-Bình và dựa vào dân Mường — Thái. Ta cũng vì lẽ đó mà nói được rằng đây là cuộc nổi loạn của dân Mường — Thái chống lại người Kinh, đem Lê-duy-Hiền ra làm chính-nghĩa.

Vua Minh-Mạng bèn cho Tạ-quang-Cự làm kinh-lược đại sứ đạo Ninh-Bình có Hà duy-Phiên làm Tham-tán.

Bây giờ là việc triều-đình dẹp loạn. Sự đánh dẹp này khó khăn lắm.

Tướng giặc là Hà-công-Kim, Đinh-kim-Bảng hợp với Phạm-thúc-Liêm tụ chúng hơn một ngàn người từ châu Lang-chánh kéo xuống hai huyện Thụy-nghuyên bắt giết tri châu Lang-chánh là Hồ-tổ-Thiện.

Lãnh binh Thanh-hoa là Nguyễn-văn-Kỳ đóng ở Ái-chữ bị giặc là Phạm-công-Nho tới vây. Sử chép là «Quân ta chết và bị thương nhiều lắm».

Vậy thế giặc mạnh lắm. Tạ-quang-Cự hoạt động dẹp giặc yên dân ở miền núi đạo Ninh-bình. Vua Minh-Mạng phải cử Cơ-mật-Viện đại thần Trương-đăng-Quế làm Kinh lược đại sứ tỉnh Thanh-hoa. Doãn-Uần sung chức phó sứ cùng với Nguyễn-đăng-Giai.

Bây giờ nếu ta theo dõi những sự biến chuyen của chiến sự thời ta sẽ phải đi vào nhiều chi tiết. Ta chỉ nên biết một cách đại khái là Trương-đăng-Quế đóng quân ở Lang-chánh. Một mặt dẹp giặc, một mặt yên dân, chia quân đóng giữ các nơi hiểm yếu. Đồng thời Tạ-quang-Cự tấn công giặc ở Ninh-bình.

Vào tháng ba, năm Đinh-dậu (1837) tình hình về phía triều đình đã có vẻ khả quan.

Tướng giặc Phạm-công-Nho bị bắt, đóng cùi đem về Kinh. Vợ con hai tên giặc Quách-tất-Công, Quách-tất-Tại cũng bị bắt. Phạm-bá-Nho bị bắn chết, bỏ đầu vào thùng phát đem về Kinh. Rồi chính Lê-duy-Hiền và Hoàng-đồng-Nguyệt cũng bị bắt. Hoàng-đồng-Nguyệt cắn lưỡi tự tử.

Rồi Trương-đăng-Quế về kinh, Tạ-quang-Cự cũng thu quân về. Đó là vào giữa năm Đinh dậu.

Nói tóm lại, dân Mường — Thái mạn Ninh-bình, Thanh-hoa đã suy tôn Lê-duy-Hiển lên làm minh chúa để nỗi giặc chống lại nhà Nguyễn. Sự nỗi loạn này kéo dài đến bảy tám tháng. Triều đình đã phải vất vả. Lịch sử ghi tên Tạ-quang-Cự và thứ nhất là Trương-đăng-Quế trong sự dẹp giặc yên dân này.

TRUNG QUÂN ĐOÀN-THỌ (... - 1870)

Trong một đêm, tháng mười, năm Canh ngọ (1870), ở thành Lạng-sơn, Tổng thống Quân vụ Bắc-kỳ, Trung quân Đoàn-Thọ đã bị quân Tàu xâm lăng hại. Người đã hy sinh vì nước, cũng không biết bao nhiêu anh em binh sĩ sau khi đã oanh liệt chống quân Tàu xâm lăng.

Hiện giờ, ở cách Hà-nội độ bốn cây số về phía Nam, cạnh con đường đi về Hà-đông, ở trên một cái gò gọi là Gò Đống-đa có một cái đền. Đền này được vua Tự-Đức đặt tên cho là đền Trung-liệt. Đền thờ ba vị Nguyễn-tri-Phương, Hoàng-Diệu và Đoàn-Thọ.

Hàng năm, vào ngày mồng năm tháng giêng, nhằm ngày giỗ Trận Nguyễn-Huệ thắt quan Tàu (vào năm 1789), dân chúng đến lễ ở đền Trung-liệt.

Dân chúng tưởng nhớ tới ba vị anh hùng dân tộc đã chống quân xâm lăng Pháp, yết là Nguyễn-tri-Phương và Hoàng-Diệu hay đã chống quân xâm lăng Tàu ấy là Đoàn-Thọ. Ba vị đều đã hy sinh tinh mạng vì nước, nên đã được thờ : Sự thờ cũng đây được ghi là quốc-tế.

* *

Ta nói tới Trung quân Đoàn-Thọ mà ít người biết rõ những chiến công.

Ta hãy kể ra hai chiến công:

Chiến công thứ nhất là sự dẹp cuộc đảo chánh quân sự ở Kinh-thành Huế năm Bính-dần (1866).

Chiến công thứ hai là sự giữ biên thùy Cao-bằng, Lạng-sơn ngay vài năm sau. Đoàn-Thọ đã tử trận.

* *

Tháng tám, năm Bính-dần (1866) ở Huế, có tên Đinh-Đạo mưu một cuộc đảo chánh.

Đầu đuôi câu chuyện như sau này :

Nguyễn là vào năm 1847 vua Tự-Đức được di chiếu vua Thiệu-Trị lập lên nối ngôi. Vua Tự-Đức thuộc về dòng chánh, nhưng sinh sau; khi lên ngôi, Ngài mới có mươi tám tuổi.

Có người con vua Thiệu-Trị, nhiều tuổi hơn, nhưng thuộc về dòng thứ, tên là Hường-Bảo. không được lên làm vua.

Sử ghi là « Hường-Bảo ít học, ham chơi » còn Vua Tự-Đức là Hường-Nhậm thời tánh « nhân, hiếu, thông, mẫn ».

Năm Giáp-dần (1854) tức là năm Tự-Đức thứ bảy, Hường-Bảo mưu một cuộc đảo chánh, vào tháng giêng. Cơ mưu không thành, Hường-Bảo tự tử. Con trai, con gái đều bị xóa tên trong sổ tôn thất và phải đổi theo họ mẹ là họ Đinh.

Đến tháng tám năm Bính-dần (1866), nghĩa là mươi hai năm sau, con Hường-Bảo là Đinh-Đạo lại mưu một cuộc đảo chánh.

Đinh-Dao có sự ủng hộ của một số quân đội do ba anh em họ Đoàn là Đoàn-Trung, Đoàn-hữu-Ái, Đoàn-tư-Trực chỉ huy. Quân phiến loạn xông xáo ở ngay cung điện nhà vua. Họ cố tìm Trung quân Đoàn-Thọ để giết vì giết được Đoàn-Thọ thời ai là người chỉ huy quân đội để đánh lại họ ?

Lúc đó, Đoàn-Thọ ở Điện Thái-hoà. Sứ ta chỉ cho biết vẫn tắt là Người từ Điện Thái-hoà đi ra... rồi các tên phiến loạn đều bị bắt, bị giết.

Ta không biết rõ những chi tiết quân sự về việc đảo chính và về việc dẹp đảo chính. Dù sao, ở trong một tình trạng nguy ngập Trung quân Đoàn-Thọ đã không núng và đã thắng.

Đúng hai năm sau vì miền biên thùy Lạng-sơn, Cao-bằng bị quân Tàu xâm lăng, các quan quân địa phương chống lại không nổi, nhà vua bèn phái Trung quân Đoàn-Thọ ra lãnh trọng trách Tổng thống Bắc-kỳ Quân vụ.

Sử chép như sau này :

« Tháng bảy, năm Canh ngọ (1870), Ngài cho hiệp hai đạo quâu thứ Lạng-sơn và Bắc-ninh làm một, cho Đoàn-Thọ làm Tổng thống Bắc-kỳ Quân vụ, Đoàn-Thọ trước đã được phong là Bình khäu tướng quân.

Giặc Tàu đây là giặc Tô Tú. Giặc này có phải chỉ là giặc thô phỉ, là những đảng cướp đại quy mô không hay giặc này là một cuộc xâm lăng trả hình của thực dân Tàu ? Dù sao, họ đã hoành hành ở đất ta, có chõ rút

lui ở đất Tàu. Họ hoành hành dữ dội, đã đủ quân, đủ súng ống để đến vây thành Lạng-sơn. Thành này to, xây toàn bằng đá ong. Giặc thế mạnh lắm, họ đánh ngày, đánh đêm. Ta cố giữ... Rồi một đêm tháng mười, một đêm mà trời đã rét lắm rồi, Trung quân Đoàn-Thọ, Tổng Thống Quân-vụ, đã hy sinh vì nước, quân Tàu chắc đã tràn được vào thành,,,.

Đoàn-Thọ đã xứng đáng với Tổ-quốc.

SUY NGHĨ VỀ TÌNH VUA VÀ TÌNH THẦY TRÒ CÁCH ĐÂY MỚI MỘT TRĂM NĂM

*Kinh tảng hương hồn nhà
Không-giáo Nguyễn-văn-Tổ.*

Đọc sử thỉnh-thoảng có một vài chi-tiết, mới xem thấy vụn vặt, chẳng ý-nghĩa gì, nhưng nghĩ kỹ, thấy nên đề ta suy-luận.

May thay tôi tìm được mấy sử-liệu, khiến cho chúng ta có thêm một vài *diểm về tình thầy trò trước đây mới một trăm năm*.

Thầy đây là Nguyễn-đăng-Tuân, sinh-quán Quảng-Bình, nguyên tham-tri, hàm lẽ bộ thượng-thư, huu-trí, mất năm Giáp-thìn (1844), tức là năm thứ ba triều vua Thiệu-Trị.

Trò đây là Hoàng-tử Miên-Tung, năm ba mươi lăm tuổi lên ngôi vua, tức là vua Thiệu-Trị. Ngài băng năm mới có bốn mươi mốt tuổi, ba năm sau năm Nguyễn-đăng-Tuân mất. (Nguyễn-đăng-Tuân mất chắc tuổi độ bảy tám mươi. Vậy đúng về phuong-diện tuổi, thời tuổi thầy với trò là tuổi cha con.)

Tôi sao ra đây mấy sử-liệu trích trong bộ chánh biên.

Vua Minh-Mạng băng-hà ngày hai mươi tám tháng mười hai năm Canh-Ti (1840). Ngài băng năm ngài năm

mươi tuổi. (Vậy tính ra thời-gian sinh vua Thiệu-Trị năm Ngài mới có mươi lăm tuổi.)

Về vua Thiệu-Trị, sử cho biết mấy chi tiết sau này

« Ngài là con trưởng đức Thánh tổ Nhân hoàng đế (Minh-Mạng). Bà Thuận đức Nhân hoàng hậu họ Hồ sanh Ngài trong năm Đinh-Mão (1807), (tức là năm thứ sáu triều vua Gia-Long).

Tại ấp Xuân-lộc, về phía đông Kinh thành (sau ấp ấy lập chùa Diệu-đế). Ngài sanh được mười ba ngày thì mẫu hậu băng.

Đức Thuận-thiên Cao hoàng-hậu nuôi Ngài tại trong cung. »

Tài-liệu này cho ta biết một chi-tiết về vua Thiệu-Trị. Ngài mồ côi mẹ mới sau ngày cữ. Bà nội nuôi. Cha mồ có mươi lăm, mươi sáu tuổi. Ông nội (vua Gia-Long) đã đại bình được thiền hạ, tuổi bốn mươi lăm. Ngài còn được sống với ông nội mười ba năm.

Chắc độ lên bảy lên tám Ngài đã học Tam tự kinh rồi. Ai dạy?

Tôi không biết.

Nhưng năm đầu triều vua Minh-Mạng, năm Ngài mươi ba tuổi, Ngài ra Học đàng, đầu chít khăn tang ông nội.

Sử-bảo là gì? Tôi không biết.

Tôi chỉ biết là một vị Sứ-bảo đã dạy dỗ Ngài là Tham-tri Nguyễn-đăng-Tuân.

Vì này phải đã ra làm quan ở Triều vua Gia-Long.

Về vua Minh-Mạng sứ cho ta biết rằng Ngài là con thứ tư đức Thế-tồ (Gia-Long). Đức Thuận-thiên Cao hoàng-hậu, họ Trần (người bắc, hạt Nam-định?) sanh Ngài trong năm Tân-hợi... Năm Gia-Long thứ năm (1816). Thế-Tồ lập Ngài làm Hoàng Thái-tử ở điện Thái-Hoà. Đến khi ba mươi tuổi, nối ngôi (1820).

Sinh mẫu ra Ngài Thiệu-Trị họ Hồ tức Nhân Hoàng-hậu. Phải chăng là người thuộc hạt Quỳnh-Côi một làng Văn-hiến.

(Nếu vua Gia-Long còn thọ tới năm Giáp-Thân (1844) thời tuổi Ngài là tám mươi hai. Vậy tôi đoán là Nguyễn-đăng-Tuân, về hưu, rồi lại được gọi ra, it ra cũng quá bảy mươi, nghĩa là thuộc thế-hệ vua Gia-Long. Tôi chắc Nguyễn-đăng-Tuân cùng thế-hệ với Trịnh-hoài-Đức, Hán-lâm-viện chỗ cao — đã được chính vua Gia-Long đề ý và định thần tán thành để làm Sư-bảo cho vua Thiệu-Trị ở Học đường. Học đường là một cái nhà học, chỉ có Hoàng-tử và các Hoàng-đệ, học mà thôi. Nhưng theo các giờ riêng, Hoàng-tử thói thường học một mình dưới sự hướng-dẫn của Sư-bảo.

Trên đây tôi đi vào mấy chi-tiết để giới-thiệu Nguyễn-đăng-Tuân và vua Thiệu-Trị.

Một bên thời là một vị triều quan, tài cao, đức trọng, kinh-nghiêm nhiều, có tuồi.

Một bên thời là một ấu sinh hay là một thanh niên
được đặt làm hoàng tử, để nối ngôi vua trong một thời
mà nước nhà thịnh trị.

.

Tình thầy trò sẽ ra sao ?

Nghĩa vua tôi sẽ ra sao ?

Đó là đề tài bài nhỏ này.

Nguyễn-đăng-Tuân về hưu, về hưu vào năm nào, tôi
không biết. Người ở Quảng-bình.

Cuối năm Canh tý (1840) vua Minh-Mạng băng hà.

Chắc ngay vào đầu xuân Nguyễn-đăng-Tuân cũng về
kinh.

Vua Thiệu-Trị, ngày Bính ngọ tháng giêng đã lên ngôi
Hoàng đế tại điện Thái hoà rồi.

Sử ghi rằng :

« Tháng hai, năm Tân sửu, quan tham tri, hàm thượng
thư hưu trí là Nguyễn-đăng-Tuân, mới nghe đức Tiên đế
băng hà, liền từ Quảng-bình vào chầu tang. Rồi bài ban
đứng lay với các quan.

Ngài đòi vào, phủ ủy, hỏi chuyện hồi lâu, lại ban
đụ rằng :

« Tiên sinh mình ở nhà qnê, lòng nhớ đế khuyết ta
khen lắm. Vậy nên có chỉ thăng hàm Lê bộ thượng thư ».

Đăng-Tuân tâu già yếu xin về. Ngài lại ban thêm vàng lụa, cho về hưu trí. Đăng-Tuân dâng bài biếu tạ ân.

Trong bài biếu ấy có mấy câu rằng: « Tôi xét mình tôi, không công mà được thăng quan, có bệnh mà được hưu trí. Sống thừa được vậy cũng đã thỏa rồi. Chỉ trong Thánh hoàng rộng một điều hiếu để dậy dân, sáng chín đạo thường mà tần tiện, khoan thư, nhân từ, để cho thiên hạ, thần dân, đều được thái bình, hạnh phúc ».

Chín đạo thường mà Sur-bảo Nguyễn-đăng-Tuân nhắc lại cho học trò của mình là Hoàng tử Miên-Tung, mới lên ngôi Hoàng đế ấy là :

- 1.— Một là : súra minh.
- 2.— Hai là : thân yêu trong họ.
- 3.— Ba là : tôn trọng người hiền.
- 4.— Bốn là : kính trọng đại thần.
- 5.— Năm là : thề tất quần thần.
- 6.— Sáu là : thương yêu muôn dân.
- 7.— Bảy là : khuyên lơn trăm họ.
- 8.— Tám là : phủ ủy người phương xa.
- 9.— Chín là : bao dung nước chư hầu.

Tiếp được bài biếu của vị thầy già của mình, cha vừa mới mất, đến một người thường dân cũng phải suy nghĩ, huống hồ chi là một Hoàng đế tuổi đã quá ba mươi rồi, Ngài Thiệu-Trị truyền cho Nội các rằng :

« Xưa, đời Hán có hai cháu họ Sơ, khi đã từ chức rồi, không nghe lại tới kinh đô nữa, cũng không thấy lời nói gì hay chép đề trong sử.

Nay Nguyễn tiên sinh chống gậy vào chầu tang thiết là trong lòng cảm khích, lại nhận đăng biếu tạ, bày lời khuyên can, lòng trung thành lại càng chí thiết lắm. Coi vậy thời hai người họ Sơ xưa, e còn thua xa ».

Sử liệu trên cho ta biết rằng Nguyễn-đăng-Tuân giữ bồn phận làm tôi đồi với vua Minh-Mạng vì, dù già, có bệnh, về hưu cũng phải về kinh chịu tang. Rồi cùng đứng với các quan, lạy vua mới là vua Thiệu-Trị, học trò cũ của mình. Nhưng người có lẽ nhớ lại rằng, về những năm trước, Hoàng tử Miên-Trung có ít nhiều tính xấu, bây giờ lên ngôi Hoàng đế, sẽ coi việc nước ra sao ? Vậy đứng về bồn phận làm một ông thầy học già thời nhắc lại cho học trò cũ những điều hay điều phải đã được giảng giải cho.

Vua Thiệu-Trị đã được thụ giáo một ông thầy đức độ như thế cho nên ta hiểu những lời Ngài ban cho Nội các : trò đã biết kính thày vậy.

Nhưng Ngài cũng đã làm theo đạo thứ tư, đã dẫn ở trên, ấy là kính trọng đại thần.

Sử ghi chi tiết sau này :

« Ngài đã coi việc chánh trị, mỗi ngày buổi mai, buổi chiều, mặc đồ trắng ngự đèn Văn minh. Các công thần vào chầu, ngài đều cho ngồi, ban trà. Đại thần như Trương-đăng-Quế, Võ-xuân-Cần, Tạ-quang-Cự, ngài đều kêu chức quan mà không kêu tên. »

Sử liệu này lại cho ta biết là ngài đã « siêng nǎng » theo đúng lời khuyên của Sư-bảo Nguyễn-đăng-Tuân.

Thượng thư hàm bộ lẽ, Nguyễn-đăng-Tuân vào kinh chịu tang vua Minh-Mạng, lạy vua Thiệu-Trị rồi xin về hưu tri vào tháng hai năm Tân sửu thời chỉ năm tháng sau, vào tháng bảy, ngài có chỉ triệu về kinh, không phải để nhận chức lẽ bộ thượng thư mà để lại nhận chức Sư-bảo.

Phải chăng nhà vua nhớ thày học cũ, muốn giữ ở gần để được thỉnh giáo hay để phụng dưỡng ?

Sử ghi như sau này :

« Tháng bảy cùng năm Tân sửu (1841) Ngài cho thượng thư bộ lại là Lê-đăng-Dinh kiêm lãnh chức Sư-bảo dạy hoàng tử và hoàng đế. Lại đòi thượng thư bộ lẽ là Nguyễn-đăng-Tuân ra sung chức Sư-bảo.

Ngài đòi Trương-đăng-Quế (tự Văn minh điện đại học sĩ, hàm Thái bảo, Bình bộ thượng thư, Cơ mật viện đại thần) và Võ-xuân-Cần (tôi không biết năm đó vị đại thần này chức gì) mà truyền rằng : « Ta giao chức Sư-bảo cho Đăng-Tuân và Đăng-Dinh thế nào ? Đăng-que và Xuân Cần tâu rằng : hai người ấy tuổi tác, đức vọng đều hơn thiệt là xứng chức ».

Vậy Nguyễn-đăng-Tuân tuy già, yếu, tuy đã được về hưu, bây giờ lại phải nhận chức Sư-bảo như hồi trước.

Nhưng chỉ hai tháng sau sử ghi là người xin cáo hưu, Nhà vua cho, chắc tuy rất tiếc. Sử thần ghi là Nhà vua « rất kính trọng ».

Vậy Nguyễn-đăng-Tuân lại quay về Quảng-bình hưu trí, chắc vì đã yếu lăm rồi.

Nhà vua cho thiệt thụ Hiệp tá đại học sĩ, và cho ở tại quán, được ăn nửa bỗng.

Đến tháng mười hai năm Giáp thìn (1844) thời người mất, không biết thọ bao nhiêu tuổi, nhưng chắc già lăm rồi.

Kể ra cũng may cho vị Sur-bảo này... vì nếu người sống thêm đến mùa đông năm Ất tị (1847) thời người sẽ lại phải về kinh chịu một cái tang, rất đau xót : Hoàng đế Thiệu-Trị, nguyên hoàng tử Miên-Tung băng ngày Qui mão tháng chín (Ất vị) mới có bốn mươi mốt tuổi. Hoàng tử Hường-Niệm lên nối ngôi (tức là Hoàng đế Tự-Đức) tuổi mới có mươi tám.

Chúng ta đã trải qua biết bao nhiêu năm mà văn hóa Khổng giáo đã bị ảnh hưởng Âu châu đánh đổ. Cuộc cách mạng ở Bắc, ở Trung, ở Nam từ mười ba năm nay đã hủy hết nghĩa vua tôi, tình thầy trò. Đè thay bằng cái gì ? Đè tiễn hay đè thoái ?

Dù sao, đọc sử ta có dịp hiểu biết một phần nào văn hóa cũ của tiền nhân, chỉ mới đây có hơn một trăm năm, về nghĩa, về tình vua, tôi và thầy, trò.

Tôi dẫn ra đây để kết thúc bài nhỏ này, tài liệu mà được ghi vào tháng bảy năm Qui mão (1843).

« Tháng bảy, gặp khoa thi hương, trường Thừa-Thiên, Nguyễn-đăng-Hành đậu cử nhân thứ hai.

Ngài ban rằng :

« Thày Thận-Trai (tên hiệu của Nguyễn-đăng-Tuân) là thày học ta, khi ở Tiềm đê (ở Tiềm đê là trước khi Ngài lên ngôi vua). Nay tuổi già về dưỡng nhàn. Con trưởng là Nguyễn-đăng-Giai làm Tông đốc ba tỉnh (Sơn, Hưng, Tuyên) tiếng giỏi khen rầm. Nay cháu là Đăng-Hành lại nối nghiệp nhà, ta khen lắm. »

Sử thần ghi tiếp : Rồi Ngài ban một bài thơ đăng cho vinh hiển. Sau Đăng-Hành đậu tần sĩ.

Tôi sao tiếp đây chi tiết sau này, thuộc về lúc Thiệu-Trị băng.

« Ngài sẽ đòi Cố mạng lương thần Trương-đăng-Quế và Đại thần Võ-văn-Giải, Nguyễn-tri-Phương, Lâm-duy-Thiếp vào chầu. Ngài truyền đuôi mấy người tả hữu rồi ban rằng :

Ta nối nghiệp lớn đã bảy năm nay, ngày đêm lo lắng không dám thong thả vui chơi, mấy lâu se mình, hôm nay mệt lắm.

Trong mấy người con ta Hường-Bảo tuy lớn, nhưng vì thứ xuất (con một bà phi) mà lại ngu độn, ít học chỉ ham vui chơi, nối nghiệp không đăng. Con thứ hai là Phước-tuy-Công, thông minh, ham học giống in như ta đáng nối ngôi làm vua.

Hôm trước ta đã phê vào tờ di chiếu, để tại trong lồng đồng (ống chậm rồng). Các người phải kính nơi đó. Dùng trái mạng ta ! »

Lời di chiếu này cho ta biết là Ngài đã quan niệm rằng một ông vua phải « ngày đêm lo lắng, không dám thong thả vui chơi » một người bầy tôi không được « trai mạng » vua... Vậy Ngài đã không phải là một người học trò trái lời giáo huấn của Sư-bảo Nguyễn-đăng-Tuân.

Có thày đó thời phải có trò đó.

CHƯƠNG BA

THỜI VUA TỰ-ĐỨC

CÁI CHẾT CỦA GIA ĐỊNH THÀNH HỘ ĐỐC **VÕ DUY NINH (... - 1859)**

Vào năm Kỷ-vị (1859) tức là năm thứ mươi bảy triều vua Tự-Đức, quân Pháp xâm lăng nước ta, đánh phá thành Gia-dịnh, tàn sát nhân dân rất nhiều.

Quân đội ta kháng cự không nỗi.

Đã biết bao nhiêu anh em binh sĩ bỏ mình trên bãi chiến trường, hy sinh vì nước.

Nhưng thảm thê nhất là cái chết của một võ tướng cao cấp. Vì ấy là Hộ đốc thành Gia-dịnh : người đã tự tử.

* * *

Cái chết của vị quân nhân này cũng như cái chết của Hoàng-Diệu, của Phan-thanh-Giản và của biết bao vị nữa mà nhà khảo cứu lịch sử sẽ kể ra.

Tên người là Võ-duy-Ninh

Ta phải ngược lên năm Mậu-ngo (1858) thời mới hiểu rõ chiến lược của quân Pháp thực dân xâm lăng.

Nguyên là vào mùa thu, mùa đông năm đó, từ tháng bảy đến tháng chạp, họ đánh phá Cửa Hàn, tức là Đà Nẵng (Tourane). Họ đồ bộ, đánh đồn ta, cướp đồn làm

cứ điềm đê định lan tràn ra, hay đê đe dọa kinh thành Huế, hay đê giữ quân đội ta từ nhiều nơi phải chuyền vận về đây.

Dù sao, Pháp đã cố đánh Cửa Hàn suốt năm tháng. Họ đồ bộ nhiều lần, có trọng pháo ở trên tàu yểm hộ.

Nhưng quân đội ta đã cố giữ Cửa Hàn và tuy hao binh tổn tướng ta đã đánh bật được họ.

Nguyễn-tri-Phương đã là tổng chỉ huy, thắng Pháp ở Cửa Hàn.

Pháp thua ở Cửa Hàn bèn đem quân vào đánh Gia Định ngay tháng giêng năm Kỷ-vi (1859).

* *

Việc Pháp đánh Gia Định như thế nào ?

Sử ta cho biết, tuy sơ sài, nhưng rõ ràng mấy chi tiết sau đây :

« Năm Kỷ-vi (1859) tháng giêng, lính Pháp đánh phá các đồn *Lương-thiện* thuộc tỉnh Biên-hòa, *Phú-đoàn*, *Danh-nghĩa* thuộc tỉnh Gia Định, vào cửa Cần Giờ chặn sông Phù giáng thuộc tỉnh Biên-hòa, đánh phá đồn *Bình-khánh* *Phú-mỹ*, *Hữu-bình* thuộc Gia Định ».

* *

Pháp đánh phá Cửa Hàn suốt năm tháng trời, bị thua. Bây giờ Pháp mở một cuộc chiến tranh chớp nhoáng ở đất Nam. Quân xâm lăng này đã có tàu lớn, mắc trọng pháo, có tàu con... họ đồ bộ.

Các tàu to đậu ở ngoài khơi, ngoài *Vũng tàu* chứa đầy quân nhu, quân dụng nuôi dưỡng quân trừ bị và thuốc men cho quân bị thương.

Còn các tàu nhỏ của họ, ngược sông *Đồng-nai* mà lên.

Sông *Đồng-nai* to lầm, tàu của Pháp xâm lăng cứ việc tiến ở giữa sòng. Ta đứng trên bờ : tầm súng ngắn làm thế nào mà ta ngăn được sự xâm lăng của họ ?

Họ có thể đỗ bờ ở bất cứ chỗ nào.

* *

Vậy, quân Pháp xâm lăng đã áp bức thành Gia-dịnh bằng cách đánh các đồn làn cận, các đồn này đều thất thủ.

.

Sử ghi chi tiết sau này :

« Quan Hộ đốc Võ-duy-Ninh chạy giấy các tỉnh hội binh cứu viện thành Gia-dịnh. Rồi Võ-duy-Ninh tự tử.

.

Ta không biết là Võ-duy-Ninh tự tử bằng cách nào ?

Dù sao, Võ-duy-Ninh Hộ đốc thành Gia-dịnh đã ở vào một tình trạng bi đát : đầu hàng Pháp thời sống, đánh lui Pháp thời không đánh nổi, thà tự tử... để khỏi bị ô nhục.

Võ-duy-Ninh đã xa chúng ta đúng một trăm năm. Nguyên là một võ tướng mà phải tự tử và phi giấy cho các tỉnh đem quân đến cứu Gia-dịnh, thời ta thử tưởng tượng là đã có những trận ác liệt như thế nào.

Đã biết bao anh em binh sĩ hy sinh !

Sử ghi tên một vị dien hình, ấy là Hộ đốc Võ-duy-Ninh.

PHẠM-THẾ-HIỀN (... 1861)

Vào cuối xuân năm Tân-dậu (1861), tức là năm thứ mươi bốn triều vua Tự-Đức, cách đây chín mươi bảy năm, Tham-tri Bộ-binhh, Phạm-thế-Hiền mất ở Biên-hòa, sau khi đã anh dũng chống đánh thực dân Pháp xâm lăng.

* * *

Nguyên là quân Pháp xâm lăng đã mưu đánh ta từ lâu, từ cuối đời vua Thiệu-Trị, từ năm 1847. Họ đánh phá Cửa Hòn, tức là Tourane, rồi họ đánh phá Nam-Việt. Họ ngoan cố lắm. Họ, một mặt nhờ binh hùng, tướng mạnh, nhờ tàu chiến, nhờ súng đoàn, súng trường, thần công, đại bác.., bắn phá các đồn... cướp cửa... giết người... để cho ta sợ... ; một mặt họ đề nghị hòa với ta..., hòa nghĩa là ta phải cắt đất Nam này cho họ làm bá chủ.

Hòa hay chiến ?

Hòa như thế nào ? Chiến ra làm sao ?

Vua Tự-Đức và Triều đình rất băn khoăn.

Sử cho ta biết, trong bộ *Chánh-biên*, là vào tháng bảy năm Canh-thân (1860) Ngài đem việc trong Gia-định, nên đánh hay nên hòa mật hỏi Nguyễn-tri-Phuong và Phạm-thế-Hiền.

Hai ông ấy đều rằng :

« Vừa giữ vừa đánh tiện hơn, lại đem những việc cần kíp nên xử tri như thế nào, bày tâu cả. Ngài cũng cho là phải. »

Tháng bảy năm Canh-thân (1860), Ngài bảo Nguyễn-tri-Phương rằng :

« Nguyên-soái Nam-kỳ, hiện bây giờ, không ai bằng người. Từ đình thần tới quân sĩ đều nói như thế, người không nên từ. »... Và Ngài cử Đông-Các Đại-học-Sĩ, Tráng-liệt-Bá, Nguyễn-tri-Phương sung Gia-định quân thứ, Tổng-Thống quân-vụ đại-thần.

Nguyễn-tri-Phương, trước khi ở kinh thành Huế ra đi, có xin nhà Vua phái Tham-tri Bộ-binhlà Phạm-thể-Hiền cùng đi.

Hai vị này đã lãnh đạo cuộc chống quân Pháp xâm-lăng.

Vào cuối xuân năm Tân-dậu tức là năm sau (1861) sau khi tới quân thứ được độ năm sáu tháng, hai vị đã phải chống giù trong những trận rất gay go với quân Pháp thực-dân xâm-lăng.

Sử ta chép rõ ràng như sau :

« Quân Đại-Pháp tới đánh đồn Gia-Định. Quan quân ta lui đóng ở tỉnh Biên-Hòa. Khi ấy tàu Pháp đến thêm ba mươi chiếc, lính hơn mười ngàn người. Chỗ súng bắn vào đồn, bắc thang leo lên lũy. Quan quân đồi địch không nồi. Đồn bị phá. Nguyễn-tri-Phương lui về tạm

tỉnh ». Tạm tỉnh là một chỗ đặt ra như là tinh-ly để ở tạm chứ không phải thiệt là tinh thành. Quân Pháp tìm được căn-cứ của ta ở tạm tỉnh và sử chép là: « Đại-Pháp lại đem vài ngàn lính ngày nào cũng bắn. Quan quân ta không chống nổi, lại lui đóng tại tỉnh Biên-Hoà. Quan tỉnh cũng dời tới đó ở chung. »

Vậy vào cuối xuân năm Tân-dậu (1661), quân Pháp, thực-dân, xâm-lăng đã mở cuộc đại tấn công, đánh phá Gia-Định. Tông-thống quân vụ Nguyễn-tri-Phương phải lui quân về tạm tỉnh thuộc miền Biên-Hòá, lại bị quân Pháp đánh, phải lui về đóng tại tỉnh thành Biên-Hòá...

Sau trận rút lui này, Tham-tri Phạm-thế-Hiền, cánh tay phải của Tông-thống Nguyễn-tri-Phương, đã mất...

Người đã mất, vì lao-tâm, lao-lực, tuổi người chắc độ ngót sáu mươi, hay vì bị đạn của thực-dân Pháp, ta không biết. Người đã mất vì muốn bảo vệ đất nước, chống lại quân Pháp xâm-lăng.

TRẦN XUÂN HÒA

Mùa Đông năm Tân-dậu (1861) lính Pháp vào xứ Mỹ-trang và xứ Bang-lanh thuộc tỉnh Định-tường. Quan binh chia đạo tới đánh. Thị độc học sĩ Trần-xuân-Hòa coi đạo binh phòng bị; bị lính Pháp bắt được, Trần-xuân-Hòa cắn lưỡi chết.

• • • • •
Lịch sử cái chết của Trần-xuân-Hòa có liên-lạc tới sự quân Pháp đánh tỉnh Định-Tường.

Mùa Xuân năm Tân-dậu, Pháp đã đánh phá thành tỉnh Định-Tường rồi. Họ đã đánh Gia-Định, Biên-Hòa. Nguyễn-tri-Phương được lệnh nhà vua, từ Cửa Hàn vào Nam, sung chức Gia-Định quân thứ Tống-thống quân-vụ đại thần.

Hỏa-lực Pháp mạnh quá, Nguyễn-tri-Phương không giữ được thành Gia-Định, phải lui quân về miền Biên-Hòa, Pháp bèn thừa thế đánh tỉnh Định-Tường.

Chiến-lược của Pháp như sau này. Sử ta chép rõ-ràng :

Pháp đem mười bốn chiếc tàu vào đậu ở Vũng Cù ốc. Sau vài ngày lại thêm một chiếc nữa. Còn Cửa Bé, Cửa Lớn đều có tàu đậu ở ngoài biển. Rồi lại còn ba chiếc tàu nữa đến. Lãnh Tống-đốc Nguyễn-công-Nhờn đưa thư qua lại, để làm kế hoãn-binh.

Nhưng quân Pháp đánh đồn Tân-hương, quân trong đồn và quân cứu viện đánh không lại vì quân Pháp đánh luôn mấy ngày, họ có trọng pháo. Quân ta lui giữ đồn Tinh-giang. Nhưng sau đồn này cũng không giữ được, vì hỏa-lực của Pháp mạnh quá. Vả lại sự giết chóc, đốt nhà, hầm-hiếp đàn bà, con gái làm cho dân sợ.

Quân Pháp kéo tới vây thành tỉnh Định-tường. Tổng-đốc Nguyễn-công-Nhờn nhảy xuống chiếc thuyền con lánh đi chỗ khác: còn Lãnh tuần-phủ Nguyễn-hữu-Thành mở cửa thành chạy.

Nhà vua truyền Đinh-thần định tới quan quân thứ và quan tỉnh nhưng Ngài giao cho mấy ông đó trách-nhiệm thâu nhóm quân sĩ để lo bão phục trận khác.

Rồi đến việc Nguyễn-bá-Nghi Thượng-thư Bộ-hộ sung Khâm-sai đại-thần, đến quan thứ Biên-Hòa để xem xét tình-thế.

Nên hòa hay chiến ?

Nguyễn-bá-Nghi đề-nghị hòa.

Trương-đăng-Quế đề-nghị vừa đánh vừa giữ. Trương-đăng-Quế có tâu rằng: « *Người Pháp muốn ở Gia-Định lại toàn lấy Định-Tường, Biên-Hòa thời hòa cũng không xong. Trừ việc đánh, việc giữ thời không có trước gì khác* ».

Rồi có việc thương-thuyết giữa Nguyễn-bá-Nghi và quân Pháp vào tháng sáu năm Tân-dậu (1861).

Việc càng thêm khó.

Chiến hay hòa ?

Chiến ra làm sao ?

Hoà như thế nào ?

Triều-dinh lưỡng-lự.

Nhưng nhân-dân quyết-chiến.

Phó quản-cơ Trương-Định môt binh dũng đông lăm, thường cự đánh quân Pháp (Trương-Định có phải là Trương-công-Định không ?)

Cử-nhân Gia-Định là Phan-văn-Đạt và hương-thân là Lê-cao-Dõng môt-binhh đánh quân Pháp. Hai vị đều bị bắt nhưng chẳng chịu khuất, bèn tự-tử... Rồi sau Pháp đánh lấy tỉnh Vĩnh-Long, vào tháng hai năm Nhâm-tuất (1862).

Vậy ta phải đặt cái chết của Trần-xuân-Hòa, mùa Đông, năm Tân-dậu (1861) vào sự tuẫn-tiết của một số các vị trung-quân ái-quốc.

*HỘ-BỘ HIỆP-TÁ
KINH-LUỢC ĐẠI-THẦN*
PHAN THANH GIẢN
(... — 1867)

Tháng sáu năm Đinh-mão (1867) tức là năm thứ hai mươi triều vua Tự-Đức, cách đây chín mươi hai năm, Quan Hiệp-Tá Hộ-Bộ, Kinh-Lược đại-thần ba tỉnh Vĩnh-Long, Châu-Đốc, Hà-Tiên, tức là toàn miền Hậu-giang bây giờ, Phan-Thanh-Giản xa anh em chúng ta.

.....

Cái chết của người là một vấn đề nên khảo cứu theo chính sử.

Vào năm 1867 ba tỉnh miền Hậu-Giang hãy còn độc lập.

Năm năm trước vào năm 1862, ta đã phải nhượng cho quân Pháp thực dân xâm lăng ba tỉnh miền Tiền-giang là Biên-Hòa, Gia-Định, Định-Tường. Và ta lại còn hàng năm phải chịu một số tiền bồi thường rất lớn là bốn triệu đồng bạc, hồi đó to lắm.

Vua Tự-Đức giao cho Phan-thanh-Giản trọng trách giữ miền Hậu-giang.

Sử chép rằng « Phan-thanh-Giản đem tiền lúa chiết khấu số bạc bồi năm ấy. Rồi đem triều bào, ấn, triện... và làm tờ sớ đề lại gửi về dâng ngài, liều không ăn mà chết. »

.

Nhà sử học sẽ khảo cứu về cái chết này :

Tiếc thay tài liệu còn lại rất ít.

Vấn đề đặt ra là một mặt Phan-thanh-Giản phải cố sống cố chết giữ miền Hậu-Giang, ấy thế mà, một mặt khác lại không có đánh chắc gì cả, lại đem dâng kho tàng cho Pháp nộp quân đội, súng ống cho Pháp ! Tại sao ?

Việc nhặt đói mà chết là việc khác.

Bộ Chính-Biên chép là nhặt đói. Còn cụ Trần-trọng-Kim thời theo truyền tung hay sao mà đã ghi là uống thuốc độc mà chết. Tên lại bị xóa ở bia Tiến-Sĩ.

Cái chết của Phan-thanh-Giản là cả một đề tài cho sự khảo cứu lịch sử.

Chúng ta đại khái nói ra đây theo một số sử liệu.

Nguyên là quân Pháp thực dân xâm lăng đã lập mưu, rất giao quyết.

Tháng sáu năm Đinh-Mão (1867) tức là năm thứ hai mươi triều vua Tự-Đức, sử chép rằng « Đại Pháp lấy ba tỉnh Vĩnh-Long, An-Giang, Hà-Tiên. Khi ấy Pháp soái đem tầu binh nhiều lắm, chạy đến bến Vĩnh-Long khiến người đem thư mời Phan-thanh-Giản tới nói chuyện.

Thanh-Giản xuống tàu bàn nói thế nào Pháp soái cũng không nghe.

Thanh-Giản mời thưa rằng : Xin Quý soái chờ cho nhiều hại nhân dân còn tiền lúa trong kho, cứ đê nước tôi coi ngó.

Quan Pháp soái thuận nghe.

Trong giây phút, Phan-thanh-Giản trở về, thời bình Đại Pháp đã vào bốn phía thành rồi.

Pháp soái chia binh qua An-Giang, Hà-Tiên, cũng làm giống như tỉnh Vĩnh-Long vậy.

Rồi đem các quan ba tỉnh ấy để tại dinh Tổng đốc Vĩnh-Long và sai tâu ra Cửa Thuận báo tin.

Ngài khiến *Cơ mật và Thương bạc* làm thơ thương thuyết xin họ đưa các quan ba tỉnh về kinh.

(Trong số các quan này có Phan-thanh-Giản).

Sử ghi tiếp :

« Thanh-Giản nghĩ mình không có công đem tiền lúa ba tỉnh chiết khấu số bạc bởi năm. Rồi đem triều bảo, ấn, triện và làm tờ sớ đê lại gửi về dâng. Liền không ăn mà chết ».

* * *

Đó là sự thật lịch sự, khiến cho nhà khảo cứu suy nghĩ.

Phải có thêm nhiều tài liệu, trích trong bộ *Thật lục hay trong các Bộ khác*.

Nhưng dù sao, ta nhận thấy là Phan-thanh-Giản đã bị thực dân Pháp lừa. Đã không mất một hòn đạn, một tên lính nào mà đã lấy được toàn miền Hậu-Giang và toàn thể kho tàng.

Bị gọi về kinh, Phan-thanh-Giản không về và nhin đói mà chết.

MỘT QUÂN CÔNG CỦA TỔNG THỐNG HẢI YÊN QUÂN VỤ NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG VÀO NĂM QUÝ-HỢI (1863)

Sử chép sau này : « Tháng năm, năm Quý hợi (1863) tức là năm thứ mười sáu, triều vua Tự-Đức. Ngài nghĩ tướng giặc trốn ở hòn Cù lao đã lâu, sai Nguyễn-tri-Phương đổi làm Tổng thống Hải-yên quân vụ. Nhưng cho đêm linh Bắc (Bắc-ninh) và thuộc viên hiệu phái, đi qua tỉnh Đông (Hải-dương) đổi Trương-quốc-Dụng làm Hiệp thống. Ngài dạy phải giúp nhau cho mau rồi việc đánh giặc ».

« Hòn Cù lao », là Cù lao nào ?

« Giặc » đây, là giặc nào ?

* * *

Ở Bắc-Việt, ngoài bờ biển, từ Móng-cái đến Quảng-yên, có nhiều cù lao chạy dài với nhau hướng Đông-bắc-tây-nam, theo nhiều dãy song song. Chất đá toàn là đá vôi rắn, tuổi già (Calcaire curale-permien). Hình dáng kỳ quặc. Nhiều cù lao cao chót vót. Đá trắng điểm những cây xanh mọc trong hốc tro vỡ và quắn quèo trước gió. Về mùa Đông, sương mù đồ xuống, mưa phun không tạnh, các cù lao này mờ mờ, khi ẩn, khi hiện và các thuyền đánh cá bơi trong một phong cảnh hùng vĩ và huyền-ảo. Đến giữa trưa, mặt trời đã cao, một làn gió

bìen thòi mạnh, quét các sương mù, đẩy vào núi ở phía tây... Các hơi ẩm này biến thành mây đen, dần dần theo gió mà leo lên đỉnh núi. Còn các cù lao lộ ra, dưới ánh sáng mặt trời.

Thật là một phong cảnh đẹp nhất trong những phong cảnh khác trên địa cầu.

* *

Nhung vịnh này là nơi mà giặc cướp đã tung hoành và đã làm cho dân chúng điêu linh, vua quan vất vả.

Giặc này có thể nói được là một họa thường xuyên cho Vịnh Hạ-long, ấy là giặc biển của Trung-hoa mà ta quen gọi chung là giặc Tàu Ô ».

* *

Nguyên nước Tầu là một nước ít khi được bình trị. Các tỉnh ở ven bờ biển như Triết-giang, Phúc-kiến, Quảng đông và đảo Hài-nam có nhiều dân sống về nghề chài lưới và buôn thuyền. Họ đi biển đi mãi tới Tân-gia-Ba ở bán đảo Mã-lai và tới Batavia ở Nam-dương quần đảo Họ đi buôn bán đủ thứ hàng hoá, nhưng ở trên mặt biển mênh mông, họ thường là những bọn cướp, cướp các thuyền buôn hay thuyền đánh cá, cướp của, cướp cả người nữa. Họ cướp cả đàn bà con gái.

Thuyền của họ, ta gọi là Tàu Ô.

* *

Thế nào là một cái Tàu Ô ?

Cái Tàu Ô là một cái thuyền, chạy bằng cột buồm,

thuyền to có ba cột buồm. Thuyền có đóng đai sắt. Thuyền có ba tùng. Tùng trên đè không vì là chỗ đánh nhau, mạn thuyền cao có mắc súng thần công. Người có thể nằm nép ở dưới mạn thuyền mà dùng súng tay đè bắn. Tùng giữa chứa hàng hóa và là chỗ đè ngủ, chỗ ăn cho thủy thủ. Có những lỗ hỏng trông ra ngoài, trên mặt nước đè các bơi chèo thò ra ngoài. Ở mỗi bên, có độ chục hay vài chục bơi chèo. Thủy thủ ngồi mà chèo tùy theo tiếng cồng. Tùng dưới nuôi gà, lợn, chứa nước ngọt, gạo, muối...

Thuyền này là một thứ thuyền trận của Trung-hoa.

Lương có thể chứa được vài tháng cho vài trăm quân.

Thuyền chia làm nhiều ô, ở tùng giữa và tùng dưới nếu thuyền bị thủng, hoặc bị súng bắn, hoặc vào hòn thời chỉ một ô bị nước chảy vào, hàn bằng nhựa dẽ lấm và thuyền vẫn có thể đi được.

Các thuyền « Tàu Ô » này đã lũng loạn miền Vịnh Hạ-long của ta.

Phải chăng là thuyền của bọn cướp lập bè, lập đảng, hay chính là của Quận đội Chính quy của Trung-hoa ? Là một cuộc xâm lăng trả hình ?

Dù sao, ta đã vất vả vì họ, biết bao phen.

* * *

Chúng ta chỉ nói tới việc xảy ra vào năm 1863 là năm Quý-hợi.

Như sử ghi, các thuyền giặc lén lút ở các đường biển, giữa các cù-lao ở vịnh Hạ-long.

Họ có thề đồ bộ ở bất cứ nơi nào thuộc bờ biển của ta, từ Móng-cáy đến Quảng-yên dài trên một trăm năm mươi cây số.

Họ có căn cứ địa ở trên đất liền, ở miền núi, thuộc hạt Lục-an-Châu mà dân cư là người Nùng, người Mán, toàn biết nói tiếng Tàu. Ở đây họ đã làm nhà, phá rừng làm nương, ở trên sườn núi, làm ruộng ở dưới thung lũng.

Khi họ đồ bộ ở một làng nào đó, dân ta lo sợ. Tiếng ếch, tiếng tù và inh ôi, tiếng trống thùng thùng, họ phá... họ cướp... rồi họ rút lui, hoặc theo thuyền ra vịnh, hoặc lên núi ; hoặc về căn cứ địa. Vua Tự-Đức phải cử Nguyễu-tri-Phương ra cảng đóng miền duyên hải.

Vị tướng này đã sáu mươi lăm tuổi.

Sử cho biết chi tiết sau này :

« Hải-yên, Thủy-đạo, Thống chế Lê-quang-Tiễn đuỗi giặc tại phủ Hải-nam, thuộc tỉnh Quảng-yên ».

Vậy ta đã thắng một trận lớn.

Nhưng sử ghi tiếp « giặc biển Hải-yên, từ khi bị thua ở Quảng-yên và Hà-nam, đem hơn năm trăm chiếc thuyền chia ở hòn Cát-bà và Đồ-sơn. Hai lần bị gió bão thuyền giặc bị chìm, hư nhiều lắm ».

Các việc này xảy ra trong mùa Thu năm Quý hợi (1863).

Sử chép tiếp :

« Đề đốc Lê-quaug-Tiễn, Tuần phủ Büy-huy-Phiên nghĩ rằng bây giờ thắng tới sáo huyệt giặc thời có thề mau dẹp yên.

Hai vị mới chia binh mạo hiềm mà tới.

Không dè binh hậu đạo gấp giặc đã bỏ chạy trước, trung đạo và tiền đạo bị giặc giáp đánh.

Lê-quang-Tiễn và Bùi-huy-Phiên đều nhảy xuống sông tự tử ».

* * *

Tổng thống Quân vụ đã nghĩ sao ?

Thu sắp sang đông. Gió Bắc thổi mạnh, biển thường động luôn. Các cù lao vịnh Hạ-long mờ mờ trong đám sương mù, thuyền giặc lúc ẩn, lúc hiện. Vịnh Hạ-long thật là thủy chiến trường nguy hiểm cho thủy quân ta rét mướt trên những thuyền nhỏ, súng ống ít mà thuyền thời chèo ngóc nga ngách giữa các cù lao, dễ bị lạc đường và có thể dễ bị quân giặc nấp từ trên mái bắn xuống.

Thực là cả một sự gian lao cho quân đội ta.

Ta không có tài liệu để theo dõi sự phản công của Tổng thống Quân vụ Nguyễn-tri-Phương. Nhưng sử cho biết chi tiết sau này, chép gọn ghẽ trong một câu : « đám giặc bị quan binh bắt nhiều ».

Nói tóm lại, Tổng thống Quân vu Nguyễn-tri-Phương đã thắng quân Tàu Ô vào năm Quý hợi (1863).

Nhưng chỉ là một cuộc thắng tạm thời. Sau này ta còn phải tảo thanh nhiều lần ở vịnh Hạ-long và ở ngoài khơi nữa, vì giặc Tàu Ô còn hoạt động và xa mãi đến hải phận Thanh-hoa.

KHẨM MẠNG NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG VÀ CON LÀ PHÒ MÃ NGUYỄN-LÂM ĐÃ TỨ TIẾT NHƯ THẾ NÀO ?

Ở tỉnh Thừa-thiên, Trung-Việt, có một làng lịch sử, ấy là làng Đường-long, sinh quán của một vĩ-nhân Việt-Nam trong thế kỷ thứ XIX, ấy là Tráng-liệt-Bá Nguyễn-tri-Phương.

Làng này ở gần bờ biển.

Từ Huế, thuê thuyền, cho theo luồng nước sông Hương chèo ra tới Phá Tam-giang. Tới phá, cho thuyền lái về tay trái, ngược theo một cái phá, đi về phía Quảng-trị. Phá là một miền nước mặn, trông như một con sông, chảy song song với bờ biển, bờ biển là một đụn cát dài, phá ăn thông với biển bằng một cái cửa ; cửa này là cửa Thuận-an. Thuyền to đi qua được. Vì hàng ngày, nước biển theo cửa mà tràn vào nên nước ở phá là nước mặn, nhất là khi nước triều dâng cao. Làng Đường-long lưng ghêch vào đụn cát trắng, mặt trông ra phá. Làng này bây giờ đổi tên gọi là Chi-long. Làng nghèo. Chất đất là đất cát ở gần đụn. Gần phá thời đất phèn. Dân phải đào mương lấy nước rỉ ở trên đụn xuống cho vào ruộng, để rửa đất phèn. Lại phải đắp đập, ven bờ phá để ngăn nước mặn tràn vào ruộng, hay để ngăn nước lụt ở Quảng-trị đổ về.

Dân cư sống trong cảnh nghèo nàn. Gạo không đủ ăn.

Nghè biền chỉ có mùa. Mà cá đánh được phải bán rẻ vì xa chợ.

Trong cảnh túng thiểu của làng nhưng săn năng lực truyền thống của làng chống lại thiên nhiên... Nguyễn-tri-Phương đã ra đời vào năm 1799. Đến năm 74 tuổi. Người hy-sinh vì nước ở Hà-nội. Người được an táng ở làng, thờ chung một nhà thờ mà vua Tự-Đức đã đặt tên là Nhà thờ Trung-hiếu.

Đến làng Đường-long, lại cung chiêm nhà thờ Trung-hiếu, vái trước phần mộ Tráng-liệt-Bá Nguyễn-tri-Phương và con là Thị-Lang Nguyễn-Lâm, ấy là ôn lại một giai đoạn lịch sử đau thương nhưng anh-hùng của ta, do thực dân Pháp gây nên.

* * *

Tráng-liệt-Bá Nguyễn-tri-Phương từ cấp lại xuất thân, vì nhà nghèo, đã không được đi học. Người đã rất anh-dũng. Lịch sử chiến-tranh của Người rất dài. Nào là dẹp giặc Miên (Cam-bốt), nào là dẹp thò phỉ Tàu ở Việt Bắc, nào là chống giữ quân Pháp xâm lăng ở Cửa Hàn, ở Nam, ở Bắc. Người lại có công xây dựng quan trọng cho đất Nam, ấy là sự thành lập hàng trăm đồn điền, trăm trang trại, đem an-ninh trật tự, cùng cơm ăn, áo mặc cho dân chúng, thứ nhất là ở miền Hậu-giang.

Tháng 10, năm Quý-dậu (1873), tức là năm thứ hai mươi sáu (26) triều vua Tự-Đức, trước đây 91 năm, Nguyễn-tri-Phương, Khâm-mạng vua Tự-Đức cùng con là Phò Mã Nguyễn-Lâm ra Hà-nội chống quân Pháp xâm lăng.

Việc không thành, hai cha con đã tử tiết !

Nguyên nhân câu chuyện như sau này :

* * *

Quân Tây đánh thành Hà-nội, lý do chính là họ muốn chiếm đồng bằng sông Nhĩ-hà và cả miền núi Bắc-Việt. Vì, theo ngay tài-liệu của Francis Garnier, đồng bằng là một vựa lúa, có nhiều nhân công, còn miền núi có rất nhiều mỏ. Họ đã chiếm được toàn thể Nam-kỳ lục tỉnh; bây giờ họ muốn chiếm Bắc-kỳ : đất Trung chỉ là một dải đất nghèo giữa hai miền Nam-Bắc, trước sau sẽ bị chiếm.

Vậy tháng 10, năm Quý-dậu (1873), quân Tây đánh thành Hà-nội.

Lý do mà họ viện ra là lý do gì ?

• • • • • • • • • • • • •

Nguyên là vào tháng sáu nhuận cũng năm Quý-dậu (1873), theo đúng sử ta do Quốc-sử-quán ghi chép, tàu « Tù-phò-Nghĩa ở Hà-nội đã lâu, quyết ý thông thương. »

Vừa gặp quan tỉnh Nghệ-an là Tôn-thất-Triệt được thư Tù-phò-Nghĩa trả lời cho Giám-Mục Hậu (người Pháp) nói rằng : « Hiệp vốn mở sự buôn, từ Bắc-kỳ đến Vân-nam ». Tôn-thất-Triệt liền dịch thư ấy dâng lên. Ngài khiến sao thư ấy cho Nguyên-tri-Phương và các Tỉnh Bắc-kỳ hết lòng phòng bị. Rồi tàu ấy chạy lên Thượng-du tỉnh Hưng-hóa.

Tôi vẫn theo đúng sử cũ mà chép như sau này :

« Tháng bảy, Cơ mật tâu rằng tàu từ Phò-Nghĩa từ mùa Đông năm ngoái chạy tới Hà-nội. Bởi bọn buôn Bành-lợi-Ký và Quan tả đình mưu làm vô dụng cho nó. »

Vậy, tàu Từ-phô-Nghĩa (tức tên lái buôn Jean Dupuis) đã muốn mở đường thông thương từ Bắc-kỳ tới Vân-Nam và nhờ người Tàu đưa đường.

Vấn đề đặt ra cho Nguyễn-tri-Phương là tên Từ-phô-Nghĩa có thật muốn đi buôn không? Buôn gì thời phải khai. Hay là lại muốn lấy cớ đi buôn để do thám tình thế nước ta và các địa điểm quân-sự, dùng bọn người Tàu dẫn đường để xâm lăng Bắc-Việt của chúng ta, sau khi mà quân Pháp đã dùng vũ lực mà xâm chiếm toàn cõi Nam-kỳ lục tỉnh?

Nguyễn-tri-Phương bèn ủy cho Võ-Đường mời Từ-phô-Nghĩa đến công-quán hội-nghị. Tên này đi khỏi, chỉ có 2 người Tàu là Uông-su-Gia và Hà-Sần đến hội-nghị.

Sử chép như sau này:

« Võ-Đường nói: Đò quân khí, lẽ phải triệt lại. Các ông phải khai các người trong tàu để khám ».

Sự xem xét các vũ-khi và sự kiềm soát người trên tàu của tên Từ-phô-Nghĩa là thuộc quyền của một nước độc-lập. Và lẽ tất nhiên là bỗn phận của các nhân-viên phụ-trách. Chúng ta có gì là khiêu khích đâu, ấy thế mà hai người Tàu kia không chịu cho khám. Lẽ tất nhiên là họ đã theo lệnh của Từ-phô-Nghĩa.

Việc này là một việc lớn.

Việc đưa tới Triều đình.

Vua Tự-Đức đã khiến Bình-bộ Tham-tri Phan-đình-Bình sung khám phải ra Hà-nội, hiệp đồng Nguyễn-tri-Phương xử trí việc Từ-phô-Nghĩa.

Sử chép là « Từ-phò-Nghĩa tự tiên chở súng ống và gạo muối lên Vân-nam rồi chạy đến Hạ-hoà tỉnh Sơn-tây ».

Quân Pháp hồi đó đã chiếm đóng toàn cõi Nam-Việt, bèn phái viên Quan Ba An-Nghiệp (Francis Garnier) đi tàu tới cửa Đà-năng rồi chạy ra bến Hà-nội.

Khâm mạng Nguyễn-tri-Phường, Bố chánh Võ-Đường và Lãnh-binh Nguyễn-dăng-Nhiêm ra trú quán đón rước. Chính nhà vua đã khiến quyền tạm dọn nơi trường thi để khoản đãi An-Nghiệp (Trường thi tức là địa điểm Thư-Viện Trung-Uơng hiện thời ở Hà-nội).

Vậy thời An-Nghiệp đã tới Hà-nội, được đón tiếp long trọng. Theo thư của người Pháp (Pháp Soái đóng ở Sài-gòn) thời An-Nghiệp chỉ có sáu mươi tên (60) lính được vua Tự-Đức thuận cho phép ra Hà-nội là để theo đúng như sử ta chép — « bảo Từ-phò-Nghĩa lui tàu ra để bàn điều lệ thông thương ».

Triều đình ta vui lòng mở cuộc thông thương với Pháp, nhưng nếu Pháp muốn dùng Từ-phò-Nghĩa lấy tàu (có mắc súng) mà lui tới trên sông Nhĩ-Hà, trước khi có điều lệ thông thương, thời thật là vô lý.

Nay An-Nghiệp ra Hà-nội để bảo tàu Từ-phò-Nghĩa phải rút ra biển thời là việc « phải » của Chính-phủ Pháp.

Vậy An-Nghiệp ra Hà-nội. Nhưng đáng lẽ Y phải bảo tên Từ-phò-Nghĩa trả tàu ra ngoài biển thì Y lại ở Hà-nội (bến Đồn-thủy, phía lò lợn bây giờ). Sử ta lại chép như sau :

« Quan Năm nước Pháp, đem 5 chiếc tàu hỏa (tàu biển chạy bằng máy chứ không phải bằng buồm) tiếp đến Đồ-Sơn ».

Công điệp của người Pháp cho biết rằng: « Một chiếc chạy lên Hà-nội, còn bốn chiếc rồi cũng đến đó » (theo sử ta).

Vậy người Pháp ngoan cố. Mượn cớ Từ-phò-Nghĩa để sai An-Nghiệp ra, bè ngoài nói là để đuổi Từ-phò-Nghĩa, nhưng sự thực là để chiếm chỗ.

Rồi năm tàu máy đến tiếp viện.

Chúng có xâm lăng đã rõ ràng.

Đồng bằng sông Nhĩ-hà sẽ bị mất hay sao? Sẽ cũng bị mất như đồng bằng sông Cửu-long hay sao? Nước sẽ mất hết hay sao?

Chúng ta không biết Nguyễn-tri-Phương nghĩ như thế nào? Dù sao, Quân Pháp đã đánh thành Hà-nội và Nguyễn-tri-Phương và con đã chết theo thành.

* *

An-Nghiệp muốn mau mở việc buôn. Muốn dự định Hoà-ước với quan ta. Y đã giao tinh niêm yết Hoà-ước ấy. Nguyễn-tri-Phương bèn trả lời, theo sử chép, là « Không có Triều Mạng, không dám thiện hành ».

Vậy An-Nghiệp đã áp bức ta quá và Nguyễn-tri-Phương đã trả lời một cách có lý. Việc thông thương giữa hai nước là do hai Chính-Phủ quyết định, chứ đâu do một tên Quan Ba tự ý quyết định.

An-Nghiệp đã cư xử như thế nào?

Sử ta chép một cách rất sơ sài các sự việc xảy ra: « An-Nghiệp giận. Ngày mồng một tháng mười, năm Qui-Dậu (1873) thình lình đánh tĩnh thành.

Khâm mạng Nguyễn-tri-Phương với con là Phò Mã Nguyễn-Lâm (Lâm ra thăm cha) giữ cửa Đông-Nam.

Binh Pháp phá cửa ấy trước. Lâm bị đạn chết, Tri-Phương bị thương, thành liền mất.

Chúng ta nên chú ý tới chữ « thình linh » : Quân Pháp đánh bắt ngờ, không tuyên chiến. « Lâm ra thăm cha » : có lẽ Nguyễn-Lâm muốn ra trợ chiến với cha ; nếu phải chết, thời hai cha con sẽ cùng chết với nhau...

.

Còn nhiều chuyện về sau, giữa Quân Pháp xâm lăng và ta.

Về việc Nguyễn-tri-Phương chết, sử ghi như sau nầy : « Nguyễn-tri-Phương mất ở nhà trú thư thành Hà-nội. Trước, nhân bị thương, ở tại đó ; đến đây không chịu ăn uống, người Pháp đưa cháo và thuốc, Ông đều phun ra cả, rồi mất ».

Tôi không biết là vào ngày nào, nhưng trong tháng mười một năm Quý-dậu (1874).

Tháng mười hai, sử chép rằng Vua Tự-Đức « nhớ đến Nguyễn-tri-Phương, một nhà tử tiết, truyền Quan Tỉnh Hà-nội sai dân phu hộ tang Quan tài Ông và Phò-mã Nguyễn-Lâm về làng an táng ; và tặng Phò-Mã Lâm Hàm Bình-bộ Thị-Lang để khuyên người trung hiếu ».

Năm Ất-hợi (1875), tháng sáu, Vua Tự-Đức cho lập nhà thờ ở sinh quán vị anh hùng dân-tộc này, tức là ở làng Đường-long, phủ Thừa-thiên (làng Đường-long nay đổi là Chí-long).

Sử thần, ở Quốc-sử Quán có ghi như sau này :

« Ngài nghĩ tới Nguyễn-tri-Phương, tặng Binh-bộ Tả Tham-tri và em là Nguyễn-Duy tặng Binh-bộ Tả-Tham-tri, con là Nguyễn-Lâm tặng Binh-bộ Tả-thị-Lang ; hoặc vì nước bỏ mình hoặc vì cha tuẫn tiết, Trung — Hiếu — Tiết Nghĩa nhóm về một nhà, họ Bợn đời xưa cũng không hơn được ; cho nên đặc mạng lập nhà thờ ở làng, tuế thời khiến Quan Huyện sở tại đến tế ».

« Họ Bợn là Bợn Khôn, đời Tấn, đương đau, gǎng ra đánh giặc, bị chết. Hai con Chản và Hu, thấy cha tử trận, liền ra đánh, đều bị hại cả. Vợ Bợn Khôn là Vũ-Thị, vỗ thây hai con khóc rắng : « Cha là trung-thần, con là hiếu tử, còn phàn nàn gì ? »

Nguyễn-tri-Phương chết vì nước, năm 74 tuổi.

(Xin xem Việt-Nam Sử-lược — Trần-trọng-Kim về việc này.)

TÌM HIỂU CAO-BÁ-QUÁT

Tôi đọc bộ *Việt-Nam Sử-lược* thấy Trần-trọng-Kim có viết như sau này về « Giặc châu chấu » (chương tám).

« Năm *Tự-Đức thứ bảy* (1854) ở tỉnh Sơn-tây, có một bọn người đem Lê-duy-Cụ là dòng dõi nhà Lê, ra lập làm Minh chủ để khởi sự đánh nhà Nguyễn.

Lúc ấy, có *Cao-bá-Quát*, người làng Phú-thụy, huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh, thi đỗ Cử-nhanh, ra làm quan được bổ chức Giáo thụ Phủ Quốc-oai, Sơn-tây. Cao-bá-Quát có tiếng là người văn-học giỏi ở Bắc-kỳ mà cứ bị quan trên đè nén, cho nên bức chí, bỏ quan, về đi dạy học, rồi theo bọn ấy, xưng làm Quốc-súy để dậy-loạn ở vùng Sơn-tây và Hà-nội.

Tháng chạp năm ấy, Quan phó Lãnh binh Tỉnh Sơn-tây là LÊ-THUẬN đi đánh, bắt được CAO-BÁ-QUÁT, đem về chém tại làng.

Nhân vì mùa tháng chạp năm ấy, ở vùng Bắc-ninh và Sơn-tây, có nhiều châu chấu ra phá hoại, mất cả mùa màng, rồi đến cuối năm lại có giặc ấy, cho nên người thời bấy giờ gọi là « Giặc Châu chấu ».

Cao-bá-Quát chết rồi, Lê-duy-Cụ còn quấy rối, đến mấy năm sau mới dẹp yên được. Từ đó trở đi, không năm nào là năm không có giặc, nhưng kiệt-liệt hơn là giặc tên *Phụng* và giặc *Khách* ở mạn Thượng-du. »

Tôi đọc bộ *Quốc-trieu chánh biên* thấy chép như sau này :

« Tháng mười hai, năm Giáp dần (1854) (là năm thứ bảy triều Vua Tự-Đức) phó lãnh binh Sơn-tây, Lê-Thuận phá hết đảng giặc ở núi An-sơn. Cao-bá-Quát thua, rồi chết. Quan triều bắt sống được Tướng giặc và Đảng giặc đem về.

Trước khi ấy, Bá-Quát làm *Giáo-thợ* Phủ Quốc-oai, ý mình có tài mà làm quan nhỏ, bèn mưu nghịch, cùng người trong Đảng tôn Lê-duy-Cự làm Minh-chúa mà mình làm Quốc sư, rủ nhau làm giặc ở miền Hà-nội, Sơn-tây được vài năm. Đảng ấy dần dần bị bắt, giết hết ».

Trần-trọng-Kim đã chép gần đúng như nguyên văn đoạn của bộ *Quốc-trieu Chánh-biên* và Người không có ý kiến riêng nào về Cao-bá-Quát và Lê-duy-Cự cả. Người chỉ cho là những tên giặc mà thôi, và « tên » Cao-bá-Quát sở dĩ làm giặc là vì chức kém, bị quan trên đè nén, vì thù hận mà làm loạn « theo bọn » giặc !

Trong bài nhỏ này, tôi xin trình với độc giả mấy ý kiến thô thiển của tôi về Cao-bá-Quát, tuy đã có nhiều vị viết về thân thế và thi văn của Cao-bá-Quát.

Trước hết, tôi cố tìm hiểu cá nhân Cao-bá-Quát, rồi sau tôi đặt Cao-bá-Quát vào hoàn cảnh xã hội và chính trị thời bấy giờ. Tôi không biết tôi sẽ nói đúng không ? Tôi xin nhờ quý vị độc giả chỉ giáo cho.

Sử liệu về Cao-bá-Quát mà tôi dùng rất ít.

Trong *Văn-nghệ tập san*, số 6, xuất bản tháng 10,

năm 1955, tôi đứng về phương diện đại cương mà tổng quát vấn đề « Nhà LÊ và nhà NGUYỄN ».

Tôi phải đặt Cao-bá-Quát là một chi tiết vào trong một vấn đề chung, ấy là *sự quật khởi của con cháu nhà Lê*, và nói rộng ra nữa là của toàn dân đồng bằng phì nhiêu sông Nhĩ-hà, đã biết mấy nghìn năm văn hiến, không có thể chịu được sự « đòn hó » của một Chính phủ người Trung, chỉ dùng vũ lực mà đàn áp, người dân thời lai Chiêm-thành, lai Tàu di cư, đất thời hẹp, kinh tế kém, văn hoá kém. *Dân Bắc-hà đã coi nhà Nguyễn như một thú Ché-bồng-Nga*. Nhà văn Nguyễn-Khuyen đã nhạo Vua nhà Nguyễn như đồ phường chèo, và người chẳng coi ra trò trống chi cả.

Vả lại nhà Lê đã biết bao đời có công với dân...

Nhà Nguyễn Tây-Sơn lấy cớ phò Lê, diệt Trịnh ra đánh Bắc-hà. Rồi lấy cớ đánh quân Tàu xâm lăng mà chiếm ngôi nhà Lê. Nguyễn-Huệ đã có lý về nhiều phương diện, nhưng *dân chúng đất Bắc vẫn nhớ nhà Lê*. Rồi nhà Nguyễn, với Triều đình ở Huế, thống trị toàn đất Bắc, dân Bắc thứ nhất là dân Thăng-long, nào nhớ tới lịch sử từ xưa, nào nhớ tới nhà Lê, *dân Bắc cho nhà Nguyễn như những kẻ tiếm quyền*.

Cao-bá-Quát cùng chung một tư tưởng với Nguyễn-Du, Nguyễn-Khuyễn... với biết bao nhiêu vị nữa mà tôi không biết tên.

Cao-bá-Quát đã thu nghiệp ai ? Tôi không biết rõ. Nhưng sinh quán là làng Phú-thụy, huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh. Nhìn qua sông Nhĩ-hà là kinh đô Thăng-long, Kinh đô từ đời Lý, Trần, Lê.

Cao-bá-Quát chắc đã phải qua sông Nhĩ-hà, sang trọ học ở Thăng-long, đã phải đến nghe giảng văn ở Văn-miếu, đã đọc các bia tiến sĩ, đã thăm nhuần không khi văn học của nơi nghìn năm văn hiến.

Con trai đất Bắc (Bắc-ninh) sang tu luyện ở ngay thành Hà (Hà-nội), các điều kiện này thêm vào thông minh cá nhân và giòng giống (mà tôi không biết) đã đào tạo nên con người văn học giỏi (cũng như Cao-bá-Nha), trí khôn ngang, đối với nhà Nguyễn.

Rồi sau khi thi đỗ ở trường Hà — đỗ Cử nhân — Cao-bá-Quát mà tôi không biết bấy giờ bao nhiêu tuổi, vợ con gì chua, ông cụ bà cụ khuất hay còn...

... Cao-bá-Quát chầy Kinh... Hoạn lộ của Cao-bá-Quát như thế nào ?

Tôi không biết rõ vì thiếu tài liệu để tra cứu. Vẫn lại tra cứu để làm gì ? Chỉ là những chi tiết nhỏ, chắc ít ảnh hưởng tới một người bản lĩnh như Cao-bá-Quát.

Có mấy điểm mà chúng ta nên chú ý trong mấy câu của Cao-bá-Quát mà thường được truyền tụng.

1.— Ngán thay cái mũi vô duyên,

Câu thơ Vĩ-dạ con thuyền Nghệ-an.

Kinh đô Phú-xuân, mà nôm na ta gọi là Huế — Bởi chữ Hoá trong hai chữ Thuận-hoá đọc tranh ra — Kinh đô Phú-xuân, trước đây, hơn một trăm năm, như thế nào ?

Ở tả ngạn sông Hương là Thành, Hoàng-thành và Tử-

cẩm-Thành, ba thành bọc lấy nhau, theo kiến trúc thành nhà Minh. Rồi có các phường, các phố về phía Gia-hội.

Về địa thế chật hẹp ở tả ngạn nên các phủ Chúa, các dinh quan về hữu ngạn sông Hương, ở về một làng gọi là *Vĩ-dạ*. Các ông Chúa, ông Vua thường làm thơ, tự khen, khen lẫn nhau.

Ở Nghệ-an, từ cửa sông Lam, các thuyền nước mắm đưa ra bến Nam-định một thứ nước mắm đặc biệt, có người khen ngon, có người chê là nặng mùi.

Ngán thay cái mũi vô duyên,

Câu thơ Vĩ-dạ, còn thuyền Nghệ-an.

Câu này là câu ché văn hoá đất đẻ đô nặng mùi, Câu ché này có đúng không ? Hay là một câu súng ?

Dù sao, tôi nhận thấy là Cao-bá-Quát đã phải là người có tài học và phải có cam đảm để mà bảo các ông *Hoàng đế* nữa, chỉ là đồ dốt !

• • • • •

2.— Cao-bá-Quát lại còn chừa một đôi câu đối, ở một điện. Câu đối đó như sau này :

Tử nặng thừa phụ nghiệp,

Thần khả báo quản án.

Câu đối này là do Vua Minh-Mạng đặt ra và cho khắc treo ở Điện Cần-chánh.

Cao-bá-Quát đọc câu đối này và có phê như sau :

Hảo hè ! Hảo hè !

Phụ tử, quân thần diên đảo !

Và có chúa như sau :

Quân án ! Thần khả báo !

Phụ nghiệp ! Tử năng thừa !

Thực, ra theo sự hiều biết thô thiển của tôi, câu đối trên hay, câu đối dưới ngược lại chữ cũng hay, nó thế nào cũng được.

Nhưng tôi chủ ý tới điểm là *Cao-bá-Quát đã dám chúa đổi câu đối của vua Minh-Mạng*, khinh mạn nhà vua đã bǎng, khinh mạn triều đình dốt chữ, hay hèn nhát, không dám chúa một câu đối nhà vua, dù biết là không hay.

Nhưng còn... vua không ra vua, tôi không ra tôi, cha không ra cha, con không ra con, thời là làm sao ? Đạo quân thần, phụ tử ra sao ?

Nghĩa quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử của đạo không, nghĩa này còn không ? Thật là đại loạn !

Ý Cao-bá-Quát có thể như thế đấy !

Ngán thay cái mũi vô duyên,

Câu thơ Vĩ-dạ, con thuyền Nghệ-an.

Văn hóa đất kinh kỳ Phú-xuân suy đồi quá.

Hảo hè ! Hảo hè !

Phụ tử, quân thần diên đảo !

Về chính trị và luân lý nhà Nguyễn làm đảo điên tất cả !

Cao-bá-Quát đã có thể nghĩ như thế nào ? Và sẽ hành động ra sao ?

Theo ý tôi, thời chúng ta nên tìm hiểu tâm lý Cao-bá-Quát qua mấy câu tạm gọi là tiêu biếu để nhận thấy rằng đây là một người ưu thời, mẫn thẹ, có chí phi thường.

Có đâu phải là người cong lưng uốn gối, tò tò đồng tiền. Mà cũng có đâu phải là con người mà ai « đè nén » nổi ?

* *

« Rồi bỏ quan, về đi dạy học ». Tiến vi quan, đạt vi sứ, cỗ nhân đã dạy như thế kia mà.

Vậy Cao-bá-Quát về làm Giáo thụ phủ Quốc-oai tỉnh Sơn-tây.

Về trên câu đối, cho chúng ta biết là Cao-bá-Quát sống hiu quạnh, chỉ có vợ... và có thể không có con. Cụ Ông, cụ Bà đã có thể về với tiên tổ hay ở làng, ở Phú-thụy.

Dạy học thời nào học trò có đồng đâu ? Chỉ có dám đưa ! Mà có đưa nào ra hồn đâu ?

Lý do phiền muộn về đời sống gia đình, về đời sống nghề nghiệp đã có thể làm cho Cao-bá-Quát buồn. Và, vốn đã phản uất về Triều đình Huế, bây giờ lại càng phản uất hơn.

Tôi phỏng đoán như thế.

Bây giờ, chúng ta sẽ tìm hiểu, trong điều kiện nào con người chắc tuổi quá ba mươi, trạc bốn mươi, học rộng, đã làm quan ở Triều, nay trở về dạy học ở một tỉnh nhỏ, nhà trống, trường vắng, học trò dốt... Con người đó đã sống trong hoàn cảnh kinh tế và xã hội, chính trị địa phương và toàn quốc như thế, con người ấy sẽ đối phó như thế nào ?

Sao Cao-bát-Quát đã không như *Khuất-Nguyễn*, đã không như *Nguyễn-gia-Thiều*, như *Nguyễn-Du*. Sao cũng lại không lấy làm sung sướng mà là một *Lục-niên phu tử* ? Sao lại không như *Nguyễn-Khuýen* ?

Tôi đặt những câu hỏi này để cố tìm hiểu Cao-bá-Quát. Khó hiểu lắm.

Tôi dẫn ra đây một số liệu đã được ghi trong bộ *Quốc-trieu Chánh-biên* là bộ sử chính của nhà Nguyễn. Số liệu ấy như sau này :

« Năm Mậu thân, hiệu Tự-Đức nguyên niên, tháng 6 (1848). Ngài truyền dụ răn các quan rằng :

« Quan vui thời dân khồ, trên ích thời dưới tồn, chẳng qua vì quan lại, võ văn lọng pháp, tạ sự hại dân. Hoặc nhân đoán ngục xét hình, dụng tâm làm nặng nhẹ, mà sách người lấy của, hoặc nhân bắt lính, đòi thuế, giả đốc sức để kiểm miếng chia nhau, hoặc đem đồ thỉnh thác quan trên để nhờ nâng đỡ, hoặc sanh việc góp lương người dưới để lấy tiền riêng ; tình tệ còn nhiều, ta thật lấy làm buồn lắm !

Người xưa có nói :

Bảy một điều lợi không bằng trừ một điều hại, sanh ra việc không bằng giảm đi một việc.

Bảy giờ, việc nên làm trước, chi nên hình thời khoan, chánh thời giảm, quan thời thanh, lại thời liêm.

Các người phải giữ thể nào cho quan lớn giữ phép, quan nhỏ thanh liêm, đều bỏ hết thói tệ. Thức khuya, dậy sớm, lòng lo cần thận siêng năng. Trên giúp ta những điều nghĩ chưa tới, dưới khiến cho trăm họ đều được yên vui, ấy là ta trông lăm mà thiên hạ càng may lăm ! »

Tờ dụ này, sử ghi là vào tháng 6 năm Mậu thân nghĩa là đúng bảy năm trước khi Cao-bá-Quát bị bắt đem chém.

Vậy tôi nhận thấy mấy điểm sau đây :

1.— Chính vua Tự-Đức xác nhận triều chính đồ nát, địa phương tham ô, cả văn lâm vô. Mà cái hoạ này đã có từ lâu. Như vậy thời không những nhân tâm ở Bắc, ở Nam mà còn ở Trung nữa, ở bất cứ đâu đâu, nhảm tâm cũng uất hận.

2.— *Hảo hè! Hảo hè!*

Phụ tử, quân thần diên dảo!

Cao-bá-Quát đã có can đảm viết như thế, dù biết rằng có thể bị mất đầu. Con người này, ai dè nén nỗi ? Về phương diện chính trị, Cao-bá-Quát nhận thấy là phải đánh đổ nhà Nguyễn !

Muốn đánh đổ nhà Nguyễn thời phải tìm một người giòng giỗi nhà Lê mà phò. Người đó cũng có chí lớn ấy là Lê-duy-Cử.

Lê-duy-Cự được nhiều người hưởng ứng nên được tôn lên làm Minh-chúa.

Cao-bá-Quát chắc đã được nhiều người — mà chắc thuộc giới nho sĩ bầu lên làm Quốc sư.

Tôi nghĩ tới Lưu-Bị và Khổng-Minh, tuy nhà Nguyễn đã diệt nhà Lê để tiếm quyền.

Bây giờ, chúng ta xem tình trạng kinh tế hồi đó như thế nào ?

* *

Trần-trọng-Kim có chép: « Ở trong nước thời thỉnh thoảng lại có tai biến như nước lụt, đê vỡ... vân vân... »

Ở Hưng-Yên, đê Văn-Giang vỡ mười tám năm liền, cả huyện Văn-Giang thành ra bãi cát bỏ hoang, dân-gian đói khổ, nghề-nghiệp không có, cho nên người đi làm giặc càng ngày càng nhiều vậy.

Nhận-xét này của Cụ thật là xác-đáng. Đọc quyển sử-lược của vị tiền-bối này tôi thường thấy nhiều chi-tiết rất quý. Tôi đọc trong bộ Quốc-trieu Chánh-biên thấy chép như sau này :

« Tháng hai năm Qui-Sửu (1853), Ngài ban hai bài thơ Ngự-chế cho các quan ở Kinh và ngoài.

Nguyễn trước khi ấy ít mưa, Ngài lo lấm, làm hai bài thơ Vọng vũ thuật hoài. Đến khi tết Nam-Giao rồi Ngài ngự về, được trận mưa to luôn mấy ngày, lúa ruộng đều sanh sắc ».

Vậy miền Trung-Việt đã bị hạn hán, nhưng sau có mưa. Chẳng biết mùa màng đã được vớt vát như thế nào?

Còn Bắc-Việt ra sao?

Sử chép là, tháng năm, « Bắc-ninh, Sơn-tây bị *hoàng-trùng* làm hại. Ngài dạy tra phép bắt sâu đời xưa lục ra cho các tỉnh ấy tuân-hành.

Trần-trọng-Kim cũng có ghi như sau này:

« Nhân vì năm ấy (mùa tháng năm) ở Vùng Bắc-ninh và Sơn-tây, có nhiều *cháu-cháu* ra phá hoại, mất cả mùa màng, rồi đến cuối năm lại có giặc ấy (sự nỗi-loạn của Cao-bá-Quát) cho nên thời hấy giờ gọi là « giặc Châu-cháu ».

Vì nắng lâu quá nên ruộng nứt nẻ ra, ruộng chiêm không đủ nước, các mầu khô héo nên các thú sâu ở dưới đất sinh ra ăn lá cây lúa, ăn các thứ mầu, ta gọi chung là *hoàng trùng*. Riêng giống *Châu-cháu*, bay từng đoàn, từ thửa ruộng này sang thửa ruộng khác, chỉ thoảng một buỗi mà cả một cánh đồng bị hại, không có cách nào mà ngăn được.

Họa châu-cháu là họa có thực, như sử đã ghi. Nhưng chữ « giặc Châu chấu » là để chỉ sự nỗi loạn của Cao-bá-Quát, có phải đã nguy hiểm cho chính quyền như họa châu chấu thật không?

Sau vụ hạn hán này, vào cuối hạ sang thu, có thể có nhiều trận mưa to. Nước lũ trên triền sông Nhĩ-hà, từ miền Vân-nam đồ vè, đè vỡ tan-tành, phù sa đồ ngầu

tràn vào đồng ruộng các miền hạ bạn như Hưng-yên, Thái-bình. Tuy các phù sa này, vài năm sau, sẽ làm cho đồng ruộng tốt hơn trước, nhưng dù sao năm 1854 là năm mà dân Bắc đói, thứ nhất là dân hạt Bắc-ninh, Sơn-tây.

Nguyên đã thấy nhà Nguyễn văn-hóa kém, chính-trị loạn. (Xin độc giả xem lại bài dụ của vua Tự-Đức mà tôi đã dẫn ở trên) nay lại có giặc *hoàng-trùng*, giặc *châu-chấu*, Cao-bá-Quát và Lê-duy-Cự đều tin như dân rằng Trời không tựa nhà Nguyễn nữa, bèn tông động binh ở ngay vùng Sơn-tây đánh về miền Hà-nội.

Cao-bá-Quát bị Phó Lãnh-binhl Sơn-tây là Lê-Thuận bắt sống ở mặt trận, bị trói đem phơi nắng. Cao-bá-Quát bèn vịnh rằng:

*Nước trong leo leo, cá đớp cá,
Trời nắng chang chang, người trói người.*

Rồi bị đóng vào cùi, ngồi không ngồi được, nằm không nằm được, bị khiêng lủng lẳng trên một cây tre đem về chính quán là làng Phú-thụy, huyện Gia-lâm, Bắc-ninh để cho chính dân làng được biết, trước khi hành hình.

*Ba hồi trống giục, mồ cha kiếp,
Một nhát gươm đưa, má mẹ đòi.*

* * *

Sau Cao-bá-Quát còn có nhiều cuộc nổi loạn ở đất Bắc.

Lê-duy-Cư tiếp tục dấy binh rồi đến Lê-duy-Ninh, rồi đến Nguyễn-văn-Thinh tức là Cai Tồng Vàng, đánh phá ở miền Bắc-giang, Bắc-ninh, Hải-dương. Hồi đó lại có một số giặc Tàu tràn sang ta ở miền Hải-ninh (Móng-cáy). Người Nùng khởi loạn ở Thái-nguyên.

Vua Tự-Dức phải huy động quân ở Kinh ra hợp với quân Thanh, Nghệ để trợ lực cho quân địa phương ở các tỉnh Bắc có giặc.

Các Tướng của Triều đình là Trương-quốc-Dung, Nguyễn-bá-Nghi và sau là Nguyễn-tri-Phương.

Nhà Nguyễn đã thắng hết cả các cuộc nổi loạn nói trên, cũng như đã thắng « giặc Châu-chấu » vậy.

Đề kết luận bài nhỏ này, tôi nhận thấy là các thiên tai đưa đến sự đói khổ cho dân-chúng, cùng sự cai trị thối nát của tham quan ô lại làm dân-chúng oán giận đã là những lý do chính cho sự khởi loạn của Cao-bá-Quát, người sĩ có tính hiên ngang, không phục nhà Nguyễn và vẫn tưởng nhớ tới nhà Lê.

SUY NGHĨ VỀ TÌNH BẠN CỦA CỤ NGUYỄN-KHUYẾN

Cụ Nguyễn-Khuyến tên trước là Nguyễn-văn-Thắng.

Chữ « Văn-Thắng » cụ đã đạt.

Chứng cứ là cụ đỗ đầu ba kỳ thi.

Cụ quê ở làng Yên-đồ, vì vậy có chữ Tam nguyễn Yên-đồ (người làng Yên-đồ, ba lần đỗ nhất).

Tại sao cụ lại đổi tên ?

Tại sao Nguyễn-văn-Thắng đã đổi tên là Nguyễn-Khuyến ?

Khuyến nghĩa là dạy.

Vì có lẽ cụ nghĩ rằng phải dạy đời.

Dạy đời theo nguyên tắc nào ?

Chúng ta nên suy nghĩ.

Cụ đỗ, rồi ra làm quan, về cuối đời vua Tự-Đức, về thời mà người Pháp thực dân sang xâm chiếm nước ta.

Vì nhiều lý do mà người Pháp đã sang đây ?

(Dù sao, ta không nhắc tới giai đoạn lịch sử đó.
Nhắc tới để làm gì ?)

Cụ ra làm quan, vì bó buộc phải ra làm quan.

Cụ được vua Tự-Đức cử làm Sơn-Hung-Tuyên Tông đốc.
Làm Tông đốc ba tỉnh. Mà Tông đốc, ngày xưa, to lắm.

Cụ ra làm quan.

Cụ bó buộc phải ra làm quan.

Vì chiế̄u vua.

Vì mảnh bă̄ng mà cụ đã có !

Ra làm quan trong một thời gian, cụ xin về nhà.

Về nhà để sống một đời nghèo của người « ần sĩ ».

Vậy ta tưởng tượng một người tài cao, đức trọng
đã có uy quyền, bỏ uy quyền ấy, về nhà. Nhà là một
nhà lá, ba gian hai chái, hay một gian hai chái.

Cụ đã có câu thơ như sau này :

*Ba gian nhà cỏ thấp le te,
Ngõ tối đêm sâu, dóm lấp lòe.*

Cụ đã về ăn dật, trong cảnh nghèo nàn.

Thái độ của cụ là một thái độ tiêu cực.

Tại sao cụ không ở với chính quyền để tranh đấu ?

Xin về hưu, cáo lão là bỏ bỗn phận...

Nhưng đây là việc riêng của cụ.

Chúng ta không có quyền bàn.

Ta nên tìm hiểu cụ thì hơn.

Tìm hiểu bằng cách nào ?

Cụ có để lại cho chúng ta một số thi ca. Hoặc là
thơ bát cú hoặc là hát nói, hoặc là trường thi. Thơ
chữ Hán có, thơ chữ Nôm có. Cộng lại, rất ít !

Nhưng lượng ít, phẩm nhiều.

Suy nghĩ về những câu thơ cụ đ𝐞̂t lại, tôi thầm thấy
và muốn cảm thông với cụ.

Chưa chắc tôi có thể hiểu được cụ không; dù sao
người sống chúng ta nên cố mà hiểu người đã xa ta...

* *

Có hai bài thơ của cụ cho tôi biết quan niệm của
cụ về nghĩa, tình, bè bạn.

Hai bài thơ đó, tôi chép lại sau đây. Rồi chúng ta
sẽ thảo luận.

Bài đầu là bài thơ bát cú. Cụ làm khi có một người
bạn đến chơi, thăm cụ, sau khi cụ cáo lão về hưu,
trong cảnh nhà tranh vách nát nhưng dù sao, cụ cũng
đã có một cái ao, một cái vườn... như một nông dân...
hang thường mà thôi...

*Đã bấy lâu nay bác tới nhà,
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả, khôn chờ cá,
Vườn rộng, rào thưa, khó đuổi gà.
Cải chửa ra cây, cà chửa nụ,
Bầu vúa rung rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây, ta với ta.*

Bây giờ chúng ta nên phân tích qua loa bài thơ ấy.

Trong câu đầu « đã bấy lâu nay, bác tới nhà », chữ
bác là chữ rất thân của các cụ. Và nguyên cụ Nguyễn-
Khuyến là một vị quan to thời ta có thể đoán vị khách
này cũng là một vị quan to. Chữ « nhà » có vẻ thân mật,

cũng như chữ « đã bấy lâu nay » vừa có ý nghĩa mong vừa có ý nghĩa trách. Vậy người ta có thể nghĩ rằng hai ông cụ này là bạn thân với nhau lắm, lâu ngày mới gặp nhau.

Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.

Chữ trẻ nghĩa là cả vợ lẫn con.

Tại sao cụ lại nói ngay « chợ thời xa »? Là vì khách đến nhà thời phải tiếp đãi, thời phải mời ở lại ăn cơm, uống rượu, để bàn bạc về chuyện này chuyện khác. Bây giờ nhà không có người đi chợ để làm bữa rượu thời phải làm thế nào?

Khách đến nhà, chẳng già thì gởi.

Đó là câu thành ngữ.

Vậy phải bảo người nhà ra ao đánh cá hay vào trong vườn bắt con gà. Nhưng :

*Ao sâu nước cỏ, khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.*

Vậy thịt cá không có, phải ăn rau vây, hái ít rau cỏ, gọi là cây nhà lá vườn. Nhưng :

*Cải chửa ra cây, cà chửa nụ,
Bầu vừa rung rốn, mướp đương hoa.*

Thế mới khó nghĩ : đã bấy lâu nay, bác tới tôi mà chẳng có cách ăn một bữa cơm rau với nhau! Thôi! tôi xin mời bác một miếng trầu, rồi ta sẽ nói chuyện. Nhưng :

Dầu trò tiếp khách, trầu không có,

Ta có câu « miếng trầu là dầu câu chuyện ». Bây giờ
trầu không có thì làm thế nào mà mở dầu câu chuyện
được ?

Bác đến chơi đây, ta với ta.

Thôi thì bác cứ ngồi chỗ bác, tôi ngồi chỗ tôi, không có thể
ăn uống với nhau cũng không có thể nói chuyện với nhau được.

* * *

Bài thơ này tể nhị lăm. Câu đầu có thể làm cho ta
tưởng lầm là cụ sẽ rất lấy làm vui vẻ mà được ông bạn
già lại chơi, trong khi cụ đương buồn một mình trong
cảnh hưu tri.

Rồi vì cụ nghèo quá muôn mòn bạn ở lại để ăn
cơm, uống rượu, ai ngờ chẳng có gì cả. Đến miếng trầu
đề nhai cho đỡ buồn mòn cũng không có. Đành là « ta
với ta » vậy.

Hiểu chữ « ta với ta » rằng hai cụ ngồi nói chuyện
suông với nhau là lầm.

« Ta với ta » nghĩa là tôi không tiếp bác.

Mà tại sao lại thế ?

Đã gọi là bác thì phải là bạn học hay bạn đồng liêu,
sao lại đối với nhau tàn nhẫn như thế ? Chắc là có một
bí ẩn gì mà ta chưa biết.

Hay là cụ Nguyễn-Khuyển đã là người không hiểu tình
bè bạn, keo kiết đến nỗi một miếng trầu cũng tiếc không
đem ra mời bạn ?

Ta đọc bài thơ sau này, bài khóc cụ Nghè Văn-Đinh, Dương-Khuê thì ta sẽ hiểu cụ hơn. Có bản băng chữ Hán nhưng cũng có bản băng chữ nôm do chính cụ dịch bản chữ Hán ra :

Bác Dương, thôi, đã thôi rồi !
 Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.
 Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,
 Bác với tôi, tôi bác cùng nhau,
 Kính yêu từ trước đến sau,
 Trong khi gặp gỡ, biết đâu duyên Trời.
 Cũng có lúc chơi no i dặm khách,
 Tiếng suối nghe róc rách lung đeo.
 Có khi từng gác cheo leo,
 Thú vui con hát, lựa chiều cầm xoang.
 Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp,
 Chén quỳnh tượng óm ấp bầu xuân.
 Có khi bàn soạn câu văn,
 Biết bao đông bich diễn phần trước sau.
 Buổi dương cửu cùng nhau hoạn nạn,
 Miếng đầu thăng há dám tham đòi.
 Tôi già, bác cũng già rồi,
 Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là.
 Việc đi lại, tuổi già thêm nhác,
 Trước ba năm gặp bác một lần.
 Cầm tay hỏi hết xa gần,
 Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can.

Tuổi tôi kẽ còn hơn tuổi bá^c,
 Mà tôi đau trước bá^c mấy ngày,
 Làm sao bá^c vội vè ngay ?
 Chợt nghe tôi những chân tay rung rời.
 Ai chả biết chân đòn là phải,
 Vội vàng chỉ mà mải lên tiên ?
 Rượu ngon không có bạn hiền,
 Không mua, không phải không tiền không mua.
 Câu thơ viết, dấn do chẳng viết,
 Viết đưa ai, ai biết mà đưa ?
 Giường kia treo những hững hờ,
 Đàn kia gầy những ngần ngờ tiếng đàn.
 Bác chẳng ở, dấu van chẳng ở,
 Tôi tuy thương lấy nhò làm thương.
 Tuổi già, hạt lệ như sương,
 Hơi đâu ép lấy hai hàng chúa chan.

Câu đầu :

Bác Dương ! Đây là tiếng gọi. Cụ vẫn tưởng tượng rằng : cụ Dương-Khuê còn sống. Nhưng sự thật đã làm cụ giật mình :

Thôi ! đã thôi rồi !

Và cụ buồn, một mối buồn bao la như mây như nước.

Rồi trong bốn câu sau, cụ tóm tắt cái tình của cụ với cụ Dương, biết nhau từ khi đi thi và giữ trọn cái tình bè bạn cho đến khi kẻ khuất người còn...

Câu :

Bác với tôi, tôi bác cùng nhau

Tả rõ sự quyến luyến của hai người bằng chữ tôi
với chữ bác láy đi láy lại.

Kính yêu từ trước đến sau

Bạn thì chỉ có yêu. Có thày thì mới kính vì cù
tôn cù Dương lên làm thầy. Thực là quý quá!

Chữ duyên nặng nghĩa lắm, ý muốn nói rằng có lẽ
hai người kiếp trước đã là bạn thân với nhau.

Bắt đầu từ câu thứ 7 đến câu thứ 14; cù làm sống
lai những cảnh đời đẹp đẽ của hai cù đã cùng hưởng
với nhau.

Nào là đi chơi những danh lam thắng cảnh, ngồi
bên bờ suối nghe tiếng nước chảy.

Nào là khi cao hứng rủ nhau đi nghe những danh
ca, hưởng thú thanh tao của cung đàn nhịp phách.

Nào khi cùng nhau uống rượu, chén chú chén anh.

Nào khi giờ thi ca từ phú, người nọ hỏi ý kiến
người kia.

Thực là hai cù đã sống một đời đầy thi vị của hai
thày khóa trẻ tuổi với những thú vui thanh tao, phong nhã...

Rồi mỗi người mỗi ngả. Ai cũng phải ra đi làm quan,
giúp Vua trị nước... Nhưng nước nhà ngả nghiêng... Cũng
như quốc dân, cũng như các kẻ sĩ, hai cù cùng nhau
hoạn nạn.

Nhưng cụ không dám tham « miếng đầu thăng » nghĩa là đồng tiền của Chính phủ mới, mà « đời » nghĩa ái quốc.

*Tôi già, bác cũng già rồi,
Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là.*

Hai cụ cũng biết là bỗn phận mình phải tích cực mà phụng sự quốc gia và dân tộc; nhưng già rồi...

Rồi cũng vì già mà xa bạn, ít khi đi lại.

Cuộc gặp gỡ cuối cùng cách đây ba năm:

Cam tay hỏi hết xa gần.

Ta thử tưởng tượng hai ông cụ già cầm tay nhau, trên hai khuôn mặt răn reo lộ ra nỗi vui mừng vô hạn.

Làm sao bác vội về ngay ?

Câu này là một câu trách nhưng trách vì quá thương tiếc. Cũng như câu :

Vội vàng chi đã mai lên tiên ?

Từ câu 29 đến câu 34, cụ tả cái khồ của cụ sau khi cụ Dương không còn « ở » với cụ nữa. Mất người bạn hiền, cụ tuy thích uống rượu cũng không có can đảm mà uống nữa... Vì nhớ tới người bạn « Quỳnh tương » ngày trước. Cụ cũng không làm thơ nữa. Làm thơ để cho bạn xem, bây giờ còn ai là bạn ? Cái giường mà khi bạn đến, hạ từ trên vách xuống rồi hai người cùng ngồi trên đó nói chuyện với nhau, cái giường ấy sẽ treo trên vách mãi mãi, vì bạn sẽ không còn đến nữa. Cái đàn cũng cứ sẽ treo ở cột vì gây cho ai nghe ?

Tả nỗi lẻ loi hiu quạnh của một người mà bạn mất, tả một cách nồng nàn như thế, ai đọc mà chẳng thấm thía ?

Bây giờ già rồi, dù có muốn khóc cũng không đủ hơi sức nữa mà khóc, chỉ lấy nhớ làm thương, nghĩa là linh hồn cụ Dương bao giờ cũng sống trong tâm trí cụ Nguyễn.

* * *

Ta đem so sánh hai bài thơ dân trên và đứng về phương diện tim hiền tinh bè bạn của cụ Nguyễn Khuyến thời ta nhận thấy mấy điểm sau này :

Trước hết cụ có quan niệm rất cao về tình bạn. Với bạn, có những thú chơi thanh tao, có lòng quý giá, nhưng người bạn đó phải là người đáng kính « từ trước tới sau ».

Nếu không đáng « kính », vì người đó xu thời nịnh thế, bỏ hết cả chính nghĩa và khí phách của một sĩ phu, thời dù có làm nên quyền cao chức trọng thế nào, cụ cũng bó buộc phải tuyệt giao. Và dù có không hiều sự thờ ơ của cụ mà cứ lại chơi cụ, cụ phải không tiếp.

Tình bè bạn của cụ là đặt trên lập trường chính trị, quốc gia và dân tộc.

Tưởng chúng ta nên suy nghĩ về lập trường này. Có thể là một bài học cho chúng ta, thứ nhất là trong lúc hoạn nạn này.

CHƯƠNG BỐN

THỜI CẦN - VƯƠNG

MẤY CHI TIẾT VỀ TÔN-THẤT-THUYẾT

Tôi không biết bộ Thất Lục của ta có bị xoá nhiều không. Dù sao, bộ Chánh-Biên mà tôi dùng chép rất ít về Tôn-thất-Thuyết. Ta không nên lấy làm lạ vì Pháp và những người theo Pháp đã làm công việc của họ... Công việc này như thế nào ? Ấy là viết sai lịch sử.

Tôi chép ra sau đây mấy chi-tiết trong bộ Chánh-Biên. Người Pháp đã viết ít nhiều về Tôn-thất-Thuyết, nhưng đó là những bài của Pháp.

* * *

1.— Năm Kỷ-ty (1869), tức là năm thứ hai mươi hai đời vua Tự-Đức, tháng sáu Tôn-thất-Thuyết Nguyên Án-sát Hải-Dương, được nhà vua cho sung Tân Tương đạo quân thứ Thái-Nguyên.

Ông-Ích-Kiêm đã làm Tân-Tương từ năm 1865 rồi.

Hồi đó, Tông-Thống Quân-vụ ở Bắc-kỳ là Nguyễn-tri-Phương, rồi sau đó là Đoàn-Thợ. Tháng mười, năm Canh-ngo (1870), Đoàn-Thợ bị giặc Tàu (giặc Tô Tú) đánh úp ban đêm ở thành Lạng-Sơn. Đoàn-Thợ (Trung-quân) bị hại. Vua Tự-Đức bèn phái Hoàng-tá-Viêm, Tông-đốc An-Tịnh ra làm Thống-đốc Quân-vụ các tỉnh Lạng, Bằng, Ninh, Thái. Vua Tự-Đức cho Hoàng-tá-Viêm năm lá cờ quân lệnh và

cây gươm thượng phuơng và Ngài có ban rắng: « Ta ban gươm cho khanh cũng như vua Thái-Tồ nhà Tống ban gươm cho Tào-Bân vậy ». Nguyễn vua Thái-Tồ khi ban gươm cho Tướng Tào-Bân có dạy rắng: « Từ phó tướng trở xuống, ai không nghe lời chém ngay ».

Tôn-thất-Thuyết được làm Tán-tương cho chính Hoàng-tá-Viêm, ngay từ tháng mười, năm Canh-ngoạ.

2.— Đời quân-sự của Tôn-thất-Thuyết Án-sát Hải-Dương liên quan mật thiết với đời Thống-đốc Quân-vụ Hoàng-tá-Viêm. Hai vị này đã đánh Tàu, đánh Tây ròng rã mươi mấy năm trời, đồng thời với ông-Ích-Kiêm ở các mặt trận Bắc-kỳ.

Tháng mười, năm Quý-dậu (1873) quân Pháp dưới sự chỉ-huy của Francis Garnier (An-Nghiệp) đánh thành Hà-nội, Nguyễn-tri-Phuơng bị thương, rồi sau nhịn đói mà chết. Các tỉnh Hải-dương, Ninh-bình, Nam-định cũng đều bị mất. Hoàng-tá-Viêm và Tôn-thất-Thuyết đánh Tây như thế nào ? Tại sao bị thua ?

Về việc Francis Garnier, cự Trần-trọng-Kim có chép rõ (xin xem cả chương IX). Cụ có viết câu này :

« Thành Hà-nội thất thủ rồi, quan ta thì trốn tránh đi cả, giặc cướp lại nhân dịp nồi lên... quan ta ở các tỉnh đều ngơ ngác, không biết ra thể nào, hễ thấy người Tây đến là bỏ chạy ».

Tôi phải dẫn câu sứ này mà cụ Trần đã không đề ý đến. Trần-định-Túc « Liên-ủy Nguyễn-trọng-Hiệp, Trương-Gia-Hội đến quân thứ diện thương với bọn Hoàng-tá-Viêm, Tôn-

thất-Thuyết, Viêm và Thuyết đều thuận nghe, đóng quân, không đánh nữa ».

Cụ Trần có tham bác bộ Quốc Triều sứ toát yếu của Cao-xuân-Dục.

Cụ chắc đã đọc kỹ.

Tôi mạn hương hồn cụ mà đề nghị rằng :

— Hoàng-tá-Viêm Tông-Thống Quân-vụ đã có chiến-lược, chiến-thuật. Ấy là đã có thề ra lệnh cho tản cư để thành không, cho quân Pháp vào... rồi ta đánh.

Chứng cớ là Francis Garnier đã bị nhử ra ngoài thành Hà-nội và đã bị bắt sống rồi bị giết.

Sử còn cho ta biết một chi tiết, ấy là :

« Tháng mười, năm Quý-dậu (1873) Ngài khiến Hoàng-tá-Viêm kiêm sung Tiết-chế Bắc-kỳ quân-vụ, thương-đốc việc phòng giữ các tỉnh và coi Định-Túc thương-thuyết thế nào ».

Trần-dịnh-Túc có liên lạc với Hoàng-tá-Viêm và Tôn-thất-Thuyết để nghị ngừng binh.

« Viêm và Thuyết đều thuận nghe đóng quân không đánh nữa ».

Ta đã có thề tiêu diệt được quân Pháp.

Và câu của cụ Trần mà tôi đã nhắc lại ở trên có thề không đúng với sự thật quân sự.

Tôn-thất-Thuyết đã là Tán Tương cho Hoàng-tá-Viêm. Nguyễn-văn-Tường đã thương thuyết với Hoắc-đạo-Sanh

(Philâtre) và đã tiếp thu tất cả bốn tinh nói trên. Nguyễn-văn-Tường đã nói với Hoắc-đạo-Sanh rằng (lời sử ghi) :

« Sức binh cả bốn tinh cũng mạnh mà nước tôi không đem ra tranh hoành ».

Câu này ý nghĩa rõ ràng.

Nếu Pháp không trả lại bốn tinh thời ta sẽ đánh.

Và ta sẽ thắng.

Ai đánh ?

Tôn-thất-Thuyết ?

Ai điều khiển toàn Bắc-ky ?

Hoàng-tá-Viêm.

Pháp trả lại ta bốn tinh !

Tôi tin rằng Nguyễn-văn-Tường đã có một sự liên lạc với Hoàng-tá-Viêm... và Tôn-thất-Thuyết.

Hoà mà... thắng thời nên hòa.

Nếu không hòa được thời ta sẽ đánh.

Ai đánh ?

Chỉ là Tôn-thất-Thuyết mà thôi !

Tôi sẽ viết về Nguyễn-văn-Tường và dẫn các sử liệu mà tôi biết ! Tôi đã tìm kỹ và phê phán theo học lực thô thiển của tôi.

Cụ Trần-trọng-Kim có viết trang 416 bản in lần thứ năm :

« Lúc bấy giờ Hoàng-tá-Viêm đóng ở Sơn-tây có Đảng Cờ Đen là bọn Lưu-vịnh-Phúc vè giúp ».

Cụ Trần quên rằng Lưu-vĩnh-Phúc đã đầu hàng ta ! Đã chỉ là những lính chỉ đâu đánh đấy. Có thể đã bất tuân thượng lệnh quấy rối dân chúng, nhưng về việc binh thời phải theo tướng lệnh.

Tướng lệnh là cây cờ của Hoàng-tá-Viêm (Cụ Trần chép là Hoàng-kế-Viêm) và của Tôn-thất-Thuyết giao cho Lưu-vĩnh-Phúc chỉ là một thứ lính mà ta điều khiển mà thôi. Lưu-vĩnh-Phúc cũng như những lính Lê-Dương ở trong Quân-đội Pháp mà thôi.

Ai đã chỉ-huy ?

Hoàng-tá-Viêm và Tôn-thất-Thuyết đã làm chủ tình thế về quân-sự. Bọn Lưu-vĩnh-Phúc sai đi tiên phong vì họ đã đầu hàng ta, bị ta đánh thua. Lính đầu hàng phải đi tiên phong.

Bảo rằng ta đã nhờ quân Tàu, quân Cờ Đen để đánh Tây là có thể sai-lầm.

Rồi còn nhiều việc xảy ra nữa :

1.— Tôn-thất-Thuyết, Án-sát Hải-dương năm 1869 được vua Tự-Đức cho sung Tán-Tương đạo quân thứ Thái-Nguyên.

Trung-quân Đoàn-Thọ bị hại ở Lạng-sơn. Nguyễn-văn-Tường ở Lạng-sơn, bị vây, bèn trèo thành ra ngoài.

2.— Hoàng-tá-Viêm được vua Tự-Đức cử ra điều khiển các mặt trận Lạng-sơn, Cao-bằng, Hải-ninh và Thái-nguyên.

Hoàng-tá-Viêm có gươm vua ban, có quyền chém từ phó tướng trở xuống nếu không tuân thượng lệnh.

3.— Tôn-thất-Thuyết ở bên cạnh Hoàng-tá-Viêm, chúc Tân Tương.

Đánh Tàu.

Thu phục Lưu-vĩnh-Phúc.

Dùng Lưu-vĩnh-Phúc là hàng tướng với hàng quân của y để đi tiên phong.

Đó là theo quân luật đời xưa.

Vừa đánh, vừa giữ trong khi chờ triều đình quyết định ra sao.

Ai điều đình ?

Nguyễn-văn-Tường.

Nguyễn-văn-Tường điều đình với Hoắc-đạo-Sanh có kết quả.

Ta tiếp thu lại cả bốn thành.

Tại sao Pháp nhường ?

Vì nếu không nhường thì có thể bị tiêu diệt.

Ai tiêu diệt ?

Tôn-thất-Thuyết với sự thỏa hiệp của Hoàng-tá-Viêm « Viêm và Thuyết đều thuận nghe (Trần-dinh-Túc) đóng quân, không đánh nữa ».

Sử chép rõ ràng như thế.

4.— An-Nghiệp (Francis Garnier) đã bị giết, Pháp sợ.

Quân Cờ Đen đã bắt sống được An-Nghiệp.

Ai điều khiền quân Cờ Đen là quân đầu hàng ?

Hoàng-tá Viêm và Tôn-thất-Thuyết và có lẽ cả Ông-chí-Kiêm nữa, vì Ông-Ích-Kiêm cũng ở quân thứ.

Tôn-thất-Thuyết còn vất vả nữa... còn vất vả đến khi chết... còn phải chịu nhục ở đất Tàu.

Bài này nói tới năm 1873.

THỐNG ĐỐC QUÂN VỤ ĐẠI THẦN HOÀNG-TÁ- VIÊM TRÊN MẶT BẮC KỲ (1870 — 1886 ?)

Tháng năm, năm Canh ngọ (1870), tức là năm thứ hai mươi ba triều vua Tự-Đức, sử ghi là *An Tĩnh Tông đốc* *Hoàng-lá-Viêm* vào chầu... rồi ở lại Kinh vài tháng, đợi thương thuyết việc thay Tây sau mới về Trấn.

Tháng bảy, Ngài cho hiệp hai đạo quân thứ Lạng-sơn và Bắc-ninh làm một, cho *Trung quản Đoàn-Thợ* làm *Tổng thống Bắc-kỳ quản vụ*.

Tháng mười, đảng giặc *Tô-Tú* (Thổ phỉ Tàu), trong một đêm, lấy tỉnh Lạng-sơn « Đoàn-Thợ bị chết, *Võ-trọng-Bình* *Nguyễn-văn-Tường* và *Đặng-Toán* trèo thành chạy ».

Các tin này báo về Triều đình, Ngài bèn quyết định. Sử ghi như sau này :

« Cho *Hoàng-tá-Viêm* sung chức *Thống đốc Quân vụ* *Đại thần Lạng — Bằng — Ninh — Thái*; *Tôn-thất-Thuyết* sung *Tán* *tương* ».

Tôn-thất-Thuyết hồi đó nguyên Án sát Hải-dương, sung *Tán* *tương* *Đạo* *quân* *thứ* *Thái*-nguyên.

Sử lại cho biết thêm rằng :

« Ngài ban cho Hoàng-tá-Viêm một cây gươm Thượng Phuông và năm lá cờ Quán lệnh mà du rằng : « Ta ban gươm cho Khanh, cũng như vua Thái-Tồ nhà Tống ban gươm cho Tào-Bân vậy ».

Nguyên xưa vua Thái-Tồ nhà Tống ban gươm cho Tào-Bân mà dạy rằng : Từ phó Tướng trở xuống, ai không nghe lời thời chém ngay.

Tôi chắc rằng, sau khi được tin cáo cấp là Trung quân Đoàn-Thọ bị hại, thành Lạng-sơn bị mất, Ngài ra lệnh Triệu Hoàng-tá-Viêm về Kinh ngay.

Trạm đi từ Kinh tới thành Nghê, rồi Hoàng-tá-Viêm cấp tốc ngày đêm về chầu, chỉ mất độ bốn năm ngày.

Hoàng-Tá-Viêm hồi đó chắc mới quá năm mươi tuổi.

Vua Tự-Đức đã dẫn dò gì Hoàng-tá-Viêm ?

Dù sao, Hoàng-tá-Viêm ra Bắc, với một trách nhiệm vô cùng quan trọng, vào ngay cuối tháng mười.

Rồi người lăn lóc suốt trên các mặt trận Bắc-kỳ, cho đến khi, theo chỉ vua Tự-Đức, người về Kinh (1886 ?)

Suốt hơn 15 năm trời, Lạng — Bằng — Ninh — Thái, Thống đốc Quán vụ Đại thần Hoàng-tá-Viêm đã làm những công việc gì ?

Đó là đề tài bài khảo cứu nhỏ này, căn cứ vào sử liệu của ta do Quốc sử quán ấn hành.

Bài này có phần vào bài, ấy là sự mô tả *tình trạng* nước ta vào cuối năm Canh ngọ (1870).

Tháng mười, năm Canh ngọ (1870), Tông đốc An Tĩnh Hoàng-tá-Viêm sung chức Lạng-Bình-Ninh-Thái Thống đốc Quân vụ Đại thần.

Cho đến tháng sáu năm Quý vị (1883), tháng mà vua Tự-Đức băng hà, Hoàng-tá-Viêm đã ròng rã 13 năm trôi ở quân thứ Bắc-kỳ. Một mặt thời dẹp giặc thô phỉ Tàu, một mặt thời chống quân Pháp xâm lăng. Mười ba năm trôi, điều binh khiễn tướng, nội trị, ngoại giao... tay cầm cây gươm thượng phuơng của Vua Tự-Đức giao cho, nhìn năm lá cờ quân lệnh của Vua Tự-Đức giao cho để điều khiển đủ các mặt trận... Hoàng-tá-Viêm đã trường kỳ kháng chiến đánh Tàu, đánh Tây, trách nhiệm hoàn toàn ở mình...

• • • • •
Vua Tự-Đức băng hà ngày 16 tháng 6 năm Quý vị (1883).

Vua Tự-Đức là linh hồn của sự kháng chiến. Ngài băng.

Ở trong triều, có Nguyễn-văn-Tường, Tôn-thất-Thuyết và Ông-Ích-Kiêm... và nhiều vị nữa... như Trần-tiền-Thành...

Vua Tự-Đức băng, Vua Dục-Đức lên ngôi. Tuổi Ngài ba mươi hai. Nghĩa là đã lớn rồi. Ở ngôi được ba ngày thời bị bỏ.

Phải chăng vì vua Dục-Đức đã muốn đầu hàng Pháp ?

Đinh thần rước Lãng-quốc-Công lên ngôi, tức là vua Hiệp-Hoà. Lãng-quốc-Công đã ba mươi bảy tuổi. Ở ngôi bốn tháng mươi ngày thời bị thi.

Phải chăng vì vua Hiệp-Hoà đã muốn đầu hàng Pháp ?

Hoàng-tá-Viêm vẫn ở Quận thứ Bắc-kỳ với hai nhiệm vụ : dẹp giặc Tàu, đánh giặc Tây.

Nhưng Triều đình có thể có một đường lối khác. Trong quân thứ có thể có một sự hoang mang.

Có mấy sự kiện sau đây :

1.— Tháng sáu, năm Qui-vị (1883), Đề đốc ở Quận thứ Bắc-kỳ là Trần-xuân-Soạn bị đòi về Kinh, sung Kinh thành Phó Đề đốc vì « trong kinh phòng bị khẩn lăm ».

2.— Phan-đình-Phùng, Ngự sử vì can ngăn sự phế vua Dục-Đức mà phải cách chức.

3.— Tôn-thất-Thuyết lĩnh cò lệnh và các bài « dùng việc binh » để được phép tùy tiện làm việc, sở dĩ có việc này là Tàu biển Pháp thường đi gần cửa Thuận-an, có ý đồ bô.

4.— Trần-đình-Túc và Nguyễn-trọng-Hợp thương thuyết với Pháp ở Huế. Người Đại diện cho Pháp là Ha-ro-măng (Harmand). Sử ta chép là thương thuyết đến hai ba lần, mãi đến tháng năm hiệu Kiến-phước (1884) mới giao tờ hoà ước với nhau ».

5.— Về quân sự, quan quân ở quận thứ Sơn-tây đánh nhau với binh Đại Pháp tại xứ Hương ngạnh và xứ Phủ diễn (gần Hà-nội) đều được thắng trận.

Nhưng quân Pháp « vào huyện An-dương (Hải-dương) bắt tri huyện Trần-Đôn xuống tàu. Trần-Đôn nhảy xuống sông tự tử ».

Hoàng-tá-Viêm nghĩ sao ?

Sử cho ta biết chi tiết sau này :

« Ngài (Vua Hiệp-Hoà) ban rằng : Nếu Hoàng-tá-Viêm làm không khéo, e lại sanh ra một sự khó khăn ». Ngài lại truyền dụ : « Lập tức triệt binh đồng lui để tỏ điều tin với Đại-Pháp ».

Tên húy của vua Hiệp-Hoà là Hường-Dật.

Sử cho ta biết chi tiết sau đây :

« Tên húy Ngài là Hường-Dật, con thứ hai mươi chín đức Hiển-Tồ (Thiệu-Trị) bà Thụy-Tân, họ Trương, sanh Ngài trong tháng chín năm thứ bảy triều vua Thiệu-Trị (1847). Ngài trước được phong tước Lãng-quốc-Công. Nhân khi tự quản là ông Đức-Đức bị bỏ, đình thần lập Ngài làm vua, đặt niên hiệu Hiệp-Hoà. Được ít lâu cũng bị thi ».

Tại sao Vua Hiệp-Hoà bị thi tuy đã được đình thần lập lên ?

Tại sao tên Hường-Dật bị bỏ buộc phải tự tử ?

Vì vua Hiệp-Hoà đã chủ hoà. Vì tên Hường-Dật, ba mươi bảy tuổi, đã lợi dụng ngôi vua để bán nước... để được làm vua... dưới quyền sai khiến của Pháp... trên xương máu của nhân dân.. Có phải thế không ?

Hoàng-tá-Viêm ở quân thứ Bắc-kỳ, nay đánh chỗ này, mai đánh chỗ khác... đánh Tàu, đánh Tây...

Ở Kinh tinh hình như thế nào ?

Sử ta chép như sau này :

« Ngày Đinh Sứu, năm Quý vị (1883), Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết thí Ngài Hiệp-Hoà và giết Đại thần là Trần-tiền-Thành ». Tôi không tra cứu được ngày Đinh Sứu là ngày thuộc về tháng nào nhưng chỉ trong tháng bảy tháng tám mà thôi. (Xin xem Việt-Nam sử lược của Trần-trọng-Kim — trang 535).

Ai kế tiếp vua Hiệp-Hoà ?

Phải chăng Hường-Dật và Trần-tiền-Thành đã là « Việt gian » ?

Phải chăng hai người này đã bị chết oan ?

Thế nào là Việt gian ?

Thế nào là bị chết oan ?

Tôi không có ý kiến gì cả.

Tôi chỉ nhận thấy rằng, ở Triều, Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết, có rất nhiều trách nhiệm chính trị ; Ông-ich-Kiem và Trần-xuân-Soạn có trách nhiệm về quân sự.

Còn ở Bắc, Hoàng-tá-Viêm có trách nhiệm như thế nào ? Tại sao Hoàng-tá-Viêm không bị gọi về Kinh ? Tại sao không bị Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường ghen tị và cho giết đi ?

Tại sao ?

Đã có một sự liên lạc nào giữa Tôn-thất-Thuyết và Hoàng-tá-Viêm không ?

Phan-dinh-Phùng bị cách chức giam vào ngục, rồi bị tống về làng. Tại sao Tôn-thất-Thuyết là người đã có can đảm giết vua Hiệp-Hoa lại để cho Phan-dinh-Phùng về miền Nghệ-tĩnh ? Tại sao ?

Tôi xin đề nghị sau đây mấy ý kiến của tôi vì sau khi xét kỹ các sử liệu phải có ý kiến, dù ý kiến này đúng hay sai mặc lòng. Nhưng sự đúng hay sai do sử liệu mà mình dùng, cũng do sức học nữa. Ý kiến của tôi có thể sai.

1.— Nguyên-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết là những người ra đứng lái chịu sào về phương diện chính quyền trung ương.

2.— Hoàng-tá-Viêm ở Quân-thúy Bắc-kỳ — Vừa đánh vừa giữ hậu thuẫn thứ nhất cho trung ương là Hoàng-tá-Viêm.

3.— Phan-dinh-Phùng ở miền Nghệ-Tĩnh. Phan-dinh-Phùng bị cách chức mà thôi. Rồi Phan-dinh-Phùng đã lập nên một chiến khu. Chiến khu này sẽ đón tiếp vua Hàm-Nghi và Tôn-thất-Thuyết... Ai đã giúp một viên quan lại bị cách chức để lập chiến khu, mộ quân, đúc súng dự trữ lương thực ? Ai đã giúp Phan-dinh-Phùng làm công việc tày trời ấy ? Ai ?

Có phải chẳng chính là Tôn-thất-Thuyết chẳng ? Tôn-thất-Thuyết đã nghĩ tới hậu thuẫn thứ hai... là chiến khu chẳng ?

Hoàng-tá-Viêm vẫn là Tổng-Thống Quân-vụ Bắc-kỳ.

Ngày mồng ba, tháng mười một (3-11), năm Quý vị (1883), Hoàng-Tử thứ ba Vua Tự-Đức lên ngôi tuổi mới mười lăm, lấy niên hiệu là Kiến-Phước.

Hoàng-tá-Viêm vẫn ở Quân-thú bắc-kỳ, một mặt phải đánh dẹp Tàu, đánh Tây, một mặt nghe ngóng tin tức Triều đình về nội trị, về ngoại giao. Ta nên nhớ rằng Hoàng-tá-Viêm đã lấy một bà công-chúa... và việc nước với việc nhà là một... và Hoàng-tá-Viêm hồi đó đã có tuổi. Và Hoàng-tá-Viêm đã đi ra Bắc-kỳ từ năm 1870 với cây gươm Thượng-Phương, với năm lá cờ quân-lịnh, dùng để điều binh khiền tướng, ròng rã mười ba năm trời, đánh Tàu, đánh Tây... không được về Kinh để nhìn mặt vua Tự-Đức... khi Ngài băng, để nhận lời di chiếu.

Xét các sử liệu thời tôi thấy là một mặt có sự tổ chức các Sơn-phòng, nghĩa là các chiến-khu ở miền núi. Tổ-chức có sự giúp đỡ của chính quyền. Thi dụ như Lê-đoản-Nhã mộ binh, khai khẩn hơn hai ngàn mẫu ruộng ở Sơn-phòng Nghệ-an (tháng bảy, năm Quý vị 1883).

Một mặt nữa là triều đình hoà với Pháp. Sử cho biết chi tiết sau này : « Vua Hiệp-Hoà hãy còn ở ngôi mấy tháng sau mới bị giết ».

« Ngài cho quan Thượng-Thư Bộ Lai là Nguyễn-trọng-Hợp làm Khâm-sai Đại-thần, Thượng-Thư Bộ Công là Trần-văn-Chuẩn và Tham-tri Bộ Lại là Hường-Phỉ làm Phó Khâm-sai, Tá Lý Bộ Lê là Bình-văn-Giản làm Tham-tá ra Bắc-kỳ thương thuyết với quan Toàn-quyền Đại-Pháp về việc giao nhận tỉnh thành, hiếu tráp chúng dân và triệt bãi binh đồng.

Giao nhậm tinh thành nghĩa là thế nào ?
Nghĩa là đặt quan mới !

Hiều tră̂p chúng dân nghĩa là thế nào ?
Nghĩa là bảo dân phải theo Pháp.

Triệt bãi binh dỗng nghĩa là thế nào ?
Nghĩa là giải tán tất cả bộ đội của ta.

• • • • • • • •
Hoàng-tá-Viêm nghĩ thế nào ?

• • • • • • • •
Nguyễn-trọng-Hợp, Khâm-sai, theo lệnh Vua Hiệp-Hoà,
ra giải tán bộ đội ! Đầu hàng Pháp !

Tình hình quân đội ra sao ?

Chúng ta đặt mình vào tình trạng của Hoàng-tá-Viêm
hồi đó. Dù vẫn dốt, vũ dát mặc lòng tôi cũng cảm thấy
là Hoàng-tá-Viêm lưỡng lự, buồn, túc.

Nhiều vấn đề đặt ra :

1.— Chờ tin tức ở triều đình. Chiến hay hoà ?

2.— Năm chắc lấy tướng-tá, cái khồ là trong hàng ngũ
tướng ta có nhiều người chủ hoà... rồi đi đầu hàng Pháp...
Rồi có nhiều người... mượn « nước đục béo cò » ra giúp
Pháp đánh tá. Theo danh từ bây giờ thời họ là « Việt
gian hạng nhất »... Nhưng cũng có người bỏ chính quyền
của vua Hiệp-Hoà... ra hoạt động quần chúng, đánh du-
kích.

Sử cho biết mấy chi tiết sau đây :

1.— Ngài (vua Hiệp-Hoà) đòi đế-đốc Nam-Định là Tạ-Hiện, Đế-đốc Hải-Dương là Tôn-thất-Hoè về Kinh. Tạ-Hiện liền theo quân Tàu làm Đế-đốc, đi chiêu tập những quân nghĩa dũng, không chịu về (vào khoảng tháng bảy tháng tám năm Qui-vị 1883). Tôi không biết là Tôn-thất-Hoè có về kinh không.

2.— Quan Tán Tương Quân-Thứ Sơn-Tây (tức là cánh tay phải của Thống-đốc Hoàng-tá-Viêm) là Nguyễn-thiện-Thuật lãnh bằng quan Tàu đem quân Tàu về Hải-Dương, cù tập những quân nghĩa dũng ».

Sử chép rõ như sau này :

« Khi ấy, các xứ khởi nghĩa đều nhờ Nguyễn-thiện-Thuật ».

Sự liên lạc giữa Nguyễn-thiện-Thuật với Hoàng-tá-Viêm như thế nào ?

Các sự việc này xảy ra trước khi Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết thi vua Hiệp-Hoà và giết Trần-Tiền-Thành, chỉ trong mùa thu năm Qui-vị mà thôi.

Ngài mồng ba tháng mười một năm Qui-vị (1883), Hoàng-tử thứ ba của Vua Tự-Đức là Dưỡng-Thiện (cháu vua Tự-Đức được nhận làm con nuôi) lên ngôi vua — Tức là vua Kiến-Phước.

Thống-đốc Hoàng-tá-Viêm nghĩ sao ?

Thống-đốc sẽ kháng cự, còn phải đánh Tây.

Về vua Kiến-Phước, cụ Trần-trọng-Kim có viết :

« Khi Ngài (Vua Tự-Đức) sắp mất, có đề di chiếu nói rằng: Đức tính ông Đức-Đức không đáng làm vua mà ý Ngài muốn lập ông Dưỡng-Thiện nhưng vì ông ấy còn bé mà việc nước cần phải có vua lớn tuổi cho nên phải lập con trưởng. Ngài lại cho Trần-Tiền-Thành, Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết làm phụ chánh.

Ngày vua Kiến-Phước lên ngôi sứ ta chép là ngày Canh-thìn mồng ba tháng mười một, năm Quý-vị (1883), (Cụ Trần-trọng-Kim chép là ngày mồng bảy tháng mười, năm Quý-mùi 1883. Đọc là Quý-vị hay Quý-mùi cũng được).

Về các việc xảy ra trong đời Vua Kiến-Phước xin đọc giả xem Việt-Nam Sử-lược của Trần-trọng-Kim từ trang 536 đến trang 542.

Tôi thêm sứ liệu sau này :

« Tháng mười một, năm Quý-vị. Ngài truyền dụ đòi Tống-Thống ở Bắc-kỳ là Hoàng-tá-Viêm phải về Kinh » cùng với các quan ở Quận-thú. Nguyễn-trọng-Hợp đã tâu « xin đòi Hoàng-tá-Viêm về kinh để cho người ta khỏi nói ». « Người ta » đây là Pháp.

Nguyễn-trọng-Hợp, Thượng-thư Bộ Lại, Khâm Sai đã cùng nhiều quan trong triều đề nghị với vua Kiến-Phước gọi Hoàng-tá-Viêm về kinh... để Hoàng-tá-Viêm không đánh Pháp nữa... để cho Pháp hài lòng.

Cơ-mật-Viện liền tuân chỉ cho Pháp biết là Hoàng-tá-Viêm sẽ bị gọi về Kinh.

Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường đã xử tri như thế nào ở Triều ?

Hoàng-tá-Viêm nhận được chỉ gọi về, Hoàng-tá-Viêm sẽ về không ?

Hoàng-tá-Viêm không về ngay.

Hoàng-tá-Viêm còn ở lại Bắc-kỳ, đánh Pháp ở Sơn-tây, Bắc-ninh, Thái-nguyên, Hưng-hoá suốt mùa đông năm Quý-vị, sang xuân năm Giáp-thân (1884).

Các tỉnh này đều đã bị quân Pháp chiếm, Nhưng họ cũng đã bị thiệt hại nhiều. Có nhiều trận đã rất dữ dội...

Sử chép là :

« Tháng ba, năm Giáp-thân (1884), tức là năm Kiến-Phước nguyên niên, Ngài truyền đòi quan quân thứ Sơn-tây là Hoàng-tá-Viêm, Lương-tư-Thú, Ngô-tất-Ninh, Nguyễn-dinh-Nhuận và quan tỉnh Hưng-hoá là Nguyễn-văn-Bích đều phải về Kinh đợi chỉ ?

Nguyễn-quang-Bich sai người nạp ấn bỏ quan lên thượng du để qua nước Tàu rồi mất tại trên miền rừng núi tỉnh ấy.

Còn Hoàng-tá-Viêm, Lương-tư-Thú, Ngô-tất-Ninh thời dần dần về Kinh.

Nguyễn-dinh-Nhuận qua Tàu.

Nguyễn-văn-Giáp và Nguyễn-thiện-Thuật cũng đều bỏ đi.

Vậy vào cuối xuân, sang hạ năm Giáp-thân (1884), Thống đốc Quân-vụ Bắc-kỳ, Hoàng-tá-Viêm từ quân thứ Sơn-tây trở về Kinh đợi chỉ.

Về Kinh, lẽ tất nhiên là theo đường lối núi, là phải trốn tránh, vì nếu bị Pháp hay Việt gian bắt, giết thì sao?

Tới Kinh, sau ít ra là một tháng rưỡi, Hoàng-tá-Viêm sẽ gặp mấy người bạn đã cùng chịu cực khổ với mình... ấy là Tôn-thất-Thuyết, Nguyễn-văn-Tường và Ông-Ích-Kiêm.

Hơn một năm sau, vào ngày hai mươi ba tháng năm, năm Ất-Dậu (1885), ta với Pháp đánh nhau ở Kinh thành Huế.

Rồi Nguyễn-văn-Tường ở lại điều đình với Pháp.

Còn Tôn-thất-Thuyết thì phò vua Hàm-Nghi ra Sơn-Phòng Quảng-Trị ban hịch Càn-Vương.

Còn Hoàng-tá-Viêm làm Khâm-sai Đại-thần ra phủ dụ dân chúng Quảng-bình, Hà-fĩnh, Nghệ-an, Thanh-hoá.

Phan-dinh-Phùng tö-chức Càn-Vương đã từ lâu.

Ông-Ích-Kiêm đi đâu? Đã chết như thế nào?

Bài tôi viết về Hoàng-tá-Viêm từ khi ra quân thứ Bắc-kỳ 1870 đến khi về kinh 1882 bài viết theo sử ta, sử đã bị cắt nhiều cho ta biết mấy chi tiết về mươi ba năm đánh Tàu, đánh Tây của vị nho tướng này.

Sau khi về Kinh, Hoàng-tá-Viêm có lẽ không đảm nhận một trọng trách gì cả.

Hai năm rưỡi sau, vào tháng chín năm Bính-tuất (1886),
niên hiệu Đồng-Khánh nguyên-niên, vì ta đã bị thua nhiều
quá, phải hoà, phải « xếp cho yên » nên vua Đồng-Khánh
gọi Hoàng-tá-Viêm ra « xếp cho yên ».

Sử chép là :

« Tháng chín, năm Binh-tuất (1886), Ngài cho ông Hoàng-tá-Viêm khôi phục hàm cũ mà sung Hữu-trực-Kỳ, Yên phủ Kinh-lược sứ lĩnh cờ tiết mao, được phép tự tiện làm việc. Trước phải ra Quảng-bình xử trí cho yên, rồi tới Hà-tĩnh, Nghệ-an, Thanh-hoa tùy nghi sắp đặt.

Trong bài dụ của Vua Đồng-Khánh có câu « lòng ta
muốn xếp cho yên ».

Tôi tin rằng cực chẳng đã Hoàng-tá-Viêm mới phải nhận
trọng trách này...

TẠ HIỆN VÀ NGUYỄN THIỆN THUẬT HAY GIẶC BÃI SẬY

Đọc trong Việt-Nam Sử-lược của cụ Trần-trọng-Kim, tôi thấy mấy câu « Các quan cựu thàn là quan Đề-đốc Tạ-Hiện, quan Tân-tương Nguyễn-thiện-Thuật tụ họp ở Bãi-Sậy rồi đi đánh phá ở mạn Trung-châu ».

Đây là một măt trận của Nghĩa Càn-Vương. Sau khi kinh thành Huế thất thủ, sau ngày hai mươi ba tháng năm, năm Ất-dậu (1884), vua Hàm-Nghi cùng Tôn-thất-Thuyết ra chiến-khu Quảng-trị ở miền Cam-lộ.

Tôn-thất-Thuyết và triều-định lập Lãng-quốc-Công lên làm vua. Lãng-quốc-Công tên húy là Hường-Dật, con thứ hai mươi chín của Vua Thiệu-Trị, đặt niên hiệu là Hiệp-Hòa. Hường-Dật lên ngôi, năm ba mươi sáu tuổi được ít lâu bị phế, sứ nhà Nguyễn gọi là Phế-đế.

Tình hình nước ta hồi đó như thế nào ?

Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường làm phụ chánh, Trần-xuân-Soạn, nguyên Đề-đốc Quân-thúy Bắc-kỳ, có lệnh về kinh, giữ chức Kinh thành Phó Đề-đốc. Đề-đốc chính là ai ? Là Tôn-thất-Thuyết hay Ông-ich-Kiêm ? Dù sao, ta phải phòng bị kinh thành Huế, phải đề phòng một sự đánh úp cửa Quân-đội Pháp xâm lăng.

Tôi đọc bộ Quốc-trieu Chánh-biên thấy chép như sau này :

« Đời Đè-dốc Nam-dịnh là Tạ-Hiện, Đè-dốc Hải-dương là Tôn-thất-Hoè về kinh. Tạ-Hiện liền theo quân Tàu làm Đè-dốc đi chiêu tập những quân nghĩa dũng không chịu vè. »

Quan Tán-tương quân thứ Sơn tây là Nguyễn-thiện-Thuật lãnh bằng quan Tàu, đem quân Tàu về Hải-dương, cù tập những quân nghĩa dũng. Khi ấy các xứ khởi nghĩa đều nhờ Nguyễn-thiện-Thuật đem lãnh bằng cấp quan Tàu ».

Trên đây, tôi sao lại nguyên văn, trong bộ Quốc-trieu Chánh biên, là sử chính của Nhà Nguyễn, mấy đoạn có liên quan tới Tạ-Hiện và Nguyễn-thiện-Thuật.

Lời lẽ sử chép như thế nào, tôi không phê bình. Sử có xuyên tạc sự thật không? Ta nên nhớ là sử này do nhà Nguyễn cho viết ra trong thời Pháp thuộc. Vậy chúng ta nên thận trọng khi đọc đoạn sử nói trên.

Tôi thấy là Tạ-Hiện và Nguyễn-thiện-Thuật là hai người đã không chịu đầu hàng, lại tö-chức quân nghĩa-dũng ở miền Hải-dương để chống lại quân Pháp xâm lăng. Việc gì phải lấy bằng quan Tàu?

Sử chép là hai vị nói trên đã lãnh bằng quan Tàu. Tôi không biết rằng đúng hay không, dù sao, không có quan Tàu, và hai vị, một là Đè-dốc, hai là Tán-tương, chức do vua Tự-Đức đặt cho, hai vị này nguyên chức,

đã chống lại quân Pháp xâm lăng, ở miền Trung-châu Bắc-Việt, ở miền Hải-dương, Hưng-yên, Hà-đông...

Sử nhà Nguyễn gọi là « giặc Bãi Sậy ». Bài nhỏ này nói về « giặc Bãi Sậy ». Tài-liệu mà tôi dùng ít, nhưng cũng tạm đủ.

* * *

Tạ-Hiện và Nguyễn-thiện-Thuật đã là những người đầu đảng « giặc Bãi Sậy ».

Bãi Sậy ở đâu ?

Đảng nhà Nguyễn gọi là « giặc », đảng này như thế nào ? Đã hoạt động ra làm sao ? Đã bị đánh phá như thế nào ?

Tôi sẽ trả lời các câu hỏi đó, theo sự tra cứu của tôi, theo sử ta mà tài-liệu lẻ tẻ, vì bị xóa nhiều.

• • • • • • • • • •

Bãi Sậy là miền Hưng-yên, một miền đất thấp, một miền mà các đê bao bọc. Ở đất Bắc, đê năm nào cũng phải chữa ; nếu không, nước lũ sông Nhị-hà phá đê, tràn vào đồng ruộng. Vào giữa thế kỷ thứ mười chín, ở miền Hưng-yên, có một cái đê, gọi là đê Văn-Giang, năm nào cũng bị vỡ. Vỡ mười tám năm liền — như cụ Trần-trọng-Kim đã chép « Cả huyện Văn-giang thành ra bãi cát bỏ hoang, dân gian đói khổ... » Phù sa sông Nhị-hà tràn vào ruộng, các lau sậy mọc lên. Một Đồng Tháp Mười ở ngay giữa trung châu tuy không có nước mặn ngầm

lên. Miền Hưng-yên, về giữa thế kỷ thứ mười chín, đã trở lại miền Dạ-trạch, bùn lầy. nước đọng : miền mà vào giữa thế kỷ thứ sáu, Triệu-quang-Phục đã lập chiến khu để chống lại quan Tàu.

Có những mỏ đất nhô lên giữa miền lau sậy.

.

Sau khi Vua Hiệp-Hoà lên ngôi, Triều đình muốn đầu hàng Pháp và ra lệnh cho Đè đốc Nam-định là Tạ-Hiện và Tán tướng quân thứ Sơn-tây là Nguyễn-thiện-Thuật phải về Kinh, nghĩa là phải về đầu hàng. Tổng thống quân thứ Bắc-kỳ Hoàng-tá-Viêm và nhiều tướng tá cũng bị gọi về : không được đánh Tây ».

Ngày Đinh sứu, năm Qui-vị, Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết thí vua Hiệp-Hoà và giết Đại thần Trần-liễn-Thành vì thân Tây, rồi lập vua Kiến-Phước.

Công việc ở kinh là do Tôn-thất-Thuyết, Trần-xuân-Soạn và Ông-ich-Kiêm tồ chức.

Tạ-Hiện và Nguyễn-thiện-Thuật tồ chức chiến khu Bãi-Sây. Có một sự liên lạc nào với Tôn-thất-Thuyết không ? Với Hoàng-hoa-Thám không ? Với Phan-đình-Phùng không ?

Dù sao, đã có ba chiến khu quan trọng :

1.— Chiến khu Hoàng-hoa-Thám ở miền Bắc-giang, Yên-thể, Thái-nguyên và Tuyên-quang.

2.— Chiến khu Phan-đình-Phùng ở miền Hưng-khê, Hà-tĩnh, Nghệ-an.

**3.— Chiếu khu Tạ-Hiện, Nguyễn-thiện-Thuật ở Bãi-Sậy,
Hưng-yên.**

Trong bài nhỏ này, tài liệu ít ỏi, tôi muốn nhắc nhở với độc giả hai người trai đất Việt là Tạ-Hiện và Nguyễn thiện-Thuật. Sự khảo cứu đầy đủ không thể được không có tài liệu của chính sử. Tôi rất mong rằng các con, cháu hai vị Tạ-Hiện và Nguyễn-thiện-Thuật theo gia phả sẽ cho chúng ta biết thêm một vài chi tiết về hai vị anh hùng dân tộc này: nếu độc giả nào có ý kiến trái lại thì tôi xin lỗi.

* * *

Triều đình Huế đầu hàng : họ Nhà Nguyễn phải tồn tại, độc lập hay nô lệ mặc lòng.

Tạ-Hiện và Nguyễn-thiện-Thuật, cùng với một số vị nữa bị gọi về, theo chỉ của vua Hiệp-Hoà.

Tạ-Hiện và Nguyễn-thiện-Thuật không về !

Với một số tàn quân, nhưng trung kiên, quyền trước mắt hết, hai cụ vì hai vị này đã trên năm mươi tuổi rồi, hai cụ đem thân già, nhưng không hèn, chống lại đế quốc xâm lăng. Ở vùng Bãi-Sậy. Hai cụ đã là Triệu-quang-Phục sống lại.

Sử nhà Nguyễn gọi là « Giặc Bãi-Sậy »

• • • • •

Tạ-Hiện và Nguyễn-thiện-Thuật, quá năm mươi tuổi,

ra vùng Bãi-Sậy. Về đầu hàng thì mâm cao, cỗ đầy, kẻ hầu người hạ.

Hai vị này đã chọn nơi bùn lầy, nước đọng, ở giữa miền Hưng-yên bây giờ, để tổ chức một chiến khu, để đánh Tây, cũng như Đinh-công-Tráng đã đánh Tây ở Ba-Đinh.

Chúng ta đã biết đánh ở bùn lầy, từ Triệu-quang-Phục từ thế kỷ thứ sáu.

Đánh nhau như thế nào ?

Chúng ta nên hiểu tình hình chung về năm 1883 như thế nào ?

Nam kỳ tục tinh đã mất về quân Pháp xâm lăng. Hao binh tồn tướng, Nguyễn-tri-Phương, Phan-thanh-Giản, Hoàng-Diệu đều đã bỏ mình vì nước. Còn đã biết bao nhiêu vị nữa, kè ra không xiết !

TẠ-HIỆN VÀ NGUYỄN-THIỆN-THUẬT NHẤT ĐỊNH ĐÁNH TÂY

Đánh ở Hưng-yên, ở Đồng Bãi-Sậy. Triều đình vua Hiệp-Hoà đầu hàng. Hiệp-Hoà bị Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường giết. Cả Trần-tiền-Thành nữa. Hoàng-tá-Viêm bóng quân ở miền Sơn-tây, nay đánh chõ này mai đánh chõ khác. Có mấy chiến công. Tôi sao sứ như sau này : « Quan quân ở quân thứ Sơn-tây đánh nhau với binh Đại pháp, tại xứ Hương-ngạnh và xứ Phú-diễn, đều trọn thắng trận ».

Hương-nganh và Phú-diễn ngay cạnh Hà-nội.

Trần-xuân-Soạn thời đã về Kinh, cộng sự với Tôn-thất-Thuyết, Ông-ich-Kiêm tuy đã hưu từ lâu, cũng bị Tôn-thất-Thuyết gọi ra để phòng giữ Kinh thành Huế.

.

Nguyễn-thiện-Thuật chức Tán tướng quân thứ Sơn-tây nghĩa là cánh tay phải của Hoàng-tá-Viêm. Nguyễn-thiện-Thuật bị gọi về đầu hàng. Không về, Nguyễn-thiện-Thuật cùng với Tạ-Hiện tổ chức Chiến khu Bãi Sậy.

Tạ-Hiện là một võ tướng, Đề đốc Nam-định. Tạ-Hiện đã phải là một quân nhân tài ba, lối lạc mới cất lên chức đó, trong đời vua Tự-Đức.

Lê-văn-Điềm, Đề đốc Nam-định đã ra ngoài thành, đánh một trận địa chiến với quân Pháp : chết tại trận. Tạ-Hiện được cử làm Đề đốc Nam-định, thay Lê-văn-Điềm, Tạ-Hiện đã phải nghĩ tới Lê-văn-Điềm.

TRIỀU ĐÌNH ĐẦU HÀNG

Tạ-Hiện và Nguyễn-thiện-Thuật được lệnh gọi về. Không về, hai vị này đã cùng với một số nghĩa sĩ trung kiên, đến miền Bãi Sậy, bùn lầy nước đọng, để đánh Tày đến cùng.

Treo ấn. từ quan, ra lập chiến khu hay về nhà, không thèm cộng tác với một triều đình đầu hàng, không hì

Tày sai khiến... ấy là trường hợp của nhiều vị hồi bấy giờ.

Tôi dẫn ra đây mấy thí dụ :

Năm Qui vị (1883), tháng mười một, quan Đề đốc Nam định là Tạ-Hiện, Án sát Phạm-vũ-Mẫn, Tri phủ Kiến-xương là Hoàng-văn-Hoè đều nạp ấn bỏ đi.

Nhưng có các vị quan của triều đình cộng tác trung thành với Đại Pháp.

Cũng trong tháng mười một, tôi đọc sử thấy chép như sau này : « Quân Đại Pháp đánh tỉnh Sơn-tây, quân Tàu thua. Quân Đại Pháp vào tỉnh, quan Tông thống là Hoàng-tá-Viêm trở về đóng tại đồn Thuộc huyện.

Từ khi tỉnh Sơn-tây mất rồi, quan tỉnh bỏ đi, không ai về tỉnh, Quan tướng Đại Pháp là Cô-Bê (Courbet) tự giục quan Tông đốc Hà-nội là Nguyễn-hữu-Độ lựa cử quan khác. Hữu-Độ tự cử Trực học sĩ là Nguyễn-Khuyến quyền lãnh Tông đốc, Thi độc Thành Ngọc-Uân quyền lãnh Bố-chánh, nhưng hai ông ấy không đến ».

Tháng ba năm sau, năm Kiến-Phước nguyên niên (Giáp thân 1884) tôi đọc sử thấy ghi như sau này :

« Quân Đại Pháp đánh lấy tỉnh Hưng-hoá. Ngài truyền đòi quan quân thứ Sơn-tây là Hoàng-tá-Viêm, Lương-tư-Thứ, Ngô-tất-Ninh, Nguyễn-đình-Nhuận và quan tỉnh Hưng-hoá là Nguyễn-quang-Bích đều phải về Kinh đợi chỉ. Nguyễn-quang-Bích sai người nạp ấn, bỏ lên thượng du đè qua nước Tàu rồi mất tại trên miền rừng tỉnh ấy. Còn Hoàng-

tá-Viêm, Lương-tư-Thú, Ngô-tất-Ninh thời dần dần về Kinh. Nguyễn-định-Nhuận qua Tàu. Nguyễn-văn-Giáp và Nguyễn-thiện-Thuật cũng đều bỏ đi ».

Nguyễn-thiện-Thuật đi đâu ? Tán tướng quân thứ Bắc kỳ Nguyễn-thiện-Thuật mà dân còn truyền tụng là Cụ Tân Thuật « bỏ đi », nạp ẩn từ quan, đi với Đề đốc Nam-định là Tạ-Hiện mà dân còn nhớ là Cụ Đề Tạ. Hai cụ tổ chức « giặc Bãi Sậy ».

* * *

Giặc Bãi Sậy ?

« Giặc này vào năm 1883 và sau nữa, ở miền Trung-châu Bắc-Việt, ở miền Hưng-yên, lan tràn lên miền Hải-dương Hà-đông, trong những người lãnh đạo có Tạ-Hiện và Nguyễn-thiện-Thuật.

Đây là một chiến tranh du kích, trước khi Kinh thành bị hạ, trước khi vua Hàm-Nghi ra ở chiến khu Quảng-trị. Hịch Cần-vương là do Tôn-thất-Thuyết viết và vua Hàm-Nghi ban ra cho trong, ngoài đều biết rằng : Kháng chiến !

Tạ-Hiện và Nguyễn-thiện-Thuật đã lập được chiến khu Bãi Sậy ở Hưng-yên, Rồi từ chiến khu này, kháng chiến quân đã đánh ra miền Hà-đông, Hải-dương, Nam-định.

Ta muốn hiểu Tạ-Hiện và Nguyễn-thiện-Thuật thời phải đặt hai vị này vào phong trào Cần-vương. Phong trào Cần-vương nghĩa như thế nào ? Triều đình Huế muốn đầu hàng Pháp. Hường-Dật không phải là trẻ con, tuổi đã ba mươi bảy. Tôi thấy sử chép như sau này :

« Nguyên phong Lãng-quốc-Công, tên húy Ngài là Hường Dật, con thứ hai mươi chín đức Hiển-Tồ (Thiệu-Trị).

Hường-Dật bị thi, vì tội thân Tây, đầu hàng Tây.

« Đến năm thứ hai, triều Đồng-Khánh 1887, có chỉ cho được theo phép đời xưa biên là Phế-đế ».

Vậy tình trạng nước ta hồi đó rất là bi đát. Các vị phụ chánh như Nguyễn-văn-Tường, Tôn-thất-Thuyết sẽ phải giết Hường-Dật và theo lời di chúc của vua Tự-Đức mà lập Ưng-Đăng, tức là Dương-Thiện, hoàng tử thứ ba, lên lập ngôi, tuy mới có mươi lăm tuổi.

Về việc Tôn-thất-Thuyết cụ Trần-trọng-Kim có viết chương mười bốn trong Việt-Nam Sử lược. Cụ có nói nhiều, tôi đọc thấy đoạn này :

« Hai ông (Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết) lúc bấy giờ còn đang lùng lẫy việc Triều chính ở tay mình cả mà thấy Thống tướng (De Courcy) làm việc đường đột như thế cũng đã tức giận lắm, lại cứ như lời mấy ông quan cựu thần nói chuyện, thời ông Thuyết là quan văn, làm tướng võ nhưng hình dung thời không được thanh tú, đầu thời trọc, người thời béo mà đen, cách đi đứng thời không được chứng chắc, sự giao thiệp và đối đáp thời không sành. Xưa nay chỉ lấy quyền thế mà đè nén người ta, hơi một tí thời lấy sự chém sự giết làm oai.

Đến khi phải ra lê bang giao mà đối với một người tướng ngoại quốc như ông De Courcy thời trong bụng khiếp sợ không biết ra thế nào ».

Cụ Trần-trọng-Kim đã viết như thế.

Tôi là kẻ hậu tiến, học lực kém, tôi đọc mấy câu trên mà bùi ngùi cho Tôn-thất-Thuyết và... cho Trần-trọng-Kim.

Tôn-thất-Thuyết đã không như Trần-trọng-Kim.

Tôn-thất-Thuyết đã tổ chức giữ Kinh thành cùng với Trần-xuân-Soạn và Ông-ich-Kiêm.

Và tôi tin rằng chiến khu Hà-tĩnh (Hương-khê) do Phan-dinh-Phùng tổ chức, đã được giúp đỡ của Tôn-thất-Thuyết.

Vào hồi 1942, nhân việc khảo cứu sử địa miền Trung, tôi có lại gặp viên Thư ký tòa soạn tập Đô thành Hiếu cỗ Xã (Bulletin des Amis du Vieux Hué) là Sô-nhi (Sogny). Hồi đó làm Giám đốc Mật thám Pháp. Chính Sogny đã bắt vua Duy-Tân.

Sogny có cho tôi biết vài chi tiết về Tôn-thất-Thuyết.

1.— Tôn-thất-Thuyết là một võ tướng rất giỏi, đáng sợ lắm. Tôi nói chuyện bằng tiếng Pháp và Sogny đã nói với tôi đại khái như sau này : « C'est un homme formidable. terrible. Une belle tête ! » và Sogny có cho đăng ở Đô-thành Hiếu cỗ Xã một cái ảnh của Tôn-thất-Thuyết nhưng chính Sogny nói với tôi rằng chỉ có cái đầu mới là đúng (vì ảnh do mật thám Tây chụp khi Tôn-thất-Thuyết ở bên Tàu) còn Sogny có vẽ mũ cánh chuồn và áo đại trù-

Và Sogny đã cho tôi biết thêm rằng :

2.— Tôn-thất-Thuyết theo đường Sơn-la, Lai-châu, sang Tàu mồ quản. Nhưng vì Tàu và Tây thông đồng với

nhau, Tôn-thất-Thuyết không về được, ở trong một cái chùa ở Liêu-châu. Ngày ngày đem kiểm ra chém đá, người Tàu gọi là Đá-thạch-nhân.

Chính-phủ Pháp muốn bắt Tôn-thất-Thuyết đem về hành tội, nhưng có lẽ thấy khó, vì là ở bên Tàu. Sogny có bảo với tôi rằng một vị cõi đạo ở Quảng-Đông đã theo dõi hành vi của Tôn-thất-Thuyết đã nhiều lần xin được gặp để phỏng vấn. Tôn-thất-Thuyết nhận lời, nhưng chỉ gặp vị cõi đạo đó đến... thời là ngày mà Tôn-thất-Thuyết chết.

Vậy ta làm thế nào hiểu được Tôn-thất-Thuyết ?

Việc Tạ-Hiện và Nguyễn-thiện-Thuật, về giặc « Bãi Sây » tôi tin rằng Tôn-thất-Thuyết đã có giúp đỡ, cũng như tôi có bằng chứng rằng Tôn-thất-Thuyết đã giúp đỡ Phan-dinh-Phùng.

Tôi băn khoăn về nhiều câu cụ Trần-trọng-Kim đã viết. Nhưng cụ cũng cho ta biết, trong những sách cụ đã dùng để kê cứu có bộ « Quốc triều sử toát yếu » của Cao-xuân-Dục.

Bộ sử này bằng chữ Hán, in, mà có một bản ở thư-viện Trường Viễn-đông Bác-cồ.

* *

Cao-xuân-Dục đã là người đánh Tạ-Hiện và Nguyễn-thiện-Thuật. Rồi Cao-xuân-Dục và Hoàng-cao-Khải. Hai Đại-thần nhà Nguyễn.

Tôi rất thực thà chép đoạn sử sau này, không thiên vị gì cả :

« Cao-xuân-Dục người làng Thịnh-mỹ phủ Diên-châu, tỉnh Nghê-An. Vào năm 1883, đến tháng mười hai, Cao-xuân-Dục quyền lãnh Tri-phủ, phủ Ứng-hòa, thuộc tỉnh Hà-đông ».

Tôi sao ra đây đoạn về Cao-xuân-Dục :

« Xuống chỉ cho các quan quàn có công đánh giặc tại tỉnh Hà-Nội được thưởng Hàm và được truy tặng. Tỉnh ấy, từ tháng mười đến nay (tháng mười hai, cũng năm Quý vị 1883) bọn giặc thừa cơ xâm, cướp, hai lần vây phủ Ứng-hòa, quan phủ đem binh đồng giữ vững thành trì. Rồi sau giặc tự giải vây, bỏ đi ».

Mấy lần đánh giặc, bắt sống và chém chết đều có thiệt trạng, cho nên có chỉ cho chiếu lệ nghi thưởng. Lãnh Tri phủ Cao-xuân-Dục được thăng thọ Tri-phủ...

« Giặc đây là Nghĩa Cầm-vương, là giặc Bãi Sậy, là Đè-đốc Nam-định Tạ-Hiện và Tân tương quân thứ Sơn tây Nguyễn-thiện-Thuật. Hai vị này cho rằng phải phá nguy quyền nghĩa là những người mà bây giờ, nôm na, ta gọi là Việt-gian, những người tay sai của Tây đế giết hại đồng bào.

Sự thực, Tây không đánh nỗi miền Bãi Sậy.

Đường xá không biết, lau sậy như rừng, bùn lầy, đáy đìu đinh chỉ bị thụt, bám vào đâu? Súng tay bắn ai? Súng thần công đại bác bắn xuống bùn, đạn không nổ.

Tây đánh bùn lầy, không đánh nỗi. Nhưng đã có nhiều người theo Tây, giúp Tây đánh Cần-vương.

Quân Pháp dưới sự chỉ-huy của Tướng My-Lôt (Millot) tháng hai năm Giáp-thân 1884, đánh Bắc-ninh, chiếm tỉnh thành. Sứ chép rõ ràng như sau này : « Lại kéo tới đánh tỉnh Thái-nguyên đem hết cả tiền, bạc, đồ đồng chở về Bắc-ninh » (Chánh biên đã ghi như thế).

CAO-XUÂN-DỤC ĐÃ ĐÁNH GIẶC BÃI SẬY NHƯ THẾ NÀO ?

Nguyên là Pháp đã đúc bạc trắng, nặng hai mươi bảy gam, gọi là Bạc bà Đàm xoè, Pháp lại đã mạ quân, gọi là lính khổ xanh đi chân không, bắp chân quấn xà cạp xanh đầu đội nón, súng thời là súng nhẹ gọi là mousqueton. Cao-xuân-Dục đã có bạc trắng, có lính khổ xanh, có quyền sinh do Triều-đình Huế và quân Tây ban cho Cao-xuân-Dục, đã quyền sát dẹp giặc Bãi Sậy. Nhưng cũng đã vất vả lắm. Sứ chép như sau này :

Tôi chép nguyên văn sử nhà Nguyên. Có mấy sự việc lịch sử như sau này :

1.— Ngày 23 tháng 5 năm Ất-dậu (1885), [Pháp và ta] đánh nhau ở Huế. Tôn-thất-Thuyết phò [vua Hàm-Nghi ra chiến khu Quảng-trị, rồi ra chiến-khu Hà-tĩnh (chỗ Phan-định-Phùng)].

2.— Nguyên-văn-Tường « về đầu thú », cùng với Tam-cung. Về đoạn sử này tôi sẽ có bài viết, vì phải có đủ tài-liệu và phải suy nghĩ kỹ mới được. (Tam cung là

Đức Từ Dụ, Thái hoàng Thái-hậu, đức Thuận-hiếu Hoàng-thái-Hậu và bà Học phi).

Vua Hàm-Nghi tên chữ là Ưng-Lịch, năm đó mới có mươi bốn tuổi.

Vua Hàm-Nghi ra đi với Tôn-thất-Thuyết, triều đình lập vua Đồng-Khánh lên ngôi. Vua Đồng-Khánh là anh ruột vua Hàm-Nghi nhưng cùng cha khác mẹ. Cha chung là Hoàng-thúc-phu, Thuần-nghị Kiên-thái-Vương. Vua Đồng-Khánh, tức là Chánh-tông, Hoàng-tử thứ hai.

(Mẹ sinh ra Ưng-Đăng là bà phủ thiếp Bùi-thị-Thanh, sinh ra vào năm 1869; năm lên hai tuổi, bà Học phi Nguyễn-ăn-Thị phụng mệnh vua Tự-Đức mà nuôi làm Hoàng-tử thứ ba, sau lên làm vua là vua Kiến-PhuỚc, trị vì một năm, băng năm 16 tuổi.

Vua Hàm-Nghi tên chữ là Ưng-Lịch, cũng con Kiến-thái-Vương, con thứ năm, còn vua Kiến-PhuỚc là con thứ ba, sinh mẫu là bà Phạm-thị-Nhờn, sinh Ngài năm 1871, nghĩa là hơn vua Kiến-PhuỚc hai tuổi, tuy là em.

Còn vua Đồng-Khánh là con trưởng Kiến-thái-Vương, sinh mẫu là bà Bùi-thị-Thanh, vậy cùng một mẹ với vua Kiến-PhuỚc. Ngài sinh ra năm 1864. Đến năm lên hai tuổi, cũng lại được vua Tự-Đức giao cho bà Học phi nuôi làm Hoàng-tử thứ hai. Năm 1885, lên ngôi, trị vì ba năm, băng năm hai mươi lăm tuổi.

Vua Thành-Thái, sinh năm 1879, sử ghi là Hoàng-Tôn, tôi không biết là con vị nào.

Việc triều chánh suy vi; việc quân Pháp hồn xược, xâm lăng, việc địa phương có nhiều người theo Pháp, có lính khổ xanh, có bạc bà đầm xoè, thành các vị như Phan-đình-Phùng, Hoàng-hoa-Thám, Tạ-Hiện, Nguyễn-thiện-Thuật phải giữ lấy mỗi vị một chiến-khu, thứ nhất là sau khi Hàm-Nghi và Tôn-thất-Thuyết bỏ Huế ra đi, ở Chiến-khu Quảng-trị.

CHIẾN-KHU BÃI SẬY BỊ CAO-XUÂN-DỤC ĐÁNH RÁO RIẾT

Tôi sao đoạn sử này:

« Giặc Bãi Sậy hiệp đảng với những tên bị tội, bỏ trốn, tại huyện Thanh-trì, Thanh-oai, phủ Úng-hòa, Thường-tín về khuấy rối tỉnh Hà-Nội ».

Quan Bố-chánh là Cao-xuân-Dục thân hành đốc suất người trong tỉnh là tên Bát phảm Nguyên-Chúc, tên Cửu phảm Phùng-văn-Thoan đem các toán binh đánh nhau với giặc. Giặc thua, trốn, chém và bắt sống rất nhiều, lấy lại đặng các phủ, huyện.

Việc ấy tâu lên, Ngài (vua Đồng-Khánh) truyền chỉ thưởng Cao-xuân-Dục quân công kỷ lục hai thứ, một cái khánh vàng quân công và dây đeo.

Bọn tên Chúc, tên Thoan cũng được thưởng, mỗi tên một cái bài Tử-kim và thăng trật. Ngài lại truyền chỉ không lục khắp cả Tả-kỳ, Hữu-kỳ đều biết (Tả kỳ là từ Bình-định đến Bình-thuận, Hữu-kỳ là từ Hà-tĩnh đến Thanh-hóa).

Việc này xảy ra, từ tháng tám đến tháng mười năm Ất-dậu 1885. Niên hiệu Đồng-Khánh chưa có. Vẫn dùng niên hiệu Tự-Đức, năm thứ ba mươi bảy (1885).

Sử cho chi tiết sau này:

« Tháng tám, ngày Đinh-sửu, ngài lên ngôi tại Điện Thái-hòa. Đặt niên hiệu là Đồng-Khánh, kể từ năm Bính-tuất (1886) làm đầu ».

NGHĨA CÀN-VƯƠNG NỐI KHẮP MỌI NƠI

Ở Thanh-hóa trên miền núi là Hà-văn-Mao, một người Thái.

Ở Nghệ-An là Nguyễn-xuân-Ôn, mà dân Nghệ còn nhớ gọi là cụ Nghè Ôn.

Ở Hà-tĩnh là Lê-Ninh, người huyện La-sơn, Lê-Ninh đã đánh chiếm giữ tỉnh thành, giết Lê-Đại là Bố-chánh của triều đình Huế, bắt án sát Trịnh-văn-Bưu...

RỜI Ở KHẮP MỌI NƠI, TRUNG, NAM, BẮC, TOÀN DÂN NỐI DẬY

Ở chiến khu Bãi Sậy, Tạ-Hiện và Nguyễn-thiện-Thuật đóng bản doanh, rồi đánh, nay nơi này, mai nơi khác, đánh sang Hà-đông, đánh sang Hải-dương.

Tôi sao ra đây sử liệu sau này :

« Năm Bính-tuất (1885), niên hiệu Đồng-Khánh, năm đầu tháng giêng từ khi kinh-thành có việc, mấy đảng giặc

ngoài Hải-dương hoành hành trong các phủ, huyện, hoặc yếu bức huyện Mỹ-hào và huyện Cẩm-giàng hoặc đánh đuổi huyện Bình-giang, bắt quan huyện Gia-lộc, còn các huyện khác đều mất cả ».

Vậy Tạ-Hiện và Nguyễn-thiên-Thuật đã đánh mạnh, đã thắng, tinh tháng, theo sử, thời từ tháng năm năm Ất-dậu (1885).

Triều đình Huế và các quan Tây hồi đó đã tìm được Cao-xuân-Đục. Quyền kinh-lược hồi đó ở Bắc là Nguyễn-trọng-Hợp.

Tôi sao đoạn sử sau này :

« Năm Đinh-hợi 1887, tháng giêng cho Tuần-phủ Hưng-yên, Hoàng-cao-Khai thực thọ Tông-đốc, kiêm chức Tiêu phủ sứ

Khi ấy, giặc Bãi Sậy kéo tràn qua phía Đông-bắc. Quyền kinh-lược là Nguyễn-trọng-Hợp tâu : Hoàng-cao-Khai có tài cán, mưu lược, lại quen thuộc tình thế xứ đó. Cho nên ngài xuống chỉ ấy.

Nguyễn-trọng-Hợp người làng Kim-lũ mà nôm na gọi là làng Lũ, ở gần Hà-Nội.

Hoàng-cao-Khai người cùng làng với Phan-đình-Phùng, làng Đông-thái, phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-tĩnh.

Hoàng-cao-Khai đã có nhiều công với Pháp. Nay được tăng lên làm Tông-đốc Hải-dương, kiêm chức Tiêu phủ sứ, Hoàng-cao-Khai sẽ diệt giặc Bãi Sậy.

Dùng người Việt giết người Việt, để theo mình, người Pháp đã giỏi thật.

Việc Hoàng-cao-Khai đánh dẹp giặc Bãi Sậy như thế nào ?

Tôi không có sử liệu.

Nhưng sử chép rằng :

« Năm Mậu tý (1888), đặt Nha kinh-lược ngoài Bắc kỳ ».

Kinh lược là ai ?

Hoàng-cao-Khai.

Trước Hoàng-cao-Khai là Nguyễn-hữu-Độ.

Hoàng-cao-Khai đã bao vây miền Bãi Sậy, rồi đánh vào Kháng chiến quân chống không nổi, Nguyễn-thiện-Thuật phá vòng vây ra... Rồi đi sang Tàu, theo đường Lạng sơn, sau mất ở Nam-ninh, không biết vào năm nào.

Còn Tạ-Hiện thời không biết mất ở đâu và vào năm nào ?

Tạ-Hiện và Nguyễn-thiện-Thuật, sử nhà Nguyễn gọi là giặc vì chống Tây trong khi mà nhà Nguyễn theo Tây

Cao-xuân-Dục và Hoàng-cao-Khai, một người được làm « thương thư » tại triều và một người được làm « kinh lược » ở Bắc vì đã là « Lao nồng, khả tướng » cho nhà Nguyễn, nhưng chính ra là cho Tây. Vì vậy con cháu sa này được ưu đãi.

QUẢNG-NAM TỈNH, SƠN-PHÒNG CHÁNH SỨ TRẦN-VĂN-DƯ (.. — 1885)

Tháng mười, năm Ất-dậu (1885), chánh-sứ nha Sơn-phòng, Quảng-nam là Trần-văn-Dư bị Pháp thực dân giết. Người là một võ quan.

* * *

Đầu đuôi chuyện như sau này. Các tài-liệu mà tôi dùng đều ghi trong Bộ chánh-biên.

Nguyên là quân Pháp thực-dân, xâm lăng đã chiếm toàn đất Nam, lại chiếm toàn đất Bắc. Rồi lại muốn thôn tính nốt đất Trung.

Ngài hai mươi ba, tháng năm, năm Ất-dậu (1885) ở Kinh thành Huế, ta với Pháp đánh nhau. Pháp có hỏa lực mạnh, ta thua... và vị lãnh-đạo kháng chiến là Tôn-thất-Thuyết phò vua Hàm-Nghi ra chiến-khu Quảng-trị ban Hịch CẦN-VƯƠNG, nghĩa là Ngài ban rắng toàn dân phải giúp nhà vua, đánh đuổi quân Pháp xâm lăng...»

* * *

Toàn dân đã trỗi dậy, từ Bắc chí Nam.

Ở tỉnh Quảng-nam có chánh-sứ nha Sơn phòng là Trần-văn-Dư lãnh đạo phong trào.

Thế nào là một nha Sơn phòng ?

Nguyên là các tỉnh Trung-Việt, phía đông nhìn ra biển, phía Tây ghêch vào núi. Ở trên núi có các đồng bào gọi là Mọi. Họ thường theo những ngày phiên đem các sản phẩm của rừng như mây, mật ong, các thứ rễ cây để làm thuốc... họ đem xuống chợ đổi lấy gạo và thứ nhất là muối và rượu.

Họ đi từng đoàn, ai cũng đeo một cái gùi ở sau lưng, tay cầm một cái mác dài. Như một tiêu đội dân quân du-kích.

Mọi Quảng-nam dũng tợn lắm. Có giỗng Mọi gọi là *Kha-tu* bây giờ hãy còn giữ phong tục *ăn thịt người* rồi lấy sọ đầu lâu treo ở nhà công cộng như một chiến lợi phẩm. Việc ăn thịt người này thuộc về mê tín. Thi dù như tôi có một kẻ thù bẩn nỏ, tài đảm dao găm, bây giờ tôi giết người ấy, tôi lấy gan nướng lên mà ăn thời tôi sẽ thừa hưởng được tất cả can đảm và tài của người ấy.

Sơn phòng là những đòn lính của ta, ở dưới chân núi, sát với miền người Mọi ở. Vì ta phải đè phòng người Mọi tràn xuống cướp phá đồng bằng. Bộ lạc Mọi ở miền An-điêm dũng tợn nhất. Ở Quảng-ngãi có một cái lũy gọi là Tịnh-man Trường-lũy đê đè phòng Mọi tràn xuống đồng bằng, cướp trâu, thóc và đàn bà con trẻ đem lên núi.

Trần-văn-Dư là Chánh-sứ ở nha Sơn-phòng Quảng-nam, vào năm 1885. Sau khi vua Hàm-Nghi và Phụ-chính là

Tôn-thất-Thuyết ra chiến-khu Quảng-trị, kêu gọi toàn dân kháng chiến thời, ở Quảng-nam, các thàn hào kết nhau làm nghĩa-hội.

Và Chánh-sứ Sơn phòng là Trần-văn-Dư được bầu làm Thủ-hội.

Nghĩa dũng quán chiếm giữ tinh thành Quảng-nam.
Thành này ở làng Vĩnh-điện, cách ly sở Hội-an hơn chục cây số.

Quân Pháp và Việt-gian bối tri, bao vây... rồi nào súng thần công, súng liên-thanh... nào lựu đạn, họ đánh, họ phá, họ đốt...

Trần-văn-Dư rút lui, cùng với thân hào và nghĩa-dũng-quân lên Nha Sơn phòng ở sát miền núi. Nha Sơn-phòng này chắc đã đặt nay đây mai đó, như các cơ quan Việt minh trong hồi chống Pháp thực dân bắt cứ chiến khu nào.

Quân Pháp nhờ Việt-gian dẫn đường bèn tấn công Nha Sơn-phòng. Sử chép rằng Chánh-sứ Trần-văn-Dư bị bắt và bị giết ngay. Pháp tới không biết. Pháp giết bằng súng hay bằng gươm.

* *

Trần-văn-Dư đã bị lừa chăng ?

Dù sao, quân Pháp thực dân, xâm lăng, đã giết rất nhiều nghĩa dũng quân ở Quảng-nam.

Trong số đó có Chánh-sứ Sơn-phòng là Trần-văn-Dư, một vị chân chánh ái quốc mà lịch sử đã ghi tên.

HÀ VĂN MAO

Ngày 20 tháng 5 năm Ất-dậu (1885) Kinh thành Huế thất thủ. Quân Pháp xâm lăng đã đánh đến Kinh thành Huế.

Tôn-thất-Thuyết phò vua Hàm-Nghi ra chiến-khu Quảng-trị, ban hịch Cần-Vương. Hịch Cần-Vương nghĩa là nhà vua hiệu triệu toàn dân kháng chiến. Chống lại quân Pháp xâm lăng và chống lại vua bù nhìn là Đồng-Khánh và các quan phản quốc là Hoàng-cao-Khai, Nguyễn-Thàn, Cao-xuân-Dục.

Vua Hàm-Nghi ban hịch Cần-Vương : toàn dân phải kháng chiến, đánh quân Pháp xâm lăng, giết Việt-gian. Các nơi đều hưởng ứng.

Nghĩa Cần-Vương như ngọn lửa thiêng, nay bùng cháy ở nơi này, mai bùng cháy ở nơi khác... mãi mãi...

Vào tháng tám, tháng chín, năm Ất-dậu (1885), sau ba tháng vua Hàm-Nghi ra ở chiến-khu Quảng-trị, rồi sau ở chiến-khu Quảng-bình, thời... ở Thanh-hoa, ở miền núi Thanh-hoa, viên Thồ-ti Hà-văn-Mao tổ chức đánh Pháp.

Thó nào là một ông Thồ-ti ?

Ông Thồ-ti cũng như ông Quan Lang là ông chủ một miền, quyền do cha truyền con nối. Ở miền núi thuộc

giống Thái hoặc Mường. Người Thái và người Mường đã được các nhà khảo cứu coi là người Việt-Nam thuần túy vì còn giữ nhiều phong tục cổ. Người Mường và Thái sống theo chế độ bộ lạc. Họ thuộc về gia-đình Việt-Nam.

Bấy giờ, năm Ất-dậu (1885) nhà vua bỏ kinh thành ra đi. Ngài lên núi và ban Hịch Càn-Vương, nghĩa là toàn dân giúp vua đánh quân Pháp xâm lăng.

Hà-văn-Mao nghĩ sao ?

Nguyên là dòng dõi Thổ-ti, làm bá chủ một miền sơn cước ở tỉnh Thanh-hoá, Hà-văn-Mao phải nghĩ tới chữ « Trung-quân ái-quốc ».

Hà-văn-Mao chiêu dụ dân Mường, Thái ở Cầm-thủy.

Đồng thời, ở Nghệ-an đốc học Nguyễn-xuân-Ôn và chánh sứ Lê-doãn-Nhã đều dựng cờ khởi nghĩa.

Phan-đinh-Phùng kiên quyết chiến-khu Hà-tĩnh.

Sử ta chép rằng vào cuối năm Ất-dậu (1885) Hà-văn-Mao quấy rối phủ Thọ-xuân và huyện Cầm-thủy.

Hà-văn-Mao đã cố giữ miền núi Thanh-hoá. Càn-Vương ở Thanh-hoá đã hoạt động mạnh. Sử cho biết là, vào tháng hai, năm Bình-Tuất (1886) có hơn 300 (hơn ba trăm) dân, nhân phiên chợ, giả làm cu-ly, giấu dao vào trong đòn ống, định mưu vào thành đánh lén. Nhưng bị bại lộ, việc không thành. Chắc Hà-văn-Mao đã dính líu về vụ này.

Dù sao, quân Pháp và Việt-gian đánh mạnh lên chiến-khu Thọ-xuân và Cầm-thủy, sử ta trong thời đó hộ có

chép như sau này: Quân tỉnh Thanh và quân Đại Pháp đánh « phá tan được ».

Hà-văn-Mao chết như thế nào ? Ở đâu ? Sử ta không ghi.

Cũng như Đinh-công-Tráng là người Mường anh hùng kháng chiến ở Ba-dinh, cũng về Thanh-hoá, Hà-văn-Mao đã là một anh-hùng dân-tộc, chống lại quân Pháp thực-dân, xâm-lăng.

NGUYỄN-HIỆU (... — 1887)

Dân Quảng-nam, đến bây giờ, ai cũng nhớ tới Nguyễn-Hiệu. Đọc sử, thấy có mấy đoạn nói về vị này.

Nguyễn-Hiệu là ai ? Mà dân chúng còn nhớ, mà sử sách ghi tên ?

* * *

Nguyễn-Hiệu nguyên đậu Phó Bảng, hàm Hường Lô tự Khanh vào cuối triều vua Tự-Đức.

Ngày 23 tháng 5 năm Ất-dậu (1885), quân Pháp đánh phá Kinh thành Huế.

Tôn-thất-Thuyết phò vua Hàm-Nghi ra chiến-khu Quảng-trị. Ngài ban Hịch Cần-Vương nghĩa là nhà Vua kêu gọi toàn thể dân chúng bắt cứ ở đâu đâu, phải nỗi lên giúp nhà Vua mà đánh đuổi quân Pháp thực dân xâm lăng.

« Quốc-Gia hưng vong, Thất phu hữu trách » huống chi là một vị Phó Bảng.

Vua Hàm-Nghi tước chức đánh Pháp, nhưng anh Ngài được Pháp đem lên ngôi Vua, tức là Vua Đồng-Khánh. Vua bù nhìn, Vua Việt-gian... và có một lũ Việt gian theo sau.

Nguyễn-Hiệu tụ tập các thân hào, nghĩa sĩ ở Quảng-nam và lập một chiến khu, ở miền núi, ở núi An-làm.

Bộ sử Quốc-Triều Chánh biên có ghi rõ.

Nguyễn-Hiệu tông-chức chiến-khu Quảng-nam cũng như Phan-định-Phùng tông-chức chiến-khu Hà-tĩnh, hay như Nguyễn-xuân-Ôn tông-chức chiến-khu Nghệ-an.

Triều đình vua Đồng-Khánh theo Pháp có nhiều người mà theo danh từ bây giờ ta gọi là Việt-gian, có nhiều người cùng với vua Đồng-Khánh theo quân Pháp xâm lăng.

Nào là mộ binh, tức là lính tập, để đi đánh kháng chiến quân. Nào là khủng bố các làng mạc, cướp bóc của dân. Nào là dân quân Pháp đến các địa điểm kháng chiến để bắt, giết kháng chiến quân.

Trong số các người theo Pháp kháng chiến, có một người tên là Nguyễn-Thân. Nguyễn-Thân nguyên là Sơn-phòng sứ miền O, O Quảng-nghĩa và Bình-định. Sơn-phòng sứ là người phải coi các đồn bảo của ta ở miền núi để phòng giữ cho quân. Mọi không xuống cướp bóc ở đồng bằng.

Cha của Nguyễn-Thân là Nguyễn-Tấn cũng đã là Sơn-phòng sứ ở Quảng-ngãi.

Nguyễn-Thân ra công đánh dẹp kháng chiến.

Vào tháng năm, năm Bính-tuất (1886), y được thăng hàm Tham-tri Bộ-binhl, được phong tước Diện-lộc-Nam. Chức của y là Nghĩa Định chiêu thảo, xử trí sứ.

Nghĩa là quyền sinh sát ở trong tay.

Quyền này ai cho y?

Vua Đồng-Khánh cho y.

Nhưng thực ra là Pháp cho y. Pháp dùng y là người Việt, để giết người Việt.

Nguyễn-Thân có linh khố xanh, có súng ống của Pháp đưa cho, có bạc đồng, gọi là bạc bà đầm xoè, Nguyễn-Thân sẽ tề-chức tiêu diệt kháng chiến quân ở Quảng-nam do Nguyễn-Hiệu lãnh đạo.

Sử chép như sau này :

« Tháng sáu, năm Đinh-hợi (1887), Nguyễn-Thân đánh phá toán quân Nguyễn-Hiệu tại núi An-lâm, chém những người cù mục, lấy được khí giới, tiền, lương nhiều lắm ! »

Rồi Nguyễn-Thân cho người đi tìm. Tìm Nguyễn-Hiệu ở miền thượng nguyên Phước-sơn, bắt sống được tám vị cù mục và cả thàn quyến.

Nguyễn-Thân bỏ Nguyễn-Hiệu vào cữi, như là bỏ một con chó, giải về Kinh.

Nguyễn-Thân cho chạy cờ đỏ về báo tiệp cho Vua Đồng-Khánh. Nhà Vua thăng cho y làm Thượng-Thư, lại thưởng thêm một cái Kim-Khánh hạng lớn. Khắc bốn chữ « Lao nǎng khǎ tướng ».

Hiện thời, ở làng Thu-xà, tỉnh Quảng-ngãi, còn có nhà thờ của Nguyễn-Thân, người đã có rất nhiều công với quân Pháp thực dân, xâm lăng.

Còn Phó Bảng Nguyễn-Hiệu người lãnh đạo kháng chiến
ở Quảng-nam, người bị bắt, giam vào cùi đem về Huế,
Nguyễn-Hiệu ra sao ?

Ta chắc là đã bị chết chém.

Yêu nước thời phải chết.

Vì nước mới là vinh.

LIỆT-SĨ BA-ĐÌNH :

**ĐÌNH-CÔNG-TRÁNG, HOÀNG-BẬT-ĐẠT
VÀ PHẠM-BÀNH**

Sau khi Kinh thành (Huế) thất thủ, thời vua Hàm-Nghi cùng Phụ chánh Tôn-thất-Thuyết ra chiến-khu Quảng-trị (1885) lo sự trường kỳ kháng chiến, toàn dân kháng chiến.

Nhà vua ban HỊCH CẦN VƯƠNG, nghĩa là toàn dân phải trỗi dậy mà giúp nhà vua đánh giặc Pháp xâm lăng.

Sử ta cùng dân chúng gọi sự toàn dân kháng chiến này là « NGHĨA VĂN-THÂN ». Vì giới lãnh-đạo là các nho sĩ. Lẽ tất nhiên là các giới nông, công, thương đều hưởng ứng.

« Nghĩa Văn-Thân » như một ngọn lửa thiêng, nay bùng cháy ở tỉnh này, mai bùng cháy ở tỉnh nọ, giặc khó dập tắt được. Vì ngọn lửa thiêng này là do tinh-thần ái quốc, một sức nóng âm ỷ trong dân-tộc Việt-Nam ta, từ Bắc chí Nam, không phân biệt gia cấp.

Ta đã có câu thành ngữ : « Nước mất nhà tan ». Cho nên, « Nghĩa Cần-Vương » đã được phung sự một cách oai liệt, dưới sự lãnh đạo của các nho sĩ, đã nghĩ tới câu « quốc-gia hung vong, thất phu hữu trách ».

Sử liệu về Nghĩa Cần-Vương rất hiếm. Bởi vì Pháp thực-dân xâm lăng và Chính-phủ Nam-triều đã cho xóa

rất nhiều tài-liệu. Mục đích để cho ta quên những vị trung-trinh ái quốc.

Tìm trong các sử liệu còn lại, tôi thấy lác đác mấy chi tiết về mấy vị anh-hùng dân-tộc, quyết-liệt chống Pháp thực dân xâm lăng, ở chiến-khu BA-ĐÌNH, thuộc huyện Nga-sơn, tỉnh Thanh-hoá.

Ấy là chiến-sĩ Đinh-công-Tráng, Hoàng-bật-Đạt và Tham-Tán Phạm-Bành.

* *

Đinh-công-Tráng là một người Mường, thuộc tỉnh Thanh-hoá, hay Nghệ-an, tôi không biết.

Có bốn họ Mường chính là : Đinh, Quách, Bạch, Hoàng.

Các nhà khảo cứu về cổ sử và về nhân chủng học, về nhân văn địa lý đều công nhận rằng người Mường là người Lạc-Việt thuần túy, ít chịu ảnh hưởng của người Tàu.

Đinh-công-Tráng là giòng giống Đinh-bộ-Lĩnh : tôi chắc như thế.

Vua Hàm-Nghi cùng với Tôn-thất-Thuyết ra chiến khu Quảng-trị. Ngài ban Hịch Càn-Vương, nghĩa là toàn thể quốc dân, bắt cứ ở đâu đâu, cũng đều phải nồi dậy để giúp Nhà Vua đánh đuổi quân xâm lăng là quân thực dân Pháp.

* *

Ở Thanh-hoá, trên miền núi, một ông Quan Lang, người Thái là Hà-văn-Mao, nêu cờ khởi nghĩa.

Đinh-công-Tráng, chắc cũng là một Thồ-ti hay Quan Lang cùng với một vị, chắc cũng là Quan Lang hay Thồ-ti, là Hoàng-hàt-Đạt hợp với Án-sát Thanh-hoá là Phạm-Bành lập chiến khu ở Ba-Đình.

Phạm-Bành làm Tham-Tán. Chắc là người Kinh.

... Chiến-khu Ba-Đình như thế nào ?

* * *

Đây là một miền đồng chiêm, một thứ Đồng Tháp Mười nhỏ hẹp, bùn lầy, nước đọng. Có mấy con sông con bao bọc. Về mùa hanh, tức là mùa thu và đông ở Bắc, từ tháng chín, tháng mười ta đến tháng tư tháng năm nhờ mưa phun và nhờ nước trên ruộng cao rỉ xuống, dân quê trồng lúa chiêm.

Trong mùa mưa, từ tháng tư, tháng năm đến tháng bảy, tháng tám, ruộng bị ngập. Những con đường đất vào làng cũng thường bị ngập hay bị nước phá; dân chúng phải dùng thuyền thúng để đi từ làng nọ đến làng kia. Các làng, như làng Ba-Đình, sau lũy tre xanh, nổi bật lên trên các ruộng nước ngập mênh-mông. Chẳng khác gì những cù lao trên mặt biển.

Đứng về phương diện quân sự, Ba-Đình là một cứ điểm cho kháng chiến quân.

Ở Ba-Đình, kháng chiến quân số lượng là bao nhiêu ? Quân nhu quân dụng như thế nào ? Tôi không biết !

Nhưng một điểm, chắc chắn là các tướng lãnh Phạm-Bành, Hoàng-bật-Đạt, Đinh-công-Tráng đã luyện quân, lập công ở đây.

Pháp đã mộ nhiều người Việt, hoặc ở Bắc hoặc ở Nam đem ra, gọi là lính khổ xanh. Còn có lính khổ đỏ nữa. Các lính này khác nhau ở màu xanh hay đỏ của cái khổ. Lính khổ đỏ lính lương cao hơn lính khổ xanh. Lương lính bằng bạc trắng. Bạc gọi nôm na là bạc Bà Đàm Xoè (xoè nghĩa là xoè váy). Các Tống, Lý cũng được thỉnh thoảng quan Pháp ban cho vài đồng bạc. Bạc nặng hai mươi bảy gam, có chín trăm phần bạc nồn và một trăm phần đồng.

Thực-dân Pháp có bộ đội. Quân da trắng có, quân da đen có, quân da vàng có (quân Việt-Nam và quân Tàu). Pháp lại có bạc Bà Đàm Xoè.

Pháp lại còn có chánh tông, lý trưởng, tri huyện, tri phủ, tông đốc và ngay Triều đình, ngay vua Đồng-Khánh nữa. Các chính-khách này, từ cao đến thấp, đã chủ trương Pháp — Việt để huề. Nghĩa là đầu hàng Pháp.

Vậy Nghĩa Cầm-Vương do Vua Hàm-Nghi và Phụ-chánh Tôn-thất-Thuyết để khởi sê bị dẹp, từ nơi nọ đến nơi kia.

Chiến-khu Ba-Đình vững làm sao được.

* * *

Ta phân chia cuộc kháng chiến ở Ba-Đình ra ba giai đoạn :

Giai-đoạn đầu là giai đoạn du-kích chiến.

Giai-đoạn thứ nhì là giai đoạn cầm cự, chống lại quân Pháp bao vây.

Giai đoạn thứ ba là giai đoạn thất thủ, phá vòng vây.

* * *

Trong giai đoạn đầu, từ năm Ất-dậu (1885) sau ngày 23 tháng năm là ngày mà kinh thành thất thủ cho đến độ thu năm Bính-tuất (1886) kháng chiến quân ở Ba-Đinh đã hoạt động như thế nào ? Các cụ đã đánh Tây ra làm sao ?

Nguyên là Pháp tổ-chức xâm lăng theo phương pháp Vết dầu loang, Pháp chiếm những cứ điểm quan-trọng là các đô-thị, đầu mối của những đường giao thông. Rồi Pháp lập đồn. Ngày ngày cho quan đi càn quét các làng. Giết đàn ông, bắt đàn bà, đốt nhà, cướp của...

Kháng chiến quân ở Ba-Đinh gồm người Kinh và người Mường.

Súng thời là súng hoả mai, bắn đạn ghém, bắn gần. Giáo thời thường là giáo tre. Ai cũng có mã tấu và dao găm. Quân-đội Mường thời người nào người nấy đều có nỏ và tên tầm thuốc độc. Người Mường bắn tên giỏi lắm.

Ngày ngày kháng chiến quân ở địa điểm. Sự canh phòng dè vì chỉ cần ít người coi đường vào làng.

Kẻ lạ hay tiều đội tuần tiễu của Pháp không tới gần làng được. Từ trong bụi tre, từ một cái túp hέo lánh, đoàng một cái súng hoả mai tung đạn, tách một cái nỏ bay tên. Làng ở một địa điểm có thể gọi là bất khả xâm phạm.

Chiều tối, anh em nai nít gọn gàng, kẻ theo đường ruộng, người bì bõm trong ruộng bùn hay lướt trên thuyền thúng hoặc thuyền tam bản, ai nấy ra đi.

Ra đi đột kích.

Chiến-lược, chiến-thuật đã do Án-sát Phạm-Bành định trước. Chỉ-huy mặt trận là ở hoặc Hoàng-bật-Đạt hoặc Đinh-công-Tráng, hai võ tướng.

Công phá các đồn quân Pháp đóng. Xử tử các người theo Pháp mà danh từ bấy giờ thường gọi là Việt-gian, thu tập ít mắm, muối, ít tiền đồng, tiền kẽm đem về chiến khu.

Áy, cứ như thế, hàng tháng, trong giai đoạn đầu.

Pháp và Việt-gian dò được địa điểm độ vào cuối thu năm Bính-tuất (1886).

Pháp bao vây Ba-Đình.

Viên chỉ-huy Pháp là quan ba Gióp (Joffre) đại bác nòng cỏ 75 ly nhả đạn. Pháp phải từ xa bắn vào vì lại gần không được. Quân Pháp đi giày đinh, súng trường nặng, trời mưa phún và lạnh rời, vậy phải mặc quần áo ấm, mang cả « măng tô » (manteau) nữa. Ké bì bì bì bõm ở ruộng bùn, người ngã lên người ngã xuống trên đường ruộng, anh này bị đạn súng hoả mai làm nát mặt, anh kia bị tên thuốc độc pháp vào cổ. Pháp không thể tới gần làng được. Súng đại bác cứ nổ. Gióp đại tấn công bằng pháo binh.

Gióp đại tấn công, đại tàn phá bằng súng đại bác.

(Kháng chiến quân bị thiệt hại nhiều, như tài-liệu của Pháp cho biết sau khi Pháp đã vào được làng, theo sau linh khố xanh và linh khố đỏ. Nhưng đó là thuộc giai đoạn thứ ba).

Gióp muốn xung phong. Nhưng không có cách.

Đạn đại bác rơi vào bùn, không đốt cháy nỗi làng.

Nguyên là kháng chiến quân đào ao để trữ nước và lấy đất bùn đắp lên mái nhà. Đạn đại bác rơi vào ao, không nổ. Nếu rơi vào đất cao, bùng cháy thời các mái nhà đã trát đất và không bị cháy.

Gióp bao vây hàng tháng.

Gióp chịu kháng chiến quân trong giai đoạn thứ ba này.

Gióp sẽ thắng trong giai đoạn thứ ba.

Gióp không xung phong được vào chiến khu Ba-Định.

Sử cho ta biết chi tiết sau này :

« Quân Đại Pháp đánh không được, kéo về.

« Rồi phi tú ra Ninh-bình, Nam-định lấy thêm quân vào, hội vây đến vài tháng ».

Gióp dùng những khí giới mới. Ấy là linh khố xanh, linh khố đỏ, bạc bà đầm xoè và các lý trưởng, chánh tassel, tri phủ, tri huyễn, ngay Tông-đốc Thanh-hoá, ngay nhà Vua là Vua Đồng-Khánh.

Chiến-tranh vào giai đoạn thứ ba.

Áy là Quân-đội Pháp da trắng và da đen, lùi về hậu tuyến vào quân đội da vàng tức là người Việt, tức là lính khố xanh và lính khố đỏ từ Ninh-bình, Nam-định lục tục theo nhau vào Thanh-hoá để vây chiến-khu Ba-Đinh. Có một số người Tàu nữa.

Ta không nên đi vào chi tiết sự « tảo thanh » này.

Lính khố xanh có súng mút-cơ-tông (mousqueton) là súng trường hạng nhẹ. Pháp đã chế ra thứ súng này cho lính khố xanh vì người Việt-Nam nhỏ bé, dùng súng lớn không được vì giật mạnh. Súng mousqueton bắn đạn một, bắn xa hơn súng hoả mai nhiều. Ngắm kỹ có thể bắn trúng và chết người quá một cây số và đến cả hai cây số nữa.

Lính khố xanh đi giày đinh. Chân đất, bắp chân quấn xà-cạp, lính khố xanh băng qua ruộng bùn, không sợ thụt, không sợ đỉa, vì đỉa chỉ bám vào các kẽ chân chứ không leo lên trên được. Súng nhẹ mà có thể bắn xa được... lính khố xanh, có lương lính bằng bạc Bà Đầm Xoè, lính khố xanh dần dần thu hẹp vòng vây và làng Ba-Đinh là cá nằm trên thớt.

Kháng chiến quân ở Ba-Đinh phải giải quyết nhiều vấn đề. Nào là tiếp tế lương thực cho mình, lại cho dân nữa. Nào là vấn đề quân nhu, quân dụng. Nào là giữ vững tinh-thần kháng chiến của dân chúng... trong khi mà lính khố xanh thắt chặt vòng vây... tới sát bụi tre... bắc loa kêu gọi dân đầu hàng... và ném bạc Bà Đầm Xoè, bạc một đồng, bạc hai hào (cắc), bạc một hào vào bụi tre.

Thỉnh thoảng từ xa Pháp rót đạn trái phá vào làng.

Phạm-Bành, Hoàng-bật-Đạt, Đinh-công-Tráng nghĩ sao ?

Tôi chắc rằng các tướng lãnh đã an táng các anh em tử trận, làm một cái lê tại đình làng (làng này có ba đình), cầu Thần-Hoàng làng phù hộ độ trì cho dân chúng và cho anh em.

Rồi trong một đêm, tháng giêng, năm Đinh-hợi (1887), trời tối mù mịt, rét, mưa phùn. Một số anh em kháng chiến « xông vây » chạy ra. Chữ xông vây trong sử khiến cho ta nghĩ tới một trận giáp lá cà...

* * *

Đoạn cuối cùng của các chiến-sĩ Ba-Đình như thế nào ?

Cả một thảm sử mà ta, đứng về phương diện tình cảm, không nên biết, nhưng đứng về phương diện lý trí — vì chỉ là công việc thông tin mà thôi — ta nên nhắc nhở tới, để hậu thế ghi và hoặc là người dưới suối vàng biết cho.

Kháng chiến quân Ba-Đình tan rã. Có kẻ lành, có kẻ bị thương, người về dưới xuôi, người lên đường ngược, ít ai về làng, nhiều người phải mai danh ẩn tích để tránh sự truy nã của Phủ, Huyện, của lính khổ xanh, có mấy đồng bạc Bà Đầm xoè súng soảng trong túi, lại có súng mousqueton.

Phá vòng vây vào tháng giêng, năm Đinh-hợi (1887), các tướng lãnh sẽ ra sao ?

Tôi sao ra đây mấy câu vắn tắt sau này. Tôi không dám bàn vì câu sử hàm súc.

« Tháng tư, Phạm-Bành ở tỉnh Thanh, thấy con là Phạm-Tiêu bị bắt, Bành tới tỉnh đầu thú. Phạm-Tiêu được tha. Liền đêm ấy, Phạm-Bành tự tử ». Bộ Chánh-biên ghi rõ như thế.

Hoàng-bật-Đạt bị dân bắt giải tới. Quan Đại Pháp giết ngay.

Đinh-công-Tráng sau trốn vào Phủ Tương, tỉnh Nghệ-An cũng bị quan quân bắn chết ».

* * *

Các vị kháng chiến, chống thực dân Pháp xâm lăng ở chiến-khu Ba-Định, huyện Nga-sơn, tỉnh Thanh-hoá, vị này là quân, vị kia là tướng, vị này là võ, vị kia là văn, các vị đã xa anh em chúng ta trên dưới bảy mươi năm...

Linh hồn các vị vẫn phảng phất trên non sông đất Việt. Ba-Định là một làng lịch sử và các vị thuộc về lịch sử tranh đấu của dân tộc Việt-Nam chống bằng võ lực quân thực dân Pháp xâm lăng.

Phần Phụ Lục

HAI ÁNG VĂN CỦA LÊ-XUÂN-MAI

*Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh là câu trau minh.*

Hai câu này của Nguyễn-đình-Chiều, trong truyện Lục-vân-Tiền.

• • • • • • •

Tôi có biết, ở Nghệ-an, huyện Quỳnh-lưu, một xã, tên chữ là Quỳnh-Đô, tên nôm là làng Nồi: sở dĩ có tên nôm này và ngay tên chữ nữa, là ở trong vũng đồng chiêm nồi lên một cái mò đất cao, để lập làng, như một cái nồi.

Ở làng này, có họ Hồ, họ Phạm và họ Lê. Còn một vài họ nhỏ nữa. Trong họ Lê có cụ Lê-xuân-Mai. Cụ sinh năm Kỷ-tị (1869), đỗ Cử nhân năm hai mươi tám tuổi, tức là năm Đinh-dậu (1885). Rồi cụ đi « thiếng trường » tức là đi làm thầy đồ ở các làng đất Bắc. Nay nơi này, mai nơi khác, thuộc hạt Phúc-yên, Vĩnh-yên. Làng Quỳnh-Đô là làng các thầy đồ « tha phương cầu thực » vì là làng nghèo. Nhưng vì vậy mà các thầy đồ này đã là những người đem văn hoá tới từng làng, chỉ tính đủ tiền chè, rượu, cơm, canh. Mỗi năm về làng hai lần, vào Tết tháng năm và Tết Nguyên-đán, đem theo mấy quan tiền và sau là mấy đồng bạc trắng.

Năm Canh-tuất (1898), nghĩa là mười ba năm sau khi đậu Cử nhân, cụ Lê-xuân-Mai thi đỗ Phó bảng, cùng với cụ Bùi-Kỷ và cụ Hoàng-tăng-Bí.

Rồi cụ được bồ ra làm tri huyện. Rồi ra làm tri phủ... Cụ có bài văn kề sự trạng của cụ.

Bài thơ đó là bài thơ nôm làm vào năm 1940, năm năm trước khi cụ mất. Cụ mất mấy tháng trước hồi đảo chánh Nhật.

Tôi xin trình với độc giả bài văn đầu tiên mà chính tác giả kề lịch sử của một ông đồ Nghệ, làng Quỳnh-Đôi. Khi nhỏ vất vả như thế nào, rồi khi thi đỗ làm quan — dù là trong hồi nô lệ — rất lấy làm vinh hạnh và cho sự thi đỗ làm quan là phúc đức tổ tông, và thứ nhất là phúc đức của bà cụ thân sinh.

Còn hai bài văn nữa mà các vị sẽ đọc chứng tỏ chữ « *tiết* » và chữ « *hiếu* ».

Hai chữ này, bây giờ còn có một số người nhớ tới... và thi hành.

Trai thời trung hiếu làm đầu,
Gái thời tiết hạnh là câu trau minh.

Hai bài văn của Lê-xuân-Mai, nếu Nguyễn-đình-Chiều được biết thời chắc rất hài lòng.

Không học có từ Bắc chí Nam, qua thế hệ này đến thế hệ khác, Có một nhà văn Trung-hoa Lâm-ngữ-Đường

viết một cuốn sách về mẹ, một cuốn sách rất nhỏ, nêu cao đức tính của người mẹ Trung-hoa, sách dịch ra Pháp văn, đề là *Ma Mère* (mẹ tôi). Cuốn sách này tôi đã đọc, vào năm 1938, ở Ba-Lê, tôi đã đọc bản dịch. Tôi không biết nguyên văn chữ Hán.

Tôi được biết hai bài mà các vị sẽ đọc, tác giả là Phó bảng Lê-xuân-Mai: hai bài văn, chúc thọ mẹ và văn tế mẹ.

Hai bài này, giá trị văn chương đã cao, giá trị tinh thần lại càng cao. Chúng ta là con nhà giàu!... Biết bao thi văn!

Dân tộc ta lại đã có mấy nghìn năm Văn hiến.

Biết bao gia sản tinh thần do Không học mà ra.

Các thi, văn, ta đã mất nhiều...

Hai áng văn của Lê-xuân-Mai chúc mẹ lên thượng thọ chín mươi và khóc mẹ, tôi tin là Quí phẩm, và văn học sử sẽ ghi hai bài này hay hơn cả cuốn sách của Lam-ning-Đường.

Trong văn chương Pháp có bài của Louis Pasteur khóc bố mẹ. Bài này thường dùng để dạy học trò và được khen là hay. So với hai bài của Lê-xuân-Mai thời khác nhiều.

• • • • • • •

Ta về ta tắm áo ta,

Dù trong dù đục áo nhà vẫn hơn.

Ao ta có nhiều khi đục, vì nước bẩn nhiều nơi chảy

xuống, nhưng nước ao nhà vẫn hơn, không phải là ao của nhà ta mà ta cho là hơn !

Ao của chúng ta là ao sen.

* * *

Bây giờ xin quý vị đọc bài thơ chúc thọ mẹ. Mẹ hiền thì có con hiếu thảo.

Bài thơ mừng thọ mẹ :

- 1.— *Huru đình ngày tháng thanh thơi,
Tự nhiên; dĩ hỷ, nhớ lời thánh nhân.*
- 3.— *Mẹ sinh tại năm Nhâm dần,
Năm nay Tân vị, tới tuần chín mươi.*
- 5.— *Tích linh, hai chữ, nhớ Trời,
Thọ mà thương thọ, trong đời, mấy ai ?*

* * *

- 7.— *Con xin kê lại đầu đuôi,
Để cho con cháu muôn đời làm gương.*
- 9.— *Chữ trình đáng giá nghìn vàng,
Nên chi, phú, quý, thọ, khang kiêm tuyền.*
- 11.— *Kê mẹ từ lúc thiếu niên,
Mới mười một tuổi thung huyền đều già.*
- 13.— *Nhớ dì là Cụ Nghè Bà,
Đưa về nuôi nấng trong nhà, như con.*
- 15.— *Tới tuần mười chín, lớn, khôn,
Trăm năm tinh cuộc vuông tròn từ đây.*

- 17.— Ông Tơ sao khéo xe dây,
Cùng tiên nghiêm đã định ngày vu quy.
- 19.— Một niềm kinh giới vô vi,
Sớm khuya chăm việc, khuê nhi tảo tần.
- 21.— Từ khi duyên bén Châu, Trần,
Một lần lòng ngoã, hai lần lòng chươn.
- 23.— Hay đâu ? Con tạo khôn lường,
Tôi ba mươi tuổi, nghiêm đường thọ chung.
- 25.— Bực mình, góá bụa trẻ trung,
Buộc lưng, bụng bụng, thở chồng, nuôi con.
- 27.— Khăng khăng giữ tấm lòng son,
Đầu ai nói dại, nói khôn, kệ đời.
- 29.— Một tay, ba đứa đê hài,
Trăm chiều khô sờ một bài trình chuyên.
- 31.— Lưng vốn chỉ quan bảy tiền,
Buôn tơ, bán lụa, dựng nên cơ đồ.
- 33.— Trong nhà, ăn, mặc ấm no.
Gái, khuyên canh cởi, trai, cho học hành.
- 35.— Trai đầu, đến lúc trưởng thành,
Khoa thân, thi đã đê danh Tú Tài.
- 37.— Lâu nay, mẹ goá, con côi,
Bây giờ mới gặp được hồi vinh quang.
- 39.— Không ngờ năm Dậu nhiều hương,
Trai đầu, Ngài lại tìm đường tiên du.
- 41.— Chị gái, xuất giá, tòng phu,
Chỉ con, nhờ mẹ, cần cù, dày, nuôi.

- 43.— Ngọc thành, mới biết lòng Trời.
Đã là bỉ cực, chắc rồi thái lai.
- 45.— Trường văn, thi cử, đua tài,
Hương, thời nhất cử, hội thời Ất khoa.
- 47.— Phủ huyện, lịch lỵ gần xa,
Trân cam phụng dưỡng gọi là kính thân.
- 49.— Sinh phong, mẹ được hai lần,
Vua ban từ phàm cung nhân sắc vàng.
- 51.— Hai lần làm lẽ phàn hoàng,
Tổng xã đón rước, họ hàng mừng vui.
- 53.— Mới hay phú quý tại trời,
Nhưng mà phúc đức tại người mới nên.
- 55.— Mẹ thật là người hẳn hiên,
Con gái quan cử Quỳnh-Xuyên, họ Hồ.
- 57.— Đã hay thủ thiết, sự phu,
Lại hay thành kính phụng thờ tổ tông.
- 59.— Xóm, cúng bạc hai mươi đồng,
Làng, cúng cửa vồng, dài đồng, chiếu hoa.
- 61.— Hai bên, nội ngoại, ông bà,
Cùng cờ, cùng lọng, cùng nhà, cùng nương.
- 63.— Thấy ai đói rách thì thương,
Rách thường cho mặc, đói thường cho ăn.
- 65.— Ấy là hiểu nghĩa từ nhân,
Nên chi thiên địa quỷ thần chứng tri.
- 67.— Phó cho thợ khảo duy kỳ,
Chín mươi thăm thoát chắc thì mười mươi.

69.— *Khánh đường, năm mới, vui chơi,
Bồi họ, con gái, con trai hai hàng.*

71.— *Cháu cháu, chắt chắt, họ đương,
Ba tuần, dâng chén quỳnh tượng chúc mừng.*

73.— *Chúc rằng phúc mạc bắt tăng,
Phong kỳ thượng họ, họ bằng Nam-san.*

75.— *Hoàng-triều Bảo-Đại lục niên.*

Trong bài thơ này có nhiều chữ cần phải chú thích :

Câu 1 : Hưu đình là nhà mà mình ở, sau khi về hưu, không đi làm quan nữa. Bài thơ này, viết vào năm 1932, năm tác giả sáu mươi ba tuổi. Tác giả mất năm bảy mươi sáu tuổi, vào năm 1945.

Câu 2 : Tự nhiên nghĩa là ấy như thế; dĩ hỷ nghĩa là lấy làm mừng. Bốn chữ này đều lấy trong kinh Lê.

Câu 3 : Năm Nhâm dần là năm 1842 ; Năm Tân vị là năm 1932.

Câu 5 : Tích linh nghĩa là Trời cho tuổi.

Câu 13 : Nhờ di là cụ Nghè bà. Cụ Nghè Bà đây là vợ cụ Tiến-sĩ Hồ-sĩ-Đống hay Hồ-sĩ-Dương.

Câu 22 : Lòng ngoã là đẻ con gái, lòng thương là đẻ con trai.

Câu 29 : Ba đứa đẻ hài là ba đứa con hãy còn phải đắt. Bà mẹ tác giả mới ba mươi tuổi đã goá chồng, có một gái, hai trai, dù ai có mối lái đẻ đi lấy chồng cũng không nghe (ý câu 28).

Câu 32 : Buôn tơ, bán lụa : làng Quỳnh-đôi có chợ bán tơ lụa và con gái họ Hồ, cho đến mới đây, vẫn có nghề bán tơ lụa; hồi trước còn có nghề dệt cùi.

Câu 36 : Khoa Thân là vào năm 1884. Năm Ất-dậu là năm sau. Vậy người con trai lớn thi đỗ năm trước thời năm sau chết. Nguyên là có một sự tranh chấp giữa lương là làng Quỳnh-đôi và giáo là làng Thanh-giã, làng bên cạnh. Dân làng Thanh-giã, dưới sự lãnh đạo của một số người chịu ảnh hưởng ngoại lai bèn kéo sang đánh làng Quỳnh-đôi và ông Tú, anh tác giả, bị đâm chết. Chuyện này có thơ ghi.

Câu 43 : Ngọc thành : hai chữ này bối sáu chữ ngọc bát trác bát thành khi, nghĩa là tác giả con nhà giòng giống, anh chết rồi, chị đi lấy chồng, nhờ mẹ nuôi cho đi ăn học sau đỗ cao. Thi hương thời đỗ đầu, thi hội thời đỗ thứ tư là đỗ Phó bảng (Ất khoa) Tiến sĩ.

Câu 49 : Nghĩa là được nhà vua phong sắc; *lễ phàn hoàng* là lễ thọ mang vua ban cho sắc.

Câu 55 : Hắn hiên cũng như hắn hoi, nghĩa là tử tế.

Câu 57 : Thủ tiết sư phu : không đi lấy chồng lần thứ hai, sống để cùng chồng đã chết.

Câu 50 — 60 : Bà cụ cúng tiền thờ xóm, xung cái cửa trạm trên bàn thờ thần ở đình làng, cúng đôi đài nến bằng đồng để trên bàn thờ thần làng và chiếu hoa để trải cho dân làng lê thần. Tôi quên không nhớ vị thần làng này là ai.

Câu 61 — 62 : Nói Bà cụ cúng vào nhà thờ họ Cờ, Lọng, làm nhà thờ và đặt nương vào nhà thờ để cho chi trưởng lấy hoa lợi mà thờ cúng, cả hai bên nội ngoại ; hai bên là họ nhà chồng và họ nhà mình.

. . . , . . .

Bài thơ chúc thọ này kề *lịch sử một người đàn bà Việt-Nam thuận túy Không giáo*. Trinh có, hiếu có, hạnh có, từ có.

Nhưng còn biết bao nhiêu cụ bà chúng ta cũng đã như cụ con gái họ Hồ này ! Và sẽ còn biết bao nhiêu người đàn bà như thế nữa, trong cái thế hệ tương lai !

BÀI VĂN TÉ MẸ

Trước linh toạ, khóc mà than rằng : Ô mẹ ơi ! Khi tiên nghiêm ta thế thời mẹ còn trẻ trung. Ba con thơ ấu, một tay ôm bồng ; lúa không có một hột, tiền không có một đồng ; cơm đùm áo, gạo bọc khăn, quản bao khó nhọc !

Tơ quay thuê, củi dệt mướn, vì nỗi đói cùng. Chỉ có cái nồi hai là tư bản, bán đi được quan bảy để chi dùng. Thắt lưng bó que, chạy chợ trên, lên chợ dưới (1) buôn tơ bán lụa ; ra đường ngoài, vào đường trong (2). Lo cho con đủ ăn đủ mặc, lo cho con có vợ có chồng, lại khuyên con học hành bẩm chí (3), lại dạy con đèn sách già công. Nghĩ lại mà coi ơn cúc dục, xem tày non Thái ; kè sao cho xiết, đức cù lao so sánh bồ Đông.

Nên con theo đòi thi cử rạng nghiệp tő tông. Anh
đã đậu Tú-tài, vinh hoa bõ lúc, em lại đậu phó bảng khoa
hoạn nổi giòng.

Nhờ ơn vua trải miền phủ huyện, hưởng lộc nước dù
miếng đỉnh chung. Mời hay trăm sự do thiên, giàu sang
có phận ; nhưng cũng sinh hiền tại mâu, phúc đức vồ^{vô}
cùng. Mẹ thật là người đoan tịnh tinh nhất ; mẹ thà
là người tiết nghĩa hiếu trung. Nên chi giang sơn phù
hỏ, cảnh tượng hanh thông. Hai lần ân, chiếu đều được
sinh phong. Từ đại đồng đường, dưới thềm quế áo xiêm
rực rõ. Cửu tuần thượng thọ, trên nhà huyễn chấn gối
thung dung. Tuổi cao mà thân thể còn mạnh, minh già
mà lắn lộn thời không. Làm nhà thờ, khuyên Anh Đì
Cận (4). Cắt mộ Bà, dặn bác Hàn Tùng (5). Có khi chống
gậy vào chơi tiêu khiền dăm ba (6) hòm dưỡng lão ; có
lúc ngâm đường (7) ngồi giỗn trẻ, chung quanh chín mươi
đứa thanh đồng. Tưởng cũng trăm năm thêm tuổi hạc ở
cùng con cùng cái, ai ngờ một phút cưỡi xe loan về với
bà với ông !

O' mẹ ơi ! Sao Vũ tinh mây ám, cây núi Dĩ gió rung !
Mẹ đi đâu ? Bỏ cửa bỏ nhà, cửa nhà vắng vẻ. Mẹ đi
đâu ? Xa con xa cái, con cái nhớ trông. Ánh mẹ còn
treo, trông thấy ảnh, hai hàng tuôn nước mắt ; áo mẹ
đề lại, nhìn thấy áo chín khúc cuộn trong lòng.

Nay nhân tuần bách nhật, thời vừa tiết tam đông.
Sinh một con lớn đực, xôi một mâm cỗ bồng.

Cần cụ phỉ nghi lao thảo gọi tam tuần điện hiến,
phục di thương hưởng, phù hộ cho bách phúc lai sùng.

Cần cáo,

Trong bài văn này có mấy chữ mà tôi cần phải chú thích. Những chữ nôm này đã đánh số.

1.— *Chợ chợ trên lên chợ dưới*: chợ trên là chợ làng trên, làng này là làng Bào-hàu mà tục thường gọi là làng Bèo, chợ dưới tức là chợ Nồi, là chợ làng, nhưng nhà cụ Lê-xuân-Mai thời ở giữa làng, gần đình, thành cũng xa chợ làng.

2.— *Ra đường ngoài, vào đường trong*: Đường ngoài là miền Bắc, đường trong là miền Trung. Câu này cho ta biết là bà cụ đã có khi buôn xa, thí dụ như ra Thanh-hoa cất hàng hay vào Vinh.

3.— *Bẩm chí*: tiếng Nghệ, tiếng Bắc là *bền chí*, vững chí.

4.— *Anh Đĩ Cận*: đây là tên của một người cháu, gọi bà cụ bằng bà, vì để con gái nên gọi là anh đĩ và tên tục là Cận.

5.— *Bác Hàn Tùng*: đây là tên một người anh họ, được phong hàn lâm và tên tục là Tùng.

6.— *Vào Choi O*: ở Trung tiếng O là tiếng cô ở Bắc. Vậy bà cụ đã lại chơi chị chồng hay em gái chồng.

7.— *Ngậm đường ngồi giốn trẻ*: Các cụ già ngồi đùa với cháu, chắt còn nhỏ thường ngậm đường và đây là một mẩu đường bánh, rồi cho cháu mờm: đứa nào chạy lại nhanh thời được mờm.

Bài này làm khi tác giả tuổi sáu mươi mốt. Bài làm vào cuối năm Tân-vị (1931). Vào lễ trăm ngày bà cụ. Bà

cụ sinh năm Nhâm-dần (1842) là năm thứ hai đời vua Thiệu-Trị; lên Thượng thọ, tôi không biết vào tháng nào, nhưng vào đầu năm, vì có câu « *Khánh đường năm mới vui chơi* ».

Đến tháng tám thời bà cụ mất. Bài văn tế mẹ làm vào cuối năm Tân-vị (1931).

KẾT LUẬN:

1.— Giá trị văn chương hai bài văn mà tôi đã dẫn ở trên như thế nào ?

2.— Giá trị tinh-thần như thế nào ?

3.— Giá trị sử học về văn hóa Khổng-giáo của ta chỉ mới đây, vài chục năm như thế nào ?

Tôi xin đọc giả tự trả lời.

Riêng tôi nhận thấy là văn-chương hay, ý nghĩa cao vì theo tinh-thần Khổng-giáo. Về phương-diện lịch-sử thời tôi thấy là thế hệ ta đã xa distant nhiều quá.

MỘT NGÀY ĐAU THƯƠNG CHO LÀNG QUỲNH ĐÔI

Ngày 19 tháng giêng âm lịch, cứ mỗi năm, ở làng Quỳnh-đôi, tục gọi là làng Nồi, huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-an, vào buổi trưa có một cái giỗ ở đình làng.

Đình này không được cõ kính lăm vì là đình tu bồ lại, trước đây hơn sáu mươi năm, vì đã bị đốt cháy. Trước cửa đình, ngày giỗ nòi trên, lá cờ đại được nêu cao, bay phất phới trước làn gió bắc mạnh. Đình đã được dọn dẹp từ mấy ngày hôm trước vì có dân làng đến lễ.

Tại sao có sự giỗ tại đình mà do cả làng giỗ? Cái giỗ này có tự bao giờ?

Cách đây trên mươi năm, ở trong làng đó từ trong xóm gần đình, có một ông cụ đầu râu tóc bạc, chít khăn đem theo áo thụng xanh, đi sau người nhà mặc áo the đen, đầu đội một mâm lê phầm... thong thả tới đình làm lễ giỗ.

Ông cụ này là cụ phô bảng Lê-xuân-Mai. Cụ mất ở làng năm bảy mươi sáu tuổi. Cụ mất năm 1945.

Cụ để lại một bài văn nôm cho ta biết lịch sử cái giỗ này. Lịch sử này là một chuyện đau thương cho làng Quỳnh-đôi và xảy ra vào năm Ất-dậu (1885), trước đây

bảy mươi hai năm. Nhưng đã biết bao nhiêu làng Quỳnh-đôi khác? Vì đây là lịch sử của Nghĩa Cầm-vương!

Vua Hàm-Nghi kêu gọi dân chúng đánh Pháp. Pháp đã dùng đủ mọi phương tiện để chinh phục nước ta. Họ đã có thề lợi dụng cả lòng tin ngưỡng nứa.

Bài thơ mà tôi sao chép ra đây là do con trai cụ đọc cho tôi. Tôi đã tới làng Quỳnh-đôi để khảo cứu sú ký và địa lý làng này, vào năm 1941. Bài thơ này, cụ Lê-xuân-Mai làm cách đây vài chục năm sau khi cụ về hưu ở làng.

Bài này không những là một sử liệu mà lại còn là một áng văn hay, ít người làm nổi. Nên đọc theo giọng Nghệ.

BÀI VĂN GIỖ LÀNG

- 1.— Mỗi năm một bận giỗ làng,
Nói càng thêm giận, nghĩ càng thêm thương,
3.— Vì ai nên cuộc chiến-trường?
Bây giờ phải kè cho tường, mà suy.

* * *

- 5.— Năm Ất-dậu, Đức Hàm-Nghi,
Kinh-thành thất thủ, Tam-kỷ nhiều nhương.
7.— Văn-thân sát tả Cầm-Vương,
Nên chi bên Giáo cùng Lương thù hằn.
9.— Có làng Thanh-Giã (dã), Cự-tân,
Đều là bên Giáo ở gần làng ta.

- 11.— *Tháng chín có lẽ rực hoa,*
Cờ cờ, trống trống kéo qua Cầu-đầm.
- 13.— *Mỗi làng nghe đánh âm sầm,*
Kẻ tha đòn sóc người cầm gậy tre.
- 15.— *Ngoài làng trong xóm hè hè,*
Lũy Bắc sập cổng, bờ Re đón đường.
- 17.— *Giáo-dân thấy thẻ kinh-hoàng,*
Cuốn cờ lăng trống vội vàng chạy xa.
- 19.— *Dân làng theo đuôi tận nhà,*
Từ rìa bên Giáo sinh ra bắt bình,
- 21.— *Quan huyện Hương, quan phủ Ninh,*
Hai Ngài nghĩ quẩn lo quanh suốt ngày.
- 23.— *Rặng dài sinh sự chẳng hay,*
Làm sao cũng phải ra tay chu toàn.
- 25.— *Chọn, bầu, chánh, phó thôn đoàn,*
Dũng binh, nghĩa sĩ phản minh giữ giàng.
- 27.— *Chặt tre rào từ phía làng,*
Làm cổng, làm ngõ, mọi đường yếu xung.
- 29.— *Có điểm canh, có chòi mòng,*
Rắp gai ngoài lũy, thả chóng trong hào.
- 31.— *Ngày ngày luyện tập thể thao,*
Đêm đêm trống đánh, mỗi rao canh tuần.
- 33.— *Sát sinh làm lễ yết thần,*
Hội làng yến ấm, kêu dân dặn dò.
- 35.— *Trách người chẳng chịu ăn lo,*
Xóc lúa quan Tân, bắt bò quẩn Ba.

- 37.— *Cụ Tuệ là mọ đản bà,
Hôm trước ơi đuổi Giáo cũng đà thường công.*
- 39.— *Trong làng sắp đắt đã xong,
Lại lên tiếp hiểu giao thông với Bèo.*
- 41.— *Hai làng làm tờ giao kèo,
Hoặc khi hoạn nạn, ngặt nghèo cứu nhau.*
- 43.— *Lo toan giữ trước gìn sau,
Làm cho quân Giáo ngóc đầu không lên.*
- 45.— *Tưởng rằng sự tại vẹn tuyễn,
Gia, hương, bảo, thủ, vững bền như danh.*
- 47.— *Hay đâu quân Giáo rắp ranh,
Từ ngày bị đuổi cũng canh, cũng phường.*
- 49.— *Trong huyện, Trang-núra, Thọ-tường,
Ngoài huyện, Phát-diệm, Ba-làng, Hoà-an.*
- 51.— *Hợp cùng Thuận-nghĩa, Bành-san,
Kéo đi đánh tiễn lên càn Văn-thân.*
- 53.— *Mười chín tháng một giờ dần,
Thinh linh vào đốt tuốt dân làng Bèo,*
- 55.— *Ta lên tiếp cứu đánh liều,
Thua cơ bị chúng đuổi theo xuống làng.*
- 57.— *Tứ bề súng nổ tiếng vang,
Có liều phá cồng, Đập-Ngang ừa vào.*
- 59.— *Dân ta chẳng biết làm sao,
Kẻ chui đồng ra, người nhào rãnh khói.*
- 61.— *Cửa nhà lửa cháy lung tròn,
Đinh chùa tan hết, đèn dài sạch không.*

- 63.— « *Tha dàn bà, giết dàn ông* »,
Kẻ người tử nghĩa khoảnh vòng tám mươi.
- 65.— *Phủ Ninh, Ngài cũng ta đói,*
Huyện Hương Ngài thoát lên nơi phủ Quỳ.
- 67.— *Thương thay gấp lúc loạn ly,*
Kẻ Nam, người Bắc trốn đi đè huề.
- 69.— *Hai hàng nước mắt đầm đè,*
Ngụy đất nước khách, nhớ quê quán nhà.
- 71.— *Giang sơn thùy hộ cho ta,*
Đuông đi, rồi lại dần dà tới nơi.
- 73.— *Chỉ hai ba bốn năm trôi,*
Sửa sang nhà cửa, đèn đài như nguyên.
- 75.— *Chạnh thương người dưới cửu tuyền,*
Chỉ vì nghĩa dung mà nên nỗi này !
- 77.— *Sáu sanh lẽ vật chọn ngày,*
Ruốc thay phù thuỷ làm chay tại đình.
- 79.— *Gọi rằng công đức chứng minh,*
Từ rày làng nước hoà bình yên khang !
- * * *
- 81.— *Năm năm đến bùa giỗ làng,*
Treo cờ kỷ niệm đốt hương vái nguyên.
- 83.— *Thoả hồn người dưới cửu tuyền !*

BÀI THƠ CỤ LÊ-XUÂN-MAI KỂ SỰ TRẠNG CỦA MÌNH

- 1.— *Thong dong ngòi giữa lưu đình,
Ngâm xem sự trạng của mình trước sau;*
- 3.— *Vốn giòng, khoa hoan đã lâu,
Giang sơn đúc lại, công hẫu nổi ra.*
- 5.— *Kể từ, tuổi mới hai ba,
Năm Mùi, (1) cụ Tăng (2) Ngài đã quy tiên.*
- 7.— *Nhờ mẹ, trình trình chính chuyên,
Đã chăm nuôi nấng, lại khuyên học hành.*
- 9.— *Gặp năm Ất-Dậu (3) binh tranh,
Mẹ con tỵ nạn ra Thanh mới về;*
- 10.— *Ngọn đèn, quyền sách, sớm khuya,
Học nghiệp cử tử, tập nghề văn-chương.*
- 11.— *Hạch đầu huyện, khảo đầu lang,
Vào thi, chắc cũng trúng trường có phen;*
- 13.— *Đến năm Thành-Thái cửu nguyên,
Về khoa Đinh-Dậu (4) đỗ liền Cử-Nhân.*
- 15.— *Cung thiềm bẻ que có phàn,
Xem hoa Thượng-Uyển dần dần tói nơi.*
- 17.— *Đến năm Duy-Tân lên ngôi,
Về Khoa Canh-Tuất cầu tài mở thi.*

- 19.— *Trường văn đã đủ bốn kỳ.*
Bảng treo Tiển-Sĩ, trên thi Ất khoa.
- 21.— *Ôn vua lộc nước phúc nhà,*
Về đường sĩ hoạn cũng là khang trang.
- 25.— *Bồ vào thừa phái Bộ đường,*
Khâm sai phúc khảo chấm trường Qui-nhơn.
- 27.— *Ba năm tập sứ chuyên cần,*
Bộ Lại sát bộ sứ thần phúc y.
- 29.— *Bồ vào Mô-Đức đồng tri (4)*
Thăng lên tri phủ Phủ Tư-Nghĩa ngoài.
- 31.— *Thạch hà, Đúc thọ (5) đôi noi,*
Phủ thời yếu khuyết, Phủ thời thương dân
- 33.— *Việc quan một niêm từ nhân,*
Mùa hạ mưa thuận, mùa xuân gió hòa.
- 35.— *Cầm đường ngày tháng ngàn nga,*
Dưới dân tín, phục, trên toà ngợi khen.
- 37.— *Sắc thường Kim-Khánh, Kim-Tiền,*
Lại thường Ngũ hạng Long-Điền bội-tinh.
- 39.— *Suy ân kịp đến sở sinh,*
Mẹ phong, cha tặng hiền vinh mấy lần.
- 41.— *Vua Bảo-Đại năm Mậu thân,*
Thăng hàm Quang-Lộc Đại-Thần vinh quy.
- 43.— *Cáo về tĩnh đường từ vi,*
Nam cai lan thiện, tây trì đào hoa;
- 45.— *Cầm thi, vui thú trong nhà,*
Mặc ai xe ngựa huyễn hoa ngoài đường.

- 47.— *Gặp năm hương biển lạ đường,
Chia bè chia phái làm quàng, làm xiên.*
- 49.— *Ra làm Chánh-hội mắng niên,
Dẹp bè, dẹp phái để yên trong làng.*
- 51.— *Định chùa miếu vụn sửa sang,
Xây cống Đập bẩn, mở trường Quỳnh-Đôi.*
- 53.— *Lại làm đình ngồi, chợ Nồi,
Rải đá đường cái, nề vôi nền định.*
- 55.— *Tiếng hay tâu đến Thần-kinh,
Minh nồng lại thường Bội-linh huyền thuỷ.*
- 57.— *Vinh quang bỏ lúc hàn vi,
Tim noi dạy học Bắc-kỳ mấy phen.*
- 59.— *Khi Thuần-Nhuế (6) khi Bình-Xuyên,
Khi ngồi Đạo-Tú thuộc miền Tam-Dương.*
- 61.— *Áy là nói chuyện quan san,
Còn cung thê tử kề thường sau đây.*
- 63.— *Ông to sóm đã se dây,
Lấy bà họ Phạm những ngày quang-vinh.*
- 65.— *Tưởng rằng phu quý, phu vinh,
Ai ngờ bà lại từ trần, quy tiên.*
- 67.— *Năm Canh-Tuất lại tục huyền (7)
Con quan Đêng-Các, gái hiền họ Cao (7)*
- 66.— *Vu quy gặp hội yêu đảo,
Nghi gia nghi thất tục vào ba chương.*
- 71.— *Ở cùng tiểu thiếp (9) một nương.
Bao dung có lượng, ghen tuông không hề.*

- 73.— Khi ở ly, lúc về quê,
Giữ điều cần kiệm, chăm nghề bán buôn.
- 75.— Ba phòng sinh được mấy con (10)
Trai còn tám cậu, gái còn bảy cô.
- 77.— Gái thời xuất giá tòng phu,
Ba Tham, Bà Cử, Bà Nho, Bà Hàn.
- 79.— Trai thời lập nước thăng quan,
Ông Cử, Ông Tú, Ông Hàn, Ông Tham.
- 81.— Người ngoài Bắc, kẻ trong Nam,
Khi về sum họp, trân cam dang thời.
- 83.— Cảm đương ngày tháng thành thời,
Ông ngoài bảy mươi, bà ngoài năm tư.
- 85.— Ông thời biên sô ngâm thơ,
Bà thời bán lúa, mua tờ phát tài.
- 86.— Ông bà hướng thượng còn dài,
Mỗi năm mỗi tuổi nhờ trời thêm cao.
- 89.— Đè xem vận hội thế nào,
Sau này ta sẽ tục vào bài ca.

Trong bài thơ này có mấy chữ cần phải giải thích, tôi đã đánh số :

(1) Năm Mùi (còn gọi là năm Vị) là năm Tân mèo tức là năm 1871.

(2) Cụ Tặng là chỉ ông cụ thân sinh được vua tặng hàm cho. Cậu năm cho ta biết là tác giả mồ côi cha năm mươi hai ba tuổi.

(3) Năm Ất dậu là năm 1885.

(4) Mộc đức đồng tri : Huyện Mộ-đức ở Quảng-ngãi, đã có một tri huyện lại thêm một tri huyện nữa là **tác giả**.

(5) Phủ Tư-nghĩa cũng ở Quảng-ngãi.

Thạch Hà, Đức Thọ là tên hai phủ ở Hà-tĩnh.

(6) Thuần-nhuế và Đạo-tú là tên hai làng, một làng ở huyện Bình-xuyên, tỉnh Phúc-yên, một làng ở huyện Tam-dương, tỉnh Vĩnh-yên.

(7) Năm Canh tuất lại tục huyền : năm nay, tác giả bốn mươi mốt tuổi, vừa đồ phó bảng, vì đã goá vợ nên lại lấy vợ kế.

(8) Đông các họ Cao dày là Cao-xuân-Dục.

(9) Ở cùng tiều thiếp một nường. Câu này nghĩa là người vợ đầu mất đi, mẹ tác giả đã mua cho một người nàng hầu. Nhưng không phải là vợ cưới để kè người vợ đầu đã mất.

(10) Ba phòng là ba vợ, vợ đầu đã chết, tiều thiếp đã lấy trước bà vợ kế.

.

Bài thơ này đối với nhà xã hội học và sử học rất quí vì là một tài liệu, tả từ đầu đến cuối đời một nhà nho : khi nghèo như thế nào... rồi sau quan niệm đời ra làm sao.

Nhà văn khảo cứu về thơ lục bát cũng như một nhà kịch sĩ có thể dựa vào đây mà khảo cứu hay sáng tác.

Bài thơ này thực là vang bóng một thời.

BÀI THƠ LÊN CHƠI NƯỚC LÀO

- 1.— Đầu năm Đinh-Sửu, tháng hai,
Nhân khi thong thả, lên chơi nước Lào.
- 3.— Từ ga Cầu-giát, xe vào (1)
Đến Vinh, có kẻ đón chào mời vô.
- 5.— Răng dây, có hiệu ô tô (2)
Chở người, chở khách, chở đồ hành trang.
- 7.— Xe lên tới đến Chợ Tràng (3)
Qua đò Phú-thạch, tiếp sang đò Hầu.
- 9.— Đây là Đức-thọ địa đầu,
Trong lên Linh cảm cũng hầu (4) tới nơi,
- 11.— Non xanh mây cuộc dỗi dời,
Xưa thời linh-miếu, nay thời đồn Tây.
- 14.— Nhà bia trên núi mới xây (5),
Bên kia giây thép, bên này kiềm lâm,
- 15.— Qua đồn, linh hổ ám sầm,
Kẻ đưa cẩn cước, người cầm bài thân.
- 17.— Khám rồi, đi một lối gần,
Qua đò Linh-Cảm, tới tuần Tam khoa
- 19.— Hương-sơn, địa phận bao xa ?
Dưới là Thịnh-xá trên là Phố châu.
- 21.— Có đồn, có chợ, có cầu,
Bên dinh quan huỵện, bên lầu quan binh,

- 23.— Trước đồn cũng có lính canh,
Phải đưa cẩn cước vào trình từng tên.
- 25.— Trình xong, lên sở đồn điền,
Chính giữa cày ruộng, bốn bên nuôi bò.
- 27.— Đường đi mẩy dặm quanh co,
Qua dãy núi đá tới đèo Hà-Tân.
- 29.— Trông lên Voi bồ cũng gần,
Đồn điền mẩy sở có dân, có làng;
- 31.— Lác trông thấy mẩy người Mường,
Ở trong dãy núi Kim cương đi vào.
- 34.— Lên đèo, nơi thấp, nơi cao,
Lấp khe, sẻ núi, biết bao công trình !
- 35.— Rặng dây phong cảnh hữu tình,
Năm xưa ngự giá Bắc thành lên chơi ;
- 37.— Có bia Khải-Định giữa trời,
Non xanh ghi tạc, muôn đời, nào quên ?
- 39.— Kim cương đòn đóng ở trên,
Giữa đường hai cột hai bên then cài ;
- 41.— Một giờ đêm, chín giờ mai,
Khi đóng, khi mở có cai đội đồn.
- 43.— Một dòng nước chảy đá mòn,
Là khe Nước Sốt (6), nước nguồn trong veo ;
- 45.— Từ đầu đèo đến cuối đèo,
Bốn hai cây số, lắt leo dặm trường.
- 47.— Ở đây là xứ Nậm thường,
Xưa nay xú áy thường thường nhiều mưa ;

- 49.— Trấn-ninh sắp đặt từ xưa,
Nay đồn Na he thuộc bờ cõi ta.
- 51.— Ô tô vừa đến ngoài xa,
Trong đồn đã thấy lính ra đón liền :
- 53.— Thu lấy căn cức đưa lên,
Bảo rằng ai nấy nghe tên cho tường.
- 55.— Xét xong dân đến nhà thương,
Khám ai có bệnh, tìm đường về ngay (7),
- 57.— Xung quanh có sở tàu bay,
Phía trên có sở Ông Tây Đồn Điền.
- 59.— Giăng màn (8) qua núi trông lên,
Xét xem khi hậu có đèn thiền văn ;
- 61.— Đọc đường, rải rác xa gần,
Lum tum nhà gác dân nước Lào.
- 63.— Ngã ba đã đến Lạc-Sao (9),
Ngã lên Cam-Cát (10), ngã vào Cam-Môn (11).
- 65.— Đường đi, khe suối, gò, cồn,
Nơi bắt đầu ván, nơi còn cầu phên (12),
- 67.— Phù thu (13) Lào ở hai bên,
Non xanh cây cối, dưới trên rậm rì.
- 69.— Ở đây, thồ sản những gì ?
Mặt ong, gỗ trắc đây thì nhiều hơn.
- 71.— Trải qua Bãi cát, Nâm sơn (14)
Sang đó đã thấy trước đồn Na Cai (15)
- 73.— Đồn điền vừa rộng, vừa dài,
Cỏ đầy đất sạch, đất dai phở nhiều.

- 75.— Trước kia lại có một đèo,
Tên là Mỏ Ác (16) lắt leo dãm ngàn.
- 77.— Dọc đường hiểm trở gian nan,
Quanh đi quẹo lại bảy ngàn thước tây.
- 79.— Đèo rồi tới Ma Đát (17) ngay,
Sở nhà doan cù, nền xây hẵng còn.
- 81.— Đời nào Na Cót (18) đóng đồn,
Ngày đêm xét kẻ bán buôn ra vào,
- 83.— Ô tô từ Vinh lên Lào,
Đến tỉnh Tà-Khet (19) biết bao dãm trường.
- 85.— Đêm cột lô mét dọc đường,
Hai trăm tam chục, rõ ràng tới nơi.
- 87.— Cửu-Long sông rộng và dài,
Trên bờ trông thấy lâu dài nhà Tây.
- 89.— Khen cho khai thác tinh này,
Xưa kia hoang mảng mà rẫy phòn hoa.
- 91.— Ai lao tiếp giáp Xiêm-La,
Ô đây, Tà-khet đi qua Lạc-hòn (20)
- 93.— Lên chơi trại mây núi non,
Nơi nào, nơi ấy hẵng còn bản biên (21)
- 95.— Ai lên Tà-Khet thời lên,
Đọc bài hát ấy, biết tên biết đường.

*MỘT TRONG NHỮNG TÔI NẮNG MÀ VUA
LÊ-THÁNH-TÔN ĐÃ MUỐN TRI :*

SỰ LOẠN LUÂN CỦA NGƯỜI MƯỜNG, MÁN

Vua Lê-thánh-Tôn (1460-1497) đã ban hai mươi bốn điều, « Sức cho dân xã thường thường giảng đọc để giữ lấy thói tốt » (Xin xem Việt-Nâm Sử lược của Cụ Trần-trọng-Kim). Các điều này thuộc về sự phô thông luân lý Khổng-giáo trong dân chúng để cho gia-dinh được yên ấm, làng xã được hoà hợp, kẻ cường hào phải e-dè, các phủ huyện phải trọng dân, chúng ta không biết là các xã, thôn Trưởng đã thi hành phép vua như thế nào.

Dù sao ta nhận thấy là Vua Lê-thánh-Tòn đã muốn rằng mấy điều quan trọng trong Khổng-giáo được toàn dân tuân theo. Nhưng « Dân-ta bây giờ sùng tín đạo Phật, hay làm Đinh làm Chùa » và nhà Vua đã « Cấm không cho làm Chùa mới ». Phải chăng đạo Phật hồi đó đã bị Tăng-Ni lợi dụng đã là một cái hoạ cho xã-hội khiến nhà Vua phải can thiệp ? (Tôi sẽ bàn về vấn đề này, theo tài liệu trong bộ Truyền Kỳ Mạn Lục). Có lẽ đạo Khổng cũng không thịnh nên nhà Vua mới có hai mươi bốn điều dạy dân... Mà nhiều điều thuộc về nử tắc. Đạo Lão cũng có thể đã suy.

Tình trạng suy đồi của văn-hoa tinh-thần có thể từ đời Hậu Trần nhưng trong mười ba năm (1414-1427) mà

nhà Minh tàn phá nước ta đã có bao sự biến loạn trong nhân tâm. Kể từ khi Vua Lê-thái-Tô lên ngôi cho đến khi Vua Lê-thánh-Tôn lên ngôi chỉ có ba mươi năm : Thời gian này chỉ là một thế hệ mà thôi, cộng với hai thế hệ mà nhà Trần suy vì thời nước ta đã có đến ba thế hệ, mà văn-hoa Phật-giáo, Lão-giáo và Khổng-giáo đã không sáng sủa được mà lại mờ ám đi.

Dù sao vấn đề sử học này không phải là đề tài bài nhỏ này.

Tôi chỉ đúng về phương-diện xã-hội-học mà luận về điều thứ hai mươi bốn của Vua Lê-thánh-Tôn.

Điều ấy cụ Trần-trọng-Kim đã dịch như sau này :

« Các dân thường, Mán ở ngoài bờ cõi, nên giữ lời di huấn, không được trái đạo luân thường như cha, anh chú, bác đã chết thời con, em không được chiếm những thê, thiếp. Nếu mà trái phép thời sẽ trị tội rất nặng ».

* * *

Có mấy chữ trên đây mà ta không chú ý tới :

« Ở ngoài bờ cõi » nghĩa là thế nào ! Ta phải hiểu là ở trong bờ cõi nước ta; các đồng bào Mường, Mán, đều là dân Việt-Nam ta că.

« Lời di Huấn » nghĩa là thế nào ! Không có thế mà một người già trưởng nào khi chết lại bảo với các con trai, các cháu trai và các em trai, em ruột hay em con nhà chú rằng không được chiếm lấy « thê thiếp » của y. Làm gì mà lại có « di-huấn » lạ lùng như thế ?

Nhưng sở dĩ nhà Vua có điều dạy và có điều định « trị tội rất nặng » sự loạn luân nói trên là vì sự này đã có thể hay thường xảy ra trong các gia đình đồng bào Mường, Mán. Ta hãy đặt câu hỏi ?

TẠI SAO CÓ SỰ TRÁI ĐẠO LUÂN THƯỜNG NÀY ?

Có một tục rất cổ và không riêng cho đồng bào Mường, Mán ấy là chế độ gia đình lập theo Phụ hệ, thời người đàn bà sau khi đã lấy chồng thuộc về đại gia đình người đàn ông. Khi người chồng chết thì em trai người chồng hay con chồng (con vợ khác) hay cháu chồng... nghĩa là một người thừa tự của chồng có quyền lấy mình làm vợ. Đây là quyền thừa hưởng (không có hại cho giòng giống vì người đàn bà không cùng một « máu » với em, con hay cháu của chồng). Người đàn bà là sở hữu của nhà chồng : khi chồng sống thời sinh con đẻ cái với người chồng, sau khi chồng chết thời một người trong họ nhà chồng và trước hết là người thân nhất của chồng (trừ con mình đẻ ra) có quyền lấy mình.

Sở dĩ có tục này vì người đàn bà là một quý phảm : phải mua về. Và phải mua với một giá đắt rẻ tùy theo từng người. Các đồng bào Mường, Mán, Thổ có lẽ giữ rẽ nghĩa là người con trai lấy vợ phải làm công nhân cho nhà vợ.

Sau khi có đưa con đầu lòng mời được đem vợ mình về nhà hay ra ở riêng. Nhưng thường thời nhà vợ cũng cho một số gia súc, gà, lợn hay một con trâu hay một vài thửa ruộng, nương để vợ chồng có kế sinh nhai.

Nhưng mà cái của Hồi môn này của người vợ chỉ là một phần công của người chồng mà thôi.

Người Kinh cũng có tục gửi rể nhưng ít khi áp dụng.

Người Kinh chịu ảnh hưởng luân lý của người Hán, cho việc em chồng lấy chị dâu goá là loạn luân vì vậy cho nên Vua Lê-thánh-Tôn mới áp dụng luân lý này cho các đồng bào Mường, Mán, Thổ.

Nhưng sở dĩ người Mường, Mán « LOẠN LUÂN » là vì có nhiều lý do cụ thể.

Lý do thứ nhất như tôi đã nói trên là muốn có vợ, người đàn ông phải đi ở gửi rể để làm công nhân, làm ruộng, phá nương cho nhà vợ trong khi nhà bố mẹ mình thiếu công nhân.

Lý do thứ hai là lấy vợ rồi được ra ở riêng, để làm gì ? Để có con... để có công nhân cho tiểu gia đình và đại gia đình nữa. Bây giờ mình chết thời phải để lại tất cả các công nhân đó (kè cả người vợ còn có thể để được) cho gia đình nhà mình : không có thể để cho người đàn bà đi lấy chồng họ khác,... để đem theo lũ con đi.

Tôi đã sống với đồng bào Mán ở Thái-Nguyên, Tuyên-Quang và tôi cũng đã ở qua nhiều miền Mường và Thổ và tôi nhận xét mấy điểm sau này.

Trước hết, người thiểu số ở Việt Bắc rất quý người. Tại số sinh rất ít, số tử rất nhiều. Ở dưới đường xuôi chỉ số sinh thường là bốn mươi phần nghìn (40%) chỉ số tăng trung bình là mươi phẩy, mươi hai phần nghìn

(10,12%). Người đàn bà đường xuôi đẻ nhiều và nuôi con đẽ tuy nghèo khó đến đâu mặc lòng.

Lý do chính là ở đường xuôi hai bệnh ly và sốt rét ngã nước được trừ vì rừng đã bị phá hủy, ruộng nước khiến cho thú muỗi độc ít sinh sản và vì nước uống không phải là nước suối có cái thứ lá cày độc hay do các mỏ rỉ ra ở trên miền núi, thứ nhất ở Việt Bắc bệnh ly và sốt rét ngã nước hoành hành. Đàn bà thường sảy luôn hay có đẻ con đú ngày đú tháng thời đưa bé khó nuôi... vì khí hậu độc. Nhiều đàn bà có chồng mà suốt đời không chữa. Cái cảnh trẻ con chạy rông, đánh đinh, đánh đáo, tụm năm, tụm ba hay cái cảnh một người đàn bà lũ con xúm xít xung quanh con bên cạnh, con ẵm, con trong bụng... các cảnh này rất hiếm ở trên man ngược.

Tôi đã ở những làng gần như không có trẻ con.

Vì vậy người thiểu số ở Việt Bắc qui người. Cho nên có những chuyện mà người Kinh cho là bịa đặt. Thí dụ như một con gái chưa hoang đẽ lấy chồng hơn cô con gái khác. Vì lấy cô đó trước hết sẽ nhờ sự chưa hoang của cô đó mà được một đứa con, sau nữa cô đó đã chưa là sẽ còn chưa nữa. Một thí dụ nữa, một người đàn ông (Mán) trẻ, độ ba mươi tuổi, có vợ trẻ, đẹp, nhà giàu nhưng không có con bèn lấy vợ lẽ (là người Kinh di cư từ lâu) nghèo, có năm đứa con đẽ với chồng cũ, đem về làm của hồi môn cho người chồng mới. Một thí dụ nữa là người Mán, Thò có tục nuôi hay mua con, thứ nhất là con người Kinh. Một điểm này nữa đáng chú ý là người đàn bà Mán ít khi ghen hay là không ghen gì cả chỉ muốn chồng có vợ lẽ đẽ cho nhà thêm người.

Tôi muốn kết luận rằng vì khí hậu độc nên vẫn đè người đặt ra cho các đồng bào thiểu số ở Việt Bắc hoặc là người Mường, Mán hay Thổ. Các đồng bào Thượng ở trên cao-nghèn Trung-Việt cũng lâm vào cảnh ấy và mấy nhà khảo-cứu Pháp đã cho biết rằng ở Quảng-ngãi, Quảng-Nam đã có nhiều người Thượng tràn xuống đồng bằng để bắt cóc người, đàn ông, đàn bà khoẻ và trẻ con để đem lên núi : không ngoài vẫn đè là thiểu nhân công.

Vẫn đè giữ lấy gia tài là ruộng nương cũng có thể đặt ra nhưng ai đã sống ở miền núi thời cũng nhận thấy rằng đất rộng, tha hồ mà khai phá thời phải có người. Muốn sinh sản thời phải có đàn bà. (Thống kê cho biết là dân Mạ ở trên cao-nghèn đàn ông nhiều và đàn bà ít.)

Ta hiểu tại sao mà người Mường, Mán, đã có vụ « TRÁI ĐẠO LUÂN THƯỜNG NHƯ CHA, ANH, CHÚ, BÁC, ĐÃ CHẾT THỜI CON, EM... CHIẾM LẤY NHỮNG THÊ THIẾP ».

Vua Lê-thánh-Tôn đã muôn áp dụng cái « LUÂN THƯỜNG » ở đường xuôi cho người man ngược.

Họ đã áp dụng phép vua không ?

Họ đã bị suy đồi của đạo Khồng, đạo Lão, đạo Phật khiến họ « LOẠN LUÂN » hay không ?

Họ đã chịu ảnh hưởng chung của sự suy đồi của toàn dân-tộc Việt-Nam về cuối thế kỷ thứ XV hay không ?

Tôi chỉ có ý kiến là họ thiểu đàn bà đè sinh sản và đè làm công nhân. Theo « LUÂN LÝ » Khòng-giáo thời họ « LOẠN LUÂN ». Nay giờ họ có còn « LOẠN LUÂN » không ?

MỤC-LỤC

	<i>Trang</i>
Tiêu sứ	7
Giòng giỗi Nguyễn-thiệu-Lâu dưới ngòi bút của chính ông	12
Vài lời về tác giả	16
Mấy lời về sự trình bày sách	21
PHẦN MỞ ĐẦU : Quan niệm viết sử của tác giả	23
Muốn được một bộ sử đúng đẽ mà đọc	25
Vua Gia-Long và vua Minh-Mạng theo lời sử-thần phê-phán	30
PHẦN THỨ NHẤT : Ký ức của tác-giả	37
Về cụ Phan-bội-Châu	39
Về cụ Huỳnh-thúc-Khang	47
Về cụ Nguyễn-văn-Tổ	62
PHẦN THỨ HAI : Khảo sứ	79
CHƯƠNG MỘT : Việc bang-giao	81
Sự bang-giao giữa nước ta với nước Lào từ năm 1802 đến năm 1843 đã như thế nào ?	83

Sự thông thương và chiến tranh giữa người Hòa-Lan và xứ ta (Thế-kỷ XVII và XVIII)	114
Sự bang-giao giữa nước ta và nước Tàu trong nửa đầu thế-kỷ XIX	129
Nước Xiêm đã giúp Nguyễn-Ánh đánh Tây-Sơn như thế nào ?	144
Vua Gia-Long với nước Xiêm, nước Chân-Lạp	153
Việc dẹp giặc Xiêm và giặc Hoàng-Tôn năm 1841-1842	171
Sự khởi hấn đầu tiên của người Pháp ở nước ta đã như thế nào ?	176
Tù-phò-Nghĩa và An-nghiệp ở Bắc-kỳ	180
Trận Pháp đã đánh cửa Hàn năm 1858	191
Việc mất Tiền-giang (1859-1862) đã như thế nào ?	204
Việc mất thành Hà-nội năm 1873	221
Nghĩa Cần-Vương	245
 CHƯƠNG HAI : Việc Trị-quốc.	283
Máy sử liệu về sự khẩn hoang đồng bằng Nam-Việt năm Kỷ-Dậu (1789)	285
Nhà Nguyễn, nhà Lê	289
Các Vua Gia-Long và Minh-Mạng đã xét xử và dân Gia-Định như thế nào ?	303
Vua Gia-Long với việc đúc tiền, bạc	307
Trương-phúc-Giáo và sự mở tinh Hà-Tiên năm 1811	318
Tông-Trấn Lê-văn-Duyệt với việc đào sông Vĩnh-tế	322
Vua Minh-Mạng với máy móc và khoa-học	327

Sự chế tạo tàu máy hơi nước vào cuối triều vua Minh-Mạng	333
Ấn ngọc-Tỉ của nước ta vào giữa thế kỷ thứ XIX	335
Vua Tự-Đức với việc Kinh-lược	345
Nguyễn-tri-Phương Kinh-lược Đại-sứ Nam-kỳ	354
Một cuộc cách-mạng nông dân thất bại	364
Việc lập đồn điền ở miền Hậu-giang cách đây 100 năm	390
Giặc Trương-quang-Thủ và Trần-quang-Cán	394
Hai bài thơ của vua Tự-Đức	397
Sự tích một chiếc nghiên xưa	404
 PHẦN THỨ BA : Danh nhân lịch sử	409
 CHƯƠNG MỘT : Thời vua Gia-Long	411
Tìm hiểu Lại-Bộ Thượng-Thư Ngô-thời-Niệm	413
Lăng Hoàng-Đế Quang-Trung	430
 CHƯƠNG HAI : Thời vua Minh-Mạng, Thiệu-Trị	441
 MỤC I : Ở miền Nam	
Trần-văn-Năng	443
Phạm-hữu-Tâm	450
Trương-minh-Giảng	457
Nguyễn-tri-Phương, Nguyễn-tấn-Lâm và Nguyễn-công-Trú	462
Lê-quang-Huyêñ	466
Phạm-văn-Điền	469

Võ-văn-Giải	477
Doãn-Uân và Doãn-Chánh	482
MỤC II : Ôr miền Bắc và Trung	
Nguyễn-công-Trú	491
Nguyễn-đăng-Giai	503
Võ-xuân-Cần	505
Lê-quang-Tiến và Bùi-huy-Phiên	508
Võ-Tảo	518
Võ-trọng-Bình	523
Trương-đăng-Quế	535
Đoàn-Thọ	545
Suy nghĩ về tình vua tôi và tình thầy trò cách đây mới 100 năm (Nguyễn-đăng-Tuân)	549
CHƯƠNG BA : Thời vua Tự-Đức	
Võ-duy-Ninh	561
Phạm-thể-Hiền	564
Trần-xuân-Hòa	567
Phan-thanh-Giản	570
Một quân công của Nguyễn-tri-Phương	574
Khâm-mạng Nguyễn-tri-Phương và con là Phò-mã Nguyễn-Lâm đã tử tiết như thế nào ?	579
Tìm hiểu Cao-bá-Quát	587
Suy nghĩ về tình bạn của cụ Nguyễn-Khuyễn	600
CHƯƠNG BỐN : Thời Càn-vương	
Tôn-thất-Thuyết	611
Hoàng-tá-Viêm	613
	620

Tạ-Hiện và Nguyẽn-thiện-Thuật	634
Trần-văن-Dư	653
Hà-văn-Mao	656
Nguyẽn-Hiệu	659
Đinh-công-Tráng, Hoàng-bật-Đạt và Phạm-Bành	663
PHẦN PHỤ LỤC	673
Mấy áng văn của Lê-xuân-Mai	675
Một trong những tội nặng mà vua Lê-thánh-Tôn đã muốn trị : Sự loạn luân của người Mường, Mán	701

QUỐC-SỨ TẠP LỤC
của NGUYỄN-THIỆU-LÂU
In tại nhà in riêng của nhà xuất bản

ĐÍNH-CHÍNH

Trang	Dòng	THAY VÌ	XIN ĐỌC LÀ
5	16	Tâm thời	Lâm thời
*	20	Ni tai	Ai tai
25	8	Bộ sử cả	Bộ sử của
27	1	Về sử culture général	về sử (culture général)
28	4	Sao này	Sau này
44	12	thuốc Lào Vinh-Bảo	thuốc Lào Vĩnh-Bảo
54	6	khinh dịch	khinh dịch
55	1	liên kiêm	Liên-Kiêm
»	18	Sau anh không ra ?	Sao anh không ra ?
65	20	thay hết các công việc	thay hết các công việc
69	16	Đầu ông bận	Đầu ông bận
77	12	chính sách (Tam không) !	chính sách Tam Không !
78	13	ai thấy được	ai thay được
136	16	giáo Nguyệt	giáo quyết
137	23	Vậy (đãi	Vậy « đãi
153	6	tháng chính	tháng chín
181	13	Đồng-sức	Đồng-sức
182	13	công quán	công quán
183	26	quan tinh	quan tinh
185	8	tiết chế Bắc-Kỳ	Tiết-Chế Bắc-Kỳ
186	7	càng nhau	cùng nhau
»	9	ngoài La-Thành	Ngoại-La thành
189	24	Bộ-chánh	Bố-chánh
193	2	họ bảo hộ	họ bảo họ
208	7	xièng vì xin	xièng và xin
214	3	thương dân	thương dân
231	14	nối nhan	nối nhau
248	17	Hoàng-tá-Viêm	Hoàng-tá-Viêm
257	23	dùng	đừng
258	2	Bùi-điền	Bùi-Điền
259	9	Bãy-sây	Bãi-sây
263	23	đại-Pháp	Đại-Pháp
275	19	bản Bà Đàm	bạc Bà Đàm
285	22	miền đồng	miền đồng

Trang	Dòng	THAY VÌ	XIN ĐỌC LÀ
289	6	Trịnh-giang	Trịnh-Giang
»	7	Trịnh-doanh	Trịnh-Doanh
»	10	Trịnh-doanh	Trịnh-Doanh
292	7	tạo ám	tạo ẩn
319	16	Định-tường kỵ lục Bùi	Định-tường, Kỵ-lục Bùi
320	24	Kiêng-giang	Kiêng-giang
327	13	triều nguyễn	triều Nguyễn
340	19	Tây-Sơn	Tây-Sơn
343	7	đè ughị	đè nghị
348	19	tới lị,	tới lị sở,
367	15	đem quây vây	đem quân vây
377	28	quan	quan
390	6	đồn-điều	đồn điền
398	6	sợ chó ngày	sợ có ngày
415	20	tôi không biết già phả	tôi biết theo già phả
421	1	biết hao vấn đè	biết bao vấn đè
»	3	các mệnh	cách mạng
472	20	dù sau	dù sao
591	15	can đảm	can đảm
595	17	nhâm	nhân

LOẠI SÁCH : « HỌC LÀM NGƯỜI »

Trong lúc cuộc tranh sống càng ngày càng ráo-riết và khó-khăn như lúc này, mỗi người trong chúng ta đều muốn tìm một ánh sáng để dấn nèo, một chỗ nương tựa để nâng đỡ mình trong việc tìm một đời sống tươi đẹp hơn, đầy đủ hơn, vững chắc hơn.

Làm người, vô phúc thay, sau những cơn bão-táp không sao tránh khỏi trong một đời người, mất cả hy vọng, cả nghị lực, phó mặc cho cuộc đời lôi cuốn, v.v...

Nếu những người ấy biết phương pháp tự đào luyện, biết dùng một cách khôn khéo những năng lực tiềm tàng trong người họ, thì dù họ có hèn yếu đến đâu, bạc phúc đến đâu, cũng có thể cất đầu lên để lẩn hờ, song cách chắc chắn, đi đến một tương lai rực rỡ.

Tất cả những phương pháp dạy ta điều khiển cuộc đời, về ba mặt : *Thể chất* (sức khoẻ), *Trí thức* (thành công), *Tâm thần* (hạnh phúc), những phương pháp để đào luyện triệt để phẩm cách con người (*culture humaine*), chúng tôi gọi là « Học làm người ».

Trong loại sách này, chúng tôi lựa chọn cho ra những tác phẩm có giá trị, hoặc sáng tác hoặc phiên dịch. Không thuyết lý viễn vông, những sách trong loại này sẽ đề cập một cách thực-tiễn những vấn đề thiết thực của đời sống các hạng người.

Không thành kiến, không chia ranh giới, chúng tôi chỉ cần thâu nạp nhiều ý kiến mà chúng tôi sẵn sàng cộng tác với những bạn đồng chí-hướng.

NHÀ XUẤT BẢN

LOẠI SÁCH « HỌC LÀM NGƯỜI »

NHỮNG SÁCH CẦN PHẢI XEM ĐỂ KHỎI HOANG PHI CUỘC ĐỜI, SỨC KHỎE VÀ HẠNH-PHÚC

Một loại sách đã được đọc-giả khắp nơi tán-thành và khuyễn-kích. Trong loại này, đã in ra 800.000 quyển và đã bán hết sạch, nay mới cho in lại nhiều quyển và lần-lượt sẽ ra thêm nhiều tác phẩm mới rất đặc-sắc.

- 1. PHẠM-VĂN-TƯƠI :** Bắp thịt trước đã (in lần 7)
Phương-pháp thể-dục thực-hành 100olo.
- 2. NGUYỄN-HIẾN-LÊ :** Tô-chức công-việc theo
khoa-học.
- 3. THIỀN-GIANG :** Muốn học giỏi
Những điều phụ-huynh cần biết để dìu-dắt
con em trong việc học.
- 4. BÁC-SĨ VICTOR PAUCHET :** Con đường hạnh phúc
(in lần 7). Phương-pháp tự giáo-dục.
THIỀN-GIANG và PHẠM-CAO-TÙNG dịch.
- 5. DALE CARNegie :** Đắc-nhân-tâm
Tức quyền (*How to win friends and influence people*) một trong những quyển sách bán chạy nhất trên thế-giới.
P. HIẾU và NGUYỄN-HIẾN-LÊ dịch.
- 6. PHẠM-CAO-TÙNG :** Người lịch sự (in lần 10).
Phép xã-giao và ăn mặc theo đời sống mới.
- 7. NGUYỄN-HIẾN-LÊ :** Kim-chỉ-nam của học sinh...
Quyển sách mà các em học-sinh cần học
trước tiên.

8. NGUYỄN-DUY-CẦN : Thuật yêu đương

Một vấn đề mà có kẻ cho là « còn quan trọng hơn vấn đề sanh-tử » nhưng ít được người ta bàn cho rõ lý. Rất cần cho những ai không xem Ái-tình như một trò chơi hay một cuộc buôn bán.

9. NGUYỄN-DUY-CẦN : Cái dũng của thánh-nhân

Bàn về cách rèn-luyện đức diêm-dam theo quan-niệm Đông-phương (*in lần 3*).

10. NGUYỄN-DUY-CẦN : Óc sáng-suốt (*in lần 3*)

Những nguyên-tắc căn-bản trong phép rèn luyện một khối óc sáng-suốt.

11. NGUYỄN-DUY-CẦN : Tội tự học

Những nguyên-tắc căn-bản để tạo cho mình một cơ-sở học-thức đầy-đủ để bù vào những thiếu sót của cái học nhà trường.

12. TRẦN-TRIỆU-NAM

VÀ BÁC-SĨ TRƯƠNG-NGỌC-HƠN : Người con trai nên biết về vấn đề nam-nữ
Một phương-pháp giáo-dục sinh-lý (*in lần 4*).

13. BÁC-SĨ PAUL CARTON : Đời đạo-ly

Tức quyển « *La vie sage* ». Thượng-Chi PHẠM-QUỲNH dịch (*in lần 2*).

14. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Người chí-khí

15. PHẠM-CAO-TÙNG : Muốn nên người (*in lần 3*)
Phương-pháp lập thân của người bạn trẻ vừa rời bỏ trường học, sắp bước chân ra trường đời.

16. THỦY-AN HOÀNG-DÂN : Vợ chồng (*in lần 4*)
25 câu chuyện về hạnh-phúc gia-đinh

- 17. DALE CARNEGIE :** Quẳng gánh lo đi và vui sống (*in lần 3*)
Những phương thuốc thần-diệu để diệt trừ những ưu-tư. NGUYỄN-HIẾN-LÊ và P. HIẾU dịch.
- 18. NGUYỄN-DUY-CẦN :** Thuật tư-tưởng (*in lần 5*).
Những phương-pháp thực-tiễn để vận-dụng tư-tưởng cho chín-chắn.
- 19. HENRI DURVILLE :** Làm lại sức khỏe (*in lần 2*).
Quyển đầu trong bộ (*Cours de magnétisme personnel*) VƯƠNG-GIA-HƠN và NGUYỄN-VĂN-TRUNG dịch.
- 20. HOÀNG-XUÂN-VIỆT :** Thuật nói chuyện (*in lần 3*)
Tất cả những điều cần biết về khoa ăn nói.
- 21. TRẦN-TRIỆU-NAM
VÀ BÁC-SĨ TRƯƠNG-NGỌC-HƠN :** Người con gái sắp lấy chồng nên biết (*in lần 6*)
Để gây sự hòa-dịu giữa vợ chồng.
- 22. BÁC-SĨ DƯƠNG-TÂN-TƯƠI :** Đông lai bác nghị.
Một tác-phẩm cỗ-diễn trong văn-chương và tư-tưởng Trung-Hoa (*in lần 2*).
- 23. HOÀNG-XUÂN-VIỆT :** Rèn nhân cách
- 24. NGUYỄN-DUY-CẦN :** Thuật xử-thé của người xưa (*in lần 4*)
Túi khôn của người thời xưa.
- 25. NGUYỄN-HIẾN-LÊ :** Tò-chức gia-đình (*in lần 2*)
Để tiết-kiệm thời-giờ, tiết-kiệm ngân-quỹ gia-đình.

- 26. MỘNG-HOA : Người đàn bà đẹp** (*in lần 2*)
Những bí-quyết để trau-dồi sắc-đẹp.
- 27. TRỊNH-LÊ-HOÀNG : Nghệ-thuật làm mẹ**
Nhiệm-vụ cao-quý nhất của người đàn bà.
- 28. VÂN-ĐÀI : Làm bếp giỏi**
Biết làm bếp giỏi cũng là một bí-quyết gây nên hạnh-phúc gia-dinh.
- 29. THIỀN-GIANG : Dạy con** (*in lần 2*)
25 câu chuyện để hướng-dẫn các phụ-huynh trong việc giáo-dục con em.
- 30. PHẠM-CAO-TÙNG : Tôi có thè nói thẳng với anh** (*in lần 2*)
5 liều thuốc bồ để anh dưỡng tinh-thần.
- 31. ĐÀO-PHI-PHƯỢNG : Phụ-nữ thè-dục** (*in lần 2*)
Phương-pháp thè-dục soạn riêng cho phụ-nữ.
- 32. PHẠM-CAO-TÙNG : Túi khôn của loài người.**
300 câu cách-ngôn tư-tưởng nói về phép tu thân xử thế (*in lần 2*).
- 33. NGUYỄN-TỬ-QUANG : Ái-tình và hôn-nhân**
(*in lần 4*)
Một quan-niệm về ái-tình và hôn-nhân.
- 34. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Đức tự-chủ**
Chìa khóa của thành công.
- 35. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Ngón thần để luyện tâm**
Thuật tự-kỷ ám-thị (*autosuggestion*)
- 36. NGUYỄN-HIẾN-LÊ : Thé hệ ngày mai**
Một phương-pháp giáo-dục mới.

37. PHẠM-CAO-TÙNG : Tinh-thần tháo-vát

Bài học về tinh-thần tháo-vát của « *Bức thông-diệp gửi cho Garcia* », một bài báo do Elbert Hubbard viết, đã đăng in ra hàng triệu bản.

38. HUỲNH-ĐỨC-QUANG : Đời sống lứa đôi

Những bi-quyết để xây dựng hạnh-phúc gia-dinh.

39. NGUYỄN-HIẾN-LÊ : Luyện lý-trí

Thuật suy-luận trong đời sống hàng ngày.

40. NGUYỄN-HỢP : Biết học tập

Tập I trong bộ « *Đề sống đời sống mới* ».

41. NGUYỄN-HỢP : Biết tư-tưởng

Tập II trong bộ « *Đề sống đời sống mới* ».

42. NGUYỄN-HỢP : Biết làm việc

Tập III trong bộ « *Đề sống đời sống mới* ».

43. NGUYỄN-HỢP : Biết nhận-xét để phê-bình

Tập IV trong bộ « *Đề sống đời sống mới* ».

44. PHẠM-CAO-TÙNG : Tâm-lý ái-tình (in lần 2)

Xác-thịt — tình-cảm — và trí-tuệ. Ái-tình phân-tách theo tâm-lý-học.

45. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Đức đìem-tĩnh

Thuật gây uy-tín và gieo ảnh-hưởng.

46. CH. WAGNER : Sóng đơn-giản

Để tránh những phiền-toái của đời sống xa-hoa, giả-tạo. VŨ-BẮNG dịch.

47. HUỲNH-NGỌC-BỐM : Chiến thuật chiếm một chỗ làm

Những điều cần ích mà người tìm việc làm cần biết.

48. TÚ-HẢI : **Tinh bắng hữu.**
300 câu cách-ngôn để nói về tinh bắng-hữu.
49. NGUYỄN-HIẾN-LÊ : **Tò chúc công việc làm ăn,**
Kim-chỉ-nam của nhà doanh-nghiệp.
50. GUSTAVE LE BON : **Tâm-lý quần-chông**
Tìm hiểu tâm-lý của quần-chúng, một
nguồn lực vô-biên luôn luôn có ảnh-hưởng
đến đời sống của mọi người.
51. PH. GIRARDET : **Biết người**
Tâm-lý-học áp-dụng vào đời sống thực-tiễn :
Để tìm hiểu người, để biết mình, để làm
nên với đời túc quyền « *La connaissance
des hommes* ». PHẠM-CAO-TÙNG dịch.
52. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : **Tâm-lý bạn gái.**
Tâm-hồn bạn gái phân-tách theo tâm-lý học.
53. HUỲNH-ĐỨC-QUANG : **Đời đang lên — tâm-lý
tuổi thanh thiếu-niên.**
Một chặng đời có ảnh-hưởng quyết-định
trong đời sống.
54. LƯU-VĂN-HỒNG : **Tâm-lý nhi đồng**
Tâm-lý học áp-dụng trong việc giáo-dục
trẻ em.
55. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : **Tâm-lý bạn trai**
Tâm-hồn bạn trai phân-tách theo tâm-lý học.
56. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : **Luyện trí nhớ**
Một phương pháp luyện trí nhớ để suy-luận
xã-giao, nói chuyện, học-hành và làm việc
đắc lực.
57. NGUYỄN-HIẾN-LÊ : **Nghệ-thuật nói trước công
chúng**
Tất cả những điều cần-thiết để nói chuyện
trước đám đông.

58. GORDON BYRON : **Bảy bước đến thành công.**
Do NGUYỄN-HIẾN-LÊ viết phỏng theo quyền
Give Yourself a Chance (*the Seven Steps to Success*).
59. P. FÉLIX THOMAS : **Huấn-luyện tình-cảm**
Bản dịch L'Education du sentiment của
NGUYỄN-HIẾN-LÊ.
60. D. G. POWERS : **Sống đời sống mới**
Do NGUYỄN-HIẾN-LÊ dịch quyền Live a
New Life.
61. DOUGLAS LURTON : **Thắng tiến trên đường đời.**
Bản lược dịch quyền The Power of Positive
Living.
62. PHẠM-CAO-TÙNG : **16 bí-quyết để tạo nên
duyên-dáng.**
63. PHẠM-CAO-TÙNG : **Làm nên**
Quyền sách gối đầu của các bạn trẻ.
64. THÂN-VIỆT : **Bí-quyết làm cho đời vui tươi**
Đề tìm một đời sống tươi đẹp hơn.
65. TẾ-XUYÊN : **Sống vui**
Vui sống để sống hạnh phúc.
66. NGUYỄN-CUNG-VŨ : **Xã giao hằng ngày**
67. Cô THỦY-DƯƠNG : **Hạnh phúc gia đình**
tức bản dịch : Người đàn bà trong gia-
đình của bà Nam tước Staffe.
68. TẾ-XUYÊN : **Xã giao mới và các nghi lễ**
Tất cả tể nhị của phép xã giao Âu Mỹ
hiện nay.

69. R. DE SAINT LAURENT : Nghệ thuật làm đẹp cuộc đời.
Bản dịch của Tế-Xuyên.
70. CLAUDE MAILLARD : Trau dồi ý chí
Phương pháp luyện tập thực tiễn và những
lời khuyên quý giá — Bản dịch của Văn Lang.
71. TẾ XUYÊN : Gương nghị lực.
25 tấm gương nghị lực sáng chói.
72. R. DE SAINT LAURENT : Sống lạc quan
Phương pháp giữ tinh thần thăng bằng và bảo
đảm thành công. Bản dịch của Tế Xuyên.
73. A. JEAN : Một nghệ thuật đọc sách báo
Bản dịch của Tế Xuyên.
74. NGUYỄN TỬ QUANG : Người phi thường
75. HOÀNG XUÂN VIỆT : Một điệu sóng
76. S. A. LAVINE : Gương thành công
77. THÂN VIỆT : Người hữu dụng
78. — Đời sống bắt đầu từ tuổi 50
79. HOÀNG XUÂN VIỆT : Cầm nang dùng người
80. THIÊN GIANG : Gia đình giáo dục
Cách dạy trẻ em khó dạy.
81. — Giáo dục sinh lý trẻ em
82. HOÀNG LAN : Nghệ thuật làm vợ
83. TẾ XUYÊN : Vào đời như thế nào ?
84. KRISHNAMURTI : Cách mạng con người
85. HOÀNG XUÂN VIỆT : Thuật hùng biện

LOẠI SÁCH « DOANH NGHIỆP »

Những năm gần đây, người mình đã hăng-hái hướng vào đường doanh-nghiệp mong giành lại ít quyền lợi với ngoại-bang.

Đó là điều đáng mừng, song ở thời buổi này muốn ra làm ăn chưa đủ, còn phải biết làm ăn mới mong giành phần thắng lợi và tránh những thất bại chua-cay dành để cho những người thiếu kinh-nghiệm.

Nhiều người nghĩ : về doanh-nghiệp chỉ có một cách học là ra thực-hành để tự mình thâu-thập những kinh-nghiệm.

Đành vậy, song kinh-nghiệm tự mình thâu-thập lấy, thường phải mua bằng một giá rất đắt ! Nếu phải bị đóng cửa tiệm hai ba phen mới có thể biết làm ăn thì có nên khuyến-kích ai ra kinh-doanh chăng ?

Nhưng mà không, chúng ta có những cách khác để học làm ăn vừa rẻ tiền, vừa đặc-lực hơn là học lấy kinh-nghiệm của những người khác mà đọc sách về doanh-nghiệp là một phương tiện hay nhất.

Đáng tiếc là ở nước ta về phần này rất khuyết kém sách vở về doanh-nghiệp hiếm hoi gần như không có.

Chúng tôi mở ra loại-sách « Doanh-Nghiệp » là để bồi-đắp trong muôn một những khuyết-diểm nói trên.

Trong loại sách này, lần lượt chúng tôi sẽ cho ra những sách đề-cập đến các vấn đề mà ai muốn ra doanh-nghiệp cũng cần biết : về cách bán hàng, thuật quảng cáo, về luật thương-mại, về cách tồ-chức cửa hàng, cách tồ-chức bàn giấy, tồ-chức công việc làm theo khoa học, cách điều-khiển người giúp việc, v.v...

Những sách này hoặc biên-soạn, hoặc phiên-dịch đều có tính-cách chung : thực-tiễn và đều do những người rất am hiểu và nhiều kinh-nghiệm về vấn đề viết ra.

Mục đích của loại sách này là gây cho người mua — nhất là thanh niên — một tinh-thần doanh-nghiệp mới và giúp họ những phương-tiện, những khí-giới để chiến-thắng trên đường doanh-nghiệp.

Nguyễn-vọng chúng tôi là thế, nó có thành-đạt mau hay là chậm còn phải nhờ sự cộng-tác của những ai lưu-tâm đến nền kinh-tế nước nhà và nhờ sự ủng-hộ của bạn đọc.

Chúng tôi sẵn-sàng tiếp-đón bản-thảo của các soạn-giả, sẵn-sàng chờ đợi ý-kien hoặc lời chỉ-giáo của những bực cao minh.

LOẠI SÁCH DOANH NGHIỆP

Nhà buôn nên biết về luật thương mại	Trịnh Đình Thảo
16 định lý doanh nghiệp	H. N. Casson
Nhà buôn trước những con số	Trác Chi
Thuật dụng người	H. N. Casson
Nghệ thuật bán hàng	Phạm Cao Tùng
Đi vay và cho vay	Trịnh Đình Thảo
Làm sao vẫn kiếm lời khi đi mua bán é	H. N. Casson
Bí quyết thành công trong doanh nghiệp	Nguyễn Hiển Lé
Bí quyết kiêm ra tiền	Hồng Hải
Luật thương mại (a quyển)	Lê Tài Triều
Nghệ thuật buôn bán	J. Brun-Ros
Thương luật thực hành	Đoàn Bá Lộc

LOẠI SÁCH « HỌC VÀ HIẾU » « LOẠI SÁCH CỦA NHỮNG NGƯỜI HIẾU-HỌC VÀ HAM HIẾU »

Trong xã-hội hiện tại, học thức không còn là một xa-xí phàm dành riêng cho một hạng người trí thức mà là nhu cầu khẩn thiết cho mọi người công dân. Một người thợ cũng cần biết về kinh-tế học, về lịch-sử, một nhà buôn cũng cần biết văn-học hay chánh-trị.

Mỗi người trong chúng ta có thể không cần có một sở-học uyên-bác của nhà bác-học, nhưng mỗi người cần có một số kiến-thức khái-quát về mọi ngành học-vấn, cần hiểu qua những cương-yếu cần theo dõi bước tần-triền của các ngành tư-tưởng mỹ-thuật hay khoa-học.

Ngoài sở-học chuyên-nghiệp, mỗi người cần có một sở-học phò-thông. Chúng ta cần phóng tầm con mắt xa hơn địa-hạt nghề-nghiệp, đề khỏi bị tật « thiên-lệch về nghề-nghiệp » làm thau-hẹp trí óc, làm cho chúng ta sống một cách rất thiếu sót.

Nói đến việc học, người ta chỉ nhớ đến trường, nhưng không phải ai cũng đặng may mắn đến trường học, hoặc có đủ phuơng-tiện đeo đuổi đến cùng chương-trình học ở nhà trường. Lắm người phải bỏ dở việc học vì lý này hay lẽ khác.

Hơn nữa : học ở trường chưa đủ, khi ra đời chúng ta luôn luôn cần học hỏi thêm. Vì lẽ : việc học không biết đâu là bờ bến và trí-thức là miếng đất chúng ta cần vun xới luôn. Có ai gieo một lần rồi gặt đặng mãi. Có ai dám nghĩ rằng : có thể học một lần mà đủ dùng suốt đời.

Đối với những người hiếu-học và ham-hiểu không có

gi phải đến trường mới có thể học. Họ rất có thể tự tạo một học-thức đầy đủ bằng cách tự học. Mà trong phép tự học, đọc sách là một phương-tiện quan-trọng hơn hết. CARLYLE nói: « MỘT TỦ SÁCH TỨC LÀ CẢ MỘT ĐẠI HỌC ĐƯỜNG ». Nhưng, sách nói đây phải những sách giúp chúng ta học-hỏi chứ không phải những tiểu-thuyết bâng quơ.

Mục-dịch của loại sách « HỌC và HIỀU » là giúp cho những người tự học có những phương-tiện để học và hiểu các ngành học-thuật. Có thể nói đây là loại sách phô-thông tri-thức. Phô-thông nhưng không hạ thấp mỗi văn-đề đều do những người có đủ tư cách biên soạn.

Tuy không phải là sách giáo-khoa, nhưng các sinh viên có thể dùng để bồi khuyết chương-trình học ở nhà trường.

Với một công cuộc có liên-quan đến văn-hóa một quốc-gia không phải một ít người có thể làm nên. Chúng tôi mong các bậc théric giả trong nước sẵn lòng vừa giúp ý kiến hoặc cộng tác với chúng tôi để xây-dựng hoặc bồi-bồi một phần nào nền văn-hóa nước nhà.

LOẠI SÁCH « HỌC VÀ HIỀU »

TRIẾT HỌC

Lão tử	<i>Ngô tất Tô</i>
Mặc tử	—
Lão tử Đạo đức Kinh	<i>Nguyễn duy Cẩn</i>
Trang tử Nam hoa Kinh	—
Lão tử tinh hoa	—
Trang tử tinh hoa	—
Phật học tinh hoa	—

Trung quốc triết học sử	<i>Phùng hữu Lan</i>
Triết học nhập môn	<i>K. Jaspers</i>
Lịch sử triết học Đông phương I, II, III	
	<i>Nguyễn Đăng Thục</i>
Tư tưởng Việt-Nam	—
Triết lý văn hóa khái luận	—
Tinh thần khoa học và đạo học	—
Triết học Bergson	<i>Lê chí Thiệp</i>
V. N. Tam giáo sử đại cương	<i>Nguyễn văn Hầu</i>
Tư tưởng chính trị Đông Tây khái luận	
	<i>Nguyễn phát Tân</i>

VĂN HỌC

Thành ngữ diển tích	<i>Điện Hương</i>
Khảo luận về Đoạn trường tân thanh	<i>Nguyễn Khoa</i>
Khảo luận về Đoạn Tuyệt	—
Khảo luận về tiều thuyết Trung hoa	
	<i>Nguyễn huy Khanh</i>
Nghệ thuật làm văn và đọc văn	<i>Vũ Ký</i>
Văn học đời Lý	<i>Ngô tất Tố</i>
Văn học đời Trần	—
Văn chương quốc âm thế kỷ XIX	<i>Phan Trần Chúc</i>
Phong tục miền Nam qua mây văn ca dao	<i>Đào văn Hội</i>
Những khuynh hướng trong thi ca V. N. Minh Huyền	
Luật thơ mới	—
Phép làm thơ	<i>Điện Hồng</i>
Đường thi	<i>Ngô tất Tố</i>
Văn phạm Việt	<i>Nguyễn quý Hàng</i>
Khảo về tiều thuyết	<i>Vũ Bằng</i>
Văn phạm Việt Nam	<i>Bùi đức Tịnh</i>

Sách Sứ-Địa

Bán tại Nhà sách KHAI-TRÍ 62, Đại lộ Lê-Lợi, SAIGON

Việt-sử toàn thư

Phạm-văn-Sơn

Việt-sử tân biên

I Thượng và Trung cổ thời đại

—

II Trần-Lê thời đại

—

III Nam Bắc phân tranh

—

IV Tây-son và Nguyễn sơ

—

V Việt-Nam kháng Pháp sứ

—

VI Việt-Nam cách mạng cận sứ

—

VII Chế độ Pháp thuộc ở V. N.

—

Việt-Nam sử lược

Trần-trọng-Kim

Lam-sơn thực-lục

Nguyễn-Trãi

Việt-Nam Pháp thuộc sứ

Phan-Khoang

Việt-sử Tiêu án

Ngô-thời-Sĩ

Cuộc đời cách mạng Cường-Đề

Tráng-Liệt

Việt sử kinh nghiệm

Nguyễn-văn-Hầu

Việt-Nam Tranh Đấu sứ

Phạm-văn-Sơn

An-nam chí lược

Lê-Tắc

Hải ngoại ký sự

—

Mục-lục châu bản Triều Nguyễn

—

Khâm định Việt sử Thông giám Cương Mục

—

Bản Triều Ban Nghịch liệt truyện

Kiều-oanh-Mân

Hoàng Việt Giáp Tý Niên biều

Nguyễn-ba-Truc

Tổ chức chính quyền Trung ương

Lê-kim-Ngân

dưới Triều Lê Thánh-Tôn

—

Nhu Viễn trong khâm định Đại Nam

Hội diễn sự lệ

Huỳnh-thiên-Kim

Việt-Nam Cận đại sử ca

Hoàng-xuân-Hãn

Đại-Nam quốc sử diễn ca

Phan-Khoang

Trung-quốc sử lược

Nhượng-Tống

Sử ký Tu mǎ Thiên

Hoa-Bằng

Quang-Trung Nguyễn-Huệ

Phan-văn-Hùm

Ngòi Tù Khám lớn

Nguyễn-phút-Tấn

A Modern History of Việt-Nam

—

Đông-nam-Á sử-lược

Phạm-trung-Việt

Non nước xứ Quảng

Làm-thanh-Liêm

Địa hình thái học

—

Các cường quốc kinh-tế

Phạm-cao-Dương

Thực trạng của giới nông dân V.N. thời Pháp thuộc

Nguyễn-Phương

Việt-Nam thời bành trướng: Tây-Son

Nguyễn-Thiệu-Lâu

Quốc sử tạp lục

Phan-Khoang

Việt sử: Xứ Đàng Trong

GPKD số 557 BTF/NHK/PHNT ngày 4-2-69

Triển hạn ngày 5-1-70

GIÁ NHẤT ĐỊNH . 650\$

Nhà Sách KHAI-TRÍ

62, Đại-lộ Lê-Lợi, SAIGON